



TRẦN VĂN GIÀU

HỒI KÝ 1940-1975

Thông tin ebook

Hồi ký Trần Văn Giàu 1940 - 1945

Tác giả: Trần Văn Giàu

Nguồn: viet-studies.info

Tạo ebook: hanhdb

Thư viện Tinh Tế

tinhtebook.wordpress.com

ĐÔI LỜI GIỚI THIỆU

Ở nước ta, từ hai mươi, ba mươi năm nay, có hai cuốn hồi kí mà người ta tin rằng tác giả đã viết xong, nhưng chưa biết bao giờ mới được công bố. Người dân thường và các nhà sử học thì mong mỗi sớm được đọc toàn văn hai chứng từ lịch sử. Nhà cầm quyền, hay đúng hơn, công cụ chuyên chính của chính quyền, thì ra sức theo dõi việc biên soạn, lùng tìm những người đánh máy, tàng trữ, với hi vọng thu hồi được bản thảo, để hoặc thủ tiêu, cấm đoán xuất bản, hoặc cắt xén, thay đổi (dịch nôm hai tiếng “biên tập” -- (tiếng) nước ta nó thế) trước khi cho xuất bản.

Tình cờ hay không, tác giả hai tập hồi kí huyền thoại ấy, hai cá tính rất khác nhau, lại có những điểm tương đồng kì lạ. Họ đều là những nhân vật lịch sử, đã góp phần làm nên lịch sử Việt Nam thế kỉ XX. Do số phận trắc trở, sinh thời họ đã trở thành những nhân vật huyền thoại, trong tưởng tượng của những người hâm mộ hay tò mò, thù ghét hay quý mến. Cả hai đều ra đời trên đất nước Việt Nam đau thương, người tháng trước, kẻ tháng sau, vào cùng năm 1911, cách đây gần đúng một trăm năm. Mỗi người một cách, cả hai đã làm nên lịch sử. Lại đã từng dạy sử (một người dạy sử trước khi làm nên lịch sử, một người ngược lại), hơn nữa, cả hai, về cuối đời, đều trở thành chủ tịch danh dự của Hội khoa học lịch sử Việt Nam. Thêm một trùng hợp nữa, cách đây tám thập niên, ở xa nhau vạn dặm, họ đều viết về “ vấn đề dân cày ” ngày nay vẫn còn nóng bỏng, vấn đề của những vấn đề Việt Nam thế kỉ XX. Nhưng nếu có một lí do quan trọng hơn mọi lí do khiến mọi người mong muốn tìm đọc hồi kí của họ, thì đó là: tên tuổi đã đi vào lịch sử, quyền bính có lúc ở tột đỉnh, nhưng họ đã trải qua những oan khuất kì bí vì họ không được lên tiếng giải bày, còn người gây ra oan khuất lại nắm giữ quyền cao chức trọng, chỉ nhỏ giọt những lời lên án, vu khống họ bằng lời rỉ tai, xì xầm (cùng lắm thì “phổ biến miệng trong hộp tổ”).

Hai nhân vật ấy, không nói, nhiều người cũng đoán ra: Võ Nguyên Giáp, Trần Văn Giàu.

Từ đầu năm 2010, bước sang tuổi bách niên, hai ông đã phải nằm bệnh viện. Lễ mừng thọ (truyền hình) của họ diễn ra trên giường trắng, trong tháng 8 và tháng 9. Ông Trần Văn Giàu vừa từ trần ngày 16.12.2010.

Đêm hôm ấy, viết đôi dòng về cuộc đời giáo sư họ Trần, tôi ước mong sớm được đọc trên mạng tập hồi kí của ông trong một văn bản toàn vẹn, không bị cắt đực, vo tròn hay bóp méo. Bài viết đưa lên mạng Diễn Đàn, anh Trần Hữu Dũng đưa tiếp lên trang Viet-Studies và gửi thư hỏi tôi: Chưa có bản hồi kí sao? Hóa ra anh cũng đã nhận được một bản “số hóa” mà Trần Văn Giàu nói tới trong Lời nói đầu (dưới đây). Không phải là bản điện tử, nên chúng tôi phải tổ chức đánh máy lại. Tác giả chưa rà lại bản in này, mà sự việc kể lại trong đó lại xảy ra cách đây hơn 60 năm, nhân vật nhiều khi được gọi bằng bí danh, nên nhất thiết phải sửa lỗi chính tả và lỗi đánh máy, thêm chú thích và nếu cần, chú giải (việc này đòi hỏi nhiều công phu, mà những hiểu biết của chúng tôi không đủ). May thay, ý muốn được đọc một văn bản hoàn chỉnh không phải chỉ chúng tôi mới có. Anh Trần Hữu Dũng vừa “hò” trên mạng, đã có ngay năm bảy bạn đọc, người ở trong nước, người ở đôi bờ Đại Tây Dương, sốt sắng hưởng ứng.

Nhờ vậy, ban biên tập Viet-Studies và ban biên tập Diễn Đàn vinh dự công bố Hồi kí Trần Văn Giàu.

Chúng tôi bắt đầu, kỳ này, bằng Lời nói đầu của tác giả (viết năm 1995), và chương Câu chuyện mười năm kết thúc (trong phần V, tức là phần cuối cùng, của Hồi kí).

Trong những tuần tới, chúng tôi sẽ lần lượt công bố theo thứ tự toàn văn tác phẩm. Đương nhiên, bản điện tử này sẽ tôn trọng nguyên tác, chỉ sửa những lỗi đánh máy và lỗi chính tả; trong phạm vi cho phép, sẽ thêm chú thích và chú giải cần thiết. Tất cả các bình chú ấy là của những người biên tập (trừ trường hợp của tác giả thì chúng tôi sẽ chưa rõ). Vì đây là một chứng từ lịch sử, tuy biết bạn đọc nóng lòng, chúng tôi sẽ cố gắng làm nhanh nhưng không vội, theo đúng tiêu chí nói trên. Tuy nhiên, công việc này không khỏi có sai sót, rất mong nhận được sự chỉ dẫn của bạn đọc. Bản đã lên mạng rồi, chúng tôi vẫn tiếp tục hoàn chỉnh và cập nhật,

những thay đổi (nếu có) về nội dung sẽ được ghi rõ ngày tháng để tiện việc tra cứu. Đây cũng là dịp để tập hợp những hình ảnh liên quan tới tác giả và những nhân vật nói tới trong hồi kí (trong chừng mực có thể, sẽ ghi rõ nguồn gốc).

Thay mặt hai ban biên tập, chúng tôi xin thành thực cảm ơn tất cả các bạn xa gần đã góp phần vào việc chuyển giao bản thảo, đánh máy, chỉ dẫn... để tập Hồi kí Trần Văn Giàu này đến tay bạn đọc năm châu.

Nguyễn Ngọc Giao

19.12.2010

Lời nói đầu

Tôi viết tập “hồi ký” này từ cuối những năm 1970. Viết xong, tôi nhờ anh em ở Long An tỉnh nhà đánh máy; ý muốn viết hồi ký để con cháu xem chứ không phải để in ra thành sách, vì trong hồi ký có lắm chuyện “không lấy gì làm hay”, buồn nữa là khác. Nhưng vài ba anh em Long An, không xin phép tôi, tự ý đánh máy thêm mấy bản, chỉ giao lại cho tôi hai bản, họ giữ mấy bản tôi không biết, nhưng tôi được biết họ đã chuyển tay đọc khá rộng. Nhiều bạn bảo tôi cứ phát hành tập hồi ký này đi. Tôi không ưng. Có lý do.

Tôi thấy rằng không ít hồi ký đã được in ấn kể sự việc rất hay mà cũng chen vào một ít điều hoặc tác giả bịa hoặc lúc nghe kể đã thất thiệt. Viết hồi ký trước hết là viết những điều mình mắt thấy tai nghe và tự làm là chính, mà viết về mình thì dễ “chủ quan”: bớt cái dở thêm cái hay là điều khó tránh khỏi; tôi ngập ngừng khi định viết hồi ký là vì vậy. Nhưng có một số việc, nếu mình không kể lại thì không ai biết, không ai nhớ, không ai viết, không ai làm sáng tỏ cho mình bằng mình. Thành ra viết hồi ký vừa là đóng góp sử liệu vừa là yên ủi mình. Trong lịch sử dù là lịch sử của một khoảng đời ngắn ngủi, mình chỉ là một tiếng của ngàn trùng ngọn sóng trên biển sôi động: ghi lại một tiếng, thật ra có nghĩa lý gì lớn lắm đâu, có thêm bớt gì lắm đâu? Nhiều lắm thì làm cho một số người

mất thì giờ đọc, hay mất tiền mua. “Cọp chết để da, người ta chết để tiếng”; tục ngữ thì như vậy. Song, da, dầu là da cọp, nhiều năm rồi sâu mọt đục cũng hết. Tiếng, trừ ra tiếng của một số ít vĩ nhân, làm sao mà còn mãi với thời gian? Năm trăm năm sau cách mạng tháng Tám, dân ta sẽ còn nhớ chỉ tên của một mình cụ Hồ, mình ông Giáp. Cho nên, viết hồi ký này, tôi chỉ mong cho cháu một đời sau mình biết được rằng ông nó đã gắng sức làm tròn trách nhiệm ở đời, đã sống có nhân cách. Thế là đủ.

Tôi chỉ viết hồi ký khoảng thời gian 1940-1945 vì đó là thời gian tôi sống có chất lượng hơn hết trong cuộc đời dài quá 80 năm, xấp xỉ 90 năm. Tôi viết “Lời nói đầu” này ngày 27 tháng 10 năm 1995, sau khi tôi đọc lại bản hồi ký lần thứ ba.

Câu chuyện mười năm đã kết thúc

Việc gì rồi cũng phải có kết thúc, duy kết thúc hay dở, đúng sai là vấn đề khác. Một ngày, tôi nhớ đâu là đầu năm 1988, tốt trời, tôi được Lê Đức Thọ[1] mời dự buổi chiêu đãi ở T.78[2] với một số đồng chí. Tôi lấy làm lạ: là bởi vì, ở Hà Nội từ 1954 đến 1976, anh Thọ chưa hề đến nhà riêng tôi, chưa hề gọi tôi lên văn phòng hay nhà riêng của anh. Còn tôi thì tôi quen cái tánh “mọi rợ” là chưa bao giờ tự mình đến thăm bất cứ ai có chức, có quyền lớn hơn tôi – trừ trường hợp duy nhất là cụ Tôn Đức Thắng mà tôi thỉnh thoảng lên thăm, trước hết là vì anh Hai Thắng cứ vài ba tháng thì xuống thăm hai vợ chồng tôi một lần.

Bữa chiêu đãi hôm đó của anh Thọ, có mặt bốn người được mời: chị Năm Bi[3], Tào Ty[4], Tô Ký[5], và tôi – Trần Văn Giàu.

Ăn uống, trò chuyện thân mật. Không có riêng bàn về vấn đề gì cả.

Lúc buổi tiệc tàn, anh em sắp chia tay, thì tôi xin nói một tâm sự, nói với Thọ, giữa Bi, Ty, Ký:

“Tôi cảm ơn anh Sáu mời cơm với các bạn đều là quen thân từ lâu. Tôi có việc tâm sự cần nói với anh Sáu, có các anh chị nghe, nghe tôi và nghe anh Sáu sẽ nói sau. Các đồng chí cho phép tôi nói lối nói ở trong tù, tôi và Thọ cùng ở ban 1[6], khám 8; Côn Lôn những năm 1935/1936. Đồng ý chứ?”

– Tao là Giàu, mày, ở khám 8, banh 1, là Khải, Phan Đình Khải[7]; hôm nay chúng ta nói chuyện thân mật như cách đây mấy mươi năm, khi còn ở ngoài Côn Lôn. (Tới đây, thì Thọ liền nói với các đồng chí khách kia: hồi ở khám, ở banh tụi mình gọi nhau bằng mày tao như vậy đó, không khi nào có thưa anh, thưa chú; hồi ở Côn Lôn chính Giàu dạy tôi học chủ nghĩa Mác-Lênin, chớ trước đó mình có học gì bao nhiêu đâu!).

Tôi nói với Thọ: “Chúng ta là những người quá 70 tuổi, xấp xỉ 80 rồi, sắp đi theo cụ Hồ rồi. Mấy mươi năm nay, tao chịu những cái hàm oan mà mày, Khải, mày biết hết, biết rõ trắng đen. Chúng ta đều muốn đi theo cụ Hồ một cách thanh thản. Vậy lần này, Thọ về Hà Nội hãy có quyết định rõ, bằng văn bản của Ban Tổ chức Trung ương về tất cả những điều người ta vu cáo cho Giàu, được không? ”

Thọ hứa, hứa trước mặt chị Năm Bi, anh Tào Ty, chú Ba Tô Ký.

Chủ khách chia tay nhau trong vui vẻ, thân ái nữa.

Một tháng sau, Ủy viên thường vụ Thành ủy là Bảy Dự[8] đến nhà tôi, đem cho tôi một bức thư, mở ra, thấy cái quyết nghị của Ban Tổ chức Trung ương mà tôi chờ đợi mấy chục năm nay. Người ký tên không phải là Lê Đức Thọ mà là Nguyễn Đức Tâm, đương chức bí thư phụ trách tổ chức như Thọ trước đây. Tôi đọc lên cho Dự nghe. Vả lại bức thư không niêm, chỉ chuyển tải quyết nghị. Chắc ở Trung ương có bản lưu: bốn việc tố cáo, vu cáo, quyết nghị này cho là không căn cứ ; còn một vụ là Deschamps 1935 thì quyết nghị nói rằng tôi, Giàu, có chịu trách nhiệm.

Tôi tuyên bố ngay với Bảy Dự rằng tôi không bằng lòng và tôi sẽ cãi. Dự bảo với tôi rằng, như thế này thì tốt lắm rồi, cãi làm gì nữa. Tôi nói lại rằng tôi sẽ nhờ Thành ủy gửi cho Ban Tổ chức một bức thư để tỏ rõ lại mọi việc. Tôi đã viết và gửi bức thư đó, trong ấy không có gì lạ hơn là hai bức thư trả lời cho tôi của đồng chí Nguyễn Văn Trân (Prigorny)[9] và đồng chí trưởng ban Lịch sử Đảng thành phố – đã chép lại bên trên và đã photocopy. (Xin xem Phụ lục dưới đây).

Một tháng sau nữa, tôi được giấy của Ban Tổ chức Trung ương cho đi Liên Xô nghỉ hè ở Sotchi (Hắc Hải).

Tôi gửi lại cho Ban Tổ chức cái giấy mời ấy với lời cảm ơn thành thật và lời cắt nghĩa vì sao tôi không đi nghỉ mát ở Hắc Hải, dù ý thì rất muốn (mấy chục năm nay tôi chưa được cho đi nghỉ mát ở Liên Xô lần nào). Tôi trình bày lý do là: Từ năm 1930, tôi để vợ trẻ^[10] của tôi ở nhà một mình, đi mãi, đi miệt, đi làm “cách mạng chuyên nghiệp”. Từ 1930 đó cho đến sau Genève, tôi chỉ được về nhà hai lần, một lần hơn tháng, một lần 9 ngày; hoạt động bí mật, ở tù, có vợ mà bỏ vợ ở nhà mãi; tôi kháng chiến ở Bắc, vợ kháng chiến ở Nam, hai đứa không ở gần nhau như vậy là gần một phần tư thế kỷ, hết tuổi trẻ. Nay, hoà bình lập lại, tôi không đi nghỉ hè đâu xa mà không có vợ tôi cùng đi. Vậy xin gửi lại giấy mời với lời cảm ơn thành thật chớ không phải là chút hờn mát nào, xin các đồng chí ở tổ chức biết cho.

Không tới một tuần sau, Ban Tổ chức Trung Ương gửi vào giấy cho vợ tôi cùng đi nghỉ mát hơn một tháng ở Hắc Hải, viếng Moscou, Leningrad. Đó là vào năm 1988 thì phải, tôi nhớ không rõ. Kiểm lại, tôi thấy trong hơn ba, bốn mươi năm bị hàm oan, tôi không hề rời công tác, việc gì giao cho dầu nhỏ tôi cũng làm tròn, không giao việc gì thì tôi viết sách, viết báo, dạy học và tôi đã đạt những thành tựu tôi mong muốn, giữ vững tư cách đảng viên, giữ vững nhân cách Việt Nam.

Phụ Lục:

Thư của Trần Văn Giàu

gửi Ban Tổ chức Thành Ủy

và Ban Tổ chức Trung Ương

Kính gửi: Ban Tổ chức Thành Ủy

Đồng kính gửi: Ban Tổ chức Trung Ương

Ngày 13 tháng 5 năm 1988, đồng chí Bảy Dự trao cho tôi, tại 70 Phạm Ngọc Thạch, bản “Kết luận một số vấn đề tồn tại về lịch sử đồng chí Trần Văn Giàu” (số 182 – CV/TW) do đồng chí Nguyễn Đức Tâm ký.

Thế là “chung thẩm” rồi! Song tôi thấy cần nói vài lời:

1) Rất buồn là việc đã xảy ra từ 1945 đến 1988 mới có kết luận. Kết luận mà không có tranh biện giữa bên tiên cáo và bên bị cáo. Dù sao, vẫn có kết luận và tôi xin thành thật cảm ơn các đồng chí đã quan tâm đến việc của tôi trong lúc trăm công ngàn việc bối rối, đã kết luận căn cứ vào một phần lớn sự thật khách quan, và đã giải quyết phần lớn các vấn đề làm cho tôi đỡ tủi phận.

2) Về vụ vượt ngục Tà Lài. Bản kết luận viết: “Chưa có chứng cứ gì là Pháp tổ chức cho đồng chí Giàu vượt ngục”. Đáng lẽ phải nói: “Không có chứng cứ gì...” ; việc đã xảy ra từ 1941, đợi tới bao giờ mới có bằng cứ mà nay hãy còn nói là chưa? Không phải một mình tôi vượt ngục, có cả Tô Ký, Năm Đông[11] v.v.... họ còn sống, có Tào Ty biết rõ mọi việc. Đáng lẽ phải hỏi tội vu cáo của kẻ nào cố ý bịa chuyện hại người ngay trong lúc làm khởi nghĩa tháng Tám, có hậu quả ghê gớm hơn 40 năm trường. Hỏi tội cho biết vậy thôi, chớ cũng sống chết cả rồi, còn hơn thua làm chi.

3) Về vụ Deschamps[12]: “Việc khai nhận (của đồng chí Giàu) gây tổn thất cho phong trào cách mạng Nam Bộ và gây tổn thất cho đường giao liên quốc tế”. Đúng là tôi không được anh hùng như Trần Phú: Trần Phú không hở môi. Tôi có hở môi, nhận một số việc đã rồi, nghĩa là có trách nhiệm trong sự tổn thất. Song, Nguyễn Văn Trân (Prigorny) còn sống, làm chứng rằng người khai ra Deschamps không phải là tôi, không một ai bị bắt vì tôi khai, cả chỗ ở tôi, ở Phú Lạc (xóm của Trân – tôi ở hai kỳ, rất lâu) không ai thấy Giàu dắt Tây về bắt người tra khảo. Nay tôi về đó, bà con vẫn còn quý mến như xưa. Mà người khai Deschamps cũng không phải là người phát giác. Kẻ phát giác là thợ Sáu, chồng giả của chị Mười Tốt, chánh hiệu mật thám, mà một đồng chí trong Xứ Ủy đưa vào Thành Ủy phụ trách liên lạc quốc tế! Tay này không bị bắt trong cuộc lại còn đi thăm anh em, rồi sau đó đã có lần toan đánh lừa chị Bảy Huệ[13] nữa, may chị Huệ sanh nghi nên thoát khỏi. Ta bị địch vào cấp ủy. Mà ta cứ đổ cho nhau, đáng tiếc thay! (chánh thành thợ Sáu đó đón tôi ở Hồng Kông về, gởi ở nhà một sộp-phơ, hai ngày sau, tôi bị bắt, cả sộp-phơ kia và Sáu an toàn). Tôi làm việc liên lạc quốc tế từ 1933 đến cuối 1934, với Ba

Nhâm (thành Ủy viên thời Minh Khai). Nhâm[14] nay còn sống, gần 80 tuổi. An toàn tuyệt đối. Tôi đã giao việc cho anh khác từ tháng 12/1934.

4) Điểm 5 của Kết luận nói tôi làm sai đường lối Trung ương. Sai với đường lối, thì sai thật. Nhưng mà tôi có biết đường lối của Trung ương là thế nào đâu? Trung ương có gửi ai vào trực tiếp với tôi đâu?

Chú thích (của biên tập viên)

[1] Lúc này, hơn một năm sau Đại hội VI của Đảng cộng sản Việt Nam, ông Lê Đức Thọ không còn ở trong Bộ chính trị Trung ương nữa. Trong những ngày trước Đại hội, ông đã lèo lái mọi cách để ông Trường Chinh không ở lại tiếp tục làm tổng bí thư, tạo thêm đà cho cuộc đổi mới (ông Phạm Văn Đồng bị lung lạc, đã dùng nước mắt để thuyết phục ông Trường Chinh, nhân danh sự “đoàn kết nội bộ”). Ba người rút ra làm cố vấn Ban chấp hành Trung ương khóa VI. Với thế lực của bộ máy tổ chức, an ninh, đối ngoại, quân đội, Lê Đức Thọ tiếp tục nắm giữ nhiều quyền hạn, cho đến ngày ông mất (tháng 10.1990).

[2] Khu trụ sở các ban trung ương của ĐCSVN ở thành phố Hồ Chí Minh (phường 7, quận 3) tiếp giáp các đường Trần Quốc Thảo và Lý Chính Thắng. T.78 là tên gọi của Cục quản trị, phụ trách các cơ ngơi của ĐCSVN. Nhà ở “phía nam” của các Ủy viên Bộ chính trị nằm ở đây.

[3] Tức là bà Hồ Thị Bi (Hồ Thị Hoa). Thành lập và chỉ huy “Chi đội 12” (tiền thân của Trung đoàn 312) đã lập nên những chiến công hiển hách từ cuối năm 1945 ở vùng Hóc Môn. Lúc này bà mới tập đọc, tập viết, ký tên BI trông như ba con số 131, nên quân đội Pháp ở vùng này gọi bà là “Madame 131”. Có thể đọc thêm Nguyên Hùng: Nam Bộ - Những nhân vật một thời vang bóng.

[4] Nhà cách mạng lão thành, hoạt động cách mạng từ những năm 1930 ở Bạc Liêu. Làm nghề họa đồ, nên còn có tên là “Họa đồ Lý”. Có thể đọc tiểu truyện của ông trong Tuyển Tập Nguyên Hùng: Tà Lài tự nghĩa (Hồi thứ nhất: Vì Việc Nghĩa Tào Ty Thọ Nạn Tới Gia Định Gặp Bạn Công Trung).

[5] Thiếu tướng Tô Ký sinh năm 1922 (Wikipédia viết 1919), tại làng Bình Lý, Hóc Môn (nay là xã anh hùng Bình Mỹ, huyện Củ Chi). Ông tham gia cách mạng từ năm 12 tuổi, năm 17 tuổi bị bắt giải đi cảng Tà Lài (1940). Đầu năm 1942, ông cùng 7 đồng chí vượt ngục và bị bắt giải lên Bà Rá cho tới ngày Nhật đảo chính Pháp tháng 3, 1945. Ông là một trong những người lập Giải phóng quân liên quận Hóc Môn - Bà Điểm - Đức Hòa, sau là Chi đội 12. Năm 1954, ông tập kết ra Bắc, được thăng thiếu tướng, Chính ủy quân khu. Ông mất mừng 2 Tết năm Kỷ Mão (1999). Theo Nguyên Hùng: Nam Bộ - Những nhân vật một thời vang bóng (“TIỂU TƯỚNG” TÔ KÝ CHÍNH PHỤC “NGƯỜI MA VƯƠNG”)

[6] Banh (từ tiếng Pháp bagne): trại giam. Ở Côn Đảo, có nhiều banh, mỗi banh gồm nhiều khám. Thời Pháp, có 4 banh: banh 1 (trại Phú Hải), banh 2 (trại Phú Sơn), banh 3 (trại Phú Thọ), banh 3 phụ (trại Phú Trường), Chuồng Cọp, Chuồng Bò. Thời Mỹ, thêm trại 5 (Phú Phong), trại 6 (Phú An), trại 7 (Phú Bình, còn gọi là Chuồng Cọp Mĩ, phân biệt với Chuồng Cọp Pháp), trại 8 (Phú Hưng). Tổng cộng 127 phòng giam, 42 xà lim, 504 phòng biệt lập Chuồng Cọp. Các tên “Phú...” được đặt ra dưới thời Nguyễn Văn Thiệu sau Hiệp định Paris, khi quần đảo Côn Sơn được gọi tên là Phú Hải.

[7] Phan Đình Khải là tên thật của ông Lê Đức Thọ. Cả hai đều sinh năm 1911: Trần Văn Giàu ngày 6 tháng 9, Lê Đức Thọ ngày 14 tháng 10.

[8] Bảy Dục: bí danh của Nguyễn Võ Danh, từng giữ chức Phó chủ tịch Ủy ban Nhân dân TP HCM, Phó bí thư Thành ủy Đảng bộ TP HCM của ĐCSVN.

[9] Tức Bảy Trân (đùng nhăm với Nguyễn Văn Trấn “ông già Chợ Đệm”), sinh năm 1908, sang Pháp (Marseille) năm 15 tuổi. 19 tuổi, sang Liên Xô học trường Stalin (1927-1930), cùng khóa Nguyễn Thế Rục, Ngô Đức Trì, Bùi Công Trừng, Trần Phú, Bùi Lâm, Nguyễn Khánh Toàn, Lê Hồng Phong, Hà Huy Tập, Trần Ngọc Danh, Dương Bạch Mai, Trần Đình Long, Bùi Ái. Bí mật về nước năm 1930. Một trong những đảng viên cộng sản hiếm hoi đã tranh thủ được cảm tình và sự ủng hộ của đạo Cao Đài và hàng ngũ Bình Xuyên. Cũng đã từng làm liên lạc giữa Bí

thư Xứ Ủy Trần Văn Giàu với những trí thức yêu nước như Phạm Ngọc Thạch, Huỳnh Tấn Phát, Phạm Thiều... Xem thêm: Nguyễn Văn Trân, người cảm hóa giang hồ Bình Xuyên trong Nguyên Hùng (sách đã dẫn).

[10] Bà Đỗ Thị Đạo. Khi Trần Văn Giàu bị trục xuất từ Pháp về (19 tuổi, năm 1930), cha mẹ ông buộc phải cưới vợ “cho tròn chữ hiếu”. Cuốn hồi ký này, ông đề “tặng vợ tôi, bà Đỗ Thị Đạo, người vợ trung thành, người đàn bà theo đúng truyền thống Việt Nam và truyền thống gia đình”.

[11] Năm Đông: tức Dương Quang Đông, tức Dương Văn Phúc (1902-2003). Ông Năm Đông là nhà cách mạng lão thành đã tham gia Thanh niên Cách mạng đồng chí hội của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc và sớm hoạt động trong Công hội Đỏ của cụ Tôn Đức Thắng. Ủy viên thường vụ Xứ Ủy Nam Kỳ. Trong thời kháng Pháp, ông là Phó phòng Hàng hải Nam Bộ, phụ trách văn phòng thường trực của ta ở thủ đô Xiêm quốc, Bangkok. Ông đóng vai doanh thương có cửa hàng xuất nhập cảng lớn tại thủ đô Bangkok, mua sắm tàu biển chở súng đạn, hóa chất, máy móc về nước đánh Tây. Trong cuộc sống đầy gian nguy giữa hàng ngũ mật vụ Pháp bố trí dày đặc ở Xiêm, dưới cái tên Xiêm là Nai Chran ông vẫn bình tĩnh làm tròn sứ mạng của mình cho tới ngày bị phe đảo chính bắt. Xem tiểu sử đầy đủ trong cuốn Dương Quang Đông xuyên Tây của Nguyên Hùng (sách đã dẫn). Những năm cuối đời, tuy tuổi cao, ông vẫn lên tiếng chống tiêu cực và sự lưu manh hóa hàng ngũ đảng (như tố cáo sự gian trá của tướng Lê Đức Anh).

[12] Deschamps là đảng viên Đảng cộng sản Pháp, làm thuyền trưởng. Trong cương vị này, ông làm giao liên giữa hai đảng, và cung cấp sách báo tài liệu cho ĐCSVN. Deschamps bị bắt năm 1935 cùng với Trần Văn Giàu. Các nhân chứng ông Giàu kể trong thư này, và nhiều người khác đều cho biết ai là người tố giác và khai báo về Deschamps và Trần Văn Giàu (xem Nguyên Hùng, sách đã dẫn).

[13] Bảy Huệ tức Ngô Thị Huệ hoạt động cách mạng từ những năm 1930, hai lần tù. Bà kết hôn với ông (Mười Cúc) Nguyễn Văn Linh (tổng bí thư tương lai) năm 1948. Hai người gặp nhau lần đầu trước đó ba năm,

khi Bảy Huệ thay mặt Tỉnh Ủy Sóc Trăng ra đón đoàn tù trở về từ Côn Đảo.

[14] Ba Nhâm tức Trương Văn Nhâm hay Trương Quang Nhâm. Từng làm Bí thư Tỉnh Ủy Trà Vinh. Một trong tám người vượt ngục Tà Lài (đợt 2) năm 1942, cùng với Trần Văn Giàu, Dương Văn Phúc (tức Dương Quang Đông), Châu Văn Giác, Trần Văn Kiệt (Kiệt), Nguyễn Công Trung, Nguyễn Hoàng Sính (Đức), Tô Ký.

Phần I(1): TỪ NGỒI TÙ KHÁM LỚN ĐẾN VƯỢT NGỤC TÀ LÀI

Thành phố của chúng ta mất đứt ba cái di tích lịch sử lớn: Thành Quy bị Minh Mạng triệt phá; Thành Phụng bị thực dân Pháp triệt phá; và tiếc quá, ở Sài Gòn, có lẽ không có gì tiêu biểu cho 80 năm chế độ thực dân bằng Khám Lớn, mà Khám Lớn thì bị họ Ngô triệt phá.

Tôi qua cửa Khám Lớn lần đầu tiên vào giữa năm 1930, sau khi trong số mấy trăm sinh viên và lao động Việt Nam biểu tình trước điện Elysée (dinh Tổng thống Pháp) đòi thả chiến sĩ khởi nghĩa Yên Bái, mười chín người bọn tôi bị bắt giam rồi bị trục xuất về nước. Lần thứ hai tôi vào Khám năm 1933 về tội “vô gia cư”. Tội “vô gia cư” là cái quái gì? (Ai đi làm “cách mạng chuyên nghiệp” cũng có những nơi tạm trú, hai, ba, năm, bảy nơi; nhưng lần đó Pháp nó khảo mãi, tôi khai là tôi ở trên xuống ba lá rày đây mai đó trên sông rạch, không có nhà ở; trong mình tôi không có tài liệu cách mạng, chỉ có một cái giấy thuế thân của người khác, cho nên, lần này, theo pháp luật toà chỉ có thể kê án tôi về tội “vô gia cư”). Và, lần thứ ba, tôi vào Khám Lớn năm 1935, lãnh án năm năm tù; lần này tôi ở đủ cho đến 1940.

Chú thích: Khám Lớn Sài Gòn

Khám lớn Sài Gòn nằm trong ô B2 của bản đồ, phía nam Tòa án (số 16) và phía tây Dinh Thống đốc (số 11), ba tòa nhà này hợp thành “Tam giác Quỷ” nổi tiếng thời thực dân. Khu đất này hình thang, hai cạnh song song là Rue de la Grandière (nay là đường Lý Tự Trọng), Rue d’Espagne (Lê Thánh Tôn), hai cạnh kia là Rue Filippini (Nguyễn Trung Trực) và Rue Mac Mahon (Nam Kỳ Khởi Nghĩa). Nay là Thư viện Khoa học Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh (69, Lý Tự Trọng, Quận 1).

1. “Biệt thự S”, khám nhỏ trong Khám Lớn

Khám Lớn nằm chình ình giữa Sài Gòn trên diện tích non mẫu, bên phải của Tòa án, bên trái của dinh Thống đốc. Tường dày chừng bốn năm tấc, dưới đá trên gạch, cao chừng bảy, tám thước, chơm chớm miểng chai bên trên, bốn góc là bốn chòi canh luôn luôn có lính Âu Phi gác và giữ cổng một cửa duy nhất. Ở cổng, bất cứ ai vào đây cũng đụng một cái đầu chúa ngục đúc bằng xi măng, to tướng, miệng sơn đỏ lòm, răng lờm chớm thấy mà ghê: các tử tù thì bị hành hình dưới mắt của tử thần này... Cổng sắt hai lớp, có một đội cai ngục tây và mã tà nam túc trực. Chính giữa sân trong, một lầu chuông cao nhìn xuống toàn bộ các buồng có cửa song sắt chứa nổi một ngàn tù nhân. Suốt gần tám mươi năm chưa nghe nói có một người tù nào trốn khỏi Khám Lớn. Năm 1916, nghĩa quân Thiên địa hội của Nguyễn Hữu Trí (1) đông mấy trăm người vũ trang bằng gươm dao, búa tạ, chày vồ, không phá nổi cửa khám, tường khám nhằm giải thoát “hoàng đế” Phan Xích Long và chính trị phạm, rốt cuộc phải rút lui thất bại. Khám Lớn vững chắc lắm. Vậy mà từ năm 1937, chính quyền thực dân thấy cần phải xây thêm một cái khám nhỏ riêng biệt trong vòng thành của cái Khám Lớn; khám nhỏ đó, Tây gọi là Bâtiment S; S là “spécial”, đặc biệt, chúng tôi gọi là “biệt thự S”, để nhốt riêng vài ba bốn người tù chính trị mà chúng cho là nguy hiểm đặc biệt, trong số đó có tôi.

Tây sợ chúng tôi cửa song sắt, khoét vách tường, vượt ngục chẳng? – Không phải! Có ai vượt nổi Khám Lớn bao giờ? Vậy mà phải xây riêng một khám nhỏ trong Khám Lớn vì lẽ gì? – Vì lẽ rất đơn giản là: từ ngày chính phủ Mặt trận bình dân lên cầm quyền ở Paris, tòa án Sài Gòn nói chung không xử án chính trị nặng lắm như trước: thường nhất là ba tháng, sáu tháng, một, hai năm tù đối với những người biểu tình, bãi công, làm báo. Anh chị em ta vào Khám Lớn đông lắm, từng tốp, từng tốp, vào ít lâu lại ra, ra vào như đi chợ, như đi học. Trong Khám Lớn lúc này, tù “cố cựu” rất ít: hầu hết chính trị phạm của thời 1930-1935, đã được chính phủ Mặt trận bình dân “ân xá”; số được ân xá có hàng trăm, hàng ngàn, từng đợt, từng đợt. Tôi “lọt sổ” hoài; tôi được Tây xếp gọi lên cho hay “không được ân xá” đâu đến ba lần, không phải do tôi làm đơn mà do đoàn thể, do trạng sư. Nhưng tôi không thất vọng; không thất vọng vì chưa hề hy vọng được ân xá. Mình vào tù đến bốn lần thì Tây nó biết chắc mình sẽ có ngày vào tù lần thứ năm. Anh Tôn Đức Thắng lãnh án

hai mươi năm khổ sai, bốn lần nặng hơn mình, vậy mà ai nghe nói anh ấy có hy vọng gì đâu để mà thất vọng? Vả lại tù Khám Lớn Sài Gòn được bạn bè, gia đình thăm viếng mỗi tuần một lần, quà bánh, báo chí có đủ; nhất là ở tù mà vẫn có công tác cách mạng sôi nổi thì an tâm quá đi chớ! Công tác của tôi là huấn luyện tù nhân mới vào và sắp ra, họ đông tới hàng trăm, thường xuyên là hàng mấy chục. Trường Khám Lớn có nhiều giảng viên kinh nghiệm, lý luận, trình độ khá cao. Tụi tôi tổ chức ba bậc huấn luyện lý luận cách mạng và kinh nghiệm hoạt động sơ, trung và cao. Vô tù thành ra đi vào trường học chính trị. Trường học được mở liên tục mà khối phải mướn nhà, khối phải nuôi cơm. “Kinh tế” biết mấy. Khám Lớn góp phần đào tạo hàng trăm cán bộ cho các đoàn thể cách mạng ở bên ngoài. Tôi lúc ấy là “Chủ tịch hội đồng giáo sư đở”. Tôi viết xong trên mười đầu sách; đều là “sách giáo khoa”; sách được giấu trong tường; đục tường lấy ra một cục gạch thì có một tủ sách. Cơm nước xong, cửa Khám đóng lại, thì lấy sách ra đọc. Sàn xi măng là bảng đen, gạch vụn là phấn; một số Thầy Chú dám bí mật đem giấy bút cho chúng tôi. Bài vở viết ra được đánh morse từ khám nam ở trên xuống khám nữ ngay ở dưới. Đánh morse thì nằm sắp để tai sát sàn, lấy một bụ lon quần vải gõ vào sàn, khám dưới nghe được, chép lại, “phát hành” đi các khám cũng bằng cách đó. Ngoài công tác liên lạc chính thức thì chuyên viên morse khám nam, anh Nguyễn Hữu Thế (2), và chuyên viên morse khám nữ, chị Đinh Thị Tiểu, nói gì với nhau, có trời mà biết, chỉ biết rằng, ra tù, hai cô cậu thành vợ, thành chồng với nhau.

Khám lớn (Maison Centrale de Saigon), những năm 1920

Mặt tiền trông ra đường Mac Mahon (Nam Kỳ Khởi Nghĩa)

Tây nó biết rõ thành công của công tác huấn luyện đào tạo cán bộ của chúng tôi, cho nên nó mới xây cái “biệt thự S” nhằm cô lập các ông thầy giáo đở chủ chốt. Thống đốc Nam Kỳ đưa ba chúng tôi Giàu, Thế, Vi xuống đó để tha hồ mà giảng bài cho thần lẫn và gián. Tôi ở “biệt thự S” trọn ba năm cho đến ngày mãn tù; giống như mấy ông thầy tu ép xác.

“Biệt thự S” là một ngôi nhà nhỏ hoàn toàn không dính với bất kỳ một dãy nhà nào hết; nhà dài mười thước, ngang bốn thước, cao năm thước,

chia ra ba buồng. Phía sau mỗi buồng có một cửa sổ gắn sát trần nhà, chắn song sắt, bịt lại bằng một cái phễu sắt miệng ngảnh lên mái nhà và miệng sắt có bao lưới sắt; người ngoài không thể ném vào buồng bất cứ một vật gì dù là một hòn sỏi; người trong buồng không thể thấy bóng dáng bất cứ một ai đi ngoài sân dù là một mã tà. Phía trước của mỗi buồng có cửa sắt mở ra một sân chung, nơi ăn uống, đi lại; sân dài mười thước, rộng ba thước, được bao kín bằng vách bê tông cao bốn thước; sân này giống y như một cái giếng cạn; ở trong sân không trông thấy bất kỳ một sinh vật nào trừ một vài con chim se sẻ bay qua hay một con cò lạc lối. Những ngày trời nắng, tường bê tông giữ sức nóng tới nửa đêm; may mà trong mỗi buồng có một vòi nước để tội tôi tự làm vệ sinh. Không biết Tôn Ngộ Không khi bị Thái Thượng Lão Quân bỏ vào lò Bát Quái thì Tôn Ngộ Không chịu đựng cách nào chớ tôi trong “biệt thự S” suốt hơn một ngàn ngày thì cũng phải quen dần với cái giếng nổi bê tông của mình. Mỗi ngày hai lần, “cóc vè” đem cơm nước vào; “cóc vè” được chọn trong số tù người dân tộc thiểu số ở rừng núi không biết nói tiếng Việt, khi qua hai lớp cửa thì đã phải tuột hết quần áo để lại bên ngoài. Phải thừa nhận rằng, ở “biệt thự S”, suất ăn của chúng tôi thật cá nhiều hơn bình thường, mỗi bữa ăn đều có miếng cơm cháy vàng tươi, dòn rụm, chỉ những ai đã lãnh án tử hình mới được ăn. Ở “biệt thự S”, chúng tôi được mượn sách của thư viện Khám Lớn, cũng được đem một ít sách ở ngoài vào. Thêm vài chục quyển, thậm chí một trăm quyển nữa, ông Giàu có “đổ” thêm đâu mà sợ? Tôn Ngộ Không chịu được lò Bát Quái nhờ đã ăn trộm trái đào tiên vườn Thượng uyển, còn tôi chịu đựng được giếng nổi bê tông nhờ sách các bạn mượn dùm: thời chính phủ Mặt trận bình dân, có phần dễ thở hơn trước, nhất là đối với mấy thầy giáo đồ bị vô hiệu hoá. Không được dạy học, tôi quay ra tự học; tự học để giết thời giờ, tự học để lấp những chỗ trống về kiến thức, được bao nhiêu hay bấy nhiêu, thật sự là được nhiều.

Ba năm ở “biệt thự S”, tôi học chữ Hán bằng quyển từ điển Đào Duy Anh để đếm nét tra mặt chữ, tôi lấy một quyển sách Tàu dịch sách Tây để từ đó suy diễn ra mà biết văn phạm chữ Hán, lôm bôm đọc báo, đọc sách được rồi, số chữ đã đầy hơn một lá mít, nhưng vì ít khi dùng nên dễ quên. Còn được cái triết học Trung Quốc và triết học Ấn Độ mà các học giả Pháp, Anh, Đức nghiên cứu kỹ, thư viện của Nguyễn An Ninh và của

sư Thiện Chiếu (3) có đủ loại sách này, có bao nhiêu tôi đọc hết bấy nhiêu, đọc rồi giăng lại chút đỉnh cho hai anh bạn tù, nhờ vậy mà tôi càng hiểu rõ. Thật ra thì hai ông “giáo đồ” ở “biệt thự S” với tôi, họ chẳng thích triết học chút nào, giăng cho họ hoá ra tôi “trả bài” cho tôi. Một kỳ công là ba năm ở “biệt thự S”, tôi có thời giờ và can đảm để đọc bộ Tư Bản, mà khi ở trường Đại học Đông Phương, tôi chỉ thuộc mấy trích đoạn bắt buộc của giáo sư hướng dẫn. Khâm Lớn Sài Gòn quả là một trường đại học chuyên tu của tôi. Khâm Lớn Sài Gòn, cũng như ban một Côn Lôn là những nơi góp phần quyết định cho tôi sau này trở thành một giáo sư có kinh nghiệm. Nói rằng nhà tù là một cái lò rèn luyện, rất đúng; anh Ninh có lần bảo tôi: “en prison le coeur se brise ou se bronze” (4) là chí lý. Vấn đề là trong tù mình học cái gì; học tư tưởng Mác-Lênin, thì mười người mãn tù, chín người tiếp tục hoạt động cách mạng; không học gì, cứ nằm co chờ ngày về, để cho thời gian gặm nhấm lần ý chí, thì mãn tù, chỉ có thể trở thành con chim bị đạn sợ làn cây cong. Tôi đã ra sức tự rèn luyện, tôi được bạn tù rèn luyện, tôi cố giữ cho mình một ý chí sắt đá. Vậy mà, những ngày cuối cùng của một bản án chỉ năm năm cầm cố, tôi không khỏi trải qua một tâm trạng băn khoăn cực độ, nói ra đây tôi không thấy xấu hổ chút nào. Làm gì có nợ nước thoát ly khỏi tình nhà?

Trong thời gian hơn ngàn ngày bị cầm cố, biệt giam ở “biệt thự S”, tôi chứng kiến một chuyện mà tôi không bao giờ quên, chuyện “Mất ngủ” của Hà Huy Tập (5). Tập là một nhân vật mà tôi kính mến. Tập có “đá móc” tôi mấy đá, khi anh báo cáo với Đông phương bộ, và báo cáo đúng sự thật, là tôi đã phê phán một vài điểm trong “chương trình hành động 1932, của Quốc Tế Cộng Sản” làm giúp cho Đảng Cộng sản Đông Dương (với sự cộng tác của Tập, Toàn (6) và tôi; vừa được tôi dịch từ bản tiếng Pháp và tiếng Việt). Đá nhẹ mà đau dai!

Một buổi trưa không nhớ là vào ngày tháng nào đầu năm 1939, Hà Huy Tập bị Tây đưa vào Bâtiment S. khi Tập bị giam ở Bâtiment S, xảy ra một việc lạ kỳ liên quan đến câu tôi vừa nói: nợ nước, tình nhà.

Hà Huy Tập

Ở chung với chúng tôi được ít lâu, một hôm Tập nhận được một bức thư của vợ. Vợ chồng Tập sinh được một đứa con gái. Năm 1928, Tập đi học ở Nga; tới năm 1936, Tập về Sài Gòn, bí mật gặp lại vợ; vợ Tập là một cô giáo, tám, chín năm nay đã bền lòng đợi chồng. Vợ chồng Tập yêu nhau lắm. Trong lúc đó thì Tập cũng bí mật tiếp xúc với một người bạn học cũ hoạt động công khai, một người đồng hương là Đinh Nho Hàn. Hàn là một cộng tác viên của báo “Le Peuple”, một tờ báo cơ quan công khai hợp pháp của Đảng. Tự nhiên, Đinh Nho Hàn và cô vợ của Tập làm quen với nhau. Mọi việc đều trôi qua như bình thường cho đến khi Tập bị bắt. Tập bị bắt thì ai cũng đoán rằng anh sẽ bị xử tù nặng lắm vì anh hoạt động cách mạng từ thời Tân Việt cho đến nay, anh là Tổng bí thư Đảng Cộng sản Đông Dương. Chắc vợ Tập và Hàn đều nghĩ vậy. Nếu Tập được anh em ở Le Peuple trọng vọng là một lãnh tụ, thì anh em đó cũng biết Hàn là một “con dê xồm” lắm tiền, khéo léo; nhưng thuở ấy chưa ai biết rằng Hàn là một tay giúp việc đắc lực cho sở mật thám Đông Dương cài vào nhóm Le Peuple. Một hôm, ở Bâtiment S, sau một buổi thăm viếng, Tập được một bức thư của vợ mình. Thư nói gì tại tôi ở Bâtiment S không biết. Nhưng chúng tôi thấy Tập đột nhiên bị khủng hoảng tinh thần, mà cuộc khủng hoảng tinh thần mỗi ngày thêm tệ hại. Tập đi đi lại lại trên sân giếng, mười lần, một trăm lần, nện gót chân, thỉnh thoảng tay dấm vào không khí. Sớm chiều đều như vậy. Hôm nay, ngày mai đều như vậy. Hỏi Tập có vấn đề tư tưởng, tình cảm gì không, Tập trả lời: không. Đêm, Tập ngủ buồn sứt buồn tôi. Nửa đêm, hay bất cứ lúc nào, Tập đều lấy gót chân mình nện vào vách tường đùng đùng và tôi lắng nghe Tập gọi theo lối kéo dài: “Giàu ơi, thức hay ngủ?”. Tôi trả lời rằng thức, cũng bằng cách nện gót chân vào tường. Cứ như vậy, suốt ba đêm. Sáng sớm, chúng tôi xin thuốc véronal cho Tập. Tập uống một viên, đêm ấy anh cũng ngủ không được. Sáng sau, xin hai viên, chiều tối uống; cũng không ngủ được! Có khủng hoảng gì đấy? Chắc không phải khủng hoảng tư tưởng. Tôi hỏi nhỏ nhiều lần, Tập mới nói riêng với tôi: “Vợ mình đã quyết định ly dị với mình để lấy Đinh Nho Hàn. Thôi rồi! Tám, chín năm trung thành chờ đợi nhau!”. Biết nguyên nhân bệnh: nhưng chữa bệnh bằng cách nào bây giờ? Tôi báo cáo bệnh tình với y tá Khám Lớn! Tập ăn ngủ không được, mắt thụt, má hóp, người đã gầy còm lại gầy còm thêm, trông thấy rất thảm! Phải đưa đi nhà thương Chợ Quán, không thì Tập chết mất. Tập đi Chợ Quán. Không quá một tuần sau, Tập

trở về Bâtiment S, vui vẻ như thường. Ai chữa? Uống thuốc gì? - Chẳng có thuốc gì ráo! Chẳng có thuốc trị sao lại hết bệnh? - Số là lúc ấy, không chỉ có người cộng sản bị bắt vào Khám Lớn mà có cả một ít người đứng đầu của báo La Lutte, như Tạ Thu Thâu, Tạ Thu Thâu thuộc phe đệ tứ, công kích Mặt trận bình dân Pháp, công kích Mặt trận Dân chủ Đông Dương do Đảng Cộng sản đệ tam chủ trương. Bất ngờ hai lãnh tụ đệ tam và đệ tứ đụng đầu nhau tại bệnh viện Chợ Quán. Hai anh Thâu, Tập vốn quen biết nhau từ những năm 1926-1927, khi họ dạy học ở trường tư thực Nguyễn Xích Hồng tại Sài Gòn. Tất nhiên họ tranh luận hết sức sôi nổi giữa một số tù chính trị cũng nằm bệnh viện; cãi nhau rồi ăn cơm, ăn cơm rồi tiếp tục cãi nhau, sôi nổi, kịch liệt, bất phân thắng bại. Thâu lên án rằng phe Stalin - Tập là phe “phản động Thermidor (7)”, Tập lên án rằng phe Trotsky - Thâu là “đội tiền phong tư sản phản cách mạng” chống Liên Xô. Cãi nhau đến tối vào giờ ngủ mới thôi. Đêm ấy sau trận khẩu chiến, Tập ngủ một giấc tới sáng trưa, ăn cơm rồi lại ngủ! Bệnh mất ngủ dứt hẳn, khỏi phải uống thuốc gì hết. Ít lâu sau, bệnh viện trả Tập về cho Khám Lớn. Tập trở lại Bâtiment S với tội tôi, tường thuật chuyện “thiệt chiến” ở Chợ Quán. “Thiệt chiến” là đánh nhau bằng lưỡi, bằng miệng theo tích “thiệt chiến quần nho” (8) ở Tàu, thời Tam Quốc.

2. Cực độ bản khoản

Tôi vốn là một tâm hồn bình tĩnh, ít nhất là bình tĩnh hơn anh Hà Huy Tập của tôi. Tôi tự phụ như thế. Trước những khó khăn, những thất bại, rất ít khi tôi dao động tinh thần, trí óc bản khoản, người mất ăn mất ngủ. Ấy vậy mà vào lúc gần mãn tù, tháng 4 năm 1940, cái đức bình tĩnh bầm sinh đó nó biến đi đâu mất hồi nào không hay. Càng gần mãn án, tôi càng dao động, bản khoản. Âu cũng là một nhân tính bình thường. Trầm tích của quả đất có lớp dưới lớp trên; tâm tình của con người có lớp sâu lớp cạn, dưới đáy là con người gia đình, bên trên hết là con người xã hội, xã hội phủ lên gia đình mà không chôn vùi nó cho dù mình đã nhất nguyện hy sinh gia đình cho Tổ quốc, cho đồng bào, cho lý tưởng.

Máy chém đặt trước cổng Khám Lớn

mỗi khi có cuộc hành quyết

(cuối thế kỷ XIX)

Những ngày cuối cùng của cái bản án tù năm năm sao mà dài thế! Dài vô tận. Nhớ hồi nào, khi lãnh án, tôi xem năm năm tù, mười năm biệt xứ như một thời gian tu dưỡng cho bản thân, tựa một phật tử theo định kỳ đi “tịnh” trong khuôn viên một ngôi chùa vậy thôi. Bây giờ, càng gần mãn án, tôi xem mỗi ngày là một chuỗi tràng hạt lần mãi không hết. Tản Đà chẳng đã viết: “Trăm năm là ngắn, một ngày dài ghê?”. Hay quá, hay ở chỗ chữ “ghê” đó!

Té ra, cũng là thằng tôi mà lúc cực kỳ nguy hiểm, ngàn trùng gian khổ thì tôi xem gian nguy nhẹ như một chiếc lông chim. Bây giờ, đột nhiên nổi dậy cái ý thức gia đình, cái ý thức về nợ gia đình không làm sao trả nổi. Tôi nhớ mẹ, nhớ vợ quá, nhớ phần mộ cha tôi trên đám ruộng trước nhà, nhớ ngôi nhà cũ kỹ trong đó tôi sinh ra và lớn lên. Tôi tưởng tượng ngôi nhà và miếng vườn đều lạnh lẽo xơ xác vì, nếu trước đây gia đình tôi tứ đại đồng đường thì bây giờ chỉ có mẹ già tôi ngoài 70 tuổi và một cháu gái chết chồng hôm sớm cúng nước, đốt nhang, gõ chuông, giống như bà sư, cô vải trong một ngôi nhà chùa vắng. Cái nhà này, khuôn vườn này theo Di chúc, là của tôi, con út; tôi có trách nhiệm nối dõi tông đường, nhưng tôi biền biệt từ hơn mười năm rồi; các anh chị tôi đều ra riêng hết, mỗi người “trấn” một giây ruộng, tía tôi qua đời khi tôi còn ở ngoài Côn Lôn; vợ tôi, sau khi con gái đầu lòng chết, đã về bên ấy để làm ruộng nhà, lâu lâu mới qua thăm mẹ chồng một lần, để mẹ chồng nàng dâu ôm nhau mà khóc.

Tôi nhớ nhà quá chừng! Văn xuôi không tả nỗi nỗi nhớ, còn văn vần thì xa lạ với tôi.

Tôi quyết tâm làm chiến sĩ “cách mạng chuyên nghiệp” theo từ ngữ Lênin - Nguyễn Ái Quốc. Song, xét cho cùng, đó là quyết định của trí tuệ, của ý thức, của một ý định đầu tuyệt đối vẫn còn dành một phần sinh hoạt tâm hồn, cho những ai nặng nợ gia đình, tuy đã được mở trời mà vẫn còn khi lơ lửng một sợi dây vô hình ràng buộc những người vì non sông chung với gia đình riêng để ngàn đời làm nền tảng cho gia đình ấy.

Chắc mẹ tôi, vợ tôi, lúc này cũng ngày trông đêm đợi như tôi. Tôi được tin mẹ nuôi mười con vịt tơ sà, mười con gà giò, hai con xiêm cổ, chờ con về bồi dưỡng; người ta bày lấy vài xăng-ti-lít tiết xiêm cổ pha vào một chung rượu nếp, uống mỗi buổi sáng, thì mau lại sức. Vợ tôi chắc đã sắm sửa chăn màn để trở về nhà chồng. Nhưng mẹ và vợ tôi đều ở thôn quê hẻo lánh, nào có biết gì về tình hình chiến tranh thế giới liên quan đến ngày mãn tù Khám Lớn của tôi. Tình hình đó, tôi càng theo sát thì càng lo lắng: chiến tranh thế giới lần thứ hai đã bùng nổ từ tháng 9 năm ngoái. Pháp, Anh đã tuyên chiến với Đức. Pháp đã ra lệnh tổng động viên ở Đông Dương, cấm báo tiến bộ, bắt giam những người chống đối. Vậy mà tôi còn ngồi tù Khám Lớn, chờ ngày về nhà! Về được không? Hay là chính quyền thực dân sẽ ra nghị định giữ tôi lại Khám Lớn hoặc đưa trở ra Côn Lôn, hoặc tống vào một trại tập trung nào đó ở núi cao rừng sâu. Tôi ước tính tất cả các khả năng xấu bao gồm cả việc đày qua Guyane tận nam Mỹ châu ở đó ông Giàu và các thầy giáo đồ tha hồ mà diễn thuyết với thổ dân da đỏ và tù nhân thường phạm người Pháp bị phát lưu chung thân vì trọng tội. Nghĩ lắm sinh quẫn. Tôi bèn tập trung tinh lực làm phép tham thiền nhập định học ở Thiện Chiếu, cốt đạt tới trạng thái tư tưởng không tư tưởng, nhằm đánh đuổi các ý nghĩ xám xịt kia. Nhưng vô hiệu; chúng nó cứ “lẻo đẻo theo hoài mãi chẳng thôi”.

Vài cơn mưa giông đầu mùa chưa làm dịu không khí nóng bức trong “biệt thự S”. Nóng bức nên ngủ không được. Không ngủ được nên càng nghĩ băng quơ. Một buổi sáng ra giếng, thầy giáo Nguyễn Hữu Thế hỏi tôi:

- Sao coi hốc hác vậy cậu? Ngủ không được hả?

- Ngủ mệt hết sức vì chiêm bao. Thức giấc, mồ hôi ướt đầm, không ngủ lại được.

- Chiêm bao thấy gì?

- Thấy ngày mãn tù, mình ra tới cửa Khám Lớn, vừa gặp mẹ và vợ đón ở đó, chưa kịp hỏi mừng gì hết thì cò, lính đã xốc nách giải mình lên xe bát bưng, trong khi đó thì mẹ té xỉu xuống đường, vợ ôm mặt khóc. Giật mình thức dậy rồi thức luôn tới sáng.

- Mộng là mị.

- Cũng có khả năng mộng hoá ra thật. Nhưng phải bị dày đi nữa thì mình vẫn có cách đối phó, sợ gì? Cho tới bây giờ Pháp, Đức chưa đánh trong lịch sử, các cuộc đại tiến công thường xảy ra đầu thu trời trong đất ráo. Pháp chưa lâm nguy thì nó còn có thể thả mình ra; khi sắp lâm nguy, thì nó sẽ đến nhà lượm mình, thì khi ấy mình còn ở nhà đâu mà nó lượm?

Lập luận của tôi mới nghe qua cũng có lý. Vậy mà bụng bảo dạ tôi vẫn băn khoăn, cực độ băn khoăn.

3. Chưa vui sum họp

Băn khoăn vì trong tình thế rối ren hết sức, lòng tôi hết sức muốn về nhà với mẹ, với vợ ít ra cũng một vài tháng, trong thời gian ngắn ngủi đó mình vừa tìm lại được sự đầm ấm đã mất từ hơn mười năm nay (1928-1940), vừa điều tra tình hình địch, ta, rồi sẽ quyết định cách đối phó trước mùa thu. Giờ phút nào tôi ít chủ quan, thì tôi nghĩ rằng, thời nay chiến tranh bằng máy bay, xe tăng, có thể người ta không chờ mùa thu như trước nữa, mới mở cuộc tấn công qui mô và Pháp nó sẽ quăng lưới trước khi các ông cộng sản cướp chính trị phạm kịp rút hết vào bí mật. Tôi nghĩ đúng mà tôi không tin rằng đúng hẳn.

Ngày về tới nơi rồi. Mà về được hay không?

Sáng hôm đó, giáo Thế, biện Vi và tôi vừa uống trà, vừa phập phồng chờ đợi.

- Tám giờ mà không có giấy gọi là có biến. Thế nói.

- Có giấy gọi mà không có câu “ra về” thì cũng chẳng xuôi chèo mát mái đâu, Vi tiếp.

Ở chung với nhau bốn, năm năm rồi, tụi tôi không còn cái gì để dằn dò nhau nữa. Và mỗi đứa đã hai, ba lần bị bắt, bị tù rồi. Mỗi chuyện đã nói đi nói lại cả chục lần rồi. Có gì mới nữa đâu? Chỉ mời trà với nhau. Bình

trà vừa cạn thì cửa thứ nhất, rồi cửa thứ hai của Bâtiment S mở. Gác đàn da đen xuất hiện, vui vẻ kêu:

- Ông Giàu chuẩn bị. Tám giờ ra về.

- Ăn tiền rồi, tụi bây ơi! Thế nói lớn.

- Còn qua lục hình (9) mới biết được trôn tru không, Vị bỏ nhỏ.

Nghe cũng ớn ớn. Ra tù hôm nay, biết hôm nào sẽ bị bắt lại? Còn ngồi tù trong thời chiến thì khi chiến tranh ác liệt, mần tù cũng sẽ bị giữ lại, gọi lên “căng”. Viễn cảnh của cả ba đứa tôi, không chút nào sáng sủa. Không chừng chúng tôi sẽ sớm gặp lại nhau trên rừng. Tuy vậy, bạn là cố cựu, kẻ ở người đi, sắt đá cũng bùi ngùi.

Ra sân khám, ngó lên phòng năm, sáu, thấy anh em ngoắc ngoắc sau song sắt; họ chào từ biệt và gởi một chút lòng tin. Tụi xếp Tây ra về mừng, có mấy đứa khuyên “đừng trở lại nữa”. Tôi cười trả lời cho thẳng “Triệu tử” (17): “Ai mà muốn trở lại, nhưng nếu bắt đắc dĩ phải trở lại thì chắc chắn cũng không hề chi, cả anh và tôi đều còn trẻ, e khi lại cũng còn duyên!”. Cả lũ đều cười nhạt.

Ra cửa Khám Lớn, đã thấy vợ tôi đứng chờ bên kia đường, không một ai khác đi đón như hồi chưa có chiến tranh.

Tôi ngoắc vợ sang bên này đường cùng đi lại bót Catinat (10) với một thầy đội. Mười năm rồi kể từ ngày cưới, vợ chồng tôi mới lại được tay trong tay đi trên đường phố Sài Gòn! Thầy đội có nhĩa ý đang hơi xa để tụi tôi trò chuyện với nhau.

Ai cắt nghĩa dùm tôi vì sao tôi không mất vợ? Đáng lẽ năm 1930, nhà bên vợ chưa cưới không cho tôi làm đám cưới mới phải, vì khi đi Pháp, tôi hẹn về nước với hai bằng tiến sĩ, nhưng tôi về tay không, bị trục xuất khỏi Paris. Đáng lẽ, cho dù làm đám cưới rồi, mà tháng sau tôi đi đâu biệt tích bốn năm lần, sống chết không biết, thì cha mẹ vợ có thể lại gả con gái cho mấy chỗ quyền quý đi hỏi. Nhưng không, và vợ tôi thà vô chùa học dệt chớ không chịu lấy chồng lần nữa. Và đáng lẽ sau khi tôi bị kêu

án năm năm tù, bị đày ra Côn Lôn, thì theo lời khuyên của tôi, vợ tôi lấy lại tự do lập gia đình; nhưng cũng không; cô ấy chờ đến hôm nay, đi đón tôi ở Khám Lớn ra. Sao mà chung thủy đến thế! Tội tôi chưa dứt lời thăm hỏi nhau thì đã đến bót Catinat rồi. Vợ tôi lại đứng chờ ở gốc cây, tôi một mình đi vào bót để “lục hình” và nhận giấy tờ phóng thích. Tưởng đâu việc này có lâu lắm cũng không hơn mười lăm phút; nào dè? Nào dè, nó kéo dài hơn một giờ, khiến vợ tôi vô cùng lo sợ: vào hang sói dễ, ra hang sói khó. Còn tôi thì quen tính “mê đấu”, quên mất vợ đang đứng sốt ruột chờ, không biết lành dữ ra sao?

Cũng mấy thằng cò mật thám tra tấn hỏi cung như xưa: Perroche mặt gà thiến, Bazin mặt gà chọi v.v... tiếp tôi hôm nay.

- Chào ông Giàu, ông mạnh khỏe?

- Cám ơn. Vẫn còn sống.

- Năm năm, dài quá phải không ông?

- Dài nếu so với một năm, ngắn so với mười năm.

- Hôm nay, nhân ngày trả tự do cho ông, chúng tôi muốn hầu ông một số vấn đề, những vấn đề thuộc chiến tranh thế giới đó mà.

- Nếu các ông muốn tôi sẵn sàng.

Tôi định ninh rằng có thể tội này bày trò khiêu khích gì đây, hoặc chúng nó tìm hiểu mình để có thái độ, hoặc chúng nó thật muốn mình giải đáp âu lo thắc mắc của chúng nó, không chừng.

- Ông Giàu ạ, ông cắt nghĩa tại sao Stalin cộng sản ký hiệp ước với Hitler phát xít? Tại sao Đức và Liên Xô cùng đánh Ba Lan, chia xẻ Ba Lan? Tình hình chiến tranh trên thế giới sẽ diễn ra như thế nào trong tương lai gần đây ở châu Âu?

- Tôi cho rằng hoặc các ông không đủ thông tin hoặc các ông được thông tin không chính xác, cho nên các ông hiểu sai sự diễn biến của tình hình

châu Âu từ hơn một năm nay. Tôi hỏi vặn lại các ông vậy chớ ai ký hiệp định Munich với Đức, để Đức nuốt chửng nước Áo, nước Tiệp? Đâu phải Liên Xô mà chính là Pháp và Anh. Các ông thừa biết rằng khi Pháp, Anh yêu cầu Liên Xô bảo đảm cho các nước nhỏ đông bắc Pháp mà Pháp, Anh lại không chịu đảm bảo cho các nước nhỏ ở miền tây bắc, tây nam Liên Xô. Ý đó là gì nếu không phải là Pháp và Anh đã xui Đức tiến công về phía đông, phía Liên Xô để cho Pháp, Anh đứng ngoài trông hai con hổ đánh nhau mà trục lợi về phần mình. Nước cờ ấy như chỉ trắng may vài đen, trẻ con cũng thấy. Thì Liên Xô phải trả đũa một cách thích hợp với lợi ích của mình bằng việc ký hiệp ước bất tương xâm phạm với Đức. Hãy biết rằng, đó không phải là hiệp ước liên minh Xô-Đức mà là hiệp ước bất tương xâm phạm. Liên Xô trước muốn liên minh với Pháp, Anh mà không được thì nay định đứng ngoài cuộc chiến tranh giữa Đức và Pháp, Anh. Liên Xô có phản phúc ai đâu, có đành hy sinh Áo, Tiệp như hiệp ước Munich đâu? Còn như các ông kêu ca, phản đối việc Liên Xô đưa quân qua chiếm phần phía đông Ba Lan thì việc ấy đầu đuôi như thế này, nếu các ông chưa biết:

Đức tấn công vào Ba Lan. Anh, Pháp tuyên chiến với Đức mà không tiến công lớn vào Đức, để Đức tập trung đại lực vào Ba Lan, chỉ trong vài tuần quân Đức đã bao vây Varsovie, chính phủ Ba Lan chạy sang Rumani, khi ấy Hồng quân Liên Xô mới kéo vào đông Ba Lan, chiếm đóng nhanh vùng đất Nga mà hồi chiến tranh thế giới lần thứ nhất các nước đồng minh thắng trận đã cắt lấy của Nga để giao cho nước Ba Lan mới được lập lại cho nó đủ lớn đủ mạnh làm đồng minh chí cốt của Pháp, Anh. Đất của Nga, Nga lấy lại, Liên Xô không thể cho Đức chiếm khi Ba Lan đã bại trận rồi. Đó không phải là chia xẻ Ba Lan mà đó là một hành động chống Đức. Hồng quân Liên Xô vào Ba Lan, dừng lại đúng trên giới tuyến Curzon. Các ông biết giới tuyến Curzon là cái gì không? Nếu không thì tôi cắt nghĩa: đó là ranh giới đông Ba Lan mà chính khách tên Curzon đề nghị, sau khi chiến tranh thế giới kết thúc, ranh giới này hợp lý vì bên này không có người Nga và bên kia không có người Ba Lan. Nhưng thuở đó Anh, Pháp, Mỹ chiến thắng Đức, Áo, Thổ, quyết cắt một phần đất Nga biếu Ba Lan em út, nay của César trả về César, thì nói xâm lược, nói bất công là nói làm sao? Alsace Lorraine (11) trở lại với nước Pháp hồi 1918 thì bất công, xâm lược ở chỗ nào?

- Ông Giàu quả là một trạng sư hùng biện cho Liên Xô, cò Perroche nói.

Tôi tiếp tục trình bày góp ý kiến:

- Tôi muốn nói thêm rằng, bây giờ nước Đức hùng cường từ sông Vistule đến sông Rhin, từ sông Danube đến Biển Bắc, nước Đức đó có biên giới chung với Pháp ở tây, với Liên Xô ở đông. Rồi đây Đức sẽ đánh sang đông trước hay tây trước? Tôi chắc nó sẽ đánh nước nào yếu hơn trước để lấy sức đánh nước mạnh hơn. Nước yếu hơn chính là nước Pháp của các ông. Tôi tự hỏi như vậy, trong tình thế mới đó Pháp, Anh và Liên Xô có đủ khôn ngoan để hợp sức bẻ gãy xương sống của Hitler bằng hai gọng kềm thép hay không? Tôi đoán chắc rằng nếu ngày nay nhiều người trong các ông còn có ai coi Liên Xô là kẻ thù, thì ngày mai tất cả các ông sẽ coi Liên Xô là bạn, là cứu tinh. Tôi cảm ơn các ông tạo một dịp may để tôi vẫn tất nói lên một vài chính kiến về chiến tranh thế giới.

Bọn cò đều đứng dậy đưa tôi xuống lầu bằng cầu thang của các sếp, và chúc tôi “đừng trở lại”.

- Sao anh ở trống lâu vậy? Em sợ quá chừng. Vợ tôi hỏi.

- Xin lỗi mình, anh bị tụi cò chất vấn khiêu khích. Phải nói. Mà không hớ chút nào. Thôi ta cùng đi xuống đường Catinat, ngồi lại bờ sông như hồi chưa cưới, ăn trưa ở Chợ Cũ rồi về nhà dì Tám, không thăm ai hết ngoài trạng sư Loye và linh mục Tricoare để trả ơn họ nhiều lần đi thăm tôi trong Khám Lớn. Chiều và tối hôm đó, hai người một xe kéo, tay trên vai, tụi tôi dạo phố Sài Gòn, Chợ Lớn chuyện trò tâm tình nhiều hơn là xem cảnh vật. Sáng ngày tụi tôi cà rịch cà tang trên xe lửa về thị xã Tân An. Tôi đi thăm trường học xưa bên bờ sông Vàm Cỏ. Bao nhiêu là kỷ niệm sống lại trong lòng; nào thầy, nào bạn. Rồi phải trình diện với phó tham biện. Rồi về quê. Tụi tôi, hai người một cỗ xe ngựa, tiếp tục chuyện tâm tình, xa xa sau lưng, bao giờ cũng có vài chú kiểng râm theo “hộ vệ” không kín đáo chút nào.

Về đến chợ Tầm Vu, tôi liền mua một bó nhang, một hộp quẹt. Bà con ở chợ nhờ quen biết với vợ tôi mà nhận ra tôi, mấy phút sau kéo đến xem chú Mười Ký như xem một vật lạ: Thuở nhỏ, tôi học ở trường tiểu học

Tầm Vu (12), rồi từ vài chục năm nay, ít ai biết tôi đi đâu, chỉ nghe tin tôi làm gì. Ở góc trời hẻo lánh này không mấy ai bảo con trai họ theo gương chú Mười Ký, cực khổ, nguy hiểm lắm, nhưng rất nhiều người dạy con gái theo gương cô Sáu Đạo (13) tiết hạnh, thủy chung, giỏi việc nhà, ăn ở thuận hoà với mọi người.

Tôi và vợ tôi đi về nhà bằng đường bờ vòng vèo. Còn vài trăm thước nữa mới tới vuông tre của nhà tôi. Tôi thấy một đám đông, chắc có má tôi ở đó; tôi băng ruộng còn khô nẻ. Đúng má đây rồi, khăn điều vắt vai. Mẹ con ôm nhau, khóc, chỉ biết khóc không nói được một lời nào ngoài hai chữ: má! con! Mọi người đều khóc. Má tôi già đi nhiều; tóc đã bạc phơ, răng cửa còn hai chiếc. Mặt, cổ, vai đều ướt vì nước mắt của mẹ. “Con về lần này, ở nhà với má, tía con chết rồi, má hiu quạnh quá con ơi!”. Nghe đứt ruột. Tôi và vợ tôi xuống ruộng, đi đến mộ cha, thắp hương quỳ lạy tạ tội bất hiếu. Nhớ ngày nào cha tôi có bảo: “Tận trung là chí hiếu rồi đó”; biết vậy nhưng vẫn thấy mình lỗi đạo làm con. Các anh chị tôi và bà con xóm giềng kể lại rằng, gần lâm chung, cha tôi góp tàn lực, ngồi dậy, đứng lên, tay vịn vách, lần đi mấy bước, vừa đi vừa kêu tên tôi: “Ký ơi, Ký, con ở đâu?”; ai nấy chạy lại dìu cha tôi về giường, một lát sau, cha tôi tắt thở. Vậy là hình ảnh cuối cùng trong tâm trí của cha tôi là đứa con bất hiếu này!

Mấy ngày liền, nhà tôi trở lại cảnh “tứ đại đồng đường” (14), vui vẻ hết sức. Trừ ra một ngày về thăm quê vợ, tôi ở luôn bên cạnh mẹ tôi, vợ tôi. Mẹ tôi, như năn nỉ: “ Má 75 tuổi rồi, cô đơn quá, con ở nhà với má cho đến khi má theo tía con, rồi con làm gì thì làm, đi đâu thì đi”. Vợ tôi biết tính chồng, không khuyên can gì hết, chỉ lo cơm nước thuốc thang. Cuộc sống ở gia đình sao mà đầm ấm quá! Người thì kể chuyện bên Tây, bên Tàu, ngoài Côn Lôn, trong Khám Lớn. Người thì kể chuyện cười rơi nước mắt, chuyện vợ tôi xuống chùa cô Ba Yến học dệt vải, học làm tương, đi tu mà không chịu xuống tóc, trong túi bao giờ cũng có quyển Lục Vân Tiên và hình Trần Văn Giàu. Chuyện xảy ra lúc tôi thoát ly gia đình đi làm cách mạng chuyên nghiệp, không ai biết tôi ở đâu, làm gì, sống hay chết; có một quan huyện chết vợ toan đi hỏi vợ tôi mà ông ấy tin rằng đã goá chồng, vừa đẹp, vừa giàu, lại nết na, chưa con. Vợ tôi xin

phép cha mẹ tạm lánh ở chùa dưới chợ Tham Nhiên, để tránh người nói
hỏi phiền phức.

Một hôm có người bạn tù cũ từ Mỹ Tho qua Tân An thăm tôi, khề bảo:
Xứ uỷ dự tính anh sẽ trong Uỷ ban khởi nghĩa. Tôi hết sức dè dặt trả lời
cho bạn:

- Chân ướt, chân ráo mới về, tôi biết gì mà vào Uỷ ban khởi nghĩa?
Chuyện đó chưa nói được. Tôi dè dặt trả lời.

- Anh hãy kíp kíp vào bí mật trở lại đi. Tụi nó đến bắt, e khi anh trở tay
không kịp, chớ chủ quan mà chết.

- Thong thả một chút. Chưa uống hết một góc tể thuốc. Tôi cần chữa
bệnh.

- Nước tới trôn mới nhảy, nhảy sao được?

Tôi nghĩ rằng anh bạn cảnh cáo tôi như vậy là đúng quá, nhưng về phần
mình, tôi phải dè dặt trong sự giao thiệp, vả lại tôi đã vốn lập luận chủ
quan từ ngày còn ở “biệt thự S” rằng Pháp chưa bắt tôi từ trước đầu mùa
thu, mà nay mới là đầu mùa hè.

4. Đã sầu chia ly

Sum họp gia đình được bảy ngày. Ngày thứ tám, vợ tôi xin phép về Bình
Trị để bắt đầu chuẩn bị cho mùa lúa tới, hẹn hai hôm, phơi giống xong
sẽ quay trở lại.

Nào dè, tối hôm đó, cửa ngõ vừa gài, đèn vừa lên, kế hoạch liên hoan
ngày mai vừa đặt, thì ngoài cổng có tiếng gọi: chú Mười có nhà không?
Chú Mười có nhà không? Có khách, có khách! Nghe lạ tai, tôi sanh nghi.
Chắc có biến. Làm sao bây giờ? Có thể lẫn ra vườn sau, vườn rộng, trời
tối, ai biết tôi ngồi ở đâu, đi ngả nào? Nhưng, nếu cò Tây, làng lính đến
bắt tôi mà chúng nó biết rằng mới hồi chiều đây tôi còn ở nhà thì chúng
nó có thể sẽ bắt mẹ tôi để tìm ra tôi, đó là điều tôi không muốn. Vả lại,
mấy ngày rày, tôi chưa hoạt động chính trị gì hết thì dù tôi bị bắt, Tây chỉ

có thể đưa tôi đi trại tập trung là cùng, bắt tôi đi trại tập trung ở núi cao rừng sâu thì cũng giống như “bắt cóc bỏ đĩa”, sợ gì? Tôi bèn ra mở cửa ngõ.

Hương chủ Mai ở Tâm Vu, Phủ Hoài và cò Tây ở Tân An, mấy tên làng lính theo sau, tụi nó đi bắt mình đây.

- Quan trên mời chú Mươi lên Sài Gòn.

Tôi mời các ông vào nhà xơi nước đã.

Vào nhà, thằng cò đọc lệnh Thống đốc Nam Kỳ. Tôi dịch ra cho má, anh chị và cháu tôi nghe. Mọi người khóc ròng, trừ anh Năm tôi, ổng nắm tay tròng mắt, chòm râu cằm run run. Tôi sợ ổng vô tới bóp cổ hương chủ Mai, và như vậy sẽ sinh ra đổ máu. Anh Năm tôi vốn là một chiến sĩ khởi nghĩa năm 1916 (16), đã tham dự trận phá Khâm Lớn Sài Gòn. Tôi để tay lên vai anh và thưa với mẹ: “Má yên tâm, con sẽ về với má”. Thằng Tây bảo lính dẫn tôi đi, không còng trói gì hết. Má tôi té xỉu xuống đất. Ra tới cửa ngõ, tôi sực nhớ đến vợ: mai sáng, được tin không lành, chắc vợ tôi cũng té xỉu xuống đất như mẹ tôi.

Một trại tập trung được hối hả dựng lên ở Tà Lài, tỉnh Biên Hoà, dành cho cựu chính trị phạm và một số người “nguy hiểm” ở Nam Kỳ.

Đoạn kế tiếp

5. Căng Tà Lài: “Trại lao động đặc biệt”

Chú thích của người biên tập

(1) Nguyễn Hữu Trí (?-1916) một trong những người cầm đầu Thiên Địa Hội năm 1916 tổ chức hàng trăm nghĩa sĩ giáo mác xông tới Khâm Lớn phá ngục để giải cứu lãnh tụ Phan Xích Long. Phan Xích Long (1893-1916) tên thật là Phan Phát Sanh, tức Lạc, thủ lĩnh các hội kín mang màu sắc tôn giáo ở Nam Kỳ đầu thế kỷ XX trong phong trào Phấn (chống) Pháp Phục Nam. Ông tự xưng là Đông Cung, con vua Hàm Nghi, rồi tự phong Hoàng Đế. Năm 1913, tổ chức đặt bom ở Sài Gòn, bị bắt. Trong cuộc

“Cứu Đại Ca” năm 1916, Nguyễn Hữu Trí bị chết. Sau đó, Phan Xích Long và 56 nghĩa sĩ khác bị xử tử hình. Xem thêm Wikipedia (http://vi.wikipedia.org/wiki/Phan_X%C3%ADch_Long) và Văn nghệ Sông Cửu Long (http://vannghecongcuulong.org/vietnamese/vanhoc_tacpham.asp?TPID=3831&LOAID=3&TGID=868).

(2) Nguyễn Hữu Thế, giáo học, bị kết án 7 năm tù (1935-1942), 10 năm quản thúc (theo Nguyễn Hùng: <http://www.quansuvn.net/index.php?topic=17085.20>)

(3) Nhà sư Thiện Chiếu (1898-1974) tên là Nguyễn Văn Giảng hay Nguyễn Văn Tài quê quán tại xã Vĩnh Hựu, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang. Ông xuất gia từ nhỏ, học vấn uyên thâm. Từ năm 1923, trụ trì ở chùa Linh Sơn, khởi xướng phong trào chấn hưng và canh tân Phật giáo ở Nam Kỳ, từng ra Hà Nội bàn bạc việc thống nhất Phật giáo. Ông là nhà sư đầu tiên tham gia Thanh niên cách mạng đồng chí hội và Đảng cộng sản Việt Nam. Xem tiểu sử <http://www.tiengiang.gov.vn/xemtin.asp?idcha=3609&cap=2&id=5535>

(4) Tiếng Pháp: trong tù, trái tim hoặc bị tan vỡ hoặc được tôi luyện thành đồng thau.

(5) Hà Huy Tập (1906-1941), tổng bí thư Đảng cộng sản Đông Dương (1936-1938) trước khi bị bắt giam Khám Lớn. Khi Nam Kỳ khởi nghĩa bùng nổ, ông ở trong tù (vì một án khác), nhưng vẫn bị quy “trách nhiệm tinh thần” và bị xử tử hình cũng như Nguyễn Thị Minh Khai, Nguyễn Văn Cừ, Võ Văn Tần. Được đào tạo ở Liên Xô, cũng như Trần Phú, Lê Hồng Phong, Nguyễn Văn Cừ, ông đi theo đường lối tả khuynh giáo điều của Stalin, từng phê phán nghiêm khắc đường lối “cải lương”, “hợp tác”, “tàn tích quốc gia chủ nghĩa”, “tàn tích tư sản” của Nguyễn Ái Quốc. Xem tiểu sử đầy đủ: Wikipedia (http://vi.wikipedia.org/wiki/H%C3%A0_Huy_T%E1%BA%ADp), Báo điện tử Đảng cộng sản Việt Nam (http://www.cpv.org.vn/cpv/Modules/News/NewsDetail.aspx?co_id=30291&cn_id=159999)

(6) tức Nguyễn Khánh Toàn (đừng nhầm với người trùng tên, hiện làm thứ trưởng Bộ công an, nổi tiếng qua vụ Cô gái Đồ Long bị bắt giam khẩn cấp). Nguyễn Khánh Toàn (1905-1993) sinh tại Vinh, quê quán ở Hương Trà, Thừa Thiên. Tốt nghiệp Cao đẳng sư phạm năm 1926, tổ chức lễ truy điệu Phan Châu Trinh, nên bị thực dân đàn áp, không cho dạy học, cấm viết báo. Từ 1929 đến 1939 sang học ở Liên Xô, được giữ lại để đào tạo thanh niên Việt Nam sang học làm cách mạng. 1939-1945 ở Diên An (Trung Quốc). Sau Khởi nghĩa 1945, về nước, làm thứ trưởng Bộ giáo dục rồi phụ trách Ủy ban khoa học xã hội. Ủy viên trung ương ĐCS (1951-1976). Chủ trì nhiều bộ sách và công trình nghiên cứu chính thống, được nhiều giải thưởng và huân chương. Đọc lời mở đầu của ông cho bộ Lịch sử Việt Nam (1971-1989) mà ông đứng tên chủ biên thì thấy ít sử học và nhiều đao búa.

(7) Thermidor (Tháng nóng): nguyên thủy là một trong 12 tháng của Lịch cộng hòa, do Cách mạng Pháp lập ra để thay thế Lịch Gregor thông dụng (và ngày nay vẫn được sử dụng phổ biến). Tháng Thermidor là tháng thứ 11, khoảng từ 19 tháng 7 đến 17 tháng 8. Trong ngôn ngữ chính trị Pháp, Thermidor hay 9-Thermidor chỉ ngày 27 tháng bảy 1794, là ngày phe Robespierre (chủ xướng chính sách Khủng bố) bị lật đổ; “Thermidor” do đó được phe “tả” coi là một cuộc phản cách mạng, chuyển Cách mạng Pháp từ thời kì Jacobin sang chế độ độc tài của Napoléon Bonaparte (xem bài viết của Trotsky: Thermidor and Bonapartism <http://www.marxists.org/archive/trotsky/1931/xx/thermidor.htm>)

(8) Điển tích trong truyện Tam Quốc, Khổng Minh sang Đông Ngô, tranh luận với các đám “quần nho” của Tôn Quyền, bác bỏ từng lí lẽ của họ, thuyết phục Đông Ngô liên minh với Lưu Bị chống Tào Tháo.

(9) Sở Lục hình: nơi lưu trữ hồ sơ lí lịch các tội phạm.

(17) “Triệu tử”: cả hai bản chúng tôi có trong tay (bản in và bản “số hóa”) đều viết như vậy. “Triệu tử” không có lẽ là Triệu Vân tức Triệu Tử Long, nhân vật Tam Quốc Chí. Xin đợi những độc giả cao minh chỉ giáo.

(10) Bót Catinat: Sở công an thực dân, ở góc đường Đồng Khởi (xưa là Catinat, rồi Tự do) và Nguyễn Du, nay là trụ sở Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

(11) Alsace Lorraine: vùng đất cực đông của nước Pháp, giáp ranh nước Đức, năm 1871, bị đế quốc Đức sáp nhập, sau Thế chiến lần thứ nhất (1914-18) nước Pháp mới khôi phục được. Từ năm 1871 trở đi, trong tâm tưởng của dân tộc Pháp, Alsace Lorraine trở thành biểu tượng của lòng yêu nước, thiết tha với sự toàn vẹn lãnh thổ (và cả biến tướng của nó là chủ nghĩa dân tộc, lòng căm thù “bọn Đức” (Boches)). Không phải ngẫu nhiên mà năm 1940, dựng cờ kháng chiến, tướng De Gaulle lấy “thập tự Lorraine” (chữ thập có hai gạch ngang) làm biểu tượng. Năm ấy, Hitler tái chiếm vùng này và sáp nhập nó vào đế chế quốc xã, thanh niên Pháp quê ở tỉnh này bị bắt lính, tham gia quân đội, SS... gây ra nhiều tội ác ở Pháp cũng như ở Ba Lan, Liên Xô (họ bị gọi là lính Đức malgré eux – dù muốn dù không).

(12) Tầm Vu, do đó, cũng là một bút hiệu của Trần Văn Giàu.

(13) Sáu Đạo tức là bà Đỗ Thị Đạo, vợ ông Trần Văn Giàu (tên quen thuộc là Mười Ký, sau này là Sáu Giàu).

(14) Tứ đại đồng đường: bốn đời (thế hệ) ở chung dưới cùng một mái nhà.

(16) xem chú thích (1) về Nguyễn Hữu Trí.

Phần I(2): TỪ NGỒI TÙ KHÁM LỚN ĐẾN VƯỢT NGỤC TÀ LÀI

5. Căng Tà Lài: “Trại lao động đặc biệt”

Đường lên trại giam

Trên đường bờ quanh co từ nhà ra lộ đá, tôi tự hỏi không biết có người vợ trẻ nào gian truân như vợ tôi không? Sau đám cưới hơn một tháng, ông chồng đi đâu biệt tích, không biết sống chết, mãi đến ba năm sau, khi ông ấy bị bắt, bị đưa ra toà, mới biết chắc chắn rằng mình chưa phải đã goá chồng. May mà khi ấy tôi chỉ bị bắt có một mình, bị bắt lúc đang đi trên đường cái, có nhiều tiền trong túi mà không có địa chỉ cư trú, cho nên toà chỉ xử án năm tù treo vì cái tội nghe lậ tai là “vô gia cư chuyên môn” (vagabondage qualifié) tuy nó biết chán rằng tôi là “nhà cách mạng chuyên nghiệp”, chứ không phải là “ma cà bông”. [1] Lành án rồi, về nhà với vợ được hơn tháng tôi lại phải vào bí mật. Từ đó lúc tôi mãn án lần chót là bảy năm đằng đẳng. Kỳ này, ngỡ rằng có thể ở nhà vài tháng, cho đến đầu mùa thu, té ra cuộc vui sum họp chỉ được tám ngày thì ông chồng bị bắt đi trại giam thời chiến, mà chiến tranh thì biết khi nào dứt, chưa dứt thì mọi việc tàn bạo nhất đều có thể xảy ra ở trại giam trên rừng sâu nước độc. Thật khó mà tưởng tượng tâm trạng của một cô vợ ở trong tình cảm bi đát này. Càng khó tưởng tượng tâm trạng của mẹ tôi, vừa mới gặp lại thằng con yêu quý thì bị người ta cướp đi từ tay mình. Trời ơi là trời! Tai họa sao mà dồn dập trút xuống một bà già quạnh hiu gần đất xa trời như thế này?

Can đảm mấy cũng đứt ruột.

Đứt ruột mà vẫn phải can đảm; càng đứt ruột càng phải can đảm.

Hai chiếc xe hơi từ tỉnh lộ Tân An - Gò Công bật đèn lên, thấy Châu Văn Giác ngồi với vài tên tính mã tà. [2]

- Cậu Mười[3] đây rồi! Cậu cháu mình cùng đi trại giam cho có bạn.

Châu Văn Giác là một đứa con xứng đáng của đất Tầm Vu, cậu đã vào T.K. (Thanh niên Cộng sản) từ 1930, đã đạt kỷ lục bãi thực[4] dài mười hai ngày ở Khám Lớn, kỷ lục này bị phá bởi cuộc bãi thực ba mươi ngày của các anh Tạ, Thâu, Ninh, Hiến, Quảng[5] (cuộc này sở dĩ kéo dài đến thế là nhờ thủ thuật của nhà cầm quyền Pháp bơm sữa vào hậu môn tù nhân). Quảng là cháu ruột của tôi, cũng là người xứ Tầm Vu, hôm nay nó không bị bắt với Giác và tôi, bởi vì sau cuộc chiến tranh kia, nó ho lao nặng, chắc Pháp thấy rằng không cần bắt giam nó, nó cũng chết tới nơi rồi.

Một đêm, ở xà lim trại lính khố xanh[6] thị xã Tân An, Giác và tôi được đánh thức vào khoảng một giờ sáng và được lệnh đi ngay.

Đi đâu chừng này? Chừng này mà bị dẫn đi thì rất có thể là đi “thủ tiêu” êm. Tôi sinh nghi. Hỏi mã tà. Hỏi đội sếp. Nếu tụi này ú ớ thì chúng tôi sẽ chống lệnh, chúng tôi sẽ la ó để báo động cho nhân dân.

- Đi đâu giờ này? Ai ra lệnh? Đưa lệnh coi nào?

- Lệnh đây. Đi Sài Gòn. Phải có mặt ở Bà Chiểu trước hừng sáng, để đi đâu nữa thì chúng tôi không biết.

Thế là không phải đi thủ tiêu êm. Tôi lên tới trại của Binh đoàn lưu động Gia Định lúc bốn giờ sáng. Vào sân thấy ngồi ủ rũ trên ghế đá mấy anh chàng quần áo tử tế, trong số đó có một cậu to béo, mặc quần soóc, xách cặp da bóng loáng. Họ đang ủ rũ, hỏi ra mới biết, bởi vì họ cũng ngờ rằng Tây nó sắp đem đi thủ tiêu trước khi trời sáng. Thời kỳ chiến tranh mà! Còn đâu nữa chính phủ Mặt trận bình dân[7] mà hòng nói luật với pháp? Trên sân, qua lại mấy toán lính khố xanh, mấy thằng cò Tây nai nịt súng đạn, chờ lệnh, mặt sát khí đằng đằng.

- Chào các anh, từ đâu đến mà dám đến sớm hơn tụi này? (Tôi cà rỡn hỏi).

- Bạc Liêu, Cần Thơ lên.

- Còn hai anh, từ đâu đến mà coi bộ tươi cười như vậy?

- Từ Tân An. Giác trả lời và giới thiệu luôn.

- Ông này là Giàu, tôi là Giác.

- Giàu nào? Có phải Trần Văn Giàu không?

- Mình là Tào Ty, họạ đồ Ty Bạc Liêu, còn chú da bánh ít ngọt này là Nguyễn Công Trung, công tử Cần Thơ.

Bây giờ tan biến cái lý nghĩa bị đem đi thủ tiêu trước trời sáng. Ai nấy đều chắc rằng sắp phải bị đưa đi xa Sài Gòn nhưng chưa biết đi đâu. Đi ra biển? Hay đi lên rừng? Hay đi xa hơn nữa tận Ấn Độ Dương, tận châu Nam Mỹ? Lát nữa sẽ rõ.

Chờ xem.

Đúng năm giờ, một đoàn xe quân dụng bốn chiếc bắt đầu nổ máy trong sân trại Bình đoàn lưu động. Chiếc đầu chở một thành quan hai non choẹt, cao nhông, vẻ kiêu ngạo, vài thành Tây nữa là ách đội.[8] Chiếc sau chở khoảng một tiểu đội khố xanh. Hai chiếc giữa chở bọn tôi, chừng vài mươi đứa. Xe ra cổng, không quẹo tay phải ra phía Sài Gòn, mà quẹo tay trái về phía Gia Định. Tôi hơi mừng trong bụng. Rồi đoàn xe trực chỉ Biên Hoà, không phải xuống bến tàu. Tôi nói nhỏ với Giác:

- Thôi, yên trí; không phải ra biển mà đi lên rừng, ra biển khó về, còn lên rừng thì như đi píc-níc thôi!

Trưa, đoàn xe đậu lại ở cây số 125 đường Biên Hoà - Đà Lạt. Không có nhà dân, không có đồn bót, không một bóng người qua lại; chỉ nghe tiếng vượn hú. Nhưng một trại bỏ trống với mấy bãi cứt bò đã khô quéo, chứng tỏ rằng đây là một cửa rừng, chỗ thợ rừng kéo súc ra chờ xe chở về dưới xuôi. Một đường đá nhỏ hẹp dắt đi đâu không biết, cỏ cây mọc tùm lum. Một thầy đội bảo:

- Đường vào cảng[9] đó, chúng ta nghỉ ăn sáng cái đã.

Lính trải vài tờ nhật trình xuống cỏ, bày bánh mì, đồ hộp, bình toong nước, ai có phần nấy.

- Y như hướng đạo sinh đi cắm trại mùa hè!

- Cứ quất no một bụng rồi sẽ xem ra sao.

Anh em bàn luận vui vẻ giống như đi cắm trại thật. Trừ tôi ra, tôi quan sát đường đi nước bước từ hồi sáng đến giờ.

Từ đường 20 vô tới cảng Tà Lài, chỉ mười bảy cây số, vậy mà chạy xe mất quá một giờ. Càng vào sâu, cây cỏ càng lấp mắt đường, đá tảng gập ghềnh. Không một ai lai vãng. Không một nhà, một chòi. Nhưng thú rừng thì vô kể, nhiều nhất là các loài khỉ; khỉ trên cành cây cao vút, khỉ dưới đất chạy qua đường, nhảnh mặt như trêu người, la hét như chào mừng bà con quá bộ đến thăm. Từng đàn công bay ào ào, kêu chan chát, thẳng quan hai nổ một phát súng hạ được một con công đuôi dài rất đẹp. Thỏ lấp ló ở bụi gần, nai téc ở trắng[10] xa. Thỉnh thoảng heo rừng nghênh mồm, khoe nanh rồi vụt nhảy. Tôi chợt nghĩ: thú nhỏ nhiều như vậy, chắc cộp ở đây không ít, cộp ở đây góp phần quan trọng cho việc canh giữ chúng tôi trong trại.

Khu Tà Lài chụp từ vệ tinh: vùng đất màu nâu nhạt ở phía trên ảnh, gần giữa, có dòng sông Đồng Nai chảy qua. Góc trái phía dưới: hồ Trị An. Góc phải, phía dưới: đường trắng chạy ngang là đường 20.

Cuối đường là trại giam Tà Lài.

Tà Lài nguyên là trụ sở đặc biệt của thực dân Pháp tại vùng người Thượng ở đông và đông bắc Biên Hoà. Xem như một quận lỵ, từ lâu bỏ hoang. Nói là trụ sở, là quận lỵ, chớ thật ra không còn có đâu! Cư dân? – Vèn vèn chỉ có một nhà dân núp trong vườn chuối sum sê bên cạnh một bến phà. Công thự? Chẳng có gì cả ngoài ba cái nhà trệt bằng gỗ lợp ngói có thể chứa một vài ông quan và một vài trung đội lính khố xanh nhưng đã bỏ hoang, không biết từ hồi nào. Ba cái nhà đó ở giữa một khu đất rộng chừng bảy, tám mẫu, cây to cao đã bị đốn sạch, nhưng cây nhỏ và cỏ tranh mọc lên rậm rì, có nơi lút đầu. Ngày chúng tôi lên tới đó thì

Tây mới vừa làm xong một cái trại dài bằng tranh tre nửa chứa được khoảng năm, bảy mươi người, một cái nhà bếp, một trạm y tế cũng bằng tranh tre. Từ nay về sau mọi sự xây dựng ở trại giam này đều sẽ do bàn tay của anh em chúng tôi.

Ảnh căn cứ ở trại Tà Lài

(Nguồn: Tư liệu gia đình)

“Cầu thủ dự bị”

Ở Tà Lài được vài tuần, số anh em lên đến hơn trăm, mỗi tuần lại thêm đông, tổ chức sinh hoạt, tổ chức lao động bắt đầu thành nề nếp. Tôi bàn với vài đồng chí tin cẩn nhất trong Đảng uỷ căng như Văn, Phúc, Giác, Đức về nhiệm vụ chính trị của những đảng viên cộng sản ở cái trại giam lớn này.

Rõ ràng là bọn thực dân quyết định gấp rút bắt tập trung lại một chỗ cho kỳ hết những ai mà chúng cho là nguy hiểm đối với quyền thống trị của Pháp trong cuộc chiến tranh thế giới này, trước hết là những người cộng sản, nhưng không chỉ có cộng sản mà thôi. Hễ còn trại tập trung thì còn thực dân Pháp và chiến tranh. Trại tập trung là nhà tù không án, không thời hạn. Giam giữ là chính. Cái chính không phải là đày ải, bắt lao động. Tách rời cá với nước, chiến sĩ với nhân dân mới là mục đích lớn; mục đích lớn chắc không phải là dùng nhân công này làm đường sá, xây đồn lũy. Tất nhiên là vì nếu ở trại giam mà các nhà cách mạng chết lần, chết hồi đi thì thực dân Pháp càng bằng lòng. Về phần của ta thì ta phải xem việc tập trung ở trại giam này như là một cơ hội để huấn luyện chiến sĩ, đào tạo thêm cán bộ cho cuộc cách mạng nhất thiết phải nổ ra và thành công ngay trong cuộc chiến tranh thế giới này. Các đồng chí đang hoạt động bí mật hiện nay có khá đông, đủ năng lực, đủ tinh thần, nhưng tránh sao khỏi bị bắt, bị giết. Chúng tôi ở trại giam phải tự xem như “cầu thủ dự bị” để thay thế những người bị bắt, bị giết đó, để bổ sung cho lực lượng cách mạng chỗ nào và khi nào cần. Tà Lài phải đóng vai một “trường học nội trú” của Đảng. Việc chính của chúng tôi ở đây chưa chắc phải là đấu tranh để cải thiện điều kiện ăn, ở, y tế, lao động, cái đó

tất nhiên là cần thiết mà không phải là chính yếu; cái chính yếu là học, là huấn luyện.

Ban lãnh đạo căng, công khai, được toàn thể trại viên bầu cử, được xếp căng công nhân, lo việc tổ chức ăn, ở, lao động. Ban này đa số là đảng viên, mỗi trại hai người, trên hết là đại diện của toàn thể trại viên đối với xếp căng: đồng chí Giàu. Đảng uỷ viên chuyên lo việc huấn luyện chính trị tư tưởng, tổ chức lực lượng nòng cốt, liên lạc với bên ngoài, công tác binh vận đối với lính khố xanh, công tác dân vận đối với đồng bào Mạ[11] trong vùng. Mọi khả năng đều được tính trước, bàn luận kỹ, phải biết rằng thời này là thời chiến, không còn là thời bình nữa rồi.

Đồng chí Văn báo cáo nội bộ họp về nghị quyết Trung ương tháng 11 năm 1939 (họp ở ngoại ô Sài Gòn), về nhiệm vụ cách mạng Đông Dương trong tình hình chiến tranh thế giới lần thứ hai bùng nổ. Nghị quyết này, mãi cho đến tháng 5 năm 1940, tôi chưa được biết, tôi cũng không biết rằng, cuối 1939, sau hội nghị Trung ương thì Ban Thường vụ Trung ương đã bị bắt ở đường Nguyễn Tấn Nghiêm. Phúc nói riêng với tôi là Xứ uỷ Nam Kỳ đã tính đến việc khởi nghĩa, phải bắt đầu chuẩn bị để đón thời cơ, tin ấy phù hợp với việc cán bộ Mỹ Tho đến nhà tôi báo cho tôi biết là tôi có thể được chỉ định vào Uỷ ban khởi nghĩa khi tôi vừa ở Khám Lớn về nhà.

Trong trại giam Tà Lài, đảng viên cộng sản và hội viên các đoàn thể do Đảng lãnh đạo chiếm đại đa số. Song, những người không cộng sản cũng không ít, còn có tín đồ Cao Đài, nổi tiếng nhất là “Thiên Bồng đại nguyên soái” Lê Kim Ty; lại có Tờ-rốt-kít như nhà báo ít tiếng tăm Lê Văn Thử từ đệ tam sang đệ tứ, tiến lên đệ tứ rưỡi, cũng có một tay nguyên thuộc công đoàn vô chính phủ ở Paris như Trịnh Hung Ngẫu - nay là công thương gia. Lác đác vào trại có một ít cụ thuộc các “hội kín” ngày xưa. Và, sao cho khỏi mấy tay trà trộn vào đây để do thám.

Văn và tôi tổ chức nhiều tổ học tập lý luận. Vấn đề chính, nhiệm vụ lớn là xây dựng, củng cố lòng tin vào một cuộc cách mạng nhất định sẽ nổ ra thành công ngay trong thời gian chiến tranh thế giới này. Văn là cựu sinh viên trường Đại học Đông Phương, khoá sau tôi, người Vĩnh Long, nhỏ

con mà râu xồm, tóc quăn, có lẽ gốc người Phù Nam gì đó chẳng? Văn ít nói mà làm việc nội bộ giỏi. Tôi thì thường xuyên nói chuyện về thời sự, về các vấn đề chiến tranh và cách mạng thế giới, trả lời cho các câu hỏi chính trị bất luận là của ai, Cao Đài hay Trốt-ký. Sinh hoạt tư tưởng xem như là thường xuyên, lính gác cũng được dự, có khi cả sếp Tây nữa. Nhớ ngày Đức mở cuộc tấn công chọc thủng chiến tuyến Maginot, tràn qua Bỉ và miền bắc Pháp, nhắm Paris trực chỉ, một thằng sếp Tây xuống trại 1, tìm hỏi tôi: “Liệu Paris có thất thủ hay không?”. Đông đảo anh em xúm nghe tôi và ông sếp Tây tranh luận. Sếp Tây thì đoán rằng sau chiến lũy Maginot thì Pháp chỉ có thể lấy sông Loire làm phòng tuyến tự nhiên, chặn đứng quân Đức ở đó; nghĩa là Paris chắc mất thôi. Còn tôi thì cho rằng Paris có truyền thống cách mạng, sẽ không để cho quân phát xít chiếm đóng cho dù quân của chính phủ bỏ ngổ kinh thành. Đánh cá nhau: ăn thua một chai champagne, có hàng trăm trại viên Tà Lài làm chứng. Ít hôm sau, chỉ ít hôm sau thôi, tin tới tấp, chẳng những Paris thất thủ mà nước Pháp cũng sớm đầu hàng nhục nhã! Tôi không dè rằng Pháp yếu hèn đến thế. Ai, ngoài Hitler, tin rằng một đế quốc Pháp cường quốc có hạng, mà bị bẻ gãy xương sống chỉ trong vòng hai ba tuần, quân Pháp chạy chết như một đàn trư non trước bầy sói dữ? Không phải là tôi buồn bực gì về cái việc Pháp thua Đức. Pháp thua Đức có thể thấy trước; nhưng tôi không thể đoán được là Pháp đo ván mau đến thế. Tôi tính rằng Pháp cầm cự được ít ra cũng cả năm, Đức sẽ yếu đi bớt, Liên Xô sẽ có thời giờ chuẩn bị thêm. Nay, ở mặt trận Tây Âu như vậy là Đức gần như rảnh tay, nó có thể sớm đem phần lớn lực lượng sang đông, đánh Liên Xô là kẻ thù chính của nó. Nước Đức làm chủ thực tế của toàn thể lục địa châu Âu, đem toàn lực lục địa châu Âu sang đánh Liên Xô thì mệt cho Liên Xô lắm, mà hể mệt cho Liên Xô thì cũng rất khó cho cách mạng thế giới.

Quả thật như vậy. Sinh hoạt tư tưởng của căng Tà Lài từ nay tập trung vào vấn đề mặt trận Đức - Liên Xô. Hơn ai hết tôi khẳng định rằng, tiến công Liên Xô thì Hitler đến ngày tận số. Nhưng rồi cũng không hẳn như thế, ít nhất là ở những giai đoạn đầu. Phòng tuyến Stalin chẳng hơn gì phòng tuyến Maginot. Quân Đức thắng trận này đến trận khác; Hồng quân mất thành này đến thành khác, có khi một ngày lui hàng mấy chục cây số; quân Đức vào tới ngoại ô Leningrad; Hitler tuyên bố sẽ nghỉ đông

trong Moscou! Các đồng chí cộng sản buồn hiu; bọn đệ tứ, bọn thân Nhật lên chân; tụi nó lấy báo ghép lại thành như một chiếc chiếu vẽ địa đồ chiến sự Đức - Liên Xô, tùy tin chiến sự mà cầm cờ chữ vạn và cờ búa liềm, chữ vạn tiến mãi, búa liềm lui hoài; họ uống trà, bình luận, nói móc hòng. Cho đến một hôm Tào Ty đi qua chỗ tụ họp ấy, nghe tụi kia chế nhạo nào là “Hồng quân vô địch”, nào là “Liên Xô hùng cường”, nào là... Ty nổi nóng cho mỗi đứa một đá, một thoi trời giáng, cả bọn tan như ruồi; anh em cản Ty lại, không thì tay võ sĩ Tiểu này còn đại náo thiên cung dài dài và được nhiều người ủng hộ. Song vấn đề tư tưởng thì phải giải quyết bằng tư tưởng, không giải quyết được bằng cùi tay gót chân. Văn và tôi bắt đầu tìm cách giải thích sự cố Đông Âu trong nội bộ các đồng chí; rồi sau đó tranh luận công khai cho mọi người phát biểu ý kiến: Đức Liên Xô, ai sẽ thắng? Trở lại trước:

– Chủ nghĩa phát xít là gì? Do đâu ra?

– Nguyên nhân của chiến tranh thế giới lần thứ hai? Trong đó có những vấn đề mà tôi đã nói với tụi cò Catinat hồi tháng Tư!

– Chiến tranh và cách mạng.

Trước mắt, thiết thực là vấn đề Liên Xô có đứng vững được không trước sức tiến công vũ bão của Đức Hitler. Đảng uỷ, Văn và tôi cố giữ cho được lòng tin Liên Xô sẽ chiến thắng. Trên lý luận thì như vậy, nhưng thực tế chiến trường thì khác xa, rất khó giải thích, không dễ giữ được một lòng tin tuyệt đối như trước.

Chuẩn bị khởi nghĩa

Từ khi đặt chân lên Tà Lại, Văn, Phúc đã cho tôi biết chủ trương đường lối của Trung ương Đảng và của Xứ uỷ Nam Kỳ về vấn đề khởi nghĩa.

Trung ương hội nghị lần thứ VI họp ở Bà Điểm quyết định chiến lược mới của cách mạng giải phóng dân tộc, quyết định rằng ta có nhiệm vụ làm cách mạng thành công trong cơ hội “trăm năm có một”, nghĩa là trong chiến tranh thế giới lần thứ hai này. Nhưng, rủi quá, Trung ương Thường vụ bị bắt sau đó ít lâu tại đường Nguyễn Tấn Nghiêm, Sài Gòn. Xứ uỷ

Nam Kỳ, căn cứ vào nghị quyết của hội nghị Trung ương lần thứ VI, đã bắt đầu chuẩn bị khởi nghĩa. Kế đó, Pháp đại bại, đầu hàng Đức, các cuộc xung đột biên giới giữa Đông Dương thuộc Pháp và Thái Lan thân Nhật càng thúc giục cuộc chuẩn bị khởi nghĩa. Chúng tôi ở Tà Lài được tin là Xứ uỷ không yêu cầu chúng tôi cùng hành động, chỉ yêu cầu chúng tôi bảo toàn lực lượng, chờ ngày được giải phóng. Nhưng về phần mình, chúng tôi không thể ngồi chờ mà phải sẵn sàng hưởng ứng khi cần. Chúng tôi cũng chuẩn bị khởi nghĩa và chuẩn bị bằng những cách sau đây:

Một là, tuyên truyền vận động ráo riết cho mã tà đứng về phe cách mạng, đánh Pháp, giành độc lập. Pháp mắc kẹt ở châu Âu, bị Đức đánh bại, thì lính khố xanh, khố đỏ gì cũng dễ thấy được rằng Pháp hết thời rồi, chỉ còn chờ ngày cút khỏi Đông Dương mà thôi. Ở trại Tà Lài mỗi tuần thay phiên một tiểu đội hay là hơn nữa, ý định của Pháp là ngăn ngừa lính bị chúng tôi tuyên truyền, thực ra, có thể xem như Tây nó thường kỳ đem nộp thêm người để cho chúng tôi tuyên truyền cách mạng. Các toán lao động ngoài rừng, ngoài đường đều có vài lính đi theo, chúng tôi tuyên truyền vận động đến mức họ đồng ý tập cho chúng tôi mở ráp súng và thỉnh thoảng bắn đạn thật, lính về báo cáo với sếp Tây là đã bắn “đuổi cộp”. Đa số lính của “Binh đoàn lưu động” vì vậy mà hiểu cách mạng, cảm tình với Đảng. Nếu ngày nào ta quyết định khởi nghĩa lấy đồn Tà Lài, thì việc đó sẽ dễ như móc thuốc lá trong túi áo.

Hai là, tuyên truyền vận động cho đồng bào thiếu số địa phương thương và phục những người bị giam ở trại. Việc này khó lắm. Vì đồng bào rất ít biết tiếng Việt, còn anh em tụi tôi thì không biết tiếng Mạ chút nào. Bà con lại ở cách trại giam tới năm, ba cây số hay xa hơn nữa, chỉ có Phúc, sếp ê kíp đồn tre bứt mây, mới có dịp vào làng Mạ. Song đồng bào thường qua lại Tà Lài. Chúng tôi tìm cách thỉnh thoảng tổ chức những cuộc vui chơi ở trại thì đồng bào rủ nhau đến xem. Tụi tôi sẽ có cách “tương kế tựu kế” gây cảm tình.

Ba là, tổ chức một đội võ thuật, nói cho đúng một đội du kích hay tự vệ, không mang hẳn tên gì mà thực chất là đội vũ trang, xung kích. Đội gồm những tay “hào kiệt” được chọn kỹ: Tô Ký, Nguyễn Công Trung, Tào Ty v.v... Trong rừng sâu thiếu gì chỗ tập luyện.

Bốn là rèn vũ khí thô sơ. Anh thợ Ba Son[12], Nguyễn Văn Khung, phụ trách công việc này, dao mác, xà beng của trại thỉnh thoảng được báo cáo mất, hỏng, thật ra là đưa vào “binh công xưởng” của Khung để rèn dao găm, mã tấu.

Và năm là làm lương khô và tích trữ thuốc men, việc này do “Tiền cụt” sắp bếp của căng, phụ trách: mỗi ngày để dành cơm cháy và phơi một số cơm khô đựng trong bao bố tời treo ở bếp.

Đã có kế hoạch chiếm gọn đồn Tà Lài, ra lấy Xuân Lộc, thắng thì đánh rốc về Biên Hoà, thất thì vào rừng núi làm du kích chiến tranh; Tà Lài nổi dậy là phải tuân theo lệnh của Xứ Ủy, không được tự động.

Sau đây là vài chuyện thuộc mưu đồ khởi nghĩa ở Tà Lài, chuyện xảy ra vào cuối năm 1940. Chuyện “thi lợi” là kế “điệu hổ ly sơn”, tạo khả năng điều phần lớn Tây và lính đồn ra khỏi trại mà thường xuyên chúng phải túc trực. Chuyện “xỏ vằm trâu cổ” là chuyện cốt làm cho đồng bào người Mạ phục anh em bị giam cầm, tạo điều kiện quan hệ thân ái giữa người Kinh và người Thượng mà Pháp cố tình chia rẽ; nhà cầm quyền thực dân cho rằng Tà Lài không có tường cao cửa sắt như Khám Lớn nhưng lại có rừng già nhiều cộp và có xóm làng người thiểu số mà chúng tin là trung thành với Pháp cho nên chúng tin chắc rằng tù nhân không thể nào vượt ngục mà không bị dân bản địa bắt nộp cho chúng.

Tháng 7-1989 (kỷ niệm 200 năm cách mạng Pháp), Trần Văn Giàu được mời sang Pháp. Ảnh chụp trước cổng nhà tù La Roquette, nơi cậu học sinh Giàu bị giam năm 1930 trước khi bị trục xuất về nước (Ảnh N.N. Giao)

Thi lợi

Phong cảnh Tà Lài khá hữu tình. Đồn ngói của Tây, trại tranh của tù như giấu mình trong khu rừng mênh mông đầy muông thú, bên cạnh một con sông lớn nước bao giờ cũng trong và đầy, sông Đồng Nai. Bên kia sông về hướng Tây, một dãy núi xanh biếc. Bên dưới sông, một cái thác tuyệt đẹp, được tù nhân đặt tên là thác “Cồn Mai”, đá dưới nước trôi lên, mai trên đá soi gương dưới nước. Khoảng trên cửa con sông, dài không biết

bao nhiêu kilômét, nước đầy, chảy nhẹ, nhiều cá tôm, có cả sấu; chiều chiều đội đống tre của anh Phúc thả bè về, quần áo quần trên cổ, hát giọng chèo đò. Một hôm chủ nhật, tốt trời, chúng tôi xin phép tổ chức “thi lội” ở khoảng sông này. Sếp Tây đồng ý.

Trong một số anh em bị đưa đi lên trại giam Tà Lài, có Nguyễn Văn Minh, biệt danh là “Minh lội”, người dong dỏng, khỏe, vui tính, nổi tiếng vô địch bơi lội Đông Dương. (Năm rồi trong cuộc thi bơi lội toàn Đông Dương thì Minh đoạt giải nhất). Bị đưa lên Tà Lài về cái “tội” không ra tội là “thuộc nhóm La Lutte[13]”, chỉ có vậy thôi. Lên đây, Minh có một hồ bơi lý tưởng là khúc sông Đồng Nai dài, rộng, sâu, nước chảy không mạnh. Những buổi chiều biểu diễn của Minh được toàn căng tán thưởng, nhiều thầy chú[14] ra xem, đôi khi sếp Tây cũng ra xem. Minh lội nhanh như cá và đẹp như khiêu vũ ba lê.

Trong số thanh niên bị bắt lên trại giam Tà Lài, có Nguyễn Thanh Liêm, con đỡ đầu của nghệ sĩ Văn Cù, Cần Thơ. Liêm trẻ hơn Minh, cũng dong dỏng, vui tính, đẹp trai, có tiếng bơi lội giỏi mà không đi tranh giải vô địch bao giờ. Trên khúc sông Tà Lài, Minh và Liêm đôi khi cũng tranh tài với nhau và mỗi lần như vậy cả hai đều được trại viên, lính tráng cổ vũ, đánh cá với nhau.

Tôi, Văn và Phúc nảy ra cái ý là, nếu một ngày nào đó ta phải chiếm đồn Tà Lài để rồi ra đánh Xuân Lộc, thì khi ấy ta phải tạo ra một tình hình thuận tiện cho cú đánh bất ngờ, là kéo sếp Tây và phần lớn lính mã tà ra khỏi trại. Trong lúc đó một số ít người của ta ập vô trại lấy hết súng đạn mà không phải đánh chác gì. Trước mắt ta hãy thử tổ chức một cuộc đua tài bơi lội giữa vô địch Minh và những ai muốn thử sức mình, nói cho đúng, giữa Minh và Liêm. Có giải thưởng. Có cá độ. Sếp bắt Liêm, tôi bắt Minh.

Hội thi hôm ấy rất náo nhiệt.

Mấy trăm anh em ra mé sông, có cả mấy chục đồng bào Mạ qua đường dùng chân xem đấu. Tiếng reo hò vang dội, càng vang dội khi Minh, Liêm về gần mức ngang ngửa.

Tôi, sắp cùng hàng chục anh em và binh lính đứng trên chiếc phà cột ở bến. Vui quá là vui! Hai thằng sắp Tây, ở trần tròng trọc, tay chống đầu gối cũng hét lên với mọi người. Tôi và Tào Ty đứng bên hông hai sắp, cũng hét hò. Tôi thua – sắp thắng. Liềm vượt Minh tới một thước.

Người thắng thực sự là Văn, Phúc và tôi, vì hội đua đã kéo được hầu hết Tây tà ra khỏi đồn trại.

Khi cần sẽ có nhiều cách khác mà Tào Ty gọi là “dụ khị”, binh thơ xưa gọi là “điều hổ ly sơn”.

Xỏ vằm trâu cổ

Trâu có vằm mới kéo cày, kéo cộ, kéo súc được. Trâu không vằm như xe cam-nhông máy tốt, xăng đủ mà không có tay lái; vô dụng. Cho nên chủ trâu ai cũng sớm lo xỏ vằm trâu. Người ta xỏ vằm trâu khi trâu còn tơ. Không ai đợi tới trâu dậy cổ mới xỏ vằm bao giờ. Trâu được bốn tuổi thì cổ nó đã lớn cả ôm; lúc đó nó dữ lắm, sờ tới mũi nó thì liệu hồn! Nó húc chết. Khép nó vào chuồng để xỏ vằm? Nó phá gãy bất kỳ thứ cổng nào.

Vậy mà tôi đã mắt thấy một vụ xỏ vằm trâu cổ.

Người đã làm cái việc không ai dám làm đó là Tô Ký. Khi ấy Tô Ký mới mười chín tuổi.

“Chủ mưu” là tôi. Bộ muốn hại thằng trẻ sao mà xui nó xỏ vằm trâu cổ? – Không! Hay là sai tướng lên đánh Ma Thiên Lãnh? – Có mưu đồ tựa như vậy; có mục đích chính trị chính đáng. Ai tinh lắm mới hé thấy. Con mắt bình thường kể cả con mắt hay ngờ vực, cảnh giác của bọn sắp Tây cũng không hơn mắt bịt bạc. Thôi thì hãy nói ngay rằng việc xỏ vằm trâu cổ nằm trong kế hoạch của Đảng ủy trại tập trung Tà Lại nhằm vận động đồng bào Mạ, tạo điều kiện cho một cuộc khởi nghĩa hoặc một cuộc vượt ngục: phải có cách làm cho đồng bào (bản địa) kính phục và thương yêu mình bằng một số hành động nổi bật nào đó, chớ tuyên truyền miệt thị đồng bào có hiệu tiếng Việt đâu!

Tháng 10 năm 1940, bọn tôi, có mấy trăm người bị giam ở trại tập trung Tà Lài. Trại nằm sát mé sông Đồng Nai. Tại đây có một bến phà. Ở phía đông của bến phà có một ngôi nhà lợp xúp nuôi tới chừng ba chục con trâu. Ngoài ngôi nhà này không hề có căn nhà nào khác. Ở đây, bản làng đồng bào Mạ cách xa Tà Lài nhiều cây số, nhưng ngày ngày vẫn có người mang nỏ, mang gùi, xách chà gạc,[15] xách thịt rừng đi qua đây, có khi một vài lít rượu. Đỡ buồn cho tội tôi biết mấy!

Trong bầy trâu của chủ nhân ngôi nhà ở sát bến phà, có một con trâu duy nhất không vằm. Đó là anh trâu cổ, cổ lớn như thùng bia. Sừng dài mới chừng hai gang, nhọn hoắt. Cao lớn và gòn gàng. Da nó bóng láng đen thùi lũi. Nó nghinh lên thì mắt nó như hai cục lửa, mũi phì ra hai luồng khói. Thấy mà ghê. Thế mà chẳng lợi gì ráo cho chủ nhà ngoài hai việc: nhảy cái và giữ cộp. Bầy, tám chú nghé đều là con của anh trâu cổ này. Bầy trâu sáng đi ăn cỏ ở trắng thì anh trâu cổ gom tất cả vào một cụm rồi nó đi rảo xung quanh, nhìn vào mé rừng. Bầy trâu, chiều về nhà, nằm ở sân, ghé chính giữa, lớn xung quanh, đưa đầu ra ngoài, còn anh trâu cổ ta thì tự cho phép mình đi đi lại lại như một “chú cai”, hình như nó có ý thức cảnh giác: ở đây cộp rình luôn. Người ta kể rằng, mới mấy tháng trước thôi, anh trâu cổ húc xẹp lép một ông cộp già vào gốc cây bằng lăng!

– Anh trâu cổ này nếu có vằm thì tui cho người ta mượn kéo súc, được nhiều tiền lắm: đổi lấy muối cũng được mấy chục gạ! Chủ nhà nói bập bẹ với tôi như vậy.

– Sao không liệu xỏ mũi cho nó?

– Làm sao được? Nó chém chết. Sức trai, mưu già, ở mấy bản làng xung quanh đây, không làm gì được; không ai dám làm. Có lẽ rồi phải để người ta bắn nó, làm thịt bán thôi.

– Nếu có ai xỏ mũi con trâu cổ đó thì anh tính sao?

– Thưởng cho một đùi heo rừng và một vò rượu cần.

Tôi hẹn với chủ nhà, để tôi hỏi anh em tôi có ai biết xỏ mũi trâu không rồi sẽ báo lại.

* * *

– Ê, Ba Ký ơi! Chú mày nói là lớn lên từ cái nghề làm ruộng chăn trâu, vậy có biết xỏ mũi trâu không? Tôi hỏi.

– Dễ như quăn thuốc rê.

– Đừng chủ quan: không phải trâu tơ mà trâu cổ. Dám không? Được không?

Tô Ký suy nghĩ một phút, chỉ một phút thôi, rồi trả lời:

– Lấy thế thì làm được liền.

– Thế là thế nào?

– Như vậy, như vậy...

– Uất Trì Cung tắm ngựa được thì chú mày xỏ vằm trâu cổ được chứ gì. Có biết Uất Trì là ai không?

– Truyện Thuyết Đường Chinh Đông, nhiều truyện Tàu khác nữa trong lịch sử bắc phương tôi thuộc lầu lầu. Tôi cũng sẽ làm việc “tắm ngựa” cho các anh xem.

– Cố gắng nhen! Tôi sẽ bảo chủ trâu kêu đồng bào Mạ mấy bản xa gần đến xem. Hễ đồng bào họ khen, họ phục thì tội mình để vào bản làng, vào làm gì chú Ba mày biết rồi, không phải chỉ có việc mua gà và mua rượu.

Ngày giờ xỏ vằm trâu cổ đã tới.

Trên bãi cỏ bờ sông sau trạm y tế, bày trâu non già ba chục con họp đông đủ. Cũng đông đủ sếp Tây hai thằng, vài chục chú mã tà, mấy trăm anh em tù nhân đều tề tựu, như để xem xiếc.

Tôi hồi hộp, dẫu rằng tin chắc ăn.

Tô Ký đầu trâu, lưng trâu, bận xà lỏn, tay cầm một sợi dây mây vót nhọn. Coi như một võ sĩ sắp lên võ đài.

– Chắc ăn không mậy, Ba Ký? Văn hỏi.

– Như ba bó một gạo – Tô Ký đáp và cười có duyên.

Bỗng Tô Ký đồng dặc ra lệnh:

– Lùa hết trâu xuống sông một lượt!

Trót, trót, trót, roi quất đít trâu!

Trâu ủa xuống sông, con này trước con kia, con này sát con kia.

Nước Đồng Nai chảy không lấy gì làm mạnh.

Tô Ký cầm dây mây, nhảy trên lưng trâu, một con, hai con, ba con, rồi nhảy lên lưng anh trâu cổ. Gã trâu cổ lúc này ở gần giữa bầy trâu ba mươi con chen nhau như nêm. Đoạn Tô Ký hai chân kẹp cổ trâu ngạnh, mình trườn dài ra trên đầu trâu, nằm giữa cặp sừng của nó, với tay ra trước nắm mũi trâu, lấy dây mây đã vót nhọn, đâm một cái sứt, kéo nhanh dây mây buộc chặt vào mang tai trâu. Tất cả làm xong chừng một vài phút. Anh trâu cổ bị người ngồi trên cổ, nằm sấp trên đầu, sờ mũi, đâm mũi; nó lồng lộn nhưng không cách nào được vì chân không chạm đất, nó quơ sừng mà người ta nằm giữa hai cái sừng, nó chém sao được, nó muốn hất mà hất sao được vì người ở cổ nó chớ có ở trước mặt nó đâu; nó lồng phải, lồng trái đều đụng trâu khác; trước nó, sau nó đều có trâu. Rốt cuộc, hình như nó bực lắm, mà phải chịu thôi!

Cột dây vàm rồi, Tô Ký đứng phắt dậy trên lưng trâu ngạnh, nhảy qua lưng trâu khác, một con, hai con, ba con, bốn con, rồi nhảy lên bờ, hô: Xong!

Mấy trăm người hoan hô nhiệt liệt.

Sếp Tây Ménéttrie nói:

– Vous êtes formidable! (Anh cừ thật)

Đội, cai, lính hết lời khen:

– Gan hết cỡ, mưu rất cao!

Đồng bào Mạ tỏ ý khâm phục, chỉ tay về phía mặt trời lặn, bảo: “Làng tôi ở bên kia” như tỏ ý mời.

Bầy trâu xuôi dòng, tới Cồn Mai thì lên bờ, lại gặm cỏ. Riêng anh trâu cổ rày đã có vàm, lông lộn dữ dội: chạy tới, chạy lui, cụng vào gốc cây, lăn trên bụi rậm, rống lên. Cuối cùng mệt lử, nó nằm sấp xuống bãi cỏ.

Mấy tháng sau, chúng tôi, trong đó có Tô Ký, vượt ngục Tà Lài. Định ra lệnh cho đồng bào xuống núi, xé rừng tìm bắt bọn tôi; chúng treo giải thưởng cho đồng bào, hứa nào muối nào gạo, nào tiền nếu bắt sống hay đem đầu về được. Nhưng chúng tôi vẫn an toàn ẩn náu trong rừng núi Tà Lài để rồi an toàn về thành thị, về đồng bằng, tiếp tục hoạt động cách mạng.

Không để bị khiêu khích

Tháng 12, được tin chính xác rằng khởi nghĩa Nam Kỳ nổ ra ngày 23 tháng 11, đã hoàn toàn thất bại, nên chúng tôi bãi bỏ sự chuẩn bị khởi nghĩa ở Tà Lài. Dĩ nhiên là công tác binh vận, tuyên truyền trong đồng bào Mạ thì vẫn tiếp tục. Hàng trăm anh em ở các tỉnh mới bị bắt đưa lên trại giam cho chúng tôi biết do khởi nghĩa đã nổ ra cuối tháng 11 thất bại; thực dân Pháp đàn áp rất dữ dội, tàn sát dã man hơn cả những năm 1930-1931. Chúng tôi không biết tình hình căng Tà Lài sẽ ra sao để mà đối phó. Định sẽ khủng bố tới mức nào ở trại giam? Dù sao đi nữa thì mình cũng phải bình tĩnh, đề phòng, dự tính các khả năng.

Một hôm, chủ tỉnh Biên Hoà La Rivière lên Tà Lài với một tiểu đội lính khố xanh hộ vệ. Hôm đó, cũng như mấy hôm trước, từ sau khi nổ ra khởi nghĩa tháng 11, trại viên không toán nào đi làm ngoài xa cả; tuyệt đại đa

số đều tập trung, già cả thì chẻ tre đan ky trong nhà, trai trẻ thì xeo đá gánh đất làm con đường lớn gần sát trại đi lên hướng đông bắc dọc theo sông Đồng Nai. Bỗng sếp căng dẫn chủ tỉnh[16] đến chỗ tù nhân đang xeo[17] đá đắp đường:

- Tất cả, tập hợp lại! Cuốc xẻng bỏ hết xuống đất! Sếp căng ra lệnh.

Anh em mới cũ, già trẻ non năm trăm người tập hợp lại dưới dốc. Sau lưng y là toán lính lên cò súng trường nghe rôm rốp.

- Có biến rồi; chắc khủng bố; anh em nói với nhau.

- Bình tĩnh, bình tĩnh! Đứng thưa ra, thưa ra! Tôi bảo anh em.

Chủ tỉnh nói: Hãy nghe ta đây! Vừa qua, thừa lúc nước Pháp bại trận ở châu Âu và bị rối ở biên giới Thái Lan, Đảng Cộng sản các nước đã cầm vũ khí nổi lên toan đánh đổ chính quyền Pháp ở Nam Kỳ. Đảng của các người đã hoàn toàn thất bại. Chính phủ đã và đang thẳng tay đàn áp và đàn áp không thương tiếc. May lắm mười, mười lăm năm nữa, đảng của các người mới có thể ngóc đầu dậy. Ta báo tin cho các người biết. Bây giờ các người hãy trả lời cho ta câu hỏi sau đây:

Hỡi các người ở căng Tà Lài này, tán thành hay phản đối cuộc bạo động vừa qua ở Nam Kỳ?

Như thường lệ, là đại biểu được toàn thể anh em bầu cử, tôi dịch cho anh em nghe. Tôi thấy anh em lo ngại lắm. Rõ ràng quá, thằng chủ tỉnh cố khiêu khích. Mấy trăm cặp mắt ngó vào tôi như bảo phải trả lời sao cho vừa giữ thanh danh của đoàn thể, vừa tránh khủng bố dẫm máu cho anh em. Tôi yêu cầu các anh em ủng hộ tôi. Khó trả lời quá. Nói tán thành khởi nghĩa thì thằng chủ tỉnh có thể sẽ ra lệnh bắn. Lúc này, bắn chết năm, bảy chục, một hai trăm người, tội Tây ở đâu cũng dám làm, bọn tề xã còn dám tự tiện giết người kia mà. Còn nói không tán thành hay phản đối khởi nghĩa mặc dầu khởi nghĩa đã nổ ra rồi, đã thất bại rồi, thì hoá ra mình hèn quá, Tây nó khinh mình, mình cũng xấu hổ với anh em. Tôi xoè tay làm dấu hiệu bảo anh em đứng thưa ra hơn nữa. Rồi tôi bước tới mấy bước, đứng lên một tảng đá lớn, khá cao, với ngụ ý là, nếu tôi bị

bắn, tôi sẽ đổ từ trên xuống, chớ không phải ngã bẹp. Tất cả diễn ra hết sức nhanh. Tôi trả lời bằng tiếng Pháp, sau lưng tôi có Văn dịch lại cho tất cả anh em nghe.

“Này ông chủ tỉnh! Ông hỏi vậy chúng tôi ở Tà Lài tán thành hay không tán thành cuộc khởi nghĩa vừa mới xảy ra ở đồng bằng? Tôi xin trả lời cho ông và tôi chắc ông đủ bình tĩnh để nghe. Ông ơi! Nước Việt Nam (lúc ấy tôi nói là Đông Dương) của chúng tôi từ mấy chục năm nay ở dưới quyền thống trị của nước Pháp, cũng như mấy tháng nay nước Pháp yêu dấu của các ông bị quân Đức Hitler xâm chiếm, dày xéo, thống trị. Chúng ta, ông cũng như tôi, đều là đồng cảnh ngộ mất nước. Tôi được biết, và ông thừa biết hơn tôi, rằng hàng chục vạn người Pháp thường dân và binh lính đang nổi lên cầm vũ khí tiếp tục đánh Đức để giải phóng quê hương. Tôi tin chắc rằng trong thâm tâm của ông chủ tỉnh, ông rất đồng ý với những người Pháp kháng chiến rằng không thể van xin quân Đức rút lui mà nhất thiết phải đánh đuổi chúng bằng vũ lực, bằng súng đạn. Ở góc trời Đông Dương xa xăm này, vì tấm lòng yêu nước Pháp, vì ý thức bảo vệ danh dự người Pháp, ông tuy không nói ra, ông không thể nói ra, mà ông thực sự một lòng với những người Pháp kháng chiến trong lòng nước Pháp. Chẳng nói giấu chi ông, ở cái xó rừng núi Tà Lài này, tôi sao lại không thông cảm với đồng bào của tôi trong biến cố tháng 11 vừa qua ở Nam Kỳ?

Đó, tôi đã trả lời cho câu hỏi của ông chủ tỉnh”.

Thằng Rivière này giờ nín thinh, bây giờ tay không chống nạnh nữa; nó nhìn xuống đất, rồi nhìn lên khi tôi nói tiếp:

“Còn như ông bảo rằng may ra mười, mười lăm năm nữa Đảng chúng tôi mới sống lại được. Thì, ông ơi, làm sao biết được mười lăm năm hay năm năm nữa, cục diện thế giới và cục diện Đông Dương sẽ biến đổi hoàn toàn. Ông còn sống, tôi chắc cũng còn sống, mọi người ở đây cũng còn sống, chúng ta tất cả là chứng nhân của lịch sử, chúng ta nhất định sẽ vui mừng thấy được nước Đức của Hitler bị bể gãy xương sống, nước Pháp của các ông và nước Việt Nam của chúng tôi đều được tự do”.

Thằng Tây xem chừng mất hết cái hùng hổ ban đầu. Nó không nói năng gì hết. Nó quay lưng đi; sắp căng và toán lính khố xanh mang súng trên vai, theo sau, êm ru. Mấy trăm anh em chúng tôi cười thầm, bàn bàn luận luận.

Thăng một trận!

Thoát nạn; khi này tưởng đâu đại biến tới nơi!

Ông Trần Hữu Độ[18], tục gọi là ông “Hồi trống tự do” hay là ông “Biện chứng pháp”, võ vai tôi, nói: “Thiệt chiến[19] Tà Lại, nghe khoái thật”. Ở sở đàn ky[20], trong số người có tuổi, ông Trần Hữu Độ nổi tiếng là một kho truyện Tàu và một kho tiểu lâm.

Vượt ngục

Ở cãng Tà Lại cuộc sống không đến nỗi cực khổ quá, có thể nói thành thơi là khác, được như vậy không phải do chế độ của trại giam mà do tổ chức tù nhân của chúng tôi; công việc khoán phần lớn ở trong rừng, chỉ có mã tà đi theo cốt để giữ không cho chúng tôi trốn hơn là để thúc bách tù làm. Chỉ một lần sắp Tây đánh một đồng chí một gậy, đồng chí ấy quơ xà beng lên đỡ, tất cả anh em đều đứng lên, xẻng, cuốc dao, mác trong tay, mắt đổ dồn vào tên sắp Tây, nó khiếp quá, bỏ đi luôn. Từ đó trở đi không có vụ đánh đập nào nữa. Ăn, thì gạo thừa, cá khô đủ; chúng tôi còn đánh cá trên sông, mua thịt rừng, rượu cần ở đồng bào thiểu số. Rau thì thiếu gì trong rừng. Thuốc men không biết đâu là đủ, nhưng sốt rét thì có ký ninh, uống nước thì có nước sông lọc bằng thuốc tím. Ở, thì nhà tranh vách nứa, tự làm, nhưng được phát mùng, phát chiếu. Tây nó cốt được yên bằng việc tách tội tôi khỏi nhân dân, không cốt được kết quả lao động khổ sai. Chúng tôi, cốt học tập dạy nhau để làm “cầu thủ dự bị” lúc cần, không cốt đấu tranh vì lợi ích hàng ngày. Sếp, mã tà đều nể chúng tôi, vì chúng tôi bao giờ cũng giữ nhân cách người yêu nước, người cán bộ cách mạng, cộng sản.

Thế nhưng, chẳng những riêng mình tôi, rất nhiều anh em nuôi chí vượt ngục ngay từ đầu. Có người muốn vượt ngục vì không muốn bị giam giữ vô thời hạn. Có người cho rằng, ngày nào đó, Tây bị cách mạng nổi lên

đánh đổ hoặc bị một đế quốc khác giành lấy thuộc địa thì chúng sẽ tàn sát mình trước khi tháo chạy, cho nên mình phải liệu trước, thoát khỏi trại là hơn. Riêng tôi và một số cán bộ nòng cốt xác định rằng thời kỳ chiến tranh đế quốc chính là thời kỳ cách mạng giải phóng. Cơ hội trăm năm có một. Cha anh đã thất bại hồi chiến tranh 1914-1918; bây giờ chúng ta nhất thiết phải thành công. Cho nên chúng tôi đã tính đến vượt ngục từ những ngày mới đến Tà Lại; còn tính đến khởi nghĩa ở Tà Lại nữa.

Vào thời điểm cuối 1940, khởi nghĩa Nam Kỳ thất bại, rất nhiều đồng chí bị giết, bị bắt, kể đến hàng ngàn, nhiều hơn bất cứ lúc nào. Cả Trung ương, Thường vụ đều bị bắt, chưa kịp phục hồi tổ chức thì tới phiên Ủy Nam Kỳ hai lần bị bắt, rồi lần lượt các tỉnh Ủy viên bị bắt, cơ sở Đảng và quần chúng bị đánh tan tác. Các bạn mới lên căng sau này báo cáo tình hình bi đát ấy. Và hôm rồi tên tỉnh trưởng La Rivière quả quyết rằng: “Hoạ may, mười, mười lăm năm nữa, đảng của các anh mới có thể ngóc đầu dậy”.

Vậy thì đến lúc “cầu thủ dự bị” phải vào sân kéo trẻ. Đã đến lúc các đồng chí bị giam ở Tà Lại, ai có nhiệt huyết, ai có tinh thần, phải vượt ngục trở về với dân, hoặc để bổ sung cho phong trào bị tổn thất quá nặng nề, hoặc gây dựng lại hệ thống cơ sở bị tàn phá tan hoang. Các bạn mới lên căng Tà Lại kể lại một phần tình hình địch khủng bố: nhà tù đầy nhóc, địch phải dùng các sân banh rào kẽm gai để nhốt người dưới nắng, dưới mưa; chúng xỏ dây xích chuỗi người bị bắt để dẫn về trại giam, xỏ dây kẽm ngang bàn tay như ta lấy nhánh trám bầu xỏ vào mang con cá, địch phải dùng tới xà lan ghe chài để giam chính trị phạm; chiến sĩ bị giam đông đến mức chỉ có chỗ đứng, không có chỗ ngồi, nói chi chỗ nằm; bọn thực dân cho tù uống nước bằng vôi rồng, cho ăn bằng cách rải cơm xuống xà lan, ghe chài ném đầy người như người ta rải lúa cho gà trên sân; đến một lúc nào đó thì đám thực dân ra lệnh cho ca nô dắt những xà lan ghe chài đầy người kia ra cửa biển rồi lạnh lùng đánh chìm! Nghe đau thương hết sức! Pháp cố làm sao cho trong lúc chiến tranh này, không còn một tổ chức cách mạng nào, nhất là không còn có Đảng Cộng sản, thì mới giữ được Đông Dương trong tay Pháp. Toàn quyền Catroux đã

công khai tuyên bố như vậy ngay từ khi hấn chân ướm chân ráo mới đến trấn nhiệm xứ này.

Phải vượt ngục thôi! Để góp phần xây dựng lại Đảng bộ mạnh. Không có một Đảng bộ mạnh thì không có giải phóng.

Phải vượt ngục sớm; nếu chậm trễ thì có thể sẽ không còn cơ hội vượt ngục nữa. Mấy hôm nay, ê kíp đan ky của Trần Hữu Độ được lệnh sản xuất thật nhiều, đan bao nhiêu, xe cam-nhông chở đi hết bấy nhiêu. Chở đi đâu? Để làm gì? Tụi Pháp chuẩn bị một “căng” nào ở núi cao rừng sâu hơn Tà Lài? Và biết đâu chúng nó không thực hiện kế hoạch đưa những người đặc biệt “nguy hiểm” đi xa hơn, đi các đảo thuộc địa Pháp trên Ấn Độ Dương? Có thể lắm; và khi ấy thì không còn vượt ngục được nữa. (Sau mới biết rằng dự đoán của chúng tôi là đúng: anh em Tà Lài bị dời qua trại giam Bá Rá, và một số đồng chí như Phan Vân, Minh, cả giáo chủ Cao Đài Phạm Công Tắc cũng bị đưa sang tận Madagascar).

Trong lúc chuẩn bị vượt ngục, Đảng ủy căng Tà Lài đặc biệt chú trọng đến việc tập hợp tư liệu, thông tin về cuộc khởi nghĩa thông qua các đồng chí mới bị đưa lên căng Tà Lài sau ngày 23 tháng 11 năm 1940, nghiên cứu, sơ kết kinh nghiệm, rút ra một số bài học cần thiết để trang bị cho anh em sắp về công tác.

Việc chuẩn bị vượt ngục được bắt đầu ngay sau Tết Tân Ty 1941: chọn người, điều tra đường đi nước bước, phơi cơm khô, trữ thuốc men, tạo một thiếu giấy tờ hợp pháp, kiếm tiền, bắt liên lạc với các đồng chí bên ngoài còn sống sót. Ba anh được lệnh đi trước để sắp xếp thực hiện một kế hoạch vượt ngục có quy mô; đó là Khước (người Mỏ Cày có bộ râu Quan Công), “Minh Thợ” (người Long Hồ, tháo vát) và Khuy (được gọi là “con chim ngủ ngày”, lằm lì ít nói). Ba anh đi trót lọt. Nhưng ở Tà Lài chúng tôi chờ mãi, không nhận được tin gì của họ. Như vậy là phải thực hiện kế hoạch vượt ngục cho một số ít người có năng lực đã được thử thách về các mặt lý luận, tổ chức, đấu tranh. Phải từng toán nhỏ mới dễ đi trót lọt được. Tôi khá lúng túng trong việc chọn người. Số anh em có tinh thần, có năng lực thì nhiều; lựa ai, không lựa ai? Lấy nhiều thì khó đi

trót lọt, lấy ít thì hàng chục đồng chí tốt sẽ thắc mắc, phiền trách. Cuối cùng Đảng Ủy đồng ý tám người cùng đi. Ngoài tôi ra, còn có các anh:

- Văn, tức Kiệt, kỹ sư, nguyên là sinh viên trường Đại học Cộng sản Đông Phương.

- Phúc (Dương Quang Đông), dân cùu trào, đã vào tổ chức từ năm 1927.

- Nhâm, công nhân, đã là thành Ủy viên thành phố Sài Gòn cùng thời với chị Minh Khai; lái xe, lái tàu đều giỏi.

- Giác, một cán bộ cùu trào từ năm 1930, đã từng hoạt động ở Cao Miên.

- Đức, một cùu tỉnh Ủy viên Bến Tre, giỏi nông vận.

- Trung, một cán bộ hoạt động công đoàn trong nhóm Dân chúng[21] thời Mặt trận dân chủ.

- Tô Ký, một thanh niên Hóc Môn, võ giỏi, mưu trí, thuộc lòng các truyện Tàu như Tam Quốc, Đông Chu liệt quốc; tôi nhằm rằng tay này có thể trở thành một cán bộ quân sự đặc lực; trong vụ “Xỏ vằm trâu cổ” vừa qua, Tô Ký tỏ ra rất can đảm, mưu trí.

Tôi tính rằng với số tám người này cộng với ba anh đã đi trước, nếu không bị mất mát hay ít bị mất mát, thì có thể thực hiện được nhanh chóng kế hoạch gây dựng lại cơ sở và hệ thống tổ chức Đảng bộ Nam Kỳ, tạo điều kiện tổ chức vượt ngục quy mô lớn cho anh em trại giam. Vấn đề trước mắt là phải làm sao cho chúng tôi nhờ ít người mà vượt ngục trót lọt.

Muốn đi trót lọt, phải quyết định đúng hướng đi. Chắc chắn là một khi sắp căng và chủ tỉnh hay rằng tụi tôi đã thoát khỏi căng thì lập tức chúng ra lệnh truy nã, cho cả bộ máy cai trị trong tỉnh Biên Hoà, trong xứ Nam Kỳ, từ trên xuống đến xã, khắp các làng thiếu số, ra sức săn lùng. Nhóm tụi tôi, gạo cội của cộng sản, mà tuột khỏi tay chúng nó thì sẽ gây ra vô vàn khó khăn cho nhà cầm quyền. Vậy chắc chắn là Pháp sẽ phải tức tốc, trong ngày, giăng một lưới dây đặc xung quanh Tà Lài trước hết

chặn tất cả các ngõ ra. Chúng tôi đoán bọn Tây sẽ chặn hướng đông là hướng ra đường 20, cách Tà Lài mười bảy cây số; đồng thời chúng sẽ chặn hướng tây là hướng về Thủ Dầu Một, và nhất là chặn hướng nam là hướng về Biên Hoà dọc sông Đồng Nai. Tôi cho rằng Pháp không quan tâm mấy đến hướng bắc đông bắc là hướng càng đi càng vào rừng sâu, lên núi cao, dân cư toàn là người thiểu số, hướng ngược dòng sông Đồng Nai đầy gành thác. Cho nên tôi đề nghị với anh em là ta nên đi theo hướng ngược sông, hướng vào rừng sâu, núi cao, tuy dễ bị sốt rét rừng, nhiều cọp beo, nhưng là hướng mà địch ít ngờ nhất, còn ta thì đã chuẩn bị lương thực, thuốc men khá đầy đủ rồi, có thể chịu đựng một tháng hoặc hơn thế.

Vào một đêm tối trời đầu tháng ba năm 1941, thời giờ vượt ngục đến. Tôi tiếp mấy người cai đội mới lên đổi gác, những cuộc tiếp ấy đã thành lệ, cùng họ uống trà, đàm đạo, trong một cái chòi tứ giác ở gần nhà y tế, còn bảy đồng chí khác đã bí mật tập kết tại một địa điểm bờ sông. Buổi tiếp xong, tôi gọi Tào Ty lại, báo cho Ty biết rằng đêm nay tụi tôi ra đi, Ty ở lại để giữ vững tinh thần của anh em, và để lập kế sao cho Tây tà không thể sao biết sớm là ông Giàu đã đi khỏi trại. Ty được lệnh phải ở lại. Ông Trương Phi ấy nổi nóng, phản ứng dữ, nhưng mau chóng tuân theo quyết định của Đảng ủy. Ty phải vào mừng cửa Giàu, đắp mền, nằm im cho đến gần sáng, để phòng khi lính đi rón nửa đêm thấy vắng ông Giàu, Giàu nằm đầu sập tre trại một, lính tuần tra đêm đêm vẫn ghé coi ông Giàu còn đó hay không. Gần sáng Ty sẽ báo lại với anh em rằng hồi hôm Giàu, Văn, Phúc,... đã đi rồi. Đến lúc đó đoàn vượt ngục đã đi cách xa trại giam mấy chục cây số bằng đường sông ngược lên phía đông bắc, hướng an toàn nhất. Sáng ra, thay mặt cho các trại viên còn lại, Ty sẽ đem bức thư của tôi gửi cho sếp căng. Thư ấy, Tô Ký còn thuộc lòng dù đã mấy mươi năm sau. Trong đó tôi viết:

“Ông sếp căng:

Hôm nay chúng tôi ra đi, xin để lại mấy dòng từ biệt.

Chúng tôi ra đi không phải trước hết vì muốn gặp cha mẹ, vợ con.

Gặp lại sao được trong tình cảnh tù vượt ngục?

Chúng tôi ra đi, nói thật, không phải vì chế độ căng quá khắc nghiệt. Ở căng tuy khổ – mà ở nhà tù nào lại không khổ – nhưng ông sếp không ác. Và lại ông và tôi đã nhiều lần tâm sự với nhau, thông cảm với nhau về cái nhục mất nước, nước ông và nước tôi.

Chúng tôi ra đi vì mục đích giải phóng dân tộc chúng tôi, giành lại độc lập tự do cho đất nước chúng tôi.

Chắc những người Pháp ở Pháp hiện giờ cũng đang chiến đấu chống lại sự chiếm đóng của quân Đức Hitler, nhằm giành lại độc lập tự do cho nước Pháp. Hẳn rằng ông sếp đồng tình với những người Pháp yêu nước đó. Việc làm của họ và việc làm của chúng tôi giống nhau.

Mong rằng, chúng tôi ra đi rồi, ông sếp và những người cộng sự của ông sẽ tiếp tục đối xử ôn hoà, phải lý với anh em chúng tôi còn ở lại.

Xin chào từ biệt ông.

Thay mặt các bạn của tôi

Trần Văn Giàu”

Tào Ty kể lại: hừng sáng ngày hôm sau, khi anh lên văn phòng sếp căng báo cáo lại rằng: Trần Văn Giàu và bảy người đã trốn đi từ bao giờ không biết mà có để lại cho sếp một bức thư, thư đây. Ménétrier bình tĩnh báo cáo ngay cho La Rivière, chủ tỉnh Biên Hoà, đồng thời ra lệnh giới nghiêm ở trại giam: không một ai được ra ngoài hàng rào dây kẽm gai. Chín giờ, La Rivière lên tới Tà Lài, liền tập hợp tù nhân, la hét, đe dọa và tuyên bố: “Trong vài ngày, lâu nhất là một tuần, các người sẽ thấy người Mọi đêm đầu của Trần Văn Giàu và đồng bọn treo ở trước cửa trại giam”.

Hết Phần Thứ Nhất

Chú thích của người biên tập

1 Ma ca bông: biến âm từ danh từ tiếng Pháp vagabond, người vô gia cư, lưu lãng, thường có ý xấu (ma cà bông, ma cà cúi, lúi húi đi tìm).

2 Mã tà: hay ma tà, gốc từ tiếng Mã Lai mata mata, chỉ chung lính canh sát, công an. Giữa thế kỷ XIX, mã tà chỉ một loại lính trong quân đội thực dân, cũng như ma ní (người gốc Phi luật tân). Trong Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc (1861), Nguyễn Đình Chiểu viết: “Kẻ đâm ngang, người chém ngược, làm cho mã tà ma ní hồn kinh; bọn hè trước, lũ ó sau, trối kệ tàu thiếc, tàu đồng súng nổ.” và “Sống làm chi theo quân tả đạo, quảng vùa hương xô bàn độc, thấy lại thêm buồn; sống làm chi ở lính mã tà, chia rượu lạt, gặm bánh mì, nghe càng thêm hổ.”

3 Tức Mười Ký, tên trong nhà của Trần Văn Giàu.

4 Bãi thực: tức tuyệt thực, nhịn ăn để phản đối hay đòi hỏi điều gì.

5 Có lẽ đây là cuộc tuyệt thực nổi tiếng tháng mười năm 1936 ở Khám Lớn của Nguyễn An Ninh, Nguyễn Văn Tạo (bản đánh máy viết nhầm là Tạ chăng?), Tạ Thu Thâu.

6 Lính khố xanh: cùng với Lính khố đỏ, là những người Đông Dương ở trong các đơn vị “bản xứ” của quân đội Pháp. Quân phục của họ là quần áo chèn, nón dẹt (sau đổi nón chóp), và giải thắt lưng (quần) màu đỏ (xanh) buộc ở bụng, đầu giải buông thông ở bên giống như cái khố nên người dân Việt mới gọi là “khố đỏ/xanh”. Khố đỏ là lính chính quy (tirailleurs), khố xanh (miliciens) là địa phương quân (cấp tỉnh).

7 Mặt trận bình dân (Front Populaire): Liên minh phái tả nghị trường Pháp (1936-1937) gồm Đảng xã hội SFIO, Đảng cấp tiến (Radical), có sự ủng hộ của Đảng cộng sản (không tham gia nội các), mang lại nhiều quyền lợi vật chất và tinh thần cho các thành phần lao động Pháp. Về đối ngoại, chính quyền Léon Blum không dám ủng hộ chính quyền cộng hòa Tây Ban Nha chống lại cuộc phản loạn của Franco. Đối với các chính sách thuộc địa, chính quyền Léon Blum đề ra một vài cải cách nửa chừng, song đã bị các thế lực thực dân vô hiệu hóa. Tuy nhiên, thời kỳ này đã có tác dụng rất tích cực đối với phong trào đấu tranh dân chủ, hợp pháp và bán hợp pháp ở Việt Nam. Đảng Cộng sản đã vực dậy sau cuộc

đàn áp 1931-32. Tự do báo chí được mở rộng hơn (hẳn bây giờ). Dòng văn học hiện thực nảy nở.

8 Ách: adjudant (thượng sĩ); đội: sergent (trung sĩ); cai: caporal (hạ sĩ).

9 Căng: camp (trại).

10 Trảng: vùng đất trống, không/thừa cây, ở giữa rừng (clairière/glade)

11 Mạ hay Châu Mạ: dân tộc Tây Nguyên, ngữ hệ Môn Khmer, hiện nay khoảng 33 000 người, sống ở các tỉnh Lâm Đồng, Bình Phước, Đồng Nai (Tà Lài thuộc huyện Tân Phú của Đồng Nai). Theo Bình Nguyên Lộc, tiếng Việt đã tiếp thu khá nhiều từ của tiếng Mạ: sét (han rĩ), cầm lai (gỗ), cá long tong, chết giắc (ngất đi), ngầy ngà (hay rầy mắng), thét rồi (mãi rồi), bầu (dùng để gọi vợ), qua (dùng để tự xưng với người yêu hay em út), lung (nhiều lắm)

BNL:

http://www.binhnguyenloc.de/pages/NghienCuu/LotTranVietNgu/LotTranVietNgu_20.html

12 Ba Son: từ tên gọi tiếng Pháp Arsenal de réparation (Công xưởng sửa chữa tàu chiến), xưởng sửa chữa tàu của Hải quân Pháp mở ra từ 1863 ở ngã ba sông Sài Gòn và rạch Thị Nghè. Nơi đây Nguyễn Ánh đã từng lập xưởng đóng chiến thuyền. Nửa đầu thế kỷ XX, Ba Son là nơi tập trung một đội ngũ công nhân cơ khí (trong đó có người thợ Tôn Đức Thắng).

13 La Lutte: tờ báo tiếng Pháp, xuất bản tại Sài Gòn. Chỉ tồn tại từ 1933 đến 1937, tờ báo này có tiếng vang và ảnh hưởng sâu rộng trong cuộc đấu tranh chính trị ở Nam Bộ thời kỳ Mặt trận Bình dân. Dưới sự chủ trì của Nguyễn An Ninh, La Lutte (Tranh đấu) tập hợp cả hai xu hướng cộng sản (đệ tam và đệ tứ) và những người tiến bộ khác. Có thể đọc thêm bài của sử gia Daniel Hémery “Sài Gòn thập niên 1930: LA LUTTE tờ báo chiến đấu” (<http://www.diendan.org/phe-binh-nghien-cuu/bao-la-lutte/>)

14 Thầy chú: giám thị (nhà tù).

15 Chà gạc: dao rừng cán cong, phổ biến trong các dân tộc vùng Tây Nguyên và miền núi Đông Nam Bộ.

16 Chủ tỉnh: administrateur, viên chức Pháp, cai quản một tỉnh ở Nam Kỳ dưới thời thực dân (Nam Kỳ là thuộc địa, nằm dưới chế độ trực trị). Ở Trung Kỳ và Bắc Kỳ, bộ máy chính quyền vẫn là bộ máy của triều đình Huế, nhưng tại mỗi tỉnh, các quan phủ, quan huyện chịu lệnh của viên công sứ (résident) người Pháp.

17 Xeo đá: dùng đòn bẩy để lay chuyển những hòn đá lớn.

18 Trần Hữu Độ: nhà văn, bút hiệu Quân Hiến (1887-1945), quê quán trà Vinh. Chịu ảnh hưởng của phong trào Duy Tân, dịch sách Tân Thư của Lương Khải Siêu, viết Tiếng chuông truy hồn (1925), Hồi trống tự do (1926); năm 1928 bị tù vì tội « xúi dân làm loạn » (tương đương với điều 88 của Luật hình sự ngày nay). Ra tù, tham gia phong trào Đông dương Đại hội, thành lập Tân Văn Hóa Tùng Thư, chịu ảnh hưởng mác-xít, viết - Biện chứng pháp (1936), Mười một công thức của Karl Marx làm cơ sở Duy vật sử quan (1936), Đế quốc chủ nghĩa (1937). Bị giam lần thứ nhì năm 1941.

19 Thiệt chiến: giao tranh bằng lưỡi (thiệt), tranh luận. Ý nói tới cuộc “thiệt chiến quần nho” giữa Khổng Minh và bọn nho sĩ Đông Ngô thời Tam Quốc.

20 Ky: đồ đan bằng tre dùng để xúc đất, hót rác.

21 Dân chúng: tờ báo (tiếng Việt) công khai của Đảng cộng sản, xuất bản tại Sài Gòn trong thời gian 1938-1939, cùng trụ sở với tờ báo tiếng Pháp Le Peuple, ở số 43 đường Hamelin (nay là Lê Thị Hồng Gấm).

Phần II(2): ĐÀ LẠT, PHÚ LẠC, U MINH

Suốt đêm đầu tiên vượt ngục, chúng tôi thay phiên nhau bơi chiếc ghe lườn (xuồng lớn làm bằng cả một thân cây bị khoét ruột banh bìa), chúng tôi khiêng qua mấy cái thác; đến gần sáng, ước chừng đã xa trại giam ít nhất cũng mười lăm cây số đường chim bay, chúng tôi kiếm chỗ nước sâu để nhận chìm ghe; rồi, hành lý trên vai, anh em đi tìm nơi ẩn nấp sao cho có thể quan sát được xung quanh mà người khác thì khó trông thấy mình; đường đi không để dấu chân, không gây cành khô, không bẻ cành non, không rơi vãi một chút giấy lộn; nơi ẩn đó phải có nước uống; tránh mưa không phải là vấn đề quan trọng, độ này là mùa nắng, điều quan trọng là phải xa xóm làng mà không xa đường 20. Chúng tôi ăn cơm khô, khỏi phải nấu cơm, khỏi sợ lộ vì khói. Nếu rủi bị dân làng trông thấy, thì họ cũng chỉ trông thấy vài người thôi; tụi tôi chia ra từng nhóm nhỏ vài người, nếu gặp rủi ro không bị tóm cả lũ. Chúng tôi có thừa thời giờ để bàn mọi kế hoạch hành động, trước tiên là kế hoạch an toàn về các tỉnh đồng bằng.

Mấy ngọn núi chúng tôi ẩn nấu chắc là thuộc vùng Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng, không xa ranh giới Biên Hoà là mấy. Từ đó ra đường 20 chỉ một khoảng không xa; có thể về Sài Gòn, lên Đà Lạt, qua Phan Thiết, xuống Bà Rịa, rồi từ Bà Rịa qua Cần Thơ đến Chợ Lớn, Gò Công, rộng đường lắm. Nhóm của Nhâm về Sài Gòn, có cách lấy ô tô rước nhóm của Phúc. Nhóm của tôi ngược lên Đà Lạt, tính rằng từ Đà Lạt có thể về Nam Kỳ bằng ô tô, bằng xe lửa, bằng ghe bầu, thuyền đánh cá, vòng vo tam quốc một chút, chẳng sao, miễn là an toàn.

Lên Đà Lạt

Tôi cho rằng, bởi vì từ 1930 đến 1935 tôi hoạt động ở Sài Gòn và Nam Kỳ lục tỉnh, chưa hề hoạt động ở Trung Kỳ, Bắc Kỳ, và hoạt động toàn trong bí mật, nên quen biết không rộng; nhưng bởi vì tôi đã ở tù mấy lượt, đã dạy chính trị cho mấy trăm cán bộ và hội viên, nên tôi vẫn có thể bị nhận diện nơi này nơi khác. Dịch truy tìm tôi thì chắc chủ yếu truy tìm

ở Sài Gòn, ở Nam Kỳ. Vì vậy, tôi không về ngay Sài Gòn và lục tỉnh, mà đi ngược lên Đà Lạt, nhằm tìm nơi ẩn náu an toàn một thời gian bao lâu chưa định trước. Tôi chưa hề đi Đà Lạt, ở nơi “đất khách quê người” đó ít có khả năng tôi bị phát hiện dù là tình cờ; càng ít khả năng bị phát hiện nếu tôi không lui tới những nơi tụ họp của các tầng lớp trung lưu trong xã hội và nếu tôi thường ngày sinh sống trong các tầng lớp nhân dân lao động như trồng rau quả, làm thợ hồ, làm công nhân bắn đá, chở đá. Mật thám nào lại đi tìm ông Giàu ở những chỗ lam lũ cơ hàn đó? Trong lúc số đông đồng chí được tổ chức rước về Sài Gòn, lục tỉnh, thì tôi đi bộ và theo xe chở hàng ngược đường 20. Nhóm tôi gồm có Tô Ký, Châu Văn Giác và tôi. Lên Đà Lạt thì tiền mấy đồng chí còn lại chia ba, ba người mỗi người một nẻo, cốt tìm chỗ ở, chỗ làm, hẹn gặp nhau sau. Lạ nước lạ cái, Tô Ký bị bắt ngay, may quá, Tô Ký không khai là tôi ở đâu đó tại Đà Lạt, nếu chú ấy phản thì tôi khó bề thoát. Giác có bà con ở Đà Lạt sớm nhờ xe về lục tỉnh. Còn tôi thì lo chỗ làm, chỗ ở. Chỉ vài hôm sau khi lên tới Đà Lạt, tôi đi làm ở một hầm bắn đá, rồi từ đó tôi chuyển sang ngành thợ xây nhà, xây cống, suốt ngày ở trên sườn núi, ven rừng, dưới hồ, tới chiều tối về ở đâu với thợ cả tại xóm Suối Cát, một xóm công giáo bên cạnh nhà thờ, hoặc tại ấp Hà Đông, hơi xa chợ một chút. Trong túi tôi ban đầu chỉ có mấy đồng bạc, nhưng dần dà tiền công ngày của tôi lên tới một đồng tư, khổ một tí mà sống được. Khổ một tí nhưng tương đối an toàn. Hồi 1929, 1930, cán bộ đi “vô sản hoá” có ai kêu khổ đâu? Ngày tháng trôi qua chậm chạp, không hoạt động chính trị thì ngày tháng trôi qua mau sao được? Trong khoảng không đầy nửa năm ở Đà Lạt, ba chuyện tình cờ xảy ra với tôi, đáng nhớ nhất.

Đó là gặp chú Năm Luông, một cán bộ cũ.

Việc thứ hai: nằm bệnh viện Đà Lạt.

Việc thứ ba: bị kiến trúc sư Phan Hiếu Kinh “phát hiện”.

Làm việc xây nhà trên sườn núi cho hãng SIDEC và cho hãng Võ Đình Dung, từ hừng sáng đến chiều sẩm tối mới về nhà của bạn để yên giấc, ít khi đi qua chợ Đà Lạt, tôi tưởng chừng đâu là, như thế, tôi tránh mọi khả năng gặp người quen. Nào dè, một hôm, tạt qua nơi buôn bán rau

quả, tôi bị một người đi bộ lẻo đẻo sau lưng, quẹo đến mấy cái ngã ba vẫn thấy người ấy theo. Người ấy mặc đồ Tây tử tế. Chết rồi! Có lính kín theo! Tôi nhanh chân đi về hướng suối Cam Ly ít người, tính trong bụng rằng nếu người ấy cứ theo mãi thì tôi sẽ “demi tour” quay lại để hỏi thăm y vài câu, nếu có triệu chứng là lính kín thì tôi giở võ ra điểm huyết cho nó nằm bên đường vắng vắng tôi có thời giờ tẩu thoát. Nếu không phải là lính kín thì nó là ai? Té ra là một đồng chí rất quen thuộc đã hoạt động với tôi những năm 1933, 1934 và đầu 1935, khi từng thời gian tôi đặt căn cứ ở vùng Phú Lạc, ngoại ô Chợ Lớn: chú Năm Luông, anh em cô cậu với đồng chí Bảy Trân; bây giờ Năm Luông là chủ một tiệm cầm đồ ở thị xã Đà Lạt.

– Anh Ba đi đâu đó? Làm gì trên Đà Lạt này? Vượt ngục được rồi, sao không giấu mình ở U Minh hay Đồng Tháp Mười mà lên chỗ nghỉ mát của nhà giàu? Năm Luông mừng, hỏi.

– Chú Năm đó à. Sao đi theo cả mười phút làm tôi phát lo rằng mình đã bị lộ.

Hết hồn, hết vía, bình tĩnh lại; ngó trước trông sau, hai anh em hỏi thăm nhau đủ chuyện. Chuyện tôi hỏi trước hết là tình hình ở Phú Lạc mà, trong kế hoạch, tôi sẽ phải đi qua hoặc ở lại ít hôm khi trở về Sài Gòn, lục tỉnh. Cái rủi hoá cái may. Tôi dặn dò Luông nếu muốn hoạt động thì phải làm như vậy... như vậy... Còn Luông thì thọc vào túi tôi mười mấy con công[1] để tôi phòng bất trắc. (Về sau Năm Luông thuộc ban cán sự của tỉnh Lâm Đồng và hy sinh ở chiến trường).

Sự việc thứ hai là: mấy tuần làm việc và nghỉ trưa, có khi ngủ đêm trên sườn núi, đem lại cho tôi một cái bệnh hiểm nghèo: bệnh thương hàn. Sốt rét. Tiểu máu. Chủ nhà tôi ở đưa tôi đi bệnh viện. Đi bệnh viện là một mối nguy mặc dầu tôi có giấy thuế thân (giả). Không đi bệnh viện thì Diêm vương sẽ có trát đòi bữa nào đó thôi, khó tránh. Vào bệnh viện ở gần Couvent des Oiseaux[2], tôi nằm một phòng với ba người khác, cùng sốt rét ác tính như tôi. Mỗi ngày “đi” một anh. Rồi cuối tuần, anh thứ ba. Tôi là tên thứ tư, không biết bao giờ đi. Thấy người cùng bệnh rủ nhau chết, mình cũng nao núng, nao núng nhất là vì lẫn quẩn mãi trong óc tôi

cái câu hỏi: nên hay không nên viết thư gửi đúng địa chỉ, để sẵn đầu giường, báo tin cho mẹ, cho vợ, cho chị ở nhà là khi đọc được thì tôi đã chết tại bệnh viện Đà Lạt. Viết thư thì sợ lộ bí mật; sợ rằng ông bạn đã cho tôi ở nhờ, đã đem tôi đi bệnh viện, sẽ bị địch bắt để điều tra xem còn có tù vượt ngục nào bên cạnh tôi không. Nghĩ đến khả năng mình chết rồi mà còn làm hại cho người khác, tôi ngập ngừng không viết thư nữa. May quá, bệnh thuyên giảm; rồi tôi khỏi bệnh. Tôi nằm nhà thương gần ba tuần. Trong thời gian đó tôi được săn sóc tận tình bởi một dì phước trẻ, đẹp, đầy lòng nhân ái. Tôi đại tiện toàn máu; mỗi khi như vậy, hai tay tôi bám vào chân giường, mày mặt tối tăm cả năm, bảy phút; mình trông mình đã tởm, mà dì phước đổ mồ hôi mặt như thường không khi nào tỏ vẻ ghê tởm. Ngày đổ mồ hôi hai ba lần. Không biết nếu tôi đổ mồ hôi cho một đồng chí thì tôi được thản nhiên như dì phước ấy không? Bệnh tôi nếu ăn cháo có gạo, cá, rau, dầu ít cũng bị lủng ruột, chết. Tôi thấy dì phước mỗi lần đem thức ăn cho tôi thì dùng vải thưa trắng tinh lọc súp chỉ còn có nước. Khi bệnh tôi thuyên giảm nhiều thì dì phước mới cho ăn súp gạo rang, có rau. Tôi thoát chết. Hôm ra bệnh viện tôi chỉ có một chữ “rất cảm ơn” với dì phước mà tôi không biết tên. Cuộc đời bốn ba của tôi không cho phép tôi trở lại một lần nữa để cảm ơn dì phước mà chị ruột, em ruột, vợ nhà chưa chắc đã tận tụy săn sóc chu đáo hơn. Sau cách mạng và kháng chiến, tôi có dịp lên Đà Lạt, tôi có đến bệnh viện Couvent des Oiseaux, hỏi thăm các dì phước, cố gặp ân nhân cũ; nhưng Couvent còn đó mà người thì biệt tăm.

Sự việc thứ ba xảy ra lúc gần Tết, mấy tháng sau khi chúng tôi vượt ngục Tà Lài. Một hôm tốt trời, tôi đang xây tường, cuốn cửa ở một cái villa vùng thác Cam Ly, gần một làng người Thượng, đoàn chủ nhà và thầu khoán đến xem công việc tới đâu. Họ cứ đi xem. Tôi cứ làm việc. Họ đi sau lưng tôi. Tôi không ngó họ. Rồi họ qua hết. Nhưng tôi thấy một anh trong đoàn trở lại nơi tôi đang làm, anh ấy đứng bên tôi, khẽ hỏi: “Ở đây à?”. Tôi thót ruột! Vậy là có người quen nhận ra mình rồi. Nguy quá! Tôi ngó lên. Té ra là kiến trúc sư Phan Hiếu Kinh, bạn học của tôi bên Pháp từ những năm 1928, 1929, 1930. Tôi làm ra vẻ bình tĩnh, để ngón tay lên môi. Kinh biết tôi muốn nói gì; anh quay đi, không quên một câu khen ngợi anh thợ hồ xây gạch, xây đá rất khéo. Té ra vụ tôi vượt ngục Tà Lài, có báo đăng tin; Kinh biết. Tôi chắc Kinh sẽ giữ bí mật cho

tôi. Nhưng, nếu một hôm nào vui miệng anh nói với vợ hay với một bạn thân rằng anh Giàu vẫn còn sống, ở Đà Lạt, thì sao? Phải đề phòng. Không thể dây dưa ở Đà Lạt nữa; phải “thiên đô” thôi; vả lại cái đó đã ở trong kế hoạch, phải thừa dịp gần cuối năm rộn rịp để về Sài Gòn, về Nam Kỳ. Chắc là lúc này, việc Pháp truy nã số tù vượt ngục Tà Lài không còn ráo riết như mấy tháng trước nữa. Tuy vậy tôi cứ dặn mình là không được chủ quan khinh địch.

Tự kiểm điểm lại thì trong đời làm “cách mạng chuyên nghiệp” của tôi, nửa năm tôi ở ẩn là thời gian duy nhất mà tôi không có hoạt động, không tuyên truyền, không tổ chức, không đấu tranh, chỉ lo giữ gìn cho khỏi bị bắt lại. Nửa năm đó tôi xem là dài quá dài. Năm không, không công tác, còn mỗi một hơi là hoạt động; chẳng những một hơi mà còn buồn, rất buồn, có cảm giác như là một con chim mất đàn, như là một con người giữa sa mạc tuy rằng mình vẫn ở trong dân, trong cuộc đời nhộn nhịp. Hoạt động đã trở thành bản năng rồi, không hoạt động không chịu được. Sài Gòn, lục tỉnh kêu gọi, công tác kêu gọi, thúc giục.

Về Phú Lạc

Đường về Sài Gòn không trắc trở gì lắm. Tuy rằng từ Trung vào Nam, bộ hành phải có “giấy thông hành”. Tôi có giấy thuế thân giả của Trung Kỳ; thuế thân không phải giấy thông hành cho nên dễ làm giả. Giấy thông hành phải có hình đóng con dấu nổi; không làm giả giấy thông hành được; mà trên đoạn đường từ Xuân Lộc đến Biên Hoà, người đi xe lửa không biết lúc nào phải trình thứ giấy đó cho nhà chức trách, nếu không có thì bị bắt giam rồi bị “trục xuất”. Song dân Trung Kỳ đi lậu vào Nam Kỳ để kiếm sống thì luôn luôn đông, mỗi chuyến xe có hàng chục, họ cảnh giác lắm, hễ cảnh sát bắt đầu việc xét giấy thông hành thì họ hè nhau nhảy xuống xe, mặc dầu là xe đang chạy; nhảy xe lửa ba người thì té cả ba nhưng không sao, lỗ đầu, rồi lẫn vào các vườn cao su, ban đêm ai để biết ai?

Cái khó còn lại là cầu Biên Hoà, luôn luôn bị cảnh sát canh gác chặt chẽ ở cả hai đầu. Tôi phải nhờ dò ngang để sang sông rồi thì có vô số phương tiện để về Sài Gòn.

Tôi vào Sài Gòn một buổi tối, đèn điện vừa lên. Một chiếc xe thổ mộ đầy nhóc đưa tôi thẳng vào Chợ Lớn. Tôi về căn cứ cũ là Phú Lạc[3] cách Chợ Lớn không đầy năm cây số trên con lộ đi Gò Công.

Qua Năm Luông, tôi đã nắm được tình hình an ninh ở Phú Lạc từ sau khởi nghĩa tháng 11 năm 1940; tôi lại được biết rằng ngày nổ ra khởi nghĩa Nam Kỳ, nhân dân và các đồng chí ở Phú Lạc đã sẵn sàng chiến đấu; đúng ngày giờ định trước, lực lượng cách mạng từ cầu Ông Thìn, Phú Lạc, Đa Phước, theo kế hoạch, bí mật kéo lên ém trong Chợ Lớn, sẵn sàng tiến công địch đúng mười hai giờ đêm, khi nhà đèn Chợ Quán bị đánh sập, đèn đường tắt, và tiếng súng lớn nổ làm hiệu ở trại lính Ô Ma[4]. Chờ mãi quá nửa đêm, không thấy đèn điện tắt, không nghe tiếng súng lớn nổ, quân phục kích đoán là có biến nên không đánh đồn bót thị xã mà lạng lẽ kéo về như đã lạng lẽ kéo lên. Trái lại, quân du kích ở Cần Giuộc cứ theo kế hoạch đã định, nổi lên đánh các đồn địch, mà thất bại. Kết quả là Phú Lạc, sau ngày khởi nghĩa, được tương đối an toàn còn Cần Giuộc thì bị địch khủng bố dữ dội. Vậy sự yên ổn của Phú Lạc sau tháng 11 năm 1940 không phải do Phú Lạc trốn tránh khởi nghĩa; điều ấy là điều tôi muốn biết rõ và đã biết rõ nhờ gặp Năm Luông ở Đà Lạt nên tôi mới về đây. Vậy, vẫn có thể tin cậy vào lòng trung thành đối với cách mạng của Đảng bộ vùng Phú Lạc do Bảy Trân[5] lãnh đạo. Bảy Trân nguyên là một sinh viên trường Đông Phương Cộng sản đại học như tôi, trước một khoá. Hồi năm 1933, khi Xứ Ủy Nam Kỳ được chúng tôi xây dựng lại thì tôi đã lấy vùng Phú Lạc này làm một căn cứ an toàn của lãnh đạo. Ở đây nhân dân rất tốt, bọn xấu rất ít, hội tề được Bảy Trân và các đồng chí đánh giá là gần như “trung lập” không sốt sắng gì trong việc “giữ trị an”, viên cai tổng lại là người bà con gần của Bảy Trân, là người nhà của Năm Luông. Từ Chợ Lớn đi về hướng Gò Công thì, đến Phú Lạc, bên tay trái là khu Rạch Cây Khô ở đó cảnh sát rất ít khi đến vì sợ các tay anh chị Bình Xuyên trừng trị, mà các tay anh chị Bình Xuyên thì phục Bảy Trân cộng sản. Bên tay phải chằng chịt sông rạch của vùng Rạch Cát, ở đây, nếu cò bót đến thì ta chỉ cần bước xuống xuống, đẩy vài mái dầm, vào từng lá dừa nước, thì có trời mà kiếm được. Tôi ở Phú Lạc lâu và nhiều đợt. Hai lần tôi bị bắt ở Sài Gòn, lần nào tôi cũng giữ an toàn cho Phú Lạc; đồng bào ở đây tin tôi, thương tôi. Nay tôi về đây, cái

mối lo duy nhất của tôi là bị một vài người dân Phú Lạc nhận ra là “anh hai Trắng” rồi đồn đại ra nhiều người biết.

Đêm ấy tôi được chủ nhà tiếp đón rất ân cần, trộn lẫn với lo ngại và sợ sệt nữa. Nhưng Bảy Trân và người nhà tín nhiệm tôi, thương tôi, hết sức lo cho tôi. Về Phú Lạc tôi có cảm giác là cá về nước, chim về rừng.

Trò chuyện thâu đêm với Bảy Trân, Sáu Thuần, Chín Báu; Báu cùng tuổi với tôi, đồng chí rất tốt như Trân là anh ruột. Chuyện dài kể làm gì. Mấu chốt cuộc trò chuyện đêm ấy là lời tâm huyết của Bảy Trân và anh em đồng chí ở Phú Lạc.

– Giàu ơi, mày về đây có nghĩa là mày tin tụi tao; và tụi tao tin mày. Tụi tao hết sức bảo vệ mày. Nhưng bây giờ mày ở đây không được, không nên ở; tụi tao sẽ đưa mày tới một vùng gần như tuyệt đối an toàn để mày tiếp tục ẩn lánh một thời gian nữa; sau sẽ tính; chớ bây giờ tụi tao không sẵn sàng làm việc cách mạng với bất cứ ai. Bây giờ tin ai? Ai tin? Đảng viên cộng sản không phải đã bị bắt, bị giết hết; hãy còn khá nhiều, nhưng tụi nó đều “lặn” hết, “ẩn” hết trong rừng, trong núi, trong xóm dân nghèo, ở đâu không biết; thằng nào xố rổ đi đi lại lại với cơ sở cũ còn sót thì mắc “bẫy chuột” của Tây nó giăng sẵn, như thằng Văn, thằng Trung chẳng hạn, sau khi chia tay với mày, chúng nó tìm về Sài Gòn ngay, tìm cơ sở cũ ngay, nên bị bắt ngay. Bây giờ không tin được ai cả, không tin cả cách mạng có thể thành công, không tin sự lãnh đạo của Đảng, ít nhất là của Đảng ở Nam Kỳ này, không tin Hồng quân Liên Xô có thể đương đầu thắng lợi với quân phát xít Hítler... Tư tưởng hoài nghi bao trùm tất cả. Sau đại bại 1940, lòng tin xuống thấp nhất từ mười năm nay. Đó là sự thật; mày, Giàu, mày phải hiểu rõ; đừng chủ quan, nóng vội mà chết sớm. Nếu mày muốn, một ngày nào đó chớ không phải bây giờ, tụi tao lại hoạt động với mày thì điều kiện thứ nhất là mày phải giải quyết tư tưởng cho tụi tao ở Phú Lạc này ba vấn đề mấu chốt sau đây:

“Thứ nhất là:

Vì sao Đảng nói là mình sáng suốt mà lại chủ trương khởi nghĩa Nam Kỳ tháng 11 năm 1940, để đi đến một thất bại hết sức đau đớn như thế?

Thất bại đến mức đó thì còn có thể nào khôi phục nổi trong thời thế chiến tranh này? Liệu sau này còn chủ trương như vậy, lãnh đạo như vậy, đưa toàn bộ Đảng, đa số đồng chí, đông đảo quần chúng vào chỗ chết nữa không? Lấy gì bảo đảm rằng không? Nói vắn tắt, mày phải cho tụi tao biết rõ ý kiến của mày về khởi nghĩa 1940, để tụi tao xem mày có dắt tụi tao vào một cái khởi nghĩa tương tự không? Rồi chúng ta sẽ tính sau sự hợp tác với mày; bây giờ thì chưa; để xem đã; chỉ lo bảo vệ tính mạng của mày thôi. Tụi tao đoán trước rằng mày muốn tổ chức lại Xứ uỷ Nam Kỳ như hồi năm 1933. Nhưng tình hình bây giờ khó khăn hơn biết mấy lần hồi đó; hồi 1931 thất bại đã nặng, bây giờ nặng hơn mấy lần; hồi đó là thời bình, thời nay là thời chiến; thời đó bị bắt làm tù, thời này bị bắt làm ma. Khó hoạt động cho thành công lắm, nếu trước mắt không giải đáp nổi cho đồng chí cũ một số vấn đề chính trị tư tưởng, vấn đề tụi tao vừa đưa ra cho mày là cần kíp nhất.

“Thứ hai:

Tụi tao ở đây bị quan về tình hình thế giới. Nếu tình hình thế giới bi đát thì triển vọng Đông Dương, Việt Nam không thể sáng sửa được. Hơn nữa năm nay chiến tranh Nga-Đức đã bùng nổ kịch liệt. Ban đầu tụi tao ở đây tin rằng Đức hạ Pháp mau lẹ hết sức vì Pháp yếu, Anh tồi, chớ đụng vào Liên Xô hùng cường thì nó bị đánh bại chắc chắn. Ai ngờ rằng, chiến lũy Stalin chẳng hơn gì chiến lũy Maginot, Hồng quân chạy dài, thua hết trận này đến trận khác, quân Hitler tuy không được vào ăn Tết trong điện Kremlin, nhưng mới ít tháng chúng đã đến sát ngoại ô Leningrad, đi gần tới Moscou, chiếm đóng cả miền tây Liên Xô rộng lớn và giàu có; sang năm nay, 1942, triển vọng kháng Đức của Hồng quân Liên Xô chưa có gì là sáng sửa cả. Vậy tụi tao hỏi mày vậy chớ có hy vọng gì Liên Xô chống đỡ nổi, chiến thắng được? Chớ dư luận khắp nơi đều thấy rằng quân phát xít Hitler còn tiến vào Liên Xô sâu hơn, xa hơn, hy vọng thắng trận của Liên Xô rất mỏng manh, viễn cảnh chiến bại thì chắc hơn, trong lúc đó đồng minh của Đức là Nhật ở Viễn Đông đánh bại Mỹ, Anh, Hà Lan như chẻ tre! Nếu Liên Xô thua trận, nếu cái thành trì cách mạng thế giới lâu nay ta đề cao sức mạnh lớn và lý tưởng cao, mà thua phát xít thì cách mạng thế giới còn gì, thì cách mạng Đông Dương còn gì? Triển vọng đen tối quá, làm lung lay, sụp đổ lòng tin. Lâu nay, ở

xứ ta, việc tuyên truyền cách mạng Đông Dương một phần quan trọng dựa vào sự tuyên truyền cho Liên bang Xô Viết, nay Liên bang Xô Viết bị đánh lui mãi như thế thì lòng tin còn dựa vào đâu?”

“Thứ ba:

Năm 1940, ta chỉ mang một cái ách trên cổ. Pháp bị Đức đánh bại; nó đầu hàng Đức; nó lại bị Thái Lan tấn công trên biên giới Cao Miên. Vậy mà ta nổi lên đánh đổ nó không nổi. Bây giờ nước ta không phải mang chỉ một ách mà mang tới hai ách, ách Nhật chồng lên ách Pháp, hai thằng đế quốc thực dân và quân phiệt cùng thống trị nước ta thì liệu ta có hy vọng gì làm cách mạng giải phóng thành công không? Ngày mai đen tối quá! Nói cách mạng, nói giải phóng còn ai nghe, còn ai tin?

Làm sao giải đáp? Mở lối bí cách nào? Tội tao bí lắm!”.

Bảy Trân, các đồng chí ở Phú Lạc trông chờ tôi trả lời. Họ tưởng rằng khó bề mà tôi giải đáp nổi băn khoăn cực kỳ sâu sắc của họ. Những nỗi âu lo của các đồng chí ở Phú Lạc cũng là những nỗi lo âu của tất cả các đồng chí còn sống sót sau khởi nghĩa 1940. Không chữa một ai. Không trả lời cho thông các câu hỏi đó thì không ai cùng mình xây dựng lại hệ thống và cơ sở Đảng ở Nam Kỳ. Cái nguy nhất chưa phải là sự tan tác của tổ chức, cái nguy nhất là sự tan tác của tinh thần.

Tôi làm xong giải đáp trong ba buổi tối họp mặt của một nhóm đồng chí tại nhà của Bảy Trân. Tôi lấy làm thích thú vì, như thế, tôi đã đồng thời làm cái việc phác họa đường lối của cách mạng Việt Nam ở miền Nam, trên cơ sở lý luận đó các bạn tôi sẽ gây dựng lại hệ thống Đảng ở Nam Bộ, khôi phục phong trào nhân dân và đi đến chỗ cùng toàn quốc làm cách mạng thành công ngay trong thời kỳ chiến tranh thế giới đang diễn. Các đồng chí ở Phú Lạc tán thành hầu hết các ý kiến của tôi trình bày. Nhưng họ bảo rằng cần phải có thời giờ cho sự suy nghĩ thêm, và cần phải có thời giờ để xem thời cuộc có chuyển biến theo hướng như lời dự đoán hay không, đặc biệt là dự đoán về cuộc chiến tranh Nga-Đức. Các đồng chí ủng hộ tôi nhưng chưa hứa hẹn bắt tay hoạt động với tôi, mà còn “chờ xem thời cuộc”.

Tôi có ý thức rằng những giải đáp của tôi cho các đồng chí Phú Lạc sẽ là sự giải đáp cho nhiều cán bộ ở Chợ Lớn, Sài Gòn, Gia Định vốn quen biết với các đồng chí anh em nhà Bảy Trân.

Về cuộc khởi nghĩa tháng 11 năm 1940 ở Nam Kỳ:

Tôi đã biết đại khái diễn biến của cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ từ hồi ở Tà Lài, nhờ tổng hợp báo cáo lẻ tẻ của mấy chục anh em cốt cán bị bắt giam sau khởi nghĩa thất bại. Ở Tà Lài, Đảng uỷ cũng đã phân tích sự kiện lớn này và rút ra những bài học kinh nghiệm xương máu. Về Phú Lạc tôi hỏi thêm Bảy Trân và các đồng chí ở đó. Như vậy tôi đã có thể đi đến một số kết luận tạm thời:

1. Khởi nghĩa vũ trang là tất yếu. Nhất thiết phải giành chính quyền, giành độc lập bằng khởi nghĩa vũ trang; không có cách mạng hoà bình, không có độc lập bằng xin xỏ, bằng sự ban cho của nước ngoài.
2. Khởi nghĩa muốn được thành công thì phải là một cuộc khởi nghĩa của quảng đại quần chúng chứ không phải của một nhóm người, của một chính đảng, dù đó là nhóm người có tập luyện và có vũ khí, dù đó là một đảng lớn có quyết tâm, có kỷ luật.
3. Khởi nghĩa muốn thành công thì phải vừa có lực lượng, vừa đúng thời cơ. Thiếu lực lượng, thiếu thời cơ thì khởi nghĩa dù oanh liệt anh hùng mấy cũng thất bại. Khởi nghĩa thiếu lực lượng và thời cơ cũng gọi là khởi nghĩa non hay là “manh động”.
4. Phải quan niệm khởi nghĩa giành chính quyền là một cuộc tổng khởi nghĩa cách mạng, nổ ra trên toàn quốc, không phải chỉ nổ ra ở một vài địa phương. Khởi nghĩa địa phương cô độc sẽ bị địch tập trung sức đập tắt.
5. Đảng chỉ đạo khởi nghĩa phải theo đúng những nguyên tắc chiến lược chiến thuật mà Mác-Lênin đã đề ra hết sức đầy đủ và rõ ràng. Chỉ đạo khởi nghĩa là cả một nghệ thuật.

Khởi nghĩa Nam Kỳ tháng 11 năm 1940, thất bại và thất bại nặng vì không theo đúng những nguyên tắc đã nói mà mỗi ai đi vào khởi nghĩa

cũng phải nắm vững. Lênin bảo: “Không đùa với khởi nghĩa được”. Tháng 11 năm 1940, các đồng chí lãnh đạo ở Nam Kỳ thực tế không theo khoa học và nghệ thuật Mác- Lênin về khởi nghĩa. Nguyên nhân chính của thất bại của cuộc khởi nghĩa năm 1940 ở Nam kỳ là:

1. Cuối năm 1940, ở Đông Dương chưa có thời cơ, hoặc có thời cơ mà không đủ, không chín cho một cuộc khởi nghĩa vũ trang. Pháp đầu hàng Đức hồi giữa năm, quả có làm cho lũ thực dân ở đây hoang mang, nhưng dần dần chúng nó đã hoàn hồn khi bên Pháp dựng lên chính phủ của thống chế Pétain dưới sự bảo hộ của Đức. Và lực lượng quân sự, cảnh sát của Pháp ở Đông Dương đã được tăng cường bằng hai, bằng ba từ khi chiến tranh thế giới lần thứ hai bùng nổ. Thực dân hy vọng rằng được sự bảo trợ của Đức, chúng có thể giữ được thuộc địa, Pháp thua Đức mà Đức cho phép Pháp giữ thuộc địa. Quân Pháp bớt hoang mang, nhưng chúng chưa tan rã. Nổi lên đánh đổ Pháp trong lúc này là chưa phải lúc. Phải đợi một thời cơ thuận lợi hơn. Không vội được. Không phải Pháp bị đánh bại ở Pháp mà ta liền có thể đánh đổ chính quyền thực dân Pháp ở Đông Dương được ngay.

2. Lực lượng của ta, lực lượng khởi nghĩa hồi cuối 1940, tuy khá mạnh ở Nam Kỳ, cũng chưa gọi là đủ để nổi lên làm khởi nghĩa. Bằng chứng quá rõ là ngày khởi nghĩa, không có một đơn vị quân đội người Việt nào của Pháp quay súng bắn vào thực dân, khi chúng đã thua trận ở Tây Âu và đang mắc kẹt ở biên giới và Thái Lan. Tuy có đấu tranh ở nhiều nơi, mà không có khởi nghĩa đều ngay ở các quận trong những tỉnh mạnh nhất như Gia Định, Chợ Lớn, Mỹ Tho, mà chỉ có nổi lên ở một số ít quận thôi, mà quận lỵ vẫn yên; không có nổi lên đánh đồn diệt địch ở phần lớn các tỉnh mà chỉ có lẻ tẻ nổi lên ở vài quận trong mỗi tỉnh; ở phần lớn các quận, các tỉnh Nam Kỳ chỉ có khởi nghĩa thật sự ở một số xã. Quân khởi nghĩa chỉ chiếm được một quận ở Nam Kỳ mà thôi, quận Vũng Liêm. Quận lỵ Hóc Môn nằm trong vùng ta mạnh nhất nhì so với cả Nam kỳ mà ta không đánh chiếm được trọn dù là một ngày. Ở Sài Gòn, đầu não của địch, cũng không có khởi nghĩa ở bất cứ một tỉnh lỵ thị xã nào. Đánh địch mà không đánh ở đầu não chúng thì làm sao diệt nó được. Như vậy, lực lượng khởi nghĩa còn xa, rất xa mới gọi là đầy đủ để phát động khởi nghĩa vũ trang ở Nam Kỳ tháng 11 năm 1940.

3. Trong toàn quốc tháng 11 năm 1940, chỉ có khởi nghĩa ở Nam Kỳ. Còn ở Trung, Bắc khi ấy không có khởi nghĩa. Sau này tôi mới biết có khởi nghĩa Bắc Sơn mà đó cũng chỉ mới là một địa phương nhỏ. Khởi nghĩa tháng 11 năm 1940, là do Xứ uỷ Nam Kỳ đơn độc chủ trương. Địch không bị phân tán lực lượng. Không lạ gì mà thấy rằng địch có điều kiện tập trung lực lượng, diệt quân khởi nghĩa một cách mau chóng. Những đồng chí chủ trương khởi nghĩa 1940, không quan niệm được rằng khởi nghĩa muốn thành công thì phải làm một cuộc tổng khởi nghĩa, khởi nghĩa trên toàn quốc, không nhất thiết phải cùng ngày, mà nhất thiết phải cùng lúc, nơi này nơi kia không cách nhau bao lâu. Khởi nghĩa Nam Kỳ tháng 11 năm 1940, là khởi nghĩa địa phương, tự ý một Xứ uỷ quyết định. Tai hại ở chỗ đó. Sai lầm rất lớn mà không thấy được. Trước khi Công xã Paris nổi lên, Marx không tán thành khởi nghĩa bởi vì Marx cho rằng khởi nghĩa như vậy là non, là địa phương, là thua chắc; nhưng khi khởi nghĩa nổ ra rồi, Marx hết lòng ủng hộ Paris công xã cho dù biết chắc là nó sẽ thua. Ta cũng như Marx; ta hết sức khâm phục tinh thần chiến đấu của Nam Kỳ 1940, mà ta sau này phải tránh khởi nghĩa non, ta phải rút kinh nghiệm xương máu.

4. Cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ 1940, là một cuộc khởi nghĩa chỉ một số quận tiên phong nổi lên một cách “bất ngờ” (đối với địch), về cơ bản chưa phải là một cuộc nổi dậy của đa số nhân dân, nó không ra khỏi phạm trù Blanquisme mà Marx và Lênin phê phán, chính vì thế mà nó thất bại. Đáng lẽ một cuộc khởi nghĩa nổ ra ở đỉnh cao nhất của một phong trào quần chúng nhân dân, dù cho kẻ địch có đề phòng mấy cũng trở tay không kịp.

Cuối năm 1940, ở Việt Nam nói chung, ở Nam Kỳ nói riêng, không thể nói rằng phong trào quần chúng đã lên tới đỉnh cao nhất. Khởi nghĩa Nam Kỳ 1940, tuy rộng lớn hơn nhiều nhưng vẫn có nhiều chỗ giống khởi nghĩa Yên Bái 1930, mà Đảng Cộng sản chúng ta đã phân tích, phê phán nhiều lần. Một cuộc khởi nghĩa muốn thành công là phải tổng khởi nghĩa của vạn, ức nhân dân toàn quốc dưới hiệu lệnh của một Đảng lãnh đạo thống nhất quyết tâm chiến thắng ở một thời cơ thuận lợi nhất.

5. Từ hơn mười năm nay các đồng chí lãnh đạo các cấp của Đảng ta đã được huấn luyện về khoa học và nghệ thuật khởi nghĩa của chủ nghĩa Mác-Lênin. Chuẩn bị lực lượng như thế nào, nhận định một thời cơ chín và chín muồi là thế nào, khi nào phát động khởi nghĩa, đã khởi nghĩa thì phải ứng dụng những chiến lược chiến thuật như thế nào? Cái khoa học và nghệ thuật đó, các đồng chí lãnh đạo khởi nghĩa Nam Kỳ 1940, có lẽ không biết rõ và các anh ấy làm khác, làm trái cả! Cho nên thất bại. Thất bại rồi các đồng chí không biết cách rút lui để duy trì lực lượng, bảo toàn tổ chức cho nên bị thất bại hoàn toàn, một cuộc thất bại lớn nhất ở miền Nam từ mười mấy năm nay. Đáng lẽ trước khi tiến thì đã phải đề phòng khi thoái. Đồng chí Tạ Uyên và một số đồng chí bốn mươi nói là theo sách lược Mao Trạch Đông, kỳ thật đó là sách lược Mao Trạch Đông bị méo mó, bị hiểu sai rất tai hại. Tôi không chống sách lược Mao Trạch Đông, sách lược Mao có nhiều chỗ hay, tôi chỉ nghĩ rằng ở Đông Dương, ở Việt Nam, nước hẹp người ít, thực dân thống trị tập trung thì Đảng cách mạng muốn chiến thắng phải làm một cách khác, cách khác nào cũng dựa vào cơ bản tư tưởng Mác- Lênin về khởi nghĩa cách mạng. Khởi nghĩa 1940 thất bại, nhưng ta rút từ bài học thất bại để thành công sau này, chắc không lâu nữa đâu. Tôi đã trình bày tỉ mỉ những bài học của 1940 mà chúng tôi đã rút ra từ hồi ở Tà Lài, trước khi vượt ngục. Trong lúc tôi trình bày thì nhóm Bảy Trân đặt ra nhiều câu hỏi cụ thể cho tôi. Có thể nói rằng tôi đã không vấp vấp gì cả. Ý kiến lớn đã nắm vững rồi. Tôi nhờ cuộc họp này mà biết thêm khởi nghĩa Nam Kỳ.

Những ý kiến tôi trình bày ở nhà Bảy Trân, tôi có dịp trình bày tại nhiều nơi khác như Vàm Cỏ, Tiền Giang, Hậu Giang, miền Đông, Sài Gòn suốt những năm 1942, 1943. Ở đâu tôi cũng nhằm mục đích thiết thực là yêu cầu các đồng chí hãy tin tưởng rằng cuộc khởi nghĩa mà chúng ta nhất thiết phải làm, sẽ được tổ chức và chỉ đạo “đúng khoa học”, “có nghệ thuật” và nhất định sẽ thắng lợi.

Tôi nhớ rõ trong đêm nói về khởi nghĩa Nam Kỳ 1940, tôi một mặt tỏ lòng khâm phục các chiến sĩ đã đấu tranh và hy sinh, nhưng mặt khác tôi cũng phê bình nghiêm khắc chủ trương phiêu lưu cực kỳ tai hại của đồng chí bí thư Tạ Uyên; tôi biết rằng, tháng 11 năm ấy ở Sài Gòn, ở Nam Kỳ, không còn Thường vụ Trung ương, nhưng tôi được biết trước đó khi

quyết định khởi nghĩa thì còn hai uỷ viên Trung Ương (sau vụ bị bắt ở đường Nguyễn Tấn Nghiêm) là Phan Đăng Lưu và Võ Văn Tần; hai đồng chí ấy có dự cuộc họp giữa năm quyết định khởi nghĩa thì có sao hai đồng chí ấy lại không ngăn cản một quyết định vội vàng như thế để đến nỗi xảy ra khởi nghĩa non thất bại? Ấu đó cũng là kết quả khó tránh của một trình độ hiểu biết chưa thấu đáo chủ nghĩa Mác-Lênin. Thiếu lý luận, tai hại quá! Tôi cũng được biết trước khởi nghĩa 1940, Xứ uỷ đã phát hành quyển sách “chiến tranh du kích”, vậy phải chăng là anh Tạ Uyên và Xứ uỷ muốn lấy chiến thuật du kích Trung Quốc thay cho lý luận khởi nghĩa của Lenin và bài học khởi nghĩa tháng 10 năm 1917 ở Nga? Bổ sung thì chắc là cần, thay thế thì làm sao được? Tôi khẳng định với các đồng chí Phú Lạc rằng phải tham khảo kinh nghiệm Trung Quốc nhưng mà phải đi theo con đường Tháng Mười là chính thì khởi nghĩa ở nước ta mới thành công được.

Nhóm Bảy Trần gần như không có ý nào khác ý tôi, chỉ có cái chính rằng Võ Văn Tần đã bị bắt trước rồi. Nhóm Bảy Trần còn đặt câu hỏi về tương lai tổng khởi nghĩa ở Việt Nam; lúc ấy tôi chỉ có thể trả lời một cách chung chung rằng: tất cả còn tùy thuộc vào thắng lợi hay thất bại của Liên Xô; nếu Liên Xô thua Đức thì cách mạng thế giới, kể cả nước ta, sẽ bị lùi lại không biết đến bao giờ. “Nói thật với tụi bây là Hồng quân thua, Liên Xô bị đánh tan, phát xít Đức toàn thắng, thì tao cũng sẽ “giải nghệ”, thôi làm cách mạng, lui về điền viên, nếu không bị vào tù nữa thì vào hàng ngũ của một thứ “Cư sĩ tịnh độ”. Nhưng tao có đủ lý do để tin rằng Liên Xô, Trung Quốc, Đồng minh, Anh, Mỹ sẽ thắng, Đức-Ý-Nhật sẽ thua và đến cuối chiến tranh thế giới, chúng ta sẽ có đủ lực lượng và thời cơ chín muồi để tổng khởi nghĩa thành công. Bây giờ, vấn đề cần kíp là xây dựng lại đảng bộ, tập hợp lực lượng đón thời cơ nhất định sẽ đến. Các đồng chí hãy giúp tôi, mong rằng sớm thấy các đồng chí trở lại công tác”.

Đêm sau, tôi phải giải đáp vấn đề triển vọng của chiến tranh Nga-Đức; liệu Đức sẽ đánh bại Nga chăng?

Trước nay, người cộng sản Việt Nam ai cũng quan niệm rằng Liên Xô là thành trì của cách mạng thế giới, sức mạnh của cách mạng thế giới một

phần quan trọng đặc biệt là ở sức mạnh của Liên Xô và uy tín hết sức lớn của cách mạng tháng 10 năm 1917. Khi Pháp bị Đức đánh bại chỉ trong mấy tuần lễ thì người cộng sản Việt Nam bảo rằng ấy là vì đế quốc Pháp bạc nhược chớ nếu quân phát xít Đức mà đụng tới Hồng quân Liên Xô thì chúng sẽ bị đánh bại nhục nhã. Bây giờ Nga- Đức chiến tranh đã nổ ra rồi. Trái với dự đoán, Nga lui, lui mãi, lui sâu vào nội địa mình; Đức tiến, tiến nhanh, hạ phòng tuyến Stalin một cách dễ dàng như hạ phòng tuyến Maginot, tiến thẳng một mạch đến ngoại ô Leningrad, đến gần Moscou cách chỉ ba, bốn mươi cây số, lấy hết vựa lúa Ukraine, chỉ cần một thời gian ngắn mấy tháng! Thế là thế nào? Thế thì sẽ ra sao? Ai nấy ngơ ngác!

Nga đang ở thế yếu, thế thua. Có thể Nga gượng lại không? Nếu Nga thua, nếu Hồng quân ta cho là vô địch mà bị quân Hitler đánh bại, nếu Liên bang Xô Viết bị đánh sụm, thành trì cách mạng thế giới bị tan thành thì còn gì cách mạng thế giới nữa, và cũng theo đó, còn gì là cách mạng Đông Dương, cách mạng Việt Nam nữa?

Bảy Trân nói: “Bọn tao ở đây không còn lạc quan chút nào. Bi quan choán hết tâm hồn bọn tao, thêm vào cái bi quan do thất bại của khởi nghĩa 1940”. Mấy ngày nay, Bảy Trân đã có lần thủ thỉ với tôi rằng ít ai cho rằng Liên Xô chịu đựng nổi; phần lớn đều nghĩ rằng Liên Xô cuối cùng sẽ bại trận, nhất là khi đồng minh của Đức là Nhật sẽ vì Trục chung hay vì lợi ích riêng mà tiến công Liên Xô ở Viễn Đông cốt chia xẻ đất Sibêri.

Về cuộc chiến Nga-Đức, tôi đã có dịp trình bày hồi đầu năm 1941 ở Tà Lài, khi cuộc chiến tranh mới bắt đầu với những thất bại liên tiếp của Hồng quân. Đức thắng là tạm thời và trước mắt còn có thể thắng nhiều hơn nữa, nhưng chung cuộc rồi Đức sẽ thua. Nga thua là tạm thời và có thể thua đậm hơn nữa, nhưng chung cuộc rồi Nga sẽ thắng, thành trì cách mạng thế giới vẫn đứng vững. Những lý lẽ của tôi, đều đã được trình bày trước hàng trăm người, cộng sản có, không cộng sản có, Cao Đài, Trốt-ký, quốc gia đơn thuần có, cả lính canh gác cũng nghe (nghe để hiểu và nghe để báo cáo cho sếp căng) chớ không phải là tôi chỉ nói với năm ba anh em nòng cốt mà thôi. Những ý kiến căn bản của tôi về chiến tranh Nga-Đức, hôm nay, ở nhà Bảy Trân, vẫn không thay đổi, cho dù lúc

này quân Đức phát xít đánh thẳng qua tới “quả tim” của Liên Xô là lưu vực sông Volga, hướng về vùng Caucase. Đúng vào thời điểm đầu năm 1942, trong lúc Hồng quân Liên Xô còn đang thua liểng xiểng, trừ một số trận đại thắng trước cửa ngõ thủ đô Moscou, trong lúc quân Đức còn tiến mạnh khắp nơi nhất là ở phía Nam, thì tôi vẫn nhìn chiến cuộc với một cặp mắt lạc quan và tôi cố truyền cái lạc quan đó cho các đồng chí tin rằng nếu bi quan về chiến trường Liên Xô thì càng bi quan về tình hình cách mạng Việt Nam, mà nếu bi quan thì đừng mong gì vực dậy các đồng chí còn sống sót sau năm 1940, để họ hợp tác với mình xây dựng lại đảng bộ Nam Kỳ.

Tôi tin chắc rằng Liên Xô sẽ thắng, Đức Hitler sẽ thua, những cuộc bại trận cho tới nay, dù nặng nề lắm, cũng là tạm thời mà thôi. Tôi có mê tín chăng? Không! Tôi tin tưởng có căn cứ, có lập luận. Tôi không “lạc quan tếu” như có người bảo.

Vì lẽ gì mà chắc Liên Xô sẽ thắng? Sự giải thích của tôi, ở Phú Lạc cũng như ở Tà Lài, dựa vào các yếu tố vững vàng sau đây:

Thứ nhất

Đất Liên Xô rất rộng cho phép Hồng quân, khi núng thế ở biên giới và ở những trận đầu, có thể rút lui chiến lược, bảo toàn lực lượng chủ chốt, vừa rút lui vừa tiêu diệt sinh lực địch ở tiền tuyến và ở sau lưng địch. Quân Đức vào đất Liên Xô càng sâu thì sức mạnh dù đông vẫn sẽ bị dàn mỏng, tiếp tế liên lạc càng khó tuy rằng ngày nay địch có xe tăng và máy bay chứ không phải đi bộ, đi ngựa như thời Napoléon nữa. Đến lúc nào đó, khi quân Đức tổn thất nhiều và mệt mỏi lắm thì Hồng quân Liên Xô sẽ phản công và sẽ đẩy quân Đức trở lại biên giới và xa hơn nữa. Napoléon đã thua là vì thế, Hitler sẽ thua cũng vì thế. Rút lui chiến lược không phải là thua trận, mà để chuẩn bị tổng phản công vào lúc thuận tiện. Tiềm lực của Liên Xô rất lớn đã được xây dựng ở vùng Oural và sau Oural, Liên Xô có sức đánh lâu dài. Đức Hitler không có sức đánh lâu dài. Đánh lâu dài thì Đức chắc thua. Chưa kể rằng thời tiết lạnh lẽo của Liên Xô xưa đã là một kẻ thù lớn của quân Napoléon, nay cũng còn là kẻ thù không nhỏ của quân Hitler.

Thứ hai

Từ khi quân Đức đánh Liên Xô thì Anh, Mỹ trở thành đồng minh của Liên Xô. Anh, Mỹ quả có bị Nhật đánh cho những đòn trời giáng, nhưng Anh, Mỹ vẫn là bá chủ trên mặt biển; Anh, Mỹ tuy chậm trễ một cách có ý thức (để cho Liên Xô bị thiệt hại càng nhiều càng hay) nhưng cuối cùng thế nào Anh, Mỹ cũng phải mở mặt trận ở Tây Âu, ví dụ như ở Pháp. Nhật đã dồn hết sức đánh Mỹ, Anh ở Thái Bình Dương và Đông Nam châu Á, bị mắc kẹt cứng ở Trung Quốc, Nhật không còn sức để tiến công Liên Xô ở Viễn Đông; vả lại nghe nói lực lượng Liên Xô ở Viễn Đông đủ mạnh. Vậy về lâu, chưa về dài chính là Đức chịu đựng không nổi, nhất định sẽ thua.

Các đồng chí Phú Lạc trông mong được như vậy, trông mong Liên Xô thắng, mà họ chưa tin hẳn; họ chờ xem. Sự thắng thua giữa Đức và Liên Xô nếu không được quyết định ở Moscou thì sẽ quyết định ở sông Volga... Ở một xóm làng Nam Kỳ làm sao mà chắc chắn được? Bảy Trần nói rằng nếu Liên Xô thua trận, Hitler thắng, thì Trần khuyên tôi sẽ về làng quê cày ruộng như anh ấy đang làm.

Vấn đề thứ ba là một vấn đề tuy lớn mà dễ giải quyết. Vấn đề gì? Một ách thực dân Pháp, ta còn không đánh đổ nổi. Bây giờ tới hai ách Pháp và Nhật, Nhật dung dưỡng Pháp, Pháp làm hậu cần đắc lực cho Nhật, cả hai Pháp và Nhật thống trị Việt Nam thì ta có sức nào đánh đổ nổi Pháp và Nhật? Chế độ thực dân, cuộc đời nô lệ kéo dài tới chừng nào? Hay là số kiếp của nước ta, dân ta phải như thế? Cách mạng làm sao mà thành công được? Một thứ tư tưởng “số mạng” tràn ngập! Khá bi đát. Cả trong đồng chí chớ không chỉ trong dân Nam Kỳ mà thôi.

Hồi tôi ở Tà Lài, vấn đề này chưa được đặt ra; bây giờ (1942) Pháp ở Đông Dương đã thuận cho quân Nhật vào đóng ở khắp những nơi nào Nhật thấy cần. Vào Đông Dương, Nhật cốt để một mặt tiến công Tây Nam Trung Quốc, một mặt tiến đánh Anh, Hà Lan ở Nam Hải.

Ban đầu thực dân Pháp ở Đông Dương không chấp nhận để quân đội Nhật vào Đông Dương, bắt đầu là vào Bắc Kỳ để ngăn chặn việc tiếp tế

của Trung Quốc bằng con đường xe lửa Hải Phòng - Vân Nam như bấy lâu nay. Xung đột Pháp- Nhật nổ ra ở Lạng Sơn, quân Pháp thua chạy cong đuôi. Pháp thấy không đủ sức chống cự với Nhật mạnh hơn gấp mấy lần, nên chúng phải nhượng bộ với Nhật, để quân Nhật vào đóng trên toàn cõi Đông Dương. Còn Nhật thì thấy rằng nếu duy trì chính quyền thực dân Pháp thì lợi cho chúng hơn là loại trừ Pháp; Pháp sẽ đóng vai bảo đảm an ninh và bảo đảm hậu cần, cung cấp lương thực, tiền bạc, nguyên liệu, nhân công, trong lúc đó Nhật Bản dành toàn lực để tiến hành chiến tranh, mà trong một thời gian không ngắn Pháp đâu dám chống lại Nhật, nếu chống lại thì sẽ bị diệt ngay. Pháp lại muốn nhần nhịn, nghe nói có “thầy dùi” Việt Nam khuyên Pháp bắt chước Câu Tiễn nhằm duy trì chế độ thực dân Pháp cho đến ngày kết thúc chiến tranh. Cả Nhật lẫn Pháp đều cho rằng chế độ hai ông chủ (thực dân và quân phiệt) đó có thể làm cho cách mạng Đông Dương không bùng lên được.

Nhưng hai con chó ăn một miếng mồi, có ngày cắn nhau. Lại là chó đói nữa. Sự hợp tác Pháp-Nhật chỉ có thể là tạm thời. Giữa Pháp và Nhật, càng ngày càng nhiều mâu thuẫn. Chúng tất yếu sẽ đi đến xung đột nhau. Pháp trước sau gì cũng sẽ làm tay sai cho đồng minh Anh, Mỹ, chống Nhật. Nhật trước sau gì cũng phải gỡ cái gai dưới bàn chân, gạt lưỡi dao găm kể sau lưng trong lúc đương đầu với Anh, Mỹ. Có thể thấy trước rằng sớm muộn sẽ có ngày Nhật lật đổ Pháp, và Pháp nhất định bị tiêu diệt nhanh. Khi ấy chỉ còn có một ách ngoại bang, ách của Nhật, mà Nhật thì không quen thuộc Đông Dương bằng Pháp. Trong trường hợp Đồng minh Nga, Anh, Mỹ thắng trực Đức, Ý, Nhật thì điều kiện sẽ trở nên thuận lợi cho cách mạng Đông Dương. Các đồng chí Phú Lạc dường như dễ dàng chấp nhận lập luận của tôi. Về sau nghĩ lại tôi cho rằng sau khi vượt ngục Tà Lài, với lần ra quân đầu tiên, đã có chính kiến xác đáng nên đã phá tan những nghi ngờ, thất vọng đối với tiền đồ của cách mạng. Ít nhất là về mặt lý thuyết, tư tưởng. Tôi biết rằng ở Chợ Lớn, Sài Gòn, Gia Định, Bảy Trăn quen biết nhiều đồng chí. Nội bà con xa của Bảy Trăn đã có trên một chục đảng viên rồi. Trước kia Bảy Trăn đi bán dầu cù là với Nguyễn An Ninh, quen biết rộng ở lục tỉnh, cho nên, các ý kiến của tôi chắc chắn sẽ được lan truyền ra rộng; lần sau tôi về Phú Lạc thì miếng đất như đã cày sẵn.

Đi Xảo Bần, U Minh

Lên Đà Lạt, được mấy tháng cuối năm 1941, và gần như hoàn toàn không có ý định công tác gì hết, chỉ lo ẩn nấu, tuy tôi có gặp gỡ Năm Luông và Năm Luông sẽ sớm hoạt động trở lại, nhưng đó chỉ là gặp gỡ tình cờ thôi. Bảo toàn tính mạng, cho khỏi bị bắt lại, nếu được, là thành công, là gìn giữ được một chút vốn cho Đảng cho dân. Tôi thuộc vào số người không đánh giá thấp, không trách móc những đồng chí, những người trước lãnh đạo, như anh Khiêm, anh Tây các anh ấy sớm “ẩn nấu” từ chiến tranh thế giới mới nổ ra (1939) cho đến Nhật đảo chánh Pháp (1945). Những anh em đó giữ được tính mạng của mình, là giữ được một món của quý của cách mạng, miễn là đến thời kỳ cách mạng nổi lên, những anh em đó có mặt thì được rồi. Có lúc đơn độc quá tôi cũng trách, nhưng lúc nào tôi cũng quý những chiến binh đã được rèn luyện trong mười năm đấu tranh (1930-1940). Mấy tháng ở Đà Lạt, tôi ẩn nấu để rồi lại xuất hiện, chưa hoạt động để rồi hoạt động có hiệu quả.

Trần thu xếp cho tôi về U Minh, Xảo Bần ở Rạch Giá.

Lần này tôi đi Xảo Bần là cốt, trong khi còn ẩn nấu, đặt một số liên hệ công tác, tiếp tục cái việc đã làm ở Phú Lạc mà tôi gọi là “sạ lúa”, là “gieo khô”, nghĩa là rải giống xuống ruộng đã cày mà chưa có nước, tức là tuyên truyền giáo dục, xung quanh mình và trong một số tỉnh xa gần, tìm bắt liên lạc mà tạm thời chưa lập thành tổ chức.

Tôi muốn ẩn nấu ở Đồng Tháp Mười quê hương tôi (Tân An) để gần với Sài Gòn. Nhưng Bảy Trần cho rằng U Minh (Rạch Giá) là nơi ẩn nấu kín đáo hơn. Anh ấy đang “giấu” ở U Minh một số đồng chí đã từng cầm vũ khí hồi năm 1940, cho tới nay được an toàn. U Minh xa Sài Gòn hơn là Đồng Tháp Mười. Định biết rằng sau năm 1940, nhiều chiến sĩ khởi nghĩa ở Chợ Lớn, Tân An, Mỹ Tho rút vào Đồng Tháp Mười, nó lũng sục vùng này dữ lắm. Nghe nói ở Thủ Thừa, Mộc Hoá, còn một toán du kích võ trang hoạt động nên định lũng sục dữ lắm. Còn ở Hậu Giang gần như không có khởi nghĩa hay chỉ khởi nghĩa Hòn Khoai, nên việc lũng sục của địch không khẩn trương, không liên tục bằng ở Tiền Giang. Các đồng chí Phú Lạc đề nghị tôi đi Xảo Bần, ở đó có mặt năm, bảy anh em hết sức

tin cậy, có thể cùng nhau tự vệ và có thể đào tạo lý luận thành cán bộ giỏi. Tôi bằng lòng ngay. Đi U Minh có thể, bắt liên lạc với Tây (Nguyễn Văn Tây tức Thanh Sơn), Khiêm (Ung Văn Khiêm), Bí thư Xứ uỷ những năm 1930-1931, để sau này tổ chức lại một Xứ uỷ có uy tín cao; Tây, Khiêm đã “ẩn” ngay từ khi chiến tranh thế giới thứ hai nổ ra, lúc Pháp bắt đi trại tập trung rất nhiều người mà nó đánh giá là nguy hiểm. Các anh “biến” trước khi Pháp hạ thủ. Kịp thời hơn tôi.

Tôi đi theo ghe mằm của cô Tám Tý là bà con cô cậu với Bảy Trân. Cô Tám Tý đáp ô tô đi Rạch Giá. Tôi ngồi trên một chiếc ghe rỗi đầy lu mái trống, có bốn người chèo mà hai anh là chiến sĩ khởi nghĩa năm 1940; trong túi tôi bây giờ có nhiều tiền; các bạn chèo đều có đầy đủ giấy tờ hợp lệ. Chuyển đi năm ngày yên ổn, cứ theo nước ròng, nước lớn và gió chướng mà tiến tới.

Xẻo là một cái rạch nhỏ. Xẻo Bần là một cái rạch có nhiều cây bần mọc hai bên; Xẻo Rô là một cái rạch có rất nhiều cây ô rô ở hai bên mé. Muốn đi tới Xẻo Bần thì phải qua thị trấn Rạch Giá rồi qua Xẻo Rô. Rạch Bần thuộc U Minh Thượng. Xẻo Bần là một vùng mới khai phá, trên là rừng U Minh mênh mông, dưới là biển cả hiền hoà, giữa là ruộng và đồng cỏ ngút tầm mắt. Ruộng đồng không có bờ mầu, làng xóm không có đường đá, đường đất gì hết, người ta đi lại bằng xuống ba lá mà gần như nhà nào cũng có. Rừng đầy chim, nhất là cò vạc; nhiều đến nỗi có tới hàng trăm con một bầy; Xẻo Bần có hàng chục bầy cò vạc. Đồng ruộng cũng nhiều cá tôm, bơi xuống dưới Xẻo Bần thấy như là cá nuôi ở trong ao cá. Rắn cũng thật nhiều và thật rẻ, bốn năm hào một con rắn hổ mang đen xì bốn năm người ăn không hết. Xẻo Bần chỉ có một địa chủ, kỳ dư, gần hết nhân dân là nông dân tá điền hay làm ăn tự do, từ tứ phương đến, mà phân nửa là “dân lậu”, trốn thuế, trốn nợ, không giấy tờ hợp pháp (giống như bọn tôi). Họ nghèo lắm. Xẻo Bần chỉ có hai ba nhà ngói. Còn phần lớn toàn là chòi tranh nhà lá, cũng gọi là “nhà đập”. Nhà đập là chòi tranh vách lá không có vườn tược xung quanh, gia đình sống về nghề cá mắm, cấy thuê gặt mướn; đủ ăn thì ở, thiếu ăn hay mắc nợ trả không nổi thì “đập” cái chòi tranh vách lá kia, rồi vợ, chồng, con cái, gà, vịt, nồi niêu, hũ gạo, xuống xuống, xuống tam bản, chống chèo đi nơi khác, không biết trước là nơi nào. Một phần khá đông dân Xẻo Bần là như vậy, nên tôi

khá yên tâm; có ai biết rằng mình cũng là một thứ “dân lậu” đâu? Lính quận lại ít khi đến Xẻo Bần, và nếu chúng có đến thì từ đầu xẻo đến cuối xẻo, người ta biết ngay để đề phòng. Vả lại, lính quận về làng để kiểm vài con gà, lít rượu, chớ cần gì kiểm tra giấy tờ, kiểm tra sao xuể, kiểm tra để làm gì?

Mua góp đầy ghe mằm rồi, Tám Tý về Sài Gòn bán mằm. Tụi tôi năm đứa, “dân lậu”, xoay qua mượn một trăm công[7] ruộng của ông Cả, cha chồng Tám Tý, để cấy cày cho qua ngày. Tôi cắt hai cái chòi, một cái ở ngoài ruộng bên cạnh rừng tràm. Một cái trong rừng tràm. Ổn thì ở ruộng, động thì vào rừng. Tôi và ba đồng chí vừa làm ruộng, vừa mở lớp huấn luyện, còn Châu Văn Giác thì tôi phái đi các tỉnh Hậu Giang để gặp một số đồng chí trước đây đã từng là cán bộ lãnh đạo, để nắm tình hình tư tưởng của họ ra sao, rồi cùng họ giải đáp ba vấn đề mà tôi đã trình bày ở Phú Lạc. Trước khi lâm bệnh, Giác đã đi Long Xuyên, Sa Đéc, Cần Thơ, Vĩnh Long và dự định đi Nam Vang nữa. Giác rất chú ý nghiên cứu vấn đề đạo Hoà Hảo, bắt liên lạc với Nhung (Long Xuyên), Cử (Sa Đéc), Minh Thợ (Vĩnh Long), tính đi gặp Tây, Khiêm ở đâu chưa rõ.

Làm tá điền cho ông cả thì mình xem như được bảo vệ một phần, vì lính quận nào dám vào quấy nhiễu đồn điền của ông ấy? Vả lại mình ở bìa rừng, chống sào nhảy qua một con kinh hẹp thì an toàn rồi. Bài vở huấn luyện giống gần y như bài vở ở Khám Lớn: tôi thuộc lòng hơn dân nhà quê thuộc Lục Vân Tiên; nay được nâng lên, và khác ở tình hình hiện tại và nhiệm vụ cần kíp. Ăn uống thì gạo sẵn, muối sẵn, chỉ phiền một cái là nấu bằng nước phèn sông rạch lẳng trong lu nhỏ; còn thịt cá tôm thì hết sức dễ kiếm: đặt năm ba cái “vó”, cái “lọp” nho nhỏ xuống ruộng, xuống kênh có thể bắt cả ký lô cá tôm; thiếu thịt thì vào rừng tràm nửa giờ đã có thể lượm về mấy chục trứng, có khi hàng chục cò con chưa lông cánh, tha hồ mà nhâm nhi. Mấy tháng làm tá điền ở Xẻo Bần, Rạch Giá cũng tựa như mấy tháng làm thợ hồ ở Đà Lạt, tôi có dịp sống đời sống của người dân lao động trong thời chiến tranh. Nông dân khổ hơn công nhân nhiều. Bà con nghèo quá. Người đi làm ngày thì tiền công mỗi ngày cao lắm là một cắc bạc; tiền công cấy lúa còn rẻ hơn là phát cỏ. Quần áo rách rưới. Có quần áo rách đã là may; phân nửa người đi làm mượn mặc bao bố tời hay mặc bao bàng; bao bàng, bao bố tời thay cho

quần áo vải. Kiếm gạo ăn đủ no thì dễ, kiếm được manh áo lành thì rất khó. Trong khắp đồn điền ông Cả tôi thấy tá điền, số người làm mướn ít ai đóng nổi cái giấy thuế thân. Hầu hết những bà con làm thuê, làm tá điền đều bán “lúa non” nghĩa là chưa tới mùa gặt, lúa còn xanh thì đã bán lúa mình sắp gặt để đóng gạo. Cho nên, lúa chín, gặt xong, ít ai còn lúa để làm mùa tới. Gặt xong thì xoay ra bắt cá, làm mắm. Nghèo thì nghèo vậy chớ trong xóm thì cờ bạc lu bù, cuối cùng chỉ có chủ chứa gom tiền, còn người cờ bạc thì rốt cùng ai cũng cháy túi cả.

*

Chúng tôi tính rằng ở Xẻo Bần lâu (hay bất cứ ở nơi nào) thì dễ bị lộ. Cho nên lúa ba trắng chín, gặt hái xong, bọn tôi dời đô xuống vùng rừng “Thứ mười một”, tôi bỏ tiền mặt của vợ tôi cho sang tên mười mẫu trong một cái đồn điền thơm rộng mấy trăm mẫu, sang rẻ lắm, vì lúc ấy trồng thơm không lời; giá thơm hạ nhất chỉ một đồng một chục có đầu. Thì hoà vốn là may. Mà tội tôi đâu có tính lỗ lãi gì, chỉ muốn được an toàn. Tôi chọn mười mẫu ở trong sâu nhất, sát bìa rừng để phòng bất trắc thì rút lui có trật tự. Rừng ở Xẻo Bần là rừng nước, rừng ở Thứ mười một, vùng đồn điền dưa, là rừng khô. Anh Mười Nhung, người Chợ Lớn làng Bình Trị (Bà Hom) bị xử tử vắng mặt, lo việc cắt thơm, bán thơm. Sớm mai tội tôi mang gùi sau lưng, tay cầm lưỡi mai cán dài để thu hoạch thơm chín, trái nào bị chuột khoét hay chim mổ thì trái đó ngon, để dành ăn. Sáng, làm việc tới độ chín giờ thì rút vào rừng tràm, rừng choạy mà học tập huấn luyện. Lũn quẫn hết mùa khô. Đã cuối năm 1942, sắp sang năm 1943. Báo từ Sài Gòn xuống tới chậm. Dù sao tôi không dói tin. Trên thế giới chiến tranh đổi chiều hướng. Quân đội phát xít Hitler tổn thất rất lớn ở Stalingrad, Hồng quân Liên Xô sẽ tổng phản công trên các mặt trận. Bên Viễn Đông - Thái Bình Dương, quân đội Nhật khựng lại và bắt đầu thua ở Tây Nam Thái Bình Dương, ở Miến Điện.

Thế là sự đoán trước của tôi bắt đầu thành sự thật.

Chắc hẳn tình hình này sẽ càng ngày càng thuận lợi cho việc tập hợp lại lực lượng, gây dựng lại hệ thống cơ sở của Đảng. Sắp hết cơn bĩ

cực; đang tới kỳ thối lai. Tôi quyết định về Sài Gòn, để mười mẫu dưa lại cho Mười Nhung săn sóc, muốn sang nhượng cho ai tùy ý. Trời đã rớt hạt sương xuân. “Lúa sạ” sắp mọc xanh đồng.

Phần Thứ Ba: Tổ chức lại Xứ ủy

Chú thích của người biên tập

1 Con công: Giấy bạc của Ngân hàng Đông Dương, một mặt có vẽ hình con công.

2 Couvent des Oiseaux: Trường nữ học của các nữ tu Dòng Đức Bà, dành cho con cái các gia đình Pháp và thượng lưu bản xứ thuộc địa. Cô Marie Thérèse Lan đã học Couvent des Oiseaux ở Neuilly sur Seine (Pháp) trước khi trở thành Nam Phương hoàng hậu. Theo nhiều tài liệu, chính bà Nam Phương đã thúc đẩy việc mở trường nữ học nay ở Đà Lạt, Sài Gòn...

3 Phú Lạc: Theo mạng vietgle

([http://www.vietgle.vn/trithucviet/detail.aspx?](http://www.vietgle.vn/trithucviet/detail.aspx?key=Ph%C3%BA+L%E1%BA%A1c&type=A0)

key=Ph%C3%BA+L%E1%BA%A1c&type=A0) đây là một thôn thuộc tổng Tân Phong Hạ, nay là xã Phong Phú, quận Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

4 Ô Ma: Phiên âm từ tiếng Pháp “aux Mares” (ao hồ). Thành Ô Ma (Camp des Mares) là nơi đồn trú của quân Pháp từ khi đánh chiếm thành Gia Định. Lúc đó quân Pháp đóng tại đền Hiển Trung, chung quanh có nhiều ao, nên họ gọi là Pagode aux Mares. Sau đó nơi này biến thành trại lính (Camp des Mares), nằm ở đường Galliéni (nay là Trần Hưng Đạo).

5 Bảy Trăn: Nguyễn Văn Trăn (đừng nhầm với Nguyễn Văn Trấn “ông già Chợ Đệm”), sinh năm 1908, sang Pháp (Marseille) năm 15 tuổi. 19 tuổi, sang Liên Xô học trường Stalin (1927-1930), cùng khóa Nguyễn Thế Rục, Ngô Đức Trì, Bùi Công Trừng, Trần Phú, Bùi Lâm, Nguyễn Khánh Toàn, Lê Hồng Phong, Hà Huy Tập, Trần Ngọc Danh, Dương Bạch Mai, Trần Đình Long, Bùi Ái. Bí mật về nước năm 1930. Một trong những đảng viên cộng sản hiếm hoi đã tranh thủ được cảm tình và sự ủng hộ của đạo Cao Đài và hàng ngũ Bình Xuyên. Cũng đã từng làm liên lạc giữa

Bí thư Xứ Ủy Trần Văn Giàu với những trí thức yêu nước như Phạm Ngọc Thạch, Huỳnh Tấn Phát, Phạm Thiều... Xem thêm: Nguyễn Văn Trân, người cảm hóa giang hồ Bình Xuyên trong Nguyên Hùng (sách đã dẫn).

6 Blanquisme: xu hướng của nhà cách mạng Pháp thế kỉ XIX Auguste Blanqui, cho rằng muốn làm cách mạng xã hội, chỉ cần một thiểu số làm bạo động, rồi quần chúng sẽ tự động đi theo. Xu hướng này đã bị Engels phê bình nghiêm khắc. Trotsky tóm tắt phê phán này như sau: “Về mặt nguyên tắc, sai lầm của chủ nghĩa Blanqui là đồng hóa cách mạng và nổi dậy. Sai lầm sách lược của nó là đồng hóa nổi dậy với dựng chiến lũy.”

7 Công: 1000 mét vuông, 100 công là 10 hecta (mẫu tây, Nam Bộ quen gọi là mẫu)

28-12-10

Phần III(1): TỔ CHỨC LẠI XỨ UỶ

Dự kiến kế hoạch kỹ mấy rồi cuối cùng cũng thấy thiếu sót. Trong vụ vượt ngục Tà Lài của chúng tôi cũng vậy thôi. Khi vượt ngục chúng tôi đều nghĩ rằng và ít nhất là mong rằng, tuy thực dân khủng bố trước, trong và sau khởi nghĩa Nam Kỳ, là dữ dội nhất từ trước tới nay, nhưng, “cháy nhà cũng còn bờ tre”; thế nào rồi Xứ uỷ cũng được tổ chức lại sớm hay muộn, mạnh hay yếu. Cho nên bọn tôi dặn nhau là, trong hoạt động của mình, trước hết phải xem còn ban lãnh đạo nào không, xứ uỷ hay tỉnh uỷ, dù là lâm thời được tổ chức lại sau tháng 11 năm 1940. Nếu có thể, điều tra kỹ, rồi nhập vào đó hay liên lạc gần bó, tránh mọi sự chia rẽ bao giờ cũng tổn hại (hồi 1933 khi tôi về tới Nam Kỳ thì trước đó vài tháng Xứ uỷ Nam Kỳ do đồng chí giáo Long làm bí thư, đã bị địch tóm gọn nên tôi với các đồng chí Nữ, Bang lập Xứ uỷ mới mà không lo sinh ra chia rẽ nghi ngờ nào). Bây giờ, sau một thời gian dài hoạt động, ở hầu khắp các tỉnh Nam Kỳ, cả đồng chí Phúc, tôi và các đồng chí Tà Lài về, như nhau, đều không thấy dấu hiệu sống còn của một xứ uỷ, một tỉnh uỷ nào hết. Cho nên, cuối cùng, do tình thế bức bách, Phúc phải họp hội nghị đại biểu các “tỉnh uỷ” lâm thời của anh lập ra rồi, để bầu một xứ uỷ. Và tôi, cũng tựa như thế phải họp hội nghị đại biểu các “ban cán sự” thành và tỉnh của tôi dựng lên, để chỉ định một “ban cán sự miền Đông” nhằm lãnh đạo chung. Khi ấy, vào năm 1943, Phúc và tôi chưa gặp lại nhau tuy đã có hẹn trước, khi cần thiết thì lấy nhà bác hương trưởng Hoài (quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho) làm địa điểm liên lạc, ở đây sẵn có Khuy trong toán ba anh em Tà Lài vượt ngục trước tiên.

Việc phải đến, đã đến. Tôi từ U Minh về, đầu năm 1943, đã ghé nhà bác hương trưởng Hoài. Ông này ở cách nhà cha mẹ tôi không đầy mười cây số. Nhắc chuyện cũ là năm 1926, cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc từ Sài Gòn xuống lục tỉnh thì cụ bắt đầu ghé nhà ông hương trưởng Ninh (là bố vợ, từ 1930, của tôi); ông hương trưởng Ninh đưa cụ Sắc qua bác Hoài, bác Hoài đưa cụ Sắc đi Bến Tre, v.v... Tôi đã qua nhà bác Hoài từ năm 1933. Lần này đầu 1943, ghé nhà bác Hoài, tôi được Khuy báo cáo hoạt động của anh ấy ở Mỹ Tho, Gò Công và một phần nào hoạt động của

Phúc ở đồng bằng sông Cửu Long. Rồi, lên Sài Gòn, tôi bắt đầu theo dõi đồng chí Mười Thức, thợ giày thành phố, để giúp tôi hoạt động. Thức khi ấy là rể của ông Hoài, còn Khuy là con nuôi. Lên tới Sài Gòn, tôi lập ngay ban cán sự Thành, với ba đồng chí Oanh, Chí, Thức. Cả ba anh đều là công nhân lao động đã từng hoạt động cách mạng, suốt thời kỳ Mặt trận bình dân, quen biết rất nhiều; vài năm nay các anh nằm im vì không được ai dẫn dắt. Từ năm ngoái sau khi tôi ghé nhà Bảy Trăn, ở đó mấy ngày, thì nhóm Phú Lạc có đi bắt liên lạc với nhiều đồng chí ở hai tỉnh Chợ Lớn và Gia Định, cả Tân An nữa. Liên lạc thôi chớ không tổ chức và hoạt động gì, nhưng nhờ đó mà, đầu 1943, sau Ban cán sự Sài Gòn, tôi đã tổ chức được Ban cán sự tỉnh Chợ Lớn, rồi Ban cán sự tỉnh Gia Định, tới Ban cán sự tỉnh Tân An, tỉnh nhà của tôi. Các đồng chí Hoàng (Tân An), Hoàn (Chợ Lớn), Tổng, Công, Khương, Nỉ (Gia Định) hoạt động đắc lực. Tôi với tay đến Thủ Dầu Một, tìm được Văn Công Khai, thợ cúp tóc là một “đồ đệ” hồi ở Khám Lớn. Tới Biên Hoà, tôi liên lạc với Châu, nguyên là cán bộ đã từng hoạt động với tôi ở quận Càng Long (tỉnh Trà Vinh) từ năm 1933. Đồng chí Phải, cựu sinh viên đại học Đông Phương, khoá trước của tôi, nay ở Bà Rịa cũng hứa hoạt động trong tỉnh Bà Rịa và thị trấn Vũng Tàu. Chưa bắt được mối ở Tây Ninh. Thế nhưng bấy nhiêu “ban cán sự” đó nếu hợp tác với các “tỉnh uỷ lâm thời” của Phúc, đã đặt ra yêu cầu phải có một Xứ uỷ chính thức đủ danh nghĩa lãnh đạo các đảng bộ toàn Nam Kỳ. Mà, cho đến nay chúng tôi chưa thấy tăm hơi nào của một Xứ uỷ còn sống sót sau đại khủng bố 1940-1941. Phúc nhảy bèn và bạo dạn hơn tôi; vì vậy mà anh tổ chức đại biểu hội nghị xứ ở Chợ Gạo tháng 10 năm 1943. Còn tôi, không biết phải e dè cẩn thận hay là không nhảy bèn bạo dạn bằng, tôi quả thật sợ một cuộc đại biểu hội nghị xứ đông đảo bị lộ bí mật, bị địch tóm gọn trong lúc mới khôi phục, thì biết bao giờ mới vươn lên nổi. Cho nên tôi vắng mặt ở hội nghị Chợ Gạo. Tuy rằng lúc ấy tôi ở Phú Lạc chớ không đâu xa, từ Phú Lạc đi Chợ Gạo bằng xe đạp chỉ mất một buổi sáng. Vậy mà, anh em vẫn bầu tôi làm bí thư. Tôi cảm động biết mấy! Cơ sở của Phúc ở miền Trung, miền Tây là chủ yếu; cơ sở của tôi ở Sài Gòn và miền Đông [1] là thứ yếu; hai cánh hợp nhau thì có một Xứ uỷ chánh thức khá mạnh từ gần cuối năm 1943.

Bầu cử Xứ uỷ, là một thành công lớn, lớn nhất từ sau ngày vượt ngục Tà Lài. Tuy vậy, hệ thống và cơ sở Đảng ở toàn bộ Nam Kỳ vẫn còn là vấn đề lớn, rất lớn. Đi đôi với vấn đề tổ chức là vấn đề đường lối chính trị mà bọn tôi biết bao lần đặt ra nhưng chưa hề được giải quyết ổn thoả. Ổn thoả sao được, bởi vì, giới mấy mình vẫn là một địa phương thôi. Còn Trung ương[2] thì có những quyết nghị gì, mình hoàn toàn không biết.

Ở đây, tôi muốn nói thêm rằng nhà bác hương trưởng Hoài, tuy bọn cầm quyền thực dân không đưa nào không biết là nhà cách mạng, nhưng thực tế là một nơi dung thân rất tốt của nhiều đồng chí: nhà ông ở xa trong vườn, từ lộ cái vào phải hơn cây số vườn dừa, trên đường vào có rất nhiều cầu qua mương, cầu bằng thân cây dừa, xe đạp qua phải dắt, trên đường vào toàn là nhà tá viên, bà con, ai coi bộ khả nghi thì người nhà lấy chày giã gạo gõ nhịp trên cối giã làm hiệu. Sau nhà bác hương trưởng là vườn, là dừa nước, là sông rạch chằng chịt, thoát ra một phút thì có trời mà kiếm. Tôi hay nghỉ ngơi, để viết sách, ở nhà bác hương trưởng ở Tân Thuận Bình, Chợ Gạo, là vì vậy. Nơi đây, từ 1943 tôi tổ chức một “nhà in”, một “nhà xuất bản” in phát một số quyển như “Việt Nam trên đường độc lập”, “Rạng đông của dân tộc” thường ký tên là “Xuyên Vân Nhận”[3], mà mục đích là giúp các đồng chí tuyên truyền chống “chủ nghĩa Đại Đông Á” của Nhật, chống “Chủ nghĩa Liên bang” cũng gọi là “chủ nghĩa Pháp Việt phục hưng” của Decoux. Gây lại tin tưởng vào tiền đồ của cách mạng Việt Nam.

Xác định đường lối cách mạng

Việc lập lại Xứ uỷ Nam Kỳ như vậy là đã xong về cơ bản; nói rằng làm xong về cơ bản nghĩa là sau khi đã gây dựng lại một số tỉnh uỷ lâm thời (theo cách của Dương Văn Phúc) và một số ban cán sự tỉnh hay thành (theo cách của tôi), vấn đề còn lại về tổ chức là các tỉnh thành phải lo gây dựng lại cơ sở của mình, tập hợp lại quần chúng vài ba năm nay bị rời rạc, tan tác. Xét ra thì việc lập lại Xứ uỷ tất nhiên là một việc khó mà tương đối dễ; bọn tôi có kinh nghiệm bản thân, riêng tôi đã từng thực hiện loại nhiệm vụ đó hồi 1933, thành công và thất bại ở những chỗ nào, đến nay tôi hãy còn nhớ kỹ như là nhớ chuyện ngày hôm qua; phần khác

những đồng chí nào “kinh cung chi điếu”[4] thì thôi, chớ nếu đã đồng ý lãnh nhiệm vụ mới thì đều là những đồng chí từng kinh qua cấp uỷ của Đảng hay của hội, nhiều hay ít đều được quần chúng tin cậy. Khó mà dễ là như vậy.

Còn hai việc lớn nữa phải làm cho tốt, cho mau; một là phải nỗ lực làm sao cho Đảng ở Nam Kỳ, sau một thời gian tan vỡ, trở lại mạnh như trước, mạnh hơn trước, ngõ hầu theo kịp với tình hình thế giới và trong nước chắc chắn sẽ biến chuyển nhanh về hướng có lợi cho cách mạng. Việc này là bình thường, là thường xuyên. Hai là phải xác định đường lối cách mạng, xác định đặc điểm và triển vọng của tình hình, đề ra các nhiệm vụ cần kíp trên con đường chiến đấu của đất nước và của địa bàn mình phụ trách. Việc này, thoáng qua thì hình như là dễ, ta đã sẵn có đường lối chiến lược “cách mạng tư sản dân quyền” từ năm 1930 rồi kia mà, sau luận cương cách mạng tư sản dân quyền thì ta đã có “chương trình hành động” phổ biến từ 1932, được Quốc tế Cộng sản tán thành kia mà.



Thật thà mà nói, Văn, bạn học tôi trường Stalin, Văn nay đã chết rồi, chết từ 1941, chết trong tay mật thám, thì không còn đồng chí vượt ngục nào có khả năng lý luận khá. Toàn là những tay hoạt động thực tiễn giỏi mà ít lý luận. Kể cả Phúc; Phúc kiên trì hoạt động thì ít ai hơn, ít ai bằng, nhưng ít đọc, càng ít viết, Phúc (Bà Rịa) thì học nhiều mà không hoạt động tích cực. Tây thì viết được mà chưa chịu ra. Nhiệm vụ vạch đường lối rơi vào tôi, túng quá phải gánh, không chối được, chớ liên lạc với Trung ương, chớ chỉ thị thì chừng nào mới có?

Tôi có ý thức rất rõ, có ý thức đầy đủ rằng, ngày nay lịch sử thế giới và lịch sử dân tộc đã vào một thời kỳ mới, thời kỳ chiến tranh và cách mạng chắc chắn rộng hơn thời kỳ chiến tranh 1914-1918 và cách mạng vô sản sau chiến tranh đó. Đường lối đã vạch ra từ hồi 1930, 1932 nay đâu còn thích hợp nữa. Vậy phải có một đường lối mới thích hợp hơn. Trung ương hội nghị lần thứ VI họp ở Bà Điểm cuối năm 1939, đã bắt đầu đề ra một đường lối mới. Mà nay là 1943 rồi, không phải là 1939 nữa. Năm

1939, chiến tranh thế giới còn là chiến tranh giữa phe Đức phát xít và Pháp, Anh để quốc thực dân. Nay chiến tranh đã mở rộng ra khắp thế giới tây đông, mà mặt trận chính là Đức, Nga, và nay Anh, Mỹ là tư bản chủ nghĩa, đồng minh của Liên Xô là xã hội chủ nghĩa. Pháp đã mất nước từ tay Đức. Hai ba năm trước, một mình Pháp thống trị Đông Dương, bây giờ Đông Dương bị Pháp và Nhật cùng thống trị. Thì đường lối cách mạng của Đảng ta phải như thế nào mới đúng? Đúng nghĩa là chắc chắn đưa đến cách mạng thành công?

Tôi hiểu rằng một cái Xứ uỷ cho dầu là cứng hơn, vững hơn bọn tôi mấy lần đi nữa, cũng không có quyền vạch ra đường lối cách mạng là đường lối của toàn Đảng, toàn quốc; cho nên xác định đường lối cách mạng phải là nhiệm vụ của Đại hội Đảng hay là của Ban chấp hành Trung ương Đảng, các cấp bậc ấy mới có đủ quyền hạn. Nhưng ở Nam Kỳ bấy giờ không còn có cơ quan Trung ương cũng không còn có uỷ viên Trung ương từ sau những vụ bị bắt ở đường Nguyễn Tấn Nghiêm và xung quanh cuộc khởi nghĩa 1940. Ngày nay nhìn lại thì thấy rằng mãi cho đến sau cách mạng tháng Tám, chúng tôi, không biết có nghị quyết hội nghị Trung ương lần thứ VIII – một cuộc hội nghị Trung ương có Nguyễn Ái Quốc tham dự[5]. Lúc đó chúng tôi cảm giác bơ vơ trong một thời cuộc cực kỳ rối và khó. Phải tự vạch đường mà đi hay là phải chờ đợi? Mà chờ đợi đến chừng nào? Chờ đợi ai? Trong lúc không thể dẫm chân một chỗ. Mà thời thế xem chừng như là cấp bách. Sau Stalingrad rồi! Người chiến sĩ cách mạng, đoàn thể cách mạng cần biết tự động, có sáng kiến, phải sáng kiến tự động giống như một sĩ quan cầm đầu một đơn vị chiến đấu đang cơn hỗn loạn ở chiến trường, đứt liên lạc với cấp trên và với tả hữu, tất phải tự động sáng kiến mà tiến thoái. Nhớ lại hồi 1933, Xứ uỷ cũ không còn, Xứ uỷ mới vừa thành lập, Trung ương không có, các bạn và tôi vạch lấy con đường mà đi; trong nhiều việc mới chưa có tiền lệ, như việc tranh cử hội đồng thành phố Sài Gòn, Xứ uỷ đã tự mình giải quyết đúng đắn, lần đầu tiên kết hợp bí mật và công khai, dám sử dụng các cơ hội hợp pháp để hoạt động cách mạng, nhờ đó một phần mà gây lại được phong trào quần chúng rộng lớn và sôi nổi ở Nam Kỳ. Bây giờ, mười năm sau, tình thế đơn độc thì giống mười năm trước mà tình hình chính trị của thời chiến ngày nay gay go hơn biết mấy! Nhưng rồi cũng phải tự vạch con đường mà đi thôi. May là, trong Nam, từ cuối

1939, đã có nghị quyết Trung ương lần thứ VI. Mà Trung ương hội nghị lần thứ VI họp trong lúc ở châu Âu đã nổ ra chiến tranh giữa Đức và Pháp, Anh, chưa có chiến tranh Đức - Liên Xô, Pháp chưa bại trận. Á Đông thì quân Nhật chưa vào Đông Dương, chiến tranh Thái Bình Dương chưa nổ ra. Bây giờ, 1943, thì tình hình khác xa hồi cuối 1939, chắc chắn là nghị quyết Trung ương VI còn có nhiều phần ứng dụng được, nhưng không đủ nữa. Thì làm thế nào bây giờ? Suy nghĩ nhiều, thảo luận mãi, chúng tôi, đi đến chỗ quyết định phải tự trao cho mình trách nhiệm vạch ra đường lối mà đi tới, đó là đường lối cách mạng do tôi đề nghị và tôi phải chịu trách nhiệm trước lịch sử về sai đúng của nó.

Trần Văn Giàu diễn thuyết tại Nhà hát lớn Hà Nội ngày 13.03.1946

(mít tinh về tình hình mặt trận Nam Bộ)

Phúc sau này lấy tên là Năm Đông[6], thấy tôi lúng túng nên đề nghị hãy lấy nghị quyết Trung ương thứ VI làm cơ sở của đường lối rồi thì hành châm chước theo tình hình mới, như vậy sẽ “hợp pháp” hơn. Văn và Phúc chỉ có hai người trong đám vượt ngục Tà Lài đã được biết nghị quyết ấy song cũng chưa bao giờ nghiên cứu cho thấu đáo, cho nên, học lóm, tôi chỉ biết vài nét đại cương; nay Văn chết rồi, còn Phúc thì quên ráo, trừ ra cái nhiệm vụ phải thừa cơ chiến tranh thế giới để làm cách mạng giải phóng thành công. Tìm kiếm mãi, tôi bắt gặp mấy đoạn chép tay nghị quyết VI ở nhà Prigorny (Trần[7] - Phú Lạc) giấu trên mái lá của chuồng trâu. Tôi hết sức cảm động khi đọc đoạn chót của nghị quyết, lời kêu gọi thống thiết toàn thể đảng viên cộng sản:

“ Các đồng chí! Thời cuộc hết sức nghiêm trọng, nhiệm vụ mà lịch sử phú thác cho ta rất nặng nề. Là những phần tử tiên tiến của giai cấp thợ thuyền và là những con cháu tinh anh tận tụy với công cuộc giải phóng dân tộc, chúng ta phải giác ngộ rõ cái sứ mệnh lớn lao ấy và đủ can đảm, đủ nghị lực, đủ sáng suốt để gánh vác nó.

Các đồng chí hãy xiết chặt hàng ngũ lại!

Muôn người cố kết như một!

Tiến lên thực hiện Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương.

Tiến lên lật đổ ách đế quốc, tranh lấy độc lập, giải phóng tự do, bình đẳng, hoà bình, hạnh phúc...”.

Và kêu gọi thống thiết toàn thể đồng bào:

“Anh chị em đồng bào!

Dân tộc chúng ta đứng ở vào tình thế một còn một mất.

Là dòng dõi tinh anh của Trưng Vương, Triệu Ẩu, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Nguyễn Huệ, Phan Đình Phùng, lại là dân tộc đông nhất, dân tộc Việt Nam hãy mau mau đoàn kết lại, thống nhất Trung Nam Bắc, liên hiệp với Miên Lào và tất cả các dân tộc thiểu số khác dưới ngọn cờ Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương, kẻ xuất công người xuất của, ra sức đấu tranh chống đế quốc chiến tranh và giải phóng các dân tộc Đông Dương ra khỏi đế quốc Pháp.

Chỉ có chiến tranh giải phóng mới thật là chiến tranh vì công lý, tự do”.

Độc nghị quyết tháng 11 năm 1939, tôi chú ý đặc biệt đến một số tư tưởng mang nhiều tính sáng tạo so với luận cương cách mạng tư sản dân quyền (1930) và Chương trình hành động (1932), những tư tưởng đem lại nhiều gợi ý lớn cho tôi khi tôi phải đề nghị một dự thảo đường lối cách mạng cho Xứ uỷ 1943. Những tư tưởng gợi ý đó là:

“Đứng trong một tình thế ít nhiều khác với tình thế 1930-1931, chiến lược cách mạng tư sản dân quyền bây giờ cũng phải thay đổi ít nhiều cho hợp với tình thế mới. Cách mạng phản đế và điền địa là hai cái mấu chốt của cách mạng tư sản dân quyền. Không giải quyết được cách mạng điền địa thì không giải quyết được cách mạng phản đế; không giải quyết cách mạng phản đế thì không giải quyết được cách mạng điền địa. Các nguyên tắc ấy không bao giờ thay đổi được; nhưng nó phải ứng dụng một cách khôn khéo thế nào để thực hiện được nhiệm vụ chính cốt của cách mạng là đánh đổ đế quốc”.

Ngay khi đọc nghị quyết, tôi liền thấy rằng đây không phải là “các nguyên tắc ấy - cách mạng phản đế và điền địa song song, không tách, không cái nào thứ nhất, cái nào thứ yếu - không bao giờ thay đổi được”. Thực tế thì hội nghị Trung ương 1939 đã “thay đổi” nguyên tắc ấy, đã chuyển hướng chiến lược, trước là cách mạng phản đế và điền địa, nay là cách mạng dân tộc giải phóng, nhiệm vụ phản đế là “chính cốt”; không nói tách bạch ra nhưng cũng đã đủ rõ rằng cách mạng điền địa là thứ yếu, nhưng cần viết lại sao cho các đồng chí hiểu rằng dù nó là quan trọng lớn, lớn nào cũng không bằng cách mạng phản đế; đặt cách mạng phản đế làm “chính cốt” là cốt để tập hợp được lực lượng yêu nước của cả dân tộc đến mức cao nhất có thể được. Đúng là đã có thay đổi ở nguyên tắc chính. Nghị quyết nói rõ hơn nữa:

“Hiện nay tình hình có đổi mới. Đế quốc chiến tranh, khủng hoảng cùng với ách thống trị phát xít thuộc địa đã đưa đến vấn đề dân tộc thành một vấn đề khẩn cấp rất quan trọng. Đám đông trung tiểu địa chủ và tư bản bản xứ cũng căm tức đế quốc. Đứng trên lập trường giải phóng dân tộc, lấy quyền lợi dân tộc làm tối cao, tất cả mọi vấn đề của cuộc cách mạng, cả vấn đề điền địa cũng phải nhằm vào mục đích ấy mà giải quyết”.

Lâm thời không đưa ra khẩu hiệu “tất cả ruộng đất về tay dân cày” nữa mà đưa ra khẩu hiệu “tịch thu ruộng đất của thực dân và của địa chủ phản bội quyền lợi của dân tộc”.

Bạo dạn lắm và rất đúng, rất hay. Về sau, tôi nghĩ rằng trên thực tế lịch sử, sự chuyển hướng chiến lược lớn của Đảng ta đã bắt đầu từ tháng 11 năm 1939, còn nghị quyết Trung ương VIII thì tiếp tục và hoàn thiện một sự nghiệp phát triển lý luận bắt đầu từ nghị quyết Trung ương VI. Năm 1943, sau khi lập Xứ uỷ, trong việc tự vạch một đường lối cách mạng, chúng tôi ở Nam Kỳ, đặc biệt là tôi, đã chịu ảnh hưởng cực kỳ sâu sắc của nghị quyết Trung ương VI về sự xác định “nhiệm vụ chính cốt” của cách mạng Đông Dương, cách mạng Việt Nam. Giống như cái thời (1928-1929, khi tôi gõ cửa xin gia nhập Đảng Cộng sản Pháp) mà tôi “phát hiện” ra trong nghị quyết của Quốc tế Cộng sản đại hội lần thứ VI

nhiệm vụ chiến lược cách mạng điền địa gắn liền với cách mạng phản đế.

Chưa hết cái sáng tạo của Hội nghị tháng 11 năm 1939, tại Bà Điểm. Nghị quyết còn nói đến vấn đề tính chất và hình thức của chính quyền cách mạng đã thành công. Nghị quyết rút lại khẩu hiệu “lập chính phủ Xô Viết công nông” mà đưa khẩu hiệu lập chính phủ cộng hoà dân chủ mang tính chất đoàn kết rộng rãi bao gồm nhiều thành phần xã hội ngoài công nông tuy là dựng trên cơ sở liên minh công nông.

Bạo dạn lắm; cũng là thức thời lắm!

Vấn đề Miên Lào được quan niệm một cách khác hơn hồi 1930, 1932 khi ra đời Luận cương chính trị và Chương trình hành động. Nghị quyết tháng 11 năm 1939 nói:

“Không một dân tộc nào có thể giải phóng riêng lẻ, vì Đông Dương ở dưới quyền thống trị duy nhất của đế quốc Pháp về mặt chính trị, kinh tế và binh bị. Không thể có một bộ phận nào thoát khỏi nền thống trị ấy mà chẳng liên quan đến cả nền thống trị của đế quốc Pháp. Sự liên hiệp các dân tộc Đông Dương không nhất thiết bắt buộc các dân tộc phải thành lập một quốc gia duy nhất vì các dân tộc Việt Nam, Miên, Lào xưa nay vẫn có sự độc lập. Mỗi dân tộc có quyền giải quyết vận mệnh theo ý muốn của mình song sự tự quyết cũng không nhất định nghĩa là rời hẳn nhau ra”.

Nói một cách khác hơn, rõ hơn, không đặt vấn đề thành lập Liên bang Đông Dương như hồi 1930 nữa, mà đặt vấn đề liên minh chiến đấu giữa Việt, Miên, Lào chống đế quốc thực dân Pháp nhằm giành lại độc lập cho nhau, mỗi dân tộc Việt, Miên, Lào có quyền quyết định chế độ chính trị của mình mà cả ba đều ủng hộ nhau để hoàn thành và bảo vệ nền độc lập đó.

Thế là rõ. Thế là hội nghị tháng 11 năm 1939 đã cho phép ta đánh đổ một chính sách tuyên truyền “chia để trị” của Pháp. Duy, ngay sau tháng 11 năm 1939, ta không có cơ hội để tuyên truyền cổ động rộng rãi cho một

chiến lược đổi mới vừa hợp với lịch sử, vừa hợp với lòng dân của cả ba dân tộc Việt, Miên, Lào.

Bên trên, tôi vừa nói đến ba chuyển hướng chiến lược đặc biệt quan trọng của Trung ương hội nghị tháng 11 năm 1939. Ba điều ấy được chúng tôi, hồi 1943-1944, lấy làm cơ sở để vạch ra đường lối của Xứ uỷ.

Đọc lại một số đoạn của nghị quyết VI, tôi lấy làm lạ, đồng thời cũng rất cảm động, khi thấy rằng cuối năm 1939, trong lúc Thường vụ Trung ương còn toàn vẹn và an toàn mà hội nghị đã đặc biệt chú tâm đến vấn đề nối chấp liên lạc dưới trên, Nam Bắc trong Đảng bị địch làm tổn hại nguy hiểm. Nghị quyết nói phải:

“Tìm cách khôi phục hệ thống Trung Nam Bắc và phải làm cho sự liên lạc từ chi bộ đến Trung ương được khẳng khít. Nhất là trong lúc này (là lúc) Đảng thay đổi chính sách, phải làm cho chính sách ấy phổ cập trong toàn Đảng... Và trong lúc tình thế nghiêm trọng này, phong trào quần chúng sẽ tiến tới một tốc độ không ngờ, nếu các tổ chức Đảng từ trên tới dưới không liên lạc mật thiết như một người thì Đảng không thể chỉ huy phong trào một cách đúng đắn được. Phong trào cách mạng của quần chúng sẽ vì đó mà yếu ớt đi, cách mạng sẽ không thực hiện được, Đảng ta sẽ mang tội với vô sản, với dân tộc, với cách mạng toàn thế giới”.

Chúng tôi càng thấm thía tầm quan trọng đặc biệt của nhiệm vụ “khôi phục hệ thống Trung Nam Bắc” được đặt ra ngay từ cuối năm 1939, nhiệm vụ càng cấp bách vào năm 1943-1944... tới đó mà vẫn chưa thực hiện được, tới đó mà chúng tôi ở Nam chưa biết Trung ương còn hay không, còn thì đã vạch ra đường lối cách mạng thế nào cho tất cả các tổ chức cộng sản đều theo đúng như vậy. Về sau ai nói đông tây gì mặc kệ, chớ hồi 1943, khi lập lại Xứ uỷ chúng tôi Phúc, Giàu... nhắc mãi cái câu tâm huyết của nghị quyết VI: “Nếu các tổ chức Đảng từ trên xuống dưới không liên quan mật thiết như một người... cách mạng không thực hiện được... ta mắc tội với vô sản, với dân tộc...”.

Không đành chịu ngồi chờ, bất đắc dĩ chúng tôi phải tự vạch ra một đường lối cách mạng mà dù tự tin mấy cũng không khỏi phải âu lo rằng

có thể có sự khác biệt đáng lẽ tránh được với các đồng chí ở Bắc Trung. Sau này, ai hiểu được cho tôi thì tôi nhờ, ai hiểu không được hay không muốn hiểu thì tôi chịu, chớ bảo nhau “ngồi chờ” quyết không phải là thái độ của tôi hay của bất cứ người “cách mạng chuyên nghiệp” nào. Khi ấy, ở Nam Kỳ, ở trong tình thế phải tự vạch ra con đường để mà đi tới trước, nếu có sai biệt gì với bên trên (mà chúng tôi không biết chắc là còn hay mất) thì tôi sẵn sàng chịu phê bình, nhưng người ta không những phê bình mà còn công kích dữ dội, ác liệt, cái lối xử sự ấy quả là khó chấp nhận lắm.

Vấn đề “một cổ hai tròng”, ách của hai đế quốc Pháp và Nhật

Hồi cuối năm 1939, đầu năm 1940, chỉ có một mình Pháp thống trị Đông Dương.

Khi ấy, trong những năm cuối thời Mặt trận bình dân, đứng trước nguy cơ chiến tranh giữa Nhật- Pháp ở Đông Á, anh Lê Hồng Phong chủ trương “phòng thủ Đông Dương”. Còn tôi, dù ở trong Khâm Lớn Sài Gòn, tôi có gởi bài đăng ở báo Avant garde chủ trương là “giữa bệnh dịch tả và bệnh dịch hạch, ta không lựa chọn cái nào” (entre la peste et le choléra, on ne choisit pas). Khi ấy, có mặt Honel nghị sĩ cộng sản Pháp được Đảng Cộng sản Pháp phái sang Sài Gòn, anh ấy phản đối tôi hết sức dữ dội, và không phải chỉ có một mình Honel phản đối tôi. Nhưng quần chúng và cán bộ thì bàn tán nhiều, không phải ai cũng ủng hộ “phòng thủ Đông Dương”. Anh tuyên chiến với Đức. Đồng minh của Đức là Nhật đem quân vào Đông Dương, Pháp-Nhật câu kết nhau.

Ngay từ khi chiến tranh thế giới bắt đầu, Đảng đã quyết định sẽ nhân cơ hội chiến tranh đế quốc để làm cách mạng giải phóng thành công, điều này đã ghi trong Luận cương chính trị 1930 và Chương trình hành động 1932. Giữa năm 1940, Pháp bị Đức đánh bại phải đầu hàng, một chính phủ chư hầu, tay sai của Đức được thành lập ở Pháp và Pháp được giữ nguyên các thuộc địa. Chính phủ thuộc địa tại Đông Dương theo đường lối của chính phủ Pétain ở Pháp. Quân Pháp theo Pétain nằm trọn quyền ở Đông Dương. Nhưng cuối 1940 và đầu 1941, Pháp chấp nhận để quân đội Nhật vào Đông Dương. Từ đó, thống trị Đông Dương không phải chỉ

có đế quốc Pháp mà còn có quân phiệt Nhật. Một cổ hai tròng là thế. Ai đoán trước được? Cuối năm 1940, nổ ra cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ. Khởi nghĩa thất bại. Pháp đàn áp dữ dội, khốc liệt nhất từ khi chúng đến đồng bằng Cửu Long, Đồng Nai. Khi nổ ra khởi nghĩa Nam Kỳ chưa có đại quân Nhật vào đây; nay thì quân Nhật có mặt ở cả Bắc, Trung, Nam, Miên, Lào nữa, đóng căn cứ hành quân khắp nơi. Nhật dung dưỡng Pháp và Pháp phục vụ lại Nhật, hai thằng đế quốc tuy có mâu thuẫn với nhau mà cùng nhau đè đầu cưỡi cổ dân ta. Nhân dân và cả đồng chí nữa đặt câu hỏi: một đế quốc Pháp, đã bị phát xít Đức đánh bại, mà ta còn đánh đổ không nổi, ta còn thua, nay thêm một đế quốc Nhật, đế quốc đó lại đang thắng Mỹ, Anh, Hà như chẻ tre, cả hai kẻ xâm lược Pháp, Nhật cùng thống trị dân tộc ta, thì ta làm sao đánh đổ nổi chúng để giành lại độc lập?

Trong câu hỏi có xen ý hoài nghi tiền đồ cách mạng. Chúng tôi đã trả lời câu hỏi một cách đơn giản mà không có ai trong số các đồng chí (và trong quần chúng cảm tình) không cho là đúng:

Pháp sẵn dĩ chấp nhận để cho quân đội Nhật vào Đông Dương vì chúng không có sức đương đầu với Nhật, một trận Lạng Sơn đủ chứng tỏ điều ấy rồi. Đánh Nhật thì Pháp (ở Đông Dương) chết ngay, mất hết. Nhân nhượng thì may ra còn. Vả lại, chính phủ Pétain ở Pháp chịu phục tùng Đức, mà Đức thì muốn cho Pháp cứ giữ thuộc địa, Nhật là đồng minh của Đức; cho nên Pháp ở Đông Dương nuôi hy vọng có thể giữ được bộ máy cai trị của chúng cho đến ngày hết chiến tranh mà chúng tưởng rằng phe trục phát xít sẽ thắng.

Nhật tất nhiên là muốn ăn hết miếng mồi Đông Dương chứ không muốn chia phần cho Pháp. Nhật hất cẳng Pháp không khó khăn, dễ như móc thuốc lá trong túi. Nhưng nếu như Nhật hất cẳng Pháp ngay thì cái khó khăn lớn của Nhật là phải tổ chức ra bộ máy cai trị của chúng, liệu bộ máy mới có giữ trật tự nổi trong một nước có truyền thống cách mạng rất mạnh như Việt Nam không? Chi bằng tạm để quân Pháp ở đó, buộc Pháp nếu muốn tồn tại để chờ thời, thì một mặt phải làm việc giữ trị an bằng bộ máy Nhà nước đã xây dựng từ gần một trăm năm nay, mặt khác phải lo bảo đảm hậu cần cho quân đội Nhật, cần lương thực có lương

thực, cần nhân công có nhân công, cần tiền có tiền, bến tàu, sân bay, đường sá đều sẵn. Lợi hơn là trực tiếp nắm tất cả quyền hành. Mà người chủ thật sự là Nhật, không phải là Pháp. Đến lúc nào cần thiết thì Nhật sẽ lật Pháp dễ như trở bàn tay, việc này có ngày nhất định sẽ xảy ra, vấn đề là sớm hay muộn chứ hai con chó không thể cùng chia êm một miếng mồi ngon. Chúng nó sẽ cắn nhau, một con sẽ chết. Con chết trước là thực dân Pháp. Hai kẻ thống trị sẽ còn một, hai ách sẽ chỉ còn một, mà ách thống trị còn đó cũng sẽ không kiên cố lâu dài gì bởi vì Nhật sẽ thua trong cuộc chiến tranh Thái Bình Dương và trong cuộc xâm lăng Trung Quốc. Nhật lật đổ Pháp sẽ không có phần trợ lực nào hết dù là gián tiếp của lực lượng ta, nhân dân ta đóng góp càng lớn thì cách mạng Việt Nam, cách mạng Đông Dương càng có điều kiện dễ thắng lợi.

Vậy không có gì phải ngán, phải bi quan với cái sự thật đáng ghét là một cổ hai tròng, một dân tộc thuộc địa mà hai đế quốc hè nhau thống trị.

Cũng do nhận định như thế mà tôi đề nghị với các đồng chí là ta không để ngang hàng thực dân Pháp với quân phiệt Nhật, ta phải xem đế quốc Nhật là kẻ thù số một mặc dù nó không ngồi ghế toàn quyền, thống sứ, thống đốc; tôi đề nghị khẩu hiệu chiến lược là “đánh đổ đế quốc Nhật, bài trừ phản động Pháp, Đông Dương độc lập muôn năm”. Khẩu hiệu này bao hàm ý nghĩa rằng ta có thể cần phải lợi dụng mâu thuẫn của Pháp và Nhật, hàm ý nghĩa rằng Pháp, Nhật đều là kẻ thù của ta, mà bây giờ thì kẻ thù chính là Nhật; cũng hàm ý nghĩa rằng Nhật thế nào cũng sẽ lật đổ Pháp, rằng những người Đông Dương yêu nước trong trường hợp cụ thể và trong điều kiện nhất định có thể là đồng minh chiến đấu của phe kháng chiến Pháp chống Nhật và chống phe Decoux thân phát xít. Về sau tôi mới biết được ở ngoài Bắc, các đồng chí ta từ năm 1941, 1942 đề ra khẩu hiệu “đánh Pháp, đuổi Nhật” cho đến khi nổ ra sự kiện 9 tháng 3 năm 1945, Nhật lật đổ Pháp. Như vậy là trước ngày 9 tháng 3 năm 1945 Nam, Bắc có sự khác biệt không phải đâu đó muốn khác nhau như thế nào, mà vì hệ thống Đảng chưa được khôi phục. Nhà làm sử về sau có thể đánh giá là ở Nam Bộ, và riêng ở tôi, sai đúng tới mức nào, nặng bao nhiêu nhưng trong vấn đề này, tôi muốn được thấy rõ sai lầm của tôi nếu quả đó là sai lầm về khẩu hiệu chiến lược.

Trong một lần Hội nghị Xứ uỷ ở Chợ Gạo năm đó (cuối 1943), tôi đã yêu cầu các đồng chí chú trọng đặc biệt đến nhiệm vụ – cũng mang tính chất chiến lược – đấu tranh tư tưởng chính trị chống “chủ nghĩa Pháp-Việt phục hưng” của thực dân Pháp ở Đông Dương và “chủ nghĩa Đại Đông Á” của Nhật. Vào thời điểm đó, trong khi tôi nhận định rằng trong hai kẻ thù đế quốc, đế quốc Nhật là số một, thì tôi nhận định rằng trong hai tư tưởng địch thủ, không cái nào là thứ hai, cả hai đều rất nguy hiểm; từ năm 1943 trở đi, cái chủ nghĩa Đại Đông Á có sút giảm ảnh hưởng bởi vì chiến tranh Thái Bình Dương bắt đầu chuyển sang chiều hướng bất lợi khó gỡ cho Nhật và bởi vì hơn vài năm nay đám thân Nhật coi như là “mỏ mìn trông đợi”, mất dần tin tưởng vào Nhật cho đến nỗi tướng Tòng Tỉnh chủ tịch Liên Á phải sang Sài Gòn để “trấn an”, để “lên dây cót” cho đám tay chân người bản xứ, cái xu thế của chủ nghĩa Đại Đông Á càng lâu càng mất đà, khó gỡ. Còn cái “chủ nghĩa Pháp-Việt phục hưng” cũng gọi là “chủ nghĩa Pháp-Việt đề huề mới” của phái Decoux thì với cái sức mạnh đang chuyển sang đà thắng của đồng minh Anh, Mỹ, Liên Xô, dẫn đến chỗ thực dân Pháp và đồng minh bản xứ lâu đời của chúng hy vọng một cuộc khôi phục nước Pháp, hy vọng vào hoạt động của De Gaulle và đám gaullistes ở Đông Dương. Cho nên, trên cơ sở đường lối cách mạng (mà chúng tôi tự vạch ra), cuộc đấu tranh tư tưởng chính trị chống chủ nghĩa “Pháp-Việt phục hưng” và “chủ nghĩa Đại Đông Á” được chúng tôi xem như là điều kiện cốt yếu để đẩy phong trào cách mạng tới thành công. Về sau, tôi nhận thấy rằng, trên mặt trận này, chủ trương đường lối ở Bắc và ở Nam không có khác biệt nhiều, duy ở trong Nam lực lượng thân Nhật, tiêu biểu là các giáo phái, to lớn lắm, hoạt động dữ dội, đấu tranh với họ vừa vất vả, vừa tế nhị hết sức. Những quyển sách loại “bỏ túi” của tôi phát hành lúc đó chống “chủ nghĩa Pháp-Việt phục hưng” (hay là “chủ nghĩa Liên bang của Decoux”), chống “Chủ nghĩa Đại Đông Á” của Nhật có giúp cho anh em ta tuyên truyền cách mạng, khôi phục lòng tin vào cách mạng, nhưng phải nói rằng có tác dụng quyết định trong việc khôi phục lòng tin vào cách mạng là những chiến thắng của Hồng quân Liên Xô từ Stalingrad trở đi.

Vấn đề tập hợp lực lượng

Vấn đề tập hợp lực lượng để đi tới khởi nghĩa cách mạng là vấn đề rất lớn trong việc xác định đường lối sau khi đã rõ đối tượng tính chất của cách mạng. Nói giải phóng dân tộc, giành độc lập, các thời kỳ, các tổ chức, các vị yêu nước đều nói; nhưng tới nay thì chưa ai làm được. Khởi nghĩa Yên Bái 1930, khởi nghĩa Nam Kỳ 1940, đều biểu hiện ý chí giải phóng dân tộc, nhưng đều thất bại; một trong những nguyên nhân lớn của sự thất bại là đã chưa tập hợp đủ lực lượng để làm cách mạng. Nam Kỳ 1940 tập hợp được lực lượng nhiều lần hơn Yên Bái 1930, mà cả hai đều thiếu; Nam Kỳ khởi nghĩa, ngay khi nhìn ở tầm địa phương, cũng là một cuộc nổi dậy với lực lượng tập hợp còn xa mới đủ: công nhân lao động thành thị chưa nổi lên, không có binh lính nổi lên, đa số các quận huyện không có nổi lên và ngay nông dân ở các quận huyện có khởi nghĩa cũng chỉ một số ít cầm vũ khí đánh giặc Pháp. Vả chăng, trong một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, nếu chỉ có công nông binh trong tổ chức của Đảng nổi lên thì một sự tập hợp lực lượng như thế vẫn còn hẹp hay là chưa đủ rộng lớn cần thiết. Xứ uỷ chúng tôi nhận định như vậy. Nhận định như vậy, quyết không phải là “chê” các đồng chí lãnh đạo khởi nghĩa 1940, nhận thấy khuyết điểm ấy là để xác định rằng muốn khởi nghĩa thành công phải có không chỉ hàng vạn mà hàng ức triệu người nhất tề nổi lên mới được.

Từ nay cho đến khi có thời cơ khởi nghĩa, phải làm cho kỳ được những gì trong trách nhiệm tập hợp lực lượng?

– Phải chú trọng đặc biệt vào công nhân, người lao động; chú trọng vào công chức của chính quyền ở thành thị, trước hết là ở Sài Gòn đầu não; thật sự biến các xí nghiệp lớn và các công sở chính làm “thành trì của cách mạng”, giống như đặt quả bom, đặt trong bụng của địch nhân, như đóng cái đinh vào đầu của chúng; nếu quả ta tính đánh địch một đòn chết tươi thì phải đánh thẳng vào bộ não, trái tim của chúng; có thể nghĩ ngay bây giờ là ngày mai, khi nổi lên khởi nghĩa, ta sẽ chiếm các công sở Sài Gòn chủ yếu bằng lực lượng cách mạng ở trong công sở đó. Vậy từ bây giờ, ta phải dồn phân nửa sức mạnh của đảng bộ vào công tác trọng tâm này, để không bao giờ lặp lại cái dở tai hại của tháng 11 năm 1940, là nhiều nơi ở nông thôn nổi lên mà Sài Gòn thì lại yên tĩnh.

- Phải thu hút đông đảo nông dân cho bằng và nhiều hơn hồi 1930-1931, 1937-1938, đặc biệt là, ở mỗi tỉnh, ta phải tập trung nhiều cán bộ giỏi hoạt động tổ chức tuyên truyền ở các quận huyện gần châu thành của tỉnh ấy là chính chứ không phải dàn đều; cũng ra sức hoạt động tổ chức tuyên truyền ở dọc theo các đường giao thông huyết mạch. Trong toàn bộ Nam Kỳ thì nông vận phải chú trọng riêng các tỉnh xung quanh Sài Gòn, làm sống lại và mạnh hơn lên cái “vành đai đỏ” từng nổi tiếng để có ngày tiếp ứng mãnh liệt cho lực lượng khởi nghĩa của thành phố.

- Phải phát huy truyền thống binh vận và nắm cho kỳ được số lính khổ xanh ở Sài Gòn, Chợ Lớn và mỗi tỉnh. Từ ngày Pháp đầu hàng Đức và dạ dạ vâng vâng trước Nhật thì công tác binh vận có nhiều cơ hội thành công hơn trước. Lênin đã làm khởi nghĩa ở Petrograd với nhiều đơn vị lực quân và hải quân của chính quyền tư bản. Năm 1940, các báo cáo về kết quả binh vận là không đúng thực tế. Chúng tôi biết rõ tầm quan trọng của binh vận, nhưng khác xa với Quốc dân đảng, chúng tôi cho rằng chỉ khi nào chúng ta tập hợp được một lực lượng công nông thật lớn thì binh lính mới mạnh dạn đứng về phe cách mạng.

– Phải đặc biệt chú trọng tập hợp lực lượng thanh niên ở thành thị và nông thôn, không phân biệt là thanh niên thuộc thành phần giai cấp nào. Nếu ví Đảng là một con người thì công nhân và thanh niên là tay mặt tay trái của con người đó. Cả Pháp lẫn Nhật, mấy năm nay đã chú trọng chinh phục thanh niên. Ta phải cản trở, đánh bại những cố gắng ấy của chúng. Mấy năm nay, cũng thấy nảy nở ra ở Sài Gòn và nhiều tỉnh một phong trào sinh viên, học sinh chưa xác định rõ được tính chất chính trị, mà điều chắc chắn nhất là Đảng ta không được để cho tụi tay chân của Pháp, của Nhật lôi kéo thanh niên; ta phải quyết tâm giành thanh niên với chúng. Nhiệm vụ này chỉ có thể hoàn thành tốt nếu Đảng ta tạo được một sức mạnh lớn công nông liên minh có khả năng “lôi kéo” các giai cấp trung gian và nếu Đảng ta có một số cán bộ đại trí thức có tiếng tăm và nhân cách. Chỗ này lâu nay là một nhược điểm lớn của Đảng, ta cần phải khắc phục nhanh chóng. Công tác này rất khó mà không thể xem nhẹ.

– Đặc điểm chính trị xã hội Nam Kỳ là có nhiều chánh đảng và giáo phái lớn; có cả chánh đảng hoạt động dưới hình thức tôn giáo. Phải điều tra kỹ tình hình đảng phái và giáo phái ở Nam kỳ, xem xét khả năng “làm đoàn” trong một số phái có đông quần chúng, phân hoá họ và cảnh tỉnh những cánh nào có thể cảnh tỉnh, đoàn kết với họ. Công tác này khó khăn và tế nhị, cần giao cho một số ít cán bộ có năng lực, có tư cách. Khi cần, ta có thể bàn đến khả năng một số ít đồng chí có năng lực, có tư cách đứng ra trợ lực, hướng dẫn cho những người yêu nước nào đó thành lập chính đảng cách mạng quốc gia, dân chủ, góp phần đấu tranh giải phóng dân tộc.

Vào năm 1943 trở đi, sau khi chiến dịch đại thắng của Hồng quân Liên Xô tại Stalingrad thì các đồng chí cộng sản nằm yên hay ẩn núp từ 1940, nay bắt đầu được vực lên về mặt tinh thần; số anh chị em đó còn nhiều; có thể và cần phải đưa họ trở lại hoạt động cách mạng với Xứ uỷ, đó là điều kiện quan trọng để thực hiện nhiệm vụ “tập hợp lực lượng”. Tập hợp lực lượng nhân dân tất nhiên phải bắt đầu và đi song song với tập hợp lực lượng các chiến sĩ cộng sản bị tan tác sau cuộc khởi nghĩa thất bại 1940.

Hồi cuối năm 1943 đó, khi vạch ra cho mình một đường lối cách mạng thì tôi và các bạn của tôi chưa đặt ra và bàn luận vấn đề lập “Mặt trận dân tộc thống nhất phản đế” mà Hội nghị Trung ương 1939 ở Bà Điểm đã đặt ra. Tôi chưa biết có nghị quyết lập Việt Minh (Việt Nam độc lập đồng minh) của hội nghị Trung ương lần thứ VIII, năm 1941, ở Cao Bằng. Cho nên chúng tôi tổ chức Đảng và hội, để tập hợp lực lượng, y như hồi Đảng Cộng sản mới ra đời; cũng công hội, nông hội như trước chớ không phải “công nhân cứu quốc”, “nông dân cứu quốc” v.v... (sau tôi sẽ có dịp trở lại vấn đề này). Còn về việc lập “Mặt trận dân tộc thống nhất phản đế” thì Nghị quyết VI không nói rõ sẽ tổ chức ra sao? Gồm những ai? hoạt động cách nào? Tôi nói với các đồng chí trong cuộc họp để bàn về đường lối cách mạng và những nhiệm vụ cần kíp rằng, khi nào năm, sáu nhiệm vụ lớn (đã kể trên) được thực hiện có kết quả thì khi ấy mới có điều kiện để lập Mặt trận dân tộc thống nhất phản đế ở Nam Kỳ; chớ bây giờ thì chưa có thể lập Mặt trận dân tộc thống nhất phản đế được; nếu bây giờ lập mặt trận thì mới chỉ có hình thức, chớ

chưa có thực tế bởi lẽ ta chỉ có Đảng ta và các tổ chức công nông thanh phụ còn yếu ớt của chúng ta, cái đó chưa phải là mặt trận. Mặt trận theo đúng ý nghĩa của nó phải là một liên minh chiến đấu theo một chương trình hành động chung giữa các chính đảng, các đoàn thể, các giai cấp, các sắc tộc, các tôn giáo, các thân sĩ tiêu biểu. Nay (1943, 1944) ta chưa có điều kiện để lập mặt trận; riêng Đảng Cộng sản và công hội, nông hội chưa thành mặt trận; liên minh công nông là cơ sở của mặt trận dân tộc thống nhất nhưng chưa trở thành tổ chức mặt trận rộng lớn mà ta hướng tới.

Vấn đề tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền

Viết đến đây tôi muốn để ít thời giờ để kiểm điểm và tự kiểm điểm về vấn đề: Tại sao Nam Bộ không sớm tổ chức Việt Minh? Tại sao? Thời điểm đó tôi chưa nghe hai chữ Việt Minh. Tới tháng 7 năm 1945, tôi mới có chương trình điều lệ Việt Minh trong tay, thì làm sao hồi 1943, 1944 có chủ trương theo đường lối của hội nghị Trung ương VIII được? Mà ví phỏng trước hay trong các cuộc hội nghị đại biểu ở Phú Lạc, Chợ Gạo tôi đã nắm được chương trình điều lệ Việt Minh mà chưa được giải thích thật kỹ, chắc gì tôi không “thắc mắc” về một số điểm trong đó có việc biến đổi các công hội, nông hội thành “hội công nhân cứu quốc”. Tuy vậy tôi sẽ tán thành tổ chức “Hội thanh niên cứu quốc”, “Hội văn nghệ cứu quốc”, “Hội phụ nữ cứu quốc”. Còn những tổ chức mang tính chất giai cấp của công nhân, nông dân (công hội, nông hội) thì bản chất của nó vốn đã đậm đà chất cứu quốc rồi, bản chất và nhiệm vụ của nó còn cao hơn là cứu quốc, nên tôi nghĩ rằng việc gì phải lấy một cái tên khác tiêu biểu chỉ cho cách mạng phản đế? Mặt trận Việt Minh mà chúng tôi sẽ tổ chức ở Nam Kỳ vào giữa năm 1945, sẽ bao gồm: Đảng Cộng sản, Tổng Công đoàn, Thanh niên Tiền phong, đảng Tân Dân chủ, Cánh tả đảng Quốc gia (Cư sĩ tịnh độ), Cao Đài cứu quốc, hội binh sĩ yêu nước... không giống như điều lệ Việt Minh chính thức, cho nên khi đó, một số anh em mải mai gọi chúng tôi là “Việt Minh mới”, gọi chúng tôi là “Việt Minh mới” là không đúng lắm, nhưng cũng không phải là không duyên cớ! Sau này tôi còn nghe nói “Việt Minh thiệt, Việt Minh giả” nữa! Phiền phức quá! Mà tránh sao được khi đồng chí ở mỗi nơi đều ra sức tự động thúc đẩy phong trào cách mạng phát triển, chớ không ngồi chờ.

Tôi nhớ rằng khi ấy các đồng chí ở Nam không mấy ai quan tâm thực hiện vấn đề Mặt trận. Trái lại thì anh em quan tâm đến vấn đề khởi nghĩa giành chính quyền. Khi ấy, sở dĩ, trong lúc Xứ uỷ Đảng mới khôi phục, anh em ai nấy đều quan tâm đến vấn đề khởi nghĩa, hẳn là vì ai nấy đều không thể quên cuộc khởi nghĩa thất bại năm 1940, dưới thời kỳ của Xứ uỷ do đồng chí Tạ Uyên lãnh đạo. Phải tránh vết xe đổ, nhiều đồng chí nói. Đòn đau 1940 hãy còn thấm thía lắm; nhưng hội nghị vẫn khẳng định với Trung ương VI (1939) và luận cương chính trị (1930) rằng không thể nào giành được độc lập mà không trải qua cuộc vũ trang khởi nghĩa (lúc bấy giờ cũng được gọi là “bạo động”). Khởi nghĩa, bạo động là thuộc vào đường lối cách mạng, là bộ phận quan trọng bậc nhất của một đường lối cách mạng.

Cuối năm 1943, chúng tôi ở Nam Kỳ quan niệm như thế nào về khởi nghĩa, về “bạo động” cách mạng? Tôi đã nhiều lần ra sức thử tổng kết kinh nghiệm của cuộc khởi nghĩa 1940, rút những bài học lớn. Nay cuối năm 1943, ở các cuộc hội nghị Chợ Gạo, Phú Lạc, để “hoàn chỉnh” về cơ bản một đường lối cách mạng, ít nhất là tạm thời trong lúc chưa nổi được liên lạc với Trung ương – tôi đã trình bày những ý kiến chủ đạo sau:

Thứ nhất là: ý kiến của Nghị quyết VI. Nghị quyết VI nói:

Muốn đi tới đánh đổ đế quốc, phải huy động dân chúng chống đế quốc chiến tranh, và kêu gọi lòng ái quốc chân chính, phát huy những truyền thống tốt đẹp của dân tộc; phải biết gắn kết với những quyền lợi thiết thực của các tầng lớp nhân dân với quyền lợi dân tộc và kêu gọi thống nhất dân tộc. Cái tinh thần ái quốc và đòi thống nhất dân tộc, giải phóng dân tộc càng phát triển thì tinh thần phản đế càng mạnh mẽ. Mở rộng và nâng cao tinh thần dân tộc, làm cho mỗi người trong các giai cấp có ý thức về sự tồn vong của dân tộc và sự mật thiết của vận mệnh dân tộc với lợi ích cá nhân mình; đặt quyền lợi dân tộc lên trên tất cả các quyền lợi khác; thống nhất lực lượng dân tộc là điều kiện cốt yếu để đánh đổ đế quốc Pháp...

“Xoay tất cả phong trào đấu tranh lẻ tẻ vào cuộc đấu tranh chung, phản đối đế quốc chiến tranh, chống đế quốc Pháp và bè lũ, dự bị điều kiện bước tới bạo động làm cách mạng giải phóng dân tộc”.

Như vậy nghĩa là giương cao ngọn cờ dân tộc, đi tới khởi nghĩa vũ trang. Hoàn toàn không vì khởi nghĩa Nam Kỳ thất bại mà chọn con đường nào khác; không có con đường nào khác để giành độc lập dân tộc ngoài con đường dẫn đến khởi nghĩa, “bạo động” cách mạng. Mọi sự tập hợp lực lượng đều nhằm vào một trận thư hùng, một cuộc khởi nghĩa vũ trang quyết thắng, không có quyền bại.

Trong cuộc chiến tranh thế giới ngày nay, đế quốc Pháp ở Đông Dương rồi sẽ bị đế quốc Nhật lật đổ. Cuộc hợp tác ma quỷ Nhật-Pháp sẽ chấm dứt không sớm thì muộn. Rồi sau đó, phát xít Nhật hùng cường sẽ bị quân Mỹ, Anh, Trung Quốc đánh bại, việc nhất định phải đến, sẽ đến, chỉ có sớm hay muộn thôi. Chúng ta tin chắc rằng không phải là Nhật đánh đổ Pháp thì tự nhiên đem lại độc lập cho dân tộc ta và cho các dân tộc Đông Dương, cái độc lập đó cho dù có tuyên bố cũng quyết không phải là độc lập thực sự mà chỉ là hình thức thôi, giả mạo thôi; chúng ta không hề muốn cái thứ độc lập ấy. Chúng ta cũng chắc chắn rằng dù đồng minh Mỹ, Anh, Trung Quốc thắng Nhật cũng không trả lại độc lập cho dân tộc Việt Nam đâu, mà sẽ trả lại chủ quyền cho Pháp, hay nhiều nhất là họ đặt chế độ “ủy trị” và giao lại cho Mỹ và một đế quốc nào khác. Ta phải nhận thức rõ rằng không đời nào có “bất chiến tự nhiên thành”, không có độc lập do ai ban cho mình; chỉ có độc lập do bản thân ta chinh phục mới thực sự là độc lập. Độc lập thật sự chỉ có thể giành được bằng khởi nghĩa vũ trang, bằng bạo động cách mạng. Một đường lối cách mạng phải khẳng định điều này, hoàn toàn trái với lời hứa hẹn của Nhật với các chính đảng và giáo phái theo chủ nghĩa Đại Đông Á. Cũng khác hẳn với kế hoạch “Liên bang Đông Dương” lừa bịp của Decoux.

Còn như hỏi: chừng nào mới khởi nghĩa, thì ta trả lời rằng: khi các điều kiện khách quan đã đủ, đã chín (hồi 1943, 1944 chưa ai dùng chữ “chín muồi”) và khi tập hợp đủ lực lượng. Còn như lực lượng tập hợp chưa đủ, điều kiện khách quan chưa chín, mà cứ phát động khởi nghĩa, là manh

động, là khởi nghĩa non, mà non thì thua. Khởi nghĩa Nam Kỳ tháng 11 năm 1940, là khởi nghĩa non, nên thất bại thấy trước.

Hôm đó, một lần nữa, tôi nêu ra cái sai lầm lớn của các đồng chí lãnh đạo khởi nghĩa Nam Kỳ. Tất nhiên tôi không trách Thường vụ Trung ương đã bị bắt gần một năm trước mà trách hai đồng chí Ủy viên Trung ương còn sót (là anh Tần và anh Lưu) sao không kiên quyết ngăn cản Tạ Uyên và Xứ uỷ trên con đường bạo động non dẫn đến thất bại kia. Cuối 1940 đã không có thời cơ đủ chín cho khởi nghĩa, lại chưa có lực lượng đủ mạnh cho bạo động, mà cứ bạo động, khởi nghĩa là làm liều, nổi lên thì rất anh dũng mà thất bại thì rất lớn, không đáng có. Lần tới, ta phải làm khởi nghĩa theo khoa học và nghệ thuật Lenin, theo mẫu mực cách mạng tháng Mười Nga. Nói cho rõ hơn, tôi và các đồng chí của tôi không ưng ý với chủ trương khởi nghĩa bằng lực lượng du kích, bằng khởi nghĩa địa phương, bằng chiến lược “nông thôn bao vây thành thị”. Tôi thấy hồi 1940 Xứ uỷ Nam Kỳ chịu ảnh hưởng của Mao Trạch Đông, việc phát hành quyển “chiến tranh du kích” vào giữa năm 1940 nói rõ điều ấy. Bằng du kích làm sao mà giành chính quyền được? Phải làm khởi nghĩa cách mạng, một cuộc quyết chiến bằng bạo lực chính trị và bạo lực vũ trang kết hợp nổ ra trên đỉnh cao nhất của một phong trào quần chúng, mà địch dù thấy trước cũng không làm sao ngăn cản nổi, không làm sao trở tay kịp. Chúng tôi lại định ninh rằng một cuộc khởi nghĩa muốn thành công, phải là một cuộc tổng khởi nghĩa toàn quốc, không phải là một cuộc khởi nghĩa địa phương dù là một địa phương rộng lớn và có tầm chiến lược như Nam Kỳ. Có thể đoán trước rằng cuộc tổng khởi nghĩa sẽ nổ ra vào khoảng tàn cuộc của chiến tranh thế giới lần thứ hai, vào năm tháng nào khó mà đoán trước, song từ nay tới đó ta phải nỗ lực.

– Tập hợp lực lượng lớn nhất có thể được.

– Nối hệ thống tổ chức giữa Xứ uỷ với Trung ương và toàn Đảng.

Đại để, chúng tôi, Xứ uỷ Nam kỳ, vào cuối năm 1943, đã tự vạch ra một đường lối cách mạng như thế. Ngoài chúng tôi ra, lúc ấy ở Nam Kỳ không thấy có ai khác, không biết có nhóm nào khác vạch ra một đường lối cách mạng.

Ban Tuyên huấn của Xứ uỷ Nam Kỳ lập ngay kế hoạch phát hành một số sách “bỏ túi” (theo kiểu “cộng sản từng thư” hồi 1933, 1934) để phổ biến những vấn đề thuộc đường lối mà Xứ uỷ đã vạch. Những quyển sách “bỏ túi” đầu tiên là quyển “Việt Nam trên đường độc lập”, “Rạng đông của một dân tộc” của Xuyên Vân Nhận (tức là tôi) mà sau đó bị Trường Chinh[8] phê phán. Bộ sách bỏ túi này chú trọng công kích chủ nghĩa Đại Đông Á của Nhật và chủ nghĩa Liên bang của Decoux.

Từ cuối 1943, ở Nam Kỳ chúng tôi đã lập lại Xứ uỷ và Xứ uỷ ấy tự trang bị cho mình một đường lối chủ trương vận động cách mạng trong khi chờ đợi những chỉ thị của Trung ương Đảng. Những chỉ thị của Thường vụ Xứ uỷ cho Ban cán sự Sài Gòn trở thành một bộ phận cấu thành chủ trương đường lối của đảng bộ Nam kỳ.

Tôi trở lại Sài Gòn và từ nay tôi để gần hết tâm lực, trí lực vào hoạt động ở Sài Gòn và các tỉnh xung quanh Sài Gòn. Trên đường về lại Sài Gòn, tôi ghé thăm mẹ. Nhà tôi cách Tân Thuận Bình Chợ Gạo khoảng mười cây số. Từ năm 1941, tôi đã qua lại Chợ Gạo đến ba lần mà đều “tam quá kỳ lưu bất nhập”[9].

Về nhà thăm mẹ

Chuyện lớn phải lo mà chuyện nhỏ đừng quên. Việc công là trọng, mà việc tư thỉnh thoảng cũng phải nhớ. Tôi hay nghĩ lẫn lộn như vậy, khi ở chân trời góc biển, tôi luôn luôn nhớ đến mẹ, đến vợ, đến làng quê; nhớ lắm.

Từ lâu, 1930, tôi được liệt vào loại cán bộ mà thời ấy được người ta gọi là “thoát ly gia đình”. Khái niệm “cán bộ thoát ly gia đình” ở Việt Nam trước cách mạng cũng giống như khái niệm “cán bộ cách mạng chuyên nghiệp” (révolutionnaire professionnel) Lênin đã dùng khi Người viết sách “Làm gì?”. Lênin cho rằng, để xây dựng một đảng cách mạng nhất là trong điều kiện khủng bố trắng, phải có một loại đồng chí làm “cách mạng chuyên nghiệp” nghĩa là không làm nghề gì khác hơn là làm cách mạng, số đồng chí đó để hết thời giờ của mình vào hoạt động cách mạng. Bên Việt Nam những năm 1920, 1930 (cả hồi đầu những năm

1940 nữa) bọn tôi lấy cái ý mà không lấy cái từ của sách “Làm gì?”; nhưng trong phiên tòa thực dân Pháp xử tôi năm 1935, khi quan tòa hỏi: “Ông làm nghề gì?” thì tôi trả lời: “Làm cách mạng chuyên nghiệp”. Chớ không lẽ trả lời: “Tôi thoát ly gia đình”? “Thoát ly gia đình” để làm gì? Có thể là để làm cách mạng, có thể để làm bất cứ cái gì mà trong gia đình mình làm không được, không nhất thiết phải là làm cách mạng. Tuy vậy, tôi vẫn thích thú với khái niệm “thoát ly gia đình” mà anh em ta dùng thời đó, bởi vì khái niệm ấy, trong lịch sử xuất hiện của nó, đã có thời bao hàm một ý nghĩa triết lý, chính trị. Mãi đến sau chiến tranh thế giới thứ nhất, ở Việt Nam còn nhiều gia đình mang nặng tư tưởng, tình cảm, tập tục Nho giáo phong kiến; chẳng những phần lớn là các gia đình thân sĩ theo đạo Khổng, Mạnh, Trình, Chu đều theo lối xưa như thế, mà ngay cả một số gia đình trung nông, viên chức, thương nhân cũng vậy. Tuổi trẻ thường bị ràng buộc nhiều lắm bởi cương thường Nho giáo đã thâm căn từ mấy chục đời rồi. Nhưng tuổi trẻ, nhất là tuổi trẻ có ít nhiều Tây học, thấy rằng mình cần bay nhảy tự do. Thanh niên Sài Gòn đã vỗ tay hoan nghênh Nguyễn An Ninh khi anh Ninh tại một cuộc mít tinh ở Nam Kỳ Khuyến hội học năm 1923, kêu gọi thanh niên hãy đi xa, đi thật xa nhà tổ phụ để tìm lý tưởng mới, đừng lẫn quẩn lại xó bếp gia đình chật hẹp và lạc hậu. Đó là cái lý vào những năm cuối 1920, người ta gọi là “thoát ly gia đình”, ý đó có nghĩa là chống lại tàn dư tư tưởng tập quán phong kiến, đi tìm chân trời mới. Nhưng ngay cả khi anh Ninh khi ấy cũng chưa chắc đã rõ lắm cái “chân trời mới” đó là gì. Đến khi Nguyễn Ái Quốc lập Thanh niên cách mạng đồng chí hội vào năm 1925 và Đảng Cộng sản Việt Nam (1930) thì cái lý tưởng cách mạng đã rõ. Khái niệm “thoát ly gia đình” ra đời với nội dung mà Lenin đề ra trong sách “Làm gì?": Đảng cách mạng chẳng những gồm đại đa số đồng chí là những người lao động tay chân và trí óc, vừa làm ăn bình thường, cầm búa, cầm cày, cầm bút, vừa để một phần thời giờ cho công tác tuyên truyền, tổ chức, hội họp, đấu tranh; Đảng Cách mạng còn phải có một số đồng chí dành hết quỹ thời gian của mình cho hoạt động cách mạng, các đồng chí ấy thường nhất là không ở tại nhà mình nữa, mà đi xa, nhiều khi đi rất xa, từ Bắc vào Nam, từ nông thôn ra thành thị, từ phố phường hay trường học, vào đồn điền, hầm mỏ, để tuyên truyền, tổ chức, đấu tranh, in phát báo bí mật, làm bất cứ việc gì dù lớn dù nhỏ, dù an dù nguy mà Đảng cách mạng cần. Đó là những anh chị em “thoát ly gia đình”, làm “cách mạng

chuyên nghiệp”. Loại cán bộ này trong Đảng Cộng sản đông tới hàng trăm. Tôi là một trong số đó.

Từ cuối năm 1930, tôi đã bắt đầu “thoát ly gia đình”, và trở thành người hoạt động “cách mạng chuyên nghiệp”.

Gia đình tôi không đến nỗi quá phong kiến lạc hậu, với tâm lý: “cha mẹ còn, con cái không nên đi xa”. Nhưng tôi vẫn phải thoát ly gia đình, trước tiên bởi vì nếu không “vào bí mật” thì không hoạt động cách mạng được, địch theo dõi sát quá và sẽ bắt giam tôi, bắt luôn cả những ai đi lại với tôi. Thú thật, nếu Đảng Cộng sản được quy chế hợp pháp hay nửa hợp pháp, tôi sẽ thích làm người “cách mạng chuyên nghiệp” mà không “thoát ly gia đình”. Hết ngày công tác tuyên truyền, huấn luyện, tổ chức, hết đợt hoạt động náo nhiệt và căng thẳng thì về nhà tìm yên tĩnh âu yếm với cha mẹ, vợ con, chẳng hơn là đãi khách quê người, ăn trong bếp, ngủ dưới đất, nghe chó sủa đã phải đề phòng hay sao? Nhưng “thời thế thế, thế thì phải thế”. Từ cuối 1930 đến nay (hết 1943), tôi chỉ được sum họp với gia đình trước sau ba lần, cộng lại chừng hơn ba tháng. Cha tôi chết; con tôi chết; mẹ tôi già, tựa cửa trông tôi. Vợ tôi hiu quạnh, nước mắt ướm gối. Tôi nhớ nhà lắm chớ! Tim tôi đâu phải bằng đá? Vượt ngục Tà Lài từ đầu năm 1941, đến giờ hơn hai năm, gần ba năm, tôi chưa lén được về nhà lần nào. Chị tôi, vợ tôi có bí mật đi thăm tôi. Nhưng má tôi chỉ biết rằng tôi còn sống, mạnh giỏi, đang hoạt động cách mạng. Nay, nhân một chuyến đi họp ở Mỹ Tho, thấy tình hình cho phép. Tôi tạt qua nhà thăm mẹ. Tôi thềm hôn mẹ tôi và thềm được mẹ tôi xoa đầu như hồi còn nhỏ.

Thuở tôi còn học trường Tâm Vu, nhà tôi đông người lắm; tứ đại đồng đường: cha mẹ tôi, anh chị tôi, cháu gọi tôi bằng cậu, chú và con của con đầu lòng anh Năm tôi, chưa kể hai anh ở mùa, cầm cày, đập lúa, chăn trâu. Nhưng rồi dần dà, anh Năm, anh Bảy, anh Mười tôi ra riêng, mỗi người trấn một dãy ruộng; tới phiên chị Chín tôi cất nhà ở trong vườn. Vợ tôi vì không có chồng ở nhà nên về bên xã Phú Ngãi Trị với cha mẹ ruột, mấy tháng mới vô thăm tía má tôi một lần, mỗi lần tía má tôi được con dâu về thăm thì hai cụ như sống lại, ít hôm sau gạt nước mắt đưa con dâu ra cửa ngõ, trông theo mà càng buồn. Rồi tía tôi chết. Mẹ tôi còn

chỉ có một mình. May có đứa cháu gái goá bụa về ở cùng tại nhà dưới. Nhà tôi bây giờ giống như một ngôi chùa không tượng Phật, chỉ có hai bà vải tối tối đốt nhang, đánh chuông. Cả ngày cả đêm hầu như không có tiếng động nếu không có con Vện già sửa trăng hay điếm khách qua đường ngoài cửa ngõ. Hiu quạnh lắm. Buồn bã lắm. Bà con hàng xóm có người nói: “Tại chú Út đi đâu mất mới ra cảnh này”. Người khác bảo: “Ruộng vườn, nhà cửa, vợ trẻ, có gì cột được chân ông ấy đâu; làm trai phải vậy chứ sao? Nước mất mà nhà an thì cũng hiếm”. Ruộng nhà bị bán đi lần lần, không còn mấy, trừ ruộng hương hỏa; nhưng nợ nần cũng được trang trải hết. Bồ lúa nhỏ đi mà vẫn đầy. Túi tiền cạn mà không khổ. Má tôi, chị tôi, cháu tôi đã sống được lại còn có thể chu cấp cho tôi sống mà công tác. Vợ tôi tần tảo, nuôi heo, chà gạo, làm tá điền cho ông Cụ, ăn chung mà làm riêng nên dư dả, không ai dám khinh miệt, đạo đức gương mẫu, dân làng kính nể, trong quê ngoài chợ ít ai bảo con trai bắt chước chú Mười vì gian lao quá, nhưng rất nhiều phụ huynh dạy con gái hãy theo gương cô Sáu, một tấm gương chung thủy vì nghĩa như Kiều Nguyệt Nga.

Trần Văn Giàu và gia đình thời còn trẻ

(ảnh tư liệu Trầm Hương)

Khi mặt trời sắp lặn thì tôi đã băng đồng, từ kinh Chợ Gạo đi qua chợ Ông Văn, tránh lộ dây thép, tránh cả lộ me, không sợ lính xét giấy thuế thân, chỉ sợ gặp người quen. Trong mình tôi có thể thuế thân, trong túi cũng lắm tiền, lưng quần lặn một cây súng lục đầy đạn, vai vác một cây đòn xóc có lưng lẳng một đôi dép, đầu đội nón lá, chân đi đất, quần áo xềnh xoàng như nông dân đi đồng. Ma nào mà biết rằng tôi là ông Giàu đi về thăm nhà? Vợ anh Hiển, người chợ Ông Văn, báo cáo cho tôi tình hình tuần tra ban đêm của lính đồn Ông Văn: “Chẳng có gì đáng lo, tụi lính đi kiếm ăn ở những sòng cờ bạc. Theo báo cáo mới nhất thì từ hơn một năm nay, làng lính không còn chú ý đến nhà tôi nữa vì đã chú ý nhiều năm mà chẳng thấy gì”.

Trời nhá nhem thì tôi đã qua khỏi chợ. Trở ngại xem như không còn. Cầu Đồn bây giờ không có đồn. Qua cầu rồi thì tới làng tôi; nhà tôi ở đầu kia

làng, phải mất một giờ nữa mới tới. Vào thời điểm này, đồng đã khô vì lúa đã gặt xong. Tôi đi tắt, vừa để rút ngắn quãng đường, vừa để tránh gặp người. Thời đó, không ai ăn trộm lúa vì lúa quá rẻ, bán không được, chỉ có Pháp thu mua để cung cấp cho quân Nhật và để thay thế cho than đá đốt lò nhà đèn Chợ Quán Sài Gòn; tôi không gặp một ai trên đường đi. Gần tới vuông tre nhà tôi, tôi ngồi xuống để xem động tĩnh ra sao, trước hết để nhìn rõ mộ cha tôi; tôi mặc niệm hồi lâu. Cha tôi chết khi tôi còn bị đày ra đảo Côn Lôn. Chị Chín tôi có lần kể lại rằng trước khi tắt thở, cha tôi dốc tàn lực, vịn cột nhà đứng dậy, lần theo vách, vừa đi vừa kêu: “Ký ơi! Ký ơi! Con ở đâu không về với tía”. (Ký là tên tôi hồi tôi chưa đi học). Người nhà bà con ai cũng mủi lòng, dắt cha tôi trở lại giường. Như vậy là cái hình ảnh cuối cùng trong tâm trí cha tôi là đứa con bất hiếu này! Tôi nguyện lấy trung với nước mà làm hiếu với cha; chớ làm sao khác được? Nhớ lại lần tôi bị trục xuất từ Pháp về và hai lần tôi bị Pháp bắt bỏ tù về, cha tôi không hề rầy la tôi sao không lo công danh, sao không lo vợ con. Cha tôi không tham gia chiến đấu chống Pháp như ông nội tôi, nhưng Cụ dù có ruộng vườn cũng không hề ra làm hương chức. Cụ chỉ làm ông “tiên bái” lo việc cúng tế thuần làng; con trai lớn của Cụ là anh Năm tôi thì tham gia nghĩa quân Thiên địa hội năm 1916, Cụ không ngăn cản.

Ở quê, chín giờ tối đã khuya. Xóm làng ngủ hết. Đường không còn ai. Quan sát hồi lâu tôi không thấy động tĩnh gì, bèn vo quần bước xuống một cái cống đào tự bao giờ, tôi lớn lên đã thấy nó rồi; cái cống xẻ ngang bờ tre, cho nước sông lên, cho nước đồng xuống. Phải vạch ô rô để vào mương, leo lên tiếp mới vào nhà chị tôi ở góc vườn. Tôi vừa leo lên bờ thì, bất ngờ, một con vật gì lủi tôi: con chó; nó định sủa, nhưng rồi nó nín thinh, nó ngửi được mùi tôi, rồi liếm tay và vẫy đuôi lia lịa, kêu hự hự, mừng quýnh. Té ra con Vện già! Tôi rờ đầu nó, nó đứng lên ôm eo ếch tôi. Hồi tôi từ Khám Lớn về nhà cách đây ba năm, ngày nào tôi cũng cho Vện ăn ngon, vuốt ve nó, nói chuyện với nó. Nó mến tôi lắm. Tối, nó ngủ dưới chân tôi, tôi trải manh đệm cho nó nằm. Có một buổi tối nọ, mật thám Tây, phủ Hoài và cả phủ Mai dắt lính đến nhà bắt tôi thì Vện sủa dữ, bị thàng cò đá một đá, nó la hoảng, chạy trốn dưới sàn, nhưng nó dám đưa tôi ra tới cống. Bây giờ nó còn nhớ hơi tôi! Như vậy là Vện đã hay tôi về khi tôi còn lội dưới mương. Nếu nó sủa ầm lên thì cũng sanh

rầy: hàng xóm, mấy ông già chưa ngủ, sẽ đoán rằng bà Bái có khách khuya. Con Vện dường như cũng biết giữ bí mật cho chủ nó. Khôn thật! Chị Chín tôi còn thức. Linh tính khiến chị ngó qua vách, hỏi khẽ: “Em đó hả?”. Tôi khẽ lên tiếng “Em đây!”.

Trong nhà chị tôi chỉ có một cây đèn dầu leo lét trên bàn thờ Phật, ngọn chỉ bằng hột bắp, chiếu sáng lờ mờ một khoảng bằng cái cơi trầu. Chị tôi mở cửa sau rước tôi vào nhà. Hai cháu gái mừng cậu trong bóng tối, khóc thút thít. Con Vện liếm chân tôi một hồi rồi ra nằm ngoài sân, như để canh chừng.

Ông bà Trần Văn Giàu những năm cuối đời

(ở nhà riêng, 70 Phạm Ngọc Thạch, Sài Gòn)

Chị Chín tôi cực khổ với tôi lắm. Hồi tôi còn đi học ở trường Tầm Vu, chị tôi phải dậy sớm nấu cơm, rang vài bát cho tôi ăn liền, còn vài ba bát nữa thì tôi đem theo trong một cái giỏ nhỏ xíu xinh xinh với mấy con tép hay một khúc cá kho khô. Khi tôi bị tù rạc thì chị Chín tôi đi thăm. Tôi trốn ở Nam Trung Kỳ thì chị Chín lặn lội đem tiền ra cho tôi. Chưa kể hằng đêm chị tôi tụng kinh cầu Phật phù hộ em. Bây giờ chị kể hết việc nhà, từ khi tôi trốn khỏi cang Tà Lài tới nay; chị nói: “đám lính rình rập mãi năm, sáu tháng rồi thôi, em có thể ở nhà mấy bữa mà không hề gì”.

Trong lúc tôi bắc ghế trên phản với lên mái nhà cắt năm ruột lạt cột lá dừa (để phòng có biển sẽ đu lên nóc) thì hai cháu Ba, Tư lên nhà thờ rước bà ngoại xuống nhà tụi nó, nói rằng có ông thầy chùa ở chợ Ông Văn sang thăm và lạc quyền để sửa tượng Phật. Má tôi vô nhà chị tôi rồi mới hay rằng ông thầy chùa đó là tôi. Mẹ con ôm hôn nhau, mừng mừng tủi tủi. Mẹ tôi hôn tôi khắp mặt, cổ, tay, hôn tới đâu nước mắt cụ thấm ướt tới đó. Trong đêm tối, tôi cảm thấy má tôi già thêm nhiều so với ba năm trước. Làm da má nhăn sâu hơn, cái răng cửa hồi đó còn, bây giờ rụng mất rồi; lưng má tôi còng hơn. Má tôi năm nay ngót 80 tuổi. Bà kể lại rằng hôm cò Tây tới bắt tôi, má tôi tưởng đâu Pháp bắt tôi đem đi bắn bởi vì chiến tranh đã nổ ra rồi. Má tôi còn kể lại rằng, sau khi tôi bị bắt, sáng sớm má tôi rải lúa cho bầy gà bầy vịt để dành cho tôi thì má tôi khóc hết

nước mắt. Má tôi cũng kể lại rằng, khi tôi vượt ngục Tà Lài, đám quan chức trong làng báo tin tôi đã bị dân thiếu số bắt lại, chặt đầu đem nộp cho Tây lấy thưởng bằng gạo, bằng muối. Nghe tin sét đánh đó, mấy lần má tôi chết ngất. Mãi đến khi chị Chín tôi ra Nha Trang gặp tôi rồi về nói cho má tôi biết thì má tôi mới tin chắc là tôi còn sống. Má tôi cưng tôi nhất nhà, bởi vì tôi là con út, là đứa có trách nhiệm nuôi cha mẹ lúc già và giỗ cha mẹ khi mất; nhưng bao nhiêu hy vọng của cha mẹ gởi vào tôi đều chẳng được chút gì. Cha tôi chết khi tôi còn ở tù. Không biết rồi khi má tôi theo cha đi, tôi sẽ có mặt ở nhà không? Hay lại cũng nơi chân trời góc biển?

Cả má và chị Chín đều bảo tôi ở lại chơi một vài ngày, để có thời giờ cho các cháu đi Phú Ngãi Trị rước vợ tôi về An Lục Long. Tôi cũng muốn như vậy lắm. Song, làm sao tính cho hết sự bất ngờ? Rủi ro có bề gì thì đã thiệt mạng mình mà mình lại đắc tội với dân tộc, với Đảng. Nên tôi quyết định là quá canh ba tôi sẽ lên đường; mục đích về thăm mẹ đã đạt rồi. Vài hôm nữa, tôi phải có mặt ở một địa điểm thuộc tỉnh Chợ Lớn (Phú Lạc), hay một địa điểm thuộc Gò Vấp (Hàng Diệp, Bào Lãng, Gia Định) để họp với Ban cán sự thành Sài Gòn mở rộng. Đứng vững trên căn cứ nơi ngoại thành Sài Gòn, tôi sẽ có dịp nhả vợ tôi lên, không muộn.

Gà gáy mấy chập. Trăng sắp mọc.

Tôi ôm hôn mẹ, chị, hai cháu, rồi gạt nước mắt ra đi, không quên vuốt đầu vỗ lưng con Vện và để nó hít tay tôi, nó vừa hít vừa ngoáy đuôi lia lịa. Tôi lại vo quần, xuống mương, ra bằng ngô đã vào. Đứng yên trong bụi một lúc, không thấy động tĩnh gì, tôi thông thả lên đường, chốc chốc ngoái lại mộ cha, nhà mẹ, rặng tre thân thiết nơi đã chứng kiến tôi được sinh ra, lớn lên và vào đời chiến sĩ. Tôi nào ngờ gặp mẹ lần này là lần cuối. Tháng Tám năm 1945, cách mạng thành công, tôi chưa kịp thu xếp một ngày về quê thăm mẹ, thì kháng chiến chống Pháp nổ ra; việc lớn này chưa làm lại xảy ra việc lớn hơn. Má tôi mất năm 1950, khi tôi đang từ mặt trận Đăngrêch (Campuchia) về ở Việt Bắc. Tôi ân hận mãi không được gặp lại mẹ tôi ban ngày ban mặt hay dưới ánh sáng đèn điện để ghi lại trong đáy mắt chân dung người mang nặng đẻ đau sinh ra đứa con bất hiếu này.

(Xem tiếp Phần thứ Ba)

Chú thích của người biên tập

1 Miền Trung Nam Bộ, miền Tây Nam Bộ, miền Đông Nam Bộ.

2 Trung ương: Năm 1943, Trường Chinh là quyền tổng bí thư, hai ủy viên ban thường vụ khác là Hoàng Văn Thụ (bí thư xứ ủy Bắc Kỳ, bị bắt tháng 8.1943, bị Pháp xử bắn tháng 5.1944) và Hoàng Quốc Việt. Người tiền nhiệm của Trường Chinh, Nguyễn Văn Cừ, đã chủ trì Hội nghị Trung ương tháng 11.1939 ở Bà Điểm (Nam Kỳ), sau đó bị bắt cùng với nhiều người khác (như Lê Duẩn). Hội nghị Trung ương tháng 11.1940 họp ở Đình Bảng (Bắc Kỳ) cử Trường Chinh làm quyền tổng bí thư. Phan Đăng Lưu trở về miền Nam phổ biến quyết định hoãn cuộc khởi nghĩa mà chính ông và Xứ ủy Nam Kỳ đã quyết định mấy tháng trước đó: quá muộn. Cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ (23.11.1940) bị chìm trong biển máu. Phan Đăng Lưu và hầu hết lãnh đạo ở Nam Kỳ bị bắt, nhiều người bị xử tử. Nguyễn Ái Quốc đặt chân tới Pắc Bó (tháng 1.1941) sau 30 năm bôn ba, vào đúng điểm mà tổ chức cách mạng do ông thành lập 11 năm trước đó bị đàn áp nặng nề, hầu hết những người lãnh đạo bị thực dân bắt giam hoặc thủ tiêu. Trong cái rủi cũng có cái may, có thể nói hai lần may. Một là cũng với sự tiêu vong của ban lãnh đạo 1930-1940, là thất bại của đường lối tả khuynh, giáo điều mà họ đã áp dụng theo chỉ thị của Quốc tế Cộng sản – nhân danh đường lối ấy, Nguyễn Ái Quốc đã bị phê phán nặng nề và vô hiệu hóa, ngay sau khi thành lập Đảng cộng sản Việt Nam (tháng 2.1930), và nhất là trong những năm 1934-1938. Hai là, ở Liên Xô, Stalin rồi bởi trước cuộc tấn công của Hitler, Hồng quân thua đậm trong thời kì đầu (tổng tư lệnh và phần lớn bộ chỉ huy Hồng quân đã bị Stalin tàn sát từ cuối thập niên 1930); ở Trung Quốc, thì Mao và lãnh đạo ĐCS Trung Quốc còn ẩn náu mãi tận Diên An; Nguyễn Ái Quốc không còn bận tâm vì các đồng chí của mình, có thể vạch ra và theo đuổi đường lối giải phóng dân tộc đã từng bị lên án. Tất nhiên, thực hiện chính sách Mặt trận Việt Minh không dễ dàng khi đất nước còn nằm dưới ách thống trị của bộ máy thực dân Pháp theo Pétain và bộ máy quân phiệt Nhật Bản, hàng ngũ ĐCS bị đàn áp nặng nề, liên lạc với các xứ ủy Trung Kỳ và Nam Kỳ dường như bị cắt đứt trong mấy năm. Tình trạng phân hóa khá phổ

biển: như ta sẽ thấy, Nam Kỳ sẽ có hai xứ Ủy; ở Trung Kỳ, có tỉnh có tới ba tỉnh Ủy bất đồng với nhau (xem David G. Marr: Vietnam 1945 / The Quest for Power, University of California Press, 1995).

3 Xuyên Vân Nhận: con chim nhận bay xuyên qua mây mù.

4 Kinh cung chi điếu: con chim đã bị tên bắn rồi thì trông thấy cảnh cung cũng kinh hãi (tưởng là cung).

5 Hội nghị Trung ương lần thứ VIII: họp từ ngày 10 đến 19.5.1941 tại Pắc Bó (Cao Bằng), chấp nhận sự lãnh đạo của Nguyễn Ái Quốc, quyết định thành lập Mặt trận Việt Minh: “ Trong lúc này quyền lợi của bộ phận, của giai cấp phải đặt dưới sự sinh tử, tồn vong của quốc gia, của dân tộc. Trong lúc này nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi được độc lập, tự do cho toàn thể dân tộc, thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận, giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được. Đó là nhiệm vụ của Đảng ta trong vấn đề dân tộc ”; “Đế quốc Pháp - Nhật chẳng những áp bức các giai cấp thợ thuyền, dân cày, mà chúng nó áp bức bóc lột cả các dân tộc không chừa một hạng nào. Dầu là anh tư bản, anh địa chủ, một anh thợ hay một anh dân cày đều cảm thấy cái ách nặng nề của đế quốc là không thể nào sống được. Quyền lợi tất cả các giai cấp bị cướp giật, vận mạng dân tộc nguy vong không lúc nào bằng”. Quan niệm, tầm nhìn, ngôn ngữ khác xa quan niệm “trí, phú, địa, hào, đào tận gốc, trốc tận rễ” của những Trần Phú, Hà Huy Tập...

6 Năm Đông: Dương Quang Đông, tức Dương Văn Phúc (1902-2003). Ông Năm Đông là nhà cách mạng lão thành đã tham gia Thanh niên Cách mạng đồng chí hội của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc và sớm hoạt động trong Công hội Đỏ của cụ Tôn Đức Thắng. Ủy viên thường vụ Xứ Ủy Nam Kỳ. Trong thời kháng Pháp, ông là Phó phòng Hàng hải Nam Bộ, phụ trách văn phòng thường trực của ta ở thủ đô Xiêm quốc, Bangkok. Ông đóng vai doanh thương có cửa hàng xuất nhập cảng lớn tại thủ đô Bangkok, mua sắm tàu biển chở súng đạn, hóa chất, máy móc về nước đánh Tây. Trong cuộc sống đầy gian nguy giữa hàng ngũ mật vụ Pháp bố trí dày đặc ở Xiêm, dưới cái tên Xiêm là Nai Chran ông vẫn bình tĩnh làm tròn sứ

mạng của mình cho tới ngày bị phe đảo chính bắt. Xem tiểu sử đầy đủ trong cuốn Dương Quang Đông xuyên Tây của Nguyên Hùng (sách đã dẫn). Những năm cuối đời, tuy tuổi cao, ông vẫn lên tiếng chống tiêu cực và sự lưu manh hóa hàng ngũ đảng (như tố cáo sự gian trá của tướng Lê Đức Anh).

7 Tức Nguyễn Văn Trân: xem chú thích ở các phần (I) và (IV).

8 Chúng tôi chưa tìm ra được những tập sách bỏ túi này cũng như những lời phê phán của Trường Chinh. Rất mong được bạn đọc giúp đỡ.

9 Tam quá kỳ lưu bất nhập: ba lần đi qua ngôi nhà nhỏ đó mà không ghé vào. Người biên tập xin cảm ơn nhà Hán học Nguyễn Xuân Diện đã cho biết đây là tích Đại Vũ bận trị thủy, việc gấp, nên ba lần đi qua nhà mà không có thời giờ tạt qua.

3-1-11

Phần III(2): TỔ CHỨC LẠI XỨ ỦY

(tiếp theo)

Về lại Sài Gòn: Chỉ thị của Xứ ủy cho Ban cán sự thành

Về Sài Gòn lần này, lần cuối năm 1943, tôi đi thẳng lên Gò Vấp. Gò Vấp là một quận ngoại ô kế cận của Sài Gòn. Trong ý thức của tôi, Gò Vấp của Sài Gòn là Saint-Denis của Paris; sát với Paris, thị xã Saint-Denis nổi tiếng là thị xã “đỏ”, ở đây Đảng Cộng sản luôn luôn toàn thắng trong các lần bầu cử hội đồng thị xã. Đa số nhân dân Gò Vấp có cảm tình với Đảng Cộng sản Đông Dương, không phải mới đây thôi mà từ 1930 kia. Những năm 1933, 1934, 1935, khi Xứ ủy Nam Kỳ lập lại và hoạt động, thì vùng Xóm Thuốc - Bàu Lãng - Hàng Điệp từng là căn cứ, là một nơi an toàn của Xứ ủy chúng tôi. Năm 1942, khi tôi từ Đà Lạt về Phú Lạc, tôi đã nhờ Bảy Trân lên Gò Vấp, lại nhà Sáu Sáng để xem nơi đó còn là nơi an toàn không? Kỳ này về Sài Gòn, định “cắm sào” hơi lâu, thì ngoài Phú Lạc, tôi chọn Gò Vấp làm một nơi căn cứ, căn cứ thứ hai, căn cứ thứ ba sẽ là Chợ Đệm sau khi tôi gặp Bảy Trân.

Xóm Thuốc, Bàu Lãng, Hàng Điệp là một vùng tiểu công nghiệp: nhuộm vải, sắc thuốc. Đa số dân làm nghề nhuộm, sắc thuốc. Ở đây gần con sông thường được gọi là sông “Miếu nổi” (có một cù lao trên đó dựng lên một cái miếu không biết từ bao giờ, tiếng đồn linh thiêng lắm), dưới sông này có một thứ bùn gì mà, hễ vải dệt xong, đem chôn dưới bùn đó một thời gian, vải trắng trở thành vải đen, đem vải phơi ở miếng đất trống xung quanh cái đồn Tây bỏ hoang gần đó khô rồi cuốn lại thành cây vải, đem về đập nện mấy ngày thì vải trở nên láng lẩy. Tiếng vỗ đập vải cộp cộp cả ngày đêm, tháng này qua tháng nọ. Vùng này lại là vùng trồng thứ thuốc lá ngon nhất Nam Kỳ, thuốc Gò Vấp, hút say mê tới; tới mùa thì cây thuốc đầy đồng bao nhiêu chục, có khi cả trăm mẫu, cao lút đầu người. Hợp hội nghị trong đám ruộng thuốc lá thì có trời mới phát hiện nổi và có trời mới vây bắt được. Dân chúng ở cái vùng ngoại ô này làm nghề nhuộm, nghề sản xuất thuốc lá, rồi cả ngàn người làm thợ, làm

thầy trong thành phố, chiều năm giờ, sáu giờ thì cỡi xe đạp về nhà để sáng sớm lại vào thành. Các tiểu chủ xe thổ mộ, những người trồng, sắc thuốc, dệt nhuộm và công nhân lao động của vùng này đã từng đi biểu tình vào Sài Gòn nhiều lần từ những năm 1936-1937, từng tham gia tổng bãi công để ủng hộ Tào[1], Ninh[2], Thâu[3] khi các anh này bị Thống đốc Nam Kỳ bắt giam hồi thời Mặt trận bình dân.

Trần Văn Giàu gặp tổng thống Pháp François Mitterrand tại TP. HCM trong chuyến đi thăm Việt Nam của Mitterrand (tháng 2, 1993). François Mitterrand thua Trần Văn Giàu 5 tuổi, thuở trẻ thuộc phe hữu (thậm chí cực hữu). Lúc Trần Văn Giàu bị giam ở Tà Lài thì cũng là lúc Mitterrand bị bắt làm tù binh ở Đức. Cả hai vượt ngục thành công. Năm 1943, khi Trần Văn Giàu làm Bí thư Xứ Ủy Nam Kỳ, Mitterrand mới bắt đầu tham gia kháng chiến.

Trong số hàng trăm gia đình cảm tình cách mạng, tôi tin cậy nhất là gia đình anh Sáu Sáng, tôi đã ở đó trong những năm 1933-1935 và luôn luôn được an toàn. Những khi tôi bị bắt, căn cứ Xóm Thuốc, Bàu Lãng, Hàng Điệp vẫn không hề hấn gì. Anh em nhà Sáu Sáng làm việc ở bệnh viện Đồn Đất[4] và ở tổng kho súng đạn Pyrotechnie, gần cầu Thị Nghè, Sài Gòn. Anh Sáu Sáng, trước là học sinh trung học, thạo tiếng Pháp, người cao lòng không, gầy nhom; chị Sáu thì lùn, giỏi bếp núc, đóng vai hậu cần và bảo vệ tin cậy được. Vợ chồng Sáu Sáng gặp lại tôi, tôi trở lại thăm vợ chồng Sáu Sáng, mừng mừng tủi tủi, chỉ có nhà văn trữ tình mới tả được nỗi lòng. Anh chị đọc báo biết tôi là tù vượt ngục mà anh chị vẫn tiếp tôi không có vẻ sợ sệt gì hết, chỉ sợ bà con hàng xóm nhận ra tôi, nên phải đề phòng kỹ lưỡng; vả lại nhà Sáu Sáng cũng trồng thuốc như xưa, vườn không rộng mà nhà đủ kín đáo; ngõ vào có một, ngõ ra thì nhiều. Được sự đồng ý của anh Sáu Sáng, tôi triệu tập ở nhà anh một cuộc hội nghị mở rộng của ban cán sự thành phố Sài Gòn - Chợ Lớn. Ban cán sự lúc đó mới có ba đồng chí: anh Oanh (cũng có tên là Bạch Đằng lớn), anh Tư Chí và anh Mười Thức, cả ba là công nhân kỳ cựu của thành phố, mời thêm hai đồng chí nữa là Hảo, nguyên học sinh tốt nghiệp trường Kỹ nghệ thực hành và chú thanh niên Hoàng, cháu tôi, học sinh lớp Tú tài trường trung học Pétrus Ký. Oanh, trạc tuổi với tôi, người Bắc Ninh, làm thợ giỏi, giao thiệp rộng, siêng công tác, chỉ có một cái dở là thỉnh thoảng

ghé tiệm “làm vài điếu”[5] nhưng không ghiền. Anh sống ở Chợ Cũ, đường Guynemer[6], hồi đó có thể xem là khu phố đông giày; anh hoạt động đầu từ 1935, 1936, cũng đã sẵn sàng khởi nghĩa hồi tháng 11 năm 1940 mà giờ chót không được lệnh. Thức, rể ông hương trưởng Hoài, chồng đồng chí Mười, cũng thợ giày, cùng người Bắc, từ chiến tranh về ở Tân Thuận Bình, tôi mời anh trở lại Sài Gòn, nơi anh từng hoạt động những năm Mặt trận bình dân. Từ Chí, người Quảng Nam, làm bồi bếp cho Tây ở bót mật thám Bô-Lô, Chợ Lớn, đã dám mở còng cho Hà Huy Giáp chạy trốn, bấy lâu nay về vùng Phú Lạc mở tiệm bán cá khô không xa nhà Bảy Trân, là người trong nhóm cộng sản Phú Lạc.

Cuộc họp Ban cán sự lần này quan trọng nhiều cho công tác Đảng ở Sài Gòn vì một mặt Ban cán sự thành lập chưa đầy nửa năm, đã bắt đầu tập hợp được cả chục đảng viên “nằm chờ” từ sau 1940, mặt khác, và đây mới là điều quyết định nhất, một phương châm được vạch ra cho Thành bộ theo đó mà hoạt động. Những chỉ thị của Thường vụ Xứ ủy cho Ban cán sự thành có thể được xem như một bộ phận của đường lối chung của Xứ ủy (đã được trình bày trên kia). Hãy nói lại rằng: nếu người phụ trách Sài Gòn là anh Phúc thì anh ấy đã lập Thành ủy lâm thời rồi. Tôi tổ chức hơi khác anh Phúc một chút; tôi lập Ban cán sự để rồi sau đó xây dựng lại được một số cơ sở, một Đại hội đại biểu sẽ bầu ra Thành ủy. Hai cách làm không chắc cách nào hơn cách nào.

Thay mặt cho Xứ ủy, tôi truyền đạt và giải thích tỉ mỉ cho Ban cán sự thành những điểm sau đây của một đường lối cách mạng trong thành phố, một phương hướng hoạt động nhằm làm cho Sài Gòn và ngoại ô thật sự trở thành một pháo đài của chủ nghĩa cộng sản.

Thứ nhất: trong tương lai, chắc là không xa mấy, Sài Gòn sẽ phải trở thành trung tâm điểm của một phong trào đấu tranh cách mạng nổi lên khắp Nam Kỳ lục tỉnh nhằm thực hiện thành công nhiệm vụ vinh quang nhất, cũng là khó khăn nhất là khởi nghĩa vũ trang giành độc lập dân tộc. Có khởi nghĩa vũ trang mới có độc lập dân tộc; không có cách nào khác giành độc lập cho nên mọi hoạt động của chúng ta bây giờ đâu phải nhằm vào cái mục tiêu khởi nghĩa cách mạng. Và cần phải khẳng định rằng một cuộc khởi nghĩa ở Nam Kỳ, muốn thành công, muốn tránh khỏi

thất bại đau đớn như hồi 1940, thì nó phải là bộ phận không tách rời của một cuộc khởi nghĩa trên toàn quốc. Khởi nghĩa địa phương, cô độc, không thể thành công dù là ở trong một địa phương lớn như là Nam Kỳ. Một cuộc tổng khởi nghĩa, tất nhiên là cuộc tổng khởi nghĩa trên toàn quốc, chắc không thể nổ ra cùng ngày mà sẽ nổ ra chỗ trước chỗ sau, nhưng trước sau phải không cách nhau bao lâu. Kinh nghiệm khởi nghĩa tháng Mười năm 1917 ở Nga do Lenin chỉ đạo, đã cho ta biết như vậy. Xứ ta, Bắc, Trung, Nam cách bức, phương tiện liên lạc của ta còn thô sơ thì càng không có khởi nghĩa đồng thời được. Xưa nay, trên thế giới, ở nước nào cũng vậy, phong trào cách mạng phát triển bất đồng. Vấn đề lớn được đặt ra trước mắt của chúng ta là, mặc dù hậu quả những cuộc đàn áp thực dân hồi 1939, 1940, 1941 rất nghiêm trọng cho phong trào cách mạng ở Nam Kỳ, đương nhiên Nam Kỳ không được phép vắng mặt, cũng không được phép đến quá trễ trong một cuộc tổng khởi nghĩa cách mạng nhất định sẽ phải nổ ra trong thời gian chiến tranh thế giới lần thứ hai bùng nổ. Điều đáng lo nhất là, nếu hồi đầu chiến tranh (1939, 1940), Đảng bộ Nam Kỳ có đông đảo đảng viên, đông đảo quần chúng (được Trung ương nhận xét là xứ bộ mạnh nhất nước), thì sang 1941, 1942, cơ sở của ta còn lại hết sức thưa thớt, hệ thống của chúng ta tan vỡ, quần chúng của chúng ta phần thì mất phương hướng, mất lòng tin, phần thì chưa tập hợp lại được. Sắp tới, nếu tình hình chiến tranh thế giới chuyển biến mau có lợi về phe ta (thời điểm này đã bắt đầu trông thấy rõ) thì liệu ta, ở Nam Kỳ có kịp xây dựng lại cơ sở và hệ thống Đảng, tập hợp đủ lực lượng nhân dân hợp lực với Trung, Bắc làm tổng khởi nghĩa cùng một lúc, hoặc gần cùng một lúc, hay là, đến khi có điều kiện khách quan, có thời cơ lịch sử, thì ở Nam Kỳ và ở Sài Gòn ta lại bất lực đứng nhìn thời cuộc trước những lực lượng kinh địch to lớn hơn ta nhiều? Nam Kỳ mà không khởi nghĩa kịp với Bắc, Trung, thì tình hình đó sẽ gây ra vô cùng khó khăn cho cách mạng Việt Nam, cách mạng Đông Dương. Ta mà không giành được chính quyền ở Nam thì kẻ địch ngoại bang hoặc tay sai bản xứ của đế quốc sẽ giành lấy và các đế quốc sẽ dựa vào Nam Kỳ chưa làm nổi cách mạng để mà chống phá cách mạng thành công ở Bắc, Trung tựa như một trăm năm trước Pháp căn cứ vào Nam Kỳ lục tỉnh để đánh lấy Bắc Kỳ. Bởi vậy cho nên chúng ta ở Nam Kỳ phải nỗ lực “chạy đua với thời gian”, khẩn trương, không để mất thời giờ, cũng hết sức thận trọng không để tổn thất lớn về lực lượng

nòng cốt – cán bộ đảng viên nay còn lại không bao nhiêu. Vấn đề lớn được đặt ra là mấy năm nay, ở Nam Kỳ, chúng ta không được biết là Trung Ương Đảng còn hay không (sau khi Thường vụ bị bắt đầu 1940 ở Sài Gòn), nếu còn thì đã có những nghị quyết, chỉ thị gì? Chúng ta cho tới bây giờ chưa có liên lạc được với Đảng bộ Bắc, Trung. Đọc nghị quyết Trung Ương cuối 1939, thấy ghi rằng Đảng phải “tìm cách khôi phục hệ thống Trung, Nam, Bắc”; như vậy có nghĩa là hệ thống Trung, Nam, Bắc của Đảng ngay từ chiến tranh thế giới bắt đầu đã bị trục trặc, đứt đoạn như thế nào đó chứ không đợi đến sau khởi nghĩa Nam Kỳ thất bại. Cho nên để đảm bảo cho tổng khởi nghĩa sắp tới mang tính chất toàn quốc, chúng ta phải “tìm cách khôi phục hệ thống Trung, Nam, Bắc”.

Thứ hai: Trong tương lai, một cuộc khởi nghĩa ở Nam Kỳ phải lấy thành phố Sài Gòn làm nơi quyết định sự thành bại. Chúng ta hoàn toàn không xem nhẹ nông thôn; ở đảng bộ Nam Kỳ từ những năm 1930, đã có truyền thống nông vận mạnh, truyền thống tổ chức và lãnh đạo nông dân đấu tranh. Nay ta tiếp tục truyền thống đó. Nhưng ngày nay là lúc vấn đề chuẩn bị tổng khởi nghĩa cách mạng đã được đặt ra thì chúng ta cần có ý thức rất rõ rằng đầu não của địch, yết hầu của địch tại Nam Kỳ đều tập trung ở Sài Gòn. Muốn đánh địch cho chết tươi, chết không kịp ngáp, thì phải đánh mạnh nhất vào đầu não, vào yết hầu của chúng. Ví như ta lấy được năm, mười quận, ba, bốn tỉnh mà chưa làm chủ được Sài Gòn thì cách mạng ở Nam Kỳ chưa thể xem là thắng lợi. Đồn càn mà chưa chặt bứt gốc thì cây chưa đổ. Gốc còn thì cành lá sẽ mọc lại. Chúng ta tin rằng cuộc “chạy đua với thời gian” ở Nam Kỳ sẽ kết thúc thắng lợi cho ta mặc dầu rằng nơi đây năm 1940, chúng ta đã bị địch giáng cho những đòn tối tăm mày măt. Nhưng trong Sài Gòn hồi 1940 không có khởi nghĩa nên tổn thất của ta tương đối ít vì lực lượng không phải đã bộc lộ hết, cán bộ còn khá nhiều các hội ái hữu (làm nhiệm vụ công đoàn) cũng còn khá nhiều, có thể móc nối lại và dựa vào đó mà phát triển mau. Nội thành Sài Gòn, nhân dân, không chỉ nhân dân lao động, có truyền thống đấu tranh mạnh nhất Đông Dương, không có thành phố nào hơn, không có thành phố nào bằng. Và, đặc biệt là chung quanh Sài Gòn, ta có một “vành đai đỏ” nổi tiếng mà sức chiến đấu phối hợp với nội thành đã từng được chứng minh nhất là ở những năm 1936-1937, hay trở về trước, ở những năm 1930-1931. Ta sẽ “nắm sừng con trâu để vật ngã nó”; ta phải

đánh quy định ngay tại chỗ nó mạnh nhất là Sài Gòn. Giành được chính quyền ở Sài Gòn là tạo điều kiện thuận lợi để mau chóng giành chính quyền ở các tỉnh, các quận, để như trở bàn tay. Bởi vậy cho nên các tỉnh đảng bộ sẽ có lợi mà đóng góp cho Sài Gòn những cán bộ biết công tác thành thị. Xứ Ủy Nam Kỳ sẽ tập trung nhiều trí tuệ, nhiều lực lượng về Sài Gòn, các tỉnh lân cận và ngoại ô thành phố, nhằm có ngày phải đánh một đòn quyết định, một đòn chí tử vào đầu não, vào yết hầu của địch. Khởi nghĩa sắp tới sẽ được thực hiện khác hẳn với hồi tháng 11 năm 1940.

Thứ ba: Một cuộc khởi nghĩa cách mạng muốn được thành công thì không thể làm theo kiểu Blanqui [7] ở Pháp, hoặc theo kiểu Thiên Địa Hội ở Nam Kỳ những năm 1911, 1916, hoặc theo kiểu Việt Nam Quốc dân đảng ở Bắc Kỳ năm 1930, chỉ tập trung ra trận một số chiến sĩ kiên quyết mà đồng thời chưa có phong trào đấu tranh của nhân dân lên cao đến tột đỉnh. Một cuộc khởi nghĩa cách mạng không thể là một cuộc “âm mưu”; đảng cách mạng, đảng mác-xít, đảng cộng sản tuy là đảng bí mật “bất hợp pháp” nhưng không phải là một “hội kín”. Ta sẽ làm cuộc khởi nghĩa theo những chỉ thị của chủ nghĩa Marx và Lenin; theo Marx và Lenin thì khởi nghĩa là một khoa học, một nghệ thuật, ta phải nắm chắc. Các đồng chí lãnh đạo Xứ ủy và Thành bộ phải thuộc lòng những lời dạy của Lenin về khởi nghĩa, chớ không phải của ai khác, thì mới tránh được những sai lầm tai hại của xứ Ủy năm 1940.

Cụ thể trước mắt, chúng ta ở Sài Gòn phải nỗ lực đến mức cao nhất làm cho được năm công tác lớn sau đây:

Một là: Xây dựng lại cơ sở và hệ thống Thành bộ Sài Gòn của Đảng cho hoàn chỉnh, cho vững chắc, nhanh chóng, đủ số lượng tối thiểu cho việc thực hiện quyền lãnh đạo của giai cấp công nhân trong cái thành phố lớn nhất Đông Dương (với số dân non già 800.000 người) và trong đó có nhiều đảng phái chính trị và nhiều tổ chức tôn giáo có lực lượng lớn và ảnh hưởng sâu. Vực dậy các đồng chí ẩn náu, đưa thêm đồng chí ở các tỉnh lên.

Hai là: Mạnh dạn thâm nhập vào đội ngũ công nhân, đi vào xí nghiệp, thu phục đa số giai cấp công nhân, khắc phục cho kỳ được cái nhược điểm lớn từ trước tới nay của ta là mạnh ở công nhân lao động lẻ tẻ, ở khu phố và xí nghiệp nhỏ mà yếu ở công nhân lao động tập trung, ở các công sở và tư sở. Nói đi vào công nhân lao động cũng là nói đi vào tầng lớp công chức và tư chức (tầng lớp các “thầy”). Ở Sài Gòn lâu nay hai chữ thầy thợ, đi liền nhau. Xem trọng thợ mà không được xem nhẹ thầy. “Biến các công sở và tư sở thành pháo đài của chủ nghĩa cộng sản” điều này ta nói mãi mà từ khi lập đảng tới nay, ít nhất là ở Sài Gòn ta chưa làm được; bây giờ, để đi đến tổng khởi nghĩa thì điều chủ yếu là phải khởi nghĩa thành công ở Sài Gòn trước hết; Sài Gòn khởi nghĩa phải thành công thì khởi nghĩa mới thành công ở khắp Nam Kỳ. Muốn được như vậy phải tổ chức công đoàn và nhiều hội biến tướng như hồi thời kỳ Mặt trận dân chủ; ta phải chú trọng đặc biệt vào việc cấp tốc đào tạo cán bộ công đoàn, có như vậy mới đáp ứng được yêu cầu nhảy vọt một khi tình thế cách mạng xảy ra. Tình thế cách mạng sẽ xảy ra, nếu ta không có đủ cán bộ thì không lãnh đạo nổi quần chúng, quần chúng không được lãnh đạo thì đã không thành sức mạnh thật sự mà lại còn có thể bị đảng này, phái nọ lôi kéo đi vào hướng sai lệch nguy hiểm. Hãy nhớ rằng một thời, phái La Lutte tờ-rốt-kýt có ảnh hưởng trong một số không nhỏ công nhân viên chức Sài Gòn. Ta phải làm thế nào để cho đa số, cho tất cả công nhân viên chức nhất trí đứng dưới cờ lãnh đạo của Đảng cộng sản để cho ta có thể chiếm lấy các cơ quan của địch chủ yếu bằng lực lượng của công nhân viên chức trong các cơ quan đó, chớ không phải chủ yếu bằng dân làng được đưa lên “ém” trước trong nội thành như kế hoạch hồi 1940, lực lượng nông dân quanh thành sẽ hỗ trợ đắc lực cho nội thành là khi nào bản thân dân nội thành là chủ lực.

Ba là: Chú trọng vận động thanh niên thành phố. Ở thành phố Sài Gòn, nếu công nhân được xem là tay mặt của đảng thì thanh niên phải được xem là tay trái. Ở đây, nói thanh niên là chẳng những nói thanh niên lao động, mà còn nói cả thanh niên học sinh, sinh viên, tiểu tư sản, trí thức nữa. Họ là tầng lớp tuổi trẻ đầy nhiệt huyết, có nhiều khả năng đấu tranh cho cách mạng giải phóng dân tộc, dám hy sinh, nếu ta biết đem lại cho họ một lý tưởng cách mạng tốt đẹp và khoa học. Ở Sài Gòn, lâu nay, người ta thấy thanh niên học sinh và sinh viên từ Hà Nội về ngời hè sáng

tạo nhiều hình thức hoạt động yêu nước đáng được khuyến khích như diễn những vở kịch lịch sử dân tộc, hát những bài hát yêu nước hùng tráng, cắm trại hè rầm rộ ở Thủ Đức, họ không theo phong trào của “Tổng ủy Thế dục và thanh niên”[8] của chính quyền thực dân Pháp. Triệu chứng rất tốt. Ta có thể tìm cách chuyển về hướng cách mạng các phong trào đang phát triển đó. Nếu ta không làm được công việc quan trọng này thì sẽ có những chính đảng tư sản, hay tiểu tư sản, hay Trốt-kít, lôi cuốn thanh niên đi chệch con đường yêu nước chân chính. Điều mà ta thấy quá rõ là cả Nhật lẫn Pháp đều ra sức hoạt động để lôi kéo thanh niên, trước hết là thanh niên có học thức. Ta phải gấp gáp tìm cho những hình thức tổ chức thích hợp và có hiệu quả (hiện tại ta chưa tìm ra) để thu hút thanh niên về phía cách mạng giải phóng dân tộc. Các cuộc xung kích chiến đấu sau này phải cậy nhiều ở thanh niên và công nhân. Tin cậy thanh niên thì chắc chắn là không thất vọng.

Bốn là: Đi vào nông dân các quận huyện, các tỉnh xung quanh Sài Gòn trong vòng ba, bốn mươi cây số. Lịch sử các cuộc khởi nghĩa 1885, 1911, 1916, 1940, rồi các cuộc tổng bãi công, tổng biểu tình trong thời kỳ giữa hai cuộc chiến tranh thế giới, đều nói lên rằng nội và ngoại thành Sài Gòn, nhân dân vì được thống nhất nên rất mạnh, nội thành, ngoại thành tương tự mật thiết. Vả lại, hơn nửa số công nhân viên chức Sài Gòn, Chợ Lớn có nhà cửa ở ngoại thành, sớm đi tối về; công nhân nông dân thực tế là sát cánh. Những điều ấy cho phép chúng ta thấy trước rằng một cuộc khởi nghĩa ở Sài Gòn sẽ phải do hàng chục vạn công nhân lao động, thanh niên và nhân dân thành phố thực hiện, những cuộc nổi dậy đó nhất thiết phải được sự yểm trợ tích cực của cả triệu nông dân ở ngoại thành và ở các tỉnh kế cận. Bởi vậy cho nên Xứ ủy và Thành ủy cần giúp sức cho hai Tỉnh đảng bộ Gia Định và Chợ Lớn xây dựng lực lượng nông dân cho vững vàng, nhanh chóng để cho việc phối hợp được thực hiện thành công tốt đẹp nhất trong những ngày tổng khởi nghĩa.

Năm là: Đi vào binh vận một cách mạnh dạn và có kế hoạch, trước hết là vận động số lính người Việt Nam trong quân đội Pháp, số này đông cả mấy vạn người. Một vạn người tay trắng là ít; một vạn người có súng đạn trong tay là lớn. Chắc rằng lực lượng chính trị nào cũng ra sức tranh thủ số binh lính đó. Nhưng cũng chắc chắn rằng số binh lính đó sẽ ngả

về phía chính đảng nào có nhiều quần chúng công nông dưới cờ. Từ chiến tranh thế giới lần thứ hai, Pháp tăng nhiều số lính người Việt Nam; chúng đào tạo ra một lớp sĩ quan người Việt Nam; chúng đưa số lính các binh chủng ở Nam Kỳ lên tới 40.000 người; riêng ở Sài Gòn, Chợ Lớn, Gia Định có khoảng 10.000 quân. Vài năm nay, Nhật tổ chức quân “Hai Hô”, một thứ lính thủy đánh bộ. Nhật cũng tổ chức một lực lượng bán vũ trang của Cao Đài phái Trần Quang Vinh. Trọng tâm binh vận của ta là binh đoàn bảo an lưu động Gia Định Chí Hoà (brigade mobile) và binh đoàn phụ thuộc sở Sen đầm Chợ Lớn (brigade auxiliaire de la gendarmerie de Cholon). Phải làm tất cả để cho các binh đoàn đó ngả về phía cách mạng. Chúng ta chưa đủ cán bộ để làm binh vận đối với lính Pháp, lính Nhật; việc binh vận trong số lính người Việt mà thành công sẽ giải quyết được một phần vấn đề vũ trang quần chúng trong khởi nghĩa cách mạng sắp tới. Pháp đã bị Đức đánh bại, Nhật sẽ bị Mỹ, Anh, Trung Quốc đánh bại, thì việc binh vận của ta hiện nay và từ nay về sau hẳn có điều kiện thuận lợi. Vấn đề còn lại là phải đưa một số cán bộ giỏi làm việc binh vận.

Đó là năm nhiệm vụ, năm phương hướng công tác chủ yếu mà tôi, nhân danh Xứ ủy đã đề ra cho ban cán sự thành Sài Gòn những ngày cuối năm 1943. Dĩ nhiên là tôi đã dành đủ thời gian để giải thích luôn đường lối cách mạng mà Xứ ủy đề ra.

Lúc này Xứ ủy ra quyết định ra báo “Tiền Phong” làm cơ quan tuyên truyền của mình. Báo Tiền Phong, cơ quan của Xứ ủy Nam Kỳ đặc biệt chú trọng vào hai đề tài lớn trong nước: đấu tranh chống “Chủ nghĩa Liên Á” (Đại Đông Á) của Nhật và đấu tranh chống chủ nghĩa “Pháp-Việt phục hưng” của gã thực dân Pháp Decoux. Từ năm 1943 việc giải thích tình hình chiến tranh thế giới không còn khó khăn lớn như trước nữa, nhưng báo Tiền Phong cũng ra sức cung cấp cho các đồng chí những lập luận cần thiết đã nói lên rằng Liên Xô, Trung Quốc và phe Đồng minh nhất định thắng, phe Đức, Ý, Nhật nhất định thua, phe phát xít quân phiệt thua thì càng có điều kiện thuận lợi, càng mau thắng, song phải rõ, Đồng minh thắng thì không phải tự nhiên Việt Nam ta được giải phóng đâu, ta phải nỗ lực hết sức, thừa cơ để làm khởi nghĩa cách mạng, tự mình giải

phóng cho mình, bằng không làm nổi cách mạng thì nước ta sẽ bị thống trị nữa dưới ách một vài trong số các nước Pháp, Anh, Trung Quốc, Mỹ.

Bước sang năm 1944, tôi gần như là túc trực ở vùng Sài Gòn, Chợ Lớn, Gia Định thỉnh thoảng mới đi Tân An, Mỹ Tho, Bến Tre.

Đấu tranh chống “Huyền thoại Đông Dương”

(mythe de l’Indochine) của Pháp và chống

“Chủ nghĩa Đại Đông Á” của Nhật

Trong suốt năm 1942 và phần lớn năm 1943, mọi hoạt động của bọn tôi đều nhằm dựng dậy một số đồng chí còn sót lại sau khởi nghĩa 1940, đang ẩn náu, đang nằm nhà và tránh mọi công tác Đảng. Nói các đồng chí ấy là “mất tinh thần” thì không đúng lắm. Gọi họ là “Chờ xem” thì đúng hơn. Quả tình thời thế lúc ấy buộc phần lớn các đồng chí ấy “chờ xem”, chờ xem coi sau 1940 các nhà lãnh đạo Đảng rút ra những bài học gì, chẳng lẽ cứ theo dấu xe đã đổ thì theo sao được? Nhưng lãnh đạo ở miền Nam thì đã bị bắt hết rồi còn ai đâu mà rút kinh nghiệm? Còn ai đâu mà vạch đường lối? Làm cách mạng không phải ai cũng có sức và có chí tự động. Phần thì khi ấy tình hình chiến tranh thế giới đen tối quá, triển vọng cách mạng thế giới chưa sáng sửa chút nào. Vậy thì, trong hoàn cảnh đó, “nằm chờ” có một mặt ý nghĩa tích cực là bảo tồn những cán bộ đã được đào tạo từ hàng chục năm, phòng có ngày xây dựng lại sự nghiệp. Những anh Khiêm (Ung Văn Khiêm), anh Tây (Nguyễn Văn Tây), v.v... miễn là các anh ấy còn sống, thì sẽ có ngày đắc dụng hết sức. Nhưng cần phải biết rõ trong số đồng chí 1939, 1940 còn sống thì ai ở đâu, ai “rót”[9] hẳn, ai còn có thể dựng dậy, muốn dựng họ dậy thì cần giải quyết những vấn đề tư tưởng gì? Bởi vậy cho nên trong lúc đầu, vào 1942 đầu 1943, tôi để hết tâm trí làm một cuộc tuyên truyền hẹp, chủ yếu là trong số đồng chí còn sống sót sau cuộc khủng bố 1939 và 1940, và ngay trong số đó cũng chỉ chọn một ít mà thôi. Không có báo, không có sách, không có hội nghị học tập. Chỉ tuyên truyền miệng, giải thích cho từng cá nhân, từ nhóm nhỏ là chính; đến không tiếng, đi không dấu, bảo đảm bí mật an toàn.

Nhưng từ khi Ban cán sự Sài Gòn, miền Đông, và Xứ uỷ Nam Kỳ được thành lập lại rồi thì sự tuyên truyền cách mạng phải rộng ra để vũ trang lý luận cho đồng chí, để trong chừng mực có thể, truyền bá rộng đường lối của đảng bộ và đấu tranh chống các tư tưởng địch đang tuyên truyền lúc bấy giờ. Lúc bấy giờ tư tưởng địch, chính trị địch đang quảng bá rộng rãi nhất là “chủ nghĩa liên bang” của Decoux, còn gọi là “Huyền thoại Đông Dương” và chủ nghĩa Đại Đông Á, cũng gọi là “Liên Á” của Nhật. Cả Pháp lẫn Nhật đều dùng tất cả các phương tiện để cổ vũ cho “chủ nghĩa” của chúng bằng những nha, những hãng thông tin, bằng những đoàn thể thân Pháp, thân Nhật, và chúng tuyên truyền cổ động trên các mặt báo chí, bằng thể dục thể thao, văn hoá, nghệ thuật, giáo dục v.v... Từ giữa 1943 tại tôi có kế hoạch tuyên truyền cách mạng ở Nam Kỳ, chủ yếu là chống chủ nghĩa Đại Đông Á và chống chủ nghĩa Pháp-Việt để huề mới, và bằng cách đó, khẳng định đường lối chủ trương của Đảng Cộng sản.

Tôi bàn với các đồng chí là phải xuất bản một loạt sách tuyên truyền “bỏ túi”, giống như lời “Cộng sản Tùng thơ” hồi 1933, 1934, 1935; mỗi quyển dài bằng một bài tạp chí gọn giải quyết một vấn đề. Các vấn đề nối tiếp nhau có hệ thống. Sách “bỏ túi” phải ra đều kỳ nhất có thể được, một vài tháng một lần. Có hai cái khó; thứ nhất là Văn (Kiệt) chết rồi, lúc ấy chỉ còn có một mình tôi viết được sách dù là sách “bỏ túi” để cho các đồng chí căn cứ vào đó mà có nội dung tuyên truyền thống nhất; thứ hai là, nếu hồi 1933, 1934, tôi có một cái máy Gestetner[10] của Đảng Cộng sản Pháp mua dùm, thì, bây giờ phương tiện in ấn của tôi hết sức lạc hậu: xu xoa[11]. Tại tôi có cải tiến nghề in của chúng tôi: cắt kiếng, đổ xu xoa mấy lớp một lần nấu, mỗi tấm kiếng cho phép in hai mặt, mỗi mặt in được mấy chục trang lớn bằng giấy học sinh. Tạm được. Kế bên bộ “tùng thơ” còn có tờ báo Tiền Phong phát hành không đều kỳ để thông tin về tình hình lớn trong nước và trên thế giới. Sách tuyên truyền bỏ túi và báo Tiền Phong đều do tôi làm cả! Bao biện quá; mà làm thế nào khác được? Do “biên tập” có một mình tôi và phương tiện in ấn hết sức đơn giản, cho nên “trụ sở” biên tập lúc thì như đi theo tôi lúc ở Phú Lạc, lúc thì ở Gò Vấp, lúc thì ở Chợ Gạo. Ở mỗi “trụ sở” thì chọn một chú hay một cô học khá văn không cần hay nhưng chữ viết thì phải đẹp. Quả là

tôi bao biện, bao biện thì không nên, nhưng bây giờ làm sao khác được? Các tay “bỉnh bút” còn ở trong tù.

Máy in roneo của hãng Gestetner, mẫu 1913 (quay tay)

Chống chủ nghĩa Pháp-Việt đề huề mới

Hồi 1942, 1943, cái “Huyền thoại Đông Dương” (mythe de l’Indochine), còn gọi là “Pháp-Việt đề huề mới” của Decoux, được Pháp và đám tay sai của Pháp tuyên truyền mạnh mẽ. Còn lúc ấy, ở cả Việt Nam nói chung và Nam Kỳ nói riêng, cái hy vọng mà bọn thân Nhật đặt vào Nhật (lật đổ Pháp) ban đầu (1942) rất mạnh, đến sau 1943, yếu dần, suy dần cho đến đổi chủ tịch Hội Liên Á là tướng Tòng Tỉnh phải bay sang Sài Gòn, Hà Nội để “lên dây cót” cho bè đảng người bản xứ, rồi Nhật phải gọi một số lãnh tụ tay sai (người Việt Nam, nghe đâu trong số đó có Diệm, Ân, Sâm[12]) sang lánh mặt ở Singapore. Tụi thân Pháp lên chân một chút. Thì chính trong lúc ấy tôi viết một loạt sách “bỏ túi” để công kích chủ trương chính sách “Liên bang Đông Dương” của Decoux. Mấy mũi nhọn tôi chĩa vào chính sách của Decoux là:

Thứ nhất: Cái “Liên bang Đông Dương” ngày nay của Decoux, cũng như cái “nước Pháp Á châu” (la France d’Asie) của Sarraut hồi chiến tranh thế giới thứ nhất, cũng như cái “chính sách đề huề hợp tác” (politique de collaboration) của Varenne hồi 1925 khi ảnh hưởng của cách mạng Trung Quốc dội mạnh vào Việt Nam, đều là những cách của thực dân đối phó với một tình thế khó khăn, đều là những lừa phỉnh, đều là những bánh vẽ chỉ có nghe nhãn hiệu mà chưa hề thấy đường bột, hễ khó khăn qua thì Pháp không nói tới nữa. Decoux, Varenne, Sarraut giống nhau. Mà kỳ này thì Decoux chắc sẽ không có thì giờ để mà ca ngợi lâu cái bánh vẽ của mình, chó sói Pháp sẽ bị chó sói Nhật giật mất miếng mồi ngon trước khi quân Đồng minh vào Đông Dương. Vấn đề tư tưởng cần giải quyết ở đây là làm cho đồng chí, đồng bào không bị quan ở chỗ Việt Nam một cổ hai ách khó bề giải thoát.

Thứ nhì: cái “Liên bang Đông Dương” của Decoux đề nghị sẽ chỉ là cái “nhà tù trong nhà tù” thôi, không có gì mới. Decoux tính sẽ lập ra “năm

nước”: nước Lào, nước Miên, nước Bắc Kỳ, nước Trung Kỳ, nước Nam Kỳ. “Năm nước” hợp lại thành Liên bang Đông Dương do Pháp nắm các đòn bẩy chỉ huy. Liên bang Đông Dương đó ở trong Liên hiệp Pháp; dân mỗi nước có quyền lập chế độ cộng hoà hay giữ chế độ quân chủ, có quyền nói lên lòng yêu đất nước mình nhưng có nghĩa vụ phải yêu nước Pháp là nước “cha đỡ đầu” cho Liên bang Đông Dương. Dân mỗi nước được phép tuyên dương những sự kiện lịch sử anh hùng của dân tộc mình miễn là không chống đối lại Pháp. Như vậy, Pháp vẫn giữ chính sách chia cắt Việt Nam làm ba; cái “nước Nam Kỳ” phải ở trong Liên bang Đông Dương, Liên bang phải ở trong Liên hiệp Pháp; tất cả phải trung thành với Pháp. Nhà tù nhỏ ở trong tù vừa, tù vừa ở trong tù lớn. Cái “Huyền thoại Đông Dương” của Decoux chỉ là thế thôi. Rốt cuộc lại thì Decoux chỉ đề nghị là sẽ thay chữ “Đông Dương thuộc Pháp” bằng chữ “Liên bang Đông Dương”, sẽ thay những chữ “xứ thuộc địa”, “xứ bảo hộ”, bằng cái chữ “bang”, chữ “nước”; sẽ không còn “Trung Kỳ xứ bảo hộ”, “Nam Kỳ xứ thuộc địa” mà thành ra “nước Trung Kỳ”, “nước Nam Kỳ”, “nước Bắc Kỳ”, cả ba ở trong “Liên bang Đông Dương” do nước Pháp làm “cha đỡ đầu”.

Ai muốn theo thì theo! Cái bánh thời Decoux hơn là cái bánh thời Sarraut, Varenne ở chỗ nó có hình vẽ, nội việc xem hình vẽ thôi thì đã ớn rồi! Nhưng nếu không kịp thời vạch trần thực chất của chủ trương “Liên bang Đông Dương” thì chủ trương này có thể đánh lừa nhiều người, nhiều người tưởng đâu bây giờ để cạnh tranh với Nhật, Pháp chịu một số nhượng bộ nào đó cho chủ nghĩa dân tộc Việt Nam, tưởng đâu Pháp dọn đường cho một chủ trương Đông Dương tự trị sau chiến tranh.

Nếu chỉ có thế thôi thì chủ trương đường lối của Decoux sẽ không lấy gì làm nguy hiểm, không lừa dối được số đông dân. Decoux trong những năm 1942, 1943, 1944 còn làm làm nhiều chuyện mị dân có ít nhiều kết quả. Tôi chú ý đến hai việc nổi bật sau đây:

1. Pháp bỏ ra nhiều công sức, tài chính để gây nên và phát triển khá rầm rộ một phong trào thể dục, thể thao lớn thu hút nhiều vạn thanh niên và uốn nắn thanh niên theo khẩu hiệu “Thống chế Pétain muôn năm!” của chính phủ Vichy tay sai Đức Hitler. Tuyên cáo của Xứ uỷ Nam Kỳ nhận

định và tuyên bố rộng rãi rằng đó là cách của Pháp chuẩn bị chiến tranh vì quyền lợi của Pháp, đó là Pháp giành thanh niên Việt Nam với Nhật. Tuy vậy, Xứ uỷ Nam Kỳ không yêu cầu thanh niên tẩy chay phong trào thể dục thể thao do Ducoroy đứng đầu. Trái lại “ở đâu có quần chúng thì Đảng Cộng sản phải có mặt”, tuy rằng khi ấy Đảng bộ Nam Kỳ còn rất yếu, chúng tôi cũng cố gắng đưa người vào trường Phan Thiết xem họ làm gì và xem ta có thể làm gì được để tranh thủ tuổi trẻ với địch. Một trong những người đó sau này là Ngô Thắt Sơn, đến tháng 8 năm 1945, là cận vệ của tôi, sau làm đến cấp tá của quân đội và được tuyên dương “anh hùng”.

2. Lúc ấy, có một ngành hoạt động của bọn Decoux ở ngoài tầm tay của Xứ uỷ chúng tôi; ấy là hoạt động của chúng trên mặt trận văn hoá. Tôi thấy rằng bọn Decoux sớm nhận ra tầm quan trọng chính trị của vận động văn hoá, trước bọn tôi; trong lúc đó thì ở Nam Kỳ bọn tôi gần như mù tịt về vấn đề này, và thực tế không có chút phương tiện nào để hoạt động cả. Mắt tôi sáng ra khi thấy nhà cầm quyền thực dân dùng đến những từ “chấn hưng văn hoá dân tộc”, lập một số trường học nhằm khôi phục nghệ thuật Lào, Khmer, nghệ thuật Việt Nam. Decoux cố vũ rất nhiều cho việc y tổ chức những giải thưởng văn học, những cuộc triển lãm nghệ thuật. Việc ấy không phải không gây nhiều ảnh hưởng có lợi cho Pháp. Decoux còn mở rộng đại học, lập thêm trường phổ thông. Ảnh hưởng ngó thấy trong các giới tư sản trí thức. Mà ở Nam Kỳ chúng tôi không có phản ứng kịp thời, chúng tôi bị động; chúng tôi chỉ biết nói rằng đó là cách thực dân Pháp xoa dịu tinh thần dân tộc đang lên trong thời cuộc chiến tranh thế giới. Mãi cho đến khi sinh viên Hà Nội về nghỉ hè ở Nam Kỳ, ở Sài Gòn với học sinh Sài Gòn lục tỉnh họp nhau lại để tổ chức diễn những vở kịch yêu nước, hát những bài hát yêu nước được đồng bào hoan nghênh nhiệt liệt, thì chúng tôi ở Sài Gòn mới sáng mắt thêm rằng văn nghệ có tác dụng chính trị lớn, rằng nếu không kịp có chính sách đối phó thì thanh niên có thể bị kẻ khác lôi kéo đi chệch đường cách mạng giải phóng dân tộc. Và bản thân tôi mới nhận ra rằng cái chính sách gọi là “chấn hưng văn hoá dân tộc” có chỗ mạnh và chỗ yếu của nó, mạnh là dưới hình thức giả vờ dân tộc, Pháp có thể lôi kéo thanh niên, có thể làm cho dân tin lầm rằng chúng không còn khắc nghiệt áp bức dân tộc như trước nữa. Nhưng đằng cách mạng, người yêu nước, có

thể dùng “gậy ông đập lưng ông”, ngày nọ cũng nói chơi là “giáo Tầu đâm Chệt”, ta có thể lợi dụng cái mức chủ nghĩa dân tộc được cho phép ấy để công khai hợp pháp tuyên truyền sâu rộng cho chủ nghĩa yêu nước. (Việc này tôi sẽ có dịp nói lại khi nói tới vấn đề thanh vận và Thanh niên Tiền phong ở Sài Gòn).

Trước những ngày tàn tạ, chết yểu của “Huyền thoại Đông Dương” (le mythe de l’Indochine) của Decoux, thì De Gaulle ở Brazzaville đề nghị cho Đông Dương một thứ “tự trị sau một thời gian”. Cái bà De Gaulle và cái huyền thoại Decoux đều trở thành mảnh giấy lộn.

Vấn đề là tuyệt đối không được trông mong ở bất cứ phái nào của đế quốc dù Pháp Pétain hay Pháp De Gaulle, sẽ ban bố tự trị cho Việt Nam, cho Đông Dương. Vấn đề là phải tính toán, phải hoạt động sao cho chính quyền Pháp bị đánh đổ, các dân tộc Đông Dương, trước hết là dân tộc Việt Nam được giải phóng bằng một cuộc cách mạng nổ ra ngay trong lúc tàn cuộc chiến tranh thế giới hiện nay. Pháp vẫn cứ là đế quốc thực dân dù là tàn cuộc chiến tranh thế giới Pháp thoát khỏi ách của Đức Hitler, cái hứa hẹn “tự trị sau một thời gian” chỉ có thể là một thứ mặt nạ Pháp đeo vào để tranh giành ảnh hưởng của Nhật, để cố giữ Đông Dương dưới ách của nó.

Vấn đề là tuyệt đối không phải lựa chọn giữa Nhật và Pháp; chúng đều là đế quốc thực dân cả; không thằng nào hơn thằng nào. Mà kẻ thù số một trong thời thế bấy giờ là Pháp, đế quốc Nhật; Nhật cho Pháp sống sót một thời gian và chỉ một thời gian thôi, để làm việc hậu cần cho Nhật, để giữ an ninh cho quân Nhật trên một đất nước có truyền thống cách mạng giải phóng dân tộc. Tới ngày nào đó, trong cuộc chiến tranh, Nhật sẽ lật đổ Pháp để gạt bỏ một lưỡi gươm bên hông, điều ấy hoàn toàn sẽ không có ý nghĩa rằng Nhật giải phóng Việt Nam, mà chỉ có ý nghĩa rằng Nhật giành quyền độc chiếm Đông Dương; một sự thay thay đổi chủ, không hơn không kém.

Chống chủ nghĩa Đại Đông Á

“Chủ nghĩa Đại Đông Á” hay là “chủ nghĩa Liên Á” của Nhật thực tế chỉ là một ngọn cờ xâm lược thực dân. Nhưng không phải ai cũng biết như thế. Và có nhiều người biết song lại cho rằng có thể “tương kế tựu kế” lợi dụng Nhật được. Tư tưởng này đã có từ đầu thế kỷ XX lận kìa chớ đâu phải bây giờ mới có.

Xe tuyên truyền cho "chủ nghĩa Đại Đông Á" của Nhật ở Sài Gòn.

Bên trái là áp-phích ca ngợi Thống chế Pétain của Pháp.

(Nguồn: J. M. Pedrazzani, La France en Indochine de Catroux à Sainteny, Flammarion).

Trong sổ sách của tôi viết ra hồi thời kỳ khôi phục cơ sở và hệ thống Đảng ở Nam Kỳ trong chiến tranh thế giới thứ hai, tôi xem quyển “Việt Nam trên đường độc lập” chống “chủ nghĩa Pháp-Việt đề huề mới” và quyển “Rạng đông của một dân tộc”- chống “chủ nghĩa Đại Đông Á”, chống Nhật xâm lược, là tài liệu tuyên truyền chính trị và tư tưởng có tác dụng thiết thực nhất. Hồi đó (1942, 1943), ảnh hưởng tai hại của “chủ nghĩa Đại Đông Á” ở Nam Kỳ rất lớn, có thể nói là đến mức cao nhất. Tôi nói ở Nam Kỳ là nơi tôi đang hoạt động lúc bấy giờ. Chắc là khắp Nam, Trung, Bắc không nơi nào mà bè đảng thân Nhật nhiều và mạnh như ở Nam Kỳ. Ở Nam Kỳ thì một phần số đạo Cao Đài chủ yếu là phái Cao Đài Tây Ninh mà người đứng đầu lúc này là Trần Quang Vinh, ra mặt thân Nhật; Cao Đài có vài triệu tín đồ khắp lục tỉnh. Còn Phật giáo Hoà Hảo thì phát triển rộng ở Hậu Giang, và từ khi quân Nhật đưa thầy Hoà Hảo (bị Pháp an trí ở Bạc Liêu) về Sài Gòn, ở đường Miche[13], và được sở Sen đầm Nhật bảo vệ, thì Phật giáo Hoà Hảo cũng hướng mạnh về phía Nhật. Tín đồ của Phật giáo Hoà Hảo cũng đông có tới hàng chục vạn. Ngoài ra, Nhật còn làm chỗ dựa cho phái chính trị gọi là Phục quốc do Trần Văn Ân đứng đầu, cựu chủ tịch hội nhà báo là Nguyễn Văn Sâm cũng ở trong đó. Họ suy tôn Cường Để lâu nay ở bên Nhật (tôi không rõ ông Cường Để có đồng ý hay không) và tiếng đồn khắp xứ là Nhật sẽ hạ Pháp, sẽ đem Cường Để về làm vua của nước Việt Nam được trao trả độc lập. Tất cả chúng đều đi theo cờ “chủ nghĩa Đại Đông Á” cũng gọi là “chủ nghĩa Liên Á”. Từ 1941 cho đến giữa năm 1943, quân Nhật luôn

luôn chiến thắng ở tây và nam Thái Bình Dương đánh bại Mỹ, Anh, Hà Lan, thế như chẻ tre, đến đâu Nhật cũng phất cờ chủ nghĩa Đại Đông Á, khua môi múa mép rằng Nhật là người anh cả da vàng quyết tâm và có đủ sức giải phóng các nước Á châu khỏi ách các đế quốc thực dân da trắng. Ảnh hưởng lớn, rộng, không dễ gỡ.

Để làm cho đồng bào trước hết là cán bộ, đảng viên hiểu sự thật, hiểu các chính sách của Nhật, tôi viết một loạt sách tuyên truyền “bỏ túi” về những vấn đề như:

- Mấy nét về cuộc duy tân của Nhật. Nhật đã trở thành một cường quốc tư bản chủ nghĩa. Các cuộc xâm chiếm thuộc địa của Nhật hồi đầu thế kỷ XX.

- Tham vọng bá chủ của Nhật; chương trình Diên Trung (Tanaka) và sự khởi đầu thực hiện chương trình đó trong thời gian trước chiến tranh thế giới lần thứ nhất. Nhật đánh Trung Quốc.

- “Chủ nghĩa Đại Đông Á” chỉ là kế hoạch của Nhật làm bá chủ ở châu Á, là kế hoạch chiếm lấy thị trường lớn nhất thế giới.

Tôi nhắc lại chuyện Phan Bội Châu và các chí sĩ Đông Du, hồi 1908 bị chính phủ Nhật trục xuất theo lời yêu cầu của Pháp; đế quốc Nhật, đế quốc Pháp cũng đồng một phường, khác nhau là nước Nhật và nước ta gần nhau, sớm đi tối về được, nếu Việt Nam bị Nhật thống trị thì càng khó giải phóng và khác nhau là Pháp ít dân đất rộng, còn Nhật đất hẹp người đông, nước ta về tay Nhật có thể trở thành một thuộc địa di dân, nếu ngày nào đó ở trong nước ta và ở Miên, Lào có năm mười triệu người Nhật định cư, thì khi ấy cuộc giải phóng sẽ khó khăn đến chừng nào? Tai họa của một chủ nghĩa Đại Đông Á thành công sẽ là tai họa vô biên. Sách “Rạng đông của một dân tộc” được in lại nhiều lần, quay roneo nữa.

Vào 1943 thì Nhật dấn chân và bắt đầu thoái lui ở tất cả các chiến trường, uy tín Nhật bắt đầu xuống, tướng Tòng Tỉnh, Chủ tịch Hội Liên Á được phái qua Sài Gòn, Hà Nội để “lên dây cót” cho đám tay sai thân Nhật, mà chỉ “lên” được một lúc nào, một phần nào thôi. Hẳn rằng chủ

nghĩa Đại Đông Á mất đà từ 1943 trở đi, tất nhiên là không phải nhờ các sách tuyên truyền bỏ túi chống Nhật của tôi... Vài tuần một tập sách dày không quá 32 trang, in không quá một trăm bản làm thế nào ảnh hưởng đáng kể đến thời cuộc, nhưng hoạt động tư tưởng chính trị đó của toàn Đảng bộ Nam Kỳ ít nhất cũng nói lên được rằng, ở Nam Kỳ, Đảng Cộng sản không chết mất sau cuộc đại tàn sát 1940, mà đã hồi sinh rồi và sẽ tới ngày đứng lên phất cờ giải phóng dân tộc.

Đó, hình như cái “nghịệp” của tôi là vừa làm công tác thực tiễn vừa làm công tác tư tưởng, mà công tác tư tưởng, có những lúc là chính. Tôi nhận thấy rằng khi nào và ở đâu mà công tác tư tưởng hoặc bị xem nhẹ hoặc bị quên lãng thì không thể làm việc tổ chức và lãnh đạo đấu tranh được. Cho nên sau khi từ trại giam Tà Lài về tới Phú Lạc là tôi lo giải quyết các vấn đề tư tưởng cho các đồng chí còn sống sót sau những cuộc khủng bố trắng 1940, 1941. Cho nên, khi Xứ ủy được thành lập lại, tôi đã nghĩ đến các vấn đề tổng khởi nghĩa giành chính quyền. Và để giành nhân dân với các tổ chức thân Nhật, thân Pháp tôi có ý thức dành nhiều thời giờ viết sách, mở lớp huấn luyện chính trị nhằm giải thích đường lối cách mạng, củng cố lòng tin, đập phá nguy cơ của chủ nghĩa Đại Đông Á, của chủ nghĩa Pháp – Việt phục hưng. Bọn tôi làm được việc, một phần do nỗ lực chủ quan, một người làm việc bằng năm, bằng mười, phần nữa là do tình hình thế giới từ 1943, 1944 mới thêm thuận lợi lạc quan, có “tận lực” mà trước hết là có “thời thế”. Không phải nói như thế để ra vẻ “khiêm tốn” đâu, sự thật quả như thế.

Về sau, kiểm điểm lại, tôi thấy Xứ ủy Nam Kỳ đã “dám” tự mình vạch ra một đường lối để tiến tới trong thời kỳ tiền cách mạng. Thực tế là dám nhận lãnh trách nhiệm trước lịch sử và nhìn chung, đường lối tự vạch ra đó là đúng, bằng cớ của cái đúng ấy là Cách mạng Tháng Tám ở Nam Bộ đã thành công gần cùng một lúc với Cách mạng Tháng Tám ở Bắc, Trung. Tuy vậy, truy nguyên thì không phải là cái “dám lãnh trách nhiệm” ấy nó khai đường cho chiến thắng. Khai đường mở lối cho chiến thắng là chủ trương của Lênin: rằng những người cách mạng phải ra sức thừa cơ hội chiến tranh thế giới để làm cách mạng thành công, chủ trương đó được Đảng Cộng sản Đông Dương khẳng định lại trong Luận cương chính trị 1930, và một lần nữa trong Nghị quyết Trung ương lần

thứ VI cuối năm 1939, mà chủ yếu, hơn hết, là chủ nghĩa Lênin về vấn đề chiến tranh đế quốc và cách mạng vô sản mà người cộng sản nào cũng thấm nhuần ngay từ khi mới vào Đảng. Ngay từ khi gặp Đảng thì không người yêu nước nào mà không đặt câu hỏi chính, câu hỏi này được trả lời thông suốt thì người yêu nước đó mới vào Đảng. Đó là hai câu hỏi:

- Đế quốc thực dân Pháp mạnh như thế, lại có sự tương trợ của các đế quốc Anh, Hà Lan - như lời Nguyễn An Ninh đã nói nhiều lần - thì làm sao ta có thể đánh đuổi nó được?

Trả lời:

- Đế quốc có lúc thịnh, lúc suy, lúc mạnh, lúc yếu; nhưng suy yếu nhất là lúc nổ ra chiến tranh giữa các đế quốc, như cuộc chiến tranh 1914-1918, khi ấy chúng như cộp bị mắc bẫy một chân, nếu ta đồng lòng nổi dậy thì ta có thể tiêu diệt được chúng và ta phải tiêu diệt chúng trong thời cơ chúng bị kẹt, bị mắc bẫy một chân đó, nhất thiết không để cho thời cơ trôi qua mà không làm việc giải phóng.

Cho nên, năm 1939, khi chiến tranh thế giới nổ ra thì các đồng chí cộng sản bất kỳ ở đâu cũng đều nói: “Thời cơ tới rồi!”. Vấn đề chỉ là: ta có đủ sức hay không? Những người đã thuộc chủ nghĩa Mác-Lênin như Văn, như tôi, không có quyền ngồi chờ nghị quyết, chỉ thị cấp trên, ngồi chờ sẽ là một hình thức ta bỏ trách nhiệm trước khó khăn. Phải dám chủ động, tự vạch đường đi tới, nếu sai lệch chút ít chắc lịch sử sẽ hiểu cho mình.

Hết Phần thứ Ba

Chú thích của người biên tập:

1 Tạo: Nguyễn Văn Tạo (1908-1970), Ủy viên Trung ương Đảng Cộng sản Pháp, phụ trách các vấn đề thuộc địa (1929), bị trục xuất về nước cùng với Tạ Thu Thâu, Trần Văn Giàu... năm 1930 sau cuộc biểu tình ở trước phủ tổng thống Pháp, một trong những người lãnh đạo cộng sản ở Nam Bộ, cùng Dương Bạch Mai làm báo La Lutte (do Nguyễn An Ninh

chủ trương) cùng với những người trốn-kít như Tạ Thu Thâu, Phan Văn Hùm..., bộ trưởng Bộ lao động trong chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (1946-1965).

2 Ninh: Nguyễn An Ninh (1900-1943), sang Pháp học luật năm 1918, một trong nhóm “Ngũ Long” (Phan Châu Trinh, Phan Văn Trường, Nguyễn Ái Quốc, Nguyễn Thế Truyền), hợp tác với Nguyễn Ái Quốc làm báo Le Paria, về nước năm 1922, diễn thuyết kêu gọi thanh niên học hành đảng hoàng: “ Bằng cứ theo nẻo hoạn đồ, lấy việc làm quan là mục đích của việc học thì hồi ơi! Sau này giòng giống sẽ yếu ớt, ắt có ngày kia rút vô rừng mà ở! ” (hoạn đồ, làm quan, nghĩa hiện đại là vào đảng, làm cán bộ). Từ đó đến ngày mất trong tù (14.8.1943), ông trở lại Pháp ba lần (trong những thời gian ngắn), ngồi tù bốn lần, ra báo (La cloche fêlée, La Lutte), lập đảng (Thanh niên cao vọng). Ông là người Việt Nam đầu tiên dịch Khế ước xã hội của J.-J. Rousseau và Tuyên ngôn cộng sản của K. Marx và F. Engels.

3 Thâu: Tạ Thu Thâu (1906-1945), sang Pháp năm 1927, học khoa học ở Đại học Paris, gia nhập nhóm “Đối lập phái tả” (trốn-kít). Tháng năm 1930, tổ chức cuộc biểu tình trước phủ tổng thống Pháp, phản đối đàn áp cuộc khởi nghĩa Yên Bái, bị trục xuất về nước (cùng với Nguyễn Văn Tạo, Huỳnh Văn Phương...). Về nước, thành lập nhóm trốn-kít Đông Dương cộng sản (cơ quan ngôn luận là báo Vô sản), một trong ba, bốn nhóm trốn-kít ở Việt Nam (khác với các nhóm cộng sản trước năm 1930, các tổ chức trốn-kít ở Việt Nam – cũng như trên thế giới – chưa bao giờ hợp nhất được). Tuy nhiên, được sự thôi thúc của Nguyễn An Ninh, Tạ Thu Thâu và các đồng chí đã hợp tác với các đảng viên cộng sản Nguyễn Văn Tạo, Dương Bạch Mai, ra báo La Lutte, ứng cử (và thắng cử) trong cùng một danh sách “Sổ lao động”. Từ năm 1932 đến 1944, ông bị bắt 6 lần, kết án 6 lần (tổng cộng các bản án là 13 năm tù, 10 năm biệt xứ). Cuối năm 1944, được phóng thích từ Côn Đảo về, ông đi vận động thành lập đảng Xã hội Thợ thuyền từ nam ra bắc (theo Hồ Hữu Tường kể với D. Marr, Tạ Thu Thâu ra bắc cùng với Komatsu Kiyoshi, một nhân vật khó định vị). Nhật đầu hàng, triển vọng tổ chức ở Bắc Bộ không mấy sáng sủa, ông lên đường về nam, tháng 9-1945 ông bị bắt ở Quảng Ngãi và bị thủ tiêu tại đây. Quảng Ngãi là nơi nhiều người hoạt động chính trị

đi qua đã bị bắt, có người bị giết, có người thoát chết, đủ mọi xu hướng: Lê Văn Hiến (cộng sản), Ngô Đình Diệm, Hồ Tá Khanh... Ai, cấp nào đã ra lệnh thả tiêu Tà Thu Thâu? Câu hỏi này chưa được trả lời dứt khoát. Một số người trốt-kít quy trách nhiệm vào Hồ Chí Minh (viện dẫn ba bức thư năm 1939 của Nguyễn Ái Quốc lên án chủ nghĩa trốt-kít) hay Trần Văn Giàu (mà người ta cho rằng có trách nhiệm trong việc thả tiêu các lãnh tụ trốt-kít ở Nam Bộ năm 1946). Các nhà sử học có uy tín như D. Hémery, D. Marr đều cho rằng đây là trách nhiệm của một nhóm Việt Minh ở địa phương.

4 Tức là bệnh viện Grall, nay là bệnh viện Nhi đồng 2.

5 Làm vài điếu: thuốc phiện.

6 Guynemer: nay là đường Hồ Tùng Mậu.

7 Auguste Blanqui, nhà cách mạng Pháp (thế kỉ XIX), chủ trương cách mạng là bạo động của một nhóm nhỏ, rồi quần chúng sẽ “tự động” hưởng ứng.

8 Cơ quan do toàn quyền Decoux thành lập, đặt dưới quyền của “tổng ủy” Maurice Ducoroy, đại úy hải quân, chủ trương tập hợp thanh niên, chạy đua ảnh hưởng với Nhật. Ducoroy cho rằng thanh niên bản xứ, giữa hai con đường “Nhật hoàng, chúng con đây” và “Thống chế (Pétain), chúng con đó” (!), nhất thiết phải chọn một. Thanh niên phong trào Ducoroy hát bài “Maréchal, nous voilà!” và đi đều bước sau ngọn cờ... Jeanne d’Arc (đoàn thanh nữ mang tên là “Jeannettes”). Đầu óc Ducoroy không mừng tượng ra khả năng thứ ba: thanh niên Việt Nam chọn con đường giải phóng đất nước (xem Maurice Ducoroy, Ma trahison en Indochine, Paris 1949).

9 rút: phương ngữ Nam Bộ, nghĩa là bỏ cuộc, rút lui hay đầu hàng.

10 Gestetner: Máy in roneo thường dùng trong văn phòng, thông dụng từ đầu thế kỉ 20 cho đến thập niên 1970, khi được thay thế bằng máy photocopy và máy tính & máy in điện tử. Máy in roneo mang tên người sáng chế, gốc Hung: David Gestetner (1854-1939). Máy Gestetner đã đóng

một vai trò quan trọng trong công tác tuyên truyền của Đảng Cộng sản, nên khi nắm toàn bộ chính quyền ở miền Bắc (1954-1975), ĐCSVN đã trưng thu tất cả các máy in -- máy chữ, kể cả máy chữ xách tay Hermès Baby cũng phải đăng kí.

11 Xu xoa: thạch trắng (agar agar). Đây là lỗi in thủ công. Đoạn văn sau đây, do Nguyễn Ngu Í ghi lại lời kể của Hồ Hữu Tường, mô tả khá chính xác cách in xu xoa: “Úp bản cái lên mặt khuôn xu xoa, vuốt cho đều tờ giấy, để đó mười lăm phút cho mực thấm vô xu xoa, vuốt cho giấy sát. Rồi gỡ bản cái ấy lên, mình có bản chảnh "in" ngược lên xu xoa. Giờ chỉ còn lấy giấy để lên mặt xu xoa, vuốt giấy cho sát, để chừng một phút, gỡ ra. "In" độ năm mười bản thì chữ mờ. Tôi có nghĩ ra một cách có lợi cho việc "in xu xoa" này. Thói thường là nấu xu xoa, đổ vô một cái khuôn, và chỉ dùng được có mặt xu xoa ở trên mà thôi. Tôi cho cắt những tấm kiếng bằng nhau để trong khuôn, tấm này cách tấm kia độ một phân (giữa hai tấm kiếng ở hai đầu, có cây cạnh cao chừng một phân), đổ xu xoa vô, thì mỗi lớp xu xoa có hai mặt, mặt trên in cũng được, mà lật lại mặt dưới, in cũng được. Ví như ta có năm tấm kiếng thì ta có sáu miếng xu xoa, tức là mười một mặt xu xoa in được.”

12 Diệm, Ân, Sâm: tức là Ngô Đình Diệm, Trần Văn Ân, Nguyễn Văn Sâm.

13 Rue Miche: nay là đường Phùng Khắc Khoan.

7-1-11

Phần IV(1): TIẾN TỚI TỔNG KHỞI NGHĨA

Chương này ghi lại một phần những điều tôi đã nghĩ, đã làm, đã thấy trong khoảng thời gian từ sau khi chúng tôi lập lại Xứ ủy Nam Kỳ, tháng 10 năm 1943, đến trước khởi nghĩa tháng Tám năm 1945. Thời gian ngắn, chỉ 20 tháng, mà cuộc sống thì hết sức phong phú, sôi nổi nhất trong cuộc đời tôi, kể từ khi được sinh ra. Khó khăn chồng chất từ lâu, cao như núi; khó khăn mới thêm vào khó khăn cũ chưa giải quyết hết. Thuận lợi chỉ xuất hiện như kết quả sự nỗ lực kiên trì của tập thể anh chị em; lúc bấy giờ còn quá ít người, mà người nào cũng hoạt động không biết mệt, không ai “rớt đài” cả; thuận lợi cũng dồn dập đến với chiến thắng của Liên Xô và của Đồng Minh trên các chiến trường Âu châu và Thái Bình Dương. Thành công nhiều, mà về sau tai tiếng cũng lắm. Có sáng tạo cần thiết để ứng phó kịp thời với tình hình mà cũng không ít vấp vấp, sai lầm. Vừa đánh kẻ thù trước mặt, lại vừa đỡ ngọn giáo của bạn bên hông. Một ơi là mệt! Nhưng, xét cho cùng, đời bằng phẳng chưa chắc là đáng sống hơn đời sóng gió. Tôi thích khoảng đời sóng gió mà cô đặc này; phần khác, vì thấy mình đóng vai của một người vo quần, cởi áo nhảy xuống sông, góp sức đẩy thuyền qua khúc cạn chớ không phải đứng trên thuyền “tiếp” đẩy cái mui, càng không phải đứng trên bờ mà vỗ tay cổ vũ hay là phẩy quạt phê bình.

Từ cuối năm 1943, tôi bám sát Sài Gòn, ít đi lục tỉnh. Lục tỉnh được sự chú tâm của tuyệt đại đa số các đồng chí trong Xứ ủy. Còn Sài Gòn là chiến trường mà tất cả bọn tôi đều xem như nơi quyết định sự thành bại của tổng khởi nghĩa, mà khi ấy, rất ít người kham. Anh em ta có nhiều kinh nghiệm về nông vận, hiếm đồng chí biết làm công vận, càng hiếm đồng chí làm được trí vận, binh vận. Cho nên, với ý thức nhận lãnh cái khó nhất về phần mình, tôi phải để hầu hết thời giờ và tâm trí vào Sài Gòn, mong có thể kịp thời xoay chuyển tình thế. Ta không hề xem nhẹ công tác nông thôn. Trong một xứ nông nghiệp lạc hậu như xứ ta, tuyệt đại đa số đồng bào là nông dân, ai đi làm cách mạng mà lại xem nhẹ công tác nông thôn bao giờ? Nhưng vào cuối năm 1943, qua đầu năm 1944, Đảng Cộng sản chưa có lực lượng đáng kể ở thành phố, cụ thể là ở Sài

Gòn. Tại Sài Gòn, cơ sở ít và nhỏ; hệ thống tổ chức chưa hoàn chỉnh. Phong trào cách mạng như ở giữa hai làn sóng. Cán bộ thừa thớt như sao buổi sớm; anh em ở tù, ở cãng chưa về; anh em ở ẩn phần nhiều chưa ra; số đồng chí có khả năng hoạt động thành phố như những người ở báo Le Peuple, Dân chúng, ở “Ủy ban sáng xuất công đoàn”, hồi 1937, 1938, 1939, đều cao bay xa chạy hay đều bị án “biệt xứ” không có phép đi Sài Gòn. Trong lúc đó thì chính đảng và giáo phái thân Nhật vừa nhiều, vừa mạnh, tập hợp ở thành phố dưới sự bảo trợ của sở Sen đầm Kempeitai[1]. Vấn đề được đặt ra là làm sao, trong một thời gian tương đối ngắn (tôi nhấn mạnh ở chữ “ngắn”), ta phải bám rễ chắc chắn trong Sài Gòn, phải đưa rất đông đảo công nhân, thanh niên, trí thức vào tổ chức yêu nước, phải thổi bùng lên một phong trào quần chúng cách mạng sâu rộng, phải làm cho Đảng Cộng sản theo kịp và mạnh hơn tất cả các chính đảng và giáo phái thân Nhật, thân Pháp cộng lại. Tôi không chủ quan lấy gàu tát sông đâu; khó khăn lớn lắm; nhưng nếu không làm được như vậy, nếu không nhảy vọt mà cứ phát triển từ từ thì sẽ không làm gì có cách mạng. Tôi lường được những nỗi khó khăn trước mắt và lâu dài; nhưng tôi không đến nỗi đơn thương độc mã; tôi lạc quan, lạc quan cách mạng vốn là bản tính của tôi. Tôi tin tưởng ở tài đức của số đồng chí đã tập hợp được, tin tưởng ở truyền thống nhạy bén chính trị và đấu tranh bất khuất của người dân Sài Gòn đặc biệt là của công nhân và thanh niên; tôi tin ở bản chất yêu nước và cách mạng của đồng bào nói chung, tin ở thế tất thắng của Hồng quân Liên Xô, khiến phong trào sắp có ngày đột biến và khiến tư tưởng chính trị của các tầng lớp nhân dân chuyển động rất mau về hướng cách mạng tức là về phía Đảng Cộng sản và mặt trận dân tộc thống nhất mà bọn tôi đang nỗ lực xây dựng.

1. Tình hình chiến tranh thế giới biến chuyển thuận lợi

cho công tác cách mạng của chúng tôi

Không ai dám bảo rằng mình tài giỏi, tài giỏi mấy cũng còn phải nhờ thời thế mới làm nên; mà phần lớn những yếu tố của thời thế không do ta tạo thành. Thời thế nghịch thì “anh hùng ẵm hận”, ngày xưa bảo là “vận khú”. Dù sao, chèo ngược vẫn hơn là buông trôi. Ông bà từng dạy: “chớ đem thành bại luận anh hùng”. Còn thời thế thuận mà không sử

dụng được mới là dở thật, là đáng chê trách, há miệng chờ trái sung rơi xuống, càng dở hơn, trái sung rất có thể rơi trên mũi, trên mắt.

Hồi 1941, khi Hồng quân Liên Xô thua đậm, khi Nhật thắng Mỹ, Anh như chẻ tre, thì hoạt động tuyên truyền của bọn tôi ủng hộ Liên Xô, chống Nhật, gay go lắm nhưng mà tôi và anh em vẫn ra sức ủng hộ Liên Xô, ủng hộ Liên Xô là trợ lực cho tinh thần cách mạng Việt Nam. Khi ấy, ở Sài Gòn, ở Nam Kỳ, chắc là trên toàn Việt Nam cũng vậy thôi, phe thân Trục, thân Nhật thắng thế dữ. Trong Nam, phe thân Trục mạnh lắm, có hàng vạn ước người theo, đặc biệt là một số giáo phái lớn như Cao Đài. Lúc ấy ta đi tuyên truyền cho cách mạng, chống Nhật, Pháp, tin tưởng vào Liên Xô, thì gần như là gào thét trong sa mạc, hát vọng cổ ở chợ cá đang đông. Nói gì đến dân thường ít chính trị? Ngay cả cái việc mời những đồng chí ẩn náu từ 1939, 1940 (kể cả các đồng chí nguyên là Xứ ủy viên), mời anh em đó trở lại hoạt động cũng khó, khó lắm, khó hết sức! Xét cho cùng thì không nên trách ai cả. Nếu mọi người đều vững như núi thì tuyên huấn sẽ là thừa; mà tuyên huấn có bao giờ thừa đâu? Đúng! Hồi 1941, 1942, đầu 1943, bọn vượt ngục Tà Lài chúng tôi thừa thốt như sao ban ngày. Thỉnh thoảng chúng tôi ngâm lại câu “gia bần tri hiếu tử, quốc loạn thức trung thần”[2] để tự mình an ủi và khuyến khích lấy mình.

Vào cuối năm 1943, đầu năm 1944 thời cuộc chiến tranh thế giới không còn u ám như hồi 1941-1942 nữa. Bĩ cực, thái lai.

Mỗi ngày tôi nhờ mua nhiều báo Tây, Nam để theo dõi tin tức chiến sự và chính trị. Tôi cũng nhờ vài người bạn nghe các đài phát thanh chống phát xít, thuật lại cho tôi. Lúc này, chúng ta nghèo quá; nông dân làm ra lúa mà không bán được. Lúa bán được thì mấy cắc bạc một thùng quan; đi làm thuê chỉ mấy xu một ngày, ở nhà quê, nhiều nơi bao cà ròn[3] thay cho quần vải; thì chúng tôi chạy đâu cho ra tiền mua một chiếc máy thu thanh, mượn một căn phố để đặt máy nghe tin; khó hơn là hồi 1928, 1929 mua một chiếc xe hơi, mượn một villa!

Ở châu Âu vào thời điểm cuối năm 1943 sang 1944, chiều gió của chiến tranh đổi hẳn. Phe Đức, Ý thất bại lớn, thất bại liên tiếp. Các báo Tây,

Nam ở Sài Gòn, trừ các bài “xã luận”, đều đăng tin kể cũng là khách quan. Sau chiến dịch Stalingrad long trời (11.1942-2.1943), Hồng quân đuổi quân phát xít về phía Tây, quân Đức thoái mau như chúng đã tiến. Vòng vây quân Đức ở Leningrad bị phá vỡ. Rồi phát xít Đức bị đuổi ra khỏi biên cương Liên Xô và Hồng quân bắt đầu vào Đông Âu, Trung Âu, Bắc Âu, kích động mạnh cuộc chiến tranh giải phóng chống phát xít của nhân dân các dân tộc ở vùng đó. Hồi chiến thắng Stalingrad, tụi tôi ở Chợ Gạo, Phú Lạc, Gò Vấp mổ gà ăn mừng; bây giờ chiến thắng của Hồng quân nhiều quá, đâu có đủ tiền mua gà để mà mổ nữa, vả lại nghe tin chiến thắng trở thành quen, như bình thường, không còn kích thích mạnh nữa, trái lại, tôi càng sốt ruột về những tiến bộ chậm chạp của công tác cách mạng trong Sài Gòn, sợ thời cơ sẽ đến mau mà lực lượng Đảng còn quá yếu; mấy chục, một trăm anh chị em trong một Sài Gòn, Chợ Lớn, Gia Định gần một triệu người thì như năm muối bỏ mái nước[4] đây.

Quân Anh, Mỹ, sau khi đánh thắng quân Ý, Đức ở Bắc Phi liền đổ bộ lên miền Nam nước Ý. Quân đội Ý tan rã. Mussolini bị bắt; y được Đức giải thoát mà chẳng làm nên trò trống gì. Ô hô một trong ba chân của chiếc ghế có thời lừng danh cũng gọi là trục Bá Linh - La Mã - Đông Kinh. Hồi 1942, Liên Xô đòi Anh, Mỹ mở mặt trận thứ hai ở Tây Âu đỡ bớt đòn nặng cho Liên Xô thì Anh, Mỹ không chịu, vì chuẩn bị chưa đủ hay có lẽ đúng hơn, vì muốn cho Đức tiêu diệt thêm nhiều sinh lực của Liên Xô và Liên Xô tiêu hao thêm nhiều sinh lực của Đức. Nay, tháng 6 năm 1944, khi Hồng quân Liên Xô đã quét sạch Đức khỏi Liên Xô và đã vào tới Trung Âu, thì Anh, Mỹ mới mở mặt trận thứ hai ở Pháp, thực hiện một cuộc đổ bộ lớn nhất trong lịch sử với nhiều triệu lính, mấy vạn máy bay, nhiều tàu đủ loại. Quân Đức tháo lui. Paris được giải phóng. Chính phủ De Gaulle vừa thành lập ở thủ đô Pháp thì đã quyết định tuyên chiến với Nhật (cho có chừng, để tạo thế pháp lý, chớ sức mấy mà đánh đấm), và quyết định chuẩn bị quân đội gửi sang chiếm lại Đông Dương. Một mối lo mới cho chúng tôi bắt đầu xuất hiện. Đám “Pháp-Việt đề huề” lại ngo ngoe mạnh ở Sài Gòn. Tụi thực dân Pháp trở nên phách lối, láo xược ra mặt và ngày nào cũng như ngày nào, độ 11 giờ trưa, chúng nó đánh trận mồm chống Đức, chống Nhật ở các nhà hàng Majestic, Continental, trước những ly appêrô đắt giá. Trong lúc đó, những chiến thắng liên tục, vang dội của Liên Xô đánh bại một đội quân nổi tiếng là không ai đánh bại

nổi, làm cho dư luận chê bai cộng sản trước đây, nay không còn nữa, ngược lại, tiếng khen đều trời, những người cách mạng Việt Nam dù ở góc biển chân trời phương Đông xa xôi này cũng được thơm lây: Nói người ta nghe hơn, đoán người ta tin hơn, hoạt động người ta ủng hộ hơn. Các đồng chí ẩn náu từ 1939, 1940 nay lục tục tự động ra xin công tác; đội ngũ cán bộ không phải là đông đủ mà đã tăng lên trông thấy; không còn cảnh lẻ loi buồn tẻ như vài năm trước. Chính lúc này gần cuối năm 1944, là lúc tôi gặp Nguyễn Văn Trấn (Chợ Đệm) và nhóm “các anh La Sơn - Bàn Tiên Động” của anh ấy là Tươi và đại ca Nguyễn Thiện Hành, các anh “hạ san” về thành phố bắt tay làm việc ngay.

Đặc biệt của chiến cuộc Đông Á và Thái Bình Dương qua 1943, 1944 là quân Nhật từ dẫm chân đến thoái lui, thua trên bộ thì ít, thua trên biển nhiều hơn... sau khi mất quần đảo Gilbert, Nhật mất luôn quần đảo Marshall rồi mất cả quần đảo Mariannes. Trên các đảo Saipan và Guam quân Nhật chiến đấu với một tinh thần tuyệt đỉnh anh hùng nhưng rút cuộc đều bị vũ khí hiện đại Mỹ tiêu diệt. Như vậy là cái “vòng đai an toàn” của nước Nhật bị vỡ toang rồi. Từ Saipan, từ Guam, máy bay ném bom hạng nặng của Mỹ có thể đánh thẳng vào nội địa Nhật và Mỹ đã thật sự bắt đầu dội bom xuống các thành phố Nhật. Gần cuối 1944, sau khi nhấn chìm một bộ phận lớn của hải quân Nhật ở đông Philippines, quân Mỹ đổ bộ lên Philippines, chiếm lại các quần đảo quan trọng mà Mỹ đã phải chịu nhục bỏ chạy 2, 3 năm trước. Đầu năm 1945, quân Mỹ vào Manille. Xuất hiện một khả năng mới trong cuộc chiến tranh ở Đông Nam châu Á là khả năng quân Mỹ từ Philippines đổ bộ lên Trung Kỳ của Đông Dương thuộc Nhật, Pháp nhằm cắt đứt đại quân Nhật trên lục địa Đông Nam Á ra làm hai[5]. Câu hỏi khẩn cấp đặt ra cho Xứ ủy Nam Kỳ chúng tôi là quân Mỹ sẽ đổ bộ lên Trung Kỳ hay không? Họ đổ bộ lên Trung Kỳ thì may hay rủi, lợi hay hại cho ta? Chưa rõ. Điều đó chắc chắn là những người cách mạng phải chú ý đến vấn đề và tính toán sách lược đối phó với khả năng đó. Chúng tôi dự tính (mà dự tính này rất cuộc là sai) rằng Mỹ mà muốn trong thời gian ngắn bắt buộc Nhật phải xếp giáp quy hàng thì Mỹ không thể không đổ bộ vài ba triệu quân lên đất Nhật, ở đó người Nhật sẽ đánh một trận cuối cùng, một trận xáp lá cà mà Mỹ chắc ngán run, một trận trong đó máy bay, đại bác đều bất lực, nghĩa là ưu thế của Mỹ trở thành vô dụng. Bởi vậy, Mỹ phải tìm chỗ yếu nhất

của quân Nhật trên lục địa Đông Á, cắt đứt quân Nhật ra để mà diệt, vì vậy Mỹ sẽ đổ bộ lên “cái bụng mềm” của Đông Dương là một khả năng lớn. Nếu Mỹ và đồng minh của chúng ở Viễn Đông đổ bộ lên Nam Trung Kỳ thì ở Nam Kỳ ta phải làm gì? Các bạn của tôi trong Xứ Ủy và tôi đều nhất trí là chúng ta sẽ tùy sức mà làm khởi nghĩa từng phần ở những nơi nào có thể khởi nghĩa được, như miền đông rừng núi hay miền tây sinh lầy dựng cờ độc lập dân tộc chống cả hai bọn thống trị Pháp, Nhật, xem cả hai như là “bệnh dịch hạch và bệnh dịch tả, không phải lựa chọn một cái nào”, hình ảnh này tôi đã có lần dùng trong một bài báo công khai hồi 1939, được nhiều anh em tán thưởng mà cũng bị vài anh em công kích hồi thời trước chiến tranh khi mà báo ta “lắm khi” cũng công khai tán thành “phòng thủ Đông Dương”!

Xa hơn, ở phía Tây, trên xứ Miến Điện, vào đầu 1945, con đường bộ Miến Điện – Vân Nam lại được mở ra do thắng lợi của quân Anh. Trong tình hình chiến sự đó, ở Nam Kỳ, ở Sài Gòn, việc tuyên truyền của Nhật và tay sai bản xứ cho chủ nghĩa Đại Đông Á dần còn mà đã mất hẳn đà. Uy thế của Cao Đài, Phục Quốc chẳng những khựng lại mà còn giạt lùi mau. Các đảng thân Nhật đã đâm lao thì phải theo lao vậy thôi, theo với một lòng tin bị bào mòn, bởi thời cuộc chiến tranh, bởi chính sách gian trá lừa đảo của Nhật. Họ còn tuyên truyền theo Nhật mà đã có ý một ngày nào đó sẽ phản lại Nhật, thời bây giờ gọi là “bỏ giò lái”.

Tất cả những chiến sự kể trên, các báo Tây, Nam đều nói rõ, nói hết, công chúng theo dõi dễ dàng. Các báo quốc ngữ chỉ còn hai trang, nhưng Sài Gòn không ngày nào thiếu báo. Mỗi sáng anh cứ đi “kéo ghế nhấm xà”[6] thì anh thông thạo tình hình, anh cứ yên tâm ngồi nghe người ta bình luận, máy bay Mỹ trưa trưa mới đến. Bọn tôi chẳng những cho ra đều tờ báo Tiền Phong cơ quan của Xứ ủy mà chúng tôi còn phát hành Bản tin rônéo để kịp thời hướng dẫn dư luận. Dư luận quần chúng làm cho chúng tôi thích thú nhất là: hồi 1941, 1942, khi Đức tiến, Liên Xô lùi, mà cộng sản đoán trước rằng Đức sẽ bị Liên Xô đánh bại, khi Mỹ, Anh thua, Nhật Bản thắng thì cộng sản khẳng định rằng Nhật sẽ bị Đồng minh đánh bại; cộng sản đoán trúng; “anh hùng đoán giữa trần ai mới cừ”, có người bảo như vậy. Còn lời đoán của cộng sản rằng cách mạng Đông Dương sẽ thắng lợi ngay trong cuộc chiến tranh thế giới này, Việt

Nam, Miên, Lào sẽ giành được độc lập tự chủ, thì theo nhiều người, sự đoán trước ấy phải còn chờ thực tế chứng minh, chắc không lâu lắc gì đâu. Song người ta bàn tính với nhau rằng một ách Pháp còn chưa bẻ gãy, nay cả hai ách Pháp, Nhật thì bẻ cách nào cho xong? Khi Nhật thua, Pháp sẽ trở lại và trở lại với quân Đồng minh, thì làm sao cản được? Huống chi là ở Nam Kỳ từ sau cuộc bạo động 1940 thất bại, Đảng cách mạng còn, mất, mạnh, yếu chưa rõ, phong trào cách mạng như chìm xuống, chìm đến bao giờ mới nổi lên trong lúc chiến tranh chắc không còn kéo dài lắm? Vậy, dư luận quần chúng có tin tưởng lẫn với hoài nghi. Bọn tôi biết rằng đối với người dân thường, thuyết lý không đủ, phải có thực tế, họ cần được tự kinh nghiệm thì lòng tin mới toàn vẹn và khi ấy thì tinh thần quần chúng mới thật cao vọt.

Tựu trung, vấn đề được đặt ra là: thời cơ thì nhất định sẽ đến nhanh nhưng khi thời cơ đến, liệu phe cách mạng có đủ lực lượng hay không? Thời cơ là cái ngoài ta. Lực lượng cái do ta. Có cả hai tụ hội, có đủ lực lượng khi thời cơ thuận lợi thì mới có cách mạng giải phóng thành công.

Tôi nhớ mãi và luôn nhắc với đồng chí của mình bằng những lời than thở tuyệt vọng của cụ Phan Bội Châu, cụ Nguyễn Thượng Hiền khi chiến tranh thế giới lần thứ nhất kết thúc thắng lợi về phía thực dân Pháp. Và chúng tôi hạ quyết tâm làm cho kỳ được nhiệm vụ thiêng liêng mà các cụ đã mất và các đồng chí đã hy sinh trao lại cho chúng ta: giành độc lập tự do với bất cứ giá nào trong thời cơ chiến tranh thế giới này.

2. Những bước đầu xây dựng lực lượng

trước cuộc đảo chánh Nhật tháng 3 năm 1945

1) Vận động thành lập Tổng Công đoàn

Tôi không nhớ đã lên lớp bao nhiêu lần về công vận, về sứ mạng lịch sử của giai cấp công nhân trong cuộc cách mạng Đông Dương. Có lẽ cho đến đó, tôi là một người chiếm kỷ lục về việc mở lớp dạy công vận. Tôi không nhớ có lần lên lớp nào mà tôi không nhấn mạnh vào những lời của Trung ương Đảng hay của Đại hội Đảng phê bình các sai lầm và thiếu sót trong công vận từ 1930 đến 1939. Tôi giảng bài công vận ai cũng khen

là đúng. Bây giờ tới phiên tôi làm, tới phiên tôi thực hiện những điều tôi nói. Tôn Văn của nước Tàu bảo “tri nan, hành dị”, biết khó, làm dễ. Thì câu ấy cũng có phần đúng, nhưng đúng chỉ một phần thôi. Biết như Karl Marx biết vai trò lịch sử của giai cấp công nhân trong thế giới ngày nay, thì khó thật. Chớ còn sau Marx, Engels, Lenin, tôi biết lý luận về vai trò lịch sử của giai cấp công nhân, thì khó gì? Còn như thực tế làm làm sao cho giai cấp công nhân xứ mình đóng nổi vai trò lịch sử ấy? Thì khó lắm! Khó lắm! Tôi lo quá, đôi khi sợ anh em cười mình “Năng thuyết bất năng hành”[7]. Anh em cán bộ lão luyện công vận bây giờ còn ai? Nguyễn Công Trung mà hồi chọn người vượt ngục tôi nhằm để làm công vận, thì đã bị bắt lại rồi. Nguyễn Thành A còn bó gối ở cảng Bà Rá. Văn Công Khai, Nguyễn Văn Chùa nghe nói ở Bến Súc, Thủ Dầu Một, điều tra mãi mới gặp Khai và anh ấy đã nhận nhiệm vụ Bí thư Ban cán sự tỉnh Thủ Dầu Một. Mà Thủ Dầu Một cũng là nơi có hàng vạn công nhân đồn điền cao su thì điều động Khai về Sài Gòn sao được? Phần nhiều cán bộ cũ, nhân viên báo Dân Chúng, Lao Động đều bị án “biệt xứ”, không được rời các tỉnh mình ở, mà đâu có đời được anh em vị tất đã chịu lên Sài Gòn và vào vườn cao su đâu? Người lên Sài Gòn được, không phải ai cũng làm được cái chuyên môn công vận. Khi ấy công vận khó hơn nông vận. Một cái khó nữa là trong thời kỳ chiến tranh, công nhân Sài Gòn bị phân tán. Như Ba Son (công xưởng thủy quân) bị xé lẻ thành mấy bộ phận ở xa nhau. Vì thiếu nguyên liệu, thiếu chất đốt, nhiều nhà máy đóng cửa. Nhà đèn Chợ Quán kia còn phải lấy lúa thay than đá thì các xưởng thợ khác làm sao có than, có điện. Thợ trở thành thủ công, nông dân, người đi buôn vặt. Những người còn lại thì ngày làm, ngày nghỉ bất thường. Trong lúc đó Nhật Bản nhờ phe Trần Quang Vinh chiêu mộ hàng vạn tén đồ Cao Đài lên Sài Gòn - Chợ Lớn làm nhiều nghề mà nhà binh Nhật dùng, ví dụ như cưa gỗ, đóng tàu dọc theo Kinh Đôi từ cầu Nhị Thiên Đường (Chợ Lớn) ra tới cầu Tân Thuận (Sài Gòn). Những công nhân mới này lạc hậu về tư tưởng và ta rất khó chen vào đây để làm việc tuyên truyền. Lại thêm, hồi 1937, 1938, 1939 (mà trước đây cũng vậy) một nhược điểm lớn của chúng ta là mạnh ở xưởng nhỏ và các hãng lao động lẻ tẻ, thủ công, nhưng yếu ở xưởng lớn, và các xưởng lớn thì mạnh ở số thợ “áo nâu”, mà yếu ở thợ “áo xanh”; viên chức, công chức đông mà ít được tổ chức, tổ chức họ cũng khó. Tự phê bình không biết bao nhiêu lần rồi mà chưa vượt qua khuyết điểm. Bây giờ phải thực sự phải vượt qua những

khuyết điểm đó một cách nhanh chóng. Nói thì dễ, làm thì khó hơn rất nhiều: muốn kiếm một đồng chí khuân vác được, nay bảo mai có; muốn kiếm một đồng chí làm nghề điện, máy, “cạo giấy” kiếm đâu ra, kiếm ra rồi làm sao xin vào sở? Xin vào sở rồi phải có thời gian mới làm quen với anh em đồng nghiệp, chớ đâu phải họp mít tinh nói chương trình công đoàn rồi ghi tên vào tổ chức như ở xứ có tự do dân chủ đâu? Việc thì đòi hỏi nhiều thì giờ mà tình hình không trì hoãn được, trái lại rất khẩn trương. Làm sao đây? Bài toán khó giải quyết. Chúng tôi thấy: muốn đi nhanh trước hết phải tìm lối mòn cũ, Đảng đã hoạt động công đoàn từ năm 1930; trước khi có Đảng thì Tôn Đức Thắng tổ chức công hội đỏ (bí mật). “Tàn dư” của công hội Tôn Đức Thắng nay hãy còn. Lê Văn Lương, Ca Him – đều là bạn thân của Phúc, Xứ uỷ viên Thường vụ. Rồi những năm 1937, 1938, 1939, ta có nhiều hội ái hữu lớn làm nhiệm vụ công đoàn; từ 1940, hội viên, đoàn viên nằm yên không hoạt động, nhưng ý thức của họ hãy còn, đó là kết quả của một cuộc tuyên truyền bền bỉ nhiều năm của nhiều thế hệ cán bộ cách mạng. Công nhân viên chức Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định chắc chắn là có truyền thống sâu xa, họ không giống như một đám ruộng khô đất nẻ mà giống như là đám ruộng đã có nước chân, mưa thêm vài đám thì cấy lúa được; ta phải hết sức chú tâm đi tìm người cũ còn “mai phục”, còn “dấu mũi nhọn” làm ăn hiền lành vô sự ở nhà máy, ở văn phòng và chờ bắt liên lạc trở lại với Đảng. Ta tin chắc còn những người cũ, và họ cũng tin chắc sẽ có ngày lại gặp Đảng. Quả đúng như vậy. Làm tuyên truyền cách mạng là cả một sự kế thừa; trong cái gián đoạn về tổ chức còn cái liên tục về ý thức tư tưởng. Chúng tôi ở Sài Gòn có nhiều anh em đã sống trong thành phố hàng chục năm, đã tham gia mấy giai đoạn phong trào, cho nên việc tìm lại người cũ, lối mòn, không phải là điều khó lắm, vấn đề mấu chốt là nói sao cho anh em nghe, làm gì cho anh em tin, đưa người nào đến thì anh em mới chịu hợp tác.

Dân ta dưới ách Tây-Nhật, tranh biếm họa của Nguyễn Ái Quốc

(báo Việt Nam Độc Lập)

Năm 1943 trôi qua nhanh như một thời gian dành cho việc tìm lại manh mối ở các công sở và tư sở lớn, chớ còn những tiệm giày, thợ giặt Ủi,

tiệm may, bồi bếp Tây, nhà riêng và nhà hàng thì các anh Oanh, Chí, Thức trong Ban cán sự Sài Gòn đã quen lớn liên lạc từ đời nào. Riêng tôi có một ông bạn là cò-mi Hên ở Ba Son, hùng mạnh hồi 1938, 1939; anh em của Sáu Sáng (ở Bàu Lãng, Gò Vấp), người làm trong kho thuốc đạn Pyrotechnie, người làm ở nhà thương Đồn Đất. Anh Nỉ, anh Vị (đường Mới, Gò Vấp) vẫn làm nhà in Ardin. Hai anh em Khương, Lương (đường Mới, Gò Vấp) vẫn còn làm ở sở Trường Tiền và Ba Son. Năm mấy cái mỗi ấy mà phăng ra thì bắt liên lạc được với nhiều cơ sở xí nghiệp lớn. Nhờ các chi bộ xã ở Bà Hom, Bình Trị thì sẽ biết người mình ở hãng rượu Bình Tây và nhiều nhà máy xay Rạch Cát...

Vào cuối năm 1944, Đảng bộ Sài Gòn đã có chân đứng ở hơn 30 nơi lớn nhỏ, công tư sở, không kể các khu phố lao động, đã có khá đông cán bộ công đoàn, mà nổi nhất là Nguyễn Lưu, Hoàng Đôn Văn, Từ Văn Ri, Huỳnh Đình Hai, Nguyễn Văn Tư. Ở hãng FACI có Nguyễn Văn Lưỡng, ở xe lửa có anh Chiêu, ở Eiffel có anh Giỏi, ở Labbé có các anh Trần Mạnh Quyền, Trần Mạnh Phú, Trương Luyện, Phạm Văn Cung; ở tàu thủy có Từ Văn Ri, ở MIC có Nguyễn Viết Phái, ở nhà đèn Paul Blanchy[8] có Vũ, ở nhà đèn Chợ Quán có Dương, Thức, Mao, Anh; ở máy cửa Vĩnh Hội có Lê Tấn Ích, ở Scama có Xuyên, v.v... Tuy cơ sở đã khá, nhiều sở lớn ta chưa có tổ chức: hãng dầu Nhà Bè, đề pô Dĩ An, sở Bưu điện, v.v. Công đoàn xí nghiệp, buồn thay, chưa đông người bằng những công đoàn thợ may, thợ giày, thợ giặt Ủi, thợ nhuộm, thợ mộc... lúc này tôi ở Phú Lạc (Chợ Lớn), hay ở Bàu Lãng (Gò Vấp), hoặc ở các trại bán tre của anh chị Tám Chiêu tại bến Cầu Ông Lãnh. Anh chị Tám là cơ sở của Đảng từ thời Mặt trận Bình dân. Sau khởi nghĩa Nam Kỳ thất bại, Trấn người chợ Đệm (người báo Dân Chúng), đi “ẩn” ở núi La Ba, động Bàn Tiên với một nhóm người anh em, như Marcel TƯƠI, Sáu Hành, nay trở về Sài Gòn hoạt động đặc lực với Xứ uỷ mà anh em trở thành trụ cột. Tôi thêm một chỗ trú chân tại thành phố; tôi đỡ đạp xe đi về xa xôi lại dễ bị lộ bí mật. Tôi không nhớ rõ là những ngày cuối năm 1944 hay là những ngày đầu năm 1945, bọn tôi đã có thể tổ chức Tổng Công đoàn Sài Gòn – Chợ Lớn – Gia Định với non già 5.000 đoàn viên. 5.000 đoàn viên trong thời bình và trong bí mật là khá lớn, là giỏi, có triển vọng. Nhưng so với thời “loạn” (chiến tranh) với nhu cầu lịch sử (cần chuẩn bị lực lượng cho tổng khởi nghĩa), thì 5.000 hãy còn quá ít. Sắp tới

tình hình có thể biến đổi nhảy vọt, đột biến thì ở cái đất Sài Gòn có nhiều chính đảng và giáo phái này, chẳng nói 5, 6 ngàn mà đến 10.000, 20.000 cũng chỉ là muối bỏ biển. Làm sao bây giờ? Làm sao tổ chức cho được 10, 15 vạn công nhân viên chức ở thành phố lớn nhất nước là Sài Gòn bây giờ đông hơn tám chục vạn dân.

Bàn tới bàn lui, chẳng biết có gì quan trọng hơn, mấu chốt hơn là gấp rút đào tạo nhiều cán bộ công đoàn để phòng khi thời cuộc biến chuyển ta có đủ người làm việc cho giới. Chúng tôi nhắc lại lời của Stalin: “cán bộ quyết định tất cả”, xem đó là chí lý. Đó cũng là “chuyên môn” của tôi trong huấn luyện đào tạo cán bộ. Và lại, bây giờ anh em khá đông, tôi không phải trực tiếp đi nhiều nơi, nên lo việc huấn luyện là chính, đồng thời kiểm tra, đôn đốc chỗ nào cần. Các anh Văn, Lực, Lưu, Ri, Tư cà phê, Hai Râu, Giỏi (Eiffel) và Giỏi (cứu hoả) đều hăng hái lắm, nhưng họ ít kiến thức “sai đâu đánh đó” chớ lý luận cách mạng chưa có gì, chưa ai có một bó đuốc trong tay; vì vậy, sáng kiến bị hạn chế. Phải ra sức đào tạo họ thành những nhà lãnh đạo công đoàn, lãnh đạo phong trào công nhân, và khi cần thì đủ sức đương đầu với các lãnh tụ chính đảng tư sản, tiểu tư sản, tôn giáo. Phải đào tạo nhiều, phải thật nhiều cán bộ cơ sở xuất thân từ xí nghiệp, để khi thời thế đến, họ có sức nhân lên gấp mười, gấp hai mươi sức lao động và sức tổ chức công đoàn, làm cho lực lượng công nhân lao động trở thành mạnh nhất ở Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định, làm cho phong trào công nhân có tác dụng tập hợp và dẫn đầu tất cả các phong trào yêu nước. Nói thực hiện vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân, là một mặt thực hiện vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản – đội tiên phong mácxít leninnít của giai cấp công nhân, mặt khác (và đồng thời) là làm sao cho phong trào công nhân thật sự dẫn đầu tất cả các phong trào yêu nước, thu hút các phong trào yêu nước theo mình. Một mặt không đủ; phải hai mặt thì mới chọn là sự “lãnh đạo của giai cấp công nhân”, lúc đó cũng gọi là “bá quyền của giai cấp công nhân” – điều kiện cốt yếu cho cách mạng dân tộc dân chủ triệt để thành công. Trong mục đích chính trị đó, Thành uỷ và Thường vụ Xứ uỷ quyết định mở những lớp học liên hoàn cho cán bộ công đoàn toàn thành phố và một số anh chị em từ lực tỉnh lên tiếp tay làm công vận. Học viên chủ yếu do các công đoàn lựa chọn. Ban đầu giảng viên chỉ có mình tôi, cùng lúc dạy nhiều lớp, ở chùa Bà Đầm, ở nhà Hoàng Đôn Văn (ĐaKao) ở Xóm Lách, ở Bàu

Lăng, v.v. Khi ấy Lý Chính Thắng chưa tham gia, Nguyễn Thành A còn ở cảng Bà Rá chưa về, Hà Huy Giáp ở cảng ngoài Trung Kỳ chưa vào, Nguyễn Văn Nguyễn mới từ Côn Lôn về Mỹ Tho cũng chưa chịu nhập cuộc, Nguyễn Văn Tây ẩn náu nơi nào đó ở Hậu Giang, Ung Văn Khiêm giả đi làm cố nông ở Cần Thơ, các anh lúc đó đều chưa nhận công tác, còn “chờ xem”. Các đồng chí đó, sau 9 tháng 3 sẽ có điều kiện góp phần đào tạo cán bộ công đoàn và các anh em sẽ hoạt động đắc lực lắm. Tạm thời tôi “bao sân”, anh Oanh (Bạch Đằng lớn) nói đùa rằng tôi một mình day trở như “Tam chiến Lữ Bố”! (lớp học Đảng và công đoàn, lớp học thanh niên và trí thức).

Chương trình huấn luyện cán bộ công đoàn lấy vấn đề “vai trò lịch sử của giai cấp công nhân” làm trung tâm, các vấn đề khác đều xoay quanh vấn đề trung tâm đó. Huấn luyện công nhân, tôi giảng một hệ thống tám bài. Không nói về triết học, về kinh tế học; không trình bày chủ nghĩa Marx - Lenin theo kiểu nhà trường mà đi thẳng vào “các vấn đề căn bản của cách mạng Đông Dương” – một cái “tủ” của tôi, bao gồm bốn phần, mỗi phần hai bài, mỗi bài một buổi. Phần thứ nhất: những tiền đề (thế giới và quốc gia) của cách mạng Đông Dương. Phần thứ hai: nhiệm vụ, tính chất của cách mạng Đông Dương. Phần thứ ba: các giai cấp và động lực của cách mạng Đông Dương. Phần thứ tư: tình hình hiện tại và những nhiệm vụ cần thiết (trong nhiệm vụ cần kíp, nhấn mạnh vào việc tổ chức công đoàn). Anh em đi học nghiêm túc lắm, tới đúng giờ, về có trật tự. Có lần anh Ca Him thợ kỳ cưa nhà đèn Chợ Quán, bạn của Tôn Đức Thắng, của Dương Văn Phúc (Năm Đông), đi tới trễ (có lẽ vì anh lớn tuổi) anh em không cho vào lớp, tôi phải xin mới được. Tôi có kinh nghiệm giảng dạy cán bộ công nông ở tù, ở cảng Tà Lài, ở U Minh, nên anh em hiểu rõ, một số anh ghi được, tất cả đều nhớ các chương, tiết mục và khi về có thể ít nhiều “quay” lại cho bạn bè. Tôi khuyến khích anh em chất vấn. Tôi trả lời tất cả các câu hỏi. Tôi biết rằng hồi 1936, 1939, ở Sài Gòn ảnh hưởng của tờ-rốt-ký trong anh em công nhân viên chức không phải không có, nên tôi chú ý đánh đổ tư tưởng chính trị của đệ tứ. Có lần mấy học viên lớp công đoàn xin phép tôi mời lãnh tụ một nhóm đệ tứ là Hồ Hữu Tường đến tranh luận với tôi, ngay ở nhà Hoàng Đôn Văn. Ai cũng tưởng đâu cuộc tranh luận sẽ nảy lửa. Nhưng không! Tường xuôi xị trong lúc một học trò của tôi, chú Tổng (người Cà Long,

thợ nhà in) công kích tờ-rốt-kýt dữ dội. Tàn cuộc, anh em bảo rằng gà của đệ tứ chạy “rót”, đừng hòng nói trạng với thợ thầy Sài Gòn nữa. Chính tôi bảo anh em tổ chức cuộc đụng độ đệ tam, đệ tứ này để chứng tỏ cho anh em rằng đệ tứ không phải là đối thủ lợi hại, họ không có lý luận gì chân chính và họ không có tinh thần cách mạng đâu. Điều chính là tôi cố vũ trang cho cán bộ công đoàn một số vốn tối thiểu về lý luận cách mạng Đông Dương, trong đó có vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân phải được thực hiện, một số vốn càng cụ thể càng hay về tổ chức công đoàn, hoạt động xưởng máy, các hình thức đấu tranh của công nhân và nhân dân lao động thành phố.

Ảnh căn cước ở nhà tù Côn Đảo năm 1935 của Trần Văn Giàu (số tù 588).

Thời đó, ông được gọi là "Giáo sư Đỏ"

Quả thật đúng với dự đoán, mà dự đoán này không có gì là tài tình cả, cuộc đảo chánh Nhật ngày 9-3-1945 nổ ra. Trái với ý muốn của Nhật, cuộc đảo chánh làm phát sinh một tình hình thuận lợi cho cuộc vận động chống Nhật, trong cuộc vận động đó, phong trào quần chúng phát triển nhảy vọt. Lúc này mấy lớp cán bộ công đoàn thứ nhất của chúng tôi đã học xong và mấy lớp thứ hai đã bắt đầu, chúng tôi có một lực lượng nòng cốt tối thiểu để chèo chống, không đến nỗi phải “theo đuôi” phong trào. Có cán bộ, lại có mấy chục công đoàn cơ sở và mấy ngàn đoàn viên có thể được đánh giá là nòng cốt, công vận chắc chắn sẽ phát triển rất nhanh, đưa lực lượng của giai cấp công nhân lên hàng tiên đạo.

Ở đây cần chú ý rằng, trong Nam, ở Sài Gòn, chúng tôi lập công đoàn chớ lúc ấy không lập công đoàn cứu quốc. Không phải vì lý do gì khác hơn là, khi ấy, chúng tôi không biết có chỉ thị lập công nhân cứu quốc. Chúng tôi theo Nghị quyết Trung ương tháng 11-1939. Vả lại đó là “đường mòn” quen thuộc. Mà xét cho cùng thì công đoàn cho phép tổ chức một cách rộng rãi hơn, cho phép hoạt động nhiều khi công khai, mà nhiệm vụ cứu quốc thì tất nhiên là làm được, đồng thời không hạn chế nhiệm vụ công đoàn trong khuôn khổ phản đế. Cho nên về sau, khi gần đến cách mạng tháng Tám, khi chúng tôi biết điều lệ công nhân cứu

quốc, chúng tôi cũng không thấy cần thiết phải đổi tên. Liền sau 9 tháng 3, lực lượng công đoàn lớn nhanh tới 15.000 đoàn viên, vào thời điểm tháng 4, không nơi nào có lực lượng công nhân, có tổ chức mạnh bằng Sài Gòn, nhưng 15.000 đoàn viên vẫn quá ít đối với thời cuộc.

2) Những bước đầu của phong trào thanh niên

Những bước đầu lập lại Tổng công đoàn và gây dựng lại phong trào công nhân ở Sài Gòn - Gia Định - Chợ Lớn, đều là do Xứ uỷ Nam Kỳ của Đảng Cộng sản chủ trương, do cán bộ Đảng đứng ra thực hiện trước hết. Nên biết rõ là hoàn toàn không có đảng phái chính trị hay khuynh hướng tôn giáo nào chen vào. Kể cả Tờ-rốt-kít hồi 1936, 1939 đã hoạt động khá ồn ào trong công nhân, hay kể cả Cao Đài Trần Quang Vinh hồi 1943, 1944, 1945 đã đưa hàng vạn tín đồ lên làm công nhân đóng tàu gỗ cho Nhật. Đảng Cộng sản là Đảng duy nhất có tổ chức trong giai cấp công nhân ở Sài Gòn lúc này.

Còn những bước đầu của phong trào thanh niên ở đây trước khởi nghĩa tháng Tám là một cuộc vận động tự phát, sau đó Đảng mới chú ý và ra sức hướng dẫn, phát triển. Thừa nhận rằng phong trào lúc đầu là tự phát, tất nhiên không phải chê trách các đồng chí ta, trong đó có tôi. Thành bộ có một số đoàn viên thanh niên cộng sản mà ít lắm; còn bảo rằng Đảng chú ý dìu dắt thanh niên đi đúng hướng yêu nước, không phải là kể công với tuổi trẻ, nếu kể công hãy kể cho Bà Trưng hay xa hơn nữa là cho ông Thánh Gióng mà tất cả chúng ta kế thừa sự nghiệp. Có thể ghi nhận rằng trong các cao trào 1930-1931, 1935-1939, chưa hề có ở Nam Kỳ một tổ chức, một cao trào thanh niên rộng lớn như năm 1945.

Từ năm 1930, khi Đảng mới ra đời, Trung ương Đảng đã từng quyết nghị là đảng viên phải chú ý lãnh đạo các phong trào “đột nhiên” (tức là tự phát) của quần chúng. Trong một xứ đang đi vào đường cách mạng, cách mạng chưa thành công, thường thấy nhiều loại vận động yêu nước của đồng bào mà Đảng cách mạng không thể biết trước cho hết. Làm sao biết trước cho hết được? Chống thực dân, nào phải chỉ có một mình Đảng Cộng sản? Nhiều lớp người tự động chống thực dân là lẽ thường ở một dân tộc yêu độc lập tự do. Biết việc mình chưa chắc đã hết, biết

trước sao được việc của mọi người? Cái đó không có gì là “xấu hổ” cả, cũng không có gì gọi là “sai lầm”. Nhưng sẽ sai lầm thật nếu mình không chú ý đến những phong trào tự phát để biến nó thành phong trào tự giác.

Trước đảo chánh 9 tháng 3, ở Sài Gòn có một số đồng chí trẻ hoạt động đặc lực, như Trần Bạch Đằng (Bạch Đằng nhỏ, là anh thợ thụt lò nung sắt, khác với Bạch Đằng lớn là anh Oanh thợ giày), nhưng Bạch Đằng nhỏ lúc này lại hoạt động trong phong trào công nhân là chính. Chưa có ban bộ nào của Xứ uỷ chuyên lo về thanh vận.

Tôi có một thằng cháu trai bên vợ tên là Đỗ Tường Hoàng, học sinh cấp ba ở trường Pétrus Ký. Qua nó, tôi được biết vài nét lớn của phong trào học sinh Sài Gòn mấy năm 1940, 1941, 1942. Còn từ 1943 thì tôi đã bám sát Sài Gòn nên có thể tự mình trực tiếp theo dõi phong trào học sinh, sinh viên (Hoàng hy sinh năm 1948 với chức vụ Trung đoàn phó Trung đoàn Quyết Tử của Sài Gòn).

Lúc thực dân Pháp đàn áp cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ cuối 1940 cũng là lúc Pháp giải tán “Câu lạc bộ học sinh” Sài Gòn. Câu lạc bộ học sinh này nguyên là một tổ chức mang tính chất thuần văn hoá của học sinh trung học thành phố được thành lập đầu năm 1940, dựa vào hội SAMIPIC (Nam Kỳ đức trí thể dục) và hoạt động dưới các hình thức thông thường như nói chuyện, dạ hội, du lịch, điền kinh, thể thao. Câu lạc bộ học sinh Sài Gòn[9] không có chí hướng cải lương hay cách mạng, quốc ca hay cộng sản gì hết. Nếu nhìn bề ngoài, thấy hình như nó chịu ít nhiều ảnh hưởng của Pétain – cái ông thống chế có thời là anh hùng dân tộc Pháp, nay cầm đầu chính phủ đầu hàng (Vichy); hình như có những ai đó, tôi không biết rõ tên, muốn kéo câu lạc bộ học sinh theo chủ trương “cách mạng quốc gia” và “Pháp-Việt phục hưng” của Decoux. Không có gì lạ. Độ này báo chí đầy dẫy những “lời của thống chế” và sáng sủa các thầy các trò các trường phải chào cờ tam sắc và hô “Thống chế, có chúng tôi đây”. Câu lạc bộ học sinh (CLBHS) cũng đưa ra một số khẩu hiệu cần lao, danh dự, đoàn kết là những vị thuốc gọi là hồi sinh của Pétain - Decoux. Nhưng thực ra, nhà cầm quyền thực dân không chỉ đạo được Câu lạc bộ học sinh, không ngăn nổi ảnh hưởng của phong trào cách mạng đối với tuổi trẻ nhà trường. Câu lạc bộ học sinh tập hợp nhiều

thanh niên các trường trung học công và tư Pétrus Ký, Tabert, Lê Bá Cang, Huỳnh Khương Ninh v.v... Câu lạc bộ học sinh tổ chức nhiều buổi nói chuyện, dạ hội, cắm trại. Những buổi sinh hoạt đó thực ra chẳng có nội dung gì tiến bộ lắm đâu, những nội cái sự tập hợp tổ chức và hoạt động văn hoá của tuổi trẻ đủ làm cho nhà cầm quyền Sài Gòn sinh nghi và quyết định giải tán CLBHS. Cặp võ dừa, thấy võ dừa thì sợ. Bấy giờ là sau khởi nghĩa Nam Kỳ. Như vậy là nhà cầm quyền chọc tức tuổi trẻ, vô tình nhà cầm quyền Pháp gắn liền CLBHS với nhân dân khởi nghĩa mà chúng vừa nhận chìm trong máu.

Trong không khí Nam Kỳ khởi nghĩa bị trấn áp dã man còn CLBHS thì bị giải tán, tâm trạng của tuổi trẻ không khỏi bàng hoàng. Người ta cho rằng phần nào đó, bài hát “Khóc quốc hồn” – nhạc của Mỹ Ca, lời của Mai Văn Bộ – một lúc phổ biến trong học sinh Nam Kỳ là ít nhiều biểu hiện tâm trạng có lúc bàng hoàng đó nếu có và nếu có thì ấy là một cái bàng hoàng đang chuyển sang sự chuẩn bị thái độ chống đối. Phương hướng hành động thì chưa có, mà lòng yêu nước thương nòi thì sẵn rồi:

Hương trầm theo gió đưa

Khơi nguồn thương tiếc xưa,

Tiếng nước non vang rền dư âm,

Đieu tàn thay quốc gia,

Đau lòng thương xót xa,

Khóc giống nòi bao đời lâm than...

Sau khi CLBHS Sài Gòn bị giải tán thì một số cậu tú Sài Gòn đi học Đại học Hà Nội. Lúc này, sinh viên Hà Nội có một tổ chức (hợp pháp) gọi là “Tổng hội sinh viên Đông Dương” (A.G.E.I). Trong Tổng hội này xu hướng trì trệ và xu hướng tiến bộ chọi nhau. “Trì trệ” không có nghĩa là theo Tây mà có nghĩa là: hãy lo việc học giỏi, thi đậu, lấy bằng đã rồi sẽ hay. Sinh viên y khoa Phạm Biểu Tâm, chủ tịch Tổng hội, đại diện cho khuynh hướng này. Còn “tiến bộ” có nghĩa là học hành nhưng đồng thời

quan tâm nhiều đến những việc yêu nước thương dân; con người thì ở Hà Nội mà chí khí thì ở Việt Bắc (nơi đó nghe nói có chiến khu). Xu hướng trì trệ bị đẩy lùi, xu hướng tiến bộ thắng thế với việc bầu sinh viên Luật khoa Dương Đức Hiền lên làm chủ tịch Tổng hội sinh viên Đông Dương. Ngay trong sinh viên Nam Kỳ cũng có hai phe, một phe “trưởng giả” và một phe mà sau này người ta gọi là “dám nghĩ dám làm”, học thì giỏi mà “xem thường công danh như phù vân”: một mức, còn thấp, của sự phân hoá chính trị trong tình thế chiến tranh và cách mạng.

Hè năm 1942, một số sinh viên Nam Kỳ ở Hà Nội về Sài Gòn, liên kết với học sinh các trường trung học Sài Gòn để mở một đợt hoạt động văn hoá và chính trị. Lúc này thì toàn quyền Decoux đã tuyên bố chính sách mới của y rồi, sinh viên học sinh có thể lợi dụng được một số điểm của chính sách ấy. Đứng ngoài ngó vào, ở xa đọc báo (như tôi hồi này đang ở U Minh, Rạch Giá) thì có thể ngờ rằng cái đám sinh viên, học sinh này, ít nhất, những anh cầm đầu, là tay sai của Decoux, đi truyền bá học thuyết “cách mạng quốc gia” của Pétain và bè lũ. Tại trụ sở quen thuộc của SAMIPIC (Sài Gòn), sinh viên Mai Văn Bộ lên đàn diễn thuyết về “Con đường cách mạng quốc gia”. Vậy đích thị Pétain - Decoux chớ còn gì nữa? Thế nhưng không phải! Bình Tây mà rượu đế! Diễn giả hô hào tuổi trẻ Việt Nam “hãy làm một cuộc cách mạng trong tâm hồn và trong tư tưởng mình trước tình hình biến động hiện nay và hãy trở về với chân giá trị dân tộc”. Vẫn còn mù mờ gần như buổi diễn thuyết của Nguyễn An Ninh năm 1923, cũng tại hội trường SAMIPIC này, khi ấy anh Ninh hô hào thanh niên hãy đi tìm lý tưởng, khác một điều là hai mươi năm trước Nguyễn An Ninh bảo thanh niên phải dám rời bỏ tổ ấm gia đình, đi thật xa, tìm chân trời mới. Còn bây giờ Mai Văn Bộ hô hào thanh niên “hãy trở về với giá trị dân tộc”. Xét cho cùng thì ở hai đầu của thời gian lịch sử hai mươi năm, hai diễn giả bổ túc cho nhau chớ không đối lập nhau, duy cả hai, ít ra là trong diễn văn của họ, không ai nói lên được cái lý tưởng (khi ấy gọi là cao vọng) mới đó là gì và cái chân giá trị truyền thống dân tộc đó là gì. Dù sao đi nữa, diễn văn của Mai Văn Bộ đã gieo vào tâm trí một số thanh niên Sài Gòn, thanh niên lục tỉnh, những khái niệm “cách mạng tư tưởng”, “cách mạng tâm hồn”, “chân giá trị dân tộc”. Lần theo đường tìm hiểu những khái niệm đó, có thể và sẽ gặp cách mạng giải phóng dân tộc mà Đảng Cộng sản chủ trương, tôi sơ bộ nghĩ như vậy.

Còn vở kịch hè 1942 của sinh viên học sinh Sài Gòn là gần như vô thưởng vô phạt.

Bộ ba Hoàng Mai Lưu năm 1955 tại Hà Nội.

Từ trái sang phải: Huỳnh Văn Tiểng, Lưu Hữu Phước, Mai Văn Bộ

Đáng chú ý hơn hết là sự xuất hiện một hiện tượng văn hoá đặc sắc trước kia ít thấy trong vòng hợp pháp; nhiều bài ca nhạc mới được phổ biến, mang nội dung chính trị tiến bộ; nổi tiếng nhất là bài “Tiếng gọi sinh viên” của Lưu Hữu Phước, lời ca của Mai Văn Bộ[10], nhạc hùng tráng, lời mạnh mẽ, tinh thần quật cường, có giá trị cổ động như hàng trăm người hô hào.

“Này sinh viên ơi, đứng lên đáp lời sông núi!”

Không còn sướt mướt nữa như trong “Khóc quốc hồn” năm trước, mà kêu gọi tuổi trẻ nỗ lực vượt khó, mở đường, bền chí trước mọi khó khăn.

“Thời khó, thế khó, khó làm yếu ta

Dù muôn chông gai vững lòng chi sá...”

Hè 1942, hoạt động của học sinh, sinh viên để lại một kỷ niệm khó quên được tô đậm bằng hoạt động của họ cuối 1942, khi Sài Gòn có hội chợ lớn. Thừa hội chợ, Tổng hội sinh viên Đông Dương gọi vào một đoàn đông hơn 100 người (do Nguyễn Ngọc Minh, Huỳnh Văn Tiểng, Lê Khắc Thiều cầm đầu). Vào Sài Gòn, đoàn sinh viên đã đông rồi, lại được tăng cường bởi hàng trăm học sinh nam nữ của hai trường Pétrus Ký và Nữ học đường; đoàn hoạt động rầm rộ lắm. Tinh thần sinh viên, học sinh bùng bột, tinh thần công chúng Sài Gòn cũng bùng bột, hai bên gặp nhau ở chỗ khêu gợi ý thức yêu nước và tự hào dân tộc. Đứng xa mà ngó (cuối năm 1942, tôi mới chuẩn bị rời U Minh) thì nửa mừng nửa lo. Mừng là vì phong trào nhân dân ở Sài Gòn hình như bắt đầu lên trở lại, có lẽ tự phát, nhưng không thể chối cãi là có thật. Lo là vì, lạ quá, tại sao lại nổi lên được cuộc vận động sinh viên, học sinh khá lớn như vậy, hay là phong

trào này do một đảng quốc gia tư sản, tiểu tư sản nào khuấy động? Nếu vậy thì ta vừa thêm đồng minh mà cũng vừa thêm đối thủ đấy! Tôi nghĩ như vậy. Nghĩ sai. Có đồng minh chớ không phải gặp đối thủ.

Không thể kéo dài cuộc ẩn náu trong rừng trà, trong vườn thơm nữa. Phải mau mau trở về Sài Gòn thôi. Về hỏi anh Oanh, anh Chí mới rõ được. Về mới có thể theo kịp với thời cuộc bắt đầu chuyển. Quân Đức đang đại bại trước Stalingrad, ngọn gió chiến tranh thế giới đổi chiều.

Sự xuất hiện của đoàn sinh viên, học sinh hơn 200 người kia làm cho Sài Gòn vốn rộn rịp vì hội chợ càng thêm rộn rịp. Đoàn bắt đầu hoạt động bằng một buổi dạ hội ở một nhà hát lớn. Nói là “Nhà hát lớn” chớ nó lớn lao gì đâu! Ngồi chen chúc thì được một ngàn người là cùng. Nhưng nó “oai”: không phải ai cũng thuê được; phải có thân thế mới thuê được. Đoàn sinh viên, học sinh thuê được bởi vì Decoux kẹt cứng trong cái đường lối “liên bang” của y, buộc y phải thừa nhận “thực tế dân tộc”, phải mua lòng thanh niên, nhằm tranh giành ảnh hưởng với Nhật Bản. Độ 42, 43 này, cuộc “tranh giành” đó dữ dội lắm. Cho nên bọn đầu xanh “dám nghĩ dám làm” lại được một số nhân vật bự (như Michel Văn Vĩ - Giám đốc Ngân hàng Pháp-Hoa) ủng hộ mạnh, họ được phép vào cửa Nhà hát lớn Sài Gòn diễn thuyết về một đề tài rất hấp dẫn là “Trần Hưng Đạo phá Nguyên” và giới thiệu các bài ca nhạc yêu nước mới. Ở Nhà hát lớn mà diễn thuyết về Trần Hưng Đạo phá Nguyên thì khác gì nổ bom (tư tưởng) trong thành phố từng được gọi là “Hòn ngọc Viễn Đông”? Hai diễn giả Nguyễn Ngọc Minh và Trần Văn Khê thuở ấy là sinh viên không tên tuổi gì lắm; nhưng khán giả đông nức rập vì các đề tài nói chuyện riêng nó đã hấp dẫn rồi!

“Trần Hưng Đạo phá Nguyên” thì người Việt Nam có học chút ít, ai mà không biết? Diễn giả lại là một sinh viên luật khoa, biết gì nhiều về lịch sử đâu, vậy mà anh được công chúng hoan nghênh nhiệt liệt. Có lẽ vì câu chuyện gây đúng sợi dây đàn tự hào dân tộc trong tâm hồn của người Việt Nam. Có lẽ vì chuyện thì xưa mà ý thì nay: dân tộc Việt Nam nhỏ yếu phen này phải đánh đế quốc hùng cường và phải thắng, chẳng phải thấy ông cha ta đã đánh bại quân Nguyên đó sao? Diễn giả hoàn toàn không đụng chạm tới Nhật, tới Pháp mà thính giả thì cứ nghĩ đến việc

giải phóng dân tộc trước mắt. Có lẽ vì mấy năm nay, người mình mệt nghe đại thắng của Đức, của Nhật, bây giờ cần nghe và được nghe đại thắng của Việt Nam. Trong đầu của nhiều người: chuyện xưa đã có thì nay sao không thể có? Dám có lắm chứ! Cho nên khi Minh chấm dứt bài nói, thính giả “vỗ tay dài như không bao giờ dứt”. Tâm hồn Việt Nam của dân Sài Gòn biểu lộ rõ: người ta vỗ tay cho tổ tiên ông cha mình anh hùng, cho ngày mai vinh quang của dân tộc. Đêm ấy, đi về, người ta bảo nhau “Sài Gòn nổi sóng Bạch Đằng!”.

Nhớ lại mấy năm trước, hồi thời Mặt trận Bình dân, hồi thời nhóm La Lutte và Le Peuple xung khắc nhau, La Lutte là đệ tứ, Le Peuple là đệ tam, giáo sư Trần Văn Thạch trên La Lutte tuyên bố rằng “đã lâu rồi, sợi dây đàn yêu nước trong lòng bọn tôi không còn rung lên nữa” (il y a longtemps, chez nous, la fibre patriotique ne vibre plus)[11]. Ý muốn nói rằng chủ nghĩa yêu nước không còn được xem là có khả năng kích thích nữa. Thì nay, ở Nhà hát lớn Sài Gòn, người ta thấy cái chủ nghĩa yêu nước truyền thống rõ ràng là có tác dụng kích thích rất cao ở Nam Kỳ cũng như ở cả nước Việt Nam. Đảng Cộng sản phát cao ngọn cờ chủ nghĩa yêu nước cách mạng; sinh viên, thanh niên và Đảng cộng sản gặp nhau ở đây.

Sau diễn thuyết có đồng ca mấy bài hát yêu nước. Lại có triển lãm của Vương Quang Lễ về “nguồn gốc của dân tộc Việt Nam”.

Công chúng theo dõi sự hoạt động của sinh viên, học sinh một cách rất cảm tình. Đồng chí Oanh (tức Bạch Đằng lớn) mừng lo lẫn lộn, lo hơn là mừng. Anh báo cáo, nói rằng anh ngờ rằng, đằng sau việc này, hoặc có một ý đồ gì của đế quốc Pháp, muốn khai sinh cho một loại chủ nghĩa quốc gia cải lương tả phái mang nhiều khả năng hấp dẫn thanh niên hơn là các loại quốc gia cải lương hữu phái bất lực trước đây; nếu không phải như vậy thì tại sao đám chính khách và nghệ sĩ này mượn được Nhà hát lớn để vận động cho chủ nghĩa dân tộc? Hoặc có một chánh đảng quốc gia tư sản nào đứng sau lưng đám thanh niên hăng hái này. Lịch sử hiện đại sau chiến tranh thế giới thứ nhất cho biết rằng, ở nhiều xứ thuộc địa và nửa thuộc địa, phong trào học sinh, sinh viên chống thực dân thường gắn liền với một chính đảng quốc gia tư sản hay một tôn giáo có

tinh thần dân tộc. Đồng chí Oanh không tự giải đáp cho mình được thì làm sao các bạn xung quanh cũng thắc mắc như anh. Anh chờ tôi về Sài Gòn.

Khoảng vài tháng đầu năm 1943, tôi có mặt gần như thường trực ở Sài Gòn, bỏ đứt vườn thơm mười mẫu cho anh Hai Đen, tức anh Mười Nhung (Chợ Lớn) muốn làm gì thì làm. Tôi về Sài Gòn không phải vì bị kích thích bởi phong trào sinh viên học sinh mà được thúc đẩy bởi chiến thắng Stalingrad của Hồng quân Liên Xô trước hết. Tôi xáp gần sinh viên học sinh yêu nước, sinh viên học sinh yêu nước xáp gần tôi. Hai bên cần nhau. Nhớ rằng hơn mười năm trước, 1930, Xứ uỷ do Ung Văn Khiêm làm Bí thư chỉ định hai thanh niên đảng viên được vào Ban phản đế và học sinh của xứ: tôi và Hải Triều. Thanh vận không phải là việc mới đối với tôi. Một cái “nghịệp” (nói theo kiểu nhà Phật), “đã mang lấy nghịệp vào thân”.

Hè năm 1943, sinh viên người Nam Kỳ học ở Hà Nội lại về Sài Gòn. Lại hợp tác với học sinh Sài Gòn. Lại hoạt động văn hoá. Họ trình diễn liên tiếp ba vở kịch: “Đêm Lam Sơn”; “Nợ Mê Linh”, “Hội nghị Diên Hồng”. Cả ba đều của Huỳnh Văn Tiểng.

Toàn là những đề tài lịch sử, đề tài yêu nước chống ngoại xâm. Tôi không được đi xem diễn, chỉ được đọc kịch bản “Hội nghị Diên Hồng”. Không có vở nào cấu kết hay. Diễn xuất không có gì xuất sắc. Nhưng công chúng Sài Gòn hoan nghênh “Đêm Lam Sơn” dữ lắm. Tại sao? Tìm hiểu thì có thể thấy được rằng điều đó chứng tỏ một tâm trạng chính trị của quần chúng mà những người cán bộ Đảng cách mạng không dễ xem thường: bằng mọi cách kêu gọi lòng yêu nước, kêu gọi tinh thần dân tộc, kêu gọi tự hào dân tộc, thì dễ khuấy lên được phong trào quần chúng, đẩy nhanh cách mạng tới trước, chớ nếu chỉ lo bênh vực quyền lợi thiết thực của dân thì chưa đủ, không đủ. Đánh rằng người cộng sản không được một phút xem nhẹ quyền lợi thiết thực của dân, nhưng, trước mắt và lâu dài, nếu muốn huy động hết sức đông đảo quần chúng thuộc tất cả các tầng lớp xã hội thì phải giương cao ngọn cờ dân tộc, phải không rời chủ nghĩa yêu nước chân chính. Vở kịch “Đêm Lam Sơn” gây xúc động lớn. Tới màn chót, khi Lê Lợi tuốt gươm thể quyết tâm tiêu

diệt giặc Minh, thì cả rạp hát công chúng, không ai bảo ai, đều đứng dậy, vỗ tay, hò reo, nhịp tay nhịp chân đồng hát và hát đi hát lại bài “Tiếng gọi sinh viên” (từ nay được đổi tên là “Tiếng gọi thanh niên” cho hợp với yêu cầu xã hội và chính trị). Dư luận Sài Gòn nêu cao sức đồng cảm sâu sắc giữa người xem vở kịch và tác giả, diễn viên vở kịch yêu nước. Đêm ấy, anh Oanh đi xem về, kết luận rõ ràng: ta phải đến với nhóm sinh viên, học sinh này, phát huy đầy đủ khả năng của họ, hướng dẫn họ đi đúng đường, bằng không thì hoặc địch (Pháp hay Nhật) sẽ lợi dụng họ, sẽ lái họ vào đường sai lầm nguy hiểm, hoặc tự họ sẽ tổ chức thành một chánh đảng quốc gia tiểu tư sản, khi ấy sẽ khó nắm họ hơn nay. Tôi đồng ý. Nhất là vì, ít lâu nay, do điều tra, tôi biết chắc rằng phong trào sinh viên, học sinh là một phong trào tự phát. Còn như nếu phải trả lời câu hỏi tại sao Toàn quyền Đông Dương và Thống đốc Nam Kỳ cho phép sinh viên, học sinh hoạt động như thế kia mà không kiểm duyệt kịch bản, cấm cản công diễn, thì trước hết ta chớ nghi ngờ tấm lòng trong sáng của tuổi trẻ, ta hãy tìm nguyên nhân trong chính sách “Liên bang” của Decoux thì rõ (tuyên cáo của Xứ uỷ chú trọng đến việc phê phán “chủ nghĩa Liên bang của Decoux”). Nói theo kiểu của ta thì ấy là đám thanh niên táo bạo và yêu nước kia đã biết “lợi dụng khả năng công khai hợp pháp” tựa như Xứ uỷ Nam Kỳ năm 1933, mười năm trước, đã lợi dụng khả năng hợp pháp đưa “Sổ lao động” Nguyễn Văn Tạo tranh cử hội đồng thành phố.

Cũng trong hè 1943, sinh viên, học sinh tổ chức cắm trại ở bờ suối Lồ Ô, gần Thủ Đức. Việc cắm trại Lồ Ô sẽ tạo ra một mẫu cắm trại phổ biến trong học sinh các trường trung học Nam Kỳ. Trại trưởng trại Lồ Ô là Đặng Văn Chung, nội trú năm thứ VI trường đại học Y khoa. Anh này xem chừng như không sợ mất bằng cấp bác sĩ đã ở trong tầm tay. Nhiều sinh viên, nhất là các cậu người lục tỉnh “xem thường công danh”, trước mắt họ, đường đời rộng thênh thang, đâu phải chỉ có hoạn lộ? Trại viên tự rèn luyện tinh thần đoàn thể, kỷ luật, tự quản; cũng còn luyện cho mình lòng yêu đồng bào, yêu nhân dân: trại viên là sinh viên y thì khám bệnh, chữa bệnh, truyền bá vệ sinh; trại viên khác thì dạy chữ, dạy hát; tất cả tổ chức nhiều màn kịch cho đồng bào xem. Trại là một lớp học sử, lịch sử nước nhà trước hết, học sử để tự hào dân tộc, để tự lập, tự cường. Ngày ngày, nhất là thứ bảy, chủ nhật, đồng bào trí thức, nhân sĩ,

thanh niên từ Sài Gòn, từ các tỉnh đến thăm trại. Trại Lồ Ô chỉ có một tháng mà ảnh hưởng của nó trong học sinh thì dài hơn nhiều.

Sau trại Lồ Ô, học sinh Sài Gòn dẫn đầu là học sinh Pétrus Ký tổ chức đoàn SET[12] (đoàn du lịch và cắm trại). Cái tên vô thưởng vô phạt đó gói bên trong một tổ chức thanh niên yêu nước hẹp hơn, một “hạt nhân” gọi là “Đoàn Hùng”. “Đoàn Hùng” không phải là thanh niên cộng sản hay thanh niên cứu quốc đâu, nhưng nó đã có ít nhiều màu sắc chính trị yêu nước, làm nòng cốt cho SET; SET lấy huy hiệu “con đường”, nền xanh tươi, đường đỏ hồng. Có nhiều cách giải thích ý nghĩa của huy hiệu: nền xanh là tuổi trẻ, đường đỏ là cách mạng; hoặc, ôn hoà hơn: đường đỏ thắm chạy thẳng trên cánh đồng xanh um. Thanh niên đoàn viên hát:

Trời mây lồng lộng,

Đồng ruộng mênh mông,

Chân trời xa xa,

Con đường màu hồng,

Cùng nhau thẳng tiến.

Ai muốn hiểu “con đường màu hồng” là gì, thì tự do: đường cách mạng hay là đường đá Biên Hoà.

Đoàn SET có thể được xem như dọn một khúc đường cho Thanh niên Tiền phong sau này. Đoàn viên hợp thành một đội ngũ, mặc đồng phục, quần soóc màu, sơ mi trắng, ngực đeo biểu tượng “con đường” đi, nghỉ theo sự chỉ huy hoàn toàn bằng tiếng Việt. Đến tập trung, đi cắm trại, đoàn viên vừa đi vừa hát bài “Tiếng gọi thanh niên”. SET cũng tổ chức dạ hội. Tháng 12 năm 1944, SET trình diễn vở kịch “Nguyễn Huệ phá Thanh”, được đồng bào cổ vũ, lại một sự kiện văn hoá nhằm nói lên cái chân lý rằng một dân tộc nhỏ có thể đánh bại được một kẻ xâm lược lớn, rất lớn. Tư tưởng chính trị này phù hợp biết mấy với tình hình đất nước ta lúc đó.

Đoàn trưởng thứ nhất của SET ở Sài Gòn là Trịnh Kim Ảnh, con một ông thợ mộc ở Thủ Dầu Một. Đoàn trưởng kế tiếp là Đỗ Tường Hoàng, cháu ruột của vợ tôi. Ở Tân An, Mỹ Tho, Cần Thơ, Thủ Dầu Một cũng có đoàn SET.

Anh em trong Xứ uỷ chúng tôi rất lúng túng trong việc cần thiết phải tìm ra – như anh Dương Văn Phúc thường nói, những “hình thức tổ chức biến tướng” để tập hợp quần chúng cho thật đông. Cái “đường mòn” là lập ái hữu, trợ táng, đổi công, hội thể thao, v.v... những thứ biến tướng đó vào buổi này không mấy hấp dẫn và không mấy tác dụng trong tình thế chiến tranh và cách mạng. Đối với thanh niên, SET có phần hấp dẫn, nhưng nó chỉ là một tổ chức có tính chất văn hoá, còn cái mà ta cần hiện giờ và sắp tới là một tổ chức rất rộng lớn mang tính chất chính trị, yêu nước, cao hơn SET, chẳng những của học sinh mà của các tầng lớp trẻ tuổi khác nữa. Cao hơn SET thì là cái gì? Chưa trả lời được. Dù sao thì sự xuất hiện, sự hoạt động của SET cũng gợi ý cho chúng ta rất nhiều.

Mùa đông 1944, nhiều sinh viên Nam Kỳ học ở Hà Nội khởi xướng một phong trào mới lạ mà hợp thời, ấy là phong trào “xếp bút nghiên”. Không phải chỉ có những người học năm thứ hai, thứ ba đại học, có cả những người học năm thứ năm, thứ sáu, sắp thi ra, như anh Huỳnh Bá Nhung, họ cho rằng lúc này không phải là lúc chà mòn đũng quần trên ghế nhà trường nữa để lấy một cái văn bằng ra làm ăn, cưới vợ giàu; không phải “công danh trước đã, sau sẽ hay”. Họ nhận định rằng tình thế kêu gọi thanh niên các trường Đại học “xếp bút nghiên lên đường tranh đấu” sát cánh với nhân dân để giành độc lập tự do. Đúng là “xếp bút nghiên theo việc kiếm cung”. Hoạt động như thế nào, họ chưa biết rõ lắm. Song họ biết rằng, về Nam họ sẽ tìm Đảng bộ Cộng sản và Kỳ bộ Việt Minh ở đó. Họ đi về bằng xe đạp, vừa đạp xe vừa ca hát để thu đường ngàn dặm.

“Xếp bút nghiên, lên đường đấu tranh

Coi thường công danh như phù vân.

Xếp bút nghiên, sơn hà xao huyền, tiến ta tiến!

Hồn Việt Nam hùng thiêng,

Từ nghìn xưa bừng chuyển,

Kêu ta lên đường...

(nhạc Lưu Hữu Phước, lời Huỳnh Văn Tiểng)

Hàng trăm sinh viên Hà Nội tiễn đưa các bạn “xếp bút nghiên” của họ bằng xe đạp. Tới Hà Nam, một số sinh viên “xếp bút nghiên” bị Pháp bắt đày lên Sông Đà, số còn lại về tới Sài Gòn bắt tay ngay vào việc truyền bá quốc ngữ, sang báo Thanh niên làm cơ quan tuyên truyền, ban biên tập báo Thanh niên có Huỳnh Tấn Phát (kiến trúc sư), Huỳnh Văn Tiểng (sinh viên y khoa), Nguyễn Hải Trường (hoạ sĩ và thi sĩ). Trong lúc Đảng Cộng sản tìm cách đi đến với sinh viên, thanh niên, trí thức thì họ cũng tìm cách bắt liên lạc với Đảng Cộng sản. Họ tổ ý muốn học chính trị, học lý luận và kinh nghiệm cách mạng. Phạm Ngọc Thạch (và cả Huỳnh Văn Phương[13] nữa) nói với họ rằng ở Sài Gòn bây giờ chỉ có anh Ba (cũng gọi là anh Sáu) mới có thể thỏa mãn được yêu cầu sinh viên, thanh niên, trí thức, các trường đại học. Anh Ba, anh Sáu đó là tôi.

Thế là tôi buồn ngủ mà gặp manh chiếu! Xứ uỷ đồng ý mở lớp huấn luyện liên hoàn cho thanh niên trí thức, một ít lâu sau khi mở lớp huấn luyện cán bộ công đoàn. Nói “liên hoàn” là nói: những chú đi học ở Sài Gòn ngày chủ nhật, ngày thứ hai về cơ sở, về tỉnh, tập hợp anh em nói lại bài đã học, rồi thứ bảy lại lên Sài Gòn để sáng chủ nhật học nữa. Cứ như thế. Tôi còn nhớ tên một số thanh niên trí thức dự lớp học chính trị vào đầu năm 1945 như: Huỳnh Tấn Phát, Trần Bửu Kiếm, Huỳnh Văn Tiểng, Vương Văn Lễ, Nguyễn Việt Nam, Tạ Bá Tòng, Trương Công Cán, Trương Công Trung, Lưu Hữu Phước, Mai Văn Bộ, Trương Cao Phước, Trương Công Nhơn, Trần Ngọc Hiền, Lương Phán, Bùi Sĩ Hùng, v.v... Bên công đoàn cũng qua học bên sinh viên như: Hoàng Đôn Văn, Từ Văn Ri, Huỳnh Đình Hai, Sỹ Trúc, mấy tay công đoàn này cũng xấp xỉ tú tài cả (tất cả đều tham gia cách mạng và kháng chiến đến cùng). Thật là một lớp thanh niên đẹp, đẹp lắm!

Lớp học đầu tiên mở tại nhà một dược sĩ giàu có, tiến bộ, anh Trần Kim Quang.

Chương trình học là tám bài về chủ nghĩa Lenin, lý thuyết và thực hành, mỗi bài liên hệ mật thiết với các vấn đề cách mạng Đông Dương. Chương trình nhằm mục đích cung cấp cho thanh niên trí thức một lý tưởng cao đẹp và khoa học, cung cấp cho họ một đường lối cách mạng Đông Dương sáng tỏ, làm cho thanh niên trí thức tin tưởng chắc chắn vào sự thành công tất yếu của sự nghiệp giải phóng dân tộc và giải phóng xã hội. Tôi mở đầu chương trình bằng đề bài: Duy vật biện chứng và duy vật lịch sử. Tôi kết thúc chương trình bằng đề tài: Tình hình hiện tại và những nhiệm vụ cần kíp. Mỗi bài giảng xong thì Trần Hữu Kiếm cũng đã ghi xong các tiết mục và ý chính, đánh máy cho mỗi học viên một bản để về cơ sở, về tỉnh “quay” lại cho nhóm của mình (y như bên công đoàn). Tôi khuyến khích anh em đặt câu hỏi, bất cứ câu hỏi gì miễn là ở trong đề. Tôi trả lời tất. Qua các câu hỏi, tôi hiểu thêm thanh niên trí thức và qua các câu trả lời, anh em họ càng tin tưởng lý luận Marx-Lenin thật uyên thâm chứ không phải chỉ là lý luận thường thức.

Ban đầu tôi hơi bao sân. Sau đó Nguyễn Văn Nguyễn, Hà Huy Giáp tham gia giảng những bài phụ. Lớp học liên hoàn này của trí thức trẻ tuổi góp phần đào tạo kịp thời một số cán bộ nòng cốt của phong trào thanh niên phát triển nhảy vọt từ tháng 4 năm 1945 cho đến tổng khởi nghĩa tháng Tám.

Có thể thấy rằng lớp học hoàn toàn là lớp học cách mạng, cộng sản, nhằm cung cấp trong 2, 3 tháng cho mấy chục thanh niên trí thức và trí thức lý tưởng tốt đẹp và khoa học là chủ nghĩa cộng sản Marx-Lenin, nhằm cung cấp cho họ một hệ thống lý luận về chiến lược và chiến thuật cách mạng Đông Dương, nhằm đặt cho họ những nhiệm vụ trước mắt và cách thực hiện những nhiệm vụ cần thiết. Tóm lại, tôi không có nhân nhượng bất kỳ một số điểm nào về mặt tư tưởng, và anh em thanh niên trí thức rất nhất trí với tôi. Tất nhiên, vấn đề còn lại là hướng dẫn sự hoạt động thực tế của họ, bởi họ là những người trẻ tuổi, sôi nổi, tuy chưa có kinh nghiệm, dễ bị vấp thì họ cũng cứ đi tới nơi tới chốn, không

ngồi lại nhất là không quay đầu nhất là một khi đã “giác ngộ lý luận” (conscience théorique).

Hoạt động của Xứ uỷ Nam Kỳ đang biến phong trào thanh niên trí thức, sinh viên, học sinh từ tự phát thành tự giác, biến những dòng suối nhỏ thành một nhánh sông đổ vào sông cái.

Xem tiếp...

Chú thích của người biên tập

1 Kempeitai : 憲兵隊 Hiến binh đội, bộ phận công an của quân đội Nhật Bản (1881-1945) thành lập theo mô hình Gendarmerie (Sen đầm) của quân đội Pháp. Công cụ trấn áp và đàn áp của phát xít Nhật ở Triều Tiên, Mãn Châu, Đông Dương... trong Thế chiến Thứ hai. Tại mỗi nước Nhật Bản chiếm đóng, Kempeitai sử dụng khá đông người bản địa. Ở Nam Kỳ, đặc biệt là hàng ngũ Cao Đài.

2 Gia bần tri hiếu tử, quốc loạn thức trung thần: Nhà nghèo mới biết (người) con nào có hiếu, nước loạn mới hiếu (ai là) tôi trung.

3 Bao cà ròn: bao (nhỏ) đan bằng cối.

4 Mái nước: chum nước.

5 Mỹ có kế hoạch đổ bộ lên Đông Dương không? Kế hoạch quân sự ấy liên quan thế nào với ý đồ chính trị của Hoa Kỳ đối với Đông Dương và vai trò của Pháp? Đúng là mùa hè 1944 tổng thống F. Roosevelt đã ra lệnh cho bộ tổng tham mưu chuẩn bị kế hoạch đổ bộ lên đảo Hải Nam và vào bắc Trung Kỳ và Bắc Kỳ, lấy đó làm bàn đạp đánh lên phía bắc. Ý đồ chiến lược này giải thích một phần các cuộc ném bom của Mỹ ở Đông Dương, và đó cũng là nguyên nhân chính thúc đẩy Nhật đảo chính, hất cẳng Pháp (9.3.1945). Về mặt chính trị, Roosevelt sử dụng ngôn ngữ “đa thực”, hứa hẹn sau ngày chiến thắng phe Trục, sẽ đặt các nước thuộc địa dưới sự ủy thác quốc tế, tiến dần (20 năm?) tới tự chủ, độc lập. Những tuyên bố của ông khá mập mờ, không rõ sẽ áp dụng cho các thuộc địa của phe Trục, hay cho cả các thuộc địa của những nước đồng minh. Một

điều chắc chắn: Roosevelt không có ý hoặc không muốn đụng tới thuộc địa của Anh; còn đối với thuộc địa của Pháp, thì tùy nơi. Bắc Phi và Phi châu, không đụng tới, thậm chí còn cam kết tôn trọng chủ quyền của Pháp. Còn đối với Đông Dương, thì trong nội bộ chính quyền, hoặc trong các cuộc gặp riêng với Stalin và Tưởng Giới Thạch, Roosevelt tỏ ý không cho Pháp quay trở lại Đông Dương, và nêu khả năng Mỹ-Trung cùng ủy trị. Ý đồ này không những gặp sự kháng cự của Churchill (vì quyền lợi đế quốc Anh, Churchill ủng hộ Pháp trở lại Đông Dương) mà còn gặp sự bất tuân của ngay bộ máy Bộ ngoại giao Mỹ. Chỉ có bộ phận OSS ở Vân Nam và Hoa Nam là ủng hộ, thậm chí còn đi xa hơn trong việc ủng hộ Việt Minh và ngăn cản đoàn Sainteny – một phần vì họ được Hồ Chí Minh chinh phục, một phần vì trong số họ số đông là những người có tư tưởng phóng khoáng, một số tiến bộ (sau này, từ Việt Nam về Mỹ, chiến tranh lạnh bắt đầu, nạn McCarthy hoành hành, họ sẽ bị loại trừ hoặc phải “lặn” mất tăm). Trong mấy thập niên sau đó, người ta vẫn giữ hình ảnh “chống thực dân” của Roosevelt và tưởng rằng khi ông mất đi, Truman mới chịu để cho Pháp trở lại Đông Dương. Vậy mà không phải vậy: ngay từ tháng 2.1945, Mỹ quyết định đánh thẳng từ Philippines lên Okinawa, bỏ kế hoạch đổ bộ lên Hải Nam và miền Bắc Việt Nam, câu chuyện “ủy trị” đã chìm xuống. Khi huân tước Mountbatten chấp nhận cho Sư đoàn thiết giáp số 2 của tướng Leclerc tham gia lực lượng chuẩn bị đánh (hay giải giới) Nhật, Roosevelt biết mà không ngăn chặn. Ông còn cho phép Bộ ngoại giao bần tin cho phép Pháp trở lại Đông Dương dưới một dạng nào đó. Và một tháng sau khi Roosevelt từ trần (12.4.1944), tại hội nghị San Francisco (tháng 5.1945), ngoại trưởng Mỹ Edward Stettinius đã có thể tỉnh bơ nói với Georges Bidault, bộ trưởng ngoại giao của de Gaulle, rằng “chính phủ chúng tôi chưa bao giờ có tuyên bố chính thức nào... đặt vấn đề, dù chỉ là hàm ý, về chủ quyền của nước Pháp ở Đông Dương cả” (xem tác phẩm của David G. Marr, Stein Tonnesson, George C. Herring, và lưu trữ Bộ ngoại giao Mỹ trên mạng)..

6 Nhắm xà: uống trà.

7 Năng thuyết bất năng hành: nói thì giỏi làm thì không.

8 Paul Blanchy: nay là đường Hai Bà Trưng.

9 Có thể đọc thêm hồi kí của Mai Văn Bộ: Một ký ức sâu sắc không thể nào quên. Trong: <http://www.petruskylhp.org/hkymvbo.htm>

10 Bài Tiếng gọi sinh viên, trở thành Tiếng gọi thanh niên (có thể nghe trên Youtube: <http://www.youtube.com/watch?v=9RVWWovJwHw>) sau này đã bị chính quyền “quốc gia” rồi các chính quyền Việt Nam cộng hòa (1955-1975) mượn tạm làm quốc ca (đổi tên thành Tiếng gọi công dân). Trong suốt 15 năm trời (1960-1975), hai lực lượng, chính quyền đối nghịch nhau ở miền Nam Việt Nam đều sử dụng làm bài ca chính thức tác phẩm của cùng một nhóm ba tác giả: Huỳnh Văn Tiểng, Mai Văn Bộ, Lưu Hữu Phước (mang tên tập thể, lấy từ ba họ: Hoàng Mai Lưu) tức là Huỳnh Minh Siêng (tác giả bài Giải phóng miền Nam) – có lẽ đây là trường hợp có một không hai trong lịch sử chính trị thế giới. Hoàng Mai Lưu đã sáng tác nhiều bài ca và nhạc kịch trong phong trào thanh niên những năm 1940. Năm 1960, khi thành lập Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, Lưu Hữu Phước đã sáng tác nhạc, Mai Văn Bộ và Huỳnh Văn Tiểng soạn lời. Họ gửi vào chiến khu miền Nam, ký tên là Huỳnh Minh Liên (không ký Hoàng Mai Lưu, sợ “lộ bém”, nhưng vẫn giữ ba chữ cái HML). Bài ca được chấp nhận, điện gửi ra Hà Nội, viết tên tác giả là Huỳnh Minh Liêng. Tại Hà Nội – thời ấy người ta còn coi trọng chính tả – thấy chữ Liêng không có nghĩa, bèn nhanh nhẩu sửa thành Huỳnh Minh Siêng, khiến cho tác giả bản nhạc (Lưu Hữu Phước) mất luôn cả chữ L trong cái tên tập thể.

11 La Lutte và Le Peuple: La Lutte từ 1933 đến tháng 5-1937 là tờ báo chung của phái tả, do Nguyễn An Ninh khởi xướng, tập hợp cả “đệ tam” (Nguyễn Văn Tạo, Dương Bạch Mai, Nguyễn Văn Nguyễn) lẫn “đệ tứ” (Tạ Thu Thâu, Phan Văn Hùm, Huỳnh Văn Phương, Trần Văn Thạch, Hồ Hữu Tường). Đó là thời gian hai phái vừa “đoàn kết” vừa “đấu tranh”. Đến khi “đấu tranh” lấn át “đoàn kết” (xung đột trên nhiều vấn đề: thái độ đối với Mặt trận Bình dân Pháp, dân tộc và giai cấp) và dưới sức ép của Quốc tế Cộng sản (thông qua Đảng Cộng sản Pháp), phái “đệ tam” rút khỏi báo La Lutte; báo này (và ấn bản tiếng Việt Tranh Đấu) trở thành cơ quan của riêng xu hướng tờ-rốt-kýt (“đệ tứ quốc tế”); xứ ủy Nam Kỳ của ĐCS ra báo Le Peuple và Dân Chúng. Nhược điểm chính của những người tờ-rốt-kýt là coi nhẹ yếu tố dân tộc. Đây cũng là nhược điểm của

phái “đệ tam” nhất là trong thời kì đi theo chủ trương “giai cấp đối đầu với giai cấp” của Stalin (chính trong giai đoạn này, Nguyễn Ái Quốc đã bị lên án mạnh mẽ là “quốc gia chủ nghĩa” và “cải lương chủ nghĩa”). Phải từng bước, ĐCSVN mới thoát ra khỏi quan niệm tả khuynh giáo điều này. Nhưng đối với những người đã được đào tạo trong tinh thần ấy, tiếp thu quan niệm Mặt trận đoàn kết dân tộc như Việt Minh của Nguyễn Ái Quốc không phải dễ dàng. Sự mâu thuẫn giữa hai nhóm “xứ ủy Tiền Phong” và “xứ ủy Giải Phóng” còn phức tạp hơn. Ngoài yếu tố cá nhân, có lẽ còn một nghịch lí khác: tuy chưa biết và chưa thấm chủ trương Việt Minh, nhưng quan điểm của Trần Văn Giàu đã đặt nặng vấn đề dân tộc, trong khi các đồng chí đối nghịch với ông, tuy đứng trên danh nghĩa Việt Minh, tổ chức Thanh niên Cứu quốc, nhưng quan niệm chưa chắc đã gạt rửa bệnh tả khuynh của thập niên 1930. Chúng tôi nêu điều này với tất cả sự dè dặt, ngày nào hồ sơ lưu trữ của ĐCSVN chưa được công khai hóa (về những sự việc đã đi vào lịch sử, cách đây 70 năm rồi).

12 SET: Section d'Excursion et de Tourisme (Đoàn du ngoạn và du lịch)

13 Huỳnh Văn Phương: thuộc xu hướng tờ-rốt-kýt (trong ban biên tập La Lutte), bà con với cậu sinh viên Huỳnh Văn Tiểng. Khi bộ ba Huỳnh Văn Tiểng, Mai Văn Bộ, Lưu Hữu Phước ngỏ ý muốn học hỏi về chủ nghĩa Marx, chính ông Huỳnh Văn Phương đã khuyên họ đi tìm Trần Văn Giàu mà học. Đây không phải là thí dụ độc đáo duy nhất về mối quan hệ giữa những người “đệ tam” và “đệ tứ” những năm 1930 ở Sài Gòn. Theo nhiều nhân chứng, trong những cuộc mít-tinh 1935-37 tại đây, có một cặp vợ chồng khoác tay đi dự: ông Phan Văn Hùm và bà Mai Huỳnh Hoa (vợ thứ nhì). Khi Phan Văn Hùm lên đài diễn thuyết tuyên truyền cho chủ nghĩa Trotsky, thì bà Hoa ngồi ghế cử tọa đứng dậy hô với giọng ồm ồm “Đả đảo tờ-rốt-kýt Phan Văn Hùm!”. Mít-tinh kết thúc, chàng và nàng lại khoác tay nhau ra về. Tiếc thay, cuộc đấu tranh tư tưởng và chính trị ấy, mười năm sau, đã chuyển sang lãnh vực khác và biến chất như thế nào.

Phần IV(2): TIẾN TỚI TỔNG KHỞI NGHĨA

(tiếp theo)

3. Chuẩn bị thành lập chiến khu

Đất Cuốc và chiến khu Thủ Thừa

Hồi cuối năm 1944, trong lúc chúng tôi nỗ lực làm công vận, nông vận, binh vận, thanh vận thì bọn tôi cũng có nghĩ tới lập một vài chiến khu ở Nam Kỳ. Nói thật là bọn tôi không chịu ảnh hưởng gì nhiều lắm của các chiến khu ở Trung Quốc, của Chu, Mao[1]. Ai tưởng rằng người Việt Nam học ở Tàu, ở chiến tranh cách mạng Tàu cái việc lập chiến khu, đánh du kích, lập căn cứ địa, xây vùng giải phóng... thì người đó lầm to. Tất nhiên, không phải không có tiếng dội tới Nam Kỳ những kỳ công của Hồng quân Tàu. Các đồng chí ta ở đây đã từng vận động ủng hộ cách mạng Tàu, bí mật và công khai. Ủng hộ hết lòng. Nhưng, khái niệm căn cứ địa, vùng giải phóng, chiến khu, đánh du kích không xa lạ gì với lịch sử cứu nước của dân tộc Việt Nam. Về những vấn đề này, người Việt Nam nếu không hơn thì bằng chứ không thua kém người Tàu bởi lẽ đất nước ta bị ngoại bang xâm lược thống trị nhiều lần hơn, do đó người Việt Nam phải làm những việc cứu nước bằng kháng chiến vũ trang, bằng khởi nghĩa vũ trang nhiều, lâu, có thể gọi là có truyền thống. Nay, để chống Nhật, chống Pháp, tuy không xem nhẹ bài học Bắc phương, chúng ta trước hết thừa kế kinh nghiệm của tổ tiên ông cha là chính. Lê Lợi lập căn cứ ở Lam Sơn rồi cuối cùng quét sạch quân Minh. Ba anh em Tây Sơn căn cứ vào núi miền tây Bình Định mà làm nên đại nghiệp. Trương Định, ở Tân Hoà, đã tiếp tục đánh Pháp khi Tự Đức đã chịu thua. Phan Đình Phùng dựa vào một dải Hương Sơn và lòng dân Nghệ Tĩnh tận trung với nước mà chống giặc đến mười năm. Đề Thám hùng cứ một vùng Yên Thế mãi từ thời Cẩn Vương đến chiến tranh thế giới. Tuy là tên gọi thời xưa có khác nay, chiến khu, du kích là sản phẩm lớn của lịch sử dân tộc Việt Nam, không phải nhập cảng từ đâu cả. Đó là một phần câu chuyện của tôi đã nói với anh Hoằng, anh Trọng, anh Xuân ở Tân An

khi bàn lập căn cứ ở Thủ Thừa[2] và với anh Giỏi, anh Nghệ khi bàn lập căn cứ ở Tân Uyên[3]. Hai trong mấy anh ấy nay vẫn còn sống. Điều phải nói là trong lúc phục tòi của Chu-Mao, tôi cũng “liều lĩnh” nói với các bạn vừa kể tên là, trong cách mạng hiện đại, du kích không phải là cách hay nhất, có hiệu nghiệm nhất để giành chính quyền trong cả một nước; để giành chính quyền, trong lịch sử cách mạng hiện đại, điều chính yếu là phải làm khởi nghĩa vũ trang của nhân dân theo các nguyên lý chủ nghĩa Marx- Lenin, theo kiểu mẫu cách mạng tháng Mười năm 1917. Tôi quan niệm rằng những chiến khu, du kích đều quan trọng như là sức mạnh chuẩn bị, hỗ trợ cho tổng khởi nghĩa, mà đòn đánh chính là khởi nghĩa quần chúng ở các trung tâm chính trị lớn nhất trong nước. Tôi được biết rằng ở Nam Bộ năm 1940, có phát hành một tập sách “Chiến tranh du kích” (tôi chưa được đọc) nhưng thú thật, lòng tôi chủ yếu hướng về Petrograd[4] 1917, chứ không hướng về Diên An bao nhiêu. Tuy vậy, trái với tin đồn (sau này) tôi không “chê” chiến khu và du kích đâu.

Hồi cuối 1944 đó, quan niệm của tôi về “chiến khu” đơn giản lắm; tôi nghĩ rằng cần có một số chiến khu xung quanh Sài Gòn (chứ không phải ở nơi xa xôi hiểm trở) để làm những công việc sau đây không thể làm ở thành phố và ngoại ô: thứ nhất là để máy móc in ấn báo, sách, truyền đơn (tụi tôi đã đưa máy in chữ in và thợ xếp chữ xuống Thủ Thừa); thứ nhì là chứa và làm một số vũ khí súng đạn, lựu đạn, mìn; thứ ba là tập luyện một số anh em, một số đơn vị sau này, lúc nổ ra khởi nghĩa, sẽ đứng ra chỉ huy các đội xung kích đánh nhau với địch ở đường phố, điều đó anh em “tay ngang” khó mà làm nổi mặc dù can đảm có thừa; thứ tư là làm nơi vừa tạm lánh mặt, vừa bồi dưỡng chính trị cho những đồng chí nào bị truy nã quá; và thứ năm là làm tuyên truyền (dân vận) và đánh một số đồn lẻ tẻ, tước vũ khí của hội tề ở xa gần để mở rộng mãi thế lực cách mạng đang phát triển. Cũng có thể chiến khu là nơi mà “Đồng minh” một ngày nào đó, khi họ cần và khi ta đòi, sẽ thả xuống đó một số vũ khí, khả năng này ít lắm mà có thể có. Đối với tôi, chiến khu không phải là nơi tổ chức tập phát triển bộ đội để có ngày kéo về chiếm Sài Gòn mà là nơi góp phần vào cuộc khởi nghĩa của nhân dân Sài Gòn và ngoại thành. Cái hiểu của tôi khi ấy về chiến khu và du kích thật đơn giản, sơ sài như thế; thú thật là phần lớn tâm trí của tôi để vào sự chuẩn bị ở Sài Gòn và

ngoại ô. Cho nên chọn nơi lập chiến khu thì tôi chọn chỗ hiểm trở đã đành, mà phải gần Sài Gòn để việc vận chuyển vũ khí và tập hợp con người được dễ dàng, mau chóng. Nhưng chiến khu phải phục vụ trước hết cho cuộc khởi nghĩa mang tính chất quyết định ở Sài Gòn, của nhân dân Sài Gòn và ngoại ô; tôi hiểu như vậy.

Tôi không được chỉ thị nào từ trên về sự thành lập khu giải phóng, tổ chức du kích. Tội tôi làm “mò” thôi, nghĩa là tự nghĩ, tự làm. Cho nên có khác với ngoài Bắc. Tôi có đọc một đoạn của tài liệu nào, tôi quên mất, về vũ khí thô sơ của du kích; tôi có viết ở đâu đó, hình như là trong sách “Rạng đông của một dân tộc” và “Việt Nam trên đường cách mạng”, khẳng định rằng đánh du kích không đủ giành chính quyền; giành chính quyền phải nhờ Tổng khởi nghĩa, quan trọng nhất là khởi nghĩa ở trong thành thị, ở Sài Gòn. Sau này, nghe nói quan niệm của tôi bị anh em ở Bắc phê bình, cho rằng đó là xem nhẹ tác dụng của du kích trong sự chuẩn bị lực lượng giành chính quyền. Có lẽ cũng có như vậy thật. Tôi mấy lần thổ lộ với Phúc, với Khuy, với Oanh rằng Chu-Mao đánh du kích non già 20 năm nay mà đã giành được chính quyền ở một tỉnh nào đâu? Nước Tàu hết sức rộng lớn, giao thông hết sức ít ỏi, chính quyền địa phương dịch yếu ớt, đó là xứ du kích lý tưởng, vậy mà tới nay anh em nhà ta hãy còn ở trong Diên An thì còn bao lâu nữa mới vào Nam Kinh, Bắc Kinh, Thượng Hải với chiến tranh du kích của Chu-Mao, nếu ngày nào đó không làm được khởi nghĩa theo kiểu Cách mạng tháng Mười Nga ở Bắc Kinh, Nam Kinh, Thượng Hải ? Thú thật là, độ này đầu óc tôi ở Petrograd 1917, không ở Diên An.

Trở lại việc bắt đầu xây dựng chiến khu ở Đất Cuốc[5].

Anh Giỏi, cán bộ khá giỏi của Tổng Công đoàn, công nhân hãng xây dựng Eiffel, một hôm đưa Huỳnh Văn Nghệ tới giới thiệu với tôi tại tiệm Tân Việt đường d’Espagne[6], sát chợ Bến Thành. Nghệ trẻ hơn tôi năm, bảy tuổi, thân hình hộ pháp, coi bộ võ tướng như Tô Ký, mắt sáng, nói dòn, vui tính, thích ngâm thơ, làm được thơ nữa. Có lẽ anh chàng này đã có ý “tìm đường”; khi trốn sang Thái Lan; anh ta chẳng thấy đường nào hay, chỉ gặp ông tiến sĩ luật khoa ghiền á phiện là Dương Văn Giáo đang làm một thứ cố vấn cho chính quyền Băng Cốc. Giáo và Nghệ xung đột nhau

như thế nào mà Nghệ định ám sát Giáo, nhưng ám sát hụt. Nghệ trở về Sài Gòn, gặp lại Giỏi là bạn cũ, qua Giỏi, Nghệ gặp tôi. Hỏi thăm thì biết Nghệ là người Tân Uyên (khi ấy thuộc tỉnh Biên Hoà). Nghệ chưa phải đảng viên, nhưng tôi thích những thanh niên dám làm việc táo bạo. Tôi bàn với Nghệ, Giỏi về việc mở một chiến khu bắc Tân Uyên, nơi trú ẩn an toàn mấy năm nay của mấy anh tù vượt cảng và nghe đâu cũng có một toán anh em du kích còn sống sót sau khởi nghĩa 1940. Nghệ đồng ý. Tôi chỉ định Giỏi, Nghệ phụ trách việc quan trọng này. Nghệ, thổ địa xứ Tân Uyên, lựa khu Đất Cuốc làm nơi “hạ trại”. Một số chòi, kho được dựng. Một số thợ, số máy, số vật liệu được Tổng Công đoàn đưa lên; có thợ đúc, thợ in; bắt đầu lựa mấy thanh niên ở Sài Gòn và lục tỉnh để học tập quân sự, chúng tôi đã có một số cây súng trường, súng lục, nhiều lựu đạn. Lương thực bắt đầu được tích trữ. Lại có kế hoạch “chụp” vài cái đồn điền cao su, lấy vũ khí và lấy tiền. Công việc tiến hành không có gì trắc trở lắm thì:

Đùng một cái, nổ ra cuộc đảo chánh Nhật 9 tháng 3 năm 1945. Chính quyền Pháp sụp đổ trong nháy mắt. Một chiếc tàu nhỏ của Pháp chạy ngược sông Đồng Nai, lên khỏi Tân Uyên thì bị anh em chiến khu Đất Cuốc đón bắt. Ta thêm một ít súng đạn. Vốn liếng có, tình hình thuận, chiến khu có thể “làm ăn” được tốt. Tôi định mở lớp “combat de rue” – chiến tranh trên đường phố – ở Tân Uyên, Đất Cuốc.

Nhưng tôi thấy rằng, chiếu theo tương quan lực lượng khi ấy, nhất là ở Sài Gòn và đồng bằng, nếu ta dồn nhiều sức vào việc xây dựng chiến khu ở Tân Uyên, ở Thủ Thừa (còn tính một cái ở Nhà Bè hay Cần Giuộc nữa) thì việc vận động chính trị ở Sài Gòn sẽ chậm trễ, ta sẽ không chạy kịp với thời thế. Tôi cho rằng chiến khu không phải là yếu tố quyết định sự thành bại của khởi nghĩa cách mạng ở Nam Kỳ; yếu tố quyết định sự thành bại của khởi nghĩa ở Sài Gòn là công nhân, binh lính, thanh niên, nhân dân, ở trong và nông dân xung quanh Sài Gòn. Phải tập trung lực lượng vào đây, chứ không phải vào những nơi xa xôi hẻo lánh, hiểm trở. Phải gấp rút đào tạo cho kỳ được một “đạo quân chính trị” rất hùng hậu, ta phải mạnh hơn tất cả các chánh đảng và giáo phái thân Nhật cộng lại thì mới mong đem chính quyền về tay nhân dân được, chớ hoàn toàn không thể quan niệm được rằng sẽ đem quân có vũ trang súng ống từ các

chiến khu về cùng nhân dân bản địa lấy Sài Gòn. Cho nên tôi quyết định “đốt đèn cầm canh” ở Đất Cuốc, duy trì nó mà không có kế hoạch phát triển; Giới trở về làm công vận, Huỳnh Văn Nghệ chuyển sang làm binh vận hợp tác với Tô Văn Cửa và Huỳnh Thiện Nghệ – cũng là những ông “hộ pháp” của tỉnh Biên Hoà – tập hợp gần ngàn người cựu binh sĩ đã đi lính cho Pháp, móc nối với các tổ chức, đơn vị quân sự người Việt Nam đi theo Nhật cốt để lấy súng đạn đưa về chiến khu hay giấu trong dân. Công việc này ba anh (anh Cửa và hai anh Nghệ) làm thành công lắm. “Liên đoàn cựu binh sĩ” được thành lập gồm lính trơn và hạ sĩ, trụ sở ngay trước bùng binh chợ Bến Thành - Sài Gòn.

4. Bắt liên lạc với cánh Pháp De Gaulle

Vấn đề tế nhị nhất, cũng là vấn đề khó khăn nguy hiểm nhất là vấn đề xác định thái độ với bọn Pháp chống phát xít, chống Nhật ở Đông Dương; cũng gọi là bọn Pháp De Gaulle, Pháp gaulliste. Thời ngắn ngủi Catroux còn làm toàn quyền, thì tuyệt đại đa số bọn Pháp quân sự và dân sự đều muốn dựa vào Anh để tiếp tục chống Đức. Nhưng khi Decoux thay Catroux làm toàn quyền thì đại đa số bọn Pháp dân sự quay theo chủ trương đầu hàng Đức, đầu hàng Nhật để bảo toàn bộ máy cai trị thực dân Pháp ở Đông Dương. Một số người Pháp dân sự chống Đức, chống Nhật; đa số quân Pháp theo tướng Mordant, tướng Aymé, mà cả hai tướng này đều kín đáo theo De Gaulle, nói là kín đáo, mà không ai không biết. Từ 1943, nhất là từ 1944, phe De Gaulle ở Đông Dương lần lần mạnh lên và có chút ít hoạt động chống Nhật, liên lạc với bọn Anh ở Ấn Độ, với bọn Mỹ ở Tàu. Họ không làm gì lớn chuyện đâu, họ chỉ làm chỉ điểm cho máy bay Mỹ đến ném bom, họ tích cực chuẩn bị để gặp dịp thì hưởng ứng quân Anh, Mỹ đổ bộ. Phe Decoux không để họ yên mà đàn áp họ cũng hơi mạnh; Pétain, Decoux chủ trương nên chơi tốt với Đức, Nhật để duy trì chính quyền Pháp ở Đông Dương cho đến chiến tranh chấm dứt. Bọn Decoux quý quyết tính rằng nếu khi chiến tranh chấm dứt mà bộ máy thực dân Pháp ở đây còn, bất luận ai thắng, ai bại, thì Đông Dương vẫn là thuộc Pháp, chứ không ai lọt vào được.

Vấn đề đối với chúng ta là hỏi vậy nên hay không nên, cần hay không cần bắt tay với bọn Pháp De Gaulle để chống bọn Decoux và chống Nhật

quân phiệt. Logic thì bảo rằng nên, rằng cần, “hành động chống Nhật”, chống thù chung là phải, dầu đó là tạm thời. Nhưng, còn ai không rõ bọn Pháp De Gaulle ở Đông Dương hầu hết là thực dân, không ai được chủ quan ở chỗ này. Bắt tay với cái tội chủ trương giành lại chủ quyền hoàn toàn của Pháp trên Đông Dương à? Nhưng, mũi nhọn chính của chúng ta phải chĩa vào Nhật quân phiệt, vào tội phản động thực dân phát xít Decoux, mà bọn Pháp De Gaulle thì chống Nhật, chống Decoux, thì sao không thể tạm thời bắt tay với họ nếu họ cần và nhất là nếu họ thuận theo một số đòi hỏi hợp lý của chúng ta? Thường vụ Xứ uỷ, tôi và Bảy Trân quyết định tìm bắt liên lạc với bọn Pháp De Gaulle, đặt vấn đề hợp tác chống Nhật Bản và Decoux, đòi họ và đồng minh giao cho chúng ta một số súng đạn.

Chúng tôi ở trong Nam hoàn toàn không biết ở ngoài Bắc các đồng chí mình chủ trương như thế nào về vấn đề tế nhị này. Nhưng việc phải làm thì cứ lấy tinh thần trách nhiệm mà làm.

Gia đình bác sĩ Phạm Ngọc Thạch ở chiến khu Đ cuối thập niên 1940. Từ trái sang phải: Alain Định, bà Marie-Louise, ông Thạch, Colette Như Mai (nguồn: gia đình Colette & Alain)

Người Pháp làm trung gian giữa Trân và tôi với bọn Pháp De Gaulle là anh Sauterey một công chức bậc trung khuynh hướng công đoàn vô chính phủ, do bác sĩ Phạm Ngọc Thạch giới thiệu cho chúng tôi, trong lúc Thạch giới thiệu ba đồng chí đảng viên Đảng Cộng sản Pháp. Sauterey độc thân, ở xóm René Héraut, khu Tân Định.

Cùng lúc, một dịp nữa để bắt liên lạc với cánh Pháp De Gaulle ở Nam Bộ là như sau: hồi học bên Pháp, đồng chí Nguyễn Văn Trân tức Prigorny (Phú Lạc) có một bạn học tên là Brocheux (cha của giáo sư sử học hiện nay ở đại học Paris VII chuyên nghiên cứu về Việt Nam). Trân đi Liên Xô, trở thành đảng viên cộng sản. Brocheux sang Đông Dương trở thành Inspecteur de la Sureté (cò mật thám). Trân bị bắt, Brocheux nhìn ra, hai bạn cũ lại làm quen. Độ 1944, Brocheux – một người của phe gaulliste – xuống Phú Lạc tìm Trân, tính chuyện cùng cộng sản chống Nhật. Trân bàn việc đó với tôi. Brocheux trở thành một nơi liên lạc mà tôi muốn

dùng, cũng như dùng Sauterey để có thể thương thuyết với tướng Mordant. Rốt cuộc, không làm được gì. Mordant không chịu gặp tôi. Có một chuyện nhỏ đáng ghi: khi Brocheux xuống Phú Lạc tìm gặp Bảy Trân để bắt liên lạc với tụi tôi bàn về hành động chống Nhật thì Trân thấy việc này có thể sinh ra vấn đề ngò vức, nên Trân (báo cáo với tôi) là anh đã viết một bài tự thuật về vấn đề này, cuốn tròn giấy lại nhét vào một cái chai, khẳng nút lại bỏ xuống mương, hay chôn dưới đất, cố làm bằng chứng rằng mình hành động có mục đích cách mạng chứ tuyệt nhiên không vì lẽ gì bất chánh. Nay Trân còn sống (90 tuổi).

Trân và tôi, những lúc đi đến nhà Sauterey hay ở nhà Sauterey về, thường hay nói với nhau là tụi mình sẽ cho tụi Tây “trượt vỏ chuối” chơi (nghĩa là lợi dụng họ mà không để cho họ lợi dụng mình). Thực ra thì bọn Pháp De Gaulle cũng khẳng định cho tụi tôi “trượt vỏ chuối”, chúng tôi biết trước như vậy. Hai bên chưa chắc ai khôn hơn ai. Điều đầu tiên làm cho chúng tôi bất bình là bọn gaulliste không chịu để chúng tôi bàn luận trực tiếp với lãnh tụ của họ như đòi hỏi của chúng tôi là Mordant hay Aymé, họ chỉ để chúng tôi nói chuyện với mấy tay không có quyền quyết định gì cả. Ví dụ như Brocheux. Chúng chỉ muốn chúng tôi thông báo cho chúng tình hình quân Nhật, mà không muốn bàn tới việc trao một số súng đạn cho chúng tôi. Ngay cả Sauterey cũng chán, thì chúng tôi có lý do gì để “làm ổ cho chó đẻ”? Đến khi De Gaulle về Paris và chuẩn bị đưa quân sang Đông Dương đánh Nhật, nhất là vào đầu năm 1945, có tin quân Mỹ sắp đổ bộ lên Trung Kỳ, thì phái Pháp De Gaulle ở Đông Dương càng kiêu căng hơn trước, chúng tôi chuyển sang một kế hoạch khác, kế hoạch khởi nghĩa địa phương (những tỉnh có thể làm căn cứ là Biên Hoà, Tân An, Mỹ Tho, Rạch Giá, Bạc Liêu) nếu quân Mỹ từ Philippines đổ bộ vào duyên hải Đông Dương; không còn tính chơi với tụi gaulliste như trước.

Không tiếp tục liên lạc và thương lượng với bọn Pháp De Gaulle nữa, tụi tôi và riêng cá nhân tôi vẫn tiếp tục cộng tác với ba đồng chí người Pháp và một số đảng viên Đảng Xã hội Pháp. Tôi (và Thạch) tới lui hội họp với các đồng chí Pháp. Sự giao thiệp với mấy người Pháp Cộng sản và Xã hội đem lại một số lợi ích thiết thực cho công tác cách mạng; ít nhất là chúng tôi nắm được ít nhiều tình hình trong hai phe Decoux và

Mordant. Đẳng ta thêm một nguồn thông tin quan trọng về chủ trương của thực dân Pháp.

Một buổi tối, khi tôi đang họp Chi bộ đặc biệt của các đồng chí Pháp tại Đakao thì tối ấy, 9/3, quân Nhật làm đảo chánh lật đổ Pháp.

5. Cuộc đảo chánh Nhật 9 tháng 3 năm 1945

Đồng chí Pháp ở Sài Gòn chỉ có ba anh, họp lại thành một chi bộ đặc biệt (do tôi chỉ đạo trực tiếp[7]): một làm ở Sở Vô tuyến điện Đakao, một làm ở thương chánh[8], một giáo sư trung học. Chi bộ đặc biệt họp ở nhà bên cạnh Sở Vô tuyến điện (bây giờ là đoạn đường Điện Biên Phủ từ cầu đúc lên đường Đinh Tiên Hoàng). Cuộc họp mới bắt đầu; các đồng chí Pháp đang thông báo về tình hình tư tưởng của các loại người Pháp ở Sài Gòn, về việc bên Pháp De Gaulle chuẩn bị hưởng ứng Mỹ, Tầu đổ quân vào Đông Dương, thì từ phía đường Albert 1er (Đinh Tiên Hoàng ngày nay) vọng qua cửa sổ tiếng reo hò dữ dội, kéo dài của đông đảo người, không rõ của phe phái nào; rồi đến tiếng xe bọc thép; không có tiếng đại bác, nhưng nhiều tiếng súng mứt, mấy loạt súng liên thanh. Có biến rồi! Biến gì đây? Ngoài sự xung đột Nhật-Pháp, không thể có thứ “biến” nào khác. Trong lúc ba đồng chí khác nhìn ra phía cửa sổ về hướng “trung đoàn thuộc địa thứ 11” (11e RIC) thì tôi xin chấm dứt cuộc họp, chạy xuống thang rất nhanh, dắt xe đạp ra đường. Tôi vừa khỏi cửa vài chục thước đã thấy một toán lính Nhật thiết và lính Nhật lô-can[9] tới gõ cửa Sở Vô tuyến điện. Hú hồn! Thiếu chút nữa, tôi có thể bị kẹt một cách vô lý và đại đột.

Quân nhân Pháp đầu hàng Nhật, thành Hà Nội 1945

(nguồn: Thư viện Quốc gia Pháp)

Tôi dắt xe, đi theo dòng người, theo đường Albert 1er lên sân Hào Thành[10] xem có việc gì ở đó. Lại một điều là trong nhân dân tôi không thấy ai hoảng hốt cả. Phố xá, nhà cửa vẫn sáng choang đèn điện. Chỉ một số ít tiệm Hoa Kiều đóng cửa sớm. Người Sài Gòn lạ thật, nghe tiếng súng mà như nghe tiếng pháo. Họ bàn luận về chiến tranh gần như bàn

luận về một trận đá banh. Bên kia Cầu Hang, lính Nhật và lính Cao Đài gác rất đông, không cho dân qua sân Hào Thành.

Chắc là “đảo chánh” rồi. Quân Nhật xuống tay trước. Ngày mai sẽ rõ. Bây giờ tôi ghé hội ý với Oanh, Thạch rồi sẽ đạp thẳng về Phú Lạc để họp Thường vụ Xứ uỷ bàn về tình hình mới, nhiệm vụ mới, không quên ghé anh Hai Sô trước cửa nhà thờ Huyện Sĩ[11] để trách anh và nhóm của anh trong Quốc Gia Đảng không làm được nhiệm vụ thông báo cho tôi biết trước cuộc đảo chánh này. Kể ra thì cứ trách anh Hai Sô cũng oan. Bọn Pháp có trăm, ngàn tai mắt mà chẳng biết trước ngày giờ cuộc đảo chánh thì nhóm chuyên trách của anh Hai Sô trong Đảng Quốc Gia của Ngô Đình Đầu[12] mù tịt có gì lạ? Trong chiến tranh cái “bất ngờ” quan trọng thật. Pháp ở vùng Sài Gòn có hàng vạn quân mà chẳng bắn được một phát súng nào! Sáng hôm sau, ai nấy đều hay rằng đêm qua, quan Toàn quyền đô đốc Decoux, tướng Mordant, tướng Aymé, tất cả đầu sỏ Pháp, đều bị bắt gọn, tất cả quân đội Pháp đều bị tước khí giới. Chỉ có mấy thằng cò Tây với quan ba Dergue – các tên đã đưa bọn tôi chuyển đầu tiên lên cảng Tà Lài – và ít chục lính khố xanh, trung thành, nhờ hôm đó không ở Sài Gòn nên tạm thoát nạn, kéo theo mấy bà đầm, chạy sống chạy chết xuống Cà Mau, mong được tàu Đồng minh đón rước ở ngoài mũi. Quân Nhật và quân Cao Đài đuổi theo bén gót. Tụi quan ba Dergue bị bao vây, bị tiến công bất ngờ, Dergue lãnh một nhát kiếm từ vai xuống lưng. “Kháng Nhật” của bọn Pháp De Gaulle ở Nam Kỳ hình như chỉ có bấy nhiêu đó thôi. Anh Phúc đang ở Cà Mau lúc xảy ra đảo chánh Nhật, khi về Sài Gòn, thuật lại chuyện “tử chiến” của quan ba Dergue, bà chủ chùa Phú Lạc, dì Bảy của Bảy Trân, bảo rằng đó là “quả báo nhân tiền!”.

Trở lại nguồn gốc đảo chánh 9 tháng 3.

Nhắc lại trước một chút, khi nước Pháp được giải phóng nhờ sức tiến công thẳng lợi của Liên Xô ở Mặt trận Đông Âu, nhờ cuộc đổ bộ thẳng lợi của Mỹ, Anh ở Tây Âu, nhờ cuộc nổi dậy của nhân dân Pháp, đặc biệt là cuộc nổi dậy của nhân dân Paris dưới quyền lãnh đạo của Đảng Cộng sản; chính phủ De Gaulle liền “tuyên chiến” với Nhật. Tuyên chiến cho “ra vẻ” thôi, cho cái gọi là “pháp lý” rằng Pháp cũng chống Nhật và do có chống Nhật nên có quyền trở lại làm chủ Đông Dương sau chiến

tranh. Chớ thực ra, lúc ấy, dù nước Pháp đã khôi phục chủ quyền, nó không khác mấy với một anh chàng bị vật ẹo xương sống, còn đang chống nạng tập đi, thì có lực lượng quân sự và tàu bè chuyên chở đâu mà sang Viễn Đông tham chiến? Dù sao, nội cái việc Paris tuyên chiến với Nhật, quyết giành lại Đông Dương bằng mọi cách- vũ lực và ngoại giao- đủ làm cho tội thực dân Pháp ở Đông Dương hăng lên dữ lắm. Trên đường phố, trong nhà hàng, ai cũng thấy cái bộ mặt con gà Gaulois[13] chạy rớt bấy lâu nay mặt tái mét, nay có máu trở lại. Lại thêm, gần cuối 1944, quân Mỹ đổ bộ thành công lên quần đảo Philippines; người Pháp ở Đông Dương mong rằng, tin rằng quân Mỹ sắp đổ bộ lên miền Nam Trung Kỳ được xem như cái “bụng mềm” của Nhật ở Đông Nam châu Á. Năm mươi ngàn quân Pháp sẽ hưởng ứng quân Đồng minh, đánh sau lưng quân Nhật, quân Đồng minh toàn thắng tức là quân Pháp toàn thắng, chủ quyền hoàn toàn của người Pháp trên Đông Dương sẽ được khôi phục, cộng sản có nổi dậy nơi này nơi nọ cũng không tới đâu. “Ăn ngon” như thế ấy! Quân Nhật ở Đông Dương cũng chỉ độ 50.000 thì sá gì? Chọi sao lại với 50.000 quân Pháp và hàng trăm ngàn quân đồng minh Mỹ, Anh, và Trung Quốc? Nhật chết đến nơi rồi! Quân Pháp hí hửng lắm. Mordant, Aymé gấp rút chuẩn bị tác chiến; tội nó dự trữ lương thực ở một số địa phương ngoài thành phố ở hướng rừng miền Đông Nam Bộ, hướng Tháp Mười, Cà Mau; tội nó đào công sự, di chuyển quân đội, lấy cớ là đề phòng Mỹ đổ bộ. Phe Pháp quân sự thì giữ bí mật ý đồ và hoạt động của chúng, chứ còn phe Pháp dân sự thì đổ bộ đánh Nhật xung quanh cốc rượu, chén cà phê ở bất cứ nhà hàng nào. Lại thêm đài phát thanh New Delhi (Ấn Độ thuộc Anh) và đài phát thanh Trùng Khánh của Mỹ-Tàu, ngày nào cũng oang oang lên tiếng kêu gọi người Pháp ở Đông Dương nổi lên đánh Nhật. Con ếch nó chết vì tiếng uêch uêch; con gà nó chết vì tiếng ó o, Pháp chết vì nói dóc khấp nơi. Tôi nhớ, có lần báo Tiền Phong vẽ một con gà trống đứng trên bàn đang gáy, kể bên mấy củ hành và một bầu rượu. Gà cất tiếng gáy “đánh Nhật a!”, “đánh Nhật a!”.

Bọn Nhật ở Đông Dương, ở Sài Gòn làm như không biết gì, không nghe gì, không thấy gì. Kỳ thật là chúng nghe hết, thấy hết, biết hết.

Tội tôi được biết mang máng rằng trong Đồng minh, về vấn đề Đông Dương, có nhiều phe phái chủ trương khác nhau: Tàu (Tưởng) thì muốn

sáp nhập Bắc Kỳ vào nước Tàu để cho Vân Nam, Quý Châu, Quảng Tây có đường ra biển tiện lợi; Mỹ thì muốn đặt Đông Dương dưới chế độ uỷ trị, tức là muốn biến Đông Dương thành một thứ thuộc địa (sau này gọi là thuộc địa kiểu mới) của Mỹ. Anh thì ủng hộ Pháp trở lại Đông Dương như cũ.

Tụi tôi lại được biết rõ rằng thực dân Pháp ở Đông Dương có hai chủ trương khác xa nhau. Phe của Decoux thì chủ trương tiếp tục làm lành với Nhật, Nhật bảo sao thì cứ nghe vậy, Nhật đòi gì được nấy, miễn là bộ máy chính quyền Pháp còn nguyên cho đến khi Nhật đầu hàng. Nhật đầu hàng mà bộ máy Pháp còn nguyên tức là Pháp còn làm chủ chứ không ai lọt vào đây được. Còn phe của Mordant-Aymé thì cho rằng nếu người Pháp ở Đông Dương không đánh Nhật chút đỉnh thì Pháp sẽ mất Đông Dương vì Pháp đã làm tay sai cho Nhật từ đầu đến cuối. Hai phe chọi nhau gay gắt. Phe của Mordant-Aymé thắng thế vì được sự đồng ý của De Gaulle.

Tụi tôi về sau còn biết rằng, được báo cáo rõ về tình hình Đông Dương đầu năm 1945, những nhà lãnh đạo quân sự Nhật ở Đông Kinh có hai chủ trương khác nhau; một bên tán thành đề nghị của bọn chỉ huy Nhật ở Đông Nam Châu Á (đóng ở Sài Gòn) là lật đổ Pháp bằng một hành động chớp nhoáng; một bên muốn dùng áp lực quân sự buộc Pháp phải giải ngũ toàn thể quân đội Pháp ở Đông Dương, chỉ còn giữ việc cai trị dân sự mà thôi, việc phòng thủ hoàn toàn do Nhật phụ trách. Hai bên đều có lý do của mình. Cuối cùng phe chủ trương làm đảo chánh quân sự lật đổ Pháp được thắng thế. Quân Nhật ở Đông Dương chuyển sang hành động, điều động thêm nhiều quân tinh nhuệ vào Đông Dương, lật đổ Pháp một cách dễ dàng, gọn ghẽ như trở bàn tay. Còn gà gaulois mới vỗ cánh gáy ó o, bỗng bị đem ra lấy tiết, nó không kịp giãy giụa.

Không cần phải tài tình sáng suốt gì lắm mới đoán trước Nhật sẽ lật Pháp ngày nào đó. Từ mấy năm nay ai cũng thấy rằng hai con chó tranh nhau một miếng thịt có ngày phải cắn nhau, không sao tránh khỏi, Nhật sẽ thắng, Pháp sẽ thua. Nhưng rất ít người ở Sài Gòn, kể cả tôi, có thể đoán được rằng phải chờ đến gần ngày tận số của nó, Nhật mới lật đổ Pháp! Các phe phái thân Nhật xem là trễ quá. Nếu Nhật lật Pháp hồi năm

1943, khi tướng Tòng Tĩnh – chủ tịch hội Liên Á sang Sài Gòn để lên dây cót tinh thần cho bè đảng khi ấy chưa phải đã trễ. Để cho tới nay, tháng 3 năm 1945, thì ngay cả bọn thân Nhật cũng nản, lần này Tòng Tĩnh sang Sài Gòn “lên dây cót” cho họ chỉ là một viên thuốc không có hiệu quả lâu dài. Đến đầu năm 1945, thì người dốt chính trị nhất nước Việt Nam này, cũng thấy Nhật sắp thua, vậy cái việc Nhật lật Pháp chỉ là một hành động tự vệ cho Nhật. Nhật sợ Pháp đánh sau lưng, chứ hoàn toàn, tuyệt đối không phải là một “nghĩa cử”, không phải là “vì người da vàng mình với nhau”, không phải “vì dân tộc Việt Nam đồng văn đồng chủng với dân tộc Nhật”. Đêm 9, quanh trại lính đường Norodom[14], khoảng 5.000 lính Cao Đài làm thanh viện cho vài ngàn lính Nhật đủ buộc quân Pháp đầu hàng. Mấy ngày sau dân chúng Sài Gòn được phe thân Nhật hô hào dữ mà chỉ có mấy ngàn người đi biểu tình hoan hô “anh cả da vàng”. Tôi không muốn đánh giá quá cao truyền đơn và báo chí mật, bản tin mật của chúng tôi có tác dụng “lật tẩy” ý đồ của Nhật trong cuộc đảo chánh; tôi cho rằng nhân dân Sài Gòn vốn nhạy bén về chính trị, tự mình cũng thấy được cái ý đồ xấu xa của Nhật từ mấy năm nay đã tự nó lật mặt nạ nó bằng hành động cụ thể. Tất nhiên là trong xu thế đó, sự tuyên truyền cổ động của chúng tôi đã có tác dụng. Trong nhân dân thành phố nói riêng, nhân dân Nam Kỳ nói chung, mà chắc là ở cả nước Việt Nam cũng thế thôi, cuộc đảo chánh 9 tháng 3 không làm cho nhân dân ta có ảo tưởng gì đối với Nhật cả. Cái khải hoàn môn mà phe Cao Đài Trần Quang Vinh dựng lên ở khúc rộng đường Blansubé (Phạm Ngọc Thạch ngày này, trước nhà Văn hoá thanh niên), làm bằng hoa lá, tươi rồi héo, héo rồi khô đến khi bị một que diêm đốt cháy rụi chỉ mấy phút tiêu biểu cho “hy vọng” đến thời tàn của phe đã cổ vũ cho thuyết Đại Đông Á mấy năm nay. Bọn sử gia thực dân về sau sẽ viết lếu viết láo rằng, đêm 9 tháng 3, dân chúng Sài Gòn bị bất ngờ, không hoan hô Nhật bởi vì luyến tiếc Pháp, rằng dân chúng Sài Gòn “dừng dừng” nên đứng trơ mà ngó thời cuộc. Sự thật đâu phải như vậy! Tuyệt đại đa số dân Sài Gòn, dân Nam Kỳ, dân Việt Nam ai mà luyến tiếc Pháp? Tám mươi năm mang ách thực dân chẳng nhiều quá rồi sao? Nhưng người ta cũng không mấy ai hy vọng gì Nhật đứng được lâu, càng không tin rằng độc lập mà Nhật sắp ban cho là độc lập thật. Nếu có cái gì gọi là “bất ngờ”, là không ngờ rằng quân phiệt Nhật ngu xuẩn đợi cho đến nay mới làm cái việc chúng có thể làm hai, ba năm trước. Nếu làm hồi hai, ba năm trước thì Nhật có thể

phần nào bao bọc cái lợi ích để quốc ích kỷ của chúng trong cái vỏ “nghĩa cử” dễ tin hơn.

Người Pháp ở hai mươi tỉnh Nam Kỳ bị Nhật đồn về Sài Gòn ở tương đối thông thả trong khu vực đất cao ráo nhất, tại trung tâm thành phố. Không phải là trại tập trung đâu. Có lần đạp xe qua đó tôi thấy mấy đồng chí cộng sản và anh bạn xã hội râu xồm của tôi đang đi bách bộ trong một sân rộng, họ chào tôi bằng cái cười không lấy gì làm thiếu náo. Tôi chưa hề nghe nói người Việt Nam đánh đập hay chửi mắng người Pháp; nào phải người Việt Nam tiếc kẻ đã thống trị mình; ấy là đồng bào không muốn đánh người “dưới ngựa”, một thái độ mà thời trước gọi là quân tử, trượng phu, thời nay gọi là có chính trị cao.

Những người Việt làm việc cho sở Mật thám Pháp trình diện quân đội Nhật trước khi được dùng để phục vụ cho Kempeitai. Biển chữ Hán: Đông Kinh châu lược trình cục / Cục tình báo Bắc Kỳ (ảnh Thư viện Quốc gia Pháp)

Ban đầu, ở một số nhà máy, nhà thương, tụi Nhật còn giữ một số kỹ sư, bác sĩ quản lý người Pháp. Còn tất cả các quan cai trị người Pháp đều bị thay bằng quan cai trị người Việt Nam. Không ai lạ đâu, các quan cai trị Việt Nam thay cho Pháp đều là những ông phó hay tay sai kế cận của quan Tây: đốc phủ, tri phủ lên làm chủ tỉnh, làm phó chủ tỉnh, các quận giữ y nguyên; hội tề xã hoàn toàn không gì thay đổi, dưới áp lực quần chúng Nhật cũng có thể bắt giam vài tên quan Việt Nam ác ôn khét tiếng xưa nay. Trong quân ngũ cũng vậy; lính tây thì bị tước vũ khí nhốt vào trại; lính Việt thì được giữ lại y nguyên, các ông quan, thầy đội thay cho sĩ quan và cò tây. Trong toà án, bộ máy y như cũ, chỉ gỡ bọn da trắng ra, đưa da màu lên cho dầu người da màu đó là “dân Tây”. Nói theo cách nói mác-xít, ấy là làm “đảo chánh”. Nhật giữ gần nguyên bộ máy Nhà nước thực dân của Pháp. Để hiểu tại sao? Đảo chánh chớ có phải là cách mạng đâu, mà ngay cả cách mạng quốc gia tư sản đi nữa cũng đâu chắc có thay đổi gì quan trọng trong bộ máy cai trị cũ. Bọn Nhật cầm quyền muốn thấy ít xáo trộn nhất, họ muốn cho bộ máy cũ tiếp tục công việc phục vụ Nhật một cách đặc lực như bấy lâu nay. Buồn bã nhất, thất vọng nhất là giáo phái Cao Đài (Tây Ninh). Từ mấy năm rồi, từ cả chục

năm rồi, họ tôn phù Kỳ Ngoại Hầu Cường Để, tính rằng hễ Nhật lật Pháp thì Cường Để về Huế làm Hoàng đế nước Đại Nam thống nhất. Nào dè, lật Pháp rồi, Nhật giữ Bảo Đại làm vua cai trị Trung và Bắc; Nhật giữ Nam Kỳ làm đất Nhật như Đài Loan, Triều Tiên, Lưu Cầu; Nhật đặt Minoda làm thống đốc Nam Kỳ thay thống đốc người Pháp.

Hội nghị Xứ uỷ ở Phú Lạc bàn về tình hình và nhiệm vụ sau cuộc đảo chánh tháng 3, tôi nhớ có năm ý lớn sau đây của một nhận định thống nhất:

1. Một đế quốc đã “rót dài”, đế quốc Pháp. Đúng như đã đoán trước, nó không còn là đối tượng đánh đổ của cuộc khởi nghĩa cách mạng sắp tới, nhưng nó được nhận định là “nguy cơ chính” (lúc đó tôi dùng chữ khác “le danger principal” để phân biệt với “đối tượng cách mạng” (“l’ennemi principal”). Nhật một mình cầm quyền thống trị, hợp tác với đám tay sai bản xứ của chúng – triều đình Huế. Nhật và tay sai bù nhìn của chúng là đối tượng đánh đổ của cách mạng Việt Nam. Lại phải thấy trước rằng, Đồng minh sắp toàn thắng ở châu Âu, châu Á, Nhật sắp đầu hàng, tất nhiên những nước Anh, Mỹ, nhất là Anh sẽ ủng hộ cho Pháp trở lại làm chủ Đông Dương, khi ấy thực dân Pháp sẽ là đối tượng đánh đổ của cách mạng. Ngay từ bây giờ, bọn Pháp bên Pháp và tay sai của chúng ở Đông Dương đang tích cực chuẩn bị cho việc Pháp trở lại; cho nên, ngay từ bây giờ ta nói rằng thực dân Pháp tuy bị đánh đổ, vẫn là nguy cơ chính của cách mạng ở xứ ta. Không thể mơ hồ được. (Về sau có người nói Xứ uỷ Nam Kỳ rút khẩu hiệu chống Nhật, thay vào đó là khẩu hiệu lợi dụng Nhật. Không có như vậy đâu; hoàn toàn không có; nói láo đó; khẩu hiệu của chúng tôi đã rõ từ lâu là: “đánh đổ đế quốc Nhật, bài trừ phản động Pháp, Đông Dương độc lập muôn năm”).

2. Nhật làm cuộc đảo chánh 9 tháng 3 không phải vì giải phóng Việt Nam (và Miên, Lào) mà vì lợi ích của Nhật. Hành động lật Pháp của Nhật không phải là một nghĩa cử, mà là một hành động ích kỷ, đế quốc. Các tầng lớp đồng bào cần nhận rõ điều ấy. Lại cần phải nhận rõ rằng cái độc lập của Nhật sẽ đem cho là độc lập giả hiệu, là một thứ nô thuộc mới, không phải là cái độc lập mà các thế hệ người yêu nước Việt Nam và các đồng chí trong Đảng Cộng sản đã hy sinh giành cho kỳ được. Nhân

dân phải tiếp tục đấu tranh để giành độc lập thật sự, giành thống nhất tổ quốc bằng cách đánh đổ quân phiệt Nhật và chính quyền tay sai bản xứ của Nhật.

3. Cuộc đảo chánh 9 tháng 3 không tạo nên một cục diện chiến tranh quyết liệt và kéo dài giữa Nhật, Pháp. Rốt cùng, không có xáo trộn chính trị và xã hội đáng kể nếu chỉ ngó bên ngoài. Sự thật bên trong là Nhật không nắm được bộ máy Nhà nước đang rệu rã nhanh chóng, bù nhìn tay sai cũng không có điều kiện, uy tín và thời giờ để xây dựng, củng cố bộ máy nhà nước, ở đó, trên không nắm được dưới, dưới không phục tùng trên, các địa phương không biết tới trung ương, cả lũ không biết ngày mai ra sao. Tình hình này rất thuận lợi cho cuộc hoạt động cách mạng của chúng ta, cách mạng phải tiến tới thật nhanh như Tôn Ngộ Không làm phép cân đầu vân, nhanh thì được tất cả, chậm thì không được gì hết. Tình hình sẽ không chờ đợi ta đâu.

4. Hồng quân Liên Xô đã đến gần sát Berlin. Đức phát xít sẽ sụp đổ nay mai thôi. Đức sụp đổ rồi, Đồng minh sẽ dồn sức qua Viễn Đông và Thái Bình Dương thì Nhật cũng không thể kháng cự lâu dài được. (Thành thực mà nhắc lại, hồi đó tôi nghĩ rằng Nhật nhất định sẽ đầu hàng, nhưng mà không đầu hàng sớm lắm đâu, ít nào cũng đến cuối năm 1945; tôi nghĩ rằng Nhật thua trận trên mặt biển thì chúng sẽ dựa vào lục địa mà chờ đợi một trận quyết chiến hết sức lớn, hết sức đẫm máu khi Mỹ đổ bộ lên đất Nhật, tôi hoàn toàn không biết gì về vũ khí hạt nhân; tôi chắc chắn rằng mọi người cũng chẳng hơn gì tôi. Tôi cũng tính sai rằng Liên Xô sẽ không can thiệp sớm vào chiến tranh Viễn Đông, rằng Liên Xô sẽ trả đũa quân Mỹ, Anh về cái tội Mỹ, Anh dây dưa quá trong việc mở mặt trận thứ hai ở Tây Âu để “chia lửa” với Liên Xô, trả đũa bằng cách để cho Anh, Mỹ, Nhật đánh nhau lâu hơn nữa. (Sau rồi tôi mới thấy rằng tính toán của tôi nông cạn, sai, lấy cái chủ quan – cần thì giờ để hoàn thành chuẩn bị khởi nghĩa – làm hướng xét đoán). Trong trường hợp đổ bộ lên Trung Kỳ từ Philippines thì chúng tôi chủ trương khởi nghĩa từng phần, thừa lúc Nhật, Mỹ đánh nhau lập chính quyền độc lập ở bất cứ nơi nào có thể lập được. Trong tình hình thế giới khi ấy, thì dù Mỹ có hay không có đổ bộ lên Trung Kỳ, Nhật trước sau cũng sẽ phải đầu hàng. Nhật đầu hàng thì sẽ xảy ra tình thế cách mạng trực tiếp cho chúng ta.

Nhật đầu hàng thì quân Đồng minh, trong đó có quân Pháp, sẽ vào Đông Dương để giải giáp quân Nhật và để giành lại Đông Dương cho chủ cũ. Cho nên khởi nghĩa cách mạng ở Việt Nam nhất thiết phải nổ ra và thành công trước khi (nhấn mạnh là trước khi) quân Đồng minh vào. Khi quân Đồng minh vào mà đã có chính quyền độc lập của dân tộc Việt Nam thống nhất an bài rồi lại được toàn dân hết lòng ủng hộ, thì họ phải thương lượng với chính quyền cách mạng đó. Nếu ta không giành được chính quyền thì họ sẽ không đếm xỉa đến cuộc kháng Nhật của ta đâu. Thương lượng với họ, ta sẽ có hai cái thế mạnh, một là ta đã chống Nhật, đã ủng hộ đồng minh, hai là ta đang nắm chính quyền và được đồng bào tín nhiệm; ta sẽ hết sức lợi dụng mâu thuẫn giữa Anh, Pháp, Mỹ, Tàu. Tiếng nói của Liên Xô chắc có trọng lượng mặc dầu Liên Xô ở rất xa Đông Dương. Chắc chắn là anh em ta ở ngoài Bắc cũng nghĩ như vậy và cũng làm như vậy, chứ không thể khác.

5. Điều quan trọng bậc nhất là Nam Kỳ không được vắng mặt, cũng không được phép tới trễ trong cuộc tổng khởi nghĩa cách mạng sắp tới trên toàn Việt Nam và toàn Đông Dương. Nhưng phải nhìn nhận một sự thật là: nay ta còn yếu. Mà thì giờ chắc không còn lâu, vậy phải “chạy đua với đồng hồ” (hồi đó trình bày ý kiến trước Xứ uỷ, tôi thường hay dùng chữ Pháp là “course contre la montre”) để xây dựng, củng cố, phát triển Đảng thống nhất, Mặt trận phản đế thống nhất, để xây dựng hết sức nhanh một “đạo quân chính trị” (từ này mượn của Stalin: armée politique) rất lớn; để làm sao trong một thời gian ngắn, cho Đảng ta trở thành Đảng mạnh nhất ở Nam Kỳ, ở Sài Gòn, chẳng những mạnh hơn mỗi chính đảng khác mà còn mạnh hơn tất cả các đảng thân Nhật, thân Pháp cộng lại. Phải nối liên lạc với các đảng bộ ở Bắc, Trung, để cho cuộc tổng khởi nghĩa nổ ra khắp Nam, Trung, Bắc gần cùng một lúc với nhau.

Hội nghị Xứ uỷ vừa xong, anh em chưa kịp chia tay nhau về các tỉnh thành, thì được tin từ Bà Rịa[15], các đồng chí ta đã vượt căng, có người đã về tới Sài Gòn. Một số anh em ở lại hoạt động trong vùng Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định như A (báo Lao Động); một số về tỉnh nhà của mình như Tô Ký (Gia Định), như Ty (Bạc Liêu), Tiến cụt (Rạch Giá), Thiệt, Thế (Vĩnh Long) v.v... cả trăm anh em (và chị em nữa) nhận công tác mà

không cần phải được giải thích, động viên. Dù sao gia đình cộng sản lớn lên một cách “đột biến” vượt bậc. Có thể nói một cách khẳng định rằng: nếu nhóm đồng chí vượt ngục Tà Lài bắt đầu gây dựng lại cơ sở và hệ thống, thì nhóm thoát khỏi Bà Rá tăng cường đảng bộ chính trong lúc đảng bộ cần tăng cường nhất, nhờ đó chúng tôi ở Nam Kỳ mới có thể đối phó kịp thời với thời cuộc khẩn trương sau đảo chánh 9 tháng 3; chứ nếu chỉ có đường lối đúng mà thiếu người giỏi thì cũng không làm gì nên việc được.

Hơn nữa, sau đảo chánh 9 tháng 3, số còn lại của anh em “ở ẩn” từ 1940, nay lục tục ra hoạt động. Nguyễn Văn Nguyễn hoạt động trước hết, Nguyễn Văn Tây ra hoạt động trước đảo chánh một chút, Ung Văn Khiêm ra hoạt động sau đảo chánh một chút. Hà Huy Giáp khi ra cảng Ban Mê Thuột thì vào Sài Gòn ngay, được chữa trị ở bệnh viện Phạm Ngọc Thạch và hoạt động với chúng tôi. (Bùi Công Trùng vào Sài Gòn chỉ mấy ngày trước khởi nghĩa). Xứ uỷ Nam Kỳ từ đây không thể được than là ít và yếu nữa, mà nỗ lực đương đầu với trọng trách một cách tin tưởng. Ba anh này, Khiêm, Tây, Giáp (Ung Văn Khiêm, Nguyễn Văn Tây, Hà Huy Giáp), hồi cuối 1930 đầu 1931 là Xứ uỷ viên Nam Kỳ trong lúc tôi bị trục xuất từ Pháp về Việt Nam, được giao cho một việc nhỏ mà khó trong Ban Mặt trận phản đế và học sinh, sinh viên, trí thức. Từ đó đến giờ, tôi mới lại gặp Khiêm trên đất Sài Gòn xưa những năm trước.

Tiếp theo

Chú thích của người biên tập

1 Chu, Mao: Mao đây, tất nhiên, là Mao Trạch Đông; Chu không phải là Chu Ân Lai, mà là Chu Đức (1886-1976), nguyên soái, người thường được coi là cha đẻ của Giải phóng quân Trung Quốc.

2 Thủ Thừa: nay là một huyện thuộc tỉnh Long An, cách thành phố Hồ Chí Minh 45 km về phía tây nam, ở phía bắc Tân An.

3 Tân Uyên: nay là một huyện của tỉnh Bình Dương, ở phía bắc thị xã Biên Hòa, cách TP. HCM khoảng 45 km.

4 Petrograd: Tức Leningrad, nay đổi thành Saint-Petersburg (của Liên bang Nga), nơi nổ ra các cuộc cách mạng Nga (1905, 1917).

5 Đất Cuốc: Nay là một xã thuộc huyện Tân Uyên (xem chú thích 3 ở trên).

6 Rue d’Espagne: Nay là đường Lê Thánh Tôn.

7 Trong truyền thống của Quốc tế Cộng sản (1919-1943), chỉ có một “Đảng” trên toàn thế giới, tại mỗi nước (hay vùng) là một “đảng bộ” của ĐCS; đảng viên ở đâu thì sinh hoạt trong đảng bộ tại đó. Ba đảng viên người Pháp sống ở Sài Gòn, do đó, đương nhiên là đảng viên của ĐCS Đông Dương, hoạt động dưới sự chỉ đạo của bí thư Xứ ủy Trần Văn Giàu. Sơ đồ tổ chức của QTCS cũng giống như “quốc tế” khác là Giáo hội Roma, người Công giáo là “dân chúa” ở đâu thì sinh hoạt trong giáo hội tại đó. Năm 1943, để tranh thủ sự hợp tác với Anh-Mỹ, Stalin tuyên bố giải thể Quốc tế Cộng sản (Komintern), hàm ý mỗi đảng cộng sản từ nay là một tổ chức độc lập, không chịu chỉ thị của “giáo hoàng” ở Moskva, thay thế QTCS bằng một “Phòng thông tin Cộng sản” (Kominform). Trên thực tế, với sự có mặt của Hồng quân ở Đông Âu, QTCS còn kéo dài ở Âu châu ít nhất cho đến cái chết của Stalin. Ông Trần Ngọc Danh (em trai của cố tổng bí thư Trần Phú), tổng đại diện Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tại Pháp từ năm 1946, năm 1948 bỏ nhiệm sở, về Praha (Tiệp Khắc) còn tiếp tục gửi báo cáo cho Kominform (thực chất là cho Stalin) tố cáo sai lầm “hữu khuynh” của Hồ Chí Minh, “nguyên nhân gây ra những khó khăn của cách mạng Đông Dương”.

Đảng Cộng sản Việt Nam được Nguyễn Ái Quốc thành lập ngày 3.2.1930 với một cương lĩnh tuy vẫn tất nhưng khá phù hợp với tình hình Việt Nam. Mấy tháng sau, Quốc tế Cộng sản áp đặt tên gọi, cương lĩnh và lãnh đạo khác. Trong suốt thập niên 30, đường lối của ĐCSĐD đi theo đường lối không mấy nhất quán của QTCS (cụ thể là của Stalin), với những thành công và thất bại mà mọi người có thể tìm biết. Cũng trong thời kì này, nó còn chịu ảnh hưởng ít nhiều trực tiếp của hai đảng “đàn anh” là Pháp và Trung Quốc. Phải đợi đến năm 1941, sau khi lãnh đạo đảng bị thực dân triệt hạ (sự kiện Nam Kỳ khởi nghĩa), Nguyễn Ái Quốc

về nước, được chấp nhận, ĐCS mới “trở lại” cương lĩnh “văn tắt”, triển khai quan niệm giải phóng dân tộc của Nguyễn Ái Quốc, trong sự độc lập (nhờ cách biệt, cô lập đối với QTCS và các đảng “đàn anh”). Giai đoạn độc lập tư tưởng và thực tế này chấm dứt năm 1950 với thắng lợi của cách mạng Trung Quốc. Phải đến thập niên 1960, ĐCSVN, tuy về đối nội vẫn bị chủ nghĩa Mao khuynh loát, về mặt đối ngoại đã giành được sự độc lập dứt khoát đối với cả Liên Xô lẫn Trung Quốc, nhờ đó, sự nghiệp độc lập và thống nhất mới hoàn thành mà không bị quyền lợi quốc gia của các cường quốc hạn chế, biến chất.

Nhóm mấy người Pháp cộng sản ở Sài Gòn sẽ lập ra “Cercle Culturel Marxiste” (Câu lạc bộ văn hóa mác-xít Sài Gòn) mà trụ sở những năm 1946-50 đặt ở nhà bác sĩ Phạm Ngọc Thạch (106, đường Léon Combes, nay là Sưông Nguyệt Anh). Chính tại nơi đây, Georges Boudarel (1927-2003), giáo sư triết học ở Lycée Marie Curie đã có thể liên lạc được với kháng chiến và từ đó, ra bưng biển tham gia kháng chiến vào cuối năm 1950. Trong cuộc kháng chiến chống Pháp, những người châu Âu cộng sản (Pháp, Đức, Áo...) tham gia kháng chiến đều sinh hoạt trong hàng ngũ Đảng Cộng sản Việt Nam. Sang những năm 1960, trong bối cảnh mâu thuẫn Trung-Xô, do bất đồng với chủ nghĩa Mao, họ đã lần lượt rời Hà Nội trở về sống ở Châu Âu (có khi không về nước ngay, như G. Boudarel, A. Clavier và J. Tarago, ba người Pháp đã bị tòa án quân sự tuyên án tử hình vì “đào ngũ” và tham gia kháng chiến Việt Nam – mãi đến năm 1967 mới được “ân xá”).

8 Thương chánh: hải quan.

9 lô-can: tính từ tiếng Pháp local nghĩa là bản địa, địa phương, cục bộ.

10 sân Hào Thành: nay là sân vận động Hoa Lư, nằm ở góc đường Đinh Tiên Hoàng (thời đó là Albert 1er) và Nguyễn Thị Minh Khai.

11 Nhà thờ Huyện Sĩ: ở số 1, đường Tôn Thất Tùng, TP. HCM. Do ông bà Lê Phát Đạt (tức Huyện Sĩ) hiến đất và bỏ tiền ra xây, khánh thành năm 1905.

12 (Chú thích của tác giả) Anh Lê Quang Sô, anh Ngô Đình Đầu là lãnh tụ của Đảng Quốc Gia (thân Nhật như Đảng Quốc Gia Độc Lập của Hồ Văn Ngà; Hồ Văn Ngà thì dựa vào trí thức Sài Gòn; Sô, Đầu thì dựa vào Tinh độ cư sĩ Tiền Giang, hợp tác với lực lượng của Nguyễn Hoà Hiệp). Tôi có ở tù chung với Lê Quang Sô hồi 1933 ở Khám Lớn. Ngô Đình Đầu (bà con rất gần với Diệm) là một người thuộc phái Cường Để từ thời Đông Du, từ lâu tôi quen Đầu, sếp của Đảng Quốc Gia - thực tế làm “tai mắt” cho sở Sen đầm Nhật. Hoà Hiệp là Quốc Dân Đảng từ hồi Trần Huy Liệu ở Sài Gòn, cũng quen lớn với tôi từ 1930, sau khi tôi bị trục xuất khỏi nước Pháp. Tôi thấy có thể dùng Đảng Quốc Gia để biết tin tức trong cơ quan chỉ huy của quân Nhật ở Nam Kỳ (về sau các anh đó thuộc Kỳ bộ Việt Minh Nam Bộ). Nhưng anh Sô, anh Đầu đều không biết trước vụ Nhật đảo chính ngày 9 tháng 3.

13 Gaulois: người xứ Gaule, thuộc về xứ Gaule. Gaule (không dính gì tới tướng De Gaulle, lãnh tụ kháng chiến Pháp) là tên vùng đất thuộc về Đế quốc Roma, bao gồm nước Pháp ngày nay, Bắc Ý, Bỉ, Luxembourg. Gaule tiếng Latinh là gallia, mà chữ đồng âm có nghĩa là con gà trống. Từ đó, (do một sự ngộ nhận hay nhận vơ) người Pháp (France) coi xứ Gaule là nước gốc của mình và người Gaulois là tổ tiên của mình (rồi sau đó, dân châu Phi hay “An nam mít” cũng phải học “Tổ tiên ta là người Gaulois”). Biểu tượng của nước Pháp do đó là con gà trống – con gà trống gaulois – gáy “cocorico”. Trên nóc tháp chuông nhà thờ Huyện Sĩ (xem chú thích 11 ở trên) còn có con gà trống gaulois nay vẫn trơ gan cùng tuế nguyệt.

14 Norodom: sau là Thống Nhất, nay là đường Lê Duẩn.

15 Bà Rá: tên ngọn núi cao 733 mét ở miền đông Nam Bộ, nay thuộc tỉnh Bình Phước (những năm 1940 thuộc địa phận tỉnh Biên Hòa), cách Sài Gòn 180 km.

10-1-11

Phần IV(3): TIẾN TỚI TỔNG KHỞI NGHĨA

(tiếp theo)

6. Lo việc thống nhất các tổ chức cộng sản ở Nam Kỳ và lo việc đặt lại liên lạc với miền Bắc

Triển vọng tươi sáng thật. Thế nhưng hãy còn một chấm đen trong tình hình tổ chức của Đảng ở Nam Kỳ, hãy còn một vấn đề, một vướng mắc, nếu không kịp giải quyết xong bây giờ thì sau sẽ có trở ngại: thống nhất cộng sản ở Nam Kỳ và nối lại với Trung Ương.

Trần Văn Giàu trước Mur des Fédérés, nghĩa trang Père Lachaise Paris, nơi 147 chiến sĩ Công xã Paris đã bị giết chết và chôn tập thể ở chân tường. Ảnh chụp tháng 7.1989 (NNG).

Hồi 1942, 1943, khi anh Phúc đi Long Xuyên để tổ chức Tỉnh uỷ lâm thời ở đó thì nhóm của các đồng chí kỳ cựu của các đồng chí Nhung, Phẩm đồng ý liền, và Tỉnh uỷ lâm thời Long Xuyên được thành lập (chính cái Tỉnh uỷ này sẽ lãnh đạo khởi nghĩa lập chính quyền cách mạng tháng Tám năm 1945). Đồng chí Nhung là người đã vào Thanh niên Cách mạng Đồng chí Hội hồi 1927, anh từ Ngã tư Vĩnh Long lên ở Long Xuyên và công tác ở đó lâu rồi. Hồi 1933-1934, khi Nhung còn ở Ngã tư (Vĩnh Long), tôi đã đến cùng anh hoạt động. Năm 1942, Nhung ở Long Xuyên thì tôi nhờ Châu Văn Giác lên bắt liên lạc với anh. Ở Long Xuyên khi ấy có một vài đồng chí không tán thành lập Tỉnh uỷ lâm thời với các anh Nhung, Phẩm. Nghe đâu ở Vĩnh Xuân, Trà Ôn cũng có một nhóm đồng chí mà Phúc tìm bắt liên lạc không được. Nghe Phúc báo cáo thì tôi sanh nghi là ở Nam Kỳ hồi 1933-1934, còn có vài nhóm cộng sản rời rạc, chưa lập thành hệ thống. Khác với Long Xuyên, ở Mỹ Tho, còn đồng chí cũ sau 1940, mà anh Khuy đã hợp tác với các anh em đó lập ra Tỉnh uỷ lâm thời một cách dễ dàng, ví dụ như Chín Còn, em của Hai Giác (Hai Giác là chồng của chị Mười Tốt - Nguyễn Thị Thập, còn gọi là Mười Thập). Giác là tử sĩ anh hùng trong cuộc khởi nghĩa 1940 ở Chợ Bưng). Chín Còn

giống như Hai Giác, cao như cây tre, Tỉnh uỷ Mỹ Tho làm việc được tốt trong tinh thần thống nhất. Tôi nghe nói chị Mười Tốt vẫn còn có dấu hiệu hoạt động, tuy là bề ngoài chị đi buôn cá. Chị Mười quen biết với tôi khá nhiều từ hồi 1934-1935, khi ấy tôi làm Bí thư Xứ uỷ và chị Mười làm cán bộ cơ sở, tôi đưa chị xuống Phú Xuân, Nhà Bè đi gánh dầu để hoạt động trong công nhân. Tôi tin rằng anh Chín Còn tham gia Tỉnh uỷ Mỹ Tho cũng là được sự tán thành của chị dâu là Mười Tốt.

[Sau 9-3-1945, chị Mười còn ở Mỹ Tho, vậy mà theo một đoạn hồi ký của Thép Mới (in ấn năm 1995, nhân kỷ niệm cách mạng tháng Tám), có bài của Thép Mới nói rằng, tháng 3 năm 1945, có chị Mười và Dân Tôn Tử có mặt ở Bắc và Trường Chinh đã trao cho họ chỉ thị: “Nhật-Pháp đánh nhau, hành động của chúng ta”. Ôi! Chị Mười khi ấy ở Mỹ Tho và Dân Tôn Tử (tức đồng chí Trần Văn Vi), ngày 10-3-1945, mới ra khỏi cãng (trại giam) Bà Rá thì làm sao họ đem Nghị quyết của Thường vụ Trung ương Đảng ngày 9 tháng 3 về Nam được? Bịa như thế thì than ôi, cũng có người tin, hể tin như vậy thì tất phải đặt câu hỏi: “tại sao được chỉ thị của Trung ương mà Xứ uỷ Nam Kỳ và anh Giàu không làm theo?”. Sao mà bày đặt ác thế? Ác thế để làm gì? Bịa trắng trợn, sao mà sách ở một nhà xuất bản lớn ở Hà Nội lại đăng? Tai hại cho lịch sử quá.]

Thành công của Dương Khuy ở Mỹ Tho trong việc lập Tỉnh uỷ cùng với Chín Còn, em chồng chị Mười Tốt (Mười Thập) có cái để mà phấn khởi. Riêng tôi thì, vào đầu năm 1945, tôi có đi Bà Điểm, Hóc Môn đến mấy lần. Vùng Củ Chi, Hóc Môn, Bà Điểm, tôi quen biết khá nhiều từ mười năm trước. Hồi 1933, khi tôi ở Liên Xô về, cái Đặc uỷ (ngang với Tỉnh uỷ) mà tôi tổ chức trước hết ở Nam Kỳ (trong sự cố gắng xây dựng lại hệ thống Xứ uỷ đã bị tan vỡ từ 1932), là Đặc uỷ Vàm Cỏ Đông, gồm các cơ sở Đảng ở quận Thủ Thừa (Tân An), quận Đức Hoà (Chợ Lớn) và quận Hóc Môn (Gia Định). Lúc ấy, tôi công tác với anh em Võ Văn Tần, Võ Văn Ngân và nhiều đồng chí ở Bà Điểm, Hóc Môn trong khi đó chị Hai Sóc (người phụ nữ vóc vạc lớn), chú Voi, (người thanh niên rất nhỏ thó), anh Ngử (em của Bùi Thủ là bạn thân của tôi hồi ở Toulouse, rồi ở Moscou), anh Đối (một tay nghề võ có tiếng ở địa phương), anh Mười Thịnh (ở tại chợ Hóc Môn) và nhiều anh em khác mà tôi đã từng dạy học chính trị trong Khám Lớn, Sài Gòn, hồi thời Mặt trận Bình dân. Tôi tin

rằng nếu ở Nam Kỳ mà có một trung tâm chỉ huy nào (Xứ uỷ hay Xứ uỷ lâm thời), khác với Xứ uỷ chúng tôi thì nó phải đóng hoặc ở vùng Hóc Môn, Bà Điểm hoặc ở Mỹ Tho chứ không thể ở đâu khác. Mà ở Sài Gòn, ở Mỹ Tho thì dứt khoát là, cho đến đầu 1945, không có Xứ uỷ, Tỉnh uỷ nào khác rồi. Chỉ còn Bà Điểm, Hóc Môn. Tôi lên đó thì được biết rằng còn một nhóm đồng chí hoạt động ít nhiều nhưng cũng không có Xứ uỷ Đảng Cộng sản. Tôi bàn với nhóm đồng chí đó là nên thống nhất với chúng tôi. Nhưng các đồng chí xem chừng không muốn, họ nói với tôi là bây giờ không tổ chức Đảng nữa mà chỉ tổ chức Việt Minh (?). Tôi lấy làm lạ và cho rằng có cái gì mới đây, và nếu các đồng chí nói đúng thì như vậy là “Chủ nghĩa thủ tiêu” (tôi nói tiếng Pháp là “liquidationnisme”) tức là một màu chủ nghĩa quốc gia dân tộc chứ không phải chủ nghĩa Marx-Lenin nữa. Chủ nghĩa Marx-Lenin nào mà lại thay Đảng bằng Mặt trận, thay Cộng sản bằng Việt Minh? Xứ uỷ Cộng sản thì tôi hiểu ngay chứ làm sao tôi hiểu được “Xứ uỷ Việt Minh”. Chỉ có thể có kỳ bộ Việt Minh nếu Việt Minh là một thứ Mặt trận phản đế. Hay là các anh ấy hiểu sai, hiểu lầm những chỉ thị nào đó của cấp trên của họ? Nếu họ hiểu sai, hiểu lầm thì sẽ là may mắn, còn nếu như họ hiểu đúng mà đúng như vậy thì chết rồi, họ đi ngược với chủ nghĩa Marx-Lenin rồi. (Về sau, sau cách mạng tháng Tám tôi mới hay rằng nghị quyết của Hội nghị Trung ương năm 1941 chỉ thị phải đưa Mặt trận Việt Minh ra hàng đầu để cho sự tuyên truyền cổ động về chủ nghĩa yêu nước được triển khai dễ dàng, Đảng Cộng sản đứng bên trong mà lãnh đạo một cách khéo léo, chớ tuyệt nhiên không phải lấy Việt Minh thay Đảng Cộng sản[1]). Tôi trở về Phú Lạc, nhờ Bảy Trân lên Bà Điểm điều tra thêm, Bảy Trân biết anh em, chị em Bà Điểm còn nhiều hơn tôi; Bảy Trân đi về báo cáo cũng y như tôi đã nghe biết. Mới đáng lo chớ! Nhưng, anh em Bà Điểm hồi đầu 1945, không có thực lực và không có hoạt động gì làm bọn tôi ngại, chớ nếu khuynh hướng “thủ tiêu chủ nghĩa” mà mạnh, dù một chút thôi, thì chắc là bọn tôi sẽ “đấu” dữ lắm, nghĩa là sẽ giải thích cho anh em chớ không thoả hợp, bọn tôi chủ trương là, y như trước nay, Đảng là Đảng Cộng sản, Đảng Marx-Lenin, còn Mặt trận có thể gọi là phản đế, dân chủ, Việt Minh, hay dân tộc, gì cũng được.

Tôi đi Bà Điểm lần thứ hai, thương lượng cũng không kết quả gì.

Tôi đi Bà Điểm lần thứ ba, sau cuộc đảo chánh Nhật độ tháng. Lần này thì thương lượng có kết quả. Tôi nghe nói một Xứ uỷ tự gọi là “Xứ uỷ Việt Minh” (của các anh em không muốn thống nhất với chúng tôi, vừa mới được thành lập ở Mỹ Tho, sau khi đồng chí Trần Văn Vi ở Bà Rá về). Vi ở trại giam Bà Rá mới về sau đảo chánh 9 tháng 3. Tôi (và nhiều anh em) biết rõ Vi là người mưu xảo, đâm bị thóc, thọc bị gạo. Nhưng anh này quả có tinh thần chiến đấu. Lâu nay tôi tưởng đâu anh này đã vượt căng (như bọn tôi, căng Bà Rá tuy ở xa hơn mà không khắt khe kỷ luật như căng Tà Lài), nhưng không; Vi từ căng về mới đây thôi, sau đảo chánh Nhật, mà khi về thì vận động ngay lập Xứ uỷ riêng (tháng 4/1945), mặc dầu Nam Kỳ quả có Xứ uỷ từ tháng 10/1943, có ra báo, ra sách. Thương lượng có kết quả, tôi hết sức mừng khi hai Xứ uỷ đồng ý thống nhất với nhau. Để bắt đầu làm việc thống nhất đó, hãy làm một việc quan trọng chung với nhau là cùng ra một tờ báo. Tờ báo tên gì? Tôi đề nghị lấy tên là báo Giải phóng. Tại sao lấy tên Giải phóng? Nguyên là hồi 1933-1934, khi lập ra Đặc uỷ Vàm Cỏ Đông cùng với các đồng chí Tần, Nguyên, Năm Quảng, tôi đã cùng với các anh trong Đặc uỷ lập ra báo Giải phóng, xuất bản hàng tháng, in xu xoa, có khi in ở Bà Điểm, có khi in ở Tân Phong, Tân Phú. Phần nhiều các bài xã luận đều do tôi viết. Bây giờ tôi đề nghị lấy lại tên báo Giải phóng để cho có một sự nối tiếp truyền thống đoàn kết. Anh em đều đồng ý.

Tôi về Phú Lạc sắp đặt cuộc Hội nghị thống nhất.

Thất vọng! Tôi về rồi thì anh em trong “Xứ uỷ Việt Minh” không đồng ý thống nhất nữa.

Tụi tôi liền mời đại biểu của “Xứ uỷ Việt Minh” xuống Trung Huyện (Chợ Lớn) tiếp tục thương lượng. Anh em Bà Điểm phái người xuống. Họp ở nhà cô Tám Đẹt (em gái của Bảy Trân và ở nhà vợ bé của Tư Ó – con trai bà Chùa). Ở hội nghị thì đồng ý tất cả cũng như lần vừa rồi. Nhưng về nhà thì không đồng ý nữa. Anh em Bà Điểm tự mình ra tờ Giải phóng riêng và như vậy, từ nay tự gọi là phe “Giải Phóng” đối lập với phe “Tiền Phong” – tờ báo của Xứ uỷ Nam Kỳ, của Đảng Cộng sản, bọn tôi phát hành từ cuối 1943, đầu 1944. Đó, nguồn gốc của việc “Tiền

Phong”, “Giải Phóng” là như vậy. Tôi không biết phải làm gì nữa để thống nhất.

Vào tháng 4, tháng 5 năm 1945, Hà Huy Giáp vượt ngục ở Trung vào Nam nằm ở nhà thương tư Phạm Ngọc Thạch. Anh Giáp đồng ý với bọn tôi là phải tổ chức Thanh niên Tiền phong; Giáp cùng chúng tôi đi giảng bài ở một số cơ sở lớp học Công đoàn và lớp học Thanh niên trí thức. Tôi nhờ Giáp làm cái việc thương lượng thống nhất mà tôi làm không được. Tôi nói rõ với Giáp là: với giá đất mấy cũng phải thống nhất, cái giá đó có thể là tôi – Trần Văn Giàu – từ bỏ chức vụ Bí thư Xứ uỷ nếu bên kia đòi hỏi. Cũng không thành công. Vì sao? Các đồng chí “Giải Phóng” trước hết là Vi và Dự nói: Giàu đầu hàng Pháp năm 1935, đã bán Deschamps cho mật thám Pháp; Giàu là tay sai của Pháp; ở Tà Lài, Giàu được Pháp biệt đãi; Pháp tổ chức cho Giàu và đồng bọn vượt cảng Tà Lài để phá cộng sản! Cho nên Giàu lập “Xứ uỷ Tiền phong” lấy cờ vàng sao đỏ làm cờ hiệu chống lại “Xứ uỷ Việt Minh” lấy cờ đỏ sao vàng làm cờ hiệu. Phe “Giải Phóng” báo cáo ra Bắc cũng y như vậy: Xứ uỷ của Giàu chống Đảng! Tôi nghe đâu anh em ngoài Bắc có gửi Bùi Lâm vào Sài Gòn điều tra tình hình hư thật thì Bùi Lâm về đã nói y như “Giải Phóng” và nói thêm rằng “Ngay cả thằng Giáp cũng bị thằng Giàu nó mua chuộc mất rồi”.

Nói đến việc Bùi Lâm thì, luôn thể nói luôn vụ Ngoạn. Sau này tôi mới hay rằng, trước khi phái Bùi Lâm vào Sài Gòn để bắt liên lạc với các đồng chí trong Nam, thì Trung Ương đã phái một đồng chí tên là đồng chí Ngoạn. Trước cách mạng tháng Tám, tôi không biết việc này, không biết người nào hết trong số ba đồng chí đó. Nhưng cái “Xứ uỷ Giải phóng” đã loan truyền rằng Ngoạn bị bắt ở Sài Gòn gần nơi ở của Trần Văn Giàu. Không ai nói thẳng rằng Giàu chỉ chỗ Pháp bắt Ngoạn, nhưng họ ám chỉ rằng Ngoạn bị bắt khi ở nhà Giàu đi ra. Hay không! Sau này tôi hỏi lại nhiều người thì được biết rằng, Ngoạn bị bắt cuối năm 1944. Từ mấy năm nay, sau khi vượt ngục, có ai biết nhà của tôi là ở đâu? Tôi chưa được liên lạc nào với người của các nhóm sau này tự xưng là “Giải Phóng”. Vậy mà họ vẫn có thể bày chuyện để sinh ra nghi vấn rằng tôi là tay sai của Pháp chỉ điểm bắt người liên lạc của Trung Ương. Khai bắt Deschamps, chỉ bắt Ngoạn là một loại việc làm như nhau thôi!

Bịa chuyện để vu cáo như thế, không còn cái gì trắng trợn, gian ác hơn!
Họ nói có, mình nói không; lấy gì làm bằng cớ để mà cải chính? May
thay, có nhà nghiên cứu lịch sử Nam Kỳ khởi nghĩa: anh Giang, đã tìm
thấy trong kho lưu trữ Sài Gòn tư liệu gốc sau đây, xin chép nguyên văn
(photocopy):

Annexe à l'envoi No7540-s du 27-10-1944 de S.S.Co.

ULTRA SECRET

Cochinchine

.....

.....

Le 27 Octobre 1944 No 46

Exploitant les déclarations de BUI Van DU la Police Spéciale a appréhendé
au début l'après-midi du 27 Octobre le Tonkinois NGUYEN Huu NGOAN
dit NGUYEN Tien NGOAN agent de liaison entre les organisations
communistes de la Cochinchine et du Tonkin.

P.S.Saigon.

.....

Gặp MT 279.

3. Hoạt động cộng sản. Địch bắt được Bùi Văn Dự và Nguyễn Hữu
Ngoạn ở Sài Gòn.

4. Bắt được Nguyễn Hữu Ngoạn Nhà in Giải phóng.

Dịch:

Ngày 27 tháng 10 năm 1944 SỐ 46

Khai thác lời khai của Bùi Văn Dự, Sở Công An Đặc Biệt trưa ngày 27 tháng 10, đã bắt tên Bắc Kỳ Nguyễn Hữu Ngoạn tức Nguyễn Tiến Ngoạn nhân viên liên lạc giữa tổ chức Nam Kỳ và Bắc Kỳ.

Có lẽ anh Lê Đức Thọ đã biết từ khá lâu tư liệu này cho nên trong Nghị quyết của Ban tổ chức về các vấn đề đòi giải oan của tôi, không thấy có kể vấn đề Ngoạn bị bắt. Nhưng vụ cáo đồn đãi lâu ngày, có thể nào lấy cái “im” mà giải oan được? Có cần chẳng phải nói thêm rằng Bùi Văn Dự là lãnh tụ số 2 của “Xứ uỷ Giải phóng” sau Trần Văn Vi, là người đã dẫn đầu mấy ngàn tín đồ Hoà Hảo có vũ trang kéo vào Cần Thơ, tháng 9 năm 1945, đòi nắm chính quyền trên 7 tỉnh miền Tây Nam Bộ. Dự bị ta bắt và được Hoàng Quốc Việt xin tha. Tập kết ra Bắc, Dự được làm một chức lãnh đạo ở Ban thống nhất, quản lý anh chị em miền Nam tập kết!!!

Rồi từ ngày Thanh niên Tiền phong xuất hiện, phe “Giải phóng” tặng thêm cho tôi (Giàu) một danh hiệu mới “tay sai của Nhật”, có người trong bọn họ giải thích: “đã làm tay sai cho Pháp được thì làm tay sai cho Nhật cũng được, chớ sao”. Cái nhóm Trần Văn Vi, Bùi Văn Dự (Giải Phóng) đi tới mức cho người ám sát tôi bằng bất kỳ cách nào. Theo lời một người đồng chí tên là Võ Văn Thanh con của Võ Văn Tần ở Đức Hoà, khi ấy được lệnh của Vi hể gặp Giàu thì có thể chém bằng mác, đâm bằng xà búp[2], giết chết một tên ở Tà Lài đã ngày ngày cùng sếp căng đi săn bắn, kiếm thịt rừng ăn nhậu; ở căng Tà Lài cũng như ở bót Catinat đều nằm giường ruột gà, nệm dày một chổng[3]!

Dựng đứng lên như vậy, mà than ôi cũng có người tin! Về sau, gặp tôi, Thanh, cũng tên là Sáu Voi (Giám đốc Sở Lương thực Thành phố) thú nhận kể lại cái sự ly kỳ ấy. Hoàng Quốc Việt biết chán âm mưu đó, nên ở cuộc chỉnh huấn Việt Bắc, Việt nói với tôi, để bảo tôi “khai thiệt” rằng “anh em để cho mình sống tới nay là may rồi” thế là Việt cũng tin và đã ghìm rằng ở bót Catinat, Giàu nằm giường lò xo, nệm một chổng; ở Tà Lài Giàu xách súng đi săn, ăn nhậu với sếp Tây; rằng Pháp tổ chức cho bọn Giàu vượt căng Tà Lài.

Thế là hết đường! Giữa năm 1945, sau khi phái viên đầu tiên của chúng tôi là Lý Chính Thắng[4] ra Bắc tìm Trung ương về tới Sài Gòn thì chúng

tôi được chỉ thị phái người ra Bắc họp Quốc dân đại hội. Xứ uỷ phái Giáp và Khiêm đi Việt Bắc để dự Hội nghị Quốc dân ở Tân Trào vì hai anh là xứng đáng đại diện, cũng vì hai anh cũng chưa làm công tác cụ thể gì, đi xa thì không phải khó tìm người thay. Còn tôi thì ở lại “chịu trận”.

Chán quá sức!

Có những phút tiêu khí lên cao, tôi tự bảo là có lẽ nên giao lại hết cho anh em mọi việc ở Nam Kỳ, ở Sài Gòn rút lui về Đồng Tháp Mười cùng vợ với một chiếc thuyền con, một gạ[5] gạo, một hũ mắm, một lu nước thả dọc sông Vàm Cỏ Tây, đậu dưới mấy cây bần gục trên mặt nước, giết thời gian bằng câu cá, bắt chim; hoặc tích cực hơn một chút, một thân một mình lên Cao Miên hoạt động, trong mấy tháng học cho rành tiếng Miên, chữ Miên rồi vào Nam Vang, lên Biển Hồ, nếu muốn làm nổi sóng, nổi gió cho mau thì tổ chức đánh theo kiểu Giảo Kim cướp muối nhà Tuỳ, ai mà bắt mình nổi? Làm cách mạng thì lâu dài, khó khăn, không làm giùm cho dân tộc bạn được, chớ đánh du kích nay đây mai đó, lấy của nhà giàu chia cho nhà nghèo, trừng trị kẻ gian ác, bệnh vực người yếu hèn, thì khó gì đâu? Tôi đã gợi ý với anh Kính, gọi là “Kính Ẩn Độ” (vì anh này giống người Ấn); cũng gọi là “Kính bóng đèn” (vì anh này cao ngều có khả năng giơ tay lên gỡ bóng đèn điện trên trần nhà), Kính đã từng đi làm thuê trên xứ Chùa Tháp; tôi cũng đã liên hệ với anh bạn trẻ Trang Văn Nhứt lúc ấy đang làm việc cảnh binh ở Nam Vang. Ở lại làm gì tại cái đất Nam Kỳ này để mang tằm mang tiếng, làm gì trầy vi tróc vẩy mà chịu hết vu cáo này đến vu cáo khác, phải chi là vu cáo của địch thì chẳng nói làm gì, đầu này lại là vu cáo của người cộng sản, đồng chí của mình thì ớn quá, chán quá!

Nhưng, vẫn còn những sợi dây vô hình buộc tôi lại với các bạn chiến đấu, hoặc đã chết, hoặc đang làm việc với tôi. Người chết quả có thể lực rất mạnh với người sống. Chú Văn râu xồm (Trần Văn Kiệt) học với tôi một trường, một lớp, hồi ở Chasseloup Laubat[6], cùng vào Đảng Cộng sản Pháp, cùng học ở Đại học Đông Phương, cùng ở căng Tà Lài, cùng vượt ngục; nó chết rồi. Anh em thể thốt làm cách mạng đến thắng lợi. Bây giờ nó không còn, tôi đang làm bí thư, một nghĩa vụ, một gánh nặng, một trách nhiệm. Công việc cách mạng đang tiến mạnh; mà bỏ

cuộc à? Biết bao nhiêu anh em đã chết rồi nhưng hình như họ sẵn sàng chê trách, phản đối tôi. Tôi không sợ Tây, không sợ Nhật, thì sợ gì bọn Biện Vi và Ba Dư? Nhưng mà tôi sợ con mắt trách móc, phê phán của tội bạn bè đã chết... Vả lại, Xứ ủy không đồng ý với ý định tiêu cực xin từ chức của tôi; anh em tỏ ý hoàn toàn tin nhiệm vào tôi. Thì tôi bỏ anh em sao được, tuy rằng đi Cao Miên cũng là tiếp tục làm cách mạng. Tôi bỗng nhớ rằng hồi cuối những năm 1920, ở Pháp, lúc đó tôi mới vào Đảng Cộng sản Pháp, có xảy ra vụ đồng chí Pierre Sémard[7], Tổng Bí thư bị vu cáo là nhân viên sở mật thám. Bọn vu cáo tính đánh một đòn chí tử vào đội tiên phong cách mạng ở nước Pháp. Tôi cũng có lúc nhớ (để mà tự an ủi) đến vụ Lenin, vâng, chính Lenin, bị bọn men-sơ-vích, bọn s.r.[8] và nhiều lũ khác vu cáo là tay sai của Đức vì Lenin được phép từ Thụy Sĩ qua nước Đức đang chiến tranh để về Nga sau cách mạng tháng Hai năm 1917. Nhưng, rốt cùng, bị lật mặt nạ chính là bọn vu cáo. Mình bị vu cáo mà mình bỏ đi thì kẻ vu cáo tự xem là đại thắng. Mình chết đi thì xem như mình thua cuộc. Tôi quyết định ở lại với anh em. Tôi hoạt động hăng hái hơn lúc nào hết. Tôi thiết tha với sự thống nhất các lực lượng cộng sản ở Nam Kỳ không phải vì “Xứ ủy Việt Minh” hay “Xứ ủy Giải Phóng” thành lập tháng Tư năm 1945, có cơ sở hay quần chúng; họ không có những cái đó, họ chỉ có từng lúc liên lạc với Bắc mà tôi chưa có. Tôi thiết tha là thiết tha với sự thống nhất của tất cả các người yêu nước cộng sản, vì Lenin từng dạy rằng phải giữ gìn sự thống nhất đó như giữ gìn con ngươi của chính mình. Tôi hiểu nhiều đồng chí trong đó. Tôi đốt gì mà không biết chắc rằng làm như các anh ấy thì chẳng bao giờ có cách mạng thành công ở Nam Kỳ đâu; có sức đâu mà làm? Thời cơ tốt thì anh em đó nhiều lắm là giành được chính quyền ở mấy làng, ở một vài quận là cùng. Tất nhiên không phải nhất thiết phải có các anh đó thì Xứ ủy Nam Kỳ mới tổ chức và lãnh đạo được khởi nghĩa cách mạng, bọn tôi không tự cao tự đại mà có ý thức sâu sắc về khả năng của Xứ ủy, của Đảng bộ mà chúng tôi xây dựng mấy năm nay, tiếp tục sự nghiệp lớn của các đồng chí đi trước. Không tự phụ mà chúng tôi tự tin lắm. Tôi (và tất cả các đồng chí cộng tác với tôi) sẵn hết sức thiết tha với sự thống nhất các lực lượng cộng sản ở Nam Kỳ, bởi vì theo nguyên lý của chủ nghĩa Marx-Lenin, Đảng Cộng sản phải là một ý chí duy nhất, không có bè phái, không có rạn nứt thì mới thật mạnh, mới khỏi bị kẻ địch lách mũi dao vào kẽ hở để phá phách, quần chúng khỏi hoang mang vì lẽ ông

cách mạng này nói ông cách mạng kia là xấu, là gian. Chuyện phê phán nhau giữa Đông Dương, An Nam, hồi 1929 là một bài học lớn. May hồi đó có Nguyễn Ái Quốc. Bây giờ Nguyễn Ái Quốc còn sống không, nếu còn thì làm sao anh biết được mọi uẩn khúc ở Nam Kỳ? Tôi ở địa phương, chẳng gì đi nữa thì cũng là một thầy giáo dạy hàng hai ba chục lớp về Đảng, về sự thống nhất là nguồn sức mạnh của Đảng Marx-Lenin phân biệt với các đảng xã hội dân chủ. Bây giờ mình thực hiện không nổi sự thống nhất thì “năng thuyết bất thành hành”[9] hay sao? Anh em “Giải Phóng” hình như có liên lạc với Trung ương, mình thì chưa, họ báo cáo, anh em ngoài kia có hiểu cho mình không hay là hiểu rằng bọn mình chia rẽ, bọn mình là tay sai của Pháp, của Nhật? Chúng tôi hồi hã chạy tiền gửi Lý Chính Thắng ra Bắc. Rồi tiếp tục gửi đại biểu đi họp Quốc dân đại hội, Xứ uỷ Nam Kỳ vui mừng gửi hai đồng chí Ung Văn Khiêm và Hà Huy Giáp ra Bắc, mong rằng hai chiến sĩ kỳ cựu này có thể có đủ uy tín để báo cáo đầy đủ tình hình và sẽ mang về một sự thống nhất từ bên trên xuống, khi mà ở cấp xứ chúng tôi thất bại liên tiếp trong việc thiết yếu này. Nhưng mãi đến sau cách mạng thành công thì Ung Văn Khiêm mới về đến Sài Gòn, cùng đi với Hoàng Quốc Việt, một ông đã đứng về phía các bạn của Biện Vi, Ba Dự rồi!

Hãy ghi rõ điều này. Trước khi Hoàng Quốc Việt vào tới Sài Gòn, nghĩa là sau Tổng khởi nghĩa, sau ngày độc lập (chiều tối ngày 2 tháng 9), tôi và Xứ uỷ chúng tôi không có nhận được một chỉ thị nào hết của Trung ương. Nếu sau 9 tháng 3, tôi được đọc một vài tài liệu về Việt Minh ấy là tình cờ do giao thiệp cá nhân mà có. Không chỉ thị viết, không phái viên nào đến gặp chúng tôi để chỉ thị mệnh, nghe nói có vài người vào mà các anh chị ấy không hề gặp Xứ uỷ và tôi. Sau, nghe nói có đồng chí Ngoạn vào Sài Gòn, đồng chí ấy bị bắt thì Trần Văn Vi và Bùi Văn Dự hô lên rằng tôi chỉ điểm bắt Ngoạn ở một địa điểm gần nhà tôi sau khi gặp tôi. Ghê chưa? Hồi đó, tôi có nhiều nhà. Ai biết tôi ở nhà nào? Và tôi chưa hề gặp một ai từ Bắc vào liên lạc, kể cả Bùi Lâm mà sau này tôi mới biết mặt. Chúng tôi chỉ tùy sức mình, tùy tình hình mà liệu công việc phải làm; cho nên không thể không có sự khác biệt giữa Xứ uỷ chúng tôi và các quyết nghị của Trung ương, khác biệt nhiều khi quan trọng, nhưng không thể chối cãi rằng về mục tiêu lớn của Tổng khởi nghĩa cách mạng là đồng nhất.

Bây giờ hãy trở lại mấy điều vu cáo đầu tiên, kể theo thứ tự thời gian.

Không biết tôi sinh vào cái năm gì, nhằm cái ngày nào, cái giờ nào, mà riêng một khoảng đời chỉ vài ba năm, tôi bị liên tiếp mấy cái vu cáo, cái nào cái nấy lớn bằng trái núi, riêng mỗi cái thừa sức đè tôi nát như tương bầm.

Vu cáo thứ nhất: “Ông Giàu bán Deschamps cho Pháp và khai bắt các đồng chí hồi tháng Tư năm 1934”.

Vu cáo thứ hai: “Ông Giàu và đồng bọn được Pháp tổ chức vượt ngục Tà Lài năm 1941, để ra phá cộng sản, phá cách mạng”.

Vu cáo thứ ba: “Nhân viên liên lạc của Trung ương ở Bắc vào Nam, đến Sài Gòn, khi ở nhà Giàu đi ra thì bị mật thám bắt!”.

Vu cáo thứ tư: “Ông Giàu là tay sai của Nhật, chủ trương lập Thanh niên Tiền phong ở Nam Kỳ để giúp Nhật làm chiến tranh Đại Đông Á!”.

Còn một số vu cáo khác nữa. Hãy kể bốn cái vu cáo lớn đó đã. Không phải giống như đánh một roi cá đuối vào lưng hay bị một trận đánh nhiều roi, đau ở lúc đó rồi thôi; đầu này, bị vu cáo, nhất là vu cáo chính trị, thì tai tiếng kéo dài, không biết đến chừng nào dứt, người ta cứ xầm xì xầm xít, rỉ tai nhau, người nghe tin thì chưa chắc đã tin, mà không thì chẳng phải là không, ngờ ngờ, vực vực. Ba chữ “có vấn đề” thật vô cùng tai hại. Tất nhiên địch lợi dụng tình hình khoét sâu thêm chỗ chia rẽ tăng thêm, bày thêm ngờ vực; đại gì mà không làm.

Tiếng đồn này đồn dập hồi đầu và giữa năm 1945, khi ấy tôi làm Xứ uỷ Nam Kỳ, đang cùng anh em xúc tiến mạnh sự chuẩn bị Tổng khởi nghĩa. Tôi thường nghĩ rằng, nếu hồi đó tôi chỉ là Bí thư của một chi bộ xã ở một xó Đồng Tháp Mười, thì chẳng ai vu cáo tôi làm gì, có khi lại còn được khen là chịu khó và được việc. Nhưng mà “chữ tài lại với chữ tai một vần”, “đã mang lấy nghiệp vào thân”, tôi đứng đầu sóng ngọn gió và công việc phát triển rất mạnh, nên bị vu cáo đồn dập. Cái thứ triết lý “tài mạng tương đối”, “nghiệp quả” là chỉ để nghe mà chơi cho nó bớt căng thẳng chính trị, chớ có nhằm vào đâu? Còn như điều phải chú ý, phải

không thể không chú ý, là, đáng lý trong một đảng cách mạng chân chính, tuy không nên xuề xoà che lỗi cho nhau, hẳn không nên quen cái thói đâm nhau đằng sau lưng. Không nên có sự vận động mờ ám hãm hại lẫn nhau. Hữu sự thì kiểm thảo, thì họp “toà án đồng chí” mà xét xử cho đâu đó rõ ràng, chưa rõ ràng thì tạm kết luận là chưa rõ, còn rõ thì có kỷ luật. Có đâu lại thọc gậy bánh xe, mà xe là xe cách mạng đang tiến nhanh. Thiếu gì đất trống để ai muốn khai phá tới đâu thì khai phá, quèo chân nhau làm gì, bôi lọ nhau làm gì, quèo chân người ta, người ta có ngã đâu, bôi lọ người ta, hàng triệu nhân dân có mất tín nhiệm người ta đâu, mà thường lệ, như người xưa nói, “hàm huyết phún nhơn, tiên ô tại khẩu”, ngậm máu phun người trước dơ miệng mình. Dơ miệng họ, tất nhiên, mà cũng lấm áo mình. Chúng tôi chẳng khi nào đi nói xấu bất cứ một điều gì, bất cứ một ai của nhóm Giải Phóng, tuy ở đó không phải mọi việc, mọi người đều hoàn hảo, không phải không có người cũng đứng đầu mà có tai tiếng và tai tiếng có bằng cứ rõ ràng nữa? Mà bên Xứ uỷ Tiền Phong có bao giờ hở môi đâu? Sao không chút nghĩ rằng, làm chuyện vu cáo thì ít nhiều cũng là làm lợi cho quân thù, làm hại cho cách mạng? Hoặc chính thằng Pháp nó gài bẫy cho ta mắc chân vào thì nó cười hì hì? Mà giá thằng Giàu nó chịu đòn không nổi, nó khai cho Deschamps và anh chị em đồng chí đi nữa, mà rồi ở trong nhà tù, nó dạy anh em học, nó tìm cách vượt ngục và nó tiếp tục hoạt động không nản chí, thì đáng lẽ phải khuyến khích nó chớ sao lại đâm lưng, đâm hông nó? Ích gì? Để thỏa mãn cái tính gì? Tính đó chắc hẳn không có gì là yêu nước, là cách mạng, là cộng sản. Những người có vai trò quan trọng trong công tác mà bị địch bắt giam, tra khảo, nhất là khi cùng bị bắt lại có đồng người, mấy ai được như Trần Phú? Mấy ai không khai, không nhận gì hết? Còn như không hề bị bắt, hoặc có bị bắt mà không bị tra tấn, hoặc ít bị tra tấn, đối chiếu, vì lẽ này hay lẽ khác, nên khai ít, nhận ít, thì xin chớ tự cao tự đại, lên mặt lên mày, kết án người này người kia để đề cao mình.

Sự thật trong vụ Deschamps năm 1935 như thế nào?

Giàu có nằm bệnh viện ở bót Catinat không? Làm gì có chuyện đó? Nếu có thì ai thấy? Kể tên một người xem! Nó ở truồng nằm xà lim Catinat hơn 4 tháng. Ai được biệt đãi thì nói người ấy, sao lại bảo là Giàu? Lúc đó ở xà lim Catinat có hàng chục anh em, giấu ai được? Vì sao mà

Deschamps bị bắt? Giàu có bán Deschamps không? HỒI 1935 báo La Dépêche của De Lachevrotière[10] có viết như vậy; tôi có đọc. Nhưng Tây nó viết thì tin là đúng hay sao? HỒI đó anh em ở bót Catinat ai cũng biết, người bị bắt mà được Tây ưu đãi không phải là Giàu. Giàu vẫn trần truồng chịu còng, chịu muỗi trong xà lim số 4, như tất cả mọi người. Ở bót, ai ra sao, bị tra tấn tới mức nào, khai báo cái gì, không ai giấu ai được. Qua Khám Lớn lại càng rõ hơn. Vì hễ ai khai cho ai thì cả hai đều bị Tây đem ra cho giáp mặt với nhau. Không một ai là người đồng chí Việt Nam trong vụ Deschamps này đã giáp mặt với tôi tại bót hết. Sáu Vi, Mười Tốt, v.v... hai anh chị này sau thuộc nhóm “Giải Phóng”. Bảy Trân, các anh Phúc, Đức, Khuy, v.v. sau này ở trong Xứ Ủy, cùng vụ Deschamps với tôi, có ai nói tôi bán Deschamps đâu, có ai không tín nhiệm tôi đâu, chính họ bầu tôi làm bí thư Xứ ủy đó; Châu Văn Giáp, Phan Văn Đại, Nguyễn Hữu Thế cũng vậy, trong vụ Deschamps có ai bảo rằng tôi đầu hàng Tây đâu, họ vẫn hợp tác chặt chẽ với tôi về sau. Sau khi từ Catinat về Khám Lớn có kiểm điểm. Có ai tố cáo là tôi bán Deschamps và khai bắt anh chị em đâu! Tôi có trách nhiệm gì trong vụ bắt này không? Nói là hoàn toàn không thì đúng. Tôi không bằng Trần Phú, cái đó thì quá rõ rồi. Báo La Lutte lúc đó cũng viết như vậy. Nhưng bảo rằng tôi bán Deschamps, khai bắt anh em thì sai, không đúng, không đúng chút nào. “Bán” để được cái gì? – Để được cái không được ân xá trong suốt thời kỳ Chính phủ Mặt trận Bình dân, trong lúc hàng trăm tù chính trị và tuyệt đại đa số anh em trong vụ Deschamps (trừ ba: Giàu, Thế, Vi) đều được về trước khi mãn án? – Để được tổng đi trại tập trung sau chín ngày mãn án về nhà? Lên Tà Lài tôi được trăm phần trăm anh em tín nhiệm, bầu làm đại diện. Vượt ngục, lập lại Xứ Ủy, trăm phần trăm đại biểu hội nghị bầu tôi làm bí thư. Trong số đại biểu này có bốn, năm đồng chí nguyên là trong vụ Deschamps.

Vậy ai khai bắt Deschamps?

Có ai trong những người lãnh đạo Xứ bộ Nam Kỳ hồi 1935 “bán” Deschamps không?

Tại sao người liên lạc của Đảng Cộng sản Pháp bị bắt?

Nói người này, nói người kia thì bằng cứ ở đâu? Trong những vấn đề loại này rất khó mà chứng minh. Nhưng cuối cùng rồi cũng vẫn có thể làm sáng tỏ vấn đề. Tôi nghe phong phanh rằng, hồi 1952, ở Nam Bộ có cuộc chỉnh huấn; rằng trong cuộc chỉnh huấn này có một đồng chí đã nhận hồi năm 1935, chính mình đã khai bắt Deschamps. Hồi 1952 đó, hình như Ban Tổ chức Trung ương Đảng có điện hỏi Xứ uỷ (hay Trung ương Cục) về vấn đề này thì được điện trả lời rằng, khai bắt Deschamps không phải là đồng chí Giàu mà là một đồng chí khác. Tôi không được đọc bức điện. Nhưng có mấy đồng chí được đọc, và họ có can đảm nói lên sự thật ấy trong vài cuộc họp hội nghị cán bộ bàn về lịch sử Đảng bộ thành phố Sài Gòn. Tôi mừng lắm, nên có viết thư cho người đã được đọc điện của Ban Lịch sử Đảng thành phố Sài Gòn, người đó là Lưu Phương Thanh (Phó trưởng ban Lịch sử Đảng thành phố Hồ Chí Minh).

Tôi xin chép lại ở đây bức thư của Lưu Phương Thanh trả lời cho tôi:

Kính gửi: Đồng chí Trần Văn Giàu

Thưa đồng chí,

Chúng tôi nhận được thư của đồng chí hỏi về vụ Deschamps. Vì quá bận rộn mãi tới nay mới viết thư này trả lời đồng chí được.

Cơ quan chúng tôi không làm công tác tổ chức nên không lưu hồ sơ thuộc về lý lịch của các đồng chí, mà chỉ lưu một số tư liệu có liên quan đến tiểu sử một số ít đồng chí có cương vị lãnh đạo trước đây tại thành phố để nghiên cứu.

Về vụ Deschamps chúng tôi có đọc một tư liệu hiện lưu tại văn phòng Trung ương Đảng, trong đó có một bức điện của Xứ Ủy Nam bộ điện trả lời Trung ương hỏi, có nói rõ việc khai ra Deschamps là một đồng chí khác chứ không phải đồng chí Trần Văn Giàu.

Chúng tôi thiết nghĩ Trung ương đã biết rõ việc này thì đồng chí khỏi lo gì. Đảng không đánh giá sai đảng viên.

Kính chúc sức khỏe đồng chí.

Lưu Phương Thanh

Phó Ban nghiên cứu lịch sử Đảng

Thành Ủy thành phố Hồ Chí Minh

Ký tên (đóng dấu)

1.7.1983

“Đồng chí khỏi lo gì”: cảm ơn đồng chí Thanh.

Về vấn đề này thì đúng là từ ấy tôi hết lo!

Nhưng trước đây không lo sao được?

Tôi định tới 75 tuổi sẽ viết một hồi ký về những năm 1940-1945, giải quyết mấy vấn đề lịch sử cá nhân. Nhưng hồi 1980-1981, tôi bị cấp cứu tới ba lần. Lo chết mà hàm oan chưa được giải. Cho nên tôi mới viết thư cho Thanh. Chẳng những viết thư cho Thanh tôi còn viết thư cho Bảy Trân mà gia đình ở Phú Lạc đã chứa chấp, bảo vệ tôi nhiều lần, mỗi lần khá lâu. Vùng quê của Bảy Trân đã chứng kiến nhiều hội nghị tôi tổ chức; ở đó, tôi quen tất cả, biết mọi người. Tôi bị bắt hai lần, lần tháng 10 năm 1933; lần tháng 4 năm 1935, trước đó cũng đã lui tới ăn ở tại vùng Bảy Trân mà câu hỏi đầu tiên của mật thám khi chúng bắt được anh là: “Anh ở đâu?”. Tôi không lần nào làm phiền gia đình và chòm xóm của Bảy Trân khi tôi bị bắt. Tôi nghĩ rằng Trân có thể là một nhân chứng của vụ Deschamps, trong đó Bảy Trân và mấy anh em nhà cũng bị bắt giam. Tôi viết thư cho Trân:

“Đồng chí Trân,

Người bảy mươi tuổi hiếm có. Mà bác và tôi đều đã quá bảy mươi, nghĩa là gần đất xa trời lắm rồi. Mấy năm nay, tôi bị cấp cứu mãi, trước khi đi theo Cụ Hồ, Cụ Tôn tôi muốn làm rõ một vài vấn đề chính trị của

cá nhân để nhắm mắt yên ổn và để con cháu khỏi thắc mắc vì lời qua tiếng lại.

Vụ Deschamps xảy ra hồi tháng Tư năm 1935, cách đây gần 50 năm rồi, mà vẫn còn mấy điểm mờ. Hồi trước cách mạng tháng Tám, Trân còn nhớ, có một nhóm người nói rằng, tôi, Trần Văn Giàu, khai bắt Deschamps, nhân viên liên lạc của Đảng Cộng sản Pháp và khai bắt nhiều đồng chí khác. Tai tiếng đến nay chưa hết.

Trân là người trong vụ Deschamps. Đồng chí biết gì về việc khai bắt Deschamps thì xin đồng chí viết ra rõ ràng. Giàu có phải chịu trách nhiệm việc Tây xuống tàu Félix Roussel bắt Deschamps không? Nhờ đồng chí nói thật kỹ. Trần Văn Giàu tuy không can đảm tuyệt vời như Trần Phú, nhưng có đến đổi phụ bạc lòng tin của gia đình, làng xóm Bảy Trân đã đùm bọc tôi nhiều năm không?...”

Tôi được thư trả lời sau đây của Trân (thư viết tay, bản thảo tôi còn giữ):

“Tôi Nguyễn Văn Trân, bí danh Xôi, năm nay 77 tuổi, cán bộ hưu trí hiện ngụ ở 468/19 Võ Di Nguy, phường 3, Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh, là một đảng viên kỳ cựu, có tham gia các phong trào cách mạng của Đảng Cộng sản Đông Dương nay là Đảng Cộng sản Việt Nam, từ 1930, sau khi học trường Đại học Đông Phương ở Moscou khoá 1927/30. Nay tôi còn nhớ rõ nội vụ Complot Giàu-Dứt-Deschamps, tháng Tư năm 1935 như sau: trước cái năm 1935, đồng chí Trần Văn Giàu ở đóng trong gia đình bà con dòng họ tôi tại vùng Phú Lạc gần xã Đa Phước, xã An Phú và xã Phong Đức, để công tác lãnh đạo cho Đảng Cộng sản mà tôi có nhiệm vụ bảo vệ, bố trí chỗ ở đóng. Đồng chí Trần Văn Giàu ở vùng tôi rất lâu, bà con họ hàng tôi ai cũng biết, và coi đồng chí Giàu như ruột thịt, cảm mến và thương yêu như bà con trong họ. Khi vụ Deschamps đổ bể, Đảng bộ bị bắt bớ, có một số đồng chí, thậm chí Trung ương Đảng, nghi là vụ bắt bớ đồng chí Deschamps là do đồng chí Giàu khai báo, phản phúc. Sự thật là vô cùng oan ức cho Giàu, mà sự bắt bớ đó do D. tức L. đi học ở Liên Xô về, do Giàu chỉ thị tôi lên rước D. tại nhà Huỳnh Tấn Phát, kiến trúc sư ở đường Legrand de la Liraye góc đất Thánh Tây[11] Sài Gòn, đem về Phú Lạc bố trí ăn ở nơi các nhà bà con họ hàng tôi và tham

gia công tác Đảng với chúng tôi. D. đi công tác, bị bắt, bị tra tấn, chịu không nổi mà khai báo, nên các cơ sở bị đổ vỡ, khai bắt luôn Deschamps. D. dẫn một bảy lính kín xuống xét bắt các nhà chứa nuôi và cộng tác gồm mẹ, dì ruột, mợ, cậu, con cậu dì và anh em ruột tôi cả thấy mấy chục người, không từ người nào, bị tra tấn, bị tù... Cơ sở liên lạc tin cậy lâu nay của Đảng là chùa Cao Đài của dì Bảy tôi bị hết. Chớ đồng chí Giàu không hề khai báo một ai, ở vùng này mặc dầu ở lâu, biết nhiều người, cơ sở. Sau D. cũng phản tỉnh, thú nhận là anh bị tra tấn, chịu không nổi mà khai thôi, khi Giàu ra tù vẫn tiếp tục xuống và hoạt động lại ở vùng tôi, mọi người đều chứa chấp, nuôi dưỡng coi Giàu như ruột thịt. Cho tới bây giờ, Giàu già, về hưu mà mọi người đều cảm phục, nhớ thương, nhắc nhở, mời mọc về quê luôn; họ gọi Giàu là thầy Sáu Trắng...".

Những bức thư trên, bắt đắc dĩ tôi mới chép ra đây, nguyên tôi chỉ muốn giữ làm gia bảo, nhưng bây giờ tôi sắp theo Cụ Hồ rồi, chẳng còn ai nói rằng tôi kiếm cách để trở lại quyền vị; mà phải làm sáng điều còn tối, nên ghi lại đó thôi. Trong công việc làm cách mạng có một số bạn vô tình mà hiểu lầm, và, than ôi, cũng có một vài người cố ý bày chuyện, hay vẽ thêm để hạ anh em hòng được quyền vị. Hạng ấy chẳng đáng kể, nhưng quả là những con sâu làm sầu nổi canh!

Hai bức thư của Thanh và của Trân nói đã rõ, nhưng chưa hết.

Theo chỗ tôi (Trần Văn Giàu) biết, biết chắc lắm, thì ngay cả đồng chí D. tức L. cũng không phải là nguyên nhân đầu tiên của việc bắt đồng chí Deschamps và một số đồng chí Việt Nam hồi tháng 4 năm 1935. Hồi 1935, sau khi bị bắt, trước khi bị đưa ra toà, Vi, Dụt, tôi (Giàu) và sau đó hỏi ý chị Mười Tốt (sau này là Nguyễn Thị Thập), chúng tôi nhất trí với nhau rằng thủ phạm vụ này là thằng thợ Sáu, cũng gọi là Sáu Nhỏ. Thợ Sáu, người Quảng Nam, vào Sài Gòn không rõ từ hồi nào, nói là làm thợ máy và thật ra thì y cũng biết máy ô-tô chút đỉnh. Một hôm, chúng tôi còn ở Khám Lớn (vụ trước) thì Sáu và hai người nữa bị bắt ở Xóm Chiếu vì rải truyền đơn cộng sản, họ bị tù ba đến sáu tháng. Ai vô tù, bọn tôi cũng huấn luyện chính trị. Vi (Trần Văn Vi tức Biện Vi) lo dạy học cho ba tay thợ mới vào. Trong ba tay này, Sáu nhanh nhẩu hơn hết, chịu huấn luyện

đến nửa năm đã có thể làm một cán bộ trung cấp. Vi và Sáu mãi tù gần cùng một lúc. Ra tù, Vi hoạt động tại Sài Gòn, cộng tác mật thiết với Sáu. Vi làm Xứ ủy viên, Sáu làm cán sự thành, sau đó kiêm cả liên lạc quốc tế vì nó biết nói chút ít tiếng Pháp, tiếng Quảng Đông; hàng ngày nó đối phó là chồng chị Mười Tốt, khi ấy làm việc ở hãng dầu Phú Xuân mà nhà thì ở Bàn Cờ. Trước khi tôi phụ trách cả Bí thư Xứ ủy và liên lạc quốc tế (những mối liên lạc này chủ yếu do tôi tạo lập từ khi tôi ở Moscou về Sài Gòn). Sau đó, Dứt ở Tàu về Sài Gòn, tôi giao liên lạc quốc tế cho Dứt (1934), và Vi giới thiệu thằng Sáu Nhỏ cho Dứt để lên xuống tàu trực tiếp với các đồng chí Pháp, Trung Quốc, chớ để Dứt trực tiếp thì dễ lộ bí mật lắm. Công việc bình thường, tàu bè qua lại, báo cáo chỉ thị và tài liệu gửi đều. Tôi ra nước ngoài vài tháng. Khi tôi trở về Sài Gòn, tháng 3 năm 1935, thì Sáu Nhỏ đón tôi; có Vi có Dứt nữa. Vi bảo Sáu Nhỏ đem tôi gửi tạm một nơi trước khi bố trí chỗ ở lâu dài. Sáu Nhỏ đem tôi lại ở nhà anh sộp-phơ của một thằng Pháp xếp hãng rượu Bình Tây, thằng Pháp thì ở đường bây giờ là Võ Văn Tần; sộp-phơ của nó ở Bàn Cờ, từ đường Verdun (bây giờ là Cách mạng tháng Tám) vô không đầy một trăm thước, một căn phố gỗ lợp ngói, nhà không có ống nước, phải xài nước giếng. Tôi về nhà mới một buổi tối, liền đã sanh nghi, bởi vì không rõ người bên cạnh là ai mà vách bồ kho[12] cho phép người bên cạnh trông sang và nghe nói. Không thể ở được. Tối hôm đó, tôi ngồi ngoài sân, sân không đèn điện, chỉ có đèn trời, thấy người nhà bên cạnh ra cùng ngồi chơi mà sao anh ta lại chọn hai chỗ ngồi lạ lùng, ngó thẳng mặt và ngó cạnh mặt. Chắc nó nhìn theo hình chụp ở bốt để xem tôi là ai, có đúng đối tượng nó phải bắt không? Đêm ấy tôi không ngủ, đợi tới khuya, lúc có người ta đi gánh nước thì tôi mặc quần xà lỏn, xách gàu, xách thau ra giếng. Với ý định là “giông” với cái xà lỏn đó, lẫn vài phút trong bụi rậm của Bàn Cờ, trong xóm ngõ quanh co như trận đồ bát quái thì thánh mà tìm ra! Nhưng, tôi vừa đặt gàu xuống miệng giếng thì một bầy lính kín đến còng tay tôi. Bị bắt lần này khác với hai lần trước, cò không hề hỏi tôi vậy tôi ở nhà ai, ai đem lại ở nhà đó, chủ nhà làm gì, tên gì. Cũng không thấy Tây nó bắt chủ nhà và thằng thợ Sáu. Thế là rõ. Mười ngày sau, Deschamps và một đồng chí Trung Quốc (làm tàu khác) bị bắt. Thợ Sáu vẫn an toàn! Anh ta lại vào thăm tội tôi khi tội tôi bị thành án. Lại một điều, theo lời chị Bảy Huệ (sau đó là Phó trưởng Ban Tổ chức), thợ Sáu vẫn tiếp tục hoạt động và nhà nó lại là chỗ tá túc của một

số anh chị em ta đang công tác! Chị Bảy Huệ nói rằng, lúc đó anh chị em đã nghi ngờ sự đi về của thợ Sáu mà không biết gì rõ hơn.

Đầu đuôi là như vậy. Tội tôi Vi, Dứt, Giàu đều tính chắc rằng thằng Sáu là người của Sở Mật thám gài vào. Vậy thì chuyện rải truyền đơn bên Xóm Chiếu năm trước là một sự giả mạo, một cái bẫy. Mà tội tôi, nhất là Vi, không điều tra rõ lý lịch của Sáu; lại ai nấy đều thích có một anh thợ máy trong hàng ngũ để làm công vận cho nên Sáu mau lên, lên cao, thế mới chết! Chính nó làm ra cố sự. Chính nó dâng Deschamps (và đồng chí Trung Quốc mà tôi quên tên) cho Tây. Mỗi liên lạc mà tôi dày công đặt từ đầu 1933 bỗng bị đứt đoạn. Có lẽ theo dõi báo Tây, anh em đồng chí Đảng Cộng sản Pháp thắc mắc về tôi, sao khỏi? Nhưng, các đồng chí ơi, có phải tại tôi đâu? Việc đã đổ bể, bây giờ nói tại anh này thiếu cẩn thận, anh kia thiếu điều tra, ích gì? Ngay tôi là một thằng không phải không có chút mưu trí, tại sao tôi nghe lời Vi để cho thợ Sáu dẫn tôi lại một nhà người tôi chưa hề biết, vào một nhà tôi chưa hề tới? Sao tôi lại ngốc đến thế? Sao tôi không về Phú Lạc, Bàu Lãng, Chợ Gạo, thiếu gì chỗ?

Đầu đuôi như vậy. Deschamps bị bắt, không phải tại tôi, chắc chắn cũng không phải tại Dứt mà do thợ Sáu, Sáu Nhỏ là nhân viên của Sở Mật thám chui vào hàng ngũ của ta.

Ấy vậy mà, khi cần đạt một mục đích “chính trị”, mục đích phá hoại hay cản trở công tác đang phát triển mạnh của Xứ ủy Nam Kỳ mà chính tôi làm bí thư thì người ta đồn đại, báo cáo rằng “Giàu bán Deschamps”, “khai bắt đồng chí”. Bán để được cái gì? Để không được “ân xá” suốt từ 1936-1939 khi hàng trăm, (hàng ngàn) anh em, chị em được ra tù? Để ở hết án không thiếu một ngày? Để khi mãn tù, ra được chín ngày thì lại bị bắt đem đi trại tập trung?

Vu cáo ghê gớm quá! Đê hèn quá! Nhưng trong đảng bộ Nam Kỳ, trong Xứ ủy Nam Kỳ, không ai không tin nhiệm tôi. Cho nên tôi quyết tâm đền đáp cái nghĩa lớn ấy bằng cách dám hy sinh tất cả, suốt đời phục vụ cách mạng, phục vụ quê hương. Nếu có những phút yếu đuối, muốn “thôi cho rảnh”, muốn, “đi nơi khác làm ăn”, thì đó chỉ là tạm thời, thoáng qua.

Vụ cáo lớn thứ hai: “Tây tổ chức vượt ngục Tà Lài của Giàu”. Lý do: “Mọi đoàn người vượt ngục đều bị bắt lại, chỉ có Giàu và đồng bọn thoát khỏi”.

Vụ cáo này được truyền ra ở Nam Kỳ sau cái vụ cáo tôi vừa trình bày ở bên trên, và trước một ít cái vụ cáo rằng Giàu là tay sai của Nhật, nó phổ biến nhất là vào giữa năm 1945, mà người ta đã xầm xì xầm xít từ đầu năm kia sau khi biện Vi ra khỏi cảng Bà Rá và lập “Xứ ủy Việt Minh” ở Mỹ Tho với năm, ba đồng chí mà anh ta là bí thư.

Sao lạ vậy? Vượt ngục được là nhờ Tây tổ chức! Lý do gì mà “hay” đến thế? Trước nay, biết bao cuộc vượt ngục thành công? Tưởng đâu là chuyện tầm phào bậy bạ của vài anh chàng nào đó không đáng quan tâm. Thế mà, đến cuộc chỉnh huấn hồi mùa đông 1951-1952 ở Tân Trào, ông Hoàng Quốc Việt[13], một đêm, – người ta có cái thói “hỏi cung ban đêm” –, tôi được Việt mời lên văn phòng của ban phụ trách. Có mặt Việt, vài anh cố vấn Tàu trẻ bần, một phiên dịch cho cố vấn, Việt hỏi tôi:

– Sao, hồi 1941 anh ra khỏi cảng Tà Lài như thế nào, nói lại hết cho chúng tôi nghe. Pháp nó tổ chức cho anh đi làm sao, kể lại cho rõ, cho đúng. Người Nam Bộ anh hùng, có gì nói nấy, không sợ ai, đúng nói, sai cũng nói. Nói đi!

Nghe Việt bảo, như sét đánh bên tai! Nói thật, nếu không phải là chỉnh huấn, nếu là ngày thường mà Việt bảo như vậy, tôi sẽ đặt cho anh một câu hỏi: “Anh hỏi thật hay nói chơi?”. Nếu Việt trả lời “thiệt chứ”, thì tôi đã cất cái mũ văn nhân của tôi vào túi rồi. Đó là vào năm 1952, hơn chín năm sau cuộc vượt ngục Tà Lài, bảy năm sau khởi nghĩa tháng Tám! Như vậy là người ta từ đó đến nay vẫn không trông thấy cái phi lý của lời vu cáo ở nhóm “Giải Phóng” của biện Vi mà ra. Trái lại, anh em phụ trách tổ chức và lãnh đạo vẫn ngờ vực rằng Pháp tổ chức cuộc vượt ngục Tà Lài của tôi! Trời ơi là trời!

Chủ tịch Hồ Chí Minh và ông Hoàng Quốc Việt (quần áo sẫm),

viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, tiếp phái đoàn VKSNDTC Trung Quốc.

Có cái điều khá hài kịch trong cái chuyện bịa này là Hoàng Quốc Việt không rõ đã học của ai cái thứ khiêu khích trẻ con này: “Anh là người Nam Bộ anh hùng, có gì nói nấy, không giấu giếm, nói cái sai của mình là một sự can đảm; nói đi, Pháp nó tổ chức cho anh vượt ngục thế nào?”. Cái thứ khiêu khích trẻ con còn được kèm theo sau đó một sự đe dọa; cũng không lấy gì làm “người lớn”: “anh em người ta để cho mình sống tới nay thì may lắm rồi! Hãy nói thật đi!”. À té ra Việt và một bọn nào đó đã có tính “khử” tôi thật! Mà khử chưa được, hoặc còn do dự! Việt nói tới đây thì tôi đã nổi giận xung thiên rồi. Nhưng đây là chỉnh huấn, với phương châm là thành thật, nói theo lối Tàu khi ấy là “thực sự cầu thị”. Biết đâu người ta chẳng có gì ác ý mà thành thật, vậy ta hãy cứ bình tĩnh mà trả lời. Tôi đáp:

“Anh Việt à!

Vượt ngục Tà Lài lần đó không phải chỉ có mình tôi, có nhiều anh em, trong đó có cả Tô Ký, bây giờ là khu trưởng kiêm chính uỷ Khu 7, là người trong phe “Giải Phóng”. Vậy các anh điện hỏi Tô Ký đi! Hỏi thêm Phúc, Đức, Khuy, Ty, hàng chục anh em cùng ở cǎng Tà Lài, cùng vượt ngục, cùng công tác và bây giờ nếu còn sống mà tôi biết là còn sống thì đều có cương vị lãnh đạo cả. Hỏi đi thì rõ, chớ vu cáo tôi, mặt sát tôi như thế, giữa rừng Tân Trào này, tôi thanh minh cách nào được, chỉ có “thề” mà thôi, mà “thề” thì tin sao được?”

Việt “quần” tôi mãi tới quá nửa đêm!

Sáng hôm sau tôi ra ngồi bên bờ sông Đáy gần đó. Ngẫm nghĩ mà cười cho đời! Mình hy sinh hết tuổi trẻ của mình (năm 1952 này tôi đã 41 tuổi) bỏ cha mẹ, vợ con, gia tài, ra đi làm cách mạng; lúc không còn mấy ai gánh vác việc nước, việc Đảng, mình liều thân ra gánh vác và gánh vác được, khởi nghĩa thành công, để rồi bị Hoàng Quốc Việt và những người phụ trách tổ chức bảo rằng Pháp tổ chức cho mình vượt ngục để phá cách mạng! Trước mình, trong lịch sử Việt Nam và thế giới, sau mình, đã có và còn mấy người? Tôi đã học sử; tôi đã đọc vô số truyện trung nịnh, chân giả, thì tôi còn lạ gì với cái vụ vu cáo mà tôi đang bị. Dù sao một câu hỏi từ đêm qua lởn vởn trong đầu tôi: “Đời còn đáng sống không?”. Có

chim, có cá rồi, thì ná nơm nếu chưa nhúm bếp thì cũng để một ăn. “Đời còn đáng sống nữa không?”. Sông Đáy[14] không như sông Lô, sông Thao; nó cạn quá; mùa này ít nước quá, xấn quẩn lội qua được. Vả lại, người chết là người thua, người chịu thua, vô tình đó là chịu nhận cái bại là cái thật. Tôi lại về trại, tiếp tục ngồi vào tổ kiểm điểm.

Chắc là Việt đã có dịp để hỏi Tô Ký và anh em khác nữa rồi, cho nên tôi mới được yên. Hay là “khởi lỗ vỡ vế”[15] ta có quyền vu cáo, vu cáo rồi, thấy sai cũng không cần đính chánh đính phó gì cả, cái thói chỉnh huấn kiểu Mao là như thế! Thảo nào mà tôi nghe Nguyễn Khánh Toàn kể lại khi chỉnh huấn ở Diên An có khối đồng chí kỳ cựu đâm đầu xuống giếng tự tử. Mà giếng ở Diên An thì sâu lắm!

Chuyện vượt ngục Tà Lài rõ quá; vượt ngục vì sao, vượt ngục với ai, vượt ngục để làm gì, tôi đã kể rõ. Không cần nói lại. Vu cáo tới mức đó, mà xem vu cáo dễ như chơi, như đùa. Những kẻ vu cáo, khiêu khích, hăm dọa như kiểu họ Hoàng và tay chân của ông ta thì cứ điềm nhiên như không có trách nhiệm gì. Sau khi giải phóng được nửa nước (1954), Tào Ty, Tô Ký, v.v... cựu trại viên Tà Lài đều có mặt ở Hà Nội. Sao người ta không bảo các anh làm sáng tỏ vấn đề? Phúc ở lại trong Nam không tập kết mà vẫn liên lạc được dễ, sao không đánh điện hỏi Phúc? Tưởng chừng như người ta cứ muốn để lơ lửng cái vu cáo khốn nạn để cho người bị vu cáo càng khổ thì họ càng bằng lòng, chớ họ không chịu nhận là đã nói bậy, nói láo có toa rập với nhau. Làm gì có việc ông Giàu đi săn nai, săn heo với sếp Tây nhậu nhẹt trong lúc anh em ở trong còng khốn cùng, làm gì có chuyện Pháp tổ chức cho Giàu, Tô Ký, Phúc (Dương Quang Đông), Văn, Trung, Nhâm, Đức, Giác trốn ra để phá Đảng Cộng sản? Dựng đứng lên như vậy mà có một vài ông lớn tin mới là lạ cho. Anh em Tà Lài đến nay hãy còn sống hàng mấy chục người, họ đã chết hết đâu?

Tiếp theo

Chú thích của người biên tập:

1 Chủ nghĩa thủ tiêu: Vì những lí do lịch sử của Đảng xã hội Nga trước Cách mạng tháng mười (đấu tranh giữa phe bên-sê-vic và phe men-sê-vic), danh từ “chủ nghĩa thủ tiêu” đã trở thành một điều cấm kỵ tuyệt đối (hao hao giống khẩu hiệu “đổi mới mà không đổi màu” của phe bảo thủ trong ĐCSVN đầu thập niên 1990). Người ta hiểu tại sao Trần Văn Giàu chống lại chủ trương “thay đảng bằng Việt Minh” (một cách hiểu méo mó chủ trương Mặt trận Dân tộc Thống nhất của Nguyễn Ái Quốc, từ những người trước đó đã được nhồi sọ về “chủ nghĩa dân tộc” mà Nguyễn Ái Quốc bị quy kết). Và cũng hiểu thêm những khó khăn mà Hồ Chí Minh gặp phải ở Moskva khi Stalin tra hỏi tại sao đã “giải tán Đảng cộng sản” (thực ra là rút vào vòng bí mật) và hịch sách “giữa cái ghế của giai cấp vô sản và cái ghế của giai cấp tư sản, đồng chí chọn cái ghế nào mà ngồi?”).

2 Xà búp: cái chĩa (có hai chĩa) dùng để đâm cá.

3 Giường ruột gà, nệm dày một chống: người biên tập đoán mò (sau khi tham khảo các từ điển phương ngữ Nam Bộ không ra, và gửi “meo” tứ phương) là giường có giát (sommier) bằng những dây lò xo nhỏ (như ruột gà), nệm (matelas) thì dày bằng một chống tay (15 cm?!!!). Rất mong được các thức giả chỉ giáo.

4 Lý Chính Thắng: tên là Nguyễn Đức Huỳnh (1917-1946) quê ở Hương Sơn, Hà Tĩnh, hoạt động ở Nam Bộ, tham gia thành Ủy Sài Gòn – Chợ Lớn. Tháng 3-1945 được phái ra Bắc để liên lạc với Trung ương, trở về kịp thời. Kháng chiến bùng nổ, ông hoạt động trong ngành giao thông liên lạc vùng Sài Gòn. Bị giặc Pháp bắt, tra tấn, mất tại bệnh viện Chợ Rẫy ngày 30.9.1946. Chủ tịch Hồ Chí Minh kí sắc lệnh ngày 25.4.1949 truy tặng Lý Chính Thắng huân chương Độc lập hạng nhì (theo Từ điển Nhân vật Lịch sử).

5 Giạ: đơn vị đo lường dung tích truyền thống ở Nam Bộ, thường dùng để đo lúa gạo, muối. Thay đổi từng vùng, chính quyền thực dân Nam Kỳ quy định là 40 lít, nhưng có nơi một giạ bằng 20 lít.

6 Thời thuộc địa, Chasseloup Laubat là trường trung học dành cho nam học sinh người Pháp, dân Tây hay con cháu những gia đình khá giả (giống Lycée Albert Sarraut ở Hà Nội). Thời kì 1954-1975, đổi tên là Jean-Jacques Rousseau, dạy theo chương trình trung học Pháp. Sau 1975, thành trường trung học Lê Quý Đôn.

7 Pierre Sémard (1887-1942): lãnh đạo công đoàn và cộng sản, bị phát xít Đức giết hại. Từng giữ chức vụ tổng bí thư Đảng cộng sản Pháp (1924-1928), Ủy viên Ban bí thư Quốc tế Cộng sản. Cuối thập niên 1920, có lời xì xầm ông làm cho mật thám Pháp. Buồn bực, ông xin rút khỏi những trách nhiệm chính trị, chỉ hoạt động công đoàn.

8 men-sơ-vich, sr: cùng với bôn-sơ-vích (tiếng Nga là đa số), men-sơ-vich (thiểu số) và S.R. (xã hội cách mạng) là những xu hướng trong đảng xã hội Nga (1905-1917). Xu hướng bôn-sơ-vich (của Lenin) liên minh với phái tả của S.R., làm Cách mạng tháng mười, loại trừ men-sơ-vich, rồi S.R.

9 năng thuyết bất thành hành: nói giỏi, làm không thành.

10 De Lachevrotière: Henri Chavigny de Lachevrotière (1883-1951) là nhân vật thế lực trong giới thực dân ở Nam Kỳ. Sinh tại Sài Gòn, con một nhà quý tộc Pháp đã sống ở thuộc địa Bắc Mỹ và Trung Mỹ trước khi tới Nam Kỳ, mẹ là một phụ nữ Việt Nam gốc Bắc Kỳ. Chủ tờ báo Pháp ngữ La Dépêche d'Indochine (lớn nhất Đông Dương, số in 3500), chủ đồn điền cao su ở Campuchia và Nam Kỳ. Lập trường thực dân kiên định, từng luận chiến kịch liệt với André Malraux và luật sư Paul Monin, ủng hộ Pháp trở lại Đông Dương sau 1945. Chết trên xe hơi bỏ mui, do một quả lựu đạn ném từ một chiếc xe hơi mang biển số ngoại giao ở Sài Gòn nên không rõ thủ phạm là “quân khùng bố” (ý nói Việt Minh) hay “lực lượng ngoại lai” (hàm ý Mỹ lúc đó đã bắt đầu nhảy vào Việt Nam).

11 Đường Legrand de la Liraye góc đất thánh Tây: Legrand de la Liraye sau đổi thành Phan Thanh Giản, nay thành Điện Biên Phủ; đất thánh Tây là nghĩa trang Mạc Đĩnh Chi nay đã trở thành công viên Lê Văn Tám.

12 Vách bố kho: vách được đóng bằng những tấm ván ngang, xếp chồng lên nhau, cạnh dưới của tấm trên đè lên cạnh trên của tấm dưới, nhờ đó gió có thể thổi qua mà nước mưa không hắt vào được.

13 Hoàng Quốc Việt: tên thật là Hạ Bá Cang (1905-1992), quê Đáp Cầu, Võ Giàng, Bắc Ninh. Học trường Kỹ nghệ Thực hành Hải Phòng, bị đuổi vì tham gia bãi khóa phản đối thực dân kết án tử hình chí sĩ Phan Bội Châu. Thuộc thế hệ các chiến sĩ cộng sản đi “vô sản hóa” (làm thợ nguội, thợ mỏ, thợ cơ khí). Sau khi bị đuổi khỏi nhà máy, Đảng cử ông vào Nam Kỳ hoạt động. Ủy viên Ban chấp hành trung ương (lâm thời) tháng 10 năm 1930, bị bắt, kết án tù chung thân, đày ra Côn Đảo. Được trả tự do năm 1936 (nhờ Mặt trận bình dân Pháp) nhưng buộc trở lại Bắc Kỳ. Bí thư Xứ ủy Bắc Kỳ năm 1937. Là một trong số ít những người lãnh đạo (cùng với Trường Chinh, Hoàng Văn Thụ) thoát khỏi cuộc khủng bố và đàn áp của Pháp năm 1930-40. Năm 1941, tại Hội nghị Pắc Bó, được cử vào Ban chấp hành Trung ương và Ban thường vụ (tương đương với Bộ chính trị ngày nay). Sau Cách mạng tháng Tám, được cử vào Sài Gòn giải quyết những tranh chấp trong nội bộ xứ ủy Nam Bộ. Được bầu vào Bộ chính trị tại Đại hội II (1951). Sau thất bại Cải cách ruộng đất, chuyển sang công tác tòa án, mặt trận công đoàn.

Hoàng Quốc Việt là điển hình đảng viên từ ngày trướng nước của Đảng cộng sản, vào tù ra khám, tuyệt đối trung thành với lý tưởng, nhưng hẹp hòi, cứng rắn, thiếu trí tuệ, “không mao-ít mà mao nhiều”. Ứng xử của ông trong “vụ Trần Văn Giàu” – qua chứng từ của đương sự trong thiên hồi ký này – cho thấy rõ khía cạnh đó. Theo nhiều nguồn tin: tháng năm 1941 ở Pắc Bó, Hoàng Quốc Việt đã hỏi Nguyễn Ái Quốc chứng minh thư và giấy ủy quyền của Quốc tế Cộng sản. Điều này không có gì lạ, nếu ta biết rằng trong thập niên 30, Nguyễn Ái Quốc đã bị phê phán là “dân tộc chủ nghĩa”, “cải lương chủ nghĩa”, không theo đúng đường lối của đảng. Nếu lúc đó, Ban chấp hành ĐCS không bị thực dân tiêu diệt gần hết, và nếu Trường Chinh không tuân phục sự lãnh đạo của Nguyễn Ái Quốc, thì gần như chắc chắn Nguyễn đã phải chịu chung số phận của những nhà lãnh đạo phong trào giải phóng ở hải ngoại trở về (cộng sản ở Hy Lạp năm 1945, không cộng sản ở Algérie năm 1962), không được cho về vườn thì cũng bị vô hiệu hóa.

14 Sông Đáy: chính xác hơn, là Sông Phó Đáy, chi lưu của Sông Lô ở tả ngạn. Sông Phó Đáy chảy qua Tân Trào. Sông Phó Đáy vào Sông Lô được khoảng 2 km thì Sông Lô nhập vào Sông Hồng (đoạn này, Sông Hồng còn được gọi là Sông Thao). Dòng nhánh Sông Phó Đáy ở trung du Bắc Bộ này với Sông Đáy, phụ lưu của sông Hồng, tách khỏi Sông Hồng ở gần Hà Nội rồi chảy ra Vịnh Bắc Bộ, song song với Sông Hồng. Ở đoạn vừa tách khỏi Sông Hồng, Sông Đáy còn có tên là Sông Hát / Hát Giang.

15 Khỏi lỗ võ vế: câu tục ngữ đầy đủ là “dâm bôn khỏi lỗ võ vế”, vừa giở trò dâm dục xong là võ đùi, bỏ đi, bất kể sự đời.

13-1-10

Phần IV(4): TIẾN TỚI TỔNG KHỞI NGHĨA

(tiếp theo)

7. “Buồn ngủ gặp chiều manh,

hay là việc tổ chức Thanh niên Tiền phong

Sau cuộc đảo chánh Nhật 9/3, bọn tôi lần lượt đặt ra cho Xứ bộ mấy nhiệm vụ cần kíp:

Một là, nhiệm vụ tuyên truyền; sự tuyên truyền lúc này nhằm vào mấy đề tài lớn sau đây:

- Đảo chính 9 tháng 3 và việc Nhật tuyên bố Việt Nam (Trung, Bắc) độc lập không phải là một nghĩa cử của Nhật, mà là hành động vì lợi ích ích kỷ của Nhật. Nhưng hành động đó, khách quan góp phần tạo ra cho nhân dân ta một số điều kiện thuận lợi để ta đẩy cuộc vận động cách mạng giải phóng dân tộc tới trước.

- Chính phủ Bảo Đại lập ra, dầu có gồm những nhân sĩ trí thức, “nhân sĩ” nào đi nữa, cũng chỉ là một chính phủ bù nhìn tay sai của Nhật, chính phủ đó, dầu các cụ Thượng có thiện chí đến đâu, cũng sẽ không làm được việc gì cho đất nước và nhân dân đâu. Phải chống nó như chống tay sai của đế quốc Nhật, chứ không phải ủng hộ nó, giúp sức nó; cũng không phải chờ xem nó làm gì.

Nội các Trần Trọng Kim, từ trái sang phải: Hoàng Xuân Hãn, Hồ Tá Khanh, Trịnh Đình Thảo, Trần Trọng Kim (bị micro che mặt), Vũ Ngọc Anh, Trần Văn Chương, Trần Đình Nam, Vũ Văn Hiến, Phan Anh, Nguyễn Hữu Thi (ảnh Trung Bắc Chủ Nhật, 20.5.1945, Thư viện Quốc gia Pháp).

- Nhật cố giữ Nam Kỳ làm thuộc địa, như Triều Tiên, như Lưu Cầu, như Đài Loan. Làm chủ Nam Kỳ thì khống chế toàn bộ Đông Dương. Nhật

không muốn một nước Việt Nam độc lập thống nhất. Nó chống lại sự thống nhất của dân tộc Việt Nam. Trái lại thì thống nhất, độc lập là mục tiêu lớn của cách mạng. Phát xít Nhật là đối tượng của cách mạng Việt Nam.

- Phe Trục sẽ hoàn toàn bị đánh bại. Cách mạng sẽ thành công trong một loạt nước, trong đó phải có nước Việt Nam. Việt Nam phải ra khỏi cuộc chiến tranh thế giới bằng một cuộc cách mạng thắng lợi; nếu không làm được cách mạng thắng lợi trong thời cơ này thì ách nô lệ sẽ còn kéo dài không biết tới bao giờ.

Hai là, nhiệm vụ tổ chức: nhiệm vụ tổ chức gồm có:

- Tổ chức Đảng mau chóng lớn mạnh, nối liên lạc hệ thống với Bắc, Trung. Đồng thời, tập hợp tất cả các đồng chí cũ ẩn náu bấy lâu nay ở căn cứ mới về, ở tù mới được thả, đưa anh em vào công tác cho thích hợp với khả năng của họ, với yêu cầu của Đảng. Cách mạng là sự nghiệp chung của toàn Đảng, toàn dân, lúc này không ai được thoái thác, không ai được chần chừ lo làm ăn; ai cũng phải đem hết sức lực, dùng hết thời giờ cho Đảng. (Riêng tôi có dặn các đồng chí là lúc này mà đồng chí cũ nào không chịu hoạt động thì kể như không còn là đảng viên nữa).

- Tổ chức hội quần chúng công, nông, binh, thanh, phụ, lão cho mạnh nhất, rộng nhất, hoạt động nhất xưa nay (hơn cả thời kỳ Mặt trận bình dân gấp bội), đưa ý thức chính trị, cách mạng vào mỗi đoàn thể, mỗi người. Tổ chức mặt trận bao gồm các chánh đảng yêu nước, các cánh tôn giáo tiến bộ và yêu nước, các hội quần chúng, bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Đưa các tổ chức quần chúng ra hoạt động nửa công khai và công khai để cho tổ chức và phong trào có thể phát triển nhảy vọt thì mới kịp với tình hình. Trong tình hình này, tổ chức và phong trào mà chỉ phát triển từ từ thì sẽ hoá ra lạc hậu, trễ tràng, bất lực. Tổ chức phải tính với con số hàng trăm ngàn, hàng trăm vạn, chứ không phải tính với con số hàng ngàn, hàng vạn như trước đây.

- Đặc biệt chú trọng vào Sài Gòn và ngoại ô phụ cận. Trong Sài Gòn, thì đặc biệt chú trọng vào công vận, thanh vận, binh vận (xem đó là cái

kiềng ba chân của một phong trào cách mạng bền vững, là cái lõi của sự tập hợp “ một đạo quân chính trị ”, lớn nhất xưa nay). Phải tổ chức tự vệ chiến đấu mạnh mẽ, hướng tới thành những lực lượng xung kích như chỉ thị của Lênin hồi tháng 10 năm 1917, ở Nga. Sự phát triển của tự vệ chiến đấu và xung kích phải đồng nhịp với sự phát triển của hội quần chúng và phong trào đấu tranh.

Phải làm sao để trong một thời gian không lâu, mấy tháng thôi, ở Sài Gòn và ngoại ô, Đảng Cộng sản (và các tổ chức yêu nước xung quanh Đảng) trở thành mạnh hơn tất cả các chính đảng và giáo phái hợp lại; đường lối làm cách mạng giải phóng dân tộc, lập chính quyền dân chủ cộng hoà phải chiếm ưu thế trong tư tưởng của quảng đại đồng bào ta. Ta có điều kiện và khả năng để đạt mục tiêu cao ấy bởi vì tình hình chiến tranh thế giới, tình hình chính trị xã hội trong nước và tổ chức của Đảng, cũng như các đoàn thể đã phát triển khá rồi; có thể đoán trước là thuận lợi mỗi lúc mỗi nhiều. Các đồng chí tự tin, tin dân và nỗ lực hết mức thì làm được. Tôi giải thích hàng chục lần ở hàng chục cấp ủy và địa phương, cố làm cho các đồng chí thấy được nhiệm vụ phải lớn lên cực nhanh như Phù Đổng Thiên Vương, bằng không thì sẽ không có cách mạng, cách mạng chỉ ở trên giấy mà thôi.

Nói thì dễ, thì xuôi như vậy, chớ làm cho được thì khó, rất khó. Không ít người bảo rằng đó chỉ là ảo tưởng, mơ mộng, chuyện Phù Đổng chỉ là một thần thoại. Nhưng số đông các đồng chí trả lời rằng: đó là thần thoại Việt Nam; nghĩa là nhân dân Việt Nam muốn tồn tại, muốn tên nước Việt Nam đừng bị trôi bỏ trên mặt địa cầu, thì dân Việt Nam phải thật có “phép” Phù Đổng chớ không phải chỉ ước mong mà thôi. Nhân dân Việt Nam tới nay vẫn tồn tại, tức hiện tượng Phù Đổng phải là một sự thật lặp đi, lặp lại nhiều lần. Đại Việt đánh bại quân Nguyên là một hiện tượng Phù Đổng trong lịch sử nước nhà. Vậy khó thì rất khó, nhưng làm được, chắc được. Miễn là các đồng chí đều nỗ lực đến mức cao nhất, thì khó mấy cũng không sao.

Khó khăn đáng sợ nhất, chưa phải là Nhật, là đại Nhật Bản với số quân ở Đông Dương sáu, bảy hay mười vạn người có quá đầy đủ súng đạn, thừa can đảm, thạo chinh chiến; bởi vì quân Nhật sắp thua rồi, ta đâu cần

phải đánh đồn phá lũy của chúng nó, tuy không phải có lúc phải làm như vậy ở nơi này, hay nơi nọ. Khó, khó khăn thực tế đáng chú ý nhất mà nhất thiết phải vượt qua là các giáo phái ở Nam Kỳ lớn lắm, và thực ra đó là những chánh đảng hoạt động dưới hình thức tôn giáo. Cao Đài đông hàng triệu người, tỉnh nào cũng có, họ tập trung ở Sài Gòn đến mấy vạn làm công nhân và làm binh lính, chính phe của Trần Quang Vinh lấy danh nghĩa là Đảng Phục Quốc. Hoà Hảo đông hàng chục vạn người, nhiều nhất là ở Hậu Giang, họ theo gương Cao Đài tập trung lên Sài Gòn cũng khá đông đến nhiều ngàn. Hoà Hảo hoạt động lấy danh nghĩa là Dân Xã Đảng. Giáo phái Tịnh độ cư sĩ, không đông bằng hai nhóm trên mà đã có hàng vạn, họ không tập trung lên Sài Gòn, nhưng họ làm cơ sở quần chúng cho Quốc Gia Đảng (phân biệt với đảng Quốc Gia Độc Lập). Phe Trốt-kít từ 1930 nằm im lìm, bây giờ sau 9 tháng 3 đã bắt đầu cựa quậy lại. Đám này không có sức lực gì đáng kể nhưng có ý đồ tập hợp tất cả các lực lượng chống cộng, chống đệ tam. Một cánh Trốt-kít, cánh Hồ Vĩnh Ký, Huỳnh Văn Phương nhẩy ra cầm đầu Sở Mật thám và Sở Cảnh sát Nam Kỳ dưới chế độ Nhật, tự tạo ra một cái thế mà họ cho là thuận lợi để bảo vệ cho mấy cánh khác hoạt động. Nghe phong phanh, họ bàn tới việc vận động lập “Mặt trận quốc gia thống nhất”. Tất cả những tổ chức kể trên đều thân Nhật, đều được Nhật sử dụng. Từ sau 9 tháng 3, họ tăng cường hoạt động. Còn những tổ chức có năm, bảy trăm, vài ba ngàn người thì nhiều lắm, quây quần xung quanh Sở Sen đầm Kempeitai của Nhật.

Ta phải làm gì để trở nên mạnh cho thật nhanh, và mạnh hơn tất cả các tổ chức trên cộng lại?

[Trước khi trả lời cho câu hỏi đó tôi muốn thêm vào đây một việc xảy ra sau 1995, nghĩa là 50 năm sau Cách mạng tháng Tám, việc ấy liên quan sâu xa đến việc người ta vu cáo tôi và Xứ Ủy Nam Kỳ là “không chịu theo đường lối, chỉ thị của Trung Ương”, cứ theo đường lối riêng của mình. Năm 1995, Nhà xuất bản Chính trị có cho ra đời hai quyển sách về Cách mạng tháng Tám; một quyển có tính chất tổng kết, một quyển có tính chất hồi ký. Cả hai đều có đóng góp tốt. Trong quyển có tính chất hồi ký, người đọc thấy có bài của Thép Mới[1] nói rằng: Trung Ương họp ở Đình Bảng (Bắc Ninh) thì đêm ấy, ở Hà Nội (9/3) Nhật đảo chánh. Trung

Ương ra nghị quyết “Nhật – Pháp đánh nhau, hành động của chúng ta”; đồng chí Trường Chinh liền đem nghị quyết đó sang nhà in Cờ Giải phóng in ra nhiều bản, một bản trao cho đồng chí Nguyễn Thị Thập và đồng chí Dân Tôn Tử (tức Trần Văn Vi) đem về Nam Bộ. Nếu vậy là chỉ thị rất kịp thời!... Tôi xin trể tràng cải chính (mà cải chính để làm gì?). 9 tháng 3 năm 1945, chị Mười Thập còn ở Mỹ Tho (Nam Bộ), anh Vi (sau trong kháng chiến mới lấy tên là Dân Tôn Tử còn ở cãng (trại tập trung) Bà Rá! Ngày 10 tháng 3, tù nhân cãng Bà Rá mới ra khỏi cãng. Thì làm gì hai đồng chí ấy đã có mặt ở Hà Nội để lãnh chỉ thị “Nhật Pháp đánh nhau hành động của chúng ta”. Chị Mười tới tháng 7 mới ra Bắc. Dân Tôn Tử tới năm 1954 mới ra Bắc. Vậy Thép Mới lấy “tin tức” ở đâu? Hay là, hoặc “vô tình” hoặc “cố ý” đưa ra một “bằng cớ” là Xứ Ủy Nam Bộ, cụ thể là Trần Văn Giàu đã được chỉ thị nghị quyết của Trung Ương mà không chịu thi hành? Sự thật trăm phần trăm là mãi cho đến Tổng khởi nghĩa, chúng tôi, Xứ Ủy Nam Kỳ chưa hề tiếp được chỉ thị nào của cấp trên cả. Sau 9 tháng 3, các nhiệm vụ đều do chúng tôi tự mình đặt ra cho mình. Đúng, sai là một việc khác, chẳng lẽ mình ngồi chờ?]

Đặt ra nhiệm vụ nặng nề, lớn lao như thế có phải là chúng tôi chủ quan ảo tưởng chăng?

Nếu không đủ mạnh, mạnh hơn tất cả các đảng phái khác cộng lại, nếu ta lẹt đẹt trong vòng cô độc, không ai trông thấy lực lượng hùng hậu của ta mà chỉ nghe tiếng tăm của ta thôi, thì, vào lúc Nhật Bản bị bại trận, khủng hoảng chính trị xảy đến, các đảng phái quốc gia và giáo phái sẽ giành chính quyền, chớ ta nhỏ yếu thì làm gì được? Vậy ta cấp tốc phải trở nên mạnh. Nhưng làm cách nào để trở nên mạnh cho thật nhanh? Hội truyền bá quốc ngữ, đoàn SET[2] hoạt động công khai, nhưng sức thu hút quần chúng của các tổ chức đó đều có giới hạn. Những hội biến tướng như tương tế, thể thao, trợ táng, v.v... thì, lúc này không làm sao tập hợp được đông đảo nhân dân, nhất là không làm sao xung động được phong trào, không làm sao có sức đưa quần chúng xuống đường biểu tình theo một số khẩu hiệu chính trị được.

Phải tìm một số hình thức tổ chức và hoạt động công khai – không nhất thiết phải là hợp pháp – hợp với ý đồ của ta, mang tính chất động viên

chính trị cao, trước hết là cho thanh niên, động viên được hàng vạn, hàng chục vạn, hàng triệu người dân, đưa họ xuống đường theo khẩu hiệu cách mạng giải phóng dân tộc.

Nghĩ mãi không ra. Song chúng tôi cho rằng hễ có vấn đề đặt ra một cách hợp lý thì tất phải có giải đáp cần thiết. (Lúc này tôi nhớ đến câu nói của Hegel: “Những cái gì hợp lý là hiện thực” – tout ce qui est rationnel est réel).

Trong lúc bọn tôi còn đang lúng túng, thì thống đốc Nhật ở Nam Kỳ Minoda và Tổng lãnh sự Ida mời bác sĩ Phạm Ngọc Thạch và kỹ sư Ngô Tấn Nhơn đứng ra tổ chức thanh niên ở Nam Kỳ. Thạch báo cáo với Xứ Ủy, bàn riêng hơn thiệt với Hà Huy Giáp (ở Trung Kỳ mới vào) và tôi, Hà Huy Giáp nằm ở nhà thương của Thạch, tại đường Chasseloup-Laubat (bây giờ là đường Xô Viết Nghệ Tĩnh).

Tại Nhật ở Nam Kỳ nhờ Phạm Ngọc Thạch đứng ra tổ chức thanh niên thì cũng như ở Trung, Bắc tại nó nhờ Phan Anh, Tạ Quang Bửu đứng ra tổ chức thanh niên ở ngoài đó, chẳng có gì khác đâu ở trong ý đồ của Nhật. Cái khác là ở chỗ Phạm Ngọc Thạch là đảng viên Đảng Cộng sản và Minoda, Ida hoàn toàn không biết, không ngờ rằng đằng sau lưng Phạm Ngọc Thạch là một Xứ Ủy đang tìm kiếm một hình thức tổ chức và hoạt động công khai của thanh niên, không phải trong phương hướng thể thao, văn hoá đi trong đường hướng Đại Đông Á, mà trong phương hướng chính trị yêu nước và độc lập dân tộc. Cũng phải nói thật: nếu không được anh Giáp, anh Giàu đồng ý thì Bác sĩ Thạch chẳng chịu đứng ra tổ chức Thanh niên Nam Kỳ theo đề nghị của Minoda và Ida đâu, mà đâu có đứng ra làm cũng không gây ra được một phong trào rộng lớn đâu, bất quá cũng như Phan Anh ở Bắc, ở Trung. Và, nếu việc quan trọng đó không được một đồng chí có nhân cách, tài ba như Phạm Ngọc Thạch và các bạn thân thiết của anh đứng ra phụ trách tập hợp thanh niên thì Xứ Ủy cũng không biết lấy ai đảm nhiệm công việc lớn lao này.

Đúng là tại Nhật (chính khách và quân nhân) không biết, không thể biết Thạch là cộng sản. Biết sao nổi? Thách cũng không biết! Thạch lấy vợ đầm (một bà đầm không có chánh kiến nào khác hơn là chánh kiến của

đức ông chồng (3)); có vợ đầm nên cũng là dân Tây; Thạch lại là cháu ngoại của người hoàng tộc; anh học ở Hà Nội rồi học ở Pháp, giỏi chuyên môn (trị bệnh lao), có nhà thương tư, làm bác sĩ cho gia đình đại tư bản số một Sài Gòn Hui Bòn Hỏa với lương tháng trên vài ngàn đồng bạc Đông Dương thuở ấy; riêng Thạch có nhiều đất ruộng ở Đồng Tháp Mười, ở đồng bằng sông Cửu Long, và có gần trăm mẫu cà phê ở Dran trên đường Phan Rang-Đà Lạt. Giao du rộng, chơi thân với nhiều tai to mặt lớn Pháp, rồi chơi thân với Minoda, Ida và mấy tướng lãnh Nhật. Nghe nói Minoda cũng có vợ đầm như Thạch. Thì ai có thể ngờ rằng cái ông bác sĩ dân Tây, cháu hoàng tộc, lắm đất, lắm tiền này lại là cộng sản, là đảng viên Đảng Cộng sản Đông Dương? Nhật không ngờ nên mới mời.

Nhận hay không nhận?

Làm hay không làm?

Bọn tôi bàn bạc, lật ngược lật xuôi, cân nhắc lợi hại, có thể xem là kỹ. Có thể có anh em (trước hết là nhóm “Giải Phóng”) ngờ ta làm việc không công hay, hơn nữa, làm tay sai cho Nhật; họ vốn cô độc hẹp hòi, bệnh cô độc hẹp hòi là bệnh mãn tính của nhiều anh em ta xưa nay; thời nào cũng có; anh em họ không quan niệm được rằng ngay ở thời chiến ta vẫn có thể lợi dụng công khai để mở rộng hoạt động quần chúng chống Nhật, chống thực dân, chống chiến tranh xâm lược. Thì ta sợ gì cái đánh giá sai lầm của người cô độc hẹp hòi? Cũng có thể là, lúc nào đó, Nhật ép buộc tổ chức thanh niên phục vụ không nhiều thời ít cho hoạt động chiến tranh Đại Đông Á của nó. Nhưng, nếu ta không đứng ra nắm thẳng việc tổ chức thanh niên thì Nhật cũng lựa được người khác (thiếu gì) để làm việc đó. Khi ấy Nhật sẽ nắm thanh niên chắc hơn, sẽ lợi dụng thanh niên nhiều hơn. Trái lại nếu ta nắm được thanh niên một cách vững vàng thì ta sẽ có nhiều khả năng vận động thanh niên chống lại mọi cách lợi dụng của Nhật mà Nhật không làm sao tự tung tự tác được, nhất là lúc nó ở trong thế yếu, thế thua. Chắc hẳn có đồng chí ít cô độc hẹp hòi hơn là Giải Phóng bảo rằng ra không nên đứng ra “bao” cái việc tổ chức thanh niên, ta hãy chờ khi kẻ thân Nhật đứng ra tổ chức, rồi khi ấy ta sẽ chen vào mà hoạt động, như vậy sẽ không mang tiếng, mà vẫn theo đúng lời

dạy của Lenin trong sách “Bệnh ấu trĩ tả khuynh của chủ nghĩa cộng sản”. Có thể trả lời cho các đồng chí ấy rằng, việc đã sẵn có những tổ chức thanh niên của người thân Nhật lập ra thì tất nhiên ta sẽ chen vào đó để mà hoạt động quần chúng chống bọn lãnh tụ cơ hội và phản động (việc này thì ta đang làm đối với một số tổ chức thanh niên do Nhật lập ra như đoàn phòng vệ Nhật Việt). Nhưng nếu có cơ hội để chính chúng ta đứng ra tổ chức thanh niên, vạch ra phương hướng, tư tưởng chính trị, sắp xếp cơ cấu tổ chức, bố trí các người lãnh đạo ở Trung ương và địa phương, ở các ban, đưa hàng chục vạn thanh niên vào hàng ngũ một tổ chức công khai mà chúng ta vẽ ra phương hướng, chúng ta điều khiển một cách khôn khéo, theo đường lối cơ bản của ta, của cách mạng giải phóng dân tộc, thì tại sao ta chối từ, tại sao ta không làm, tại sao ta chần chừ để cho đám tay sai của Nhật tổ chức rồi ta mới lần hồi và lẽ tẻ chen vào ở cấp cơ sở và cấp dưới, dưới quyền chỉ huy của những kẻ kém về mọi mặt, nhất là mặt chính trị? Làm như thế, khác nào ta để mặc cho bọn kia thao túng?

Có thể là, trước sau rồi thì Nhật cũng biết ta (cộng sản) nắm tổ chức thanh niên; nó có thể sẽ ra tay khủng bố, nó bắt, nó giết hết thì làm sao? Không sợ! Khi Nhật đã vào bước suy tàn nhưng ngày nay thì nó sợ ta hơn là ta sợ nó; nó cố không gây chuyện với nhân dân ta để còn có thể đương đầu với địch thủ của nó là Mỹ. Vả lại, sự hoạt động của ta trong thanh niên sẽ khôn khéo hết sức, ta chĩa mũi nhọn đấu tranh vào nguy cơ thực dân Pháp trở lại, ta đặt vấn đề giành độc lập dân tộc, giành thống nhất Tổ quốc lên trên hết, tất nhiên ta không công khai nói cộng sản, ta nói yêu nước là chính, thì Nhật lấy cớ gì để khủng bố, để bắt giết; vả lại bắt giết ta có dễ đâu khi mà phong trào nhân dân vì độc lập tự do đã lên cao trong lúc uy thế của Nhật Bản xuống thấp, trong lúc Nhật Bản sắp phải đầu hàng? Mà cho dầu Nhật cuối cùng biết Phạm Ngọc Thạch hoạt động theo đường lối của Đảng Cộng sản đi nữa, thì lúc ấy đã trễ quá rồi, Nhật trở tay sao kịp? Phải đành chịu thôi! Nói cho rõ hơn, nếu hồi 1942, 1943 mà Nhật lật đổ Pháp, tuyên bố Việt Nam độc lập, lúc ấy uy thế Nhật lên cao, Nhật đang thắng, chiến tranh đang mở rộng, nếu lúc bấy giờ mà Nhật mời bác sĩ Phạm Ngọc Thạch đứng ra tập hợp thanh niên, làm thủ lĩnh thanh niên, thì Xứ ủy chắc không tán thành đâu. Còn như vào giữa năm 1945, Ý, Đức đầu hàng, Nhật Bản trơ trọi, chết tới nơi, ta rất

có thể và cần phải đứng ra lợi dụng công khai để huy động hàng chục vạn, hàng trăm vạn nhân dân làm lực lượng chính trị giành chính quyền khi thời cơ chín muồi, khi quân phiệt Nhật sụp đổ. Ở Nam Kỳ mà không làm như vậy thì cô độc, không tranh nổi với các đảng quốc gia, và giáo phái, tức là không có cách mạng thắng lợi. Cái điều đáng lo nhất, cần phải tránh nhất là sự khiêu khích cực tả, đặc biệt là khiêu khích của đám Trốtkít nhiều âm mưu nham hiểm.

Vậy cái hại không phải to lớn gì, không phải không thể trừ bỏ được. Còn cái lợi thì khỏi cần phải giải thích cho nhau làm gì nữa. Tội này ở Nam Kỳ đã quen lợi dụng công khai, hợp pháp từ lâu đời rồi. Từ hồi Nguyễn An Ninh ra báo La Cloche Fêlée, diễn thuyết ở Xóm Lách, thanh niên đảng thành lập mà không xin phép, vận động bầu cử hội đồng thành phố và hội đồng quản hạt, làm biểu tình hàng vạn người và hàng mấy chục cuộc rước “lao công đại sứ” Justin Godart, ra báo Dân Chúng mà không xin phép, v.v... trong khi tổ chức Đảng Tiền phong vẫn bí mật thì tổ chức và hoạt động quần chúng công khai, nhờ vậy mà Đảng Cộng sản phát động được rất nhiều phong trào rộng lớn. Bây giờ, sau 9 tháng 3 năm 1945, nảy sinh ra một tình hình mới chứa đựng nhiều khả năng cho chúng ta một lần nữa sử dụng công khai, hợp pháp trên một trình độ cao hơn trước thì chắc là ta sẽ đạt hiệu quả lớn nhất xưa nay.

Bây giờ chúng tôi thường nói với nhau: trên bầu trời, tinh tú nào lớn nhất thì có sức hút mạnh nhất. Đảng Cộng sản và Mặt trận dân tộc phải lớn mạnh nhất thì mới thu hút được tất cả lực lượng yêu nước vào quỹ đạo giải phóng của mình. Muốn được vậy phải thừa cơ tổ chức một đoàn thể thanh niên lớn mạnh, ở đó tinh thần yêu nước, thương dân, chống thực dân, tinh thần hy sinh, đấu tranh cho độc lập thống nhất sẽ là tư tưởng chính trị bao trùm.

Cuối cùng theo sự đề nghị của Giáp và Giàu, Xứ ủy quyết định cho đồng chí bác sĩ Phạm Ngọc Thạch đứng ra công khai tổ chức Thanh niên. Một số đồng chí khác sẽ được phái vào tổ chức này để, khắp các tỉnh cùng với tất cả những người thanh niên cộng sản, nhanh chóng tạo ra một đoàn thể yêu nước rộng rãi mang tinh thần chiến đấu cao, có khả năng thu hút mạnh, đi theo đường lối cách mạng giải phóng dân tộc.

Đó là vào tháng 5 năm 1945.

Về sự lựa chọn những nhân vật đứng ra lãnh trách nhiệm tổ chức Thanh niên ở Nam Kỳ, Xứ ủy quan niệm rằng tổ chức thanh niên trước hết phải theo một đường lối mặt trận; bọn tôi xem tổ chức Thanh niên này như là một cách hay để tập hợp tuổi trẻ của nhiều tầng lớp xã hội, trước hết phải đưa vào tổ chức và hoạt động các nhà trí thức tiến bộ, có danh vọng, mà chúng ta có thể nói chuyện được và thực tế ta đã bắt đầu nói chuyện rồi, nhưng chưa đưa vào tổ chức. Tổ chức Thanh niên của ta đang lập nên vừa là tập hợp thanh niên vừa là tập hợp trí thức yêu nước bằng công tác thanh niên. Trên tinh thần đó, ban quản trị, ban chỉ đạo (đóng ở số 14 đường Charner nay là Nguyễn Huệ) gồm:

- Lê Văn Huấn, giáo sư trường Pétrus Ký, một ông giáo sư khoa học dạy giỏi và tính nghiêm khắc, tư cách đĩnh đạc, hình dạng như một pho tượng đồng đen; thầy được xem là đại diện của tổ chức thanh niên đối với nhà chức trách trong sự giao tiếp, hàng ngày khi cần.

- Kha Vạn Cân, kỹ sư, làm phó cho Lê Văn Huấn, là ông chủ lò nấu sắt sớm nhất ở Nam Kỳ, một cầu thủ nổi tiếng của thành phố, thân hình hộ pháp, cười nói vui vẻ, nội cái “tướng” ấy đã đủ gây cảm tình.

- Phạm Ngọc Thạch, bác sĩ, làm tổng thư ký, đứng đầu một ban thư ký gồm toàn nhà trí thức, nhất là những sinh viên “xếp bút nghiên” đã từng hoạt động thanh niên mấy năm qua. Quyền hành thực tế là ở ban thư ký này.

- Nguyễn Văn Thủ, bác sĩ nha khoa, con nhà giàu rất lớn ở quận Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long, bản thân là một “cây” thể thao, làm trưởng ban thể thao.

Luật sư Thái Văn Lung (1916-1946)

- Thái Văn Lung[4], trạng sư, dân Tây, sĩ quan, phụ trách ban thanh niên.

- Tạ Bá Tòng, sinh viên “xếp bút nghiên”, phụ trách ban xã hội.

- Huỳnh Tấn Phát, kiến trúc sư, chủ bút báo “Thanh Niên”, đẹp trai, vui tính, diễn thuyết giỏi, nói có duyên, phụ trách ban tuyên truyền.

- Huỳnh Văn Tiểng, sinh viên “xếp bút nghiên”, tác giả nhiều vở kịch nổi tiếng, làm tráng trưởng.

Mấy người nữa, tôi không nhớ hết, ở trong một ban lãnh đạo đầy uy tín, có nhiều khả năng hoạt động sôi nổi. Hầu hết họ là học viên trong lớp lý luận chính trị do tôi phụ trách, có Hà Huy Giáp và Nguyễn Văn Nguyễn giúp sức.

Ở các tỉnh, trong ban trị sự, số trí thức tương đối ít hơn, số anh em cộng sản “công khai” nhiều hơn, phần lớn là những đồng chí có kinh nghiệm hoạt động hồi thời kỳ Đông Dương Đại hội và sau đó. Anh em nông dân nhìn vào thì thấy hơi “lo” vì các ông trí thức đứng đầu hầu như khắp nơi, nhưng rồi phấn khởi vì mọi việc thực tế đều do anh em của ta trước nay chịu khó phụ trách, mà khó thì không phải là điều mà anh em ta ngại.

Để làm việc có tính tập thể, Thạch đề nghị đưa Tiểng và Thủ, sau đó là Phát vào Đảng. Bọn tôi đồng ý, hoan nghênh nhiệt liệt nữa là khác. Từ nay thì Đảng Cộng sản có cán bộ trí thức “bự” để làm trí vận. Như vậy, trí vận là thanh vận kết hợp chặt chẽ và đưa lại rất nhiều kết quả tốt đẹp. Một bài học bắt đầu được rút ra là làm “trí vận” hay nhất là giao cho trí thức tiến bộ, yêu nước, một số công tác thích hợp với địa vị xã hội của họ. Công tác vận động thanh niên là ông thầy chính đã vô tình (hay là khách quan) làm việc huấn luyện tư tưởng cho họ, lẽ tất nhiên là với sự săn sóc của Đảng, cụ thể là của Xứ ủy và Đảng đoàn. Tôi quan niệm Đảng Cộng sản là đảng của trí tuệ, thì Đảng phải chú ý đến trí vận, như công vận, nông vận; trí vận tất phải đưa lại những thành tựu tương đương với các ngành vận động lớn khác. Trong trường hợp này, đưa tầng lớp trí thức ưu tú vào đoàn thể cũng là đưa các tầng lớp tư sản dân tộc vào phong trào chung.

Về tên của tổ chức thanh niên: chớ tưởng rằng tụi Ida đặt tên cho tổ chức Thanh niên Nam Bộ bấy giờ. Chẳng một ai hỏi ý kiến của y về vấn

đề này. Y chỉ được thông báo, và y chẳng có gì phản đối hay hoan nghênh, nếu có ý gì, thì đó là ý tán thành Phạm Ngọc Thạch.

Chúng tôi bàn với nhau rằng cái tên của tổ chức có tầm quan trọng tượng trưng, tiêu biểu, in sâu vào tâm trí của đoàn viên, chớ không phải lấy tên nào cũng được. “Thanh niên tiền tuyến” thì không nên, là rất cấm kỵ; bởi vì chúng ta chống chiến tranh Đại Đông Á của Nhật. “Thanh niên cứu quốc” thì tất nhiên là đúng nhất mà không lấy được, bởi vì ta đang lập một tổ chức lợi dụng công khai, hợp pháp mà Thanh niên cứu quốc thì Nhật và bù nhìn làm sao để cho hoạt động công khai? Thạch và hai đồng chí phát kiến tên “Thanh niên tiền phong”, một cái tên hấp dẫn, có nghĩa là giao trách nhiệm xung kích, đi đầu trong chiến đấu cho tuổi trẻ đầy máu nóng. Vả lại, “Tiền Phong” là tờ báo của Xứ Ủy Nam Kỳ trong bí mật, là tên của tờ báo Thanh niên Cộng sản ở bên Pháp. Năm 1937, ở Sài Gòn ngay chúng ta cũng có tờ Avant Garde. Chắc các bạn lâu nay trong phong trào cách mạng sẽ tán thành cái tên “Thanh niên Tiền phong”. Vậy, tổ chức thanh niên mà Phạm Ngọc Thạch và các bạn của anh lập ra sẽ mang tên “Thanh niên Tiền phong”, một cái tên quuyến rũ, động viên, nhiều ý nghĩa tốt, không phải “SET”, càng không phải như “Thanh niên Ducoroy”. Phải nhắc lại rằng chúng ta đặt tên “Thanh niên Tiền phong” mà không cần phải báo cho Minoda, Ida, không cần chúng đồng ý hay không đồng ý. Xứ Ủy đồng ý là đủ rồi.

Thanh niên Tiền phong tuyên bố mang “tinh thần mới”, theo “mục đích mới”. Tinh thần mới, mục đích mới đó là gì? Hãy đọc lại bản “tuyên cáo” đăng ở các báo Sài Gòn cuối tháng 5 năm 1945 thì rõ:

“Tinh thần cũ của các đoàn thanh niên trong vòng mấy năm nay là một tinh thần trưởng giả, bạc nhược, chán nản. Thật vậy, những cuộc diễn kinh, những cuộc tranh giải rất náo nhiệt, rất ồn ào, chỉ để che đậy cái khủng hoảng bên trong và để mê hoặc quần chúng. Tinh thần cũ là tinh thần phục tùng, nô lệ, bế tắc, rất đỗi hẹp hòi. Nói chi đến sáng kiến, tìm tòi, chiến đấu? Tinh thần cũ là tinh thần thụ động.

Ngày nay đối với phong trào giải phóng đang bùng nổ khắp thế giới, đứng đưng lạng lẽ là chết, an phận là chết.

Phải tiêu diệt tinh thần ươn hèn ấy, để tạo nên một tinh thần mới, chính đáng hơn, vững bền hơn.

Tinh thần mới tức là tinh thần thiết thực, khoa học, luôn luôn tìm hiểu để vượt lên cao.

Cuộc phục hưng của dân Việt Nam sau này thành hay bại là do nơi thanh niên. Muốn làm tròn cái xứ mạng ấy, Thanh niên Tiền phong trước hết bề gãy cái ranh giới giai cấp đã chia rẽ lực lượng thanh niên... Thanh niên Tiền phong sẽ được huấn luyện kỹ lưỡng, dự bị chu đáo cho công cuộc vĩ đại của lịch sử, xứng đáng cho đời họ.

Hỡi thanh niên gần xa trong các đảng cấp!

Chúng ta đang trải qua một cơn khủng hoảng trầm trọng. Xã hội chúng ta đang bày ra một cảnh tượng hỗn loạn. Chúng ta không thể đứng yên trong hoàn cảnh cũ với một tinh thần thối nát. Chúng ta phải theo đuổi mục đích mới với một tinh thần mới. Thanh niên Tiền phong tha thiết kêu gọi các bạn hãy kéo đến gia nhập hàng ngũ chúng tôi để cùng mạnh bước tiến trên đường xán lạn”.

Còn những ý chưa thật rõ, nhưng mà, ta sử dụng công khai hợp pháp thì tất cả đều rõ làm sao được? Còn thiếu từ cách mạng; nhưng mình đi tới với tay che trán của mình, che mắt của địch, thì đương từ “cách mạng” sẽ bộc lộ nguyên hình của mình còn gì? Từ “cách mạng” sẽ từ từ đến sau, đến ngay khi tổ chức đã xếp, khi phong trào bắt đầu khởi động, nói cho rõ hơn, khi sự chỉ đạo của Xứ ủy thêm chặt chẽ. Ngày chủ nhật 5 tháng 7, trong cuộc lễ Tuyên thệ Thanh niên Tiền phong lần thứ nhất (tuyên thệ là một sáng tạo có tác động tâm lý cao, hướng đi tới biến Thanh niên Tiền phong thành một tổ chức yêu nước nửa quân sự), trước 25 ngàn thanh niên tập hợp ở vườn Ông Thượng, trong đội ngũ hân hoan, thủ lĩnh Thanh niên Tiền phong bác sĩ Phạm Ngọc Thạch đứng ra kêu gọi thanh niên, và trong lời kêu gọi đó, anh đã nhấn mạnh vào mục đích cách mạng, tinh thần cách mạng mà mỗi thanh niên đều phải có.

“Hỡi anh em thanh niên,

Ngày nay là một ngày long trọng của đời ta; cũng là một ngày đáng ghi trong lịch sử sau khi nước ta chìm đắm trong mấy chục năm nay. Ngày nay chúng ta được hân hạnh đứng dưới ngọn cờ Thanh niên Tiền phong, giữa trời xanh, dưới mắt chứng kiến của quốc dân, đồng bào đông đảo, quỳ gối tuyên thệ: “Tôi luôn luôn hết lòng hy sinh cho Tổ quốc”, “Tôi luôn luôn theo luật lệ Thanh niên Tiền phong”. Mà ngày nay cũng là một ngày kỷ niệm đau đớn trong lịch sử, vì, chính ngày này, tháng này, cách đây 60 năm, năm 1885, kinh đô Thuận Hoá thất thủ. Bọn đế quốc thực dân Pháp... đặt lên toàn bộ giang sơn ta một cái ách đô hộ, làm cho anh hùng nước ta khó vùng vẫy, làm cho quốc dân ta mất tinh thần đấu tranh hy sinh, làm cho nước ta biết bao nhiêu chậm trễ trên con đường tiến hoá. Vậy ngày nay là ngày tuyên thệ của Thanh niên Tiền phong cũng là ngày kỷ niệm thất thủ giang sơn...

Lịch sử nước ta từ xưa đến nay đều hoàn toàn là một lịch sử cách mạng. Từ đời Hùng Vương cho đến Nguyễn Thái Học, trải qua Bà Trưng, Lê Lợi, anh em Tây Sơn, máu anh hùng nhuộm đỏ giang sơn chỉ vì hai mục đích: giải phóng dân tộc Việt Nam và tìm chỗ sống dưới bầu trời.

Đáp lại yêu cầu của toàn thể quốc dân, Thanh niên Tiền phong ngày nay ra đời để bành trướng ở miền Nam một tinh thần đấu tranh cường tráng, để giữ quyền lợi cho dân tộc ta, để đánh đổ bọn trượng giả, bọn ích kỷ, để cho người ngoại quốc biết rằng dân tộc Việt Nam không phải là một dân tộc hèn mạt. Không! Dân tộc Việt Nam không bao giờ là một dân tộc hèn mạt như bọn sâu mọt xã hội đó tỏ ra. Dân tộc Việt Nam ngày nay vẫn còn giữ hết tinh thần tranh đấu của các vị anh hùng xưa đã từng đem lại cho nước ta một địa vị độc lập trên trường quốc tế. Vậy anh em tráng sinh ta hãy quên hết những chia rẽ cá nhân hay đảng phái để một lòng hy sinh phụng sự nước nhà. Anh em tráng sinh ta hãy nhớ đến mấy nhà chí sĩ cách mạng trong mấy chục năm vừa qua. Ta luôn luôn đừng quên mấy nhà cách mạng ấy từ Phạm Hồng Thái, Nguyễn Thái Học, Đoàn Trần Nghiệp, Lý Tự Trọng, Nguyễn Thị Minh Khai, Hà Huy Tập, đều toàn là mấy nhà thanh niên trẻ tuổi đã hiến cho Tổ quốc một tinh thần cứng cỏi, đấu tranh. Ta nên cúi đầu trước bóng người xưa mà nhận lãnh từ nay một sứ mạng chiến đấu để khỏi thẹn với non sông.

Hỡi anh em huynh trưởng! Ta là tiên tiến trong đoàn Thanh niên Tiền phong, ta phải một lòng cương quyết để đem mỗi tráng sinh lên con đường tráng sĩ.

Anh em thanh niên, hãy gia nhập hàng ngũ Thanh niên Tiền phong để đáp lại di chúc của mấy nhà chí sĩ cách mạng xưa, để giải phóng dân tộc ta, để chống lại hết thảy các đế quốc thực dân, mà kiến thiết nền độc lập của nước Việt Nam.

Chữ “cách mạng”, “cách mạng giải phóng dân tộc”, “giành độc lập”, “chống lại tất cả các đế quốc” đã được công khai nêu cao, rõ ràng, không còn gì mù mờ che lấp nữa, tinh thần của Phạm Hồng Thái, Lý Tự Trọng, Minh Khai, Hà Huy Tập cũng đã được tuyên dương giữa trên dưới 50 ngàn người tuyên thệ và dự xem tuyên thệ ngày 5 tháng 7 giữa Sài Gòn. Thì bảo Thanh niên Tiền phong là của ai? Nói là của địch sao được? Đúng là của ta đó chứ. Bảo Thanh niên Tiền phong là của địch thì hoặc là một vu khống trắng trợn, hoặc là một sự lầm lẫn tệ hại, một quan niệm không lấy gì làm sáng suốt khôn ngoan, một thứ chủ nghĩa cô độc mà hằng chục năm nay Đảng đã cực lực phản đối, phản đối cô độc thì mới đúng chứ sao lại phản đối sự tập hợp rộng lớn để thực hiện tinh thần cao Phạm Hồng Thái, Minh Khai, Hà Huy Tập?

Cái hôm tuyên thệ lần thứ nhất này của Thanh niên Tiền phong, chính những kỷ niệm nhắc nhở các nhân vật lịch sử cách mạng hiện đại Việt Nam là chỗ được đoàn viên Thanh niên Tiền phong và công chúng hoan nghênh nhiệt liệt nhất. Hôm đó, tôi đội nói nỉ cũ, mặc bà ba, đi guốc vào sân ngôi ngoài rìa xem tuyên thệ, tôi đâm lo cho thủ lĩnh Phạm Ngọc Thạch, sợ cái đồng chí sôi nổi này vượt ra ngoài phạm vi đại đoàn kết và cách mạng dân tộc. Nhưng mọi việc đều ổn. Người ta ra về từng đoàn trong tiếng hát “Lên đàn”, hết sức phấn khởi. Sau đó, tôi có dịp vừa khen Thạch làm một bài diễn văn hay, vừa căn dặn anh (sắp đi các tỉnh), khi đưa tên chị Minh Khai thì cùng đưa tên Cô Giang, khi đưa tên Hà Huy Tập thì cùng đưa tên Nguyễn An Ninh, cho đồng bào các giới đừng nghi ngờ gì về tính chất mặt trận cần phải được nhấn mạnh của Thanh niên Tiền phong.

Nói đến lá cờ của Thanh niên Tiền phong, cờ vàng sao đỏ.

Đoàn thể chính trị, tôn giáo nào ở Sài Gòn, ở Nam Kỳ lúc đó cũng đều có màu cờ của họ. Cờ quẻ ly của triều đình Bảo Đại, cờ chữ vạn của Cao Đài, cờ ngôi sao xẹt của Trótkít, cờ điều của Hoà Hảo, v.v... Loạn cờ! Thanh niên Tiền phong là một tổ chức lớn, tất phải có cờ của đoàn thể mình. Vả lại, cây cờ là một sự hiệu triệu tập hợp; tập hợp mà không cờ xí gì hết thì thiếu một cái gì lớn. Thanh niên Tiền phong lấy cờ gì bây giờ? Cờ đỏ sao vàng từng xuất hiện trong khởi nghĩa 1940, nay là cờ Mặt trận Việt Minh; nếu ta lấy cờ này thì không còn tồn tại công khai và hoạt động công khai được nữa. Như vậy đã bộc lộ ngay cái mà ta không muốn bộc lộ. Phải chế một lá cờ khác, khác mà giống, giống mà khác, cũng hai màu vàng đỏ, cũng ngôi sao ở giữa, nhưng ở đây thì sao đỏ, ở kia là sao vàng. Sao đỏ, anh em nói là sao cách mạng, màu đỏ là màu cách mạng, sao là hướng dẫn đúng đường (trên huy hiệu của SET, năm nào, có con đường đỏ giữa nền xanh). Ta lấy sao đỏ, nhưng không kể ác ý nào tố cáo Thanh niên Tiền phong là cộng sản được, bởi vì nền cờ là màu vàng, màu vàng là màu dân tộc.

Cờ vàng sao đỏ như vậy có nghĩa là cách mạng dân tộc; sau này nhiều anh em bảo khi cần thiết thì cờ vàng sao đỏ sẽ đổi thành cờ đỏ sao vàng có sao đâu? Có thứ cờ không thể đổi được hoặc nếu đổi thì phải thủ tục nghiêm trang như quốc kỳ của một dân tộc đã gắn bó với lá cờ ấy. Cờ tam tài của Pháp, cờ mặt trời mọc của Nhật; cũng không đổi được nếu lá cờ biểu hiện một bản chất như cờ đỏ búa liềm của các Đảng Cộng sản toàn thế giới. Chớ còn như cờ đoàn thể quần chúng mà thay đổi, tên của đoàn thể có tính chất mặt trận đó mà thay đổi tùy thời thế, tùy chủ trương thì không có gì cấm cản, hễ có lợi cho cách mạng thì nên làm. Từ 1930 đến nay (1945) tên của Mặt trận Xứ ta bốn lần thay đổi. Không ai cho rằng sai, trái lại người ta cho rằng đó là uyển chuyển cần thiết.

Cờ vàng sao đỏ thực tế được thanh niên và nhân dân hưởng ứng dữ dội, các đồng chí không ai đặt thành vấn đề. Ngày nào Thanh niên Tiền phong tuyên bố là thành viên của Mặt trận Việt Minh thì nó sẽ đi dưới cờ đỏ sao vàng, như tất cả đồng bào đều theo cờ đỏ búa liềm biểu hiện cho quyền lãnh đạo của Đảng Cộng sản trong cuộc cách mạng.

Hồi đó, chế cờ vàng sao đỏ, trong lòng chúng tôi không bao giờ có ý nghĩ là phân liệt, là cạnh tranh với cờ đỏ sao vàng, càng không có ý nghĩ đối lập. Những người xem Thanh niên Tiền phong là “cửa Nhật” thì mới hiểu sai lầm quá đáng như vậy, hay là mới vu oan một cách kỳ cục như vậy. (Đến sau này, khi Mặt trận ở miền Nam mang tên là Mặt trận Dân tộc Giải phóng, lấy cờ là nửa xanh, nửa đỏ sao vàng, thì đó là sự uyển chuyển cần thiết, không ai thắc mắc gì).

[Có chuyện này, lạ lùng, mà có kinh nghiệm hay lý luận chính trị đến đâu cũng không thể giải thích nổi: Ông học trò cũ của tôi là Trịnh Nhu chuyên nghiên cứu lịch sử Đảng ở Trung ương, mới đầu những năm 90 đây thôi, gửi cho tôi một bức thư kèm theo mấy trang sách in (tôi nhấn mạnh: sách in typô) trong đó có đoạn viết:... Ở Nam lúc ấy (1945) có hai Xứ ủy, một là Xứ ủy Giải Phóng lấy cờ hiệu cờ đỏ sao vàng, hai là Xứ ủy Tiền Phong lấy cờ hiệu là cờ vàng sao đỏ. Trịnh Nhu hỏi tôi vậy sự thật như thế nào? Tôi buồn cười quá, cười ra nước mắt, sao mà gần 50 năm sau người ta còn in sách bậy bạ, ngốc ngác như thế, khi mọi chuyện đã rõ. Tôi viết thư trả lời cho Nhu: “Tôi không biết cái Xứ ủy nào gọi là Xứ ủy Tiền Phong cả, chỉ có hồi 1943-1945, một Xứ ủy mà tôi là bí thư, Xứ ủy Nam Kỳ của Đảng Cộng sản, Xứ ủy đó có báo Tiền Phong làm cơ quan tuyên truyền và có công khai tổ chức Thanh niên Tiền phong, đoàn thanh niên lớn này lấy cờ vàng sao đỏ làm biểu tượng, còn cờ của Xứ ủy Đảng vẫn là, chỉ có thể là cờ đỏ búa liềm mà thôi. Còn cái gọi là “Xứ ủy Việt Minh” mới lập sau 9 tháng 3 thì nếu anh em đó lấy cờ Việt Minh làm biểu tượng, thì tôi không có trách nhiệm gì”]

Vậy phải phân biệt cờ Đảng Cộng sản với cờ của Thanh niên Tiền phong.

Đừng lập lờ đánh lộn con đen, sau bao chục năm mà còn nói bậy như vậy thì quả là có thể “cười ra nước mắt” vì làm sao mà trong hàng ngũ cách mạng tới nay vẫn còn cái thứ anh em mình có khối óc bằng đất sét như thế? Ai muốn đọc tài liệu gốc thì đến hỏi Trịnh Nhu, Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng, Hà Nội.

Về “trang phục” của Thanh niên Tiền phong, đối với Sài Gòn, không có gì mới lạ hẳn, các tổ chức “hướng đạo” của thời Pháp đã có rồi. Mà thanh niên bao giờ cũng thích những hình thức bề ngoài có ý nghĩa. Về mặt này Thanh niên Tiền phong đã tiếp nối đoàn SET ở mức cao hơn. Và lại, do trang phục, trang bị, một đoàn viên được phân biệt rõ ràng với những người xung quanh, được bà con chú ý, tất phải giữ danh dự cho “màu cờ, màu áo” của mình, không dám hay là ít dám làm bậy, nói bậy, mà phải làm điều tốt để bảo vệ danh dự của đoàn và của mình. Đoàn viên Thanh niên Tiền phong đội nón bàng, một thứ nón mà nguyên liệu sẵn có ở các bưng Nam Kỳ, rẻ, nhẹ và đơn giản; quần soọc màu, sơ mi tay ngắn, gọn và hùng, hùng còn ở cuộn dây thường đeo ở thắt lưng, bên cạnh một con dao găm bọc da, về sao thêm một cây gậy tầm vông. Những thứ đó là khí cụ dùng hàng ngày mà lại có ý nghĩa là Thanh niên Tiền phong sẵn sàng chiến đấu. Thanh niên Tiền phong gặp nhau hay họp mặt thì chào nhau bằng cách đưa tay trái sè ra, ngang vai, hô: “Thanh niên, tiến!”. Khi ấy có anh em mình đề nghị Thanh niên Tiền phong chào kiểu nắm tay phải đưa lên ngang vai, lối chào này ta thường thấy những năm 1936-1937, gọi là lối chào Mặt trận Bình dân chống phát xít, nhưng, vào giữa năm 1945, ta muốn “giấu hình tích, che mũi nhọn”, cho nên mới chế ra kiểu chào Thanh niên Tiền phong vừa kể trên, bảo với nhau rằng tay bên trái là tay bên quả tim, làm Thanh niên Tiền phong bao giờ cũng phải có quả tim nóng, còn tay sè thì “vả” kẻ địch rồi nắm lại để mà “đấm” thêm!

Về kỷ luật Thanh niên Tiền phong: vào đoàn thể này phải thề trước hết là “phục vụ Tổ quốc, đấu tranh cho độc lập dân tộc”; lời thề thứ hai là “phục tùng kỷ luật của đoàn thể”; kỷ luật đó nếu tôi nhớ không sai là: “giữ danh dự cho cá nhân và đoàn thể, thân ái với đồng đội, can đảm trong mọi trường hợp, chống mọi sự bất công của kẻ cậy quyền thế, sẵn sàng giúp đỡ người bị hoạn nạn, chấp nhận sự phê bình thân ái của đồng đội, phục tùng đoàn thể”.

Những điều vừa kể do Thanh niên Tiền phong tự đặt ra cho mình, không do Xứ uỷ áp đặt từ bên trên, Thạch và các đồng chí, các bạn của Thạch có một khoảng tự do rộng để day trở thoải mái trong đường lối chung. Bảo rằng lãnh đạo lỏng lẻo thì chưa chắc là đúng; bảo rằng cho phép

nảy sinh và thực thi nhiều sáng kiến thì sẽ đúng hơn. Suốt mấy tháng hoạt động hết sức sôi nổi và đa dạng, không có một mâu thuẫn nào hết giữa Xứ ủy và ban lãnh đạo Thanh niên Tiền phong; tôi đại diện chung cho Xứ ủy để trực tiếp chỉ đạo cho Thanh niên Tiền phong.

Về hoạt động chính trị xã hội của Thanh niên Tiền phong.

Hoạt động của Thanh niên Tiền phong thì đa dạng và náo nhiệt trên khắp Nam Kỳ, nhất là ở Sài Gòn, Chợ Lớn, Gia Định, mọi hình thức đều nhằm vào mục đích chính trị.

- Không thể thống kê hết số cuộc tập hợp để tuyên truyền cổ động cho chủ nghĩa yêu nước, cho ý thức độc lập, thống nhất, tự do, dân chủ; có những cuộc năm, bảy chục ngàn; một, hai chục ngàn, còn những cuộc mấy trăm, mấy ngàn thì vô số. Các cuộc tuyên thệ, mít-tinh, hội họp buổi chiều hay ban đêm tại các trụ sở với các bài diễn thuyết của thanh niên, giáo sư, cựu chính trị phạm, cộng với hết sức nhiều cuộc tuần hành với cờ xí, hàng ngũ chỉnh tề, lời hát hùng tráng, tạo nên một không khí chính trị xã hội mà ai cũng thấy rằng đó là dự triệu của một sự thay đổi gì rất lớn sắp diễn ra, đặc biệt là từ khi bên cạnh hàng tám vạn Thanh niên Tiền phong còn có mười hai vạn “Thanh niên Tiền phong ban xí nghiệp” vốn là công đoàn.

- Một mặt lớn, có nhiều ảnh hưởng tốt, của hoạt động Thanh niên Tiền phong là cứu đói miền Bắc. Khi ấy miền Bắc đói nặng, đói rộng; tin tức vào Nam làm xúc động vạn ức đồng bào; đồng bào được biết là hết Pháp đến Nhật, cả hai đế quốc đều trưng thu lúa gạo, dự trữ cho chiến tranh, thêm nạn hạn hán, lụt lội; cảnh chết đói lan tràn, đau thương. Thanh niên Tiền phong hô hào mọi người tham gia cứu đói: quyên góp lúa gạo, mượn các thứ phương tiện vận tải, chuyên chở bằng thuyền, bằng xe lửa, bằng xe hai bánh, đưa lương thực ra Bắc. Lúc ấy, không chỉ có Thanh niên Tiền phong làm việc nghĩa này. Còn nhiều thứ tổ chức khác. Nhưng mà đoàn thể lớn nhất, hăng hái nhất trong việc nghĩa này là Thanh niên Tiền phong. Cuộc vận động mang tính xã hội này cũng đồng thời mang tính chính trị ngày thêm đậm. Đó là một cách hay, đúng để giáo dục đoàn viên về lòng thương dân và tình đồng bào trong cả nước; không có Bắc-

Trung-Nam riêng rẽ, chỉ có Việt Nam thống nhất mà thôi. Người ta còn nhớ rằng khi ấy Nhật vẫn còn trực trị xứ Nam Kỳ, chưa thừa nhận nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một, thì việc tuyên truyền có ý thức thống nhất, lại càng có ý nghĩa chính trị, cách mạng. Người thời bấy giờ, ai cũng bất bình vô hạn đối với cái cảnh trái ngược, trong Nam thừa lúa cho đến đổi Pháp rồi Nhật dùng biết bao nhiêu vạn tấn thay cho than đá làm nhiên liệu cho nhà máy đèn Chợ Quán, đi ngang sân sau cửa nhà máy đèn ấy, đập vào mắt người ta những núi lúa bị đốt thành than. Trong lúc đó thì hàng chục vạn, hàng triệu đồng bào ta ở Bắc chết đói hay phải cầm hơi bằng củ chuối, củ dong! Anh chị em Thanh niên Tiền phong nhận định khác với các tổ chức tư sản (thanh niên gọi là trưởng giả) rằng then chốt của sự cứu đói là vấn đề vận tải chứ không phải vấn đề quyền tiền; và anh chị em dồn sức vào việc vận tải gạo ra hướng Bắc đồng thời đưa một số đồng bào xuống phía Nam vừa làm việc xã hội và cũng cố lòng yêu nước thương dân truyền thống, vừa chống lại chính sách diệt chủng của chủ nghĩa thực dân – bọn này đã buộc dân ta phải hút thuốc á phiện, uống rượu cồn, lại làm cho dân ta thiếu gạo, thiếu muối. Không may có ý định làm việc cứu đói để tự quảng cáo, nhưng Thanh niên Tiền phong được đồng bào yêu mến, khen ngợi một phần nhờ không tiếc sức trẻ cho việc dân sinh khẩn cấp này.

Lại còn vấn đề chống dịch tả. Nghe nói bệnh dịch tả từ đâu đó sang Miên, từ Miên sang Nam Kỳ; đông người mắc phải, khắp nơi đều có chết vì bệnh dịch tả. Thuốc không đủ, không có. Nhân dân lo sợ. Thì Thanh niên Tiền phong nơi nơi trang bị cho mình mấy lít rượu thuốc trừ tả, theo toa dân tộc củ gừng, củ là, v.v... nhất là ý chí cứu nạn, cứu khổ cho dân chúng lao động thành thị và thôn quê. Xảy ra ca bệnh ở đâu thì ở đó nổi mỗ một hồi, một dùi, thanh niên xa gần chạy tới ngay, đánh gió, xoa bóp, cho uống rượu thuốc. Vậy mà hàng trăm, hàng ngàn người được cứu sống. Người ta đồn rằng con bệnh dịch tả sợ Thanh niên Tiền phong. Đồng bào rất cảm kích.

Trong hai công tác này, “ban xã hội” của Thanh niên Tiền phong do Tạ Bá Tòng phụ trách đã hoạt động rất đặc lực. Chưa kể công tác truyền bá quốc ngữ, truyền bá vệ sinh, dạy hát những bài ca yêu nước, yêu dân làm vui thôn xóm, làm thức tỉnh nhiều người.

Cũng cần nhắc lại một chuyện nhẹ nhàng mà quan trọng của “Phụ nữ Tiền phong” là dạy học khoa cứu thương ở các trụ sở đoàn hoặc ở những nơi công cộng, ở nhà tư nữa, chị em học cách khiêng, công người bị thương, học cách băng bó, cho thuốc v.v... Hội phụ nữ Tiền phong quyên tiền, quyên vật để tích lũy một số phương tiện cứu thương. Rất nhiều bác sĩ, y tá trưởng tham gia công tác xã hội này. Lớp học thường mở từ 7 đến 9 giờ tối, không ai đòi tiền cả.

Về thực lực của Thanh niên Tiền phong

Đúng như dự đoán, Thanh niên Tiền phong phát triển nhanh, “nhảy vọt” vì mục tiêu chính trị của Thanh niên Tiền phong rõ ràng, thích hợp, thu hút; vì sự đổi mới của tinh thần tuổi trẻ; vì giải phóng dân tộc chống thực dân; Thanh niên Tiền phong có những nhà lãnh đạo đáng kính, gương mẫu, yêu nước chân thành, cách thức tổ chức có quy củ, sự hoạt động được đồng bào hoan nghênh. Ở Sài Gòn, ở các tỉnh Thanh niên Tiền phong đều phát triển nhanh, kể cả những tỉnh chưa có tỉnh ủy của Đảng Cộng sản như Bà Rịa, Hà Tiên. Mới hơn một tháng tồn tại mà Thanh niên Tiền phong Sài Gòn đã tổ chức được một cuộc lễ tuyên thệ cũng là một cuộc “tuần hành thị uy” 25 ngàn người có hàng ngũ chỉnh tề gần như một đạo quân không có súng ống; khí thế cao. Phần lớn các tỉnh cũng theo gương Sài Gòn tổ chức lễ tuyên thệ; trong lễ tuyên thệ ở tỉnh thường thường tập hợp cả vạn người, năm, bảy ngàn là ít nhất, những diễn văn còn mạnh hơn diễn văn ở Sài Gòn. Tỉnh hạm chót cũng tập hợp trên 10.000 đoàn viên. Giữa tháng 8 cả Nam Kỳ, Thanh niên Tiền phong đông hơn một triệu! Một triệu trong đội ngũ hăng hái, mang đồng phục, tuân theo mệnh lệnh của một trung tâm chỉ đạo thống nhất.

Từ thời Ủy ban hành động, Đông Dương Đại hội (1936) tới giờ, ở Nam Kỳ không lúc nào có nhiều hội họp, mít-tinh, tuần hành bằng lúc này, không lúc nào cứu chính trị phạm lên diễn đàn nhiều bằng lúc này. Anh em khắp nơi phát triển luận đề của bác sĩ Phạm Ngọc Thạch về nhiệm vụ “chống hết thầy các đế quốc” để giải phóng dân tộc, về “biến tráng sinh thành tráng sĩ”, về gương chiến đấu cần phải noi gương của Phạm Hồng Thái, Lý Tự Trọng, Minh Khai, Hà Huy Tập và biết bao nhiêu là ý kiến tốt đẹp mạnh mẽ khác.

“Thanh niên Tiền phong xí nghiệp”

Xuất hiện kể bên Thanh niên Tiền phong, những tổ chức Phụ nữ Tiền phong, Phụ lão Tiền phong nữa! Đặc biệt nhất, cho nhân dân Sài Gòn, Chợ Lớn, Gia Định, Tân Bình chú ý nhất là sự tuyên bố ra đời của “Thanh niên Tiền phong ban xí nghiệp”.

Thế nào gọi là “Thanh niên Tiền phong ban xí nghiệp”?

Nguyên là từ 1943, chúng tôi đã lập lại cơ sở và hệ thống Công đoàn. Sau cuộc đảo chính Nhật 9 tháng 3, Tổng Công đoàn phát triển khá mau nhưng vẫn là một tổ chức nửa công khai; chúng tôi thấy rằng muốn phát triển thật mau thì Tổng Công đoàn phải hoạt động công khai; mà muốn hoạt động công khai thì phải mang một cái danh nghĩa nào đó, không phải là Tổng Công đoàn mà thực chất Tổng Công đoàn hoàn toàn không thay đổi; Tổng Công đoàn vẫn là tay phải của Đảng Cộng sản. Đã có “Phụ nữ Tiền phong” thì ta có thể có “Thanh niên Tiền phong ban xí nghiệp”, danh xưng công khai của Tổng Công đoàn. Không phải là Tổng Công đoàn sáp nhập vào Thanh niên Tiền phong, mà ấy là mượn danh nghĩa công khai của Thanh niên Tiền phong mà hoạt động mạnh mẽ, rộng lớn, không cần xin phép hay thông báo với nhà cầm quyền. Từ nay, “Thanh niên Tiền phong ban xí nghiệp” cử một số đại biểu vào trong ban lãnh đạo của Thanh niên Tiền phong, như Hoàng Văn Đôn, Nguyễn Lưu, Từ Văn Ri, Huỳnh Đình Hai, v.v... còn trong ban chấp hành của Thanh niên Tiền phong ban xí nghiệp tức ban chấp hành Tổng Công đoàn thì không thấy cần có đại biểu của ban lãnh đạo Thanh niên Tiền phong, khi cần thì mới đến dự. Bên cạnh Thanh niên Tiền phong không một ai đòi phải “có đi có lại”; ai cũng thấy rằng “Thanh niên Tiền phong ban xí nghiệp” chỉ có thể nâng cao uy tín của Thanh niên Tiền phong. Không một ai bảo rằng Tổng Công đoàn mang tên “Thanh niên Tiền phong ban xí nghiệp” là Tổng Công đoàn “theo đuôi Thanh niên Tiền phong” hay “hoà tan vào Thanh niên Tiền phong”; trái lại nhiều người thấy ở hành động đó một cách thực hiện quyền lãnh đạo của giai cấp công nhân. “Thanh niên Tiền phong ban xí nghiệp” không mang đồng phục như Thanh niên Tiền phong mà mặc y phục công nhân viên chức hàng ngày. Có điều là hội họp hay diễu hành ngoài phố, Thanh niên Tiền phong xí nghiệp không có bài hát

riêng của mình mà vẫn hát “Lên đàn” như các tổ chức Thanh niên Tiền phong. Việc tập bài “Quốc tế ca” chưa được chú ý lắm. Một nhạc sĩ nổi tiếng hồi đó bảo tôi làm một bài thơ để anh em theo đó mà phổ nhạc cho công nhân. Nhưng tôi bối củi để hơn làm thơ, cho nên cuối cùng thì Thanh niên có bài hát của họ, còn công nhân thì không; đêm 24 rạng 25, vài trăm ngàn công nhân Sài Gòn tập hợp chật đường Kitchener[5] từ mé sông đến ga, mà chẳng hát lên được một bài hát nào của riêng công nhân cả, ấy là một thiếu sót.

“Thanh niên Tiền phong ban xí nghiệp” đến giữa tháng 8 năm 1945 tập hợp được 120.000 đoàn viên, 324 công đoàn cơ sở; cộng với 80.000 Thanh niên Tiền phong thì “tay phải, tay trái” của Đảng, tức là công nhân và thanh niên, riêng ở trong Sài Gòn đã là 200.000 rồi, chưa kể ngoài thành. Trong số này, bọn tôi lựa lọc tổ chức non già 300 đội xung phong gồm chừng 20.000 người có tập luyện quân sự chút đỉnh ở một số sân banh, nhằm vào nhiệm vụ làm mũi nhọn cho những cuộc chiến đấu quyết liệt khi cần thiết (nghĩa là nhằm vào nhiệm vụ xung kích trong một cuộc khởi nghĩa cách mạng).

Vậy thì trong Sài Gòn khi ấy, Xứ ủy đã tập hợp được một “đội quân chính trị” như mong muốn: Thanh niên và Công đoàn đông 200.000 người, đó không phải con số của tờ giấy báo cáo lên cấp trên mà thực tế mọi người đều mắt thấy trên các đường phố, trên các sân banh, trong các cuộc biểu tình, các lần tuyên thệ.

Gần đến ngày khởi nghĩa thì “Thanh niên Tiền phong ban xí nghiệp” lấy lại tên Tổng Công đoàn, và Tổng Công đoàn cũng như Thanh niên Tiền phong đều cùng lúc tuyên bố công khai là thành viên của Mặt trận Việt Minh.

Thanh niên Tiền phong là một sự sáng tạo của phong trào nhân dân Nam Kỳ. Nhờ đó mà Đảng Cộng sản, trong một thời gian tương đối ngắn, đã có thể trở thành đoàn thể yêu nước có lực lượng tổ chức lớn nhất ở Sài Gòn và toàn bộ Nam Kỳ, nghĩa là Đảng Cộng sản có một “đạo quân chính trị” hùng hậu như mong muốn.

8. Trí vận có hiệu quả cao, cao nhất trước nay

Tôi không được nhớ trong các nghị quyết, chỉ thị của Đảng từ 1930 đến 1940, có cái nào chuyên bàn về vận động trí thức. Đủ các chỉ thị, nghị quyết về vận động công, nông, binh, thanh, phụ, tự vệ, dân tộc ít người, mặt trận phản đế. Còn về trí thức thì hình như là chưa. Hồi giữa năm 1930, bị trục xuất từ Paris về Sài Gòn sau cuộc biểu tình của sinh viên Việt Nam trước dinh Tổng thống đòi thả những người chiến sĩ Yên Bái bị xử tử, tôi liền được Bí thư Xứ ủy Ung Văn Khiêm, bí danh là Huân, kết nạp ngay[6] vào Đảng Cộng sản Đông Dương và trao cho nhiệm vụ vận động học sinh và tổ chức hội phản đế. Tôi cùng làm việc với Hải Triều[7] và Phan Bội[8]. Học sinh (trung học) chưa phải là trí thức. Hồi đó ở Sài Gòn lớp học cao nhất là lớp tú tài; mỗi niên khoá chỉ có năm, bảy người; và chỉ có một trường có cấp ba thôi; chưa có đại học, chưa có sinh viên. Còn trong hội phản đế, có thể có trí thức, nhưng trong phản đế có nhiều hạng người khác: tư sản, tiểu tư sản, tín đồ tôn giáo, v.v... Vậy, công việc của tôi hồi 1930 không phải chủ yếu là trí vận. Mà hồi đó Hải Triều, Phan Bội, cả tôi nữa, đều đánh giá thấp khả năng tham gia cách mạng của trí thức. Chúng tôi chỉ hy vọng kéo về mình những thầy giáo nghèo, những viên chức nhỏ, chớ còn trí thức bự, viên chức lớn, mấy ông Tây da vàng đó thì bọn tôi xin không chịu mất thì giờ để tới lui tuyên truyền cách mạng cho họ. Tư tưởng đó ít nhất là sai một phần; quơ đũa cả nắm, đánh giá quá thấp khả năng yêu nước của trí thức; đánh giá thấp quá là không đúng mà trong thực tế thì số trí thức lớn ít lắm, càng ít tham gia cách mạng.

Hồi 1930-1931, thành kiến đối với trí thức Tây học khá phổ biến, và thật ra cũng không phải là không có căn cứ gì. Tội tôi, đưa dạy trung học, đưa viết báo, cũng có thể xem là trí thức rồi, không bự mà cũng không đến nỗi nhỏ. Ấy thế mà lơu chề lịch nhót[9], tội tôi xem thường trí thức. Trong lúc đó thì nhiều đồng chí nông dân cũng có thành kiến khá nặng đối với chính bọn tôi, xem nhẹ bọn tôi, đừng nói gì là đối với các ông trí thức “bự”: bác sĩ, trạng sư, kỹ sư, hạng trí thức thượng lưu “tối rệu sầm banh, sáng sửa bò”. Đâu đâu, ngoài tự do và trong nhà tù, người ta luôn luôn đụng phải cái tư tưởng khá phổ biến là trí thức mất gốc, trí thức không kiên định, trí thức bị văn hoá thực dân nhồi sọ. Đạo đó Trung

ương Đảng đã từng nghiêm khắc phê bình cái thứ “chủ nghĩa cộng sản ấu trĩ tả khuynh” ấy ở Nghệ Tĩnh. Vậy mà nó đã mau hết đâu? Rồi, hồi những năm phong trào Mặt trận dân chủ, “chủ nghĩa cô độc” lại một lần nữa bị Đảng đả phá. Ấy thế mà nó còn sống hoài. Trong thực tế, trí thức Việt Nam tham gia phong trào trong khoảng 1936-1939 cũng khá chớ không đến đổi hầu như vắng mặt như trong những năm 1930-1931. Nhưng từ chiến tranh thế giới đến giờ với sự bại trận thảm hại của Pháp trước sức tấn công của Đức. Rồi theo đà thắng của Liên Xô và đường lối cách mạng giải phóng dân tộc của Đảng ta, với cuộc tuyên truyền mạnh mẽ và tha thiết cho chủ nghĩa yêu nước, người ta nhận thấy tư tưởng của trí thức thiên về tả hơn trước, vấn đề được đặt ra cho tụi tôi là làm thế nào để đưa họ vào một phong trào có tổ chức của nhân dân do Đảng lãnh đạo. Một phong trào cách mạng giải phóng dân tộc mà thiếu sự tham gia tích cực của trí thức thì chưa phải đủ tầm rộng lớn cần thiết. Phong trào cách mạng cần có trí thức để có thêm sức mạnh: ít nhất là những người trí thức yêu nước có thể hô hào học sinh, thanh niên và quần chúng đông đảo chắc chắn sẽ làm cho trí thức gần gũi dân, đi với dân. Riêng trí thức thì lẻ tẻ, yếu sức và không mấy khi mạnh dạn, họ phải được khuyến khích ủng hộ bởi nhân dân; trí thức cần có phong trào của nhân dân thì mới thực sự vượt qua nổi những nhược điểm vốn có của tầng lớp xã hội mình. Nhiều lần tôi đã bàn luận trong Xứ ủy về khả năng của trí thức; thì nhiều anh như anh Phúc, với tôi nhắc lại rằng hồi Nguyễn Ái Quốc lập “Thanh niên”, những hội viên đầu tiên là những trí thức thời đó, cả Tây học lẫn Nho học; như trí thức Nho học thì có Lê Hồng Phong, Hồ Tùng Mậu, cả anh Nguyễn Ái Quốc nữa; Tây học thì có Ngô Gia Tự ở Bắc, Trần Phú, Phạm Văn Đồng ở Trung, Châu Văn Liêm ở Nam. Thời ấy ít ai có bằng cử nhân, thì tú tài díp-lôm, bỡ ngỡ là trí thức rồi. Họ đều trở thành đảng viên lãnh đạo, kiên cường, không có lý do cơ bản nào để xem rẻ trí thức. Trí thức tựa như gạch nung, riêng lẻ thì chẳng thành gì, có hồ, xi măng thì thành tường, thành lũy, hồ xi măng là tư tưởng yêu nước, là chủ nghĩa Marx-Lenin, là quần chúng nhân dân.

Vào năm 1943, khi bắt tay vào việc thiết thực chuẩn bị cho Tổng khởi nghĩa ở Nam Kỳ, ở Sài Gòn, thì Xứ ủy nhiều lần đã động tới vấn đề trí thức; sang 1944 còn bàn; đến 1945 lại bàn nữa. Nhưng chúng tôi chưa tìm ra giải đáp của vấn đề: phải tổ chức trí thức cách nào, vào đâu, theo

chương trình hành động gì. Trong Nam, mãi đến sau cách mạng thành công chúng tôi mới hay rằng Đảng có “Đề cương văn hoá” và “Hội Văn hoá cứu quốc”. Trước đó, ở Nam, chúng tôi ở trong cái thế phải tự vạch lối mà tiến.

Khi bàn về trí vận, tôi thấy không một ai trong Xứ Ủy xem nhẹ vấn đề. Không biết thì có, xem nhẹ thì không. Bây giờ số trí thức Tây học ở Sài Gòn đông hơn bất kỳ ở nơi nào khác trên đất nước ta. Cả Pháp lẫn Nhật đều ra sức lôi kéo trí thức. Các chính đảng tư sản gồm không ít trí thức. Ngay cả các giáo phái, hoặc tự họ “thỉnh” một số trí thức bự vào hàng ngũ để tỏ ra mình có những nhà thông thái chứ không phải chỉ gồm những dân dốt và đồng bào mê tín; hoặc có những ông trí thức, kể cũng lớn, tìm cách vào giáo phái để làm “cố vấn” mà thực ra là để có lá phiếu trong các cuộc bầu cử làm hội đồng này nọ, hay để cho nhà cầm quyền thấy “ta” có thực lực quần chúng sau lưng. Trong cấp xứ, cấp thành không ai xem nhẹ vấn đề trí thức, ai cũng nhận thấy rằng đây là một trận địa đấu tranh tư tưởng và đấu tranh chính trị quan trọng. Còn làm trí vận thật sự thì phần nhiều các đồng chí đều “ngán” trừ Bảy Trăn và tôi. Anh Oanh (Bạch Đằng lớn) giầy nầy nói: Vận động công nhân, thủ công, dân nghèo thì tôi bảo đảm tất; còn bác sĩ, kỹ sư, trạng sư, giáo sư thì tôi xin chịu, cái bọn i-tờ tụi tôi mà xáp gần họ sao nổi? Họ hỏi mình bí thì mình vận ai được? Anh Khuy, bí thư Tỉnh Ủy Mỹ Tho; tự tin hơn: lịch sử, văn chương, khoa học, mình thua họ là tự nhiên, nhưng lý luận cách mạng, kinh nghiệm đấu tranh thì mình có nhiều hơn họ và nói “vận” tức là nói cái này, là nói cách mạng và đấu tranh, vậy thì ta ít học mà cứ trí vận được chứ sao không? Nhưng ở tỉnh của Khuy, trí thức “bự” có thể đếm chưa hết đầu ngón tay mà Khuy cũng chưa “vận” được một móng trí thức nào. Hồi 1943-1944, chúng tôi kiểm điểm lại, thấy trong cấp ủy, trong số cán bộ xung quanh cấp ủy, không còn ai là trí thức bự cả: các anh Thủ, Văn (cả hai đều là kỹ sư) thì đã chết rồi. Nguyễn (nhà văn) thì chưa ra khỏi “thảo luận”. Rốt cuộc rồi thì Trăn và tôi “bao sân” trong lúc chờ đợi thành quả của một công việc khó khăn và lâu dài là đào tạo một số đồng chí trí thức để họ vận động trong giới của họ. May quá, chúng tôi sớm gặp bác sĩ Phạm Ngọc Thạch và một số anh em bấy giờ gọi là “cửa trời cho”.

Trước hết bọn tôi phải trả lời cho câu hỏi đầu tiên: “Ai là trí thức? Người có học nào thuộc phạm trù trí thức? Vận động trí thức là vận động ai, vận động những giới nào?”. Phải xác định phạm vi công tác, phải biết đối tượng tuyên truyền, tổ chức. Bọn tôi xác định phạm vi trí vận là: giáo sư các trường kể cả tiểu học, chuyên nghiệp, trung học công và tư; bác sĩ, dược sĩ, y sĩ; trạng sư và những người làm nghề luật, toà án, kỹ sư và đốc công; chuyên môn quản lý ở các xí nghiệp công và tư; nhà văn, nghệ sĩ, nhà báo. Bọn tôi cho rằng không đợi đến có cấp bằng đại học mới thuộc vào phạm trù trí thức. Ai sống bằng cái trí óc, cái học vấn của mình, bao gồm các người có bằng cấp cao, là trí thức (sau này gọi là lao động trí óc; Phạm Văn Đồng chế ra từ “Lao động trí lực”). Trí thức thì có trí thức “bự”, có trí thức nhỏ, có trí thức “roi roi”. Nhỏ và “roi roi” đông hơn “bự” hàng mấy chục lần, nhưng có uy thế trong xã hội là những ông “bự”; những trí thức “bự” mà có tư cách, tiến bộ, là tiêu biểu đại diện cho số đông trí thức. Nghe nhận thức như vậy thì Oanh đỡ lo, vì bản thân anh đã quen biết hàng chục ông bà giáo tiểu học rồi. Song, nói trí vận là nói vận động trí thức “bự” tiêu biểu là quan trọng nhất bởi vì họ có nhiều uy thế trong dân; nếu ta đưa họ vào hàng ngũ của ta được, vào phong trào của dân tộc được, thì sẽ có hàng trăm, hàng ngàn người đi theo họ. Nếu một Lưu Văn Lang ủng hộ ta thì trí thức lớn nhỏ sẽ ủng hộ ta đông lắm. Nếu các giáo sư Đặng Minh Trứ, Lê Văn Huấn, Hồ Văn Lái đi với ta, thì hàng trăm cựu học sinh, hàng trăm phụ huynh học sinh cũng sẽ mạnh dạn đi với ta. Lẽ cố nhiên là Đảng phải tập hợp trí thức nhỏ, vì họ chỉ là những người “vô sản mặc sơ-mi trắng” mà thôi!

Thật không phải dễ vận động trí thức. Trí thức có nhiều ưu điểm mà cũng có nhiều nhược điểm lắm, chưa kể đến việc rất quan trọng mà cũng khó khăn là đấu tranh chống mọi thứ hoạt động của Pháp và của Nhật trong mưu đồ của chúng lôi kéo trí thức. Decoux mở rộng diện vô dân Tây và dùng một số công chức Việt Nam trả lương theo ngạch Tây; đồng tiền “hấp dẫn” khá lắm. De Gaulle hứa hẹn tự trị cho Đông Dương, cố giữ Đông Dương trong khối kinh tế văn hoá Pháp mà trí thức thì quen thuộc với văn hoá Pháp. Còn Nhật thì hẹn sẽ ban độc lập cho Việt Nam, cổ vũ cho tính cao đẳng của văn hoá Phù Tang. Có nhiều nhà trí thức Tây học vào những chính đảng thân Nhật; như giáo sư Hồ Văn Ngà, một bạn

thân của tôi, một trong số 18 người cùng tôi bị trục xuất từ Paris về Sài Gòn hồi 1930.

Trước 1945, xem như bọn tôi không làm được gì đáng kể lắm về trí vận, trừ sự giao thiệp cá nhân và bắt đầu giúp sức cho phong trào sinh viên học sinh thanh niên. Bây giờ đi vào công tác cụ thể, anh em phụ trách thanh vận Sài Gòn có mấy cái “ngờ” cần phải đánh đổ thì họ mới làm việc được.

Họ bảo: “trí thức Sài Gòn “Tây” lắm! “Tây” nghĩa đen là tiêm nhiễm sâu sắc văn hoá và tập quán Pháp; “Tây” nghĩa trắng là dân Tây. Tây da vàng mũi xẹp ở Sài Gòn, ở Nam Kỳ đông hơn ở Bắc, Trung gấp bội; đã là Tây thì khó thật thà yêu nước Việt Nam, đừng nói gì là trở thành cách mạng. Họ biết địa lý, lịch sử, chính trị nước Pháp nhiều, chớ biết gì về Việt Nam đâu? La Gaulle họ biết rõ; Văn Lang, Âu Lạc họ biết ít. Họ suy nghĩ bằng tiếng Pháp trước rồi sau mới dịch ra tiếng ta để nói lên, nói ấp a ấp úng. Chẳng những ở công sở, ngoài đường, họ giao tiếp với nhau bằng tiếng Pháp mà ngay cả trong gia đình họ cũng nói tiếng Pháp với nhau. Trong các nhà ông Văn Vĩ, Phạm Ngọc Thuần, Lưu Văn Lang, Thái Văn Lung người ta nói toàn bằng tiếng Pháp. Nhiều nhà khác, hử môi ra là “toa”, là “moa”, nửa nạc nửa mỡ; cho nên thầy Dương Minh Thới viết ra kịch cười “Toa toa moa moa” một thời nổi tiếng. Đó là chưa kể rằng khá nhiều ông Tây Annam là đạo dòng. Vậy thì làm sao tuyên truyền cách mạng cho họ được, làm sao đưa họ ra hoạt động vì độc lập dân tộc được? May mắn thì họ sẽ tán thành một nước Việt Nam tự trị đối với Pháp, kiểu Canada hay Australia đối với Anh. Nếu ta hy vọng nhiều vào họ thì ta sẽ thất vọng lớn vì họ.

Thật cũng có một phần như vậy; nhưng chỉ một phần thôi. Ta sẽ phạm sai lầm nghiêm trọng nếu ta khẳng định rằng hễ nhập quốc tịch Pháp là bỏ Tổ quốc Việt Nam, hễ nhiễm nặng văn hoá Pháp thì mất gốc dân tộc Việt Nam. Số người theo Tây cả hồn lẫn xác không chỉ có một vài tên, song phần nhiều vào dân Tây trước hết là để có quyền lợi vật chất và chính trị như Tây. Gốc dân tộc Việt Nam ở số đông vẫn còn; biết kêu lên thì nó trỗi dậy. Mấy người dân Tây, học Tây mà không thích canh chua cá kho? Nói tới con cháu Lạc Hồng, Bà Trưng, Hưng Đạo, Nguyễn

Trải thì họ tự hào liền. Máu Việt Nam sẽ chảy mạnh trong mạch của họ, họ như một hạt đá quý bọc lại trong một cái vỏ bằng vải, bằng da, ta cứ bóc cái vỏ ấy ra thì bản chất dân tộc của họ lại xuất hiện tươi đẹp, cần trau dồi hạt đá quý ấy. Mà Đảng ta thì có dụng cụ, có thợ để trau dồi. Lẽ nào chúng ta lại thua cuộc vận động “đồng hoá” về văn hoá của thực dân Pháp? Vậy chớ ngày xưa ông cha ta học Hán mà đánh Tàu đó thì sao? Văn hoá nước ngoài, nếu qua cái bàn lọc của chủ nghĩa yêu nước Việt Nam thì trở thành vũ khí phục vụ cho sự phục hưng của dân tộc ta một cách chắc chắn.

Không ít anh em bảo rằng: “Trí thức ‘bự’, số đông cũng là địa chủ, tư sản. Người ta kể trường hợp kỹ sư Kha Vạn Cân là chủ lò nấu sắt đúc thép đầu tiên ở Sài Gòn; Văn Vĩ làm giám đốc Pháp – Hoa ngân hàng; bác sĩ Nguyễn Văn Thủ đi học bên Pháp hồi mười tuổi, con nhà địa chủ lớn vào bậc nhất của quận Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long với mấy ngàn gạ lúa ruộng. Dược sĩ Trần Văn Luân (và bao dược sĩ khác) mở tiệm bán thuốc Tây, làm thuốc Tây khá lớn trước cửa chợ Sài Gòn. Kỹ sư ủy viên Hội đồng Kinh tế lý tài Đông Dương Huỳnh Thiện Lộc là cháu Cả Bé có hàng chục ngàn mẫu ruộng. Đó là chưa kể mấy thầy cử, ông tú làm cò mi, huyện, phủ, làm ông phán rồi khẩn đất, mua ruộng, mua phố. Quan hệ với địa chủ tư sản như thế đi cách mạng thế nào được? Làm gì có chuyện họ dám hy sinh cái chăn êm, chiếu ấm, cái ô-tô, cái villa để đổi lấy cực khổ của đời cách mạng bao giờ? Bỏ công vào đó như ném tiền xuống sông, vô ích hay là có hiệu quả không tương xứng”. Nhiều đồng chí bảo như vậy, nhất là các đồng chí nông dân.

Những cái đó có thật. Thật có những dây quan hệ giữa trí thức “bự” với thực dân, địa chủ, tư sản. Ai chối cãi làm gì? Không kể tới quan hệ giai cấp thì đâu còn là theo chủ nghĩa Marx-Lenin nữa. Song, có mấy điều cần chú ý thêm: thứ nhất, không phải tất cả các trí thức lớn đều như vậy; nhìn chung các ông giáo sư đều nghèo “rớt mòng tơi”. Thứ hai: có thể trông thấy, qua kinh nghiệm lịch sử của chính quyền ở nước mình, là trong trí thức ta, cái đặc tính “trọng nghĩa khinh tài” vốn có và có nhiều từ lâu đời, nay vẫn còn đậm. Vì nghĩa lớn, nhiều người có thể vứt bỏ giàu sang bóc lột và an nhàn nô lệ. Mà giải phóng dân tộc là cái nghĩa lớn nhất. Huống chi đối với một số trí thức có chuyên môn giỏi, những ruộng

vườn, nhà cửa, cửa tiệm, chức tước kia không đến đổi ràng buộc họ lắm đâu. Họ còn tài riêng của họ, cái đó mới là vốn lớn nhất, ai tước họ được, thời nào cũng cần họ, họ cần gì tô tức, lợi nhuận? Thứ ba, và điều này Mác cũng đã nhấn mạnh, nếu ở người công nông người ta bắt đầu giác ngộ cách mạng bằng quyền lợi sinh sống hàng ngày, thì ở tầng lớp trí thức người ta có thể giác ngộ cách mạng bằng cái ý thức về lẽ tất yếu của lịch sử. Nói một cách khác, những người trí thức chân chính vừa có thể đi về với cách mạng bằng tấm lòng yêu nước vốn có và tinh thần dân tộc truyền thống, họ lại vừa có thể đi với cách mạng bằng sự tiếp thu chủ nghĩa Marx-Lenin, sự nhìn thấy lẽ tất yếu của lịch sử và, thật ra, xét cho cùng, chỉ có chủ nghĩa Marx-Lenin mới thỏa mãn được trí tuệ thông minh của họ. Trí thức Việt Nam chân chính là một miếng đất để thâm tư tưởng cách mạng của Đảng.

Tôi nhiều lần, nhiều nơi giải thích cho anh em như vậy. Anh em tán thành. Chính lúc đó tôi được tiếp sức bởi phong trào sinh viên Nam Kỳ từ Hà Nội về Sài Gòn nghỉ hè và nhất là phong trào “xếp bút nghiên”, một phong trào có tiếng dội lớn và dài, nói lên rằng trí thức có thể đông đảo đi vào con đường yêu nước, dám hy sinh quyền lợi, danh vọng riêng. Trường hợp các bạn tôi ở Paris năm 1930, là một bằng chứng: chúng tôi đang học, mà cứ đi biểu tình ủng hộ khởi nghĩa Yên Bái; bị trục xuất, sợ gì? Đường lập thân không phải chỉ có hoạn lộ.

Anh Nguyễn Văn Trân (Bảy Trân ở Phú Lạc), người đã đứng lên phát hành một cuốn sách chống chủ nghĩa Trốtkít (1938), lưu ý tôi về một đặc điểm tư tưởng trong giới trí thức, công chức Sài Gòn những năm 1936-1939, ấy là ảnh hưởng chính trị của nhóm La Lutte, nhóm đệ tứ Trốtkít. Anh Trân nói: ở Huế ảnh hưởng chính trị của đệ tứ là một con số không thật tròn. Ở Hà Nội thực lực của đệ tứ không đáng kể. Nhưng ở Sài Gòn, không ít trí thức, công chức bỏ phiếu cho nhóm La Lutte, lập luận kiểu La Lutte, công kích Mặt trận Dân chủ Đông Dương, phê phán Liên Xô. Trân nhắc lại rằng, hồi 1940, lúc chúng tôi bị bắt đi Tà Lài thì một số trí thức nổi tiếng của thành phố tập hợp xung quanh tờ Văn Lang viết một số bài chống Xô Viết. Trân cho rằng làm trí vận ở Sài Gòn nhất định sẽ đụng phải cái trở ngại Trốtkít.

Tôi thấy đáng chú ý tới lời căn dặn của Bảy Trân. Tôi không xem thường đám đệ tử; họ có học; nhưng tôi không đánh giá họ và ảnh hưởng họ cao lắm đâu. Nói là đám đệ tử, chứ thật ra trong ấy có ba thứ đệ tử: Nhóm La Lutte của Tạ Thu Thâu, nhóm Militant của Hồ Hữu Tường, nhóm Octobre của Lưu San Hạp. Họ chưa hề thống nhất thành một Đảng. Trên thế giới cũng vậy, chưa thấy ở một nước nào mà nhóm Trótkít thống nhất thành một Đảng. Trótkít chưa hề vượt qua “cơ cấu nhóm” thì làm sao làm cách mạng? Chỉ nói cho sướng miệng. Ảnh hưởng tới trí thức công chức là nhóm của Tạ Thu Thâu. Song, phải nhận thấy rằng một số trí thức đáng kể đi với La Lutte, trong một thời gian dài gồm ba nhóm hợp tác với nhau: Nguyễn Văn Tạo, Võ An Ninh, Tạ Thu Thâu. La Lutte của Thâu thừa hưởng cái đó mà bản thân chủ nghĩa Trótkít không làm sao có được. La Lutte viết tiếng Pháp cứng, trí thức Sài Gòn thích cái văn ấy, một cái văn làm cho người ta nhớ L’Annam, La Cloche Fêlée. Trí thức thích La Lutte công kích chủ nghĩa thực dân, chắc gì họ thích cái tư tưởng “hư vô dân tộc” của Trần Văn Thạch, cái “chủ nghĩa cô độc” của Tạ Thu Thâu mà Nguyễn An Ninh đã phê phán mạnh mẽ? Ảnh hưởng của La Lutte đâu phải chỉ là ảnh hưởng của chủ nghĩa Trótkít. Nếu ta gần gũi những người ấy giải thích cho họ hiểu, nếu bằng thực tiễn ta chứng tỏ rằng ta chân thành, rằng dân theo ta, ta có khả năng lãnh đạo, có khả năng làm cách mạng thành công, thì họ sẽ đi với ta, còn những kẻ thọc gậy bánh xe thì lịch sử sẽ loại chúng ra thôi. Đừng trách sao hồi 1939, 1940, có người trí thức Sài Gòn thắc mắc vì sao Liên Xô ký hiệp ước bất tương xâm phạm với Đức rồi kéo quân sang Ba Lan thu hồi nhiều đất mà Nga đã mất vào năm 1919. Trong những vấn đề chính trị, ngoại giao rắc rối khi chiến tranh thế giới sắp nổ ra và bắt đầu, ngay cả một số đảng viên cộng sản còn mù tịt, lo âu, không hiểu, dao động, thì trách gì người trí thức bình thường? Tôi không thành kiến. Tôi quyết đến với trí thức “bự” ở Sài Gòn cho dầu họ là dân Tây, đạo dòng, giàu có, Trótkít, miễn là họ sạch sẽ, thật thà, yêu nước, cầu tiến. Tôi không chủ quan đến đổi tin rằng mình sẽ giành toàn thể trí thức, gỡ hết trí thức Sài Gòn ra khỏi tay Pháp-Nhật, hay là ra khỏi thái độ thờ ơ với vận mệnh nước nhà; song tôi và các bạn của mình quyết tâm đưa số đông về “chấn chỉnh” với đồng bào trong cuộc vận động cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam. Làm thì có thắng, có bại, nhưng thành tâm và bền chí là điều tôi không thiếu. Mình yêu nước, yêu dân, có can trường đấu tranh cho độc

lập, tự do, dân chủ và mình có lý luận cách mạng vững thì trí thức đa số sẽ đứng về phía mình.

Ngay từ cuối năm 1943, trong lúc tôi để phần lớn thì giờ và nghị lực vào việc mẫu chốt là xây dựng Đảng và công vận thì tôi không quên tìm cách trực tiếp với một số trí thức “chọn lọc”, với cái ý định khiêm tốn là xây dựng cho nên một số đồng chí có tên tuổi, có địa vị xã hội, có tiếng tăm chuyên môn, có tư cách đứng đắn để giao việc trí vận cho họ. Trí thức làm trí vận mới hay, cũng như công nhân làm công vận mới tốt, chớ mình từ xa “bỏ cần câu vào” thì khó đạt hiệu quả cao.

Tôi nhớ một chiều tối năm 1943, một thanh niên Phú Lạc, giỏi võ, chở xe đạp tôi đến nhà bác sĩ HỒ Tá Khanh ở góc đường Pellerin-Colombert[10] ngó ra vườn cây sao trước dinh toàn quyền. Tôi vào một mình. Bấm chuông. Người nhà ra hỏi ai. Trả lời: Bạn cũ từ bên Pháp đến thăm. Cửa mở. Khanh ngó tôi một giây rồi khẽ kêu: Giàu, anh Giàu! Lâu nay tụi mình không gặp nhau! Khanh không thay đổi mấy, cặp mắt xếch một chút, người cao cao, ăn nói có duyên, lịch thiệp, con của nhà chí sĩ trong Duy Tân hội (HỒ Tá Bang), kinh doanh nước mắm ở Phan Thiết. Khanh nguyên là sinh viên y ở Marseille, bây giờ là bác sĩ nhi khoa nổi tiếng nhất ở Sài Gòn. Anh biết tôi vượt ngục. Hình như kỹ sư Phan Hiếu Kinh đã nói nhỏ với anh là có gặp tôi làm thợ hồ ở Đà Lạt. Tôi tranh thủ thời giờ để sau khi hỏi thăm qua loa, nói vắn tắt về tình hình và nhiệm vụ. Khanh hỏi tới đâu, tôi trả lời đến đó. Câu chuyện giết hết nửa giờ thì tôi xin từ giã. Khanh bảo tôi ngồi chờ một chút. Anh đi vô buồng. Tôi hơi lo. Ông ấy đi đâu? Nếu nghe tiếng chuông tê-lê-phôn thì tôi sẽ nhảy liền. Nhưng chỉ nghe tiếng mở tủ sắt. Khanh trở ra salon, đưa tôi một cái phong bì no nóc. Anh nói: “Đây là số tiền còn lại của báo Văn Lang mà tôi là thủ quỹ. Văn Lang chết, tụi tôi làm tuần, làm giỗ cho nó, ăn mãi chưa hết; nay còn bấy nhiêu đây. Thay mặt anh em, tôi trao cho anh làm việc có ích”. Tôi cảm ơn và hẹn sẽ trở lại nhưng không biết chừng nào, chắc là còn lâu. Tháng 4 năm 1945, tôi gặp lại Khanh một lần nữa khi Trần Trọng Kim mời Khanh làm tổng trưởng Bộ Kinh tế; khi ấy Khanh nhắn tôi đến nhà anh để hỏi coi có nên hay không nên nhận lời mời ấy[11], sự thật là để báo tin cho tôi rằng anh sắp ra Huế.

Có lần tôi lại thăm giáo sư Lê Bá Cang, hiệu trưởng trường trung học tư thực Lê Bá Cang. Cang, nhà riêng ở đường Pierre Flandin[12], gần căn nhà xưa của báo La Cloche Fêlée. Cang cũng bị trục xuất với tôi từ Paris về Sài Gòn, sau cuộc biểu tình trước điện Elysées hồi tháng 5 năm 1930. Vẫn anh ấy, nhỏ thó, đen đúa, lớn tuổi mà tính vui, nói toàn tiếng Pháp. Tiếng Pháp của anh rất là Pháp. Cang kín đáo không phát biểu ý kiến chính trị. Nhưng khi đưa tôi ra cửa, anh cũng trao cho một phong bì đầy.

Thú vị nhất là cuộc gặp gỡ bác sĩ Phạm Ngọc Thạch, cũng năm 1943. Anh này chưa hề biết mặt tôi, chỉ biết tên. Tôi mặc áo Cao Đài, đi guốc vòng vào phòng khám bệnh của anh lúc gần cuối giờ khi số khách của anh đã thưa. Tối phiên tôi được khám. Bác sĩ ngạc nhiên một cách thích thú khi tôi cười nói rằng tôi là Trần Văn Giàu, có giấy giới thiệu của Bảy Trân. Về sau, có người tưởng đâu rằng tôi tuyên truyền cộng sản cho Thạch. Không phải, ông bác sĩ này đã là “cộng sản không phải đảng viên” từ lâu rồi, đâu hồi anh còn ở bên Pháp kìa. Cho nên mấy đồng chí cộng sản Pháp ở Sài Gòn đều quen thân với Thạch. Cái mà tôi đem lại cho Thạch có hai điều. Điều thứ nhất là theo yêu cầu của Thạch tôi phải giải thích tại sao Liên Xô ký hiệp ước bất tương xâm phạm với Đức quốc xã, tại sao Hồng quân Liên Xô sang chiếm đóng miền Đông Ba Lan. Tôi đã đọc báo Văn Lang, đọc những bài của Thạch và của các anh em khác về những vấn đề này cho nên tôi giải đáp thắc mắc trúng hẳn những thắc mắc của họ. Điều thứ hai là tôi trình bày cho Thạch văn tắt mà đầy đủ và có hệ thống tình hình, nhiệm vụ, triển vọng cách mạng Việt Nam. Xem chừng như ông bác sĩ này bằng lòng lắm. Tôi còn gặp Phạm Ngọc Thạch mấy lần và lần nào anh cũng đặt những vấn đề lý luận và thực tiễn. Cuối cùng tôi đề nghị Thạch vào Đảng Cộng sản Đông Dương; anh đồng ý. Như vậy là từ đó, từ 1944[13], ở Sài Gòn chúng ta có một trí thức cỡ “bự” trong Đảng, và có thể qua anh Thạch mà làm trí vận được. Thạch giao du rộng và có uy tín về nghề nghiệp cũng như về nhân cách đối với trí thức thành phố. Đáng chú ý là cả Pháp lẫn Nhật đều không nghi Phạm Ngọc Thạch là cộng sản. Bọn tôi giữ rất kín việc đưa Thạch vào Đảng, với ý định là giấu một con bài a-tu[14], ngày nào đó sẽ ném xuống bàn, để thắng cuộc. Một số đồng chí bảo rằng tôi không điều tra kỹ khi nhận Phạm Ngọc Thạch vào Đảng. Tôi có điều tra kỹ, kỹ lắm. Và bởi vì biết kỹ nên tôi thấy “con cờ Phạm Ngọc Thạch” sẽ có lúc đắc

dụng phi thường ở Sài Gòn. Pháp, Nhật làm sao có thể nghi ngờ rằng Thạch là đảng viên cộng sản được? Sẽ đặc dụng là vì vậy trước hết.

Phạm Ngọc Thạch (người thứ nhì, từ bên phải)

ở chiến khu Nam Bộ (cuối thập niên 1940)

Làm trí vận, bọn tôi ở Sài Gòn, ở Nam Kỳ không chủ trương lập một tổ chức riêng, bí mật cho trí thức (và văn nghệ sĩ) như ở Bắc. Vả lại khi ấy chúng tôi chưa biết có hội “Văn hoá cứu quốc” đã ra đời ở Bắc. Bọn tôi muốn đặt trí thức vào trong một tổ chức quần chúng rộng lớn, hoạt động, chiến đấu, trong đó họ đóng một vai trò quan trọng. Trí thức lớn vốn xa quần chúng; xa quần chúng thì khó mà có tinh thần cách mạng cao, khó mà tin tưởng vững chắc vào tiền đồ của cuộc giải phóng dân tộc bằng lực lượng của bản thân dân tộc mình. Có hai tổ chức quần chúng ở Nam Kỳ, trong đó trí thức có thể phát huy tác dụng của mình, là “hội truyền bá quốc ngữ” và cao hơn, hoạt động cao hơn là đoàn Thanh niên Tiên phong. Trong hội truyền bá quốc ngữ, các nhà trí thức đứng tên “thị chúng” cho sinh viên, học sinh, trí thức nhỏ làm cụ thể những việc hàng ngày. Còn trong Thanh niên Tiên phong thì trí thức (bự) trực tiếp làm việc quản trị, làm thủ lĩnh, làm trưởng, làm huấn luyện viên, làm đoàn viên thường nữa. Ở “Thanh niên Tiên phong” do trí thức và sinh viên phụ trách, đóng vai phụ trách thực sự (chớ không phải trên danh nghĩa như hội truyền bá quốc ngữ). Anh Thạch và các đồng chí Tỉnh Ủy có ý thức lựa chọn và đưa ra một số trí thức có tiếng tăm và có uy tín ở các thị xã và hợp sức với cán bộ công khai (của Đảng), lãnh đạo Thanh niên Tiên phong tỉnh. Thanh niên Tiên phong thu hút đại đa số hay là hầu hết trí thức; trẻ tuổi, họ gia nhập đoàn; lớn tuổi, họ cảm tình và làm cố vấn, chủ tọa các cuộc hội nghị, mít tinh biểu diễn tuyên thệ.

Khó mà quên được tên tuổi:

- Các giáo sư: Lê Văn Huân, Đặng Minh Trứ, Phạm Thiều, Nguyễn Văn Chì, Hồ Văn Lái v.v...

- Các bác sĩ, dược sĩ: Phạm Ngọc Thạch, Nguyễn Văn Thủ, Trần Kim Quang, Trần Văn Luân, Huỳnh Bá Nhung, Đặng Văn Chung, Ngô Như

Hoà, Nguyễn Tá Vinh, Chị Lợi, Trần Nam Hưng, Bùi Sĩ Hùng, Trương Tấn Lũy, Hồ Thế Quang, Trần Văn Đệ, Nguyễn Văn Liễn, Trần Văn Nhựt, Huỳnh Kim Hữu, v.v....

- Các kỹ sư và kiến trúc sư: Ngô Tấn Nhơn, Kha Vạn Cân, Phạm Ngọc Thảo, Huỳnh Tấn Phát, Nguyễn Văn Ngọc, Lý Văn Sâm, Nguyễn Văn Đức, Lưu Văn Lang.

- Các luật sư: Trần Công Tường, Phạm Ngọc Thuần, Thái Văn Lung, Lê Đình Chí, Dương Trung Tín, Huỳnh Văn Lang, cả ông Tây Annam Văn Vĩ nữa.

- Các nghệ sĩ, văn sĩ: Lưu Hữu Phước, Mỹ Ca, Nguyễn Hải Trường, Huỳnh Tấn, Nguyễn Hữu Ngự, Nghiêm Xuân Việt, Nguyễn Tư, Tiêu Như Thủ, Quách Vũ, Lưu Cầu, Tạ Thanh Sơn v.v...

Đó là chỉ nói người Sài Gòn mà tôi biết hay được anh em báo cáo. Ở lục tỉnh anh em trí thức “bự” gia nhập Thanh niên Tiền phong cũng đông. Ít ai đứng ngoài. Những người này đến với cách mạng hơi lâu trước khi Cách mạng tháng Tám thành công.

Xứ Ủy Nam Kỳ có thể nói rằng mình đã làm cho Đảng Cộng sản tự hào được là đã làm cho đa số trí thức Sài Gòn và Nam Kỳ đi với cách mạng, do Đảng Cộng sản lãnh đạo.

Đoạn kế tiếp...

Chú thích của người biên tập

[1] Bài của Thép Mới: Chúng tôi không có cuốn sách này, nhưng rất có thể đây là bài đã đăng trên báo Nhân Dân ngày 19.8.1982 mà mạng Báo Mới:

<http://www.baomoi.com/Info/198-cach-mang-la-sang-tao/122/4674570.epi>

đã đăng lại. Đây là đoạn liên quan:

“Theo tài liệu của Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Hà Nội, cuộc hội nghị của Ban Thường vụ Trung ương vào đêm mừng chín tháng Ba năm 1945 đã được triệu tập từ hai hôm trước với chương trình nghị sự chủ động bàn về chủ trương đưa phong trào lên một bước phát triển mới, trước tình hình tiềm tàng trực tiếp là Nhật nhất định thế nào cũng hất cẳng Pháp.

(...)

Tối mùng 9, có mặt đông đủ ở chùa làng Đồng Kỵ (thuộc Tiên Sơn, Hà Bắc ngày nay). Chưa kịp họp thì có động, phó lý và trưởng tuần thấy có người lạ, đến khám xét, hội nghị chuyển về làng Đình Bảng, cách Đồng Kỵ sáu kilômét. Khi đi đến rừng Sặt (địa điểm của trường Đại học Thể dục, thể thao Từ Sơn ngày nay) thì súng nổ ùng ùng từ phía Hà Nội, cách đó trên mười kilômét đường chim bay.

- Nhật - Pháp bắn nhau rồi, anh em ơi! - Đồng chí Trường Chinh reo lên như thế.

Tối nhà cơ sở ở làng Đình Bảng, đồng chí Trường Chinh gặp ngay Bí thư chi bộ xã, yêu cầu tìm người thanh niên nhanh nhẹn đạp xe qua cầu sông Cái, sang bên Hà Nội, nắm tình hình Nhật đảo chính Pháp. Hội nghị họp gần suốt đêm đó, thảo luận trên dự thảo chỉ thị chi tiết mà đồng chí Trường Chinh đã chuẩn bị. Cuộc họp chốc chốc lại bị ngắt quãng bằng những báo cáo tình hình sốt dẻo mà các "phái viên nhân dân đặc biệt" vào tận trung tâm Hà Nội, nắm tình hình, đạp xe nhanh về báo cáo.

Chỉ thị 12-3 "Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta" ra đời như thế đó.

Kết thúc hội nghị, đồng chí Trường Chinh về ngay làng Viên Nội bên Đông Anh, lúc đó thuộc Phúc Yên, sửa kỹ trong hai ngày, và đưa ngay sang nhà in báo Cờ Giải Phóng, đóng ở thôn bên cạnh in gấp mấy nghìn bản. Từ Hà Nội, đảng tổ chức hai chuyến giao liên mang tài liệu quan trọng này vào Sài Gòn, cộng với một chuyến đặc biệt, chị Nguyễn Thị Thập và anh Dân Tôn Tử, từ trong Nam ra, trực tiếp mang tài liệu về Nam.”

Như vậy là Thép Mới (sinh năm 1925, từ trần năm 1991) đã (chỉ) căn cứ vào tài liệu của Ban nghiên cứu lịch sử Đảng Hà Nội. Thông tin về chuyến đi của bà Nguyễn Thị Thập và ông Dân Tôn Tử như vậy mâu thuẫn không những với hồi ký của ông Trần Văn Giàu, với lời kể của những cán bộ lão thành Nam Bộ, mà còn mâu thuẫn với cả hồi ức của ông Hoàng Tùng, nhiều năm là tổng biên tập báo Nhân Dân, Ủy viên Ban bí thư trung ương, thời 1945 lãnh đạo Thành Ủy Hà Nội:

“ Trừ mấy trường hợp, như Trần Văn Giàu. Tôi được biết Trần Văn Giàu học ở Liên Xô về. Tôi biết có người tên là Phi Vân cũng học ở Liên Xô Về, vì hư hỏng bị đi tù ở Sơn La. Khoảng năm 1935, ở tù cùng Phi Vân tôi hỏi Phi Vân nhận xét về Nguyễn Ái Quốc, Phi Vân nói: “Ông này không có gì đâu, ở nhà cứ tưởng là nhân vật quan trọng lắm, chứ ông ta dân tộc chủ nghĩa, trình độ lý luận kém”. Đó là cách nhận định về Bác của mấy người đi Liên Xô về. Trần Văn Giàu thuộc loại nói trên. Có lần Trần Văn Giàu nói với tôi năm 1932 về anh là Bí thư, sau khởi nghĩa Nam kỳ bị thất bại, anh em mình nhiều người bị bắt, anh đứng ra lập một tổ chức Tiền Phong, coi như nòng cốt của cách mạng. Khởi nghĩa ở Sài Gòn chính anh là người lãnh đạo. Còn ở Nam Bộ một số đồng chí của ta như Ung Văn Khiêm, Hà Huy Giáp, Nguyễn Thị Thập ra nắm vùng nông thôn. Ba người này ra ngoài Bắc dự Hội nghị Tân Trào. Nguyễn Thị Thập đến không kịp. Ung Văn Khiêm đến chỗ tôi rồi đi Tân Trào, chứ Trần Văn Giàu không được thừa nhận. Việc phân xử Trần Văn Giàu có các lớp đàn anh đi tù ở Côn Đảo về. Họ là bậc thầy ở Nam Bộ, là những người lãnh đạo quen thuộc của nhân dân Nam Bộ. Thế của Trần Văn Giàu yếu đi, về sau điều Trần Văn Giàu đi Xiêm.”

(nguồn: <http://www.diendan.org/viet-nam/tu-lieu-hoang-tung-1920-2010-noi-ve-ho-chi-minh/?searchterm=%22ho%C3%A0ng%20t%C3%B9ng%22> - Những kỉ niệm về Bác Hồ)

Trích đoạn này cho thấy rõ Hoàng Tùng không ưa gì Trần Văn Giàu, do đó, khi ông nói rằng đến ngày họp hội nghị Tân Trào (16 tháng 8.1945), bà Nguyễn Thị Thập vẫn chưa ra tới Hà Nội, điều đó không phải nói ra để “bênh vực” Trần Văn Giàu.

[2] SET: Section d'Excursion et de Tourisme (Đoàn du ngoạn và du lịch), xem hoạt động của các đoàn SET ở phần VII.

[3] Về mối tình của ông bà Phạm Ngọc Thạch, có thể tham khảo bài Ba tôi của Colette Phạm Ngọc Thạch (Phạm Như Mai)

<http://www.diendan.org/nhung-con-nguoi/100-nam-ngay-sinh-bac-si-pham-ngoc-thach-7-5-1909-7-11-1968/>

[4] Thái Văn Lung: xem tiểu sử trong Nguyên Hùng
(<http://www.quansuvn.net/index.php/topic,17085.40.html>)

[5] Kitchenier: nay là đường Nguyễn Thái Học.

[6] Kết nạp ngay: sự thực Trần Văn Giàu đã được kết nạp vào Đảng cộng sản ở Pháp từ năm 1929, khi ông là học sinh trung học ở Toulouse. Theo thực tiễn của phong trào cộng sản thời đó, không có lý do để ông phải được kết nạp vào Đảng cộng sản Đông Dương khi về nước, mà chỉ cần “chuyển đảng” (tất nhiên, với điều kiện là có bằng chứng đã gia nhập đảng Pháp). Nguyên tắc này được duy trì cho đến những năm 1950 giữa hai đảng cộng sản Việt Nam tại Pháp: những Việt kiều đảng viên ĐCS Pháp về Hà Nội năm 1956 đương nhiên được coi là đảng viên Đảng lao động Việt Nam. Đến năm 1958, nguyên tắc “chuyển đảng” này mới chấm dứt (tuy nhiên, năm 1964, khi bác sĩ Nguyễn Khắc Viện bị chính phủ De Gaulle kén đáo trục xuất về miền Bắc, ông được tính “tuổi đảng” từ năm 1949, là năm ông gia nhập ĐCS Pháp). Có thể xem thêm bài Nguyễn Ngọc Giao: Quan hệ về tổ chức giữa phong trào Việt kiều và Đảng Cộng sản Việt Nam (1945-1990), tạp chí Thời Đại Mới, số 9, tháng 11.2006.

(http://www.tapchithoidai.org/ThoiDai9/200609_NNGiao.htm)

[7] Hải Triều: tên thật là Nguyễn Khoa Văn (1908-1954). Cha là nhà nho Nguyễn Khoa Tùng từng làm nghị viên Viện dân biểu Trung Kỳ, mẹ là nhà văn Đạm Phương (1881-1947). Ông là nhà lí luận của ĐCS, được biết nhiều trong cuộc luận chiến với Phan Khôi về “Duy tâm hay duy vật”, với Thiều Sơn, Hoài Thanh, Lưu Trọng Lư về “Nghệ thuật vị nghệ thuật hay nghệ thuật vị nhân sinh”. Ông là người Việt Nam đầu

tiên dịch bộ Tư bản của Karl Marx. Ông hoạt động ở Huế và Sài Gòn, bị Pháp giam tù (1931-1932) và an trí (1940-1945). Có con trai là Nguyễn Khoa Điềm, nhà thơ, có thời làm to.

[8] Phan Bội: tức Hoàng Hữu Nam (1911-1947), em ruột ông Phan Thanh (cả hai gọi ông Phan Khôi là anh họ). Tham gia tổ chức truy điệu Phan Châu Trinh (1926), gia nhập An Nam cộng sản đảng (1928), Đảng cộng sản Việt Nam (1930). Bị tù đầy nhiều lần (1931-1939 ở Sài Gòn, Côn Đảo, 1940-1943 ở Hà Giang, Sơn La, Madagascar). Sau Cách mạng tháng Tám, làm thứ trưởng Bộ nội vụ (cụ Huỳnh Thúc Kháng làm bộ trưởng). Kháng chiến bùng nổ, lãnh đạo ngành công an. Tử trần tại Tuyên Quang năm 1947.

[9] Lươn chề lịch nhót: Lươn và lịch đều là hai loại cá xương, da nhót; lươn thì trơn tuột, thân hình thon dài từ đầu đến đuôi; lịch thì phía đuôi (từ rốn trở xuống) có 2 cái vè xò ra như cánh quạt, như đuôi cá.

[10] góc đường Pellerin-Colombert: góc đường Pasteur và Alexandre de Rhodes.

[11] Trong một dịp phỏng vấn Trần Văn Giàu, ông khẳng định với tôi (Nguyễn Ngọc Giao) là khi bác sĩ Hồ Tá Khanh hỏi ý kiến có nên nhận lời mời tham gia chính phủ Trần Trọng Kim hay không, ông đã trả lời là nên. Điều này cũng tương tự như trường hợp Hoàng Xuân Hãn: khi nhận được lời mời, ông Hoàng Xuân Hãn đã tham khảo ý kiến ông Nguyễn Tạo, ông Tạo cũng nói là nên. Ông Hãn cho biết thêm: sau đó, ông Tạo hỏi lại cấp trên, thì ông Trường Chinh cho là không nên, nhưng khi đó, ông Hãn đã lên đường vào Huế rồi.

[12] Đường Pierre Flandin: nay là đường Bà Huyện Thanh Quan.

[13] Trong hồi ký này, Trần Văn Giàu chép là đã kết nạp Phạm Ngọc Thạch vào đảng từ năm 1944. Tháng 8.2008, khi chúng tôi hỏi, thì ông nhớ là đầu năm 1945. Cũng dễ hiểu là tài liệu viết không còn, trí nhớ về ngày tháng không thể chính xác. Điều chắc chắn là ông Phạm Ngọc Thạch đã tham gia Đảng cộng sản trước ngày Tổng khởi nghĩa tháng 8.1945. Có lẽ ông là trí thức duy nhất (ở tầm cỡ đó, với nhân thân đó) đã

quyết định như thế trước tháng 8-1945, mặc dầu sống ở Pháp giữa thập niên 1930, ông không thể không biết những tội ác của Stalin qua các “vụ án Moscou” và các cuộc thanh trừng khốc liệt. Rất tiếc rằng, cho đến nay, chưa có một nghiên cứu sử học nghiêm túc nào soi sáng sự chọn lựa của Phạm Ngọc Thạch, và rộng hơn, các hoạt động chính trị, quân sự và ngoại giao của ông trong thời kỳ 1945-1950, trước khi ông lên Việt Bắc làm bộ trưởng Bộ y tế.

[14] a-tu: tiếng Pháp atout là con chủ bài trong bộ bài tây (32 hay 52 lá bài).

21-1-11

Phần IV(5): TIẾN TỚI TỔNG KHỞI NGHĨA

(tiếp theo)

9. Binh vận thành công

Công tác “binh vận”, lạ thay, là loại công tác đầu tiên nhất của tôi khi tôi mới vào Đảng Cộng sản. Năm ấy, năm 1929, ở thành phố Toulouse (miền Nam nước Pháp) tôi được kết nạp vào Đảng Cộng sản Pháp. Đáng lý công việc của tôi là thanh vận, sinh vận; còn có các anh Đỗ Định Thiện, Nguyễn Văn Dứt, Nguyễn Văn Nghĩa, Trần Thiên Tường, họ đang hoạt động trong hội tương tế của người Việt Nam. Tôi được khu ủy Đảng Cộng sản Pháp chỉ định làm công tác bất hợp pháp – dễ bị bắt bỏ tù nếu bị phát hiện là tuyên truyền cách mạng trong binh lính Việt Nam, đồn đóng trong vùng này. Miền Nam nước Pháp, khí hậu tương đối ấm, cho nên các đơn vị quân Đông Dương thường được bố trí ở miền Nam. Nói quân Đông Dương là chủ yếu nói quân Việt Nam, họ phải sẵn sàng hoặc để đàn áp các cuộc bãi công, biểu tình lớn của thợ thuyền Pháp, hoặc để đưa sang Maroc, Syrie “đẹp loạn” như hồi 1925, 1927. Nói làm “binh vận”, chứ thực ra khi ấy tôi chưa có đủ trình độ chính trị để viết bài, tôi chỉ dịch ra quốc ngữ Việt Nam những bài tiếng Pháp do các đồng chí Pháp viết. Dịch xong, tôi đánh máy vào bản giấy sếp rồi đem quay rô-nê hàng trăm tờ, các đồng chí Pháp đem phát hành ở đâu, tôi không rõ, và kết quả tuyên truyền tới đâu tôi cũng không biết, chỉ biết rằng mỗi tờ báo “Cờ Đỏ” binh vận có hai bài ngắn và mấy cái tin còn ngắn hơn, hai trang thôi.

Về Sài Gòn, từ 1930 đến 1934, tôi không làm chút binh vận nào. Đến khi bị bắt, bị đày đi Côn Đảo (1935) thì tôi thấy có ba chú lính khố xanh hộ tống tôi, trong số đó có một chú cai lùn lùn, mập mập, má phệ ra. Hỏi ra thì mới biết tay này là Trương Văn Giàu, người Chợ Giồng (Gò Công) không xa quê tôi, chỉ cách hai, ba làng. Ông Giàu đi giải ông Giàu ! Tôi đoán mò, đoán mò lại may là trúng, chắc cái thằng cha cai Giàu này, lính của Tây, có xa gần bà con với ông Quản Định đánh Tây ngày trước

chăng? Cùng họ Trương kia mà. Tôi bèn nói chuyện Trương Định khởi nghĩa ở Tân Hoà (Gò Công) hồi 1862. Trúng chỗ ngứa của cai Giàu rồi; y ngồi nghe chăm chú mà không nói gì. Tôi bắt trớn tuyên truyền chống thực dân Pháp và tuyên truyền cho đường lối của Đảng Cộng sản Đông Dương. Ba lính khố xanh này nói rằng hôm nay Tây đem tụi tôi ra toà xử án thì họ cũng thuộc toán lính đi canh gác cho phiên toà, họ đã nghe và còn nhớ những lời tôi đối đáp với toà Tây. Họ thích thú, khâm phục. Cai Giàu ước mong có ngày lại gặp tôi khi tôi mãn án. Từ chợ Tầm Vu qua Chợ Giồng cũng gần thôi. Năm năm sau (năm 1940), ông Giàu (tù nhân Tà Lài) lại gặp quân Giàu theo toán lính dẫn tù lên cảng. Đúng là duyên nợ rồi! Thế là tôi bắt được một cái mối quan trọng ở trong cơ binh khố xanh, tên gọi là “Binh đoàn lưu động Gia Định”. Không biết ông quân Trương Văn Giàu nói chuyện gì với các ông quân, thầy đội, chú cai xung quanh ông ở binh đoàn lưu động, rồi họ đồn đi đồn lại với nhau thế nào, mà mỗi kỳ đổi phiên, các anh ở binh đoàn đều kiểm tôi nói chuyện, nhất là sau khi Pháp bại trận đã đầu hàng Đức (tháng 7 năm 1940). Thực ra thì tụi tôi tìm đến các anh em ấy nhiều hơn. Tụi tôi đều là cán bộ làm dân vận hơi rành, dân vận gần như thành tập quán của chúng tôi, song ở cái đất cảng Tà Lài, chỉ có một nhà người Thượng mà sự giao tiếp của chúng tôi có tính chất “vụ lợi” trước hết: nhờ y đi mua gà, mua rượu hay bất kỳ món gì lặt vặt. Rốt cùng, chỉ còn có trung đội lính khố xanh để mà tuyên truyền, với cả hai, ba thằng Tây, mấy thằng Tây này từ ngày Pháp bị Đức chiếm đóng thì cũng hay xuống trại tìm Văn với tôi để đàm đạo về tương lai, về chiều hướng của chiến tranh thế giới.

Làm cái nghề tuyên truyền này giống như cày ruộng khô rồi sạ lúa. Lúa sạ có thể bị chuột nhấm chim mổ một phần; nhưng dưới đất xới vẫn còn phần nhiều những hạt no tròn, chờ ít đám mưa giông đổ nước trời xuống thì hạt lúa mọc nanh, lên lá, trông mỗi ngày thì không thấy lớn, đi đâu một vài tuần trở lại thì đồng ruộng đã xanh um.

Ở cảng Tà Lài, tụi tôi làm binh vận ráo riết và có thể khoe là rất giỏi. Tôi đã có dịp kể lại việc đó ở chương I. Nói thật là cũng nhờ Tây: tụi nó nghĩ rằng chúng tôi cố làm binh vận, nên mới tuần chúng thay một bán đội hay một tiểu đội. Té ra, cả binh đoàn lưu động Chí Hoà - Gia Định đều luân

phiên lên Tà Lài để chúng tôi tuyên truyền cách mạng. Rõ là nhiều khi cái ngốc của kẻ địch làm cái hại của mình.

Năm 1943, tôi từ rừng U Minh trở về Sài Gòn, tự nhiên tôi tìm cách nối lại liên lạc với Trương Văn Giàu và các bạn của anh ta. Lúc này ở Sài Gòn tụi Tây nó lập hai binh đoàn khố xanh: binh đoàn lưu động Gia Định (Brigade mobile de Gia Dinh); và binh đoàn phụ thuộc sở Sen Đầm Chợ Lớn (Brigade auxiliaire de la Gendarmerie de Cho Lon). Nghe nói cả hai đơn vị này cộng lại đến hơn hai ngàn, gần ba ngàn lính.

Làm đảo chính rồi, Nhật giữ nguyên số lính khố xanh này, từ nay gọi là Bảo an binh, bắt hết tụi Tây sĩ quan và hạ sĩ quan người Pháp, giao quyền cho mấy ông quân người Việt Nam, trong số cầm đầu Bảo an binh đó thì Trương Văn Giàu đóng vai nhứt nhì.

Một hôm, sau đảo chính 9 tháng 3 vài tuần, Bảy Trân và tôi ngồi bàn chuyện thời sự trên gác của nhà in Phú Hữu (gần chợ Sài Gòn), có người nhà chạy lên báo: hai người Nhật đến đứng trước cửa!

– Nhật hay ta?

– Có lẽ Nhật, họ mang gươm dài.

– Để xem.

Ngó xuống, thấy đó là Trương Văn Giàu và một thầy đội (chú Bội, em vợ của chủ nhà in Nguyễn Phú Hữu).

– Đi đâu, làm gì mà để thợ thầy người ta hết hồn vậy?

Trương Văn Giàu đứng nghiêm chào, nói: Đại biểu cho nhiều anh em, chúng tôi đi thăm ông.

Từ nay, Bảy Trân, Thạch cùng tôi phụ trách binh vận có nhiệm vụ chuyển hai binh đoàn cơ động bảo an thành lực lượng vũ trang mà Đảng có thể sử dụng trong khởi nghĩa sắp tới. Không chủ quan, tụi tôi nhận thấy rằng chắc chắn sẽ có sự chuyển biến tốt đó; Pháp thì không còn

nữa, Nhật thì không nắm được, nó sắp thua rồi, không ai lại đi phò một ông vua phi nghĩa sắp mất ngôi; bù nhìn thì không có uy tín, triển vọng gì hết. Tương lai trước mắt thuộc về cách mạng do Đảng lãnh đạo. Bên Nga hồi cách mạng tháng Mười, Đảng Bôn-sơ-vích và Lenin đã từng nắm được những đơn vị bộ binh và hải quân quan trọng. Ta đây rồi cũng làm được như vậy. Khẩu hiệu công nông binh liên hiệp, Đảng ta đã nêu lên từ khi Đảng mới ra đời và thể hệ đồng chí nào cũng ra sức làm binh vận hết, đều đã “sạ lúa”. Vả lại, bọn tôi qua mấy ông quản, thầy đội mà làm binh vận thì thành công mau lẹ, gần y như bọn tôi qua các giáo sư mà vận động sinh viên, học sinh trung học và chuyên nghiệp vậy.

Đến tháng 6, tháng 7 thì Trân, Thạch và tôi đã có thể vào các trại Bảo an binh để nói chuyện với lính và hàng cai, đội, đội quản. Lần lượt không phải chỉ có Bảo an binh Gia Định, Chí Hoà, Chợ Lớn theo Đảng Cộng sản, theo Mặt trận Việt Minh, mà luôn cả Bảo an binh ở tất cả hai mươi tỉnh Nam Kỳ, không trừ một tỉnh nào, đều đi về với cách mạng, khi nổ ra tổng khởi nghĩa. Được như vậy, chủ yếu không phải nhờ tài ba đặc biệt gì của tụi tôi đâu, mà nhờ kết quả công tác của nhiều thế hệ trước, trước hết là nhờ Hồng quân Liên Xô đại thắng, lại nhờ Đảng đã tạo nên một cao trào yêu nước, cứu nước của nhân dân rộng lớn, có sức hút đa số đồng bào (gồm cả binh lính) vào cuộc chiến đấu chung; nếu Đảng không huy động nổi một cao trào nhân dân sâu sắc (gồm công, nông, thanh) và rộng lớn (gồm đủ các tỉnh), thì thật cũng khó vận động cho được những đơn vị lính lớn, làm cho cả đại đa số (có thể nói là toàn bộ) Bảo an binh các tỉnh đi về với cách mạng.

Trong số các anh em Bảo an binh đã góp phần quan trọng vào sự thành công của binh vận của Đảng hồi 1945, hãy ghi nhớ tên tuổi các anh Trương Văn Giàu (Sài Gòn), người lập công đầu; Nguyễn Văn Thiện (Gia Định), Nguyễn Văn Xuyên (Chợ Lớn), Oanh (Tân An), Thế (Biên Hoà), Hiễn (Mỹ Tho), Đoàn Hồng Phước (Gò Công), Lê Văn Lâm (Thủ Dầu Một), v.v... hầu hết họ đều trở thành chiến sĩ, sĩ quan, cán bộ quân sự và chính trị của cách mạng. Trong cuộc cách mạng tháng Tám ở Nam Kỳ, không có một tỉnh thành nào mà Bảo an binh chống lại khởi nghĩa cả; ngụy quyền không điều động được một đơn vị nhỏ nào để chống lại

khởi nghĩa cả, chắc lẽ tẻ cũng có phần tử chống đối hay không tán thành, nhưng họ đều bị cô lập, không ra mặt chống đối.

Bọn tôi còn chú ý, tuy không nhiều lắm, đến việc vận động lính cảnh sát, trong cảnh sát có lính cứu hoả (trong cứu hoả có anh Giỏi làm việc rất giỏi, thu phục được đại đa số anh em, đưa họ ra chiến đấu). Tôi nhớ rằng, sau 9 tháng 3, Nhật giao quyền tổ chức và chỉ huy cảnh sát địa phương cho một số người thuộc một đảng thân Nhật. Những người này, lo xa, quyết định thái hồi một số cảnh sát cũ thời Pháp và chiêu mộ một số cảnh sát mới trong thanh niên có chút học thức. Họ mở lớp huấn luyện chính trị cho cảnh sát mới và cũ. Trong việc huấn luyện này, họ lại nhờ anh em sinh viên “xếp bút nghiên” đã hay đang theo lớp huấn luyện “các vấn đề cách mạng Đông Dương” của tôi. Vấn đề được đặt ra là có nên nhảy vào đây không? Tôi cho là nên, là cần, là một dịp hiếm có. Người ta đưa thanh niên tới cho mình tuyên truyền mà mình từ chối là vô lý. Sao không có thể cảm hoá ít nhất là một phần, số thanh niên sắp làm nghề cảnh sát, một cái nghề đụng chạm với các cuộc đấu tranh của quần chúng. Tội cầm quyền đế quốc hay bù nhìn thì muốn cho cảnh sát chống lại nhân dân. Ta thì muốn cho cảnh sát đồng tình với nhân dân. Vậy cứ nhận cái việc huấn luyện chính trị cho cảnh sát mới là phải, hướng chi chương trình huấn luyện do huấn luyện viên – tức là người của ta – quyết định chứ không phải để thằng Nhật quyết định. Thật ra thì thằng Nhật không chú ý lắm vì nó đã có sở Kempeitai mạnh của nó rồi. Tôi đồng ý cho Huỳnh Văn Tiểng và mấy chú nữa đi dạy chính trị và văn hoá cho lớp học cảnh sát Sài Gòn. Lớp này đông người học. Và như dự đoán, số đông họ sẽ ngã về cách mạng; ngã về cách mạng mạnh nhất là phe cứu hoả; cảnh sát cứu hoả Sài Gòn sẽ là một đơn vị chiến đấu can đảm.

Còn một thứ lính người Việt do Nhật chiêu mộ, tổ chức, huấn luyện, trang bị sau 9 tháng 3: lính gọi là Hai Hô[1]. Hai Hô tựa tựa như “lính thủy đánh bộ”. Họ được biên chế thành từng tiểu đoàn riêng lẻ, do sĩ quan Nhật trực tiếp chỉ huy. Binh vận của Đảng trong Hai Hô nhằm chống lại chủ nghĩa Đại Đông Á, nhằm làm tan rã các đơn vị xem như là đánh thuê đó. Bọn tôi mới hoạt động được chút ít thôi. Khi Nhật đầu hàng một số lính Hai Hô đi với nhóm “Huỳnh Long” rồi tan rã; nhưng cũng có những sĩ quan (hay học viên sĩ quan) và binh lính đi về với cách

mạng, theo Đảng như các anh Sĩ, Phương, Tiến, họ trở thành cán bộ quân sự hay cán bộ tuyên truyền của kháng chiến. Không có Hai Hô bênh vực nguy quyền Sâm, Ngà.

10. Tuyệt đại đa số nông dân xung quanh Sài Gòn

vẫn đứng dưới cờ Đảng Cộng sản như trước nay

Xứ Ủy và Thành ủy tin tưởng vào lực lượng nông dân và nhân dân xung quanh Sài Gòn, tin tưởng vào cái “vành đai đỏ” nổi tiếng. Tôi nắm chắc lịch sử địa phương, từ cuộc khởi nghĩa 1885 đến cuộc khởi nghĩa 1940, qua các cuộc khởi nghĩa 1913, 1916; qua những phong trào nhân dân 1925, 1926, đặc biệt là phong trào cách mạng 1930, 1931; 1936, 1937, (những năm này quân khởi nghĩa, dân biểu tình phần lớn là từ ngoại thành vào nội thành cả ngàn, cả vạn; trước sau cái truyền thống đó được giữ gìn và phát triển); cho nên tôi vững tâm giao việc vận động quần chúng ở hai tỉnh Gia Định và Chợ Lớn cho hai Tỉnh ủy. Tỉnh ủy Chợ Lớn do anh Hoàn làm bí thư, Tỉnh ủy Gia Định do anh Khung làm bí thư (Khung là thợ Ba Son, cùng ở cảng Tà Lài với tôi, Hoàn là nông dân bản địa có mặt trong khởi nghĩa 1940 ở tỉnh nhà). Tin thì tin lắm, nhưng tôi cũng có cách kiểm tra; tin chắc nhất khi nào tận mắt tôi thấy, tận tai tôi nghe những cuộc biểu tình, thị uy tuần hành và các khẩu hiệu được hô lên từ quần chúng đông đảo.

Tôi nhớ đâu là hồi tháng 7, sau cuộc tuyên thệ của Thanh niên Tiền phong tại vườn Ông Thượng[2], chúng tôi nhờ Tỉnh ủy Chợ Lớn tổ chức một cuộc tập hợp nhân dân Trung Huyện, tỉnh Chợ Lớn, dưới danh nghĩa Thanh niên Tiền phong; tập hợp ở Chợ Đệm, căn cứ chính trị của bọn tôi, quê nhà của Bảy Trân. Chỉ kêu gọi dân ở Tam Tân và ở ven đường số 4, vậy mà hôm đó tập hợp được hơn mười ngàn người, chật ních trong ngoài nhà máy xay của ông Võ Lợi Trinh. Nhà máy xay này lớn nhất nhì trong tỉnh. Bản thân nhà doanh nghiệp Võ Lợi Trinh cũng thuộc ban lãnh đạo Thanh niên Tiền phong Chợ Lớn. Người ta thấy trên bàn chủ tịch đoàn có kỹ sư Kha Vạn Cân, thị trưởng thị xã Chợ Lớn, đồng thời là một thủ lĩnh Thanh niên Tiền phong. Các diễn giả quen thuộc với đồng bào từ hồi Ủy ban hành động, Đông Dương Đại hội (1936), nói không hạn chế,

không phải dè dặt gì hết. Về tình hình chiến tranh thế giới, về tình hình Việt Nam, về cách mạng giải phóng dân tộc, về nhiệm vụ cần kíp giành độc lập, thống nhất, tự do. Họ được hoan hô như sấm dậy. Chủ tọa cuộc mít tinh, kỹ sư Cấn nói với mấy người ngồi hai bên: “Giống y như hồi 1930 hay 1936”. Mà xem chừng anh ấy đã chẳng e ngại gì lại còn tự hào về Thanh niên Tiền phong của anh. Trân và tôi đi vòng ngoài xem người ta, nghe dân nói chuyện để đánh giá ý thức chính trị của quần chúng, đánh giá khí thế của nhân dân. Không phải chỉ ở Trung Huyện (là huyện sát thành phố) mà ở huyện nào của tỉnh Chợ Lớn cũng vậy: Cần Giuộc, Cần Đức, Đức Hoà đều có tập hợp biểu tình lớn.

Ở Gò Vấp các anh Khung, Chiêu (và cả ông chủ quận đương quyền lúc ấy) cũng tổ chức mít tinh biểu tình rất thành công, tập hợp hàng ngàn, hàng vạn người. Ở các huyện khác phong trào lên đều.

Chúng tôi tin chắc trăm phần trăm là cái “vành đai đỏ” nổi tiếng của Sài Gòn bây giờ vẫn đỏ như trước và đỏ hơn lúc nào hết; khi cần, có thể nhanh chóng đưa từ ba trăm ngàn đến bốn trăm ngàn dân của Chợ Lớn, Gia Định biểu tình võ trang vào thành phố, tiếp ứng với công nhân, thanh niên và binh lính. Chắc chắn như hai cộng hai bằng bốn. Nếu cần thì sẽ huy động nhân dân ở nam Biên Hoà, nam Thủ Dầu Một và bắc Tân An nữa, đường đi 30, 35 cây số có xa xôi gì, đêm đi thì sáng tới.

11. Tìm súng đạn cho các đội xung phong của công nhân và thanh niên

Đây là vấn đề “đau đầu” nhất, nhưng giải quyết cũng không khó lắm.

Trong Nam Kỳ chúng tôi không có chủ trương làm chiến tranh du kích; nhưng cho dầu không đánh du kích cũng phải có vũ khí thì mới khởi nghĩa thành công. Chúng tôi tính làm khởi nghĩa kiểu cách mạng tháng Mười Nga năm 1917, không tính làm theo kiểu cách mạng Tàu. Vài năm nay, nhất là từ đầu năm 1945, chúng tôi tập trung nghị lực và trí tuệ vào việc xây dựng một “đạo quân chính trị” lớn. Cách mạng là sự nghiệp của nhân dân; riêng lực lượng của Đảng không làm nổi cách mạng; phải có sự tham gia, nổi dậy của hàng triệu đồng bào. Nhưng tay không thì dù đông mấy cũng không giành chính quyền được trong khi các lực lượng chống

lại cách mạng có đầy đủ vũ trang. Vậy phải gấp rút chuẩn bị vũ trang cho ta.

Vũ trang thì có hai thứ: Vũ khí thô sơ thì dễ kiếm, ai cũng có thể có như mác thông, tầm vông, vạt nhọn, dao kiếm, mũi chĩa, xà búp, phảng kéo ngay ra, nhân dân tự vũ trang lấy. Thứ này coi vậy mà cần lắm, không phải vô ích đâu, xem thường không được. Nhưng, ở cái thời kỳ kỹ thuật máy móc này, rõ ràng quả là những vũ khí thắng quân Tống, đánh Nguyên, đánh Minh, diệt Thanh không đủ nữa. Cần phải có súng đạn càng nhiều càng tốt để trang bị cho các lực lượng xung kích, cần có tinh thần cao mà cũng phải biết sử dụng mấy loại súng nhỏ hiện đại. Khởi cần phải bàn cãi.

Lấy đâu ra súng đạn đó mới là vấn đề.

1) Xin, mua, giật, đánh cắp của Nhật; ở đâu cũng làm, người nào cũng làm; lẻ tẻ làm, mà cũng làm có tổ chức; kết quả không đến đâu quá ít. Lặn mò dưới sông Sài Gòn, sông Đồng Nai, kiếm cũng được khá nhiều; Pháp rồi Nhật đều có ném vũ khí xuống cho Bà Thủy cất dùm.

2) Đào mìn hầm súng đạn ta chôn hồi 1940, 1941: chẳng còn gì ráo, rỉ sét hết sạch, không dùng được. Nhưng đào lấy những hầm súng mà Pháp nó giấu trước ngày 9 tháng 3, thì kết quả khá, súng đạn còn tốt vì bọn Pháp biết bảo quản, giấu có kỹ thuật và cũng mới giấu đó thôi, mấy tháng trước đảo chính.

3) Mở kho của Pháp còn lại sau đảo chính. Lấy cơ quan của Nhật do người Việt Nam quản lý.

Việc Phạm Ngọc Thạch kiếm súng đạn có kết quả lớn nhất mà không ly kỳ bằng việc Thanh niên đi “ăn cắp”, bí mật hoặc công khai. Hãy kể một số vụ:

1. Lợi dụng sự lơ đãng và sự tín nhiệm của Hồ Vĩnh Ký và Huỳnh Văn Phươg (chánh và phó giám đốc Sở Công an mật thám Nam Kỳ dưới quyền thống đốc Nhật Minoda), Thanh niên Tiền phong lấy ở bót Catinat non già 200 khẩu rulo Mauser nhưng không có nhiều đạn.

2. Ta lấy ở Bộ Tư lệnh Hải quân (bến Chương Dương sau này) gồm 30 hòm súng lục và nhiều lựu đạn.

3. “Chơi tay trên” với Nhật, những anh em Thanh niên có dự vào việc lấy khẩu cung mấy thằng cò Tây bị Nhật bắt (tụi này khai những chỗ chôn súng đạn trước ngày 9 tháng 3), ta liền tổ chức mấy chuyến đi đào cấp tốc, đến khi quân Nhật đi đào thì thấy đã có ai đào trước rồi, tụi Nhật phải về tay không, tức mình lại cho đám cò Tây thêm mấy trận đòn đáng kiếp. Bằng kiểu “chơi tay trên” đó, trong tháng 7 (1945), ta lấy được ở Thủ Thừa, (tỉnh Tân An, cửa ngõ Đồng Tháp Mười, chính nơi tôi định lập một chiến khu) 350 khẩu súng mót với 2.000 trái lựu đạn. Ta lấy ở Bến Súc (tỉnh Thủ Dầu Một, cửa ngõ của rừng Đông Nam Kỳ) một số súng cũng bằng số súng lấy ở Thủ Thừa. Và ta lấy ở nhà một cô đầm, đường Frostin[3], 60 khẩu mót, súng lục, và nhiều đạn. Nực cười là “đáng lý” các đảng thân Nhật được những cửa quý này, nhưng lại là ta! (Sau rồi, vài ba ngày sau khi khởi nghĩa giành chính quyền tôi mới có đủ bằng cứ rằng nhóm Hồ Vĩnh Ký, Huỳnh Văn Phương cũng đã lợi dụng cái thế chánh, phó giám đốc Công an mật thám để thu tóm một số súng đạn đáng kể mà họ tính dùng vào việc chống đối chính quyền do Đảng Cộng sản lãnh đạo, mà họ gọi là chính quyền Kerensky).

4. Ly kỳ nhất trong cái vụ “ăn cắp” súng ở Sài Gòn là vụ lấy 380 khẩu tiểu liên Sten (rất ít đạn), 15 cây trung liên (càng ít đạn) và 2.000 trái lựu đạn ở kho gọi là Pyrotechnie, gần đầu cầu Thị Nghè, mót đường Chasseloup[4], ngó qua Sở Thú[5]. Anh em Thanh niên, trong đó có Huỳnh Văn Tiểng làm kế “nội ứng ngoại công”, khoét tường thành, từ ngoài vào khuân vũ khí ở trong đưa ra. Hôm sau Tiểng đi họp, đầu bị băng như để tang! Tụi Thanh niên có “vốn” cũng dám chia một mớ cho công nhân. “Bồ” với nhau mà!

5. Thương lượng với Nhật liền sau khi Nhật đầu hàng để nó “nhả” một số súng đạn, ít nhất là súng đạn mà chúng đã lấy của Pháp ngày 9 tháng 3.

Công đầu trong việc thương lượng với kẻ thù đã đầu hàng để lấy súng đạn thuộc về Phạm Ngọc Thạch có Ngô Tấn Nhơn giúp. Làm việc này,

Thạch không tự ý mà có xin chỉ thị của Xứ Ủy và sau khi đã thảo luận riêng với tôi. Có thảo luận với tôi, có sự đồng ý của tôi, nhưng nếu không có một người dám nghĩ, dám làm và có uy tín xã hội lớn như Phạm Ngọc Thạch thì cũng không ai làm được.

Khi Chính phủ Nhật đã tuyên bố hạ khí giới không điều kiện, miễn là ngôi báu của Thiên Hoàng tồn tại, thì ở Sài Gòn, nhiều sĩ quan Nhật làm harakiri, mổ bụng quyên sinh, số khác khóc lóc, đau khổ, hoặc lấy rượu mạnh giải phá thành sầu. Quân Nhật ở Đông Dương chưa đánh trận nào với Mỹ trên đất này: bấy lâu nay họ tưởng đâu còn có dịp đánh một trận cuối cùng hết sức đẫm máu, một trận quyết định, xấp lá cà khi quân Mỹ hoặc đổ bộ lên Trung Kỳ của Việt Nam, hoặc đổ bộ lên quần đảo Nhật Bản. Nhưng thực tế lịch sử không diễn ra như vậy. Mỹ không đổ bộ lên Đông Dương, cũng không đổ bộ lên quần đảo Nhật mà Đông Kinh đã đầu hàng, sau khi Mỹ ném bom nguyên tử và đại quân của Liên Xô tiến đánh quân Nhật ở Mãn Châu. Trước, người Nhật hy vọng và hùng hổ bao nhiêu, thì bây giờ, họ thất vọng và tiêu điều bấy nhiêu. Phạm Ngọc Thạch và tôi định sử dụng cái tâm lý đó để làm lợi ích cho cách mạng Việt Nam. Thạch, và đi với Thạch là Ngô Tấn Nhơn, đến xin gặp thống chế Terauchi, tổng tư lệnh quân Nhật ở Đông Nam Á. Gặp được. Khi người ta thất thế rồi, mất cái oai phong rồi, thì người ta “dễ” hơn trước. Nhưng Thạch trân trọng “phân ưu” với ông thống chế, đồng thời nói thẳng với Terauchi:

“Nhật bại trận rồi; người Việt Nam không còn lý do gì để chống Nhật; trái lại, kẻ thù của ông hôm qua (đế quốc phương Tây) là kẻ thù của người Việt Nam ngày nay và ngày mai, Việt Nam quyết tiếp tục cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc, giành độc lập, tự do. Rồi đây, đế quốc Anh, Pháp, Mỹ sẽ sớm vào Đông Dương, sẽ ra sức gác lại ách đô hộ cũ trên cổ của dân tộc Việt Nam. Dân tộc Việt Nam sẽ ra sức đánh bại chúng nó để bảo vệ độc lập tự do. Nay chúng tôi thay mặt Thanh niên Tiền phong, cũng là thay mặt tất cả những người yêu nước ở miền Nam Việt Nam, yêu cầu ông hai điều:

- Điều thứ nhất là chúng tôi yêu cầu quân đội Nhật đừng can thiệp vào việc nội bộ của người Việt Nam, của nước Việt Nam đang ở trong thời

kỳ biến động lớn.

- Điều thứ hai là chúng tôi cần súng đạn chống để quốc thực dân, chúng nó sắp trở lại Đông Dương, chúng tôi không yêu cầu quân đội Nhật ở Sài Gòn tiếp sức, chỉ yêu cầu quân đội Nhật giao lại cho chúng tôi súng đạn mà Nhật đã lấy của Pháp, và một phần súng đạn của Nhật mà nay mai Nhật phải bị tước đi; những vũ khí đó, chúng tôi xem là mình có quyền và có lý được tiếp nhận, sử dụng. Lẽ nào quân đội Nhật lại giao hết những vũ khí đó cho Anh, Mỹ, Pháp là bọn thực dân xâm lược mà không trao trả cho người Việt Nam chống xâm lược? Thống chế nghĩ sao?”.

Thống chế Terauchi như muốn khóc. Ông suy nghĩ một phút rồi ông trả lời cho Thạch và Nhơn:

“Tôi là sĩ quan của quân đội Nhật có kỷ luật. Tôi chỉ có thể làm theo lệnh của Đông Kinh. Tôi không thể giao nạp súng đạn Nhật cho những người yêu nước Việt Nam được, nhưng có thể giao nạp súng đạn Pháp cho các ông, xem như đó là tài sản hợp pháp lý của Việt Nam. Đó là điều thứ hai mà ông bác sĩ yêu cầu. Còn điều thứ nhất thì: chắc chắn là trong tình cảnh bại trận, sắp bị giải giáp đưa về Nhật, quân Nhật sẽ không can thiệp làm gì vào nội bộ của Việt Nam. Còn riêng tôi thì nay mai tôi sẽ bị treo cổ. Tội nó không giết tôi thì tôi cũng sẽ tự kết liễu cuộc đời. Thua thì chết, tất nhiên. Tôi chúc ông và các bạn của ông những điều may mắn nhất”.

Phạm Ngọc Thạch và Ngô Tấn Nhơn từ giã ra về, thì bất ngờ Terauchi lễ phép trao cho Thạch hai món vũ khí tượng trưng: một con dao găm sáng ngời, cán bằng sừng đen, sắc nhọn, dài chừng hơn hai tấc và một cây súng lục cỡ 6/35 bịt bạc ở cán. Terauchi nói: “Bác sĩ và kỹ sư hãy xem đây là tượng trưng cái ý tôi muốn nộp vũ khí cho dân tộc Việt Nam để chống bọn da trắng chứ không phải nộp cho kẻ thù đã ném bom nguyên tử xuống nước Nhật của tôi”.

Thạch cảm động nhận dao và súng – hai món vũ khí “tư trang” của sĩ quan cao cấp để tự sát khi cần thiết mà không để bị địch bắt làm tù binh.

Thạch thành công trong cuộc thương thuyết tế nhị, tưởng là khó, té ra là dễ. Anh đem hai món vũ khí về giao lại cho tôi. Hàng chục anh em chúng kiến. Tiếng cứ sầm soi mãi, muốn chia cửa làm kỷ niệm (như lời Tiếng thường nói: kỷ niệm Nhật đầu hàng Việt Nam). Chú Nguyễn An Tịnh, con trai của Nguyễn An Ninh, bấy giờ còn là thằng nhóc sầm soi hai món vũ khí cứ xin mãi. Tôi không xem rẻ hai món “đồ chơi”, súng để bắt ghen, dao để xẻ bưởi; quan trọng ở chỗ khác, nhưng khi ấy tôi không có một chút ý thức nào về giá trị bảo tàng của hai vật. Cuối tháng 10, khi tôi phải rời chiến trường thì tôi để lại Tổng hành dinh ở Chợ Đệm hai món kỷ niệm kia, không biết chúng nó về tay ai, nhưng chắc chắn là không phải về tay của những ai biết của, biết người.

Còn sau đây là nội dung bản báo cáo của Trương Văn Giàu gửi cho tôi ngay sau khi anh ấy nhận được số súng đạn Pháp mà Terauchi hứa hẹn (bản này Trương Văn Giàu cũng có ghi trong lý lịch của anh, mà chắc quân đội còn giữ):

- 2.000 (hai ngàn) khẩu mìn cơ công.
- 10.000.000 (mười triệu) viên đạn
- Súng hồng hơi nhiều, đạn lép không ít.

Xứ Ủy và Thành Ủy đã ra lệnh cho bên Tổng Công đoàn, cho bản thân Nguyễn Lưu lập tức chọn 1.500 đoàn viên công đoàn đưa vào quân ngũ. Một số súng đạn được giao thẳng cho Tổng Công đoàn. Lúc này Tổng Công đoàn (và Thanh niên Tiền phong) đã sử dụng bãi tập cảnh sát để huấn luyện quân sự cho từ 3.000 đến 5.000 người mỗi đợt.

Được một lần đến 2.000 khẩu súng, 10 triệu viên đạn, tôi mừng mà cũng lo, lo lắm. Tiếng hỏi tại sao lo? Tôi nói thật: bọn Pháp riêng ở Nam Kỳ, nếu tính mỗi lính một cây súng thì phải có ít nhất 20.000 khẩu. Hôm 9 tháng 3, nghe nói tụi Pháp bị bắt giam 17.000 quân Pháp. Vậy còn hơn 15.000 khẩu súng nữa ở đâu? Về ai? Nhật đã trao bao nhiêu súng đạn cho các đảng thân Nhật, cho các giáo phái thân Nhật? Những tổ chức lâu nay thân Nhật, cố nhiên là liền sau khi Nhật hạ khí giới, họ cũng đã yêu cầu, cũng đã tìm cách có súng đạn, súng đạn chỉ có thể là súng đạn Pháp là

chính. Mỗi lo lớn của tôi là ở đó. Tiếng cho là phải, nhưng Tiếng khẳng định rằng ngay cả quân đội Cao Đài cũng không có nhiều súng đạn lắm đâu! Ai biết chắc?

12. Tương quan lực lượng ở Sài Gòn giữa tháng Tám

So sánh lực lượng – khi ấy gọi là “tương quan lực lượng” – là một vấn đề mà ở thời kỳ chuẩn bị khởi nghĩa, ta phải xem kỹ như người thợ máy xem cây kim áp lực trên bàn cầm lái. Chỗ hơn thua, sống chết, thành bại không thể coi thường.

So sánh các lực lượng chính trị ở Sài Gòn và ở Nam Kỳ vào nửa đầu tháng Tám năm 1945, tôi rất mừng và nhận thấy rằng những mục tiêu về lực lượng so sánh mà Xứ Ủy và Thành Ủy đặt ra, thoạt tiên tưởng đâu là chủ quan, quá cao, không thực hiện nổi, thì bây giờ trở thành sự thật, sự thật trông thấy, rõ được. Hồi đầu năm, khi đặt mục tiêu về lực lượng so sánh (tức là ở Nam Kỳ, toàn bộ Nam Kỳ, phải làm sao cho Đảng và Mặt trận trở thành đoàn thể mạnh nhất, lớn nhất, tất nhiên là có tổ chức chặt chẽ và kỷ luật nghiêm túc nhất, còn ở Sài Gòn, trung tâm kinh tế chính trị số một của Nam Kỳ, thì Đảng và Mặt trận phải mạnh hơn tất cả các đảng phái cộng lại). Bọn tôi không phải không biết rằng đó là việc khó, rất khó, phải thực hiện những bước nhảy vọt liên tục mới được. Đặt mục tiêu thì căn cứ vào đâu? Hiển nhiên là không thể chỉ căn cứ vào ý muốn riêng của mình. Có ý muốn của mình, một ý muốn vĩ đại: làm cuộc khởi nghĩa thành công, giành lại độc lập cho nước nhà, tự do cho đồng bào, danh dự cho dân tộc; ý muốn vĩ đại tất phải sanh ra nghị lực vĩ đại. Song không đủ. Chúng tôi còn căn cứ vào cái “vốn” sức mạnh đã có: Đảng bộ Nam Kỳ lập lại được cơ sở và hệ thống, Tổng Công đoàn kể cũng khá đông, ảnh hưởng chính trị to lớn mà Đảng đã tích lũy từ ngày thành lập đến giờ, và đặc biệt quan trọng, là cái thế của cách mạng. Thế đó rất lớn: Thế tiến công, chiến thắng của Liên Xô (và của Đồng Minh), và thế thất bại mau chóng và không tránh khỏi của Đức, kế đó của Nhật, mà Đảng và Mặt trận từ mấy năm nay chống lại trực phát xít quân phiệt Đức-Ý-Nhật, nên được uy tín cao của người đoán trước đúng, lại phải kể đến cái thế càng ngày càng xui, càng ngày càng bết của các chánh đảng và giáo phái thân Nhật; tất cả những điều mà lãnh tụ của họ, cán

bộ của họ đã nói từ mấy năm nay, nay hoá ra sai, là lão hết, họ mất hết uy tín. Quần chúng tự kinh nghiệm mà thức tỉnh. Do có cái thế đó mà ta có nhiều khả năng xây dựng lực lượng thật nhanh. Không có gì là chủ quan. Không có gì là “ý chí chủ nghĩa”. Ở đời, nhất là trong đời hoạt động chính trị, lắm khi phải táo bạo, táo bạo có tính toán. Tôi nhớ Lenin khen Danton là nhà chiến lược tài ba của cuộc đại cách mạng Pháp 1789 với lời hô hào bất hủ: “Phải táo bạo, táo bạo hơn nữa, luôn luôn táo bạo!” (De l’audace, encore de l’audace, toujours de l’audace).

Trong cuộc “chạy đua với thời gian” (“chạy đua với đồng hồ”) chúng tôi đạt thắng lợi mong muốn. Nhiều đồng chí nói chơi: “Nhờ thời trời!”. “Trời” đây là thời thế khách quan như vừa nói. Cho nên, tôi cũng lại nói chơi “có trời mà cũng có ta”, được vậy là do nỗ lực phi thường của tất cả các đồng chí. Vui thật, trong cách mạng mà nhớ truyện Kiều; thú thật! Những cái vui thú nho nhỏ này làm giảm bớt căng thẳng của tâm hồn.

Nói so sánh lực lượng ở đây, lúc này (tháng 8 năm 1945), theo quan niệm bọn tôi không phải là so sánh lực lượng ta với lực lượng Nhật. Nhật đang thua và sắp đầu hàng. Nó đầu hàng rồi thì nó không còn là đối tượng đánh đổ của cách mạng nữa. (Nhận định và lập luận này rất quan trọng đối với chúng tôi, một lập luận có khác với lập luận của một số đồng chí khác chủ trương tiến đánh đồn trại của Nhật, thừa khi Nhật đầu hàng). Vả lại, cho dù nó thua to ở các đảo Thái Bình Dương và bị dội bom cực kỳ dữ dội trên đất Nhật, ở Đông Dương (và nói chung trên lục địa Á Châu) chúng còn thừa sức ngăn chặn ta, đánh lui và tiêu diệt một phần lực lượng vũ trang non yếu của ta nếu ta tiến công vào đồn trại của chúng; nếu ta xem việc đánh đồn trại của Nhật là việc chính của khởi nghĩa cách mạng sau khi Nhật đã hạ khí giới, đầu hàng Đồng Minh rồi, thì khởi nghĩa cách mạng sẽ không thành công được. So với Nhật đã thua trận, ta vẫn yếu hơn rất nhiều, rất nhiều. Không so sánh lực lượng như vậy được. Nói so sánh lực lượng ở đây, lúc này, là so sánh lực lượng của ta với lực lượng của các chánh đảng và giáo phái thân Nhật, thân Pháp lâu nay ở Nam Kỳ, ở Sài Gòn. Chúng ta thấy:

- Đảng quốc gia độc lập (xem như Đảng cầm quyền khi Nhật sắp giao hay đã giao trả Nam Kỳ cho Nam Triều) là một đảng không có chân đứng;

bên trên thì nó gồm mấy nhóm trí thức rời rạc, mất tin tưởng, mất tinh thần, đang tìm cách tháo lui “có trật tự”; bên dưới, nó chẳng có quần chúng nhân dân. Chỗ dựa “dân sự” của nó cho tới nay là bộ máy cai trị của Pháp được Nhật duy trì, nhưng bộ máy này từ sau 9 tháng 3 đã rệu rã lắm, mất hiệu lực, từ xã ấp đến quận tỉnh, bộ máy này đã có nhiều dịp, nhiều cơ để khiếp sợ nhân dân sắp nổi dậy. Chỗ dựa quân sự của chúng là Bảo an binh thì hầu hết (nếu không phải là tất cả) đã ngả về nhân dân yêu nước, về cách mạng rồi; lực lượng cảnh sát thì mỏng, không tin được, cũng ngả nghiêng về phía ta, họ chẳng có một sư, một lữ, một trung đoàn, một tiểu đoàn, một đại đội nào để mà dựa, chính quyền bù nhìn Hồ Văn Ngà, Nguyễn Văn Sâm giống như một cái hàng rào mục, dễ bị xô là đổ nhào.

- Đạo Cao Đài phái Trần Quang Vinh thì tín đồ còn đông. Nghe nói tất cả các phái Cao Đài cộng lại có đến vài triệu. Vài triệu đó là kể cả nam phụ lão ấu. Mà đã có vài ba phái Cao Đài đang nghiêng về phía Mặt trận Việt Minh rồi (theo báo cáo của Tào Ty thì ở Bạc Liêu, phái Cao Đài hiệp nhất của Cao Triều Phát từ bấy lâu nay đã hứa hẹn đi với ta, còn theo báo cáo của Bảy Trân, Cao Đài cứu quốc của anh Khảm, viên chức cao cấp ở soái phủ Nam Kỳ, thì phát triển lực lượng rất nhanh ngay tại Sài Gòn). Tín đồ Cao Đài thấy mình bị đánh lừa, Nhật đánh lừa, lãnh tụ của họ đánh lừa. Tuy vậy, tín đồ Cao Đài thường nghe theo và ít suy nghĩ sâu, thực lực Cao Đài còn lớn và họ còn hai, ba vạn quân dưới dạng lính và dạng thợ tập trung ở Sài Gòn và ngoại ô. Dù sao thì số này so với lực lượng nửa quân sự của ta ở thành phố cũng không đông đảo bằng – chưa kể về mặt tinh thần.

- Đạo Hoà Hảo nhỏ hơn đạo Cao Đài; ở Sài Gòn họ cũng ít người hơn, ít nào cũng mấy ngàn.

- Năm, bảy nhóm chính trị khác, vài ba nhóm đông đến trăm hay hơn nữa. Mà ở Sài Gòn thì số trăm, số ngàn đó có là bao nhiêu đâu?

- Trótkít mới tổ chức lại với danh nghĩa “nhóm trí thức”, “nhóm Tranh đấu”, hãy còn yếu ớt thôi. Nhưng cái nguy cơ trótkít bây giờ không phải ở số lượng của họ, mà chính là ở cái tính “mưu sĩ” của họ; một số người

đâm bị thóc, thọc bị gạo, kéo phe này chống phe kia, tự nó không tổ chức nổi một đảng thống nhất nhưng nó lại có khả năng làm một thứ keo lỏng lâm thời gắn những tổ chức chống cộng sản đê tam, có khả năng làm “quân sư” cho mỗi tổ chức ấy.

- Mấy năm, mấy tháng trước đây, nhiều tổ chức thân Nhật được tập hợp hết sức lỏng lẻo trong “Phục quốc”, đồng minh do Trần Văn Ân chủ trương (theo gậy chỉ huy của Nhật), nói là tôn phù Cường Đế. Bây giờ họ đang vận động tập hợp dưới danh nghĩa “Mặt trận quốc gia thống nhất” trước mắt họ không tổ dấu hiệu gì chống lại Việt Minh. Dầu cho tập hợp lại, họ vẫn rời rạc trên thực tế vì không có nòng cốt nào lãnh đạo, mấy ông quân sư hay gọi là “thầy dùi” trốtkít của họ ở Sài Gòn nói thì hay mà chẳng có sức mạnh, nhất là chẳng có đường lối gì cho những đảng quốc gia đi theo được.

- Những tổ chức có vũ trang ở Sài Gòn có khá nhiều. Có những tổ chức tập hợp được hàng trăm súng (không kể quân Cao Đài). Riêng một nhóm như Huỳnh Long của Lý Hoa Vinh đã có tới vài ba trăm khẩu (tôi biết được vì có người tay trong). Nhóm Quốc Dân quân Vũ Tam Anh cũng tương đương với nhóm Huỳnh Long. Nhóm Quốc Gia của Nguyễn Hoà Hiệp không chịu kém hơn Vũ Tam Anh và Lý Hoa Vinh. Phiền nhất là tôi không biết chắc họ có bao nhiêu súng, bao nhiêu đạn? Những con số đều là đồn đại. Bao nhiêu người thì không quan trọng lắm, là vì, lúc này, ai có súng, có gạo, có áo quần thì có quân, muốn mấy ngàn cũng có được. Các giáo phái thì ngoài súng, họ có dân đông, nên có vô số vũ khí thô sơ, lâu nay họ lập nhiều lò rèn, họ tập quân sự ráo riết lắm. Như vậy đang hình thành ở Sài Gòn và ở Nam Kỳ nhỏ hẹp này một cái thế mà khi ấy tôi gọi cho vui là “thế Chiến quốc”, “thế Xuân Thu”. Nam Kỳ nhiều đạo giáo, nhiều chính đảng, nhiều bè nhóm tan hợp bất thường, cũng nhiều những tay thuộc lòng chuyện Tàu, nào Đông Chu Liệt Quốc, Tam Quốc, Tuỳ Đường, nào Thủy Hử, Anh Hùng Náo v.v...

Trong tình hình chung rối rắm đó, lực lượng của Đảng Cộng sản và Mặt trận Việt Minh nổi bật lên như là lực lượng có tổ chức, kỷ luật nhất, có đông đảo nhân dân đi theo nhất, nhất là có đường lối cách mạng giải phóng dân tộc sáng ngời, có cả một quá khứ mười mấy năm tranh đấu,

hy sinh vì đại nghĩa. Dựa trên lực lượng của công nhân, thanh niên, binh lính, nông dân ngoại thành ở Sài Gòn, ta có một “đạo quân chính trị” hùng hậu không ai bì kịp. Ở cả Nam Kỳ cũng vậy. Vẫn hãy còn mấy vùng “trắng” về cơ sở Đảng, song ở đó vẫn có Thanh niên Tiền phong. Đạo quân chính trị càng lớn thì càng có sức thu hút nhân dân, thu hút các nhóm và tổ chức yêu nước, thu hút đồng bào không thuộc đảng phái nào.

Mỗi ngày qua, sức ta thêm, thế ta tăng, uy tín cách mạng lên vùn vụt. Nếu nói từ sau tháng Ba, tháng Tư đến tháng Tám năm 1945 ở Nam Kỳ đã có một hiện tượng “Phù Đổng” thì đó là một sự thật lịch sử.

Mỗi ngày qua, dưới áp lực của một cao trào nhân dân rầm rộ và đều khắp do ta tổ chức, bộ máy ngụy quyền thêm rệu rã. Hình thành một cái thế mà bọn tôi gọi là “lưỡng quyền tương tranh” (Huỳnh Văn Tiểng thích cái nhóm từ “lưỡng quyền tương tranh” lắm – dualité des pouvoirs), giữa ngụy và ta ở toàn bộ nông thôn, mà chẳng phải chỉ có ở nông thôn thôi, thế lưỡng quyền đó lan đến tỉnh lỵ và cả Sài Gòn nữa; bên kia là ngụy mục nát, bên này là ta phát triển và củng cố nhanh chóng, được dân tín nhiệm; bên kia là ngụy, chỉ có hình thức chính quyền; bên này là ta, có thực lực, một thực lực có tổ chức, có hệ thống hoạt động công khai, công khai nêu lên trước đồng bào cái quyết tâm giành chính quyền về tay nhân dân, giành độc lập tự do cho đất nước.

Với tương quan lực lượng đó, có thể khởi nghĩa thành công được một cách chắc chắn, nếu ta tổ chức và chiến đấu khởi nghĩa có khoa học, có nghệ thuật.

HẾT PHẦN THỨ TƯ

Chú thích của người biên tập

1 Hai Hô: Heiho (兵補: Binh Bổ) đơn vị vũ trang bản xứ do quân đội Nhật Bản thành lập ở các nước bị Nhật chiếm đóng.

2 Vườn Ông Thượng: sau 1955 là vườn Tao Đàn, nay là công viên Văn Hóa. Thời Pháp thuộc, mang tên Pháp là Jardin de la Ville (Vườn hoa Thành phố), ta gọi là Vườn Ông Thượng hay Vườn Bờ Rô. Ông Thượng

là Thượng công Lê Văn Duyệt, tổng trấn Gia Định. Còn cái tên BỜ RÔ thì theo Vương Hồng Sển (trong Sài Gòn năm xưa) “đến nay còn phân vân bất nhứt, mạnh ai nấy nói và giải thích, không ai nhượng cho ai:

- Một thuyết, do anh giáo Trần Văn Xường, dạy ở Chợ Lớn, nay đã khuất, Xường, tiếng Tàu, tức là Tường, vẫn cho rằng, hoặc người Tây coi sóc vườn có tên là ông Bureau, hoặc giả, ông nầy làm thêm văn phòng (bureau) và khi người phu muốn lãnh tiền thì lên "bureau" mà lãnh, nên gọi vườn như vậy. Nay anh Xường đã không còn, tôi xin miễn luận.

- Một thuyết thứ 2 là theo như tôi đã nghe người tuổi tác dẫn giải cho biết, thì "BỜ RÔ" có lẽ do chữ "préau" của Pháp. Vả lại, hiển nhiên "Préau" là sân có lợp nóc để tránh mưa gió của các tu viện, bệnh viện, ngục thất và học đường, mỗi lycée nào cũng có, trường Chasseloup có một préau, không biết nay ra thế nào, và préau nầy ở mé đường Lê Quý Đôn, sát cửa vào.

Vậy tôi xin chừa danh từ "vườn BỜ RÔ" cho người cao kiến dạy lại. Riêng như tôi biết và chứng cứ rành mạch thì nơi mé sân túc cầu, phía đường Huyền Trân, lúc đầu tôi có thấy một bệ khá cao và rộng, đời Tây, họ làm nơi diễn tuồng, diễn thuyết, có khi dọn làm sân đánh võ "boxe" và gọi là "préau". Qua năm có bày hội chợ, gọi kermesse, lối những niên 1930-35 gì đó, thì họ đặt thêm nhiều chậu kiếng cau vàng và lấy préau nầy làm "théâtre de verdure" - "rạp hát ngoài trời hoặc lộ thiên" gì gì đó.”

3 Đường Frostin: Đường Bà Lê Chân, Tân Định (nối Hai Bà Trưng với Trần Quang Khải).

4 Đường Chasseloup-Laubat: sau đổi thành đường Hồng Thập Tự, nay là Nguyễn Thị Minh Khai

5 Sở Thú: Thảo Cầm Viên.

24-1-11

Hồi Ký

1940-1945

Trần Văn Giàu

Phần V

TỔNG KHỞI NGHĨA THÀNH CÔNG:

KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP BẮT ĐẦU

1. Chiến tranh thế giới lần thứ hai kết thúc

Báo tiếng Việt ở Sài Gòn đăng đủ các tin chiến thắng của quân đội Xô Viết ở xung quanh Berlin, ở Trung Âu, tin chiến thắng của quân Đồng Minh ở phía tây nước Đức. Có hai điều tôi chú ý về việc đăng tin tức ấy. Một là các báo hình như muốn người đọc thấy rằng hai phe trong đồng minh (tức phe Anh-Mỹ một bên và phe Liên Xô) mâu thuẫn nhau ngày càng gay gắt. Anh-Mỹ sợ Liên Xô vào Berlin trước, sợ Trung Âu được Hồng quân giải thoát. Hai là mâu thuẫn ấy có thể đưa đến một cuộc chiến tranh thế giới thứ ba khi chiến tranh thế giới thứ hai chấm dứt, và có thể nổ ngay trên nước Đức bị tàn phá, đó là theo lời nói hình tượng bấy giờ, một cuộc chiến tranh giữa đạo quân (tư bản) Anh-Mỹ v.v... xuất hiện từ những ngọn sóng của Đại Tây Dương và đạo quân (cộng sản) Liên Xô xuất hiện từ đồng cỏ Âu Á. Cái đó có một phần sự thật. Liên Xô và Anh-Mỹ quả có mâu thuẫn, nhưng tuyên truyền của Nhật Bản ở Sài Gòn và Hà Nội chắc chắn là có dụng ý, muốn làm cho dân ta hiểu rằng sự xung đột vũ trang giữa hai ông khổng lồ tây phương sẽ nổ ra và vô tình cứu nước Nhật khỏi sự đại bại sẽ đến, chắc chắn sau khi Berlin thất thủ, Hitler đầu hàng. Nhưng rồi việc phải đến đã đến. Hồng quân chiếm Berlin (2.5.1945). Hitler tự tử trước đó vài hôm. Giữa Mỹ, Anh và Liên Xô không xảy ra chiến tranh, hai bên nhượng ước với nhau, tuy mâu thuẫn đã quá rõ.

Ảnh hưởng chính trị ở Sài Gòn của việc Hồng quân chiếm Berlin rất lớn. Đọc báo, chẳng thấy bình luận gì nhiều lắm. Còn ngồi tiệm nước thì không ai không nói chuyện: Cộng sản đánh bại phátxít, văn minh thắng dã man, Hồng quân có mặt hầu hết ở các thủ đô Trung Âu, chính lúc này là lúc Thanh niên Tiền phong và Tổng Công đoàn, dưới danh nghĩa Thanh niên Tiền phong ban xí nghiệp, được tổ chức và nhanh chóng mở rộng hoạt động của mình để “chạy đua với thời gian”.

Tôi không biết gì ráo về cái nghị quyết của Liên Xô, Mỹ, Anh họp ở Potsdam quy định việc Liên Xô sẽ tham chiến chống Nhật Bản ba tuần sau khi Đức đầu hàng, và sau khi chiến tranh ở Châu Âu kết thúc. Trong trí tôi lớn vồn cái ý khá chủ quan rằng sẽ có lợi cho cách mạng thế giới hơn nếu Liên Xô cứ để mặc cho hai bên Nhật và Anh, Mỹ đánh nhau, cho chiến tranh Viễn Đông kéo dài, bởi vì trước sau gì Nhật cũng thua, nhưng Nhật kháng chiến càng lâu thì Mỹ, Anh càng mệt, mà Mỹ, Anh sắp tới đây sẽ là địch thủ số một của cách mạng thế giới, trong đó có cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa. Khi ấy tôi cho rằng Mỹ-Anh trì hoãn mãi cuộc đổ bộ lên Tây Âu, trì hoãn để cho Hồng quân Liên Xô mỗi mệt, tổn hao càng nhiều càng hay trong cuộc chống chọi với Đức Hitler, thì bây giờ nếu Liên Xô “trả lại cho họ loại đồng tiền đã trả cho mình” thì cũng là vừa phải thôi, có gì là ác? Thật thà mà nói, tôi không dè, đầu tháng Tám 1945, Liên Xô tuyên bố tham chiến chống Nhật, rút ngắn cuộc chiến tranh ở Viễn Đông, tin chắc rằng, đến một lúc nào đó Hồng quân Liên Xô nhất định sẽ đánh Nhật ở đông bắc nước Tàu (khi ấy là Mãn Châu quốc) chớ không thể để cho quân Mỹ vào đây.

Việc Hitler tự tử, Đức đầu hàng làm rung động rất mạnh các đảng, các nhóm thân Nhật, hàng ngũ của họ tan rã càng nhanh.

Trở lại chiến cuộc ở Viễn Đông, Đông Nam Á Châu và Thái Bình Dương từ sau cuộc đảo chính 9 tháng 3, ở Đông Dương nhất là từ sau khi Đức đầu hàng, đứng vào vị trí của người Việt Nam mà ngó, mà xét:

Mỹ đã giành lại Philippines từ cuối tháng 2 đầu tháng 3 năm 1945. Trên mặt biển Nhật mất Tân Guinée, Philippines và những quần đảo Salomons, Marshall, Gilbert, Mariannes. Còn trên lục địa và ở Nam

Dương quần đảo, thì “Đại Đông Á” của Nhật không mất mát gì quan trọng mà hãy còn rộng lớn vô cùng từ Mãn Châu đến Miến Điện – ở đây quân Anh có ghi được mấy bàn để mở lại đường đi Vân Nam. Đồng thời, với việc chiếm lại Philippines, quân Mỹ một mặt chiếm thêm mấy đảo Nhật gần Nhật như: Iwoshima, Okinawa dù phải chịu tổn thất rất lớn. Quân Nhật tổn thất nặng hơn nhiều. Thử hỏi vậy chớ nước Mỹ đổ bộ lên những đảo nhỏ gần Nhật mà đã phải trả giá đắt như thế, thì đến khi đổ bộ lên đất Nhật sẽ phải trả giá bao nhiêu nữa? Liệu chính phủ Mỹ, dư luận Mỹ có dám trả giá đó không? (Phe thân Nhật ở Sài Gòn cho rằng đất Nhật sẽ là mồ chôn quân Mỹ). Mặt khác, Mỹ tăng cường việc ném bom vào các thành phố công nghiệp của Nhật bằng pháo đài bay B29. Đài truyền thanh Mỹ đã thuật lời tuyên bố của tướng Mỹ Curtis Lemay rằng: “Chúng ta sẽ kéo nước Nhật trở lại thời kỳ đồ đá”, khi hắn ta, từ trên không quan sát một trận ném bom xuống Đông Kinh, gây ra một trận cháy lớn nhất trên đời làm mấy trăm ngàn nhà một lượt ra tro. Và cứ như vậy mãi, lần sau dữ dội hơn lần trước, bởi vì, sau khi đã chiếm được Iwoshima và Okinawa rồi thì, từ đó máy bay trung bình cũng bay đến Nhật được, để cùng B29 đi từ Guam gieo chết chóc trên nhân dân vô tội.

Những cuộc ném bom và sự phong toả đã làm cho nước Nhật lâm nguy; tuy Nhật còn nhiều triệu quân trên lục địa Châu Á. Sau này các nhà quân sự và chính trị đồng ý rằng không cần phải ném bom nguyên tử xuống nước Nhật, rồi Nhật cũng phải sớm đầu hàng thôi, để thắng, Mỹ phải dùng đến bom nguyên tử làm gì? Nhưng Mỹ ném bom còn có mục đích thị uy đối với thế giới, với Liên Xô, rằng: “ta đây là tuyệt đối vô địch”.

Tám giờ ngày 6 tháng 8 năm 1945, khi công nhân, viên chức các công tư sở đều đi làm, Mỹ ném một quả bom cực mạnh xuống Hiroshima, một hải cảng, một thành phố công nghiệp lớn của nước Nhật đông hàng triệu dân cư: 250 ngàn người chết ngay; toàn bộ thành phố đổ nát, trừ vài ba ngôi nhà bê tông cốt sắt.

Ngày 8 tháng 8 năm 1945, Liên Xô tuyên chiến với Nhật, Hồng quân vào Mãn Châu.

Ngày 9 tháng 8 năm 1945, Mỹ ném một quả bom cực mạnh thứ hai xuống Nagasaki, cũng một hải cảng, một thành phố công nghiệp lớn của Nhật, cũng đông hàng triệu dân. Tin truyền bom nổ ở đây còn dữ hơn là ở Hiroshima.

Bom cực mạnh nổ ở Hiroshima và Nagasaki là bom nguyên tử, vũ khí giết người lớn nhất loài người chưa hề thấy, tàn phá nhà cửa nhiều nhất, loài người chưa hề thấy.

Thông tin tuyên truyền của Mỹ ầm ỹ ngay về sức mạnh tàn phá môi trường của bom nguyên tử, mà nước duy nhất làm ra được là nước Mỹ.

Các báo ở Sài Gòn nói đến bom nguyên tử một cách hãi hùng.

Khi ấy Nhật không biết rằng nước Mỹ chỉ có hai quả bom nguyên tử đó mà thôi, chưa kịp làm quả thứ ba, quả thứ ba còn phải chờ lâu. Bọn Mỹ nói dóc rằng quả thứ ba dành cho thủ đô Đông Kinh, nếu Nhật không kịp kịp đầu hàng!

Mấy ngày rày tôi đeo dính cái máy thu thanh. Ở Sài Gòn bấy giờ chúng tôi chỉ có cái máy ấy mà thôi. Chúng tôi cho rằng Nhật đầu hàng hoặc quân Mỹ trực tiếp đổ bộ lên Nhật Bản thì điều kiện khởi nghĩa chín muồi, ta sẽ phải hành động thật nhanh, giành lấy thời cơ. Lực lượng để khởi nghĩa thì chúng tôi đã tập hợp khá đủ rồi.

Ngày 14 tháng 8 năm 1945, Nhật tuyên bố đầu hàng.

Tin này đến với tôi hơi đột ngột. mấy hôm rày tôi ở miết Sài Gòn. Tôi tưởng đâu là những người cầm đầu nước Nhật có đủ gan góc để chịu đựng một thời gian nữa, buộc Mỹ phải chấp nhận một cuộc đổ bộ đại quy mô trên các hòn đảo Nhật, nghĩa là chấp nhận một trận chiến đấu xáp lá cà hết sức lớn trong đó chưa chắc gì phần thắng về kẻ có nhiều máy bay, nhiều bom đạn. Đấy! Mình cứ đem cái tâm trí của mình đặt vào cái thân xác của người ta, cho nên nghĩ sai, tính không đúng hẳn. Quân Nhật còn nắm cả lục địa Đông Á và Đông Nam Á từ Mãn Châu đến Mã Lai, gồm cả miền đông nước Tàu, vậy mà phải đầu hàng không điều kiện hay gần như không điều kiện. Ai mà biết được? Làm sao mà biết

được cái đại cuối cùng của Hitler so với cái khôn của hăn hồi đầu; khi còn cả triệu quân ở trên vùng Bắc Hải, Bắc Ý, Ban Cấn, hăn không chịu đưa một phần số quân ấy về bảo vệ hang ổ Berlin, đánh một trận thư hùng trên nước Đức mà chỉ khư khư trông mong cái khả năng Anh-Mỹ và Liên Xô đánh nhau trên nước Đức, khi ấy Đức sẽ quay sang liên kết với Mỹ-Anh và bằng cách đó giải vây cho Berlin, đưa lại chiến thắng cho Đức, y như (hay gần như) chiến thắng của vua Frédéric II đại vương khi Nga-Áo-Pháp liên minh tan rã trước Berlin hồi thế kỷ XVIII! Frédéric II chiến thắng, còn Hitler thì tự tử.

Cái tin Nhật đầu hàng làm chấn động mạnh dư luận Sài Gòn, mặc dầu rằng mấy tháng nay từ sau khi Đức đầu hàng, không còn một ai tin vào thắng trận của Nhật nữa. Đảng phái, chính khách, quần chúng đều bàn luận xôn xao. Người ta tự hỏi, hỏi nhau: việc gì sẽ xảy ra ở xứ ta, ở Sài Gòn mấy ngày tới? Ngồi tiệm cà phê trước chợ Bến Thành, nghe mấy ý kiến lạ tai mà thích thú:

- Mỹ có bom nguyên tử rồi thì còn nước nào dám đương đầu với Mỹ nữa? Mỹ cứ đòi hỏi, ra lệnh là được.

- Không chắc! Xưa nay, vô quýt dày có móng tay nhọn, chưa hề có một thứ vũ khí nào mà sau đó lại không có thứ vũ khí khác trừ nó, chẳng qua nhân loại sẽ giết nhau nhiều hơn mà thôi.

- Để quốc tư bản có bom nguyên tử ghê gớm như thế thì chúng nó sẽ tiêu diệt mọi cuộc cách mạng giải phóng, các dân tộc bị áp bức làm sao đánh thắng nổi thực dân.

- Thì cách mạng chắc chắn sẽ gặp khó khăn hơn, nhưng cách mạng vẫn tiến và không bị thủ tiêu bởi bom nguyên tử đâu. Kìa hãy xem, đại bác 75 ly là mạnh dữ, mà nó còn làm gì được đối với đàn chim én bay liệng đâu? Cách mạng giải phóng sẽ nổi lên ở hàng trăm thành phố không lớn như thành phố Nhật, nổi lên ở làng mạc rừng núi thì bom nguyên tử là vô dụng hoàn toàn; sợ gì?

Những câu chuyện ngoài tiệm nước này nghe thì hay thật. Nhưng thời giờ đâu mà ngồi nghe? Vấn đề lớn được đặt ra cấp bách trước Xứ uỷ và

Thành uỷ là phải làm gì bây giờ; tình hình nghiêm trọng, không thể mất thì giờ được đâu chỉ một ngày. Cái lo lắng nhất của tôi bây giờ là Nam Kỳ phải tự quyết định một vấn đề hết sức trọng đại mà hoàn toàn không có liên lạc bàn tính gì với Bắc... Các anh Ung Văn Khiêm, Hà Huy Giáp đại biểu của chúng tôi ra Bắc, chưa biết chừng nào về tới. Không chờ đợi được. Chờ đợi thì bị động, bị động thì thua thiệt. Phải dám nghĩ, dám làm, dám độc lập tác chiến, tin rằng trong một tình thế giống nhau, các đồng chí đều ở phương trời nào cũng tư tưởng và hành động như nhau, bởi vì chúng ta đều là những người theo chủ nghĩa Marx-Lenin, theo một phương pháp tư tưởng giống nhau, nếu trong việc làm cụ thể có khác nhau thì chắc là chỉ khác trong chi tiết, trong chiến thuật là chính.

2. Uỷ ban khởi nghĩa được thành lập

Thường vụ Xứ uỷ Nam Kỳ họp ngày 15 tháng 8, nhận định tình hình, xác định nhiệm vụ cần kíp.

Thời cơ khởi nghĩa tới rồi. Thời cuộc chắc sẽ chuyển biến nhanh, ta phải kịp kíp sử dụng thời cơ lúc quân Nhật đã đầu hàng rồi, còn quân Đồng minh thì chưa tới; các lực lượng chúng ta đã tổ chức nay đang tan rã, còn ta thì đã tập hợp được những lực lượng to lớn, lực lượng này đã phát triển nhảy vọt mấy tháng nay, tất nhiên phát triển nhảy vọt càng nhanh hơn nữa trong những ngày tới.

Cho nên trong khi chờ đợi quyết định của cuộc hội nghị Xứ uỷ mở rộng cho các tỉnh (và mấy đồng chí kỳ cựu giới lý luận hiện có mặt ở gần Sài Gòn) thì chúng tôi chỉ định một Uỷ ban khởi nghĩa làm việc ngay để hoàn thành sự chuẩn bị mà Xứ uỷ Nam Kỳ và Thành uỷ Sài Gòn đã bắt đầu từ lâu, đặc biệt là từ sau đảo chính tháng 3 năm 1945. Cần lắm, và Uỷ ban khởi nghĩa bắt tay vào việc ngay.

Uỷ ban khởi nghĩa (Nam Kỳ và Sài Gòn) gồm các thành viên:

1. Trần Văn Giàu.
2. Nguyễn Văn Trấn.

Cả hai đều đại diện cho Đảng Cộng sản.

3. Nguyễn Lưu

4. Huỳnh Văn Tiểng, đại diện cho Thanh niên Tiền phong.

Và hai người nữa.

Thường trực Ủy ban khởi nghĩa là Huỳnh Văn Tiểng, cơ quan Thường trực đóng ở số 6 Colbert[1].

Trên thực tế thì, Tiểng và tôi đã bàn luận nhiều lần về những nét lớn của kế hoạch khởi nghĩa ở Sài Gòn và ở Nam Kỳ, kế hoạch này phải được trình cho Xứ ủy một khi đã quyết định khởi nghĩa. Chẳng những bàn luận mà đã đi vào thực hiện rồi, việc xây dựng lực lượng chính là nhằm một kế hoạch khởi nghĩa, với cái lý là, chúng ta phải sẵn sàng, đủ sức để một khi quân Nhật hạ khí giới, thì có thể tổng khởi nghĩa vài ba ngày sau ở Sài Gòn và lục tỉnh. Nói một cách khác, vừa sau khi được thành lập, Ủy ban khởi nghĩa đã tính được rằng cuộc khởi nghĩa ở Sài Gòn có thể nổ ra và thành công hôm 17, có thể là 18 tháng 8 năm 1945, nghĩa là vừa đủ thời giờ thông báo cho các đơn vị ở nội thành và ngoại thành, thông báo cho các tỉnh. Sau đây là mười nét chính của kế hoạch khởi nghĩa:

1. Cuộc khởi nghĩa sẽ nổ ra dưới khẩu hiệu: “Chính quyền về tay Việt Minh” (phỏng theo khẩu hiệu của Lenin – “tout le pouvoir aux Soviets” hồi tháng Mười 1917). “Việt Nam hoàn toàn độc lập”, “Độc lập hay là chết”, (sáng kiến của chúng tôi, về sau có người nói là “phỏng theo Cu Ba” không phải! Lúc ấy chưa có cách mạng Cu Ba), “Việt Nam dân chủ cộng hoà muôn năm” (theo Nghị quyết Trung ương tháng 11 năm 1939).

2. Khởi nghĩa phải nổ ra sau khi quân Nhật đầu hàng quân Đồng minh và trước khi quân Đồng minh vào Việt Nam giải giáp quân Nhật. Chính quyền cách mạng phải được thành lập xong trong khoảng đầu của thời gian đó. Thời gian đó, thời gian giữa khi Nhật đầu hàng và đồng minh đã vào, chắc chắn sẽ là ngắn. Nếu chần chừ đến khi quân Đồng minh đã vào rồi, thì sẽ không còn khởi nghĩa được, không thành lập được chính quyền cách mạng nữa. Quân Đồng minh vào Sài Gòn sẽ là quân Anh

nhưng chắc chắn là có quân Pháp theo, và chắc chắn là Anh ủng hộ Pháp trở lại Đông Dương. Chúng nó sẽ tới bằng máy bay, tàu chiến, nhanh lắm! “Thời gian vật chất” mà chúng ta có để khởi nghĩa, lập chính quyền là ngắn như vậy, nhưng chúng ta đã chuẩn bị từ lâu, không có gì bất cập lắm.

3. Khởi nghĩa sẽ nổ ra trước ở Sài Gòn (Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định - Tân Bình) có sự góp sức và rút kinh nghiệm của các tỉnh lân cận rồi ngày sau và vài ba ngày kế đó sẽ khởi nghĩa đồng loạt ở toàn bộ Nam Kỳ. Giành chiến thắng ở Sài Gòn là quyết định, là tạo điều kiện thuận lợi nhất cho khởi nghĩa ở các tỉnh gồm cả những tỉnh ở đó sức ta còn yếu. Ở các tỉnh, lực lượng khởi nghĩa cũng phải tập trung giành tỉnh lỵ trước, tuy không phải không có việc lấy một số quận tỉnh đồng thời hay trước đó nếu có đủ điều kiện.

4. Nhật đầu hàng rồi thì đối tượng trực tiếp của khởi nghĩa cách mạng là chính quyền bù nhìn, chính quyền này đang rệu rã và không có ý chí đề kháng đáng kể. Cho nên cuộc khởi nghĩa của chúng ta không nhằm đánh vào doanh trại, cơ quan Nhật mà phải tìm đủ cách để cho quân Nhật trung lập, không can thiệp vào nội bộ của người Việt Nam. Bây giờ mà khởi nghĩa nhằm đánh bại quân Nhật là đánh sai mục tiêu, và đánh cũng không nổi. Mục tiêu là đánh vào bộ máy bù nhìn, giành chính quyền, mà như vậy ta sẽ thành công nhanh chóng và không gặp khó khăn gì lớn lắm.

5. Lực lượng khởi nghĩa (ở Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định - Tân Bình) là các đội xung phong vũ trang rất kiên quyết của Tổng Công đoàn và của Thanh niên Tiền phong; cũng là các đơn vị quân bảo an đã ngả hẳn về phía cách mạng rồi và đã được bổ sung cấp tốc bằng nhiều lực lượng mới của Công đoàn và Thanh niên. Nông dân ngoại thành rất đông đảo là một sức chi viện không thể thiếu. Quyền lãnh đạo thuộc khởi nghĩa là duy nhất và tập trung, thuộc Đảng Cộng sản.

6. Đến ngày giờ khởi nghĩa do Xứ uỷ quyết định, Uỷ ban khởi nghĩa sẽ dùng các đội xung phong của Công đoàn và Thanh niên với số đông chừng từ 20.000 đến 40.000 nhưng rất kiên quyết, chiếm từ bên trong tất cả các công sở (và một số các tư sở), chiếm tất cả các cơ quan yết hầu

của bộ máy cai trị, giao thông, thông tin truyền thanh, kinh tế tài chính, điện nước, kho tàng (dinh khâm sai[2], toà đốc lý[3], dinh tham biện[4], sở bưu điện, đài phát thanh, kho bạc, các ngân hàng, bến tàu biển, sân bay, các nhà tù, các trại bảo an, các bót cảnh sát, các cầu chính, các ngã đường lớn ra vào Sài Gòn, các quảng trường quan trọng). Dùng một bộ phận lực lượng vũ trang có băng đỏ trên cánh tay, súng ống tốt, đi tuần tra các đường phố. Các cơ quan ta chiếm tới đâu thì treo cờ đỏ sao vàng ở đó. Chương trình chiếm đóng phải được hoàn thành trong vòng mấy giờ đầu của một đêm. Xong, thì ta thượng lên ở ngã tư đại lộ Charner và đại lộ Bonard[5] một cái đài mang tên các uỷ viên của ban hành chánh lâm thời Nam Bộ do Xứ uỷ chỉ định, đồng thời ta chuẩn bị một lễ đài ở đường Norodom[6], sau Nhà thờ lớn, đó là nơi trung tâm cuộc mít tinh rất lớn của ngày mai sau đêm chiếm được các cơ quan.

7. Lúc các đội xung phong bắt đầu chiếm các cơ quan, thì các đoàn nông dân vũ trang từ ngoại thành cách Sài Gòn hai, ba chục cây số sẽ bắt đầu tập trung rồi kéo vào Sài Gòn từ các ngã, có mặt ở trung tâm Sài Gòn từ mờ sáng. Trong thành phố và ngoại ô phụ cận thì các đoàn thể nhân dân, công đoàn, thanh niên, tập trung trong nội thành từ quá nửa đêm ở những nơi nhất định. Đến sáng, các tổ chức quần chúng ở nội thành và ngoại ô, ai theo đường nấy, kéo về tập trung ở đại lộ Norodom. Đoàn nào có chỗ nấy đã quy định trước cho từng địa phương. Phải huy động cho được một cuộc biểu tình tuần hành có vũ trang dưới hiệu cờ đỏ sao vàng, của từ bảy, tám trăm ngàn người đến một triệu. Các khẩu hiệu, cờ băng phải tràn ngập thành phố, khẩu hiệu đó do Xứ uỷ định, nói lên ý chí của nhân dân khởi nghĩa giành tự do cho tất cả chính quyền về tay Việt Minh, kiên quyết chống xâm lược thực dân. Cuộc tuần hành bắt đầu từ Norodom bằng các ngã đường, chủ yếu là đường Catinat[7] sẽ đến trước dinh đốc lý thành phố ở đó có danh sách Uỷ ban hành chánh lâm thời Nam Bộ được công bố, đại biểu Đảng Cộng sản Đông Dương và đại biểu Mặt trận Việt Minh sẽ kêu gọi đồng bào ủng hộ chính quyền cách mạng.

8. Mỗi tỉnh phái lên Sài Gòn một đoàn tham gia cuộc biểu tình khởi nghĩa vũ trang, rút kinh nghiệm và nhận chỉ thị mới nhất để về làm khởi nghĩa ở địa phương mình. Đặc biệt là ba tỉnh Thủ Dầu Một, Biên Hoà, Bà Rịa phải cố gắng đưa về Sài Gòn những đoàn đồng bào Mạ, Stiêng có mang

theo cung, ná nên giữ ăn mặc kiểu miền núi rừng bình thường. Sài Gòn thì động viên đông đảo Hoa kiều đi biểu tình. Cũng cố gắng đưa một vài chục xe cam nhông đồng bào ở Phnôm Pênh về cho kịp sáng ngày biểu tình khởi nghĩa.

9. Bắt giữ một số rất ít nhà cầm quyền bù nhìn tiêu biểu và một số Việt gian nguy hiểm nhằm ngăn chặn mọi sự hoạt động của chúng chống lại khởi nghĩa cách mạng.

10. Bảo đảm trật tự an ninh trong thành phố, ngừa mọi sự cướp giật và trả thù riêng, ngừa mọi hành động đánh đập, giết hại người Pháp và người ngoại quốc khác. Bảo đảm hoàn toàn cho điện nước được duy trì, cho các nhà thương được hoạt động liên tục. Bảo đảm “ưu thế tinh thần” (supériorité morale) của lực lượng khởi nghĩa.

Kế hoạch thì như vậy, không phải khó khăn lâu lắc gì lắm để làm kế hoạch này. Chắc cũng không khó khăn gì to lớn lắm để điều động lực lượng thực hiện kế hoạch, bởi vì chúng ta đã thử hoạt động nhiều lần rồi, và bởi vì ta tính chiếm Sài Gòn với lực lượng nội thành Sài Gòn và ngoại ô là chính. Nhưng còn phải có Nghị quyết khởi nghĩa của Xứ uỷ, được triệu tập Hội nghị tại Chợ Đệm tối ngày 16 tháng 8.

3. Hội nghị Chợ Đệm lần thứ nhất

(Tối 16 rạng ngày 17 tháng 8)

Hội nghị Xứ uỷ lần này họp ở Chợ Đệm. Mấy lần trước họp ở Phú Lạc. Phú Lạc do Bảy Trân lo tổ chức hội nghị; Chợ Đệm có Bảy Trăn lo việc ấy. Hai ông Trân, Trăn đều là thứ bảy, đều là hai nhân vật của phong trào cộng sản thời Mặt trận bình dân. Bảy Trăn là một ông tú trường Pétrus Ký, làm báo Le Peuple; sau lên rừng miền đông Nam Kỳ, có lúc lên tới rừng miền nam Trung Kỳ, ở núi Laba, động Bàn Tiên, tỉnh Lâm Đồng. Ở đó có tiếng đồn là có xuất hiện một “đạo” mới, giáo chủ và tín đồ chỉ có 3 người: một là đại ca Hành (tài bắn như Dương Bá Dương), nhị ca Tươi là người Tân An, quê tôi, và tam ca là Bảy Trăn. Họ uống trà chờ thời, chờ khởi nghĩa là chờ cơ hội về Sài Gòn sau khi lánh mặt. Trăn là “Laba

sơn, Bàn Tiên động, trà đạo sư thúc”. Trăn về Sài Gòn gặp tôi hồi 1944, và từ đó chúng tôi cùng hoạt động.

Ngày trước Chợ Đệm thành danh nhờ vừa bán đệm. Chiếu dệt bằng cây lát; đệm, đan bằng cây bàng; chiếu để ngồi, nằm, dọn mâm; đệm để phơi lúa, làm nóp, làm cá ròn. Đệm ở các vùng Đồng Tháp Mười, chở đi Sài Gòn - Chợ Lớn thì thường vừa ở Chợ Đệm nổi tiếng nhất Nam Kỳ, nổi tiếng như nem Thủ Đức, như cháo đầu cá lóc Chợ Đồn.

Từ 1930, thì Chợ Đệm còn nổi tiếng vì những cuộc biểu tình cách mạng của nhân dân vùng “Tam Tân” (tức là ba xã: Tân Kiên, Tân Nhựt, Tân Tạo). Chợ Đệm như Bà Hom, Bà Điểm, Hóc Môn, Củ Chi, là một khâu mạnh trong vành đai đỏ của thành phố Sài Gòn. Chợ Đệm là một căn cứ tốt của Xứ uỷ Nam Kỳ mà Bảy Trăn là một thành viên Xứ uỷ được chỉ định phụ trách mấy tỉnh miền Đông và một số cơ sở, công tác đặc biệt ở thành phố.

Bây giờ họp hội nghị, đây là hội nghị lớn, không còn sợ ai bắt nữa. Có bạn nói: bây giờ mình không bắt ai thì thôi, chớ ai dám bắt mình? Tuy vậy cũng phải đề phòng. Định nó ném một quả lựu đạn vào cuộc họp thì cũng rầy lầm chớ! Cho nên Bảy Trăn xếp cho hội nghị họp ở một cái nhà bên kia chợ, từ chợ phải qua đò, đi một khúc ở lộ, vô một đoạn bờ hai bên trồng trôn, vào vườn, qua một cái nhà ngói lớn, sau cái nhà lớn là cái nhà nơi bọn tôi họp. Sau nhà, nhiều dừa nước, có rạch nhỏ, nếu cần thì tạm lánh đi hoặc rút lui an toàn. Canh gác dễ. Canh gác cho có chừng vậy thôi, chớ xung quanh mười người thì đã hết chín người cảm tình cộng sản rồi.

Từ Sài Gòn xuống Chợ Đệm mất chừng một giờ đạp xe đạp. Xe ngựa, xe hơi đều sẵn. Có việc gì xảy ra quan trọng ở Sài Gòn thì bọn tôi biết ngay, đối phó kịp. Đại biểu lục tỉnh lên họp cũng tiện, khỏi phải đi vòng vo, khỏi phải đổi xe cộ.

Nguyễn Văn Tạo và hai đồng chí cộng sản Pháp (ảnh chụp năm 1927 ở Paris).

Dự hội nghị có đông đủ Xứ uỷ viên, một số đồng chí Tỉnh uỷ của các tỉnh trọng yếu và đặc biệt là có mời ba đồng chí đàn anh là Nguyễn Văn Tạo, Nguyễn Văn Nguyễn và Bùi Công Trùng. Ba đồng chí này là khách mời nhưng được công nhận là có quyền thảo luận và biểu quyết. Anh Tạo ở Côn Lôn về, ở thị xã Rạch Giá, mượn vốn lập tiệm bán nước mắm để cho gia đình sống qua ngày tháng: một nhân tài làm báo mà chân ở đất cá mắm khoai trầm, hai ba ngày mới đọc được một tờ báo hai trang. Tội tôi có cho đi rước anh từ đầu năm 1945, mà anh hoặc chưa tin cậy hoặc không muốn lãnh nhiệm vụ gì trong một tình thế còn lắm khó khăn. Anh chỉ muốn làm việc hợp pháp như trước. Anh ít công tác thực tế; nên tạm chịu cảnh “an trí”, để bút khô queo; anh mới lên Sài Gòn chừng mười ngày trước cuộc hội nghị bàn về khởi nghĩa. Tạo nguyên là Uỷ viên Trung ương Đảng Cộng sản Pháp, anh vào Đảng Pháp vài năm trước tôi, tôi là đàn em của Tạo; Tạo đã có vinh dự tham dự đại hội Quốc tế Cộng sản lần thứ VI như là một thành viên của đoàn đại biểu Pháp. Ở đại hội này bài tham luận của anh (lúc đó lấy bí danh là An) kịch liệt phản đối cái ý kiến cho rằng ở Đông Dương chưa có giai cấp công nhân, chưa có phong trào công nhân cho nên chưa tổ chức Đảng Cộng sản được. Tạo chứng minh rằng ở Đông Dương giai cấp công nhân đã hình thành và đã đấu tranh; anh yêu cầu Quốc tế Cộng sản và Đảng Cộng sản Pháp phải lo liệu giúp những người cách mạng Đông Dương, lập thành Đảng Cộng sản. Tạo được bầu vào ban Trung ương của Đảng Cộng sản Pháp, anh bị trục xuất khỏi nước Pháp (sau tôi gần 2 năm). Về Sài Gòn, anh làm báo công khai, đắc cử hội đồng thành phố Sài Gòn. Viết báo giỏi. Diễn thuyết cũng giỏi. Hồi thời làm báo Le Peuple, nhất là trong dịp bầu cử hội đồng quản hạt 1939, anh có xung khắc khá mạnh với Lê Hồng Phong. Chân đi khắp khiêng. Tạo không xông xáo trong công tác quần chúng, anh chỉ muốn làm báo là chính. Nhưng lý luận khá.

Nguyễn Văn Nguyễn, dân tỉnh Mỹ Tho, người nhỏ thó, vẻ văn nhân. Anh đã sớm vào Thanh niên cách mạng đồng chí hội cũng như Dương Văn Phúc, Ung Văn Khiêm, Nguyễn Văn Tây. Hồi thời 1936-1939, anh làm báo tiếng Tây, tiếng ta như Tạo, tôi chú ý theo dõi, thấy tay này viết văn hay, có duyên, làm phê bình văn học sắc sảo. Nguyễn muốn làm một nhà văn cộng sản hơn làm một chiến sĩ cách mạng, nên từ chối lời của Khuy, Phúc mời anh vào tỉnh uỷ Tiền Giang. Phúc phàn nàn thái độ đó của

Nguyễn, nhưng tôi thì cho rằng để Nguyễn làm văn học hơn là mời anh hoạt động quần chúng. Nhưng sau đảo chính Nhật, anh lên Sài Gòn tham gia công tác với bọn tôi, giúp giảng bài cho sinh viên, thanh niên cho công nhân nữa. Giảng kể cũng xuất sắc.

Bùi Công Trùng (1905-1986)

Bùi Công Trùng là một “cây” văn chương và lý luận, người Huế; vào Nam làm báo đầu hồi thời 1925, 1926 với Trần Huy Liệu; cùng Trần Huy Liệu cùng một số anh em trẻ khác, lập Thanh niên đảng công khai, một thời nổi tiếng ở Sài Gòn. Rồi đi Pháp, đi Nga, học ở trường Đại học Đông Phương một lớp với Trần Phú, Nguyễn Văn Trân. Học giỏi. Năm 1930, Trùng về Sài Gòn, làm tuyên huấn Trung ương Đảng. Vào tù, dạy lý luận cho nhiều anh em. Được ân xá năm 1936, hoạt động báo chí, có nhiều bài hay về lý luận văn học nghệ thuật, hợp tác với Hải Triều. Sau đảo chính Nhật, lẩn xấn ở Huế, anh không làm được việc gì và cũng không làm gì tích cực, tuy Huế khi ấy là trung tâm chính trị sôi nổi, thu hút đến cả Tạ Thu Thâu – đối thủ có cỡ của Bùi Công Trùng. Cuối cùng, anh lại vào Sài Gòn mới mấy ngày rày, lúc quân Nhật đã thua, nước Nhật đã hàng. Nghĩa là anh Trùng xa thực tế Nam Kỳ và Sài Gòn mười lăm năm nay, nhưng tiếng tăm về lý luận và sự trung thành của anh với chủ nghĩa thì không một ai nghi ngờ. Anh hợp tác ngay với bọn tôi. Riêng tôi hy vọng là Trùng sẽ có thể làm tiếp cái việc thống nhất của Đảng mà tôi và Giáp đều không thành công. Trùng chưa kịp làm gì về nhiệm vụ tế nhị và quan trọng đó, thì đã đụng phải vấn đề lớn lao, cần kíp, khẩn trương là khởi nghĩa giành chính quyền.

Chúng tôi có nghĩ tới mà không mời Dương Bạch Mai – đảng viên kỳ cựu của Đảng Cộng sản Pháp, về Sài Gòn làm báo La Lutte, Le Peuple, L’Avant Garde, dẫn đầu hội đồng thành phố, viết báo được, diễn thuyết cũng được, tính sôi nổi hết sức. Tuyệt đối trung thành với Liên Xô là một đặc sắc của Mai. Đồng chí này đứng về phía “Giải Phóng” lên án chúng tôi. Mời đồng chí họp thì hội nghị sẽ thêm sóng gió, không ích gì. Và lại, mấy tháng nay, từ ở Côn Lôn, đồng chí về quê ở Long Điền (Bà Rịa), ngày nào cũng như ngày nào, giết thời giờ bằng bài tứ sắc. Bọn tôi tính sẽ mời Mai tham gia chính quyền sau khi khởi nghĩa thành công, thì sẽ

tiện hơn là mời anh bàn việc khởi nghĩa. (Hãy ghi rằng hồi trước khởi nghĩa Nam Kỳ 1940, Mai được Xứ uỷ đề nghị làm thủ tướng chính phủ cách mạng lâm thời).

Thế là hội nghị Chợ Đệm có thêm ba đồng chí khách được quyền thảo luận và biểu quyết: Tạo, Nguyễn, Trùng. Anh em không ai phản đối, anh em ai nấy đều hoan nghênh lời mời của Thường vụ Xứ uỷ. Riêng tôi đặt nhiều hy vọng vào Trùng, một nhà bác học mác-xít; tôi chắc anh ấy sẽ hơn ai hết ủng hộ những đề nghị của tôi, của Thường vụ Xứ uỷ.

Ở đây phải nói rằng, việc mời ba anh tham dự hội nghị Xứ uỷ Nam Kỳ mở rộng là đúng, phải đạo lý nữa. Ba anh già kinh nghiệm, lý luận giỏi, chắc góp được nhiều ý sáng. Phần thì tôi có cái “phong tục” hơi cũ, là kính nể bậc đàn anh, làm gì lớn cũng đều tìm cách hỏi ý kiến các bậc đàn anh đó. Tôi không đi điều tra thăm hỏi trước xem tình ý các anh ra sao về vấn đề khởi nghĩa này; đáng lý bàn bạc trước sau rồi mới mời để cho việc thêm chạy nhanh, tốt, nào dè sự có mặt không nhất thiết phải có của các anh lại là một trở ngại lớn quá chừng.

Vấn đề chính của hội nghị là quyết định khởi nghĩa, chỉ định chính quyền cách mạng lâm thời.

Hội nghị bắt đầu từ chập tối ngày 16 tháng 8, anh em ngồi trên đệm trải dưới đất.

Tôi đại chủ quan, cho rằng nội đêm nay hội nghị sẽ xong, hội nghị sẽ đồng ý khởi nghĩa ở Sài Gòn nổ ra ngày 17 hay 18 là trễ nhất, rồi một hai ngày sau Sài Gòn là khởi nghĩa ở tất cả các tỉnh khác của Nam Kỳ. Việc chỉ định một danh sách Uỷ ban hành chánh lâm thời thì cũng dễ dàng thôi. Tôi tính trước là, gần sáng ngày 17, một nồi cháo gà sẽ kết thúc hội nghị, các đại biểu ai về vị trí nấy. Ai về tỉnh nấy thì hành quyết định khởi nghĩa với một tinh thần chiến thắng cao nhất. Ở Sài Gòn thì mọi sự chuẩn bị đã sẵn, chỉ cần “bấm nút” thì xong mau. Tôi đi họp ở Chợ Đệm thì ở Sài Gòn hôm sau Huỳnh Văn Tiểng làm thường trực ngồi chờ tại chỗ, liên lạc chặt chẽ với các đội xung kích.

Tôi báo cáo chủ trương, kế hoạch của Thường vụ và Ủy ban khởi nghĩa, đại ý là:

Ngay từ khi Đảng Cộng sản mới ra đời (1930), thì, trong tập “Luận cương chính trị” đã có mục nói rõ về sự cần thiết, đến ngày nào đó, như trong một cuộc chiến tranh đã qua, sẽ nổ ra cuộc bạo động cách mạng giành chính quyền. Đại hội Đảng lần thứ nhất (1935) cũng nói như vậy. Cuối năm 1939, liền sau khi chiến tranh thế giới lần thứ hai bắt đầu, hội nghị Trung ương có quyết định rằng Đảng Cộng sản Đông Dương phải thừa cuộc chiến tranh thế giới này mà làm cuộc cách mạng giành độc lập dân tộc.

Khởi nghĩa Nam Kỳ cuối năm 1940, là một cuộc bạo động non; thất bại không tránh khỏi; tinh thần chiến sĩ thì cao mà kết quả lại tai hại hết sức lớn. Nhưng sau đó, chúng ta đã khôi phục cơ sở và hệ thống Đảng ở Nam Kỳ. Và theo đường lối của hội nghị Trung ương cuối 1939, chúng ta đã nỗ lực, khẩn trương chuẩn bị lực lượng nhằm đón thời cơ, làm khởi nghĩa. Hiện chúng ta đã tập hợp được lực lượng mạnh nhất từ trước tới nay và mấy ngày rày một Ủy ban khởi nghĩa đã được thành lập và đã làm việc có kết quả mong muốn. (Tôi báo cáo về tương quan lực lượng).

Nay, thời cơ đã chín muồi. Pháp thì đã bị Nhật lật đổ từ 9 tháng 3. Nhật thì vừa bị Hồng quân Liên Xô và Mỹ đánh bại. Nhật đã đầu hàng. Quân Nhật ở xứ ta mất hết tinh thần, không còn chút ý chí nào bám vào Đông Dương nữa. Tinh thần cách mạng của nhân dân ta lên cao hơn bao giờ hết, các chiến sĩ của ta đang hăng hái, quyết tâm, chờ lệnh. Chính quyền ngụy và phe thân Nhật hoang mang đến cực độ. Chúng ta có sức mạnh, có thời cơ để làm ngay một cuộc khởi nghĩa cách mạng chắc chắn thành công ở Sài Gòn và trên toàn bộ hai mươi tỉnh Nam Kỳ.

Cuộc khởi nghĩa của chúng ta phải nổ ra trong ngày gần đây nhất trước khi quân Đồng minh vào Đông Dương (ở Nam thì quân Đồng minh đó là quân Anh, chắc có quân Pháp theo sau, còn ở Bắc, quân Đồng minh đó là quân Tàu Tưởng Giới Thạch). Ta phải khởi nghĩa thành công, lập chính quyền cách mạng xong xuôi, để khi quân Đồng minh vào thì họ đứng trước một cái thực tế là Việt Nam đã có chủ, chủ đó chính là nhân dân

Việt Nam cách mạng; họ đứng trước một cái thực tế là nước Việt Nam đã độc lập và thống nhất, do những lực lượng đã đi với Đồng minh trong chiến tranh bây giờ nắm vững chính quyền. Nếu chúng ta chậm trễ, thì khi quân Đồng minh vào rồi thì sẽ không còn khởi nghĩa được nữa.

Hiện nay, chúng ta ở đây không biết các đồng chí ở Bắc, ở Trung đã làm gì, đang làm gì, có làm như ta không? Nhưng lấy lý mà xét thì chắc họ cũng tính làm khởi nghĩa như chúng ta. Đứng trước một tình huống giống nhau thì bất kỳ ở đâu, những người cộng sản cũng tư tưởng và hành động như nhau. Ta không sợ lẻ loi, chỉ sợ ta tới trễ hay, tệ hơn nữa, sợ ta vắng mặt trong tổng khởi nghĩa.

Rồi tôi trình bày kiến nghị của Ủy ban khởi nghĩa ta có thể khởi nghĩa đêm 17 (tối ngày mai) hoặc nếu trễ là đêm 18 (tối ngày mốt), mọi việc đều đã được sắp xếp xong xuôi gần hết rồi, các chiến sĩ đã sẵn sàng, chỉ còn một việc nữa là “bấm nút” thì nổ, nghĩa là thông báo hiệu lệnh cho các đơn vị ở nội thành và ở ngoại thành (hai tỉnh Gia Định- Chợ Lớn), việc thông báo này thì nhanh chóng thôi, anh em lãnh đạo ở hai tỉnh quanh thành cũng đã sẵn sàng rồi.

Tôi trình bày tiếp kế hoạch khởi nghĩa của Ủy ban khởi nghĩa và yêu cầu hội nghị: Đồng ý quyết định khởi nghĩa và chỉ định Ủy ban hành chánh lâm thời Nam Bộ, không quên nhấn mạnh lần cuối cùng là tình hình buộc chúng ta phải có một quyết định dứt khoát, mau lẹ và chúng ta nhất định sẽ thành công rực rỡ trong cuộc khởi nghĩa này.

Mấy anh em chất vấn về tình hình nhất là về lực lượng cách mạng, về các đảng phái, về dự đoán biến chuyển của thời cuộc. Tôi trả lời xuôi chảy. Tôi tin chắc rằng toàn bộ hội nghị đồng ý với báo cáo và chuẩn bị kiến nghị, chỉ còn một chuyện phải thảo luận có thể hơi dài là lựa người chấp chánh. Nhưng bất ngờ cho tôi và cho đa số các đồng chí dự họp, hai anh Bùi Công Trừng và Nguyễn Văn Nguyễn đặt câu hỏi “trái cẳng ngỗng”, anh Nguyễn Văn Tạo thì đêm đó không nói gì.

Trừng, Nguyễn nói:

- “Trong tình hình thế giới và tình hình Việt Nam hiện nay, liệu Đảng ta, dân ta có cần, có nên khởi nghĩa giành chính quyền không? Trong tình hình hiện nay, có thể nào làm cuộc khởi nghĩa thành công trót lọt hay không? Hay là bây giờ ta phải đi một ngõ khác, làm một cách khác, một ngõ, một cách không nguy hiểm mà về lâu dài thì chắc ăn hơn?”.

Hai anh đều bài bác sự cần thiết phải khởi nghĩa, đều phủ nhận khả năng khởi nghĩa thành công. Họ đề nghị một con đường không bạo động, con đường hoà bình, con đường đấu tranh bằng chính trị để đi lần đến dân chủ, độc lập.

Tôi chắc chắn là các anh Trùng, Nguyễn không có bàn trước với nhau, nhưng cả Trùng lẫn Nguyễn đều đồng thanh bảo rằng: khởi nghĩa hiện nay là phiêu lưu; cho dầu ta có giành chính quyền đi nữa, đó chỉ là tạm thời, rất tạm thời thôi. Có những khi có thể giành chính quyền được mà không nên làm khởi nghĩa; hồi 1871, Marx đã khuyên nhân dân lao động Paris đừng khởi nghĩa (tất nhiên là khi Công xã Paris được thành lập rồi thì Marx hết sức ủng hộ chính quyền vô sản đó), Marx khuyên đừng khởi nghĩa là vì một chính quyền cách mạng ở Paris trong điều kiện lúc ấy sẽ bị kẻ thù tiêu diệt và chiến sĩ cách mạng công xã sẽ bị phe phản cách mạng tàn sát hết sức dữ dội, phong trào cách mạng sẽ sụt xuống lâu dài. Trong tình hình trước mắt của đất nước ta, ít hôm nữa thôi, quân Đồng minh sẽ vào Đông Dương, để giải giáp quân Nhật, mà nói Đồng minh đây chắc không phải là Liên Xô, Tàu đỏ, mà là Tàu Tưởng ở miền Bắc, là Anh ở miền Nam, mà sau lưng Anh, bên cạnh Anh, thì có Pháp; Anh-Pháp sẽ dùng vũ lực tiêu diệt cách mạng, lực lượng cách mạng sẽ bộc lộ ra hết, sẽ bị tiêu diệt hết như chiến sĩ Công xã Paris bị phe Versailles tiêu diệt, tổn thất của ta sẽ nhiều lần nặng hơn tổn thất của khởi nghĩa 1940; nếu vậy thì chừng nào mới khôi phục được phong trào? Nhớ 1940 không? Biết 1871 không? Chúng ta đều biết, đều nhớ, đồng chí Giàu hơn ai cả. Cho nên bây giờ mà chủ trương khởi nghĩa là phiêu lưu, là hết sức phiêu lưu. Ta chẳng bù nhìn Trần Trọng Kim thì chắc được, nhưng ta làm sao đương đầu nổi với Anh, Pháp? Mà Anh, Pháp là hai đế quốc thực dân lớn nhất, già nhất, chúng nó ủng hộ nhau chống cách mạng ở thuộc địa. Ta phải “ngó thấy xa hơn ngày mai”. (Câu của Trùng nói là: phải thấy xa

hơn cái chóp mũi của mình; nói tiếng Pháp: il faut voir plus loin que le bout de son nez).

Tôi theo dõi nét mặt của một số anh em, thấy vài ba người có chiều nao núng. Lý luận của Trường, Nguyễn cứng quá và không phải không có căn cứ nào.

Nguyễn Văn Nguyễn (1910-53)

Trở về trên thì Trường nói là chính. Nguyễn phụ họa, xem chừng như hai anh đã ăn ý thảo luận với nhau từ hồi nào. Nhưng không phải; họ chỉ cùng chủ trương. Bây giờ thì Nguyễn ra quân, Trường tiếp ứng. Nguyễn nói:

- Hiện nay bên Pháp có một chính phủ còn tả hơn cả chính phủ Léon Blum về mặt thành phần. Trong chính phủ De Gaulle, một chính phủ kháng chiến chống phát xít, có đảng viên cộng sản làm Bộ trưởng, Tổng Bí thư Đảng Cộng sản làm Phó Thủ tướng. Chính phủ Pháp đã hứa hẹn và tuyên bố sẽ cho Đông Dương tự trị. Dĩ nhiên là ta không bằng lòng với cái tự trị đó, nhưng đó cũng là một bước tới trước, một cái mốc để ta vịn vào đó mà đấu tranh, Đảng Cộng sản Pháp lớn mạnh sẽ ủng hộ ta như trước kia, hơn trước kia, để ta tiến lên tự trị, độc lập. Đó là con đường chắc chắn nhất, tuy chậm mà tránh được phiêu lưu, tránh được sự đàn áp tiêu diệt của địch sau cuộc khởi nghĩa hoặc thất bại ngay từ đầu hoặc chỉ thành công trong một lúc thôi. Con đường hoà bình là chậm mà chắc.

Một số đồng chí (tôi nhớ đâu là Tây, Phúc, Khuy, Xuân) rộ lên hỏi: “Chắc không?”. Chắc gì cái chính phủ Liên hiệp kháng chiến ở Paris đứng vững lâu dài để cho ta đi lên tự trị rồi từ tự trị lên độc lập? Chẳng thấy nội các Blum sống có mấy tháng rồi nhường chỗ cho nội các Chautemps, rồi Chautemps bị Daladier thay thế hay sao? Sao lại không nghĩ được rằng, đừng chim bồ ná, đừng cá quên nôm, bọn tư bản Pháp sẽ đuổi các ông bộ trưởng cộng sản ra khỏi chính phủ, quay qua một chính sách hữu, phản động? Hứa hẹn của De Gaulle trong chiến tranh thứ hai hơn gì hứa hẹn của A. Sarraut trong chiến tranh thứ nhất? Rồi thì sẽ khởi lỗ vố vế cả thôi. Đế quốc thì làm sao mất đi bản chất thực dân được! Con đường hoà

bình đi đến độc lập là ảo tưởng. Không khéo ta đi vào đường lối Phan Châu Trinh, tệ hơn nữa là đi vào vết xe của Bùi Quang Chiêu, của Phạm Quỳnh. Không chịu khởi nghĩa, tránh dùng vũ trang, thì đó là gì nếu không phải là rơi vào chủ nghĩa cải lương mới? (Lúc ấy tôi dùng chữ “néo-réformisme”). Chỉ có khởi nghĩa thì mới được độc lập tự do. Khởi nghĩa thành công rồi mới có cái thế để nói chuyện với chính phủ Paris. Trong việc giành độc lập tự do, tiếng nói có hiệu nghiệm hơn hết là tiếng nói của súng đạn, của bạo lực quần chúng.

Cú đánh trả này kể cũng khá trúng, khá đau. Mấy anh em phụ họa với tôi. Tây, Thạch, Kính đều khẳng định rằng, chính phủ kháng chiến Liên hiệp ở Pháp chỉ là tạm thời, nước Pháp vẫn là đế quốc thực dân, không thể trông cậy. Nhưng xem chừng như là cái ý kiến “chủ bài” để chống khởi nghĩa (quân Đồng minh sẽ can thiệp, đàn áp khởi nghĩa, đánh tan chính quyền cách mạng, ta không đánh bại nổi, mà chỉ có thể tan vỡ mà thôi, cuộc phiêu lưu sẽ dẫn đến thoái trào dài), con chủ bài đó vẫn ám ảnh nhiều đồng chí. Tôi vào cuộc tranh luận biết rằng mình được “vũ trang” bằng lịch sử cuộc khởi nghĩa tháng Mười Nga ở Petrograd, lịch sử ấy, ai thì không rõ chứ Trường thì thuộc lắm rồi, gọi đến đó thì anh hiểu ngay, hiểu hơn tôi nữa là khác. Tôi nhấn mạnh vào mấy ý sau đây:

- Làm gì có con đường hoà bình dẫn đến độc lập? Làm gì có chế độ xã hội chủ nghĩa mà không cần phải khởi nghĩa vũ trang lập chính phủ cách mạng của công nông? Theo lời của Stalin, đến khi nào hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa bao vây các nước tư bản thì khi ấy mới có khả năng cách mạng vô sản không cần bạo lực nữa, mà phải đến khi ấy mới có. Quan niệm của Đảng ta trước nay là, nếu không dùng bạo lực cách mạng, nếu không dùng khởi nghĩa vũ trang thì đế quốc thực dân sẽ tiếp tục thống trị nhân dân ta bằng bạo lực phản động. Có lẽ, đến khi bạo lực cách mạng, vũ trang khởi nghĩa của dân tộc thuộc địa và nửa thuộc địa thành công ở nhiều nơi và sức ủng hộ quốc tế của cách mạng giải phóng ở thuộc địa lớn mạnh, đều khắp, cho đến nỗi đế quốc thực dân không đàn áp xuể, không thể duy trì quyền lợi nếu không bỏ hình thức cai trị thuộc địa thì khi ấy ở xứ này, xứ nọ, chúng mới chịu trao trả “độc lập” cho dân tộc thuộc địa chăng? Chớ trước mắt thì không có khả năng đó. Và lại nếu có trao lại quyền “tự trị” thì bọn chủ đế quốc sẽ trao cho đám

tôi tớ tư bản địa chủ bản xứ lâu nay đã được chúng thuần dưỡng, thì cái đó làm sao gọi được là tự trị, tự chủ, độc lập được? Mà chúng ta, những người cách mạng vô sản, có thêm những “cửa quý” ấy bao giờ? Chương trình Brazzaville, tuyên bố Alger của De Gaulle đều là bịp; ngốc ngác lắm mới tin vào hứa hẹn của đế quốc. Nước Pháp sau chiến tranh vẫn còn là một nước đế quốc, một đế quốc bị tàn phá bởi chiến tranh nên càng cần phải có thuộc địa để xây dựng lại, một đế quốc bị nhục nhã vì chiến bại nên càng cần phải củng cố quyền lực ở các thuộc địa rải rác trên khắp thế giới, để tỏ ra mình vẫn là cường quốc, oai phong lẫm liệt như trước đây.

- Vấn đề cấp bách được đặt ra trước mắt chúng ta hiện giờ là: chúng ta có thời cơ và lực lượng để khởi nghĩa thắng lợi, để lập chính quyền cách mạng nhân dân do Đảng lãnh đạo thì chúng ta phải khởi nghĩa. Khởi nghĩa hay chần chờ? Hay đừng khởi nghĩa? Thời cơ, không phải năm nào cũng có; từ chiến tranh thế giới thứ nhất (1914-1918) đến giờ, non già 30 năm mới có một lần. Không thể bỏ qua, nhất là khi ta có lực lượng để giành chính quyền. Ta không chịu khởi nghĩa thì ta sẽ trả lời thế nào với đồng chí ta, với đồng bào ta; họ sẽ nói rất đúng là ta ngôn hành bất nhất, ai theo ta nữa, ta nói ai nghe? Bây giờ mà không chịu khởi nghĩa giành chính quyền thì ấy là từ bỏ vai trò tiên phong cách mạng của Đảng, là giảm lên nhiệm vụ lịch sử của Đảng, nói một cách huỵch toẹt ra, là phản bội chủ nghĩa Lenin, phản bội cách mạng, là đầu hàng chủ nghĩa quốc gia cải lương.

- Còn như bảo rằng, một thời gian ngắn sau khi ta khởi nghĩa giành chính quyền, thực dân Pháp sẽ trở lại, ra sức đánh đổ chúng ta, đánh đổ chính quyền nhân dân, chinh phục lại nước ta một lần nữa, tiêu diệt các lực lượng cách mạng, tàn sát nhiều lần hơn từ hồi cuối 1940, thì chúng ta hãy chú ý rằng:

Thứ nhất, không một ai trong chúng ta, trong số những đồng chí chủ trương khởi nghĩa, khờ khạo cho đến nỗi yên chí rằng ra khởi nghĩa giành chính quyền, tuyên bố Việt Nam độc lập thống nhất rồi thì, khi quân Anh, quân Pháp ở xứ ta, họ sẽ “chịu chết” trước tình thế “đã rồi” sẽ công nhận cái thực tế ấy. Không ai khờ khạo đến thế. Ai cũng biết trước

rằng Anh sẽ Ủng hộ Pháp, Pháp sẽ hết sức cố gắng để trở lại làm chủ Đông Dương cho dầu là bằng võ lực.

Thứ nhì, vậy thái độ ta phải thế nào? Có thể có hai, một là ta biết trước địch mạnh ta yếu, ta không làm khởi nghĩa nữa, mà chỉ tranh đấu đòi tự do dân chủ và cải thiện dân sinh mà thôi, (như hồi thời kỳ 1936-1938), hai là nhanh chóng khởi nghĩa giành chính quyền, lập nhà nước độc lập của Việt Nam, đến khi Anh vào, Pháp trở lại, chúng phải bị bắt buộc kể tới chính quyền dân tộc, ta có cái thế để mà nói chuyện với họ, ta có thời giờ (tuy ngắn) để mà tổ chức thêm lực lượng chính trị và vũ trang, hễ nó đánh thì ta nghinh chiến, có khi vừa nói chuyện vừa đánh, ta đánh càng mạnh thì nói chuyện càng dễ; bọn Pháp chưa được chuẩn bị nhiều và đủ trong lúc đầu thì ta càng có điều kiện để chuẩn bị thêm lực lượng kháng chiến.

Thứ ba, ta giành chính quyền rồi, ta bắt đầu chuẩn bị kháng chiến, thì, khi trở lại, để gì thực dân Pháp có thể bắt bớ chúng ta, tiêu diệt chúng ta? Đâu có dễ như vậy? Ai xui tay cho nó còng, cho nó xỏ sâu? Ta sẽ kháng chiến đến thắng lợi. Đâu có thể nói đến một cuộc tàn sát (của phía Pháp) như hồi cuối 1940, nhân lên gấp bội? Vì hồi 1940, ta khởi nghĩa thất bại, tinh thần đảng viên và quần chúng xuống; còn bây giờ ta khởi nghĩa thành công: tinh thần đảng viên và quần chúng lên cao; hồi đó nó càn ta chạy, bây giờ nó tới ta đánh, ta lại tìm nó mà đánh. Nhân dân, đồng bào được tổ chức, động viên hàng triệu lượt người để bảo vệ độc lập tự do đã giành được thì để gì nước Pháp chiếm lại nước ta, để gì thực dân Pháp bắt được cán bộ ta để mà tàn sát như bọn Versailles, tàn sát chiến sĩ Công xã hồi 1871. Paris là một thành phố, Việt Nam là một nước. Versailles thắng Paris Công xã, Pháp không trị nổi Việt Nam khởi nghĩa. Lấy Paris Công xã 1871 và Nam Kỳ khởi nghĩa 1940 làm tỷ dụ để ngăn cản khởi nghĩa tháng 8 năm 1945 là “rung cây nhát khỉ”, nhát khỉ được, nhát sao được mãnh hổ, nhát sao được người cách mạng triệt để kiên quyết là chúng ta? Để gì một đế quốc Pháp già cỗi và suy sụp bởi chiến tranh với Đức, có thể chịu đựng nổi cuộc kháng chiến của ta, cuộc kháng chiến này có thể sẽ lâu dài, đẫm máu mà vô cùng tốn kém, chắc chắn Việt Nam cuối cùng sẽ thắng lợi như ông cha ta đã đánh bại quân Minh ngày nào.

Tôi thấy anh em chủ trương khởi nghĩa vững bụng trở lại.

Tôi thấy anh Nguyễn Văn Tạo đầu hôm tới giờ ngồi hút hết điếu thuốc này đến điếu thuốc khác, im thin thít, chẳng nói chẳng rằng, không phải như ông Phật trên toà sen, cũng không phải như ông Gióng trong nôi. Tạo không có ý kiến gì, cứ nghe, và khi giải lao, Tạo nói nhỏ với Trấn (Tạo với Trấn có bà con xa xa với nhau): “Coi chừng Nhật Bản nó chém ngang lưng, đau lắm nghen!”. Ý muốn bảo rằng ta khởi nghĩa thì Nhật sẽ can thiệp đàn áp ta. Nhưng Tạo chỉ nói nhỏ với Trấn, Trấn nói nhỏ lại với tôi, nên ý đó của Tạo chưa thành vấn đề thảo luận lần này.

Hai “phe”, mà có hai phe thật, nói cho đúng, có tới ba, bên này thì khởi nghĩa, bên kia thì không khởi nghĩa, ở giữa có mấy anh lưng chừng chưa quyết, giống y như trong Quốc hội Pháp hồi 1789-1793, có phe “núi” (Montagne), phe “đồng” (Plaine) và phe chính giữa là phe “bưng” (Marais) vậy!

Nguyễn Văn Nguyễn nói thêm; anh lưu ý các đồng chí rằng từ sau cách mạng tháng Mười Nga, cho đến chiến tranh thế giới thứ hai không có cách mạng thành công trong nước nào hết. Tội để quốc thấy cách mạng nổi lên ở đâu thì xúm lại đánh cho đến chết, ngay cách mạng Tàu cũng ị ạch hết sức mà đã tới đâu đâu! Chú Mao vẫn còn ở trong thâm sơn cùng cốc của biên khu Tấn Sát Ký[8], cách Bắc Kinh, Nam Kinh, Thượng Hải hàng ngàn dặm hay ở thôn quê Giang Tô, Giang Tây. Trong thời kỳ cuối của chiến tranh thứ hai này, có mấy nước lập được chính quyền cách mạng nhân dân trước hết là nhờ có Hồng quân Liên Xô kéo vào, không có Hồng quân thì cũng chẳng làm gì nên. Tôi (Nguyễn) cho rằng: sát biên giới, chung biên giới với Liên Xô thì cách mạng và khởi nghĩa mới có hy vọng thắng lợi mà cũng chưa chắc. Huống chi cách mạng Việt Nam hiện nay, nếu thành công, thì cô lập dữ lắm về mặt địa lý, Liên Xô thì quá xa mà Hồng quân Tàu còn trong vùng Diên An, trong mấy khu Giang Tô, thì có cách nào hỗ trợ cho chúng ta đâu? Việt Nam cách mạng sẽ bị Pháp đập chết đã đành mà còn bị tất cả các nước đế quốc tư bản, chắc gồm cả Tàu Tưởng nữa, hiệp nhau mà đập thì liệu ta tồn tại được không? Tồn tại thế nào được? Phải nghĩ kỹ, đừng phiêu lưu mà chết; chết ta không

sợ, chỉ sợ lực lượng cách mạng bị phá tan bởi thực dân Pháp, đồng thời bởi phản động quốc tế liên hiệp nhau.

Nguyễn hỏi thẳng tôi: “Vậy nếu Anh, Pháp đánh ta thì ta lấy sức gì để mà đánh lại?”. Tôi bèn trả lời ngay: “Lấy cái sức của nhân dân đã khởi nghĩa thành công để mà kháng chiến; đồng minh quốc tế của ta chắc sẽ nhiều, kể cả nhân dân Pháp”.

Tôi ngại là lập luận của Nguyễn (và Trường) có thể làm lung lay tư tưởng một số anh em, vì sự thật quả có như vậy, như Nguyễn đã nói, giữa hai cuộc chiến tranh thế giới, mặc dù có sự hô hào sôi nổi của Quốc tế Cộng sản, không có cách mạng thành công ở nước nào hết, các cuộc khởi nghĩa đều thất bại, khởi nghĩa Java, khởi nghĩa Quảng Châu, khởi nghĩa Hambourg, v.v... và v.v.. mãi đến cuối 1944/1945, Hồng quân Liên Xô mới giải phóng được mấy nước Trung Âu và ở đó nếu không có mặt của Hồng quân hay tác động trực tiếp của Hồng quân thì cũng không chắc có cách mạng giải phóng thắng lợi. Sự thật cho đến hôm nay đúng là như vậy. Song nếu lập luận kiểu Nguyễn, Trường thì, nước nào, dân nào ở xa Liên Xô phải bó tay chịu chết hay sao? Đâu có lý như vậy? Xa hay gần Liên Xô, hẳn là quan trọng, nhưng gần như Phần Lan thì cách mạng đã nổi lên ở đâu; còn xa như Việt Nam, khi có điều kiện khởi nghĩa cách mạng sao lại không dám làm? Ta không thật sự là cô lập, lẻ loi đâu. Việt Nam khởi nghĩa giành độc lập thành công sẽ là tấm gương sáng cho các dân tộc thuộc địa, là tiếng gọi những người “đồng bệnh” ấy cùng đứng lên, trước hết là ở thuộc địa Pháp. Có lẽ đang có và chắc chắn sẽ có nhiều cuộc khởi nghĩa giành độc lập tại Phi Châu, Á Châu. Thế giới thuộc địa sẽ như một biển lửa, đó là đồng minh đáng tin cậy của ta. Đảng Cộng sản Pháp hùng mạnh chắc sẽ ủng hộ ta. Đế quốc Pháp và các đế quốc thực dân sẽ bị căng ra như căng nọc cả bốn tay chân để mà chịu đòn cách mạng từ khắp bốn phương trời, chúng chắc không rảnh rang mà tập trung đánh một mình Việt Nam ta đâu. Còn Liên Xô và các nước được Hồng quân Liên Xô giải phóng thì, khởi phải nói, nhất định sẽ đứng về phía ta, họ ở xa mà tiếng nói của họ có sức nặng quốc tế. Cách mạng chúng ta cuối cùng sẽ chiến thắng. Nay ta phải kịp khởi nghĩa, đến một lúc, không còn khởi nghĩa được nữa, chúng ta sẽ có tội với lịch sử. Cách mạng ở mỗi nước là sự nghiệp của nhân dân nước ấy

trước hết. Ta không đợi chờ ai giải phóng cho ta cả, ta không chờ, chờ được giải phóng thì sẽ không khi nào được giải phóng. “Ta giúp ta thời trời mới giúp ta”- người Tây phương nói như vậy là đúng.

Tôi trông thấy rõ số đông anh em tán thành lập luận của tôi.

Rồi tôi dùng tỷ dụ lịch sử đập lại luận điểm không chịu khởi nghĩa của Nguyễn, Trùng, hai anh này đã dùng lịch sử đánh lại chủ trương khởi nghĩa; hai anh này đã gán cho tôi cái danh hiệu “phiêu lưu”, “thiêu cận”, “thiêu thân” (và cái gì nữa) thì, nhịn nhục nào đi nữa tôi cũng trả cho hai anh một cái danh hiệu gì mà chữ dùng không do tôi đặt ra, chữ đó do Lenin nói lên hồi tháng 11 năm 1917, để chống Zinoviev, Kamenev là những người phản đối chủ trương khởi nghĩa vũ trang của Lênin. Hồi đầu tháng 10 năm 1917, trong khi Lênin chủ trương phải khởi nghĩa liền thì một số uỷ viên Trung ương Thường vụ nổi tiếng giỏi lý luận, đảng viên kỳ cựu, đã chủ trương là không nên khởi nghĩa mà nên chờ đợi cuộc họp Đại hội các Xô viết, chờ đợi cuộc họp Quốc hội lập hiến rồi sau sẽ tính. Kamenev, Zinoviev tính rằng Đảng Bôn-sơ-vích sẽ được đa số trong đại hội các Xô viết và như thế ta (đảng Bôn-sơ-vích) sẽ nắm chính quyền một cách hoà bình, không cần phải khởi nghĩa vũ trang. Lenin gọi Kamenev, Zinoviev và những ai theo họ là “những phần tử mệt mỏi”, Lênin nói rằng: những phần tử mệt mỏi thường xuất hiện ở những khúc quanh lịch sử. Từ ngữ “mệt mỏi” nhẹ hơn từ ngữ “phiêu lưu, thiêu thân”.

Ở xứ ta, ở Nam Kỳ nay cũng có những “phần tử mệt mỏi” đó; họ bảo “không nên khởi nghĩa”, “khởi nghĩa là chết”, họ gieo rắc sự hoài nghi, họ làm lung lay tan rã tình đồng chí và quần chúng, họ đặc biệt nguy hiểm khi họ là những nhà cách mạng kỳ cựu, có lý luận chẳng kém gì Zinoviev, Kamenev. Không biết Trùng, Nguyễn phải là những “phần tử mệt mỏi” không, nhưng chắc chắn là các anh xa công tác thực tế, xa quần chúng từ nhiều năm rồi. Họ gây hoài nghi, hoang mang; mà, lập luận của họ khốn thay, không phải là không có cơ sở nào: quân Anh sắp vào Sài Gòn là chắc chắn có quân Pháp theo “ăn có”.

Khuya quá rồi. Nói mệt, mà nghe càng mệt. Hội nghị tạm ngưng. Anh em ăn cháo gà. Chợp mắt một chút. Đến sáng, sau một bình trà đậm, lại tiếp

tục cãi nhau. Sáng ngày 17, tôi sốt ruột hết sức. Như thế là khả năng “bấm nút” cho khởi nghĩa Sài Gòn nổ ra đêm 17 thì xem như không còn nữa. Huỳnh Văn Tiểng, ở nhà (6 Colombert) chắc càng sốt ruột hơn tôi. Tôi hy vọng sáng 17 giải quyết thì chiều 18 có thể “bấm nút” được.

Sáng 17, trong cuộc thảo luận tiếp, không có gì mới. Hai phe “núi” và “đồng” giữ vị trí cũ; phe “bưng” vẫn còn.

Cuối cùng tôi định phá vỡ sự bế tắc bằng một câu hỏi nhất thiết phải trả lời và hễ trả lời thì tức là hẹn phải khởi nghĩa. Hỏi rằng, nếu trong mấy ngày này mà Hà Nội khởi nghĩa, ngoài Bắc khởi nghĩa, thì Sài Gòn phải làm gì? Trong Nam phải làm gì? Ta khởi nghĩa, hưởng ứng các đồng chí ta, hay cứ bảo rằng anh em Hà Nội, anh em ngoài Bắc “phiêu lưu”, họ không nắm vững tình hình thế giới, rồi ta cứ ngồi ngó?

Phe chống khởi nghĩa lúng túng rõ như bị tấn vào vách tường. Thấy vậy, tôi “cười trong bụng”. Té ra câu hỏi đó đơn giản mà lại có kết quả to lớn.

Còn tất cả các đồng chí khác, kể cả phe “bưng” đều trả lời: trường hợp đó thì không còn do dự gì nữa, nhất định chúng ta sẽ phải khởi nghĩa tiếp theo thôi!

Tôi đưa ra kết luận tạm thời hôm nay và mọi người đều đồng ý là:

Chưa quyết định ngày khởi nghĩa, nhưng nắm vững quan điểm phải khởi nghĩa. Ủy ban khởi nghĩa, Xứ ủy, Thành ủy các tỉnh có nhiệm vụ cần kíp, khẩn trương, là hoàn chỉnh sự chuẩn bị lực lượng vũ trang xung phong và hoàn chỉnh sự chuẩn bị động viên lực lượng đạo quân chính trị, phát triển mặt trận Việt Minh thật nhanh chóng có thể bao gồm thêm nhiều cánh tả của những tổ chức quốc gia, tôn giáo, đẩy phong trào quần chúng lên đến mức cao nhất làm nền cho một cuộc khởi nghĩa nhân dân to lớn nhất trong lịch sử Nam Bộ.

Theo dõi rất sát tình hình miền Bắc, tình hình Hà Nội, từng ngày từng giờ. Hễ được tin Hà Nội khởi nghĩa thì Sài Gòn và Nam Bộ khởi nghĩa ngay. Nhận xét rằng nếu Hà Nội khởi nghĩa thì chắc phải khởi nghĩa trong mấy ngày này thôi, không trễ được, trễ thì quân Tàu Tưởng chỉ còn

mấy bước thì vào biên giới; khi quân Tàu Tưởng vào tới Hà Nội thì không còn khởi nghĩa được nữa. Cho nên, các thành viên của hội nghị Chợ Đệm trừ một ít, phải túc trực ở Sài Gòn và chung quanh Sài Gòn để họp lại, lấy quyết định cuối cùng về khởi nghĩa và chỉ định Ủy ban hành chánh lâm thời Nam Bộ.

Trong lúc chờ đợi thì “Việt Minh ra công khai”. Thanh niên Tiền phong ban xí nghiệp lấy lại tên Tổng Công đoàn, làm thành viên độc lập của Mặt trận Việt Minh. Thanh niên Tiền phong và đoàn Tân Dân Chủ chính thức tuyên bố là thành viên Mặt trận Việt Minh.

Các đảng bộ toàn Nam Bộ sẵn sàng chờ lệnh khởi nghĩa.

Hội nghị Chợ Đệm tạm ngừng. Tôi đạp xe về Sài Gòn.

Bọn tôi trong Ủy ban khởi nghĩa gấp rút hoàn chỉnh sự chuẩn bị khởi nghĩa ở Sài Gòn - Chợ Lớn với lòng tin chắc rằng nay mai đây thôi tin khởi nghĩa ở Bắc sẽ tới. Không thể không tới. Tiểng nói với tôi: ý kiến khởi nghĩa ngay không toàn thắng ở hội nghị Xứ uỷ mở rộng, xét cho cùng chúng ta không mất gì, nếu có mất gì là mất cái danh dự khởi nghĩa trước hết trong nước. Tôi đỡ lời: Nghe nói anh em ngoài Bắc đã khởi nghĩa từng phần từ mấy tháng nay rồi; bây giờ là tổng khởi nghĩa trên cả nước; cốt cho toàn thắng, không cốt ở trước sau.

Đoạn tiếp theo...

Chú thích của người biên tập

1 Colombert: Nay là đường Thái Văn Lung (song song với đường Hai Bà Trưng, nối liền Lý Tự Trọng với Nguyễn Siêu).

2 Dinh Khâm sai: Tòa nhà hiện nay là Viện bảo tàng Thành phố Hồ Chí Minh, ở đường Lý Tự Trọng (góc đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa). Xây xong năm 1890 để triển lãm sản phẩm Nam Kỳ, sau đó trở thành Dinh thống đốc (Pháp, rồi Nhật: đây chính là dinh Minoda mà Hồi ký Trần Văn Giàu nói tới). Ngày 14-8-45, Nhật giao cho chính quyền Trần Trọng Kim để làm Dinh Khâm sai (đại diện chính quyền ở Nam Bộ) cho Nguyễn Văn

Sâm. Mười một ngày sau, nó trở thành trụ sở của Ủy ban hành chánh lâm thời Nam Bộ (mà Trần Văn Giàu làm chủ tịch). Khi quân đội Anh đổ bộ vào Sài Gòn, nó trở thành trụ sở của Phái bộ Đồng Minh, rồi Cao ủy cộng hòa Pháp (tướng Leclerc đóng ở đây). Năm 1947, thực dân Pháp trao cho Lê Văn Hoạch làm dinh thủ tướng Nam Kỳ Quốc. Năm sau, Nam Kỳ Quốc nhường chỗ cho Quốc Gia Việt Nam, tòa nhà trở thành Dinh tổng trấn, rồi Dinh thủ hiến (Trần Văn Hữu). Chính tại đây, ngày 9.1.1950, hàng ngàn học sinh sinh viên Sài Gòn đã biểu tình, bị chính quyền Trần Văn Hữu đàn áp, học sinh Trần Văn Ơn bị tử thương, dẫn tới “đám tang trò Ơn” khổng lồ ngày 12.1.1950 và cuộc bãi khóa lan rộng ra Huế và Hà Nội. Bảo Đại đặt tên dinh này là Dinh Gia Long. Thời Ngô Đình Diệm, nó trở thành Dinh Quốc khách, nhưng năm 1962, Dinh Độc Lập (Norodom cũ) bị ném bom, phủ tổng thống phải chuyển về đây cho đến ngày anh em Diệm Nhu bị lật đổ và giết chết (2.11.1963).

3 Tòa đốc lý: tòa thị sảnh (chính), nay là trụ sở Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

4 Dinh tham biện: Sở thanh tra (Inspection), sau trở thành Tòa Hành chánh Gia Định, nay là Ủy ban Nhân dân Quận Bình Thạnh.

5 Đại lộ Charner và đại lộ Bonard: Đại lộ Nguyễn Huệ và đại lộ Lê Lợi.

6 Đại lộ Norodom: trở thành đại lộ Thống Nhất, nay là đại lộ Lê Duẩn.

7 Catinat: đường Tự Do, nay là đường Đồng Khởi.

8 Tấn Sát Ký: biên khu ở ranh giới các tỉnh Sơn Tây – Sát Cáp Nhĩ – Hà Bắc

Hồi Ký

1940-1945

Trần Văn Giàu

Phần V

TỔNG KHỎI NGHĨA THÀNH CÔNG:

KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP BẮT ĐẦU

(tiếp theo)

4. Ta tập hợp lực lượng yêu nước.

Sự phân hoá của các lực lượng chính trị thân Nhật

ở Sài Gòn sau khi Nhật đầu hàng.

Sự thành lập nhanh chóng và sự tan vỡ cấp kỳ

của “Mặt trận Quốc Gia Thống Nhất”.

Nhật đầu hàng thì lãnh tụ các đảng, các phái thân Nhật hoang mang tợn; tuy việc đầu hàng đó, họ đã cầm chắc từ sau khi Đức hạ khí giới, mà sự hoang mang cứ làm cho họ luống cuống vô cùng: họ không biết phải làm gì; họ không làm gì được. Một phần họ lo cho đất nước sẽ bị Pháp trở lại thống trị, mà phần lớn họ lo cho tương lai của họ là những người đã hợp tác với Nhật, đã giúp Nhật trong chiến tranh, nếu Pháp trở lại thì một số nào đó sao khỏi bị ông chủ cũ trừng trị bằng cách này hay bằng cách khác. Chớ còn quần chúng của các đảng phái đó thì có lo chi, hễ thấy đảng nào, mặt trận nào chân chính yêu nước và có sức mạnh thì ngả theo, mà trong thời thế này, thì Đảng Cộng sản và Mặt trận Việt Minh là những tổ chức được nhân dân đặt nhiều hy vọng vào nhất. Trong cái thế ấy, một thế rối và khó, các đảng phái và phái thân Nhật ở Sài Gòn vận động lập “Mặt trận Quốc Gia Thống Nhất” vào ngày 14/8/1945.

Mặt trận Quốc Gia Thống Nhất bao gồm:

- Đảng Quốc gia Độc lập (đảng của ông Quyền Khâm sai HỒ Văn Ngà)
- Liên đoàn Công chức (của nhà cầm quyền tổ chức từ khi có chính phủ Trần Trọng Kim).
- Cao Đài Trần Quang Vinh.
- Hoà Hảo.
- Đảng Quốc gia.

Mặt trận Quốc gia Thống nhất phát hành một bản Tuyên ngôn; bản Tuyên ngôn đó nói:

“Giờ cực kỳ nghiêm trọng sắp đến. Nước Việt Nam sắp phải qua giai đoạn lịch sử mới. Nước nhà còn mất cũng trong lúc này. Số mạng của dân tộc Việt Nam đã đến giờ định đoạt. Sự định đoạt một phần lớn ở nơi sự tuyên dương ý chí của dân tộc và sự cương quyết tranh đấu của người Việt Nam...

Chúng ta kiên quyết chống đế quốc chủ nghĩa xâm lăng, nhất định không cho ai đụng đến quyền của người Việt Nam ở đất nước Việt Nam”.

Khẩu hiệu của Mặt trận Quốc Gia Thống Nhất là:

- Chống đế quốc Pháp.
- Chống nạn ngoại xâm.
- Bảo vệ trị an.
- Bài trừ phản động...

Khỏi phải nói rằng “Mặt trận Quốc Gia Thống Nhất” ủng hộ ông Quyền Khâm sai HỒ Văn Ngà và đón rước long trọng Khâm sai Đại thần Nguyễn Văn Sâm từ Huế vào nhận chức. Phân tích bản Tuyên ngôn của

họ, tôi lưu ý anh em tới khẩu hiệu “bảo vệ trị an”. Bảo vệ trị an là chống lại những ai chống chính quyền hiện tại. Mấy hôm rày Nhật vừa “trao trả Nam Kỳ” cho triều đình Huế, như vậy là “đế quốc Việt Nam” độc lập, thống nhất rồi, họ muốn bảo vệ cái chính quyền này. Mà chúng ta (Cộng sản, Việt Minh) thì chủ trương đánh đổ nó. Thế nghĩa là khẩu hiệu “bảo vệ trị an” chắc hàm ý là nhằm vào cách mạng đang dấy lên. Ta phải đề chừng, cảnh giác. Nguyễn Văn Sâm về tới Sài Gòn thì việc thứ nhất của y là lo củng cố cảnh sát, công an, quân đội. Nhưng tôi cũng lưu ý anh em rằng đó là ý thức chính trị của các lãnh tụ Mặt trận quốc gia muốn bảo vệ chính quyền sẵn có, chớ còn quần chúng thì quan tâm gì đến cái bọn tai to mặt lớn lâu nay theo Pháp, theo Nhật? Quần chúng thì chỉ muốn chống đế quốc Pháp, chống ngoại xâm, tất cả sẽ đi với ta, với Đảng Cộng sản, với Việt Minh là những tổ chức lâu nay có lịch sử cách mạng đáng tin cậy.

Có điều đáng chú ý là cuộc biểu tình chính trị do Mặt trận Quốc Gia Thống Nhất tổ chức ở Sài Gòn sau ngày 14 đã huy động được trên dưới 100.000 người là chí ít, đi từ đại lộ Norodom, qua Chợ Mới, xuống giải tán ở cầu Ông Lãnh. Có báo ước tính 200.000 hay hơn nữa. Các đồng chí trong Thành uỷ hỏi tôi: “Thế nghĩa là gì?”.

Nghĩa là:

- Các tổ chức tự gọi là quốc gia ở Sài Gòn không phải không kêu gọi được quần chúng khi họ nêu khẩu hiệu độc lập dân tộc. Chúng ta chớ chủ quan.
- Khẩu hiệu “chống đế quốc Pháp trở lại”, “chống ngoại xâm” có sức động viên lớn.
- Ta chưa ra quân thì quần chúng còn nghe kẻ khác. Ta ra quân thì quần chúng sẽ đi về ta, và một số các tổ chức trong Mặt trận quốc gia sẽ đi về với Việt Minh, bởi vì ta có thế hơn, và có uy tín lớn nhất ở đất Sài Gòn này.

Quả thật, tiếp theo sự tập hợp lập tức có sự phân hoá trong Mặt trận quốc gia.

“Cao Đài thống nhất 12 phái” ở Hậu Giang ngã về ta từ ít lâu nay. Tình độ cư sĩ và đảng Quốc gia (khác với đảng Quốc gia độc lập) cũng vậy. Trong đảng Quốc gia độc lập, một cánh tả hình thành, kỹ sư Ngô Tấn Nhơn vừa mới được Khâm sai cử làm giám đốc công an, cảnh sát, nguyên là người của phong trào học sinh thời 1930-1931, đi lạc đường, bây giờ đã trở lại rồi. Liên đoàn công chức có nhiều đoàn viên Thanh niên Tiền phong, nên quyết định đổi tên là Liên đoàn Công chức Cứu quốc. (Tên “công chức cứu quốc” này do Thành uỷ đề nghị.) “Nhóm trí thức” Trốt-kít thì vẫn triệt để chống Việt Minh, chống cộng sản đê tam.

5. Việt Minh “ra công khai”

Từ sáng ngày 18, người ta thấy trước nhà Phạm Ngọc Thạch 1 treo cờ đỏ búa liềm, thấy ở nhà hàng “Ánh Long” treo cờ đỏ, sao vàng. Tiếng dội mạnh trong thành phố. Treo cờ đỏ ở nhà hàng Ánh Long, cơ quan liên lạc của Thành uỷ, việc treo cờ này do Thành uỷ chủ trương. Nhà hàng Ánh Long khách đông lắm. Còn ở nhà Phạm Ngọc Thạch thì ông chủ nhà tự ý mà làm, không xin phép Đảng, ông bác sĩ này làm “một chuyện đã rồi” trước ngày tuyên thệ lần thứ hai của Thanh niên Tiền phong, tập hợp ở vườn ông Thượng, sáng ngày 19 tháng 8 năm 1945. Tôi phê bình ông, ông cười trừ. Chẳng lẽ treo lên rồi bây giờ hạ xuống. Thạch tự làm lộ ra là cộng sản. Thực ra cũng không ai lấy gì lạ lắm từ ngày anh đọc diễn văn tuyên thệ đề cao Minh Khai, Hà Huy Tập.

- Ngày 19, như đã báo trước cách mấy hôm, Thanh niên Tiền phong làm lễ tuyên thệ lần thứ hai. Cuộc lễ này tập hợp hơn 50.000 Thanh niên Tiền phong (không kể chừng ấy đồng bào đi dự ngoài hàng ngũ), tổ chức thành đội ngũ hằn hoi, xem như đơn vị nửa quân sự. Không có chánh đảng nào ở Sài Gòn, có một tổ chức nửa quân sự đông đảo, hùng dũng và kỷ luật như vậy. Diễn văn của Phạm Ngọc Thạch hôm đó, công khai đặt Thanh niên Tiền phong vào chỗ làm thành viên đặc lực của Việt Nam độc lập đồng minh, quyết đấu tranh cho độc lập tự do của dân tộc, và hô hào một triệu Thanh niên Tiền phong Nam Bộ sẵn sàng hy sinh vì Tổ quốc.

Tại rạp hát Nguyễn Văn Hảo, liên tiếp tổ chức hai cuộc mít tinh. Cuộc thứ nhất cho diễn giả cộng sản Nguyễn Văn Tạo rất quen thuộc với

công chúng Sài Gòn nói về Nguyễn An Ninh. Cuộc mít tinh được đặt dưới quyền chủ tọa danh dự của đồng chí thợ máy Tôn Đức Thắng, lúc đó còn ở tù ở Côn Lôn. Tại cuộc mít tinh này vang lên khẩu hiệu: “Việt Nam muôn năm”. Cuộc thứ hai do Liên đoàn công chức cứu quốc, hôm đó đồng chí Bí thư Xứ uỷ công khai giới thiệu Việt Nam độc lập đồng minh, tức Việt Minh. Cuối cuộc họp vang lên khẩu hiệu: “Chánh quyền về Việt Minh!”.

Báo Điện tín trong bài “Việt Minh là gì?” kể lại:

“Lần đầu tiên ở Nam Bộ, được nghe tiếng “Vạn tuế Việt Minh” là sau lễ truy điệu nhà chiến sĩ cách mạng Nguyễn An Ninh tại rạp Nguyễn Văn Hảo đêm 20 tháng 8. Tiếng hoan hô ấy chính thính giả tung lên chứ không phải diễn giả. Tuy không công khai nhưng đêm ấy, hai diễn giả Nguyễn Văn Tạo và Huỳnh Tấn Phát đã vạch rõ chương trình hành động của Việt Minh.

Rồi đêm 21 tháng 8, trong cuộc diễn thuyết do công chức cứu quốc đoàn cũng tổ chức tại rạp hát Nguyễn Văn Hảo, chiến sĩ cộng sản Trần Văn Giàu mới công khai giải thích rõ Việt Minh là gì, thế nào gọi là Việt Minh. Thì ra, Việt Minh không phải là một đảng. Nó là một mặt trận, nó là tên viết tắt của 6 chữ Việt Nam độc lập đồng minh. Diễn giả nói:

Lại có người hỏi: “Việt Minh có phải là Đảng Cộng sản trá hình chăng?”. Không! Đảng Cộng sản không trá hình, người cộng sản luôn tranh đấu dưới cờ đỏ, búa liềm. Như vậy, Việt Minh không phải Đảng Cộng sản mà Đảng Cộng sản là trụ cột của Việt Minh.

Tại sao? Bởi vì Đảng Cộng sản nhận định rằng không phải một mình Đảng đem lại sự độc lập cho Việt Nam. Cần phải có nhiều đồng bào, nhiều chánh đảng yêu nước tham dự. Và lại, Đảng Cộng sản không bảo rằng mình có độc quyền về yêu nước. Nước là của dân, dân yêu nước; trong nước có nhiều tổ chức yêu nước. Xét như vậy, Đảng Cộng sản mới kêu gọi tất cả các đảng phái yêu nước, tất cả dân chúng liên hiệp lại làm một mặt trận để chống bọn đế quốc xâm lăng, để mưu đồ cuộc độc

lập hoàn toàn cho nước nhà. Mặt trận ấy là Việt Nam độc lập đồng minh tức Việt Minh”.

Không biết có nơi nào ngoài Sài Gòn, đưa ra khẩu hiệu “chính quyền về Việt Minh” không? Khi ở Sài Gòn tụi tôi đưa ra khẩu hiệu này vì tụi tôi nhớ đến khẩu hiệu của Lenin khi giành chính quyền ở Petrograd trong khởi nghĩa tháng Mười “Tout le pouvoir aux Soviets”. Ảnh hưởng rất lớn.

- “Thanh niên Tiền phong ban xí nghiệp” tuyên bố lấy lại tên Tổng Công đoàn và tuyên bố đem hơn 300 hội cơ sở và 120 ngàn đoàn viên của mình chánh thức làm thành viên của Việt Minh. Vì sao có chủ trương này? Một tháng trước công hội lấy danh nghĩa Thanh niên Tiền phong đang hoạt động công khai gần như là hợp pháp, để chính mình hoạt động công khai mạnh mẽ, phát triển nhanh. Còn bây giờ thì lấy lại tên Công hội để làm thành viên độc lập trụ cột của Việt Minh, công khai đi đầu phong trào, biểu hiện vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân trong phong trào yêu nước.

- “Tân Dân chủ đoàn” là tổ chức chính trị của trí thức, sinh viên với những người có tên tuổi như Huỳnh Văn Tiểng, Huỳnh Tấn Phát v.v... cũng tuyên bố là thành viên chính thức của Việt Minh.

- Việt Minh mở cuộc đàm phán với Mặt trận Quốc Gia Thống Nhất, và ngày 20, Mặt trận Quốc Gia Thống Nhất ra thông cáo trước nhân dân rằng: Mặt trận Quốc Gia Thống Nhất đồng ý hợp tác với Việt Nam độc lập đồng minh, dưới ba khẩu hiệu:

Thứ nhất: Việt Nam hoàn toàn độc lập.

Thứ nhì: Chánh thể cộng hoà.

Thứ ba: Chính quyền về Việt Minh.

Hơn nữa, Mặt trận Quốc Gia Thống Nhất xin sáp nhập vào Việt Nam độc lập đồng minh; việc đó còn xét lại, để từng đoàn thể gia nhập thì phải hơn.

Ở Sài Gòn dư luận hết sức sôi nổi, mong đợi Việt Minh nắm chính quyền, cho rằng chính quyền về Việt Minh thì thuận hơn hết với thời thế và với nhân dân.

Từ Hà Nội, tin tức không chính thức, nhưng là tin tức sở Bưu điện đã được truyền ra là Việt Minh đã nắm chính quyền ở Hà Nội từ hôm qua ngày 19.

Sáng sớm 21 bọn tôi lại kéo nhau đến Chợ Đệm họp cuộc hội nghị lần thứ hai.

Buồn cười là mấy hôm rày, trong lúc Ủy ban khởi nghĩa và Thường vụ Xứ uỷ hoàn thành mọi chuẩn bị để “bấm nút” cho cuộc khởi nghĩa nổ ra ở Sài Gòn và Nam Bộ, thì Phạm Ngọc Thạch đem lại cho tôi một bức điện từ Huế gửi vô mời Phạm Ngọc Thạch, Trần Văn Giàu và Huỳnh Văn Phương “lai kinh” để cùng bàn chuyện lập “nội các mới”, “nội các cứu quốc”. Thạch và tôi cười xoa rồi cất bức điện vào tập hồ sơ “đã xem”. Tôi không rõ ông nào gửi bức điện này, Hồ Tá Khanh? Anh ấy là bộ trưởng nội các Trần Trọng Kim đã từ chức, Tạ Thu Thâu? Ông giáo nhà báo này ít lâu nay lèo lái gì ở Huế, không rõ. Chứ còn ở ngoài ấy mà biết tôi là ai, ở Sài Gòn?

6. Hội nghị Chợ Đệm lần thứ hai và lần thứ ba

Ngày 21, lại họp hội nghị Xứ uỷ mở rộng với các thành phần đúng như kỳ trước. Vào hội nghị, tôi chắc là kỳ này mọi việc đều sẽ được thông qua nhanh chóng trong vài tiếng đồng hồ. Tôi đề nghị là đêm 22 khởi nghĩa ở Sài Gòn, sáng 23 biểu tình chính trị vũ trang của non già một triệu người ở Sài Gòn hoan nghênh một danh sách của Ủy ban hành chánh lâm thời; sau 23 thì, trong một vài ngày, khởi nghĩa nổ ra ở các tỉnh theo hình mẫu của khởi nghĩa Sài Gòn. Mọi vấn đề sẽ được giải quyết trong buổi sáng 21 này, trưa 21 có thể chia tay, ai về địa phương nấy, thi hành nghị quyết, có đủ thì giờ để truyền lệnh đến cơ sở, đơn vị, trong ngày 21, đêm 21 đến ngày 22 và đêm 23 thì huy động các lực lượng khởi nghĩa trong và quanh Sài Gòn, làm cuộc khởi nghĩa thành công. Tôi hoàn toàn không dè là các anh Trường, Nguyễn vẫn cứ cản trở cuộc khởi nghĩa; lần này Tạo ra

mặt “tham chiến” bên phía Trùng, Nguyễn. Ba anh đều cho rằng: Ta đánh ngụy, lật ngụy thì không khó gì lắm, chắc thắng được nhưng thế nào quân Nhật cũng can thiệp, cũng chống lại khởi nghĩa, bản chất của quân phiệt là chống cách mạng nhân dân, và, hơn nữa đế quốc Anh chiến thắng bắt buộc Nhật phải chống cách mạng nhân dân. Ta không thể nào đánh thắng được, ta không thể nào khởi nghĩa thành công được. Ở Bắc thì tình hình ra sao ta không rõ, chớ trong Nam quân Nhật đông lắm. Nó can thiệp thì ta không chọi lại nổi với nó. Ta chỉ có thể thất bại mà thôi. Không thể tin vào hứa hẹn trung lập của tướng lãnh Nhật (ý muốn nói hứa hẹn của Terauchi với Phạm Ngọc Thạch).

Nhiều anh em ngơ ngác. Quái thật! Ba ông này cứ làm kỳ đà cản mũi hoài!

Thạch nổi nóng lên: Nói như mấy anh thì chẳng bao giờ có cách mạng hết; không Pháp thì Nhật, hết Nhật rồi Anh, kiếp nô lệ biết đời nào xong? Pháp thì có lúc nó mạnh, có lúc nó yếu. Nhật thì lúc Nhật hưng, Nhật thắng, có lúc nó suy, nó thua. Hồi 1940, nếu ta khởi nghĩa giành chính quyền thắng lợi ở Sài Gòn thì chắc chắn là Nhật đã cứu Pháp, đánh chính quyền cách mạng. Nhưng bây giờ Nhật thua trận, đầu hàng rồi; một mặt nó mất tinh thần dữ lắm, kêu khóc, tuyệt vọng, làm harakiri, bán súng đạn lấy tiền uống rượu giải sầu, hoặc bị động chờ ngày về Nhật với vợ con, sĩ quan cao cấp thì chờ ngày bị đem ra treo cổ; mặt khác, quân Nhật từ lính tới quan đều nuôi một mối hận thù ngất trời đối với Mỹ, Anh, với Pháp nữa, họ rất ghét phương Tây da trắng. Ta đừng xem nhẹ cái tâm hồn dân tộc chủ nghĩa ấy. Nếu chúng ta làm cách mạng bây giờ thì người Nhật, ít nhất là người Nhật ở đây, sẽ không thấy ở cách mạng của ta là một kẻ thù của họ, mà trái lại, họ có thể thấy cách mạng của ta một lực lượng đương đầu với bọn địch tây phương vừa mới đánh bại họ, ném bom nguyên tử xuống đất nước họ. Anh Thạch vừa nói vừa cười: “Đừng sợ Nhật chém ngang lưng (ý muốn chê anh Tạo một cách nhẹ nhàng). Quân Nhật sẽ không can thiệp đâu. Có thể trung lập hoá được họ”.

Hai bên tranh cãi nhau về khả năng Nhật can thiệp, bên nói có, bên bảo không. Nhưng có thực tế gì để mà cãi cho ra ăn, ra thua.

Như vậy là tình hình gay go quá. Cãi mãi đến bao giờ? Cãi mãi rồi ta không còn thời cơ để mà khởi nghĩa thắng lợi nữa!

Tôi bèn đề ra một cái thoả ước là hội nghị giao cho Tỉnh bộ Tân An làm thí điểm. Tân An là cửa ngõ của thành phố. Con đường bộ duy nhất nối liền miền Đông và miền Tây Nam Bộ đi qua Tân An, qua hai cầu Vàm Cỏ Đông và Vàm Cỏ Tây. Quân Nhật ở hai miền tất phải nhờ cái lộ 4 và hai cầu Vàm Cỏ. Nay ta khởi nghĩa chiếm lĩnh Tân An, kiểm soát lộ 4 và hai cầu Vàm Cỏ mà vẫn để cho quân Nhật tự do đi lại. Nếu Nhật can thiệp thì nó phải giành lại đường 4 và hai cầu; nếu nó không giành đường 4 và hai cầu, ta làm chủ và cho nó đi, ấy là nó không can thiệp. Nó không can thiệp ở nơi thiết yếu về giao liên của nó thì can thiệp vào các nơi khác làm gì nếu ta không trực tiếp đánh vào cơ sở đội ngũ Nhật? Kinh nghiệm thực tế ở Tân An sẽ cho phép ta “bấm nút” cho cuộc khởi nghĩa ở Sài Gòn và ở các tỉnh.

Mọi người đều đồng ý. Các tỉnh uỷ viên tỉnh Tân An có mặt ở hội nghị lãnh mạng lệnh; Xuân và Trọng xin có đêm 21 và ngày 22 để truyền lệnh và tập hợp lực lượng để đêm 22 thì khởi nghĩa giành chính quyền ở thị xã, rồi ở cả tỉnh theo cái mẫu chung của Uỷ ban khởi nghĩa với sáng kiến cần thiết tùy điều kiện cụ thể của địa phương. Sáng ngày 23 sẽ trở lên báo cáo. Hội nghị phải ngồi chờ tại chỗ. Tôi “o bế” tỉnh bộ Tân An từ mấy năm nay một phần vì là tỉnh quê hương mà trước hết vì cái vị trí chiến lược của nó ở cửa ngõ phía tây nam Sài Gòn. Tôi tin chắc ở thành công cho nên đã cam đoan với Nguyễn là “ngựa trở về đem tin chiến thắng thì ly rượu tiễn chưa kịp nguội” (lấy theo tích quan Vân Trường chém Nhan Lương), Nguyễn đáp: “Cũng mong như vậy!”.

Tại tôi ở lại Chợ Đệm, thảo luận và quyết định số người ở trong Uỷ ban hành chánh lâm thời Nam Bộ. Về số người tham gia Uỷ ban hành chánh lâm thời Nam Bộ tại tôi thấy số người cộng sản có tiếng tăm hơi nhiều, số nhân sĩ trí thức đáng lẽ nhiều hơn, nhưng dù không có chủ trương “cô độc”, dù muốn đưa thêm nhân sĩ trí thức cũng không phải để được họ đồng ý khi ấy đâu, khi mà chúng ta chưa giành được chính quyền. Anh Thạch và tôi có thương lượng với vài ba bác sĩ, kỹ sư, luật sư có tiếng tăm, họ đồng ý ủng hộ mà không đồng ý tham gia. Cho nên cuối cùng thì

trong Ủy ban lâm thời chỉ có những người sau đây là chính thức không cộng sản:

- Phạm Ngọc Thạch, bác sĩ.
- Ngô Tấn Nhơn, kỹ sư.
- Nguyễn Phi Hoanh, họa sĩ.
- Huỳnh Văn Tiểng, sinh viên.
- Hoàng Đôn Văn, thư ký Tổng Công hội.

Sau ta sẽ tính mở rộng, chắc không muộn. Ở đâu, lúc nào chính quyền cách mạng lại không thể thêm bớt thành phần. Để cho Ủy ban bớt màu đỏ (cộng sản), tôi đề nghị anh Thạch làm chủ tịch, tôi làm phó. Nhưng anh Thạch giãy nảy chối từ mãi, và viện cớ “cuối cùng” của anh là đã treo cờ búa liềm ở nhà rồi! Tuy vậy, anh em vẫn nói mãi, buộc Thạch phải nhận, còn Thạch thì cứ nói mãi là không nhận. Chúng tôi cũng thảo ra những chỉ thị cụ thể cho Gia Định - Chợ Lớn và các tỉnh tham gia cuộc biểu tình sắp tới ở Sài Gòn. Chớ còn kế hoạch khởi nghĩa ở thành phố đã ấn định xong xuôi tít mủ rồi, không có gì phải thêm bớt, chỉ cần biết ngày nào và bắt đầu giờ nào. Tụi tôi tính rằng nếu sáng 23 Tỉnh ủy Tân An báo cáo đã hoàn thành nhiệm vụ suôn sẻ thì tối 24, đầu hôm, ta “bấm nút”, đến 0 giờ đêm thì xong xuôi. Sáng 25, cuộc biểu tình chính trị vũ trang phải là cuộc biểu tình lớn nhất trước nay trong lịch sử Nam Bộ, phải là một cuộc thị uy của tám, chín chục đến một trăm vạn người để cho bạn lẫn thù, người Việt Nam lẫn ngoại quốc trông thấy rõ là cả một dân tộc nổi dậy làm cách mạng chớ không phải chỉ có một nhóm nhỏ giành chính quyền. Việc đề ra những khẩu hiệu trong cuộc biểu tình chiếm khá nhiều thời giờ của bọn tôi; khẩu hiệu phải tập trung, ngắn gọn, dễ dễ viết lên băng, dễ hô rập lên, cho mọi người dễ nhớ; cái “nghề” này tụi tôi đã thông thạo từ lâu, từ 1936 đến 1939, anh em đã tổ chức biết bao nhiêu cuộc biểu tình thị uy mà kể! Rầy rà nhất là mình sẽ lập chính quyền mà không biết phải đặt tên như thế nào để cho giống với ngoài Bắc; thôi thì gọi nó là Ủy ban hành chánh lâm thời. Về cây cờ của chính quyền, của Nhà nước thì đã ra khẩu hiệu “chính quyền về Việt Minh”,

tức là cờ phải là cờ đỏ sao vàng; xong chúng tôi có ngờ đâu ngôi sao ngoài Bắc là ngôi sao “béo”; tội tôi thì cứ theo “cổ điển”, thông tri cho đoàn thể may cờ đỏ với sao vàng “gầy”. Tối vụ đánh nhạc: chưa có Quốc ca thì lấy Quốc tế ca, tôi bảo anh Trương Văn Giàu (đứng đầu Bảo an binh) cho dàn nhạc binh tập ngay bài Quốc tế ca; lại cứ dùng Thanh niên hành khúc và Lên đảng mà động viên nhân dân.

Chiều ngày 21 tôi có về Sài Gòn chớp nhoáng ở đến sáng 22, họp một số anh em như Tiểng, Tư, Lưu để thông báo sự tiến triển của tình hình hội nghị, để yêu cầu anh em rà lại sự bố trí lực lượng, và để khuyến khích anh em tổ chức nhiều hơn nữa, rầm rộ hơn nữa các cuộc mít tinh xí nghiệp, khu phố, cổ động cho khẩu hiệu “chính quyền về Việt Minh” đồng thời tăng cường sự canh gác giữ trật tự trong thành phố bằng những đội tự vệ có ít nhiều vũ khí thô sơ của thanh niên và công nhân. Tối 22, tôi trở lại Chợ Đệm, thảo luận thêm nữa với anh em về thành phần Ủy ban hành chánh lâm thời.

Sáng sớm 23, như trông đợi, đoàn đại biểu tỉnh Tân An trở lên Chợ Đệm, lần này bằng ô tô chứ không phải bằng xe đạp, xe treo cờ đỏ sao vàng to tướng: từ chiều tối 22, ta đã giành chính quyền ở thị xã, làm chủ đường 4 và hai cầu, quân Nhật không can thiệp, ta đang triển khai cách mạng ra tất cả các quận, xã.

Hội nghị Chợ Đệm lần thứ ba rất ngắn. Còn gì mà còn bàn cãi? Nhưng tôi thương các anh Trùng, Tạo, Nguyễn, ba anh hơi bền lễn một chút; tôi là đàn em không vì thế mà xem thường các anh lớn chút nào. Tối 24, sáng 25 sẽ khởi nghĩa ở Sài Gòn theo kế hoạch đã định, trước khi lên yên về trụ sở Ủy ban khởi nghĩa ở số 6 Colombert, tôi không quên sang nhà lồng ăn một tô cháo lòng Chợ Đệm.

Ảnh

Trần Văn Giàu trước bức tường tưởng niệm các chiến sĩ Công xã Paris (Nghĩa trang Père Lachaise, 1989, ảnh NNG).

7. Đêm 24 tháng 8 ở thành phố

Từ lâu Bảy Trân (Phú Lạc) đã giữ được và để dành cho tôi một quyển sách tiếng Pháp của Lenin nhan đề Sur la route de l'insurrection (Trên đường khởi nghĩa) do Đảng Cộng sản Pháp xuất bản đầu hồi cuối những năm 20 kìa. Sách bìa đỏ, bây giờ bìa đỏ ngả vàng rồi và rách nát, được bồi lại bằng giấy nhựt trình. Sách này gồm mấy bài của Lenin viết về kinh nghiệm khởi nghĩa 1905 và mấy bức thư, mấy chỉ thị cho các đồng chí Trung ương Đảng Bôn-sơ-vích về vấn đề chuẩn bị, tiến hành khởi nghĩa tháng Mười năm 1917. Tối 23 tháng 8 năm 1945, tôi giữ lại sách Trên đường khởi nghĩa để đọc và suy xét cái việc mình đang làm, sắp làm. Tôi “thuộc bài” lắm rồi. Tôi giảng về vấn đề này trước nay đến mấy chục lần. Vậy mà cứ thấy cần đọc lại kinh điển. Trước nay mình giảng về “khởi nghĩa là một nghệ thuật”, chớ đã áp dụng lần nào đâu! Bây giờ phải chính mình bắt tay vào việc khởi nghĩa ấy. Đọc lại Lenin thì lòng tự tin, tin Đảng, tin dân sẽ mãnh liệt hơn. Chú Tiểng, thấy tôi đọc Lenin lúc này, vừa cười vừa bảo rằng tôi là làm như người ngoan đạo Thiên Chúa, cứ giữ Kinh Thánh ra mãi để xem việc làm của mình đúng hay sai! Tôi cười xoa để đáp lại. Tôi chú ý đọc lại hai chỗ. Chỗ thứ nhất nói về việc nổ ra khởi nghĩa lúc nào cho đúng, chỗ thứ hai nói về việc chỉ đạo khởi nghĩa thế nào mới thắng; các câu dặn dò của cả Marx và Lenin phải được ghi khắc trong tâm trí: “Không bao giờ được đùa bỡn với khởi nghĩa cả; một khi đã bắt đầu khởi nghĩa thì phải tiến hành khởi nghĩa cho đến cùng”, tức là cho đến thắng lợi hoàn toàn. Lúc này khởi nghĩa là đúng lắm rồi: thời cơ chín muồi, lực lượng mạnh, chí quyết thắng. Còn phải chỉ đạo khởi nghĩa cho khoa học, cho nghệ thuật nữa; chỉ đạo dở thì có thể phát sinh nhiều vấn đề bất ngờ.

Mọi việc chuẩn bị ở nội thành và ở vành đai (Gia Định - Chợ Lớn) đều hoàn thành chu đáo rồi.

Nhân dân được Mặt trận Việt Minh và Đảng Cộng sản công khai kêu gọi biểu tình thị uy sáng ngày 25 bằng vô số truyền đơn, áp phích, nhiều bài báo. Các khẩu hiệu được phổ biến rộng rãi nhất. Cuộc biểu tình thị uy sáng ngày 25 tháng 8, dân Sài Gòn và ngoại ô không ai không biết, không có gì là bất ngờ cả. Thì, trước đó mấy hôm, ngoài hàng trăm cuộc mít tinh ở xí nghiệp và khu phố, đã có những cuộc biểu tình lớn của Thanh niên Tiền phong, Mặt trận Quốc Gia Thống Nhất. Nay tới phiên Việt Minh

biểu tình; chắc là lớn; xong chưa ai (trừ bọn tôi) rõ quy mô đến đâu. Có một điều mà chỉ có một số không đông người “trong cuộc” mới biết, là việc lớn nhất, quyết định nhất sẽ xảy ra trước, ngay từ đầu hôm 24 cho đến 0 giờ: việc giành chính quyền bằng những lực lượng xung phong có vũ trang của công nhân và thanh niên.

Chắc Nguyễn Văn Sâm, khâm sai và Hồ Văn Ngà, nguyên là quyền khâm sai bây giờ là đồng lý văn phòng phủ khâm sai Nam Bộ, họ đã đánh hơi phần nào cái chuyện lớn sẽ xảy ra đầu 24 ở Sài Gòn. Tụi tôi có tính trước điều đó: riêng việc huy động gần hai mươi ngàn công nhân và thanh niên xung phong giành chính quyền và giữ trật tự trong các khu phố, để gì mà giữ hoàn toàn bí mật? Xong điều quan trọng, điều quyết định, là ta khởi nghĩa trong những điều kiện khách quan và chủ quan như thế nào mà, cho dù địch thủ có biết đi nữa, họ cũng không làm sao chống đỡ nổi. Tất nhiên cũng phải giữ một số yếu tố “bất ngờ”. Vả lại, các ông Sâm, Ngà là chỗ quen biết với tôi, với Nguyễn, Tạo, Thạch. Tôi biết họ, họ không phải là đối thủ đáng gờm trong lúc này. Tuy vậy, họ cựa quậy, chớ không phải bó tay hẳn. Trương Văn Giàu báo cáo với tôi là quan khâm sai đánh hơi cuộc khởi nghĩa, đã điện cho quân bảo an để yêu cầu tăng cường bảo vệ các cơ quan đầu não, bảo vệ các nhà chức trách và đề phòng Việt Minh, thì Trương Văn Giàu đã trả lời một cách ôn tồn: “Thưa ngài! Tất cả quân bảo an chúng tôi đứng về phía Việt Minh!”. Sâm có yêu cầu gì với quân Nhật không thì tôi không biết, nhưng tôi biết rằng thống chế Terauchi đã hứa với bác sĩ Thạch là không can thiệp vào nội bộ Việt Nam; vả lại Ủy ban khởi nghĩa đã không ra lệnh đánh đồn trại của Nhật, mà còn chỉ thị phải làm tất cả những gì có thể làm được để tránh sự xung đột vũ trang với quân Nhật. Người ta nói Sâm có yêu cầu Mặt trận Quốc Gia Thống Nhất ủng hộ về chính trị (đảng của Ngà, Sâm, đảng quốc gia độc lập là thành viên sáng lập Mặt trận đó), nhưng mới hai ba bữa rày Mặt trận Quốc Gia Thống Nhất, dưới sức ép của quần chúng và của tình hình, cũng đã tuyên bố tán thành chế độ dân chủ cộng hòa (nghĩa là chống chủ nghĩa quân chủ lập hiến cũng được họ gọi là “quân dân cộng chủ” của Sâm, Ngà) và đã có tuyên bố tán thành khẩu hiệu “Chính quyền về Việt Minh rồi”. Nhà cầm quyền Sài Gòn hoàn toàn bị cô lập. Cựa quậy làm sao được nữa? Đánh hơi được cũng như không thôi.

Thời cơ khởi nghĩa quả là chín muồi. Tối nay mới khởi nghĩa có hơi muộn; muộn một chút thôi; nhưng chưa phải là đã trễ.

Chuẩn bị đầy đủ rồi thì việc thực hiện không có gì khó lắm. Khó là việc chuẩn bị kia.

Sẩm tối ngày 24, tôi có mặt ở số 6 Colombert mà chúng tôi có mấy lần gọi là “Smolny nhỏ” 2 để nhớ Lenin 1917, chúng kiến sự tập hợp của một số những đội trưởng các đội xung phong công nhân và thanh niên đến lãnh nhiệm vụ cụ thể. Từ chập tối này đến 0 giờ phải hoàn thành nhiệm vụ chiếm đóng tất cả các cơ quan, trước nhất là những cơ quan yết hầu, chiếm bằng lực lượng bên trong, liên kết với lực lượng bên ngoài, có chỗ chiếm rồi giữ luôn, có chỗ chiếm rồi giao lại cho một đội khác đến giữ, hay cùng hợp sức giữ. Ở đâu cũng có Công đoàn; ở đâu cũng có đội Thanh niên Tiền phong hay là hội công chức cứu quốc, thì việc chiếm các công tư sở từ bên trong thật sự không có gì trở ngại đáng kể. Vả lại từ ít lâu nay Thanh niên và Công đoàn canh gác giữ trật tự ở các khu phố, các công sở, cơ quan chính quyền, việc mà mọi người công nhận là cần thiết. Hễ chiếm ở đâu thì treo cờ đỏ sao vàng ở đó. Hầu như quân khởi nghĩa không phải nổ phát súng nào. Quân bảo an và lực lượng cảnh sát đã ngã về ta rồi thì còn nổ súng với ai nữa? Tôi và Tiếng ngồi ở số 6 Colombert nghe báo cáo từng phút một. Tin tức từ nhà giấy thép 3: lấy như trở bàn tay, lệnh cho viên chức tiếp tục làm việc. Tin từ nhà đèn Chợ Quán: ta làm chủ một cách êm thấm hết sức, nhà đèn cứ phát điện, điện không tắt. Tin từ gần khắp các nơi đều như vậy, kể cả sở mật thám Catinat, sở cảnh sát thành phố và các bộ quan trọng, đài phát thanh, dinh đốc lý, tất cả các cầu v.v... Ở các trại lính bảo an, cứu hoả, ta đã làm chủ từ bấy lâu nay rồi; thế là những nơi có khả năng xảy ra rắc rối trở ngại thì không có gì rắc rối trở ngại xảy ra. Trong lúc các đội xung phong của công đoàn và thanh niên chiếm các cơ quan, công sở, treo cờ thì nhiều đội khác, nhiều đội bảo an tuần tra đường phố đi bộ hoặc đi ô tô, mang băng đỏ Việt Minh. Các ngã ra vào thành phố quan trọng như ngã Phú Lâm, ngã cầu Nhị Thiên Đường, ngã cầu Tân Thuận, ngã cầu Thị Nghè, cầu Bông, cầu Kiệu, ngã Bà Hom, Hóc Môn, Thủ Đức v.v... đều được quân ta chiếm đóng để đảm bảo cho nhân dân khuya sớm sẽ kéo vào thành phố không trở ngại. Quân ta lại chiếm các “công trường” (quảng

trưởng) chính như ngã tư Charner-Bonard, Eugene Cuniac, Jeanne d'Arc 4, Nhà thờ lớn, Ngã Bảy v.v... Nhưng không phải mỗi việc đều trôi chảy: quân ta không chiếm được mấy chỗ quan trọng sau đây:

- Sân bay Tân Sơn Nhất, Bến tàu quân sự, phủ Toàn quyền, ở đó có nhiều quân Nhật đang đóng và họ yêu cầu ta đừng động tới. Ta thấy tại Nhật không thể không giữ mấy cơ quan này nên ta không động tới.

- Ngân hàng Đông Dương, ta biết rằng có quân Nhật đóng giữ nhưng ta cũng đưa một lực lượng quan trọng đến cố giành lấy. Ta thương lượng với bọn Nhật tại chỗ; chúng không nhượng bộ, anh em cho người chạy về hỏi tôi coi phải làm sao bây giờ? Tôi thấy rằng cách mạng tất nhiên là cần chiếm ngân hàng. Nhưng ngân hàng Đông Dương không còn vàng trong kho, Pháp và Nhật đã lấy hết rồi; ta chẳng còn gì để lấy, mà nếu xung đột với quân Nhật ở đây thì sẽ có thể sinh ra xung đột nhiều chỗ khác; rồi thêm; nay ta đã chiếm kho bạc (ở đường Charner, Chợ Cũ) là đã khá rồi; tôi ra lệnh cho anh em rút lui. (Sau này có người phê bình sự rút lui này, cho là biểu hiện của tinh thần thiếu kiên quyết. Chưa chắc đã là thiếu kiên quyết!)

Kế hoạch là đến 0 giờ thì xong mọi cuộc chiếm đóng, treo cờ.

Nhưng mới mười giờ đêm (22 giờ) thì kế hoạch đã được thực hiện. Cho nên, cũng lúc đó, kiến trúc sư Huỳnh Tấn Phát cùng mấy chục anh em dựng lên ở ngã tư đại lộ Charner - Đại lộ Bonard một chiếc kỳ đài cao bằng gỗ và vải đỏ mang tên chín uỷ viên của Ủy ban hành chánh lâm thời Nam Bộ. Vừa lúc đó thì tôi đạp xe đạp tới với một toán công nhân, thanh niên đến xem Huỳnh Tấn Phát đã làm tới đâu; lại trở về xem lễ đài bắt đầu được ráp ở sau Nhà thờ, trên đại lộ Norodom; và đến thăm nhân viên bảo đảm móc toa truyền thanh ở Norodom 5 và ở hai đại lộ Charner - Bonard để hàng chục vạn đồng bào nghe được tuyên bố, hiệu triệu của Đảng, Mặt trận và chính quyền cách mạng. Những sự chuẩn bị kỹ thuật này làm trong một đêm, thật là một kỳ công. Thành uỷ, Xứ uỷ, Thường vụ, Ủy ban khởi nghĩa đều phấn khởi: cuộc khởi nghĩa xem như đã được thực hiện hơn một nửa. Nói hơn nửa vì còn cuộc biểu tình võ trang khởi nghĩa ngày mai.

Đêm đó Xứ uỷ, Thành uỷ, Uỷ ban khởi nghĩa, v.v... không ai ngủ. Lo quá không ngủ được; mừng quá không ngủ được. Và không ngủ được vì sau cái giai đoạn chiếm đóng các cơ quan, các cầu, các ngã ra vào thành phố, các quảng trường và bằng các đoàn đi bộ, đi xe đạp, đi ô tô, tuần tra đường phố giữ an ninh, lập trật tự gọn gàng thì bắt đầu giai đoạn biểu tình thị uy, không có gì khó khăn lắm nhưng hết sức phức tạp, một mặt ta huy động tới tám, chín mươi vạn - một triệu người hay hơn nữa ở Sài Gòn và từ các làng xã cách Sài Gòn hai, ba mươi cây số về thành phố, chuyện rất không đơn giản: nội một cái trật tự, lo cũng đủ tháo mồ hôi; rồi đường đi, chỗ đứng, vệ sinh, chỗ tập hợp thứ nhất, chỗ tập hợp cuối cùng; mặt khác vì phải hết sức đề phòng bọn phản động, thực dân phá phách, khiêu khích, đề phòng cả bọn lưu manh mà thành phố Sài Gòn - Chợ Lớn này thì thiếu gì lưu manh. Mỗi người bọn tôi đều ra sức làm, nhưng điều chính là tin tưởng vào tinh thần yêu nước của dân, tin rằng hễ Đảng bảo làm sao thì dân nghe và làm theo đúng như vậy.

Khi việc chiếm đóng các cơ quan công sở được hoàn tất ở nội thành thì ở ngoại ô, ở vành đai, quần chúng đã tập hợp xong trên các tuyến lộ lớn rồi để đi ngay cho đến hừng sáng phải có mặt gần trung tâm Sài Gòn, đem theo băng, cờ, và các loại vũ khí sẵn có ở nhà quê từ dao, mác, tầm vông, vật nhọn, mũi chĩa, tới súng hai lồng, súng mút, có cái gì bén, nhọn, nổ thì mang nấy, đi với cái ý thức khởi nghĩa cướp chính quyền; tất nhiên cũng đem theo bánh tét, bánh tổ 6 như cha anh ngày xưa, năm 1885, năm 1913, năm 1916, ông bà đã làm trong các cuộc khởi nghĩa thất bại ấy. Còn ở nội thành và ngoại ô phụ cận có đông công nhân viên chức thì từ nửa đêm anh chị em đã bắt đầu tập hợp theo đoàn, theo giới, cũng băng cờ, cũng vũ khí thô sơ hay súng ống. Tôi với vài đồng chí cuộc bộ (phải cuộc bộ vì ngay giờ đó đường sá đã đông nứt người đi lại chỗ tập hợp) xuống cầu Ông Lãnh - đại lộ Kitchener 7, địa điểm tập trung thống nhất của Tổng Công đoàn. Ở đây quần chúng sắp hàng đầy đại lộ từ dưới mé sông lên tới ga xe lửa; đông lắm mà cũng trật tự lắm; gần sáng, sớm hơn ai hết, họ kéo lên Norodom, chiếm lĩnh trung tâm với thanh niên và binh sĩ. Khắp các ngã khu phố nơi nào cũng tu húy thổi vang trời, cũng tập hợp, cũng di chuyển rộn rịp hết sức. Phố phường thức giấc cả từ nửa đêm, nói cho đúng là suốt đêm không ngủ. Nhà hát bắt đầu treo cờ đỏ trời.

Cái việc giành chính quyền một cách chớp nhoáng, đồng thời, từ bên trong, bằng lực lượng bản thân của các công tư sở là chính, là chiến thuật độc đáo của Sài Gòn, không thấy ở đâu làm như vậy và, làm như vậy, ta giành chính quyền rất gọn, tất nhiên là trước phải có lực lượng lớn khắp nơi mới làm được. Dùng chiến thuật độc đáo như vậy và đã thành công, nhưng anh em Xứ uỷ, Uỷ ban khởi nghĩa tính rằng nếu chỉ có hành động khởi nghĩa của từ 20.000 đến 40.000 người xung phong, cho dầu 20.000, 40.000 là đã khá đông rồi thì cũng còn phảng phất một tí mùi vị của chủ nghĩa Blanqui 8, cho nên tiếp theo đêm 24 phải có sáng ngày 25 tháng 8.

Tiếp theo...

Chú thích của người biên tập

1 Nhà Phạm Ngọc Thạch: nhà riêng của bác sĩ Phạm Ngọc Thạch ở số 106 đường Léon Combes (nay là Trưng Nguyệt Anh) – còn phòng khám bệnh ở đường Chasseloup-Laubat (Nguyễn Thị Minh Khai).

2 Smolnyi nhỏ: Cung điện Smôn-nưi, nơi Lenin lãnh đạo Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917, đặt tại Petrograd nay là Saint-Petersburg. "Smolnyi nhỏ" ở số 6 đường Colombert, nay là Thái Văn Lung.

3 Nhà giấy thép: Nhà bưu điện trung ương Sài Gòn, cạnh nhà thờ Đức Bà, trông sang Quảng trường Công xã Paris.

4 Charner-Bonard, Eugene Cuniac, Jeanne d' Arc: Charner nay là đại lộ Nguyễn Huệ, Bonard Lê Lợi, Eugene Cuniac là bùng binh Chợ Bến Thành, tức Quảng trường Quách Thị Trang, còn Jeanne d'Arc thì người biên tập chịu thua, mong được các bậc cao niên chỉ giáo.

5 Norodom: nay là đại lộ Lê Duẩn, đi từ hội trường Thống Nhất (Dinh Độc Lập hay Phủ toàn quyền cũ) tới Thảo Cầm Viên (Sở Thú).

6 Bánh tét, bánh tổ: hai loại bánh phổ biến ở Nam Bộ, thường ăn vào dịp tết. Bánh tét thành phần giống bánh chưng, nhưng hình ống dài, gói và buộc thật chặt nên giữ được lâu. Bánh tổ làm bằng bột nếp trộn đường

mía (thô), bột va-ni, hấp lên, thêm vừng (mè), gừng giã, sau đó phơi một, hai nắng. Bánh tổ cũng phổ biến ở Quảng Nam và vùng biển Hải Phòng (gọi là bánh cầu hay xì-liền-cầu).

7 Kitchener: nay là đường Nguyễn Thái Học

8 Blanqui: nhà cách mạng thế kỉ XIX, người Pháp, chủ trương làm cách mạng chỉ cần một số nhỏ, cướp chính quyền bằng bạo động, rồi đông đảo quần chúng sẽ tự động mà theo.

5-2-11

Phần V(1): TỔNG KHỞI NGHĨA THÀNH CÔNG: KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP BẮT ĐẦU

(tiếp theo)

8. Ngày 25 tháng 8

Lý thường là không nhất thiết có cuộc biểu tình thị uy ngày 25 to lớn như vậy, bởi vì đêm 24 ta đã dùng lực lượng xung phong của công nhân và thanh niên, đông từ 20.000 đến 40.000 người, để chiếm đóng cơ quan và đường phố rồi, nghĩa là giành quyền xong rồi thì, sáng hôm sau, một cuộc mít tinh chừng 100.000 đến 200.000 người ở chợ Bến Thành Sài Gòn cũng được lắm; có anh em bảo như vậy. Bảo rằng quảng trường trước cửa Chợ Mới đã rộng lớn, lại có ba đại lộ chong vào (Bonard, La Somme, Gallieni) 1, đủ chứa đến vài trăm ngàn dân tập hợp lại nghe hiệu triệu. Nhưng Xứ uỷ và Uỷ ban khởi nghĩa không nghĩ đơn giản, “tiết kiệm” như vậy, mà nghĩ rằng:

Đây là dịp có một không hai để biểu dương lực lượng của phe cách mạng, của Đảng Cộng sản và Mặt trận Việt Minh, để cho ai nấy, người trong nước, cũng như người ngoại quốc, mà nhất là cho người ngoại quốc, cho Pháp, cho Nhật, thấy tận mắt rằng cuộc khởi nghĩa giành chính quyền này không phải chỉ là ý chí và hành động của một nhóm người, của một chánh đảng thuộc Việt Minh, mà là ý chí và hành động của tuyệt đại đa số, của toàn thể nhân dân Việt Nam thuộc tất cả các tầng lớp xã hội, quyết giành độc lập, tự do. Thấy tận mắt một cuộc biểu tình như vậy, ai là bạn đã tin thì càng tin, còn bọn phản động và tay sai bản xứ của đế quốc chắc cũng phải sợ hãi, mất nhiều tinh thần. Ít ra là lúc này, bọn thực dân thì hẳn nhiên đưa phải kinh hoàng biết rằng giờ tận số của chế độ thuộc địa đã điểm; quân Nhật thấy vậy càng nỗ lực lượng cách mạng, càng nỗ lực chính quyền cách mạng là chính quyền thực sự của dân tộc.

Đây cũng là dịp có một không hai để hàng chục, hàng trăm vạn nhân dân, bằng sự có mặt vũ trang của mình trên đường phố Sài Gòn, bằng việc chuẩn y danh sách của Ủy ban Hành chánh lâm thời Nam Bộ, ý thức được sức mạnh vĩ đại của quần chúng, ý thức được hết sức rõ ràng là mình đã tích cực làm khởi nghĩa cách mạng, là mình đã dựng lên chính quyền cách mạng, đem lại độc lập tự do cho dân tộc và cho chính mình; và như vậy là ta xây dựng, phát huy cái ý thức quần chúng sẵn sàng hy sinh để bảo vệ chính quyền cách mạng đó. Sự thật đúng như vậy; ta chiếm đóng các cơ quan đường phố trong đêm 24, mà đến sáng 25 ta mới tuyên bố chính quyền cách mạng trước sự tán thành nhiệt liệt của trăm vạn đồng bào tập hợp, vũ khí trong tay. Hãy tưởng tượng một người nông dân trước kia lên Sài Gòn, đầu đội cái nón lá, tay xách cái giỏ, sợ quanh sợ quẩn, sợ mã tà, sợ Tây, sợ lưu manh, hôm nay lên Sài Gòn, tay cầm mác thông, dao phay, tầm vông, súng lửa, vạn ức người như một, thét vang ý chí của mình, nếu không phải rằng đó là ta làm chủ đất nước ta, làm chủ đường phố ta, làm chủ làng mạc ta, thì là gì nữa? Ý thức này sẽ đưa nhân dân hết sức đông đảo, hết sức hăng hái, hết sức bền bỉ vào cuộc chiến đấu bảo vệ độc lập tự do khi thực dân Pháp quay trở lại.

Lo đủ thứ cho khởi nghĩa và biểu tình vũ trang, tôi quên một việc rất thiết yếu mà mãi đến sáng ngày 25 mới hay: thiếu một bộ quần áo “vía” để “ra mắt” đồng bào. Tôi không có bộ âu phục nào hết, chỉ có một cái quần tây với một sơ mi dài tay, ngoài ra thì có hai bộ bà ba, bộ đen, bộ trắng. Mấy tháng trước, anh Hai Sô (bên Cư sĩ tịnh độ và đảng Quốc gia của Sô, Hoanh) có cho tôi một bộ đồ tây xám, tuy cũ mà vẫn còn khá, tôi chưa mặc, đem bỏ giặt ủi, ở gần ga xe điện Louvain 2, gần nhà in của anh Nguyễn Phú Hữu, gần nhà hàng Ánh Long. Cái hôm tôi đi lấy bộ đồ tây ở tiệm giặt ủi thì, khi tôi vào tiệm, còi hụ lên: máy bay B.26 Mỹ đến. Tôi kịp chạy ra khỏi tiệm, chui vào một cái hầm trú ẩn lồm bồm nước ở đằng trước nhà thờ Tin Lành, thì ầm, ầm, máy bay đã trút bom chắc là để phá ga Sài Gòn. Còi báo an, tôi ra khỏi hầm, thì cái tiệm giặt ủi đã thành bình địa, có lẽ với cả cái sòng tứ sắc trong nhà khi này! Hú hồn! Mất quần áo mà không mất mạng! Từ đó, tôi không nghĩ đến xin ai hay là may đo một bộ đồ tây mà sáng nay, 25 tháng 8, tôi cần quá. Đành phải ủi lại cái quần, cái sơ-mi, kiếm mượn một chiếc cravat (đỏ), một đôi giày da. Huỳnh Văn Tiểng lo tất cả cái việc nhỏ nhặt mà không thể không có đó.

Mới bảy giờ sáng thì các đoàn người đã bắt đầu vào chiếm lĩnh vị trí đã định trước của mình. Hơn tám giờ, đứng trên lễ đài (cao chỉ hai thước, hai thước rưỡi) thấy cả một biển người, một rừng cờ và băng. Cái vườn cây sao rộng lớn trước phủ Toàn quyền đầy nghẹt. Cả đại lộ Norodom từ phủ Toàn quyền đến tận vườn thú cũng đầy nghẹt, người đi trên lễ cũng khó, nói gì dắt xe đạp. Đường Blansubé đến bót giếng nước cũng giống y như vậy; người là người, băng cờ là băng cờ! Mỗi đoàn thể có mặt đều xưng tên bằng một tấm băng đi đầu: Công đoàn Ba Son, Công đoàn Labbé... Thanh niên Tiền phong đoàn Lê Lai, đoàn Phan Bội Châu... Nông dân trung quận Chợ Lớn, hội cựu binh sĩ, v.v... và v.v... Gần trăm phần trăm cờ là cờ đỏ sao vàng, cờ đỏ búa liềm, cờ vàng sao đỏ. Anh Dương Văn Phúc kéo áo tôi, nói nhỏ: có đồng chí báo cáo là có mặt bọn đệ tứ Trốt-kít 3 với băng đề là: “Nhóm Tranh đấu”, cờ của họ là cờ “ngôi sao xẹt”.

— Đông không?

— Một hạt muối trong bể.

— Đối phó cách nào?

— Chúng không phá rối thì cứ để yên; chúng khiêu khích thì tự vệ sẽ trị chúng.

Có Cao Đài, có Tịnh độ cư sĩ, nhiều Hoa kiều tham gia. Đặc biệt là có mấy trăm đồng bào Thượng từ Biên Hoà, Thủ Dầu Một xuống, gùi và ná trên vai, trên lưng, chà gạc trong tay. Đông nhất là công nhân, thanh niên, nông dân. Phúc lại khều tôi, báo:

— Kia kìa, có Lê Kim Ty dẫn quân của Ông tham gia biểu tình. Nhớ Lê Kim Ty không?

— Có chứ, Lê Kim Ty, “Thiên Bồng nguyên soái”, đứng đầu phái Tiên Thiên, ở kíp đan giỏ ky của cụ Trần Hữu Độ khi còn ở Tà Lài đó chứ gì?

— Đúng.

— Đông không?

— Vài ba trăm người mặc quân phục, có súng.

— Trước mắt, Thiên Bồng nguyên soái chưa ló cửa đâu!

Anh em báo cáo liên tục về các thành phần chính trị tham gia... Trước lễ đài là mấy đại đội binh sĩ chính quy và dàn quân nhạc.

Quên nói rằng, xung quanh lễ đài có các đoàn đại biểu các tỉnh về Sài Gòn, dự biểu tình cướp chính quyền, rút kinh nghiệm và nhận chỉ thị mới.

Xin chép lại tường thuật của báo Sài Gòn (số báo ngày 27.8.1945). Báo đăng tít bằng chữ lớn:

“Một kỷ nguyên mới trong lịch sử Việt Nam! Trên một triệu người khắp Nam Bộ và từ Cao Miên về cùng các đại biểu Hoa kiều tham dự cuộc biểu tình Việt Minh, Ủng hộ chính phủ cộng hoà dân chủ”.

Sài Gòn ngày 25.8.1945 (ảnh Henri Estirac)

Rồi báo ghi lại những nét đặc sắc của buổi sáng ấy nguyên văn như sau (đây là bài báo của một phóng viên báo Sài Gòn, không phải bài của anh em ta viết cho báo ấy):

“Một ngày chưa từng có trong lịch sử nước nhà! Quốc dân ta cử hành một cuộc biểu tình vĩ đại để tỏ cho hoàn cầu biết dân tộc Việt Nam là một dân tộc có đủ tư cách hoàn toàn độc lập dưới chế độ cộng hoà dân chủ.

Bởi vậy, từ chiều ngày 24, để được tham gia cuộc biểu tình, những đại biểu của các lớp quần chúng tận các tỉnh xa đều kéo về Sài Gòn. Ngay đến đồng bào chúng ta ở Cao Miên cũng sắp đặt một đoàn mười chiếc xe hơi để đem đại biểu của họ về chứng kiến ngày tươi sáng nhất của xứ sở. Và cảm tình hơn nữa là những thanh niên là nông dân ở các vùng lân cận như Biên Hoà, Thủ Dầu Một, Búng, Lái Thiêu, Nhà Bè, Hóc Môn, Thủ Đức, Bến Lức, Gò Đen, Bình Chánh, Bình Điền, Cần Đước, Cần

Giuộc v.v... vì không đủ xe chuyên chở hàng mấy trăm ngàn người từ 12 giờ khuya kéo bộ về Sài Gòn.

Như thế cuộc biểu tình sáng 25 tháng 8, với trên một triệu người tham dự đã biểu lộ rõ ràng tinh thần đoàn kết chặt chẽ của dân tộc Việt Nam. Con số đó là một bằng chứng thiết thực, chứng tỏ rằng Việt Nam Độc lập Đồng minh đã được quốc dân hoàn toàn tín nhiệm.

Trên một triệu người đó là những đoàn thể, đại biểu của nông dân, thợ thuyền, công chức, giáo chức, những anh chị em giúp việc trong các tư sở, anh em viết báo, thanh niên và phụ nữ tiền phong, nam nữ học sinh, Cao đài giáo, Thiên chúa giáo, Nương tử Hồng thập tự, nghiệp đoàn tiểu công nghệ, nha tư pháp, liên đoàn thủy thủ, liên đoàn hàng hải v.v... hiệp với các binh sĩ đoàn, thành một khối lực lượng vô cùng hùng hậu.

Đúng chín giờ rưỡi, lễ chào cờ cử hành tại khán đài sau nhà thờ Chúa Bà. Trong phút đó quốc dân yên lặng, đưa tay nắm lên chào ngọn cờ đỏ giữa có ngôi sao vàng năm cánh. Đó là cờ của quốc dân Việt Nam. Phút thiêng liêng đã qua, ông Chủ tịch Ủy ban hành chánh lâm thời tuyên bố những lời quan trọng...”.

Báo Điện tín cũng là một tờ báo lớn thời kỳ này như tờ Sài Gòn, ghi lại những đặc điểm nổi bật của cuộc biểu tình vũ trang chính trị 25 tháng 8 như sau:

“Cùng vùng thái dương chói rạng ở phương Đông, mấy ngàn lá cờ đỏ phấp phới trong một biển người hơn số triệu, nhuộm cả trời Nam một màu sắc mới.

Sau ngày lịch sử 9 tháng 3, hôm nay cũng lại ngày lịch sử.

Không phải một sự tình cờ hoặc nhờ vào may đưa đến, chính ngày 25 tháng 8, là kết quả của sự tranh đấu quyết liệt của mấy ngàn chiến sĩ cách mạng hy sinh để giải phóng quốc gia và đời sống của dân chúng.

Biết không thể tháo lui ở một trào lưu mới, biết nhìn nhận một chính thể trong lúc quốc gia nghiêm trọng và biết tìm một con đường ở ngã ba

đường, thế nên hơn một triệu người của các giới, của các đảng phái, chẳng những trong châu thành mà luôn các vùng phụ cận đều tham dự cuộc biểu tình của Mặt trận Việt Minh dưới lá cờ ngôi sao vàng — Một lá cờ vẽ bằng máu.

Trong cái biển người tràn ngập Sài Gòn hôm sáng thứ bảy ngày 25 tháng 8, ngoài một đoàn người Mọi, lại có một đoàn Hoa kiều tham dự.

Có nhiều người lấy làm mừng mà thấy các cuộc biểu tình vừa rồi có cả khí giới tối tân. Nhưng một điều đáng mừng hơn là ta được thấy và cho người ngoài thấy một tấm lòng của dân chúng Việt Nam.

Cuộc đảo quyền ngày 25 tháng 8 xảy ra trong vòng trật tự, không hao một giọt máu. Không tốn một tạc đạn nào. Chỉ trong một tiếng đồng hồ là chánh quyền ở Nam Bộ đã về Việt Minh, từ phủ Khâm sai đến các ty, các công sở đều bị đạo quân cảm tử Thanh niên Tiền phong kéo đến chiếm đóng một lượt hồi sáu giờ sáng. Nghĩa là từ lúc đó, tất cả ty sở lớn nhỏ trong thành phố đều đặt dưới quyền canh giữ của thanh niên rất nghiêm mật.

Tuy cuộc biểu tình khởi điểm đúng mười giờ, mà, trời vừa mới sáng, bóng cờ đỏ đã phấp phới khắp các nẻo đường về đại lộ Norodom.

Trời lần lần sáng.

Cả ngàn, cả mấy chục ngàn, cả mấy trăm ngàn, rồi hơn triệu người; già trẻ, thanh niên nam nữ, Trung Hoa, Mọi, công chức, thợ thuyền, nông dân, các đảng phái, các tôn giáo đều tham dự.”

Báo Điện tín (27-8) ghi một số chi tiết rất cảm động: “Một nhà tu hành đã già yếu cũng có mặt trong hàng ngũ. Và một bà già đã ngoại thất tuần cũng hăng hái phất cờ đi đầu một nhóm phụ nữ. Các đoàn thể biểu tình mạnh mẽ đưa nắm tay lên, hô những khẩu hiệu:

— Việt Nam độc lập!

— Chánh phủ cộng hoà dân chủ vạn tuế!

— Ủng hộ Việt Minh! Việt Minh muôn năm! Chính quyền về Việt Minh!

— Đả đảo thực dân Pháp!

— Xử tử bọn Việt gian!

— Tự do dân chủ vạn tuế!

— Quét sạch tham quan ô lại!

— Cải cách hương thôn!

— Việt Nam dân chủ cộng hoà muôn năm!

Công chúng hai bên đường bị kích thích mãnh liệt cũng đưa tay lên hô theo. Làn sóng người cuộn cuộn chảy mãi đến hai giờ chiều vẫn chưa thấy đoạn chót...”.

Tường thuật của Điện tín viết tiếp:

“Sau khi làm lễ chào cờ tại khán đài ở đại lộ Norodom sau nhà thờ Đức Bà, đoàn biểu tình tiến hành từ mười giờ sáng đến 12 giờ rưỡi trưa mới dứt đuôi.

Đến lối một giờ, binh lính, cảnh sát, thanh niên tựu họp có thứ tự trước Dinh đốc lý, có khí giới trong tay, để hoan nghênh Ủy ban hành chánh lâm thời Nam Bộ. Sau bản “Thanh niên hành khúc” và bản “Quốc tế”, chín uỷ viên của Ủy ban hành chánh lâm thời ở trên lầu dinh đốc lý bước ra từng người một để ra mắt quốc dân.

Xong, uỷ viên trưởng Trần Văn Giàu đứng trước máy truyền thanh tuyên bố như sau:

“Đồng bào! Quốc dân!

Hôm nay là ngày vẻ vang nhất trong lịch sử của Nam Bộ Việt Nam. Giữa thanh thiên bạch nhật, chúng tôi, Ủy ban lâm thời hành chánh, nhân danh

toàn thể quốc dân Nam Bộ tuyên bố trước mặt hoàn cầu, và trước mặt toàn thể quốc dân Việt Nam rằng:

Chế độ cộng hoà dân chủ thành lập tại Nam Bộ Việt Nam.

Chúng tôi tuyên bố không thừa nhận chính phủ Nam triều và cương quyết chống chế độ thực dân bất cứ từ đâu đến. Không một ngoại bang nào có thể viện một lý do gì mà bác bỏ được điều quyết định long trọng của đồng bào ta hoài bão lâu nay:

Nước Việt Nam hoàn toàn độc lập!

Thay mặt cho Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh miền Nam, chúng tôi lãnh trách nhiệm nắm giữ chính quyền Nam Bộ đến ngày triệu tập xong quốc hội sẽ giao lại cho đại biểu toàn quốc.

Trong giai đoạn này, trách nhiệm của chánh phủ rất nặng nề.

Bên ngoài phải giải quyết những vấn đề ngoại giao rất phiền phức.

Bên trong phải cõ bỏ những gánh nặng do chính phủ cũ và chiến tranh để trên vai chúng ta.

Những trở ngại không ít. Nhưng một chính phủ do toàn thể quốc dân ủng hộ, một chính phủ của dân chúng bao giờ cũng thắng.

Năng lực của dân chúng là vô tận.

Đối với kiều dân ngoại quốc ở xứ ta, quốc dân phải giữ thái độ đúng đắn, chúng ta đấu tranh trong vòng kỷ luật, gìn giữ đừng để xảy ra những hành động cá nhân làm thiệt hại sanh mạng hoặc tài sản của người ngoại quốc. Chúng ta phải tỏ ra cho người thế giới biết dân tộc Việt Nam là dân tộc có tổ chức, xứng đáng chinh phục quyền tự chủ.

Nước ta hôm nay bắt đầu thực hiện nền độc lập. Sự làm việc chăm chỉ và tận lực là trách nhiệm của mỗi công dân. Bất luận đứng vào cấp bậc

nào trong nền kinh tế, đồng bào phải cố gắng làm việc để cải tạo cấp tốc những cơ quan bị phá hoại và để tăng gia sản xuất.

Không tăng gia sản xuất, chúng ta không thể mong bước vào một đời sống khả quan. Vậy đồng bào phải thể quyết cùng nhau nỗ lực làm việc, đó là phụng sự Tổ quốc một cách thiết thực.

Hôm nay, quốc dân biểu đồng tình đưa chính phủ cách mạng lên cầm quyền, thì bốn phận của quốc dân là phải bảo vệ chính phủ chống tất cả sự ly gián của quân thù và tay sai của chúng đương chờ chực khiêu khích. Quốc dân có trách nhiệm cũng như chính phủ là phải coi chừng những bọn quấy rối gây hỗn loạn, thừa cơ phá hoại công việc cách mạng của quốc dân.

Chúng ta phải tỉnh táo mà làm việc.

Chúng ta chỉ mới giựt lại chính quyền. Từ bước này đến khi thực hiện được một xã hội tốt đẹp trong đó có nhân dân đồng lao cộng lực, tất còn phải kiên gan bền chí, tranh đấu với nhiều hoàn cảnh khó khăn.

Hỡi đồng bào!

Bây giờ chủ quyền về tay ta rồi nhưng còn phải chờ sức nỗ lực làm việc và phấn đấu của ta thì mới vững bền và rạch rỡ.

Việt Nam độc lập muôn năm!

Việt Nam dân chủ cộng hoà muôn năm!”.

(Bài này tôi lấy ở báo Điện Tín, chỗ nguyên văn của nó thì tôi không tìm lại được trong các hồ sơ còn sót của ta. Bài của Nguyễn Văn Nguyễn sau đây cũng như vậy).

Kế tiếp Nguyễn Văn Nguyễn, đại biểu của Xứ uỷ Nam Kỳ, của Đảng Cộng sản Đông Dương tuyên bố:

“Đồng bào!

Đồng chí!

Anh em chị em!

Hơn mười lăm năm đấu tranh cho đời sống dân chúng và cho độc lập quốc gia, hôm nay Đảng Cộng sản Đông Dương mới công khai ra mặt. Mặt trận Việt Minh mà Đảng Cộng sản xướng xuất và đã cùng chiến đấu, cùng hôm nay lật đổ chính quyền quân chủ để khai trương một kỷ nguyên tân dân chủ ở xứ này.

Tình thế quốc tế và quốc gia buộc Đảng Cộng sản phải tham chánh để giải quyết các vấn đề khó khăn, nguy hiểm bên trong và bên ngoài để thực hành và củng cố nền dân chủ lâm thời. Cuộc tham chánh ấy cũng là tiếp tục cuộc tranh đấu từ mười mấy năm nay và cũng là một đoạn đường trong cuộc tranh đấu trong tương lai.

Không say sưa khi đắc thắng, không nản chí lúc thất bại, trong tình cảnh nghiêm trọng hiện thời, Đảng Cộng sản kêu gọi hết thầy anh em thợ thuyền, nông dân, thanh niên, binh lính và các giới đồng bào nỗ lực làm việc kiến thiết nền dân chủ quốc gia, đem toàn lực ủng hộ Ủy ban hành chánh lâm thời, đương thực hiện một nước Việt Nam độc lập, dân chủ và làm cho người Việt Nam tự do sung sướng.

Việt Nam độc lập muôn năm!”

Trong cuộc tuần hành từ Norodom, xuống Catinat đến mé sông, quanh lên Charner, số đông uỷ viên của Ủy ban hành chánh, một số đồng chí Xứ uỷ viên, Thành uỷ viên đi sau ba lá cờ rất lớn. Chính giữa và đi trước, một bước là lá cờ Đảng, bên tả, sau một bước là lá cờ đỏ sao vàng, bên hữu, sau hai bước là cờ vàng sao đỏ. Cờ Đảng quá lớn, chú Giỏi, thợ Eiffel phải mang ở cổ tay một tấm da khâu vào cán cờ. Nguyễn Văn Tây đi cạnh tôi bảo: “Tụi phản động, phe thực dân nó bất ngờ và khiếp vía, chớ nếu nó ném cho tụi mình mấy quả lựu đạn thì cũng rày rà lằm đó!”. Tôi đáp: “Đi theo đoàn biểu tình ở trên lề đường và ở trong hàng ngũ có tự vệ; đó, anh em đi đó; tụi phá hoại chạy đâu cho khỏi”. Thỉnh thoảng Tây nhắc tôi: mặt ngó thẳng, đừng ngó lên, người ta nói mình “ngình”. Đằng sau, từng chập, từng chập, nhân dân vừa đi vừa hô khẩu hiệu; còn thanh

niên, công nhân thì vừa đi vừa hát “Thanh niên hành khúc”, “Lên đàn”. Nhưng đồng bào phần nhiều là già cả và trẻ em đứng hai bên lề đường vỗ tay, tung nón hoan hô.

Khi bọn tôi ra trước bao lơn thì sánh với bên cạnh, các nhà báo vừa được mời lên lầu, thì quang cảnh quần chúng nhân dân biểu tình cũng y như ở Norodom: đầy ắp đường Charner cho đến mé sông Bến Nghé; đầy ắp Bonard cho đến Chợ Mới, đầy ắp Bến Thành và đại lộ La Somme. Từ bao lơn nhìn dọc lý thành phố, danh sách uỷ ban Nam Bộ được bác sĩ Phạm Ngọc Thạch công bố trong tiếng hoan hô như sấm dậy của hàng vạn đồng bào.

Tôi đọc tuyên bố của Uỷ ban hành chánh lâm thời. Cuộc biểu tình chấm dứt trong tiếng nhạc liên hồi, thanh niên hùng tráng và tiếng hát “Lên đàn” giục giã (dàn nhạc của quân đội gồm mấy chục kèn và trống).

Đến chiều tà, đường phố Sài Gòn - Chợ Lớn mới trở lại bình thường, trong lúc đó ở toà bố Gia Định và toà bố Chợ Lớn có tập hợp nhân dân tuyên bố xoá bỏ chính quyền cũ và để hoan hô Uỷ ban hành chánh tỉnh. Đại biểu các địa phương sau khi nhận thêm chỉ thị của Xứ uỷ tức tốc trở về thực hiện việc giành chính quyền ở tỉnh mình. Có tỉnh làm được sớm như Bạc Liêu, có tỉnh làm trễ như Hà Tiên (phải chờ Châu Đốc đưa quân sang giúp), cả Nam Kỳ hoàn thành khởi nghĩa trong vòng vài ba ngày. Trước cuối tháng 8, không còn có quận nào, xã nào trên toàn Nam Kỳ mà không có chính quyền cách mạng của nhân dân.

Ngày 25 ở Sài Gòn đẹp như vậy, đẹp ở đại đoàn kết toàn dân, đẹp ở sự đại thắng gọn ghẽ của khởi nghĩa cách mạng, ngày 25 đó ở Sài Gòn, tiệc thay, bị vẫn đục ở một nơi, bởi một việc bất ngờ: cuộc xô xát đổ máu ở Tân Bình giữa đoàn biểu tình Hóc Môn với Bảo an đóng ở bót Tân Bình. Bót Tân Bình lực lượng khởi nghĩa đã chiếm từ hôm qua, đã treo cờ đỏ sao vàng. Nhưng Biện Vi và nhóm anh ta ở trong đoàn “Giải Phóng” kích động anh em biểu tình ở Hóc Môn xuống tràn vào bót (toan gỡ cờ đỏ này để treo cờ đỏ kia, cũng là cờ đỏ sao vàng cả) muốn lấy bót, gọi là tự tay mình “cướp chính quyền”! Anh em trong bót không biết tại sao lại có kẻ đánh bót nên buộc phải nổ súng tự vệ giữ cờ. Đến khi Uỷ ban và Xứ

uỷ được báo cáo cho người đến dàn xếp thì việc đã lỡ rồi! Khổ thay! Khổ nhất là thành kiến đáng lẽ bị lấp bằng bởi cuộc khởi nghĩa đại thắng, lại bị đào thêm sâu hơn giữa “Tiền Phong” và “Giải Phóng”. Ngày 25 và 26, nhân dân khởi nghĩa ở Sài Gòn về làm khởi nghĩa giành chính quyền ở Hóc Môn, đồng chí Mười Thinh thủ lĩnh Thanh niên Tiền phong ở quận được bầu làm Chủ tịch chính quyền cách mạng của quận.

Sài Gòn khởi nghĩa năm ngày sau Hà Nội. Về sau, anh T.C. 4 (trong sách Cách mạng tháng Tám) bảo: “Hà Nội khởi nghĩa ngày 19 tháng 8, còn Sài Gòn thì “mãi” đến 25 mới khởi nghĩa”, rõ ràng có ý phê bình, chê trách. Đúng là Sài Gòn đến ngày 24 mới khởi nghĩa sau Hà Nội 5 ngày. Có mấy ai biết rằng tháng 10 năm 1917, Moscou khởi nghĩa sau Petrograd hơn một tuần, Lenin có phê phán, chê trách gì đâu? Ấy là Moscou nhận được chỉ thị của Lenin, của Trung ương Đảng về việc khởi nghĩa cướp chính quyền, chớ Sài Gòn và Nam Bộ có được chỉ thị quá ư cần thiết đó đâu? Nó đã phải tự động tự quyết cả, tựa như quân đội trong chiến tranh chỉ cần nghe tiếng súng là chia lửa với nhau không đợi lệnh mới đánh tiếp sức, như vậy là đáng khen lắm chớ? Ví phỏng Xứ uỷ không làm theo quyết định của chính mình mà theo “Giải Phóng” (đặc phái viên Trung ương là Hoàng Quốc Việt 5, ngày 2 tháng 9 chiều tối mới tới Sài Gòn ủng hộ) — ngồi chờ chỉ thị, thì làm gì có cách mạng thành công ở Sài Gòn, Nam Bộ? Vậy thì sao lại chê trách? Mà chê trách thì chắc cũng được thôi, nhưng phải đúng mức. Chỉ lủi thủi ở vài địa phương ở đồng quê, lực lượng quá ít ỏi, hoạt động quá yếu ớt, chờ lệnh Trung ương không biết chừng nào mới đến, thì làm gì có khởi nghĩa Sài Gòn, ở Nam Bộ? Mà nếu cách mạng không thành ở Sài Gòn, ở Nam Bộ, chỉ thành công ở Bắc (và ở Trung) thì tình hình chính trị Việt Nam sẽ ra sao đây khi quân Anh và quân Pháp trở lại? Thấy điều ấy mới thấy cái tự động quyết định của Xứ uỷ Nam Bộ là hết sức kịp thời. Kịp thời chớ đâu phải là vãng mặt, huống chi đánh giá về khởi nghĩa tháng Tám ở Sài Gòn và ở Nam Kỳ không thể không xét tới hai điều kiện sau đây:

— Thứ nhất là Nam Kỳ phải trải qua cuộc khởi nghĩa tháng 11 năm 1940, thất bại rất nặng làm mất gần hết cơ sở và tan vỡ hết hệ thống Đảng, gây dựng lại hết sức khó khăn, làm cho quần chúng hoang mang; khôi phục hệ thống, khôi phục sự tín nhiệm rõ ràng là không dễ. Vậy mà các

đồng chí trong Nam Kỳ đã chạy đua kịp với thời gian, với thời cuộc. Thành tích của họ càng lớn. Đáng tuyên dương chứ sao lại chê trách?

— Thứ hai là ở Nam Kỳ, đối lập với Đảng Cộng sản không phải là những tổ chức lèo tèo, mà là những chính đảng và giáo phái lớn mạnh, đông đúc, có lực lượng quần chúng và lực lượng vũ trang. Trong điều kiện đó dễ gì mà tạo cho ta một “đạo quân chính trị” (cả quân sự) áp đảo để giành chính quyền về tay nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng? Sách lược của Xứ uỷ Nam Kỳ có những điều không giống với sách lược của Trung ương, mà ngay sách lược của khởi nghĩa ở Hà Nội và nhiều tỉnh ở Bắc, Trung cũng không giống, Hà Nội cũng phải tự động quyết định cho dù từ Tân Trào về Hà Nội không xa. Hà Nội chưa nhận được chỉ thị Tổng khởi nghĩa của Tân Trào mà Hà Nội căn cứ vào chỉ thị của Trung ương “Nhật-Pháp đánh nhau ta phải làm gì?” mấy tháng trước đó để quyết định khởi nghĩa. Thì Sài Gòn không có chỉ thị khởi nghĩa của Tân Trào, không có chỉ thị “Nhật-Pháp đánh nhau ta phải làm gì?”, thì Sài Gòn thực hiện Nghị quyết Trung ương cuối 1939, và làm khởi nghĩa. Người mácxít-leninnít phải tùy điều kiện cụ thể mà chủ trương thích hợp, miễn sao cho cách mạng thành công, có sai lệch thì uốn nắn, sửa chữa; nhưng sáng kiến, sáng tạo là điều phải được chấp nhận, nhất là trong hoàn cảnh mất liên lạc với cơ quan lãnh đạo tối cao mà ở Nam không một ai phủ nhận quyền lực. Vậy, nên nói: “Còn Sài Gòn và Nam Bộ, mặc dầu đã phải trải qua cuộc khởi nghĩa 1940, thất bại nặng, mặc dầu về tương quan lực lượng của đảng phải có những khó khăn lớn, mặc dầu xa Trung ương, cũng đã khởi nghĩa gần cùng một lúc với Bắc, Trung, Huế, Hà Nội, trong một cuộc tổng khởi nghĩa vĩ đại, trên một bề dài đất nước hai nghìn cây số mà chỉ cần một tuần nhật đã toàn thắng”.

Tiếp theo...

Chú thích của người biên tập

1 Danh sách đối chiếu tên đường phố Sài Gòn nói tới trong phần này:

Blansubé: Duy Tân, nay là Phạm Ngọc Thạch

Bonard: Lê Lợi

Catinat: Tự Do, nay là Đồng Khởi

Charner: Nguyễn Huệ

Galliéni: Trần Hưng Đạo

La Somme: Hàm Nghi

Norodom: Thống Nhất, nay là Lê Duẩn

2 Ga xe điện Louvain: gần rạp hát Nguyễn Văn Hảo (nay là rạp Công Nhân) đường Trần Hưng Đạo.

3 Sau khi hai nhóm cộng sản đệ tam và đệ tứ chấm dứt hợp tác với nhau trong tờ La Lutte, nhóm đệ tam ra hai tờ Le Peuple (tiếng Pháp) và Dân Chúng (tiếng Việt), nhóm đệ tứ ra tờ báo tiếng Việt lấy tên là Tranh Đấu. Biểu tượng của nhóm đệ tứ (ngôi sao xẹt) là hình địa cầu, có ngôi sao và tia chớp hình số 4. Theo bác sĩ Trần Ngươn Phiêu (xem bài Một số chi tiết về Phan Văn Hùm) trong cuộc biểu tình ngày 25.8.1945, có hai nhóm đệ tứ (khác xu hướng) tham gia: “nhóm Tranh Đấu” (với khẩu hiệu “Võ trang nhân dân, Lập chính quyền Công – Nông”) và “nhóm Liên Minh” (“Ruộng đất về tay người cày, Quốc hữu hóa sản nghiệp giao lại cho thợ thuyền kiểm soát, Thành lập Ủy ban Nhân dân...”). Các khẩu hiệu này cho thấy trình độ ấu trĩ, não trạng tả khuynh và thiếu năng về ý thức dân tộc của những người trốt-kít thời đó. Điều trớ trêu là về nhiều mặt, họ không khác đường lối của Stalin và của những người đệ tam được đào tạo trong thập niên 1930, từng được "phổ biến" là Nguyễn Ái Quốc đi theo con đường cải lương, quốc gia chủ nghĩa, mơ hồ với tư sản... Người ta hiểu tại sao khi chính phủ Hồ Chí Minh ký Hiệp ước sơ bộ 6-3-1946, các nhóm đệ tứ lên án Hồ Chí Minh "bán đứng cách mạng" (còn các đảng "quốc gia" thì hô hoán là "bán nước"). Và năm 1953, dưới sức ép ghê gớm của Stalin và các cố vấn Trung Quốc, cuộc "cải cách ruộng đất" đã được đại đa số đảng viên ĐCS tiến hành một cách hăng say, mù quáng.

4 T. C.: Tức là Trường Chinh (Đặng Xuân Khu), tổng bí thư Đảng cộng sản lúc đó. Chúng tôi còn nhớ, cuối thập niên 70, hỏi Trần Văn Giàu bao

giờ ông mới xuất bản hồi ký, ông cười và nói: còn ông T.C., thì hồi ký Trần Văn Giàu chưa thể xuất bản được. Tất nhiên đó là T.C. trước cuộc Đổi Mới 1986. Tiếc rằng hai năm sau, ông Trường Chinh qua đời. Một cuộc tranh luận công khai giữa Trường Chinh và Trần Văn Giàu về năm 1945 không bao giờ diễn ra. Đối với nhà sử học, nhưng với một nhà văn?

5 Hoàng Quốc Việt: xem Hồi ký Trần Văn Giàu (IX)

Phần V(2): TỔNG KHỞI NGHĨA THÀNH CÔNG: KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP BẮT ĐẦU

(tiếp theo)

9. Quyết định cho tàu ghe cấp tốc

đi rước tù chính trị Côn Đảo về

Ngày 25 kết thúc với cuộc hội nghị liên tịch giữa Ủy ban và Xứ ủy, trong đó bọn tôi kiểm điểm cuộc khởi nghĩa giành chính quyền và đặt ra những nhiệm vụ trước mắt.

Nhiều vấn đề được đặt ra, được giải quyết, sau khi ta đã nắm chính quyền.

Có một vấn đề mà tôi nhớ mãi, không phải chỉ vì nó đặc biệt quan trọng, mà vì nó đã làm cho tôi khốn khổ một thời gian dài. Ấy là quyết định đi rước tù Côn Đảo.

Đi rước tù Côn Đảo thì tốt quá chứ “khốn khổ” gì? Ấy! Vậy mà sanh chuyện khá lớn và kéo dài mới lạ cho chứ! Thành ngữ Việt Nam nói “đất bằng dẫy sóng”! Có thật như vậy chứ không phải người xưa bày vẽ hình tượng văn chương để mà chơi.

Trong cuộc hội nghị chiều tối ngày 25, tôi có nói với các đồng chí trong Xứ ủy: Khôi phục lại hệ thống Đảng ở Nam Bộ sau khởi nghĩa Nam Kỳ là công đầu của những anh em vượt ngục Tà Lài hợp sức với một số rất ít những anh em sống sót, ẩn náu sau 1940; xây dựng lực lượng để đi tới khởi nghĩa tháng 8, công đầu của các anh em trên hợp sức với anh em, chị em Bà Rá thoát khỏi cang với số anh em đã ẩn náu khác, đã trở lại công tác sau đảo chánh 9 tháng 3. Bây giờ khởi nghĩa thắng lợi chính quyền về ta, công việc nhiều mà khó khăn mười lần, trăm lần hơn trước. Lênin

bảo: giữ chính quyền khó hơn cướp chính quyền; không có anh em ở Côn Lôn về thì không xong. Vả lại, nhiệm vụ của cách mạng là phải giải phóng tất cả tù chính trị mà chính phủ Trần Trọng Kim chưa chịu thả. Phải đưa anh em về ngay, cộng sản lẫn quốc dân đảng, bằng tất cả các phương tiện ta có, với bất cứ giá nào. Đừng chậm trễ, chậm trễ có thể sinh điều bất trắc (ví dụ như hải quân Pháp cản trở). Chắc nội đêm nay anh em ta ở Côn Lôn biết tin Sài Gòn khởi nghĩa cướp chính quyền rồi, họ nóng ruột lắm. Đừng để các đồng chí chờ đợi lâu.

Tất cả anh em đều đồng ý, và do tôi đề nghị, chúng tôi cử Đào Duy Kỳ hợp sức với Nguyễn Công Trung thay mặt Xứ uỷ làm việc gấp rút này. Kỳ có ở Côn Đảo, là nguyên Bí thư Xứ uỷ Bắc Kỳ.

Kỳ đã liền đó đi tìm sự cộng tác của Ngô Văn Chương – một ông đồng chí cộng sản giàu, có nhiều khả năng thuê tàu, thuê ghe, kiếm tiền – và sự cộng tác của hai anh em Lý Văn Sâm, Lý Văn Chương; Sâm là kỹ sư giám đốc thương cảng. Tôi ký tên ngay cho Đào Duy Kỳ, Lý Văn Chương, em Lý Văn Sâm, trưng dụng tàu nhỏ đi biển, trưng dụng ghe biển miệt Vàm Láng. Xứ uỷ còn chỉ thị cho các tỉnh uỷ Trà Vinh, Sóc Trăng tiếp tay vào việc rước tù Côn Lôn.

Công việc tiến hành có trắc trở ít nhiều, chậm trễ hơi lâu.

Nhưng rồi tất cả đồng chí ở Côn Lôn được rước về, trong đó có cụ Tôn Đức Thắng, Lê Duẩn, Phạm Hùng v.v... Anh em về đến miền Tây Nam Bộ thì cuộc kháng chiến đã bắt đầu. Anh em liền bắt tay vào kháng chiến. Cụ Tôn năm lần bảy lượt đi qua gần nhà mà không ghé nghỉ; việc dân cần kíp hơn; cụ ông xa cụ bà đã mười bảy năm trường! Chuyện vua Vũ đi trị thủy, qua nhà ba lần không vào, so với chuyện cụ Tôn chưa thăm vào đâu!

Bọn tôi lo đón tù chính trị Côn Lôn về như vậy, đó là Nghị quyết đầu tiên của bọn tôi, là Nghị quyết đầu tiên tôi ký tên dưới danh nghĩa Chủ tịch sau khi giành chính quyền. Vậy mà một hôm, sau 1954, trên bục trường Nguyễn Ái Quốc, Hà Nội, một lãnh tụ nhóm “Giải Phóng” trước kia, đã công khai tố cáo việc mà lâu nay họ xầm xì truyền miệng nhằm đả phá

tôi, Trần Văn Giàu, đã phá “Xứ uỷ Tiền Phong” và “chính quyền Tiền Phong”! Đồng chí ấy nói trước non già một ngàn học viên mà hầu hết là những người có trình độ Tỉnh uỷ, Quận uỷ, Huyện uỷ, rằng: Chính quyền của anh Giàu, Xứ uỷ phe Tiền Phong không chịu rước tù Côn Lôn về, không chịu rước đồng chí Tôn Đức Thắng, Lê Duẩn, Phạm Hùng về! Sở dĩ không cho đi rước vì phe Giàu sợ rằng hễ anh em ở Côn Lôn về thì anh em đó sẽ chiếm mất quyền của phe Giàu, lại có thể là Giàu có ý để cho Pháp có đủ thời giờ quay trở lại giữ các đồng chí kia ở Côn Lôn. May nhờ tự lo lấy cho nên các đồng chí ở Côn Lôn mới về được mà tham gia kháng chiến!

Hay tưởng tượng cái phản ứng tự nhiên của hội trường.

Người ta hét lên những câu gì? Không nói ra cũng có thể biết.

Nếu Trần Văn Giàu có mặt ở đó thì có lẽ đã bị đánh chết ngay rồi!

Nhưng, may quá, tôi ở 20 Phan Huy Chú, làm giáo sư dạy ở trường Đại học Tổng hợp và Đại học Sư phạm, không phải đi học trường Nguyễn Ái Quốc. Và may hơn nữa là, hôm đó, trong số học viên có Đào Duy Kỳ, người đã lãnh trách nhiệm của Xứ uỷ và của Lâm uỷ hành chánh chiều ngày 25 tháng 8 về cái vấn đề số 1 của buổi họp, vấn đề đưa tàu, ghe đi rước anh em ở Côn Lôn về.

Anh Đào Duy Kỳ cãi lại ngay hôm đó, Kỳ nói: “Chính tôi là người được lệnh của Xứ uỷ và Uỷ ban đi rước anh em kia mà! Và hiện nay, ở Hà Nội còn có ba đồng chí cùng tôi làm việc này, là Lý Văn Sâm, Lý Văn Chương – em của Sâm – và Ngô Văn Chương thuộc Uỷ ban hành chánh Sài Gòn-Chợ Lớn”.

Nổi công phần mấy phút trước nảy lên dữ, bây giờ, sau lời cãi lại của Kỳ nó xuống cũng mau. Người nghe không hiểu tại sao có sự vu cáo kỳ cục và nguy hiểm như vậy?

Hôm sau, Đào Duy Kỳ về Viện Bảo tàng Cách mạng mà Kỳ là Chủ tịch Hội đồng Khoa học, mời các anh Lý Văn Sâm, Lý Văn Chương và Ngô Văn Chương tới phát biểu có ghi âm về việc họ được lệnh và đi rước tù

ở Côn Lôn như thế nào. Theo Kỳ nói lại với tôi thì băng ghi âm đó, Viện bảo tàng cách mạng còn giữ. Tôi không được nghe, nhưng tôi được biết là có thật buổi ghi âm đó; Sâm, Chương đều là bạn thân của tôi từ trước những ngày vinh quang tháng 8 ở Sài Gòn.

Vu cáo lớn và hết sức ác này, kể theo thời gian là vu cáo lớn thứ tư. Cái vu cáo này có dịp bùng lên giữa hội trường Đảng nên nó bị nổ tung như cái bong bóng. Nhưng than ôi! Còn tiếng xầm xì, xậm xịt lâu nay thì ai đánh chính cho tôi? Không có kiểm điểm sự vu cáo. Ai vu cáo cứ vu cáo; còn ai bị vu cáo cứ phải ráng mà chịu dù sự thật của chúng rõ như ban ngày.

10. “Cuộc đi rước tù chính trị Côn Đảo”

của Lý Văn Chương

Sau đây là bản tự thuật của đồng chí Lý Văn Chương (đã ghi âm và đã đánh máy thành 7 bản) tại Viện Bảo tàng Cách mạng Hà Nội.

Nhắc lại rằng chiều tối ngày 25 tháng 8, khi cuộc biểu tình vũ trang một triệu người đã giải tán thì Xứ uỷ họp kiểm điểm ngày khởi nghĩa và đề ra những nhiệm vụ cần kíp; tôi, chính tôi yêu cầu Xứ uỷ và Uỷ ban ra quyết định cử người đem tàu, ghe rước anh em ta còn ở ngoài Côn Đảo. Riêng tôi ký ngay lệnh lấy chiếc tàu De Lanessan để làm ngay việc đón rước cho mau chóng nhất. Một ban chuyên trách được thành lập ngay gồm ba người: Đào Duy Kỳ (nguyên Bí thư Xứ uỷ Bắc Kỳ), Nguyễn Công Trung (viết báo Dân Chúng) và Tưởng Dân Bảo (người đã từng ở Côn Lôn). Ban này giao cho Lý Văn Chương thực hiện kế hoạch đi rước. Anh Lý Văn Chương bác bỏ kế hoạch mượn tàu Hải Nam ở Rạch Giá; anh là người Gò Công, chủ một cái tiệm máy móc phụ tùng ở đại lộ De La Somme. Mặt xương xẩu, nói lắp vấp mà tính tình chân thật, thương anh em; quen biết tất cả anh em thủ thủy và hoa tiêu Sài Gòn.

Bản tự thuật của Lý Văn Chương (bản gốc còn ở Bảo tàng Lịch sử Hà Nội) kể (nguyên văn):

“Việc thi hành nhiệm vụ mà Ủy ban Ủng hộ Chính trị phạm (chủ tịch Đào Duy Kỳ; uỷ viên: Nguyễn Công Trung và Tưởng Dân Bảo) giao cho tôi tổ chức đoàn ghe biển (ghé đánh cá) đi rước những nhà chính trị bị đế quốc Pháp cầm tù ở Côn Đảo.

(Tôi được mời đến để tự thuật, ngày 23 tháng 9 năm 1965, tại Viện Bảo tàng Cách mạng).

“Vào lúc 14 giờ ngày 3 tháng 9 năm 1945, anh Ngô Văn Chương (Sài Gòn), vóc người to lớn, chạy vô tiệm tôi, hơ hải nói: “Anh Năm, chính phủ mình lấy chiếc tàu De Lanessan giao cho anh em công nhân và các anh Hoá, Trúc (hoa tiêu) lo sửa chữa để ra Côn Đảo rước chính trị phạm nhưng bọn Việt gian cho bọn Pháp hay, Pháp mách (cho Anh, Anh lệnh cho) Nhật Bồn tịch thu chiếc tàu ấy; lấy đâu mà đi rước các nhà chính trị ngoài đó?

“Do không có phương tiện đi Côn Đảo liền trong ngày chiếc tàu De Lanessan bị tịch thu, nên Ủy ban Ủng hộ Chính trị phạm phân công anh Ngô Văn Chương tức tốc xuống tỉnh Rạch Giá tìm mượn tàu Hải Nam, loại tàu chạy buồm của người Trung Quốc thường tới buôn bán ở nơi đó.

“Phần tôi cố theo dõi tình hình cũng biết một số tin tức ngoài Côn Đảo từ năm 1940/1941 tới nay là 1945, bọn Pháp giết chóc hơn phân nửa số người chính trị nó đưa ra ngoài đó. Tôi xét thấy anh Tư Ngô Văn Chương xuống Rạch Giá khó tìm loại tàu Hải Nam được (thỉnh thoảng mới có một, hai chiếc ghé đó để bán và mua hàng). Tôi biết là vì tôi là người mua bán khắp các tỉnh, nắm được tình hình buôn bán khắp nơi.

“Để giải quyết vấn đề này, tôi nhận thấy chỉ có những loại ghe biển mũi đỏ nhọn, đánh cá, như loại ghe ở ấp Vàm Láng, xã Kiến Phước, tỉnh Gò Công mới có khả năng đảm bảo; ghe mũi nhọn, nhổng cao lên, dít thì bầu, sóng lớn đánh vào mũi, nó cứ lách mình chạy tới, nó đã được nhiều lần thử thách; gặp gió lớn hay bị bão trôi đi có khi tận đến Phi Luật Tân, Nam Dương, Xiêm La, mà còn trở về được. Từ đất liền đến Côn Lôn đường xa có hơn 120 km đường chim bay, vả lại lúc ấy có chút ít gió

nồm nam vào buổi chiều, khi trở về thì xuôi buồm, như thế sử dụng loại ghe biển đó rất thuận lợi.

“Đến 19 giờ ngày 3 tháng 9 năm 1945, tôi kêu đây nói báo cho anh Đào Duy Kỳ, nói những ý kiến của tôi, anh Kỳ lúc ấy là chủ bút tờ báo Dân Chúng ở tại đường Lagrandière 1... lại là Chủ tịch Ủy ban Ủng hộ Chính trị phạm.

“Trong hai ngày 4 và 5 anh Đào Duy Kỳ giao cho anh Tưởng Dân Bảo tìm hiểu tôi và thăm dò những ý kiến của tôi đề ra, xem tôi có tích cực, thành thật trong công tác này hay không... Đến ngày 6 tháng 9, các anh Kỳ, Trung, Bảo nói cho tôi biết là Đảng đã chấp thuận ý kiến chương trình của tôi đề ra và tôi được phân công đi Gò Công bằng một chiếc xe hơi gazogène.

“Đi vào lúc 9 giờ 30 sáng 6 tháng 9, xe chạy một hơi tới Gò Công; rồi đi luôn xuống nhà quen ở xã Kiến Phước, nhờ anh Nguyễn Văn Kiết xã trưởng đi cùng anh Huỳnh Văn Lúa, với chúng tôi đến Vàm Láng, triệu tập các chủ ghe biển với một số thủy thủ tại ấp Vàm Láng – ngày ấy nhằm ngày trời gió nam, biển động, ghe biển đậu tại bến.

“Anh Tưởng Dân Bảo trình bày lý do, chúng tôi động viên khuyến khích các chủ ghe và anh em thủy thủ đóng góp sức lực cho sự giải thoát chính trị phạm. Lúc đầu các chủ phương tiện dùng dằng viện lý do này lý do khác; nhưng anh em thủy thủ và những tài công (coi lái ghe) đồng tình cương quyết ra đi, cho nên các chủ ghe cũng thuận theo. Kết quả, tổ chức được 50 chiếc ghe biển loại lớn, mỗi chiếc chở được ít nữa 100 người. Phải cho mỗi chiếc ghe mượn từ một trăm đồng trở lên để mua thêm dây neo, buồm và dụng cụ đi biển...

“Cách đi ra Côn Đảo trong mùa gió này (là) đi trong sông, ra cửa Cồn Lợi tỉnh Trà Vinh hay ra cửa Định An tỉnh Sóc Trăng, từ đó bắt đầu chạy buồm thì mau hơn, còn nếu bắt đầu từ Vàm Láng thì sẽ bị gió thổi tấp và khó chạy, chạy chậm mất thêm ngày giờ.

“Tổ chức, bố trí xong xuôi; anh Lúa, anh Kiết chịu trách nhiệm theo dõi tình hình đoàn ghe biển trong lúc chuẩn bị, sửa chữa neo buồm. Nên

chúng tôi trở về Sài Gòn vào lúc 15 giờ ngày 6 tháng 9. Lúc xe chạy ngang nhà, con tôi tên là Toàn mới bốn tuổi chơi trước cửa ngõ, tôi thấy con mà cũng đành để xe chạy luôn, vì đường vô nhà ba mươi thước, không để mất thì giờ ghé thăm cha mẹ và con tôi được. Lo việc cho xong sẽ về thăm, muộn gì. Nhưng, từ đó tới nay tôi đi luôn, hơn hai mươi năm, cha mẹ tôi chết hết, tôi không gặp mặt.

“Chúng tôi ghé thị xã Gò Công, ghé Ủy ban Nhân dân Tỉnh, yêu cầu Chủ tịch Nguyễn Côn cho mượn 6.000 đồng để phân phát cho các chủ ghe mượn.

“Trở về báo cáo với anh Kỳ, Trung, tôi yêu cầu có tàu dắt đoàn ghe biển theo sông Cồn Lợi cho mau. Tìm được chiếc tàu Rodier, nhưng máy nó yếu, nó kéo không hết đoàn ghe, cần thêm một chiếc nữa. Tôi đến văn phòng cảng Sài Gòn, xin lấy cho một chiếc tàu kéo. Lúc ấy, anh Lý Văn Sâm giám đốc cảng Sài Gòn - Chợ Lớn, anh Sâm là anh ruột tôi, anh nói: “Phải có ý kiến và xin giấy phép chính phủ, không nên cảm tình cá nhân anh em”. Tôi báo cáo với anh Đào Duy Kỳ xin lấy chiếc tàu kéo của cảng. Anh Kỳ đến Ủy ban Nam Bộ, anh Trần Văn Giàu ký giấy cho phép và tôi đến cảng nhận chiếc tàu kéo Remorqueur R.4.

“Lúc ấy, gặp những anh em công nhân lo sửa chữa chiếc tàu Phú Quốc để chạy ra Côn Đảo. Vì chiều ngày 5 hay là sáng ngày 6 tháng 9 năm 1945, anh Trần Văn Giàu (đã) ký giấy lấy chiếc Phú Quốc. Tôi động viên anh em sửa chữa nhanh để đi một đoàn cho có bạn.

“Ngày 11 tháng 9, vào lúc 19 giờ, anh Đào Duy Kỳ triệu tập tại nhà báo Dân Chúng một cuộc họp để phân công. Tôi chịu trách nhiệm chỉ huy đoàn ghe đi Côn Đảo với danh nghĩa là một uỷ viên Ủy ban Ủng hộ Chính trị phạm, có giấy giới thiệu và giấy chứng nhận của Ủy ban. Trong cuộc họp này, có tên Ty ra ngăn cản với lý do là đoàn ghe biển này đi rước các nhà chính trị phạm không bảo đảm an toàn; nếu có chìm ghe chết người thì vợ con họ kiện chính phủ; cần phải có đủ tàu đi rước mới được. Tôi cam đoan, bảo đảm giữa hội nghị và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm: hội nghị tán thành. Tên Ty nó biết chính phủ mới thành lập, không có tàu. Tên Ty theo tàu Phú Quốc đi với một số người và một phụ nữ ra Côn Đảo.

Ra Côn Đảo nó lên diễu đàn, nói chưa chắc độc lập. Sau nó trở về Sóc Trăng, gặt anh chủ tịch Dương Kỳ Hiệp, lấy 50.000 đồng để mua súng... (sau tôi báo cáo cho anh Nguyễn Văn Tây cái tên Ty khả nghi này. Quả nó là gián điệp theo phá hoại cuộc đi Côn Đảo rước chính trị phạm. Ty bị bắt).

“12-9-1945, Nguyễn Công Trung giao cho tôi 2.000 đồng. Tôi lấy thêm tiền nhà 5.000 đồng. Chỉ một mình anh Lý Văn Sâm biết tôi đi làm gì. Vợ tôi về Gò Công. Cửa tiệm của tôi đã nghỉ buôn bán năm tháng nay để tôi lo công tác. Đến cảng Sài Gòn, tại cột cờ Thủ Ngũ, trình giấy tờ, anh Đức giao cho tôi chiếc R.4 đã có chuẩn bị chu đáo theo lệnh anh Sâm.

“14 giờ ngày 12-9, thì R.4 bắt đầu mở máy chạy một mạch đến Kinh Nước Mặn vào lúc 22 giờ ngày ấy. Chiếc Rodier cũng tập trung với đoàn ghe biển. R.4 kéo một đoàn 20 chiếc ghe biển; Rodier kéo 12 chiếc... Chạy đến thị xã Mỹ Tho lúc 18 giờ; đậu lại mua thêm củi cho R.4 chụm lò; đậu cách chợ một cây số sợ anh em thủy thủ lên chơi, tập trung lại chậm trễ... Đến quận Trà Ôn vào lúc 4 giờ sáng ngày 15 tháng 9, mua hột vịt, muối, cá khô, gạo, nước ngọt cho mỗi ghe; mua củi cho R.4 trở về Sài Gòn. Còn Rodier chạy đến Đại Ngãi (Sóc Trăng) đậu lại đó chờ đoàn ghe trở về...

“Khi đó hàng trăm Thanh niên Tiền phong cầm tâm vòng đến tra xét, vì vừa qua Hoà Hảo dậy muốn giành chính quyền ở Hậu Giang; họ bị ta bắt cũng nhiều; anh em Thanh niên Tiền phong có nhiệm vụ tuần tiễu, canh gác nghiêm ngặt, họ sợ đoàn ghe lạ đến giải thoát dân phiến loạn, còn Hoà Hảo nghe tin có đoàn ghe lạ tới, ngỡ là ghe đến chở họ đi, la ó om. Rốt cuộc Thanh niên Tiền phong và nhà chức trách địa phương biết là đoàn chúng tôi đi Côn Đảo đưa chính trị phạm về.

“Bản thân tôi, cùng thuyền viên thủy thủ trong đoàn ghe hơn 200 người, không một ai biết Côn Đảo. Phải nhờ đồng bào giúp đỡ, ở đây ngư dân thường đánh cá về hướng Côn Đảo nên rõ đường đi; phải nhờ họ giúp.

“Chương trình lúc ra đi, có bàn là, tình hình chính trị yên tĩnh thì rước chính trị phạm về thẳng Sài Gòn; không êm thì về Mỹ Tho.

“5 giờ sáng ngày 6-9-1945, tôi cho đoàn ghe ra cửa Bảy Xào, theo hướng Côn Đảo mà chạy. Trên đầu cột buồm ghe tôi, có treo một cái khăn bông tẩm để làm beo cho các ghe sau thấy, để khỏi lạc. Quá 10 giờ nổi lên một trận giông rất lớn. Các ghe phải lặn buồm thả trôi theo lượn sóng mà chịu. Chiếc ghe mà tôi ngồi là chiếc ghe số 3, chở 9 người thì 3 người nằm mê man, ba người chịu trách nhiệm trước mũi, khi lặn buồm xong cũng bị say sóng, chỉ còn ông lái ghe, ông tát nước và tôi ngồi gần lái mà chịu trận. Sóng đánh trước mũi ra tận sau lái, chiếc trước chạy cách chiếc sau 100 thước mà không thấy cột buồm nhau. Sóng to, gió lớn, mưa nhiều. Lúc ấy, ông lái ghe đòi quay ghe xuôi sóng trở lại sau sẽ trở ra; tôi không đồng ý, cương quyết tiếp tục đi tới, nên giữ gối đầu sóng không cho ghe trôi vào, để làm gương và dẫn đường cho các ghe sau (ghé tôi ngồi là ghé chỉ huy). Chịu đựng gió to, sóng lớn, mưa nhiều như thế suốt hai giờ rưỡi thì gió mới dịu bớt.

“Trong trận giông lớn này, tôi nghĩ mười phần chỉ có một phần sống nhưng vì tôi nhận nhiệm vụ và vì tôi thương các nhà chính trị bị đày đoạ ngoài Côn Đảo, nên tôi thà chết, không nghe lời ông lái quay ghe trở lại. Trận giông này làm xiêu bạt hết 9 chiếc ghe và một thủy thủ tên là Thủ, còn tuổi thanh niên, làm nhiệm vụ lặn buồm, bị cánh buồm gạt anh sút tay rơi xuống biển mất tích. Trong số ghe trở lại, có một chiếc xiêu bạt đến cù lao Nam Sa, sau sửa chữa trở về được, trong tàu có một thanh niên người Trung Quốc tên là Thang Bửu Minh ở Chợ Lớn, cũng theo ra đón chính trị phạm người Trung Quốc. Một số ghe trở lại Côn Nóc núp gió trong ba ngày sau mới ra được; tất cả trước sau 25 chiếc, chỉ lạc 7 chiếc.

“Khi gió êm, lại bắt đầu chạy... đến 15 giờ thấy trước mặt hình dáng Côn Đảo. 19 giờ ngày 16-9-1945, mới đến bãi Cỏ Ong.

“Sáng ngày 17, nhờ anh em trên Côn Đảo đưa chúng tôi leo qua ba hòn núi mới tới trung tâm của đảo, thì lúc đó cũng vừa xong lễ tiếp rước phái đoàn chính phủ – chiếc tàu Phú Quốc của anh Tưởng Dân Bảo đã tới trước...

“Đến nửa đêm ngày 22, rạng 23 tháng 9, các nhà cựu chính trị phạm xuống tàu, ghé về đất liền. Kéo buồm vào lúc 3 giờ sáng. Chiếc ghe

tôi, ghe số 3, có nhiệm vụ đi hậu vệ, nó chạy nhanh; nếu có chiếc này chạy chậm tôi cho ghe số 3 quay lại đôn đốc, chiếc nào chạy rời rạc thì làm dấu hiệu cho nó đi theo, không cho đi xa đoàn (vì lúc đó còn nghe nói có hai tàu lặn của Pháp quanh quẩn ở Côn Đảo, nên tôi đề phòng sợ có điều xảy ra không hay).

“Khi đến Cồn Nóc vào 20 giờ thì nghe tin Pháp đã chiếm Sài Gòn. Nên đoàn ghe chạy về Đại Ngãi, Sóc Trăng. Năm giờ sáng ngày 24 tháng 9 năm 1945, vào bến đậu lại. Các nhà chính trị lên xe hơi về tỉnh. Chiếc Phú Quốc chạy ra thêm một chuyến nữa, có anh Văn Cừ (Cần Thơ) đi theo để chở anh em còn lại...

“Đoàn ghe biển Vàm Láng làm xong nhiệm vụ trở về nơi xuất phát.

“Khi ấy Nam Bộ kháng chiến vừa bắt đầu”.

Cuộc tường thuật ghi âm của Lý Văn Chương ở Viện Bảo tàng Cách mạng Hà Nội có phóng viên các báo, có các uỷ viên hội đồng khoa học của viện, có nhiều học viên các tỉnh học trường Nguyễn Ái Quốc, có một số đồng chí Nam Bộ như chị Mười Thập, chị Sáu Ngãi... chứng kiến.

Vai trò của các đồng chí ở Côn Đảo về rất quan trọng, hết sức lớn lao trong kháng chiến chống Pháp thì người chép sử sẽ càng đánh giá cao sáng kiến và công trạng của đồng chí Lý Văn Chương trong việc đi rước chính trị phạm tháng 9 năm 1945.

Ấy, tình đời như thế ấy. Đề nghị đi rước anh em Côn Đảo là tôi, tôi là người đầu tiên đưa ra (với lý do lịch sử cụ thể); lẽ cố nhiên là nếu tôi không đề ra trước thì cũng có người đề ra sau, ký liên tiếp bốn cái giấy trưng dụng tàu Lanessan, tàu Phú Quốc, tàu Rodier và R.4, là tôi. Vậy mà xậm xì, xậm xịt rằng tôi, Trần Văn Giàu, không chịu rước anh em Côn Đảo “sợ họ giành quyền”! Anh Trọng (Đet) nguyên tỉnh uỷ viên Mỹ Tho, nguyên Xứ uỷ viên năm 1940, có lần nói với tôi là ở Côn Lôn về anh đã nghe tụi Sáu Vi (Biện Vi) nói như vậy, anh Trọng hoài nghi có sai trái, vì ở Côn Đảo đồng chí Tưởng Dân Bảo thay mặt chính quyền cách mạng ra rước anh em về, và về tới Mỹ Tho thì Dương Khuy – bí thư tỉnh uỷ, một

người của chúng tôi vượt ngục Tà Lài 1941 – rước Trọng, Khuy lúc đó ở cơ quan gần cầu Quay, còn Sáu Vi thì ở mút trong làng Long Hưng. Nhóm Giải Phóng của tụi Sáu Vi, Ba Dự vu cáo thô bỉ quá, ác quá. Vậy mà cũng lắm người lớn nghe! Mãi đến 1965, sau vụ “nổ” ở trường Nguyễn Ái Quốc mới gọi là tạm “hết”, nói cho đúng là “tạm êm”, thì nạn nhân như tôi đã mềm xương rồi, còn gì? Tôi tự an ủi: Vẫn còn may hơn bị vu cáo mà đã chết rồi; chết là thua! Còn tôi thì chưa chết. Chưa chết thì có ngày cải chánh. Nên nói thêm chẳng là anh Lý Văn Chương, già, chết ở Chợ Lớn, linh cữu đưa về Gò Công, hôm đó tôi có đi đưa mà không có mấy ai ở Côn Lôn đã được Chương rước về đất liền. Buồn thay! Khi ấy hội cựu tù nhân chưa được tổ chức. Hôm đưa linh cữu Lý Văn Chương về chôn ở quê nhà Gò Công, tôi sống lại câu chuyện tình cảm anh đã ghi khi nhắc lại việc tổ chức đoàn ghe đi rước tù Côn Đảo. Xe hơi anh đi Vàm Láng muốn được ghe biển rồi, anh tức tốc về Sài Gòn, xe hơi chạy qua trước cửa nhà cách lộ vài chục thước, anh thấy đứa con nhỏ chạy ra đón anh, anh chỉ xuống xe vò đầu con mà không vô nhà sợ đi về Sài Gòn trễ việc lấy tàu kéo ghe đi làm nhiệm vụ rước tù chính trị. Người có trách nhiệm quá!

11. Vấn đề xây dựng lực lượng vũ trang.

Vấn đề “bốn sư đoàn”

Tình hình chính trị Sài Gòn và Nam Bộ tháng 8, tháng 9 năm 1945, đã phức tạp vì sự có mặt hết sức nguy hiểm của quân Anh, quân Nhật, quân Pháp, lại càng phức tạp hơn nữa vì sự tồn tại của lực lượng vũ trang của các chính đảng, các giáo phái. Lúc ấy, tôi mấy lần “nói chơi” với Huỳnh Văn Tiểng, Nguyễn Lưu là chúng ta đang ở vào cái thế “Xuân thu chiến quốc”. Có anh thạo truyện khác bảo: ấy là thế “thập bát phản vương đầu tùy Đường”. Ngoài Bắc đâu có như vậy? Làm sao bây giờ? Gỡ rối bằng cách nào?

Các lực lượng vũ trang của đế quốc (Pháp, Anh, Nhật), chưa nói, chỉ nói của người bản xứ thôi.

– Trong cái “mặt trận quốc gia thống nhất” sớm nở tối tàn kia, đảng Quốc gia độc lập là cái chánh đảng ít đáng sợ nhất. Tuy là đảng cầm quyền, ông giáo HỒ Văn Ngà biết tổ chức cái gì đâu ngoài những lớp trung học cấp hai; nhà báo Nguyễn Văn Sâm viết, nói đều bất tài, mà tổ chức thì càng dở, được chỉ có cái dễ gần, dễ thương. Quân Bảo an của Tây rồi của Nhật để lại thì đã lọt ra khỏi tay họ hết rồi, còn gì đâu? Đáng ngại nhất là phái Cao Đài Trần Quang Vinh. Họ làm việc với quân Nhật từ 1942, họ mộ lính, mộ thợ cho Nhật; Nhật từng cho rằng ở Nam Kỳ không thể lập chính đảng thân Nhật quan trọng mà, làm chính trị ở Nam Kỳ thì phải lợi dụng giáo phái. Cao Đài suy tôn CƯỜNG ĐỂ; nhiều báo Sài Gòn cổ vũ cho CƯỜNG ĐỂ, CƯỜNG ĐỂ được phép lưu trú ở Nhật từ lâu. Từ thời Đông Du, CƯỜNG ĐỂ có đúng là tay sai của Nhật không, thì không chắc, không có gì làm bằng cứ cho đủ, nhưng Cao Đài suy tôn ông là chủ trương “quân dân cộng chủ”. Hôm 9 tháng 3, quân Cao Đài có tham gia lấy thành “11è RIC” 2 của Pháp bằng “thanh viện” (nghĩa là bằng la ó). Sau 9 tháng 3, quân Cao Đài thêm đông, đóng khắp các trường sơ học Sài Gòn. Ước lượng số quân Cao Đài là trên hai vạn, gần ba vạn. Nhật cho họ bao nhiêu súng lấy của Pháp? Ai biết? Nhưng chắc chắn không phải ít. Bề ngoài thấy quân Cao Đài tập luyện phần nhiều bằng súng gỗ. Còn bên trong? Bọn Vinh trước theo Pháp, rồi theo Nhật. Bây giờ Nhật thua, Pháp đại gì mà không rủ họ trở lại nếu họ chống cách mạng, nếu Pháp chẳng những hứa tha thứ tội thân Nhật mà lại còn ban cho một số quyền lợi, chức vụ nào. Quân lính Cao Đài số đông muốn chống thực dân, nhưng họ lại là tín đồ, dễ nghe theo chức sắc. Quân Cao Đài cũng được gọi là “Phục quốc quân”, gồm nhiều nhóm khác nhau, chống nhau nữa; như phe Lê Kim Ty thì chống Trần Quang Vinh. Có vài “chính khách” đầy tham vọng thuộc quân Cao Đài thì cũng cần có hậu thuẫn, mà quân Cao Đài thì cũng cần có chính khách để ra vẻ “có học thức”, có chính trị. Một chính khách loại đó là trạng sư tiến sĩ luật khoa Dương Văn Giáo.

– Kế đó là Hoà Hảo, còn gọi là “Phật giáo Hoà Hảo”, và cũng gọi là “Dân xã Đảng”. Một thời được gọi là “Đạo khùng”: HỀ Thầy (hiện thân của Phật Thầy trước kia) nói trắng thì phải hiểu là đen, nói cho sống thì phải hiểu là giết đi! Huỳnh Phú SỔ thanh niên có lên Sài Gòn, và có theo một lớp huấn luyện chính trị của các anh Nguyễn Công Trung, Nguyễn Thành

A, v.v... ở Ủy ban “sản xuất công đoàn” hồi 1937. Pháp ngán Huỳnh Phú Sổ, bắt ông an trí tại Bạc Liêu. Nhật đem Huỳnh Phú Sổ từ Bạc Liêu lên Sài Gòn, sử dụng Huỳnh. Tại Sài Gòn, quân Cao Đài nhiều hơn quân của Hoà Hảo đến ba, bốn lần. Không thấy quân Hoà Hảo ở Sài Gòn có vũ khí gì, nhưng vài năm nay, thì tin đồn Hoà Hảo ở Hậu Giang rất đông người bỏ việc đồng bái, lo tập luyện đao kiếm, võ thuật. Đáng lo là hiện nay Hoà Hảo đã có tập trung người lên Sài Gòn. Còn tương lai chắc không xa mấy, nếu ta yếu thì Hoà Hảo sẽ thực hiện cái mộng lớn chúng tôi được biết là chương trình “minh vương trị vì”, với kế hoạch ba bước: lấy Hậu Giang, để căn cứ vào vừa lúa Hậu Giang mà lấy Nam Kỳ và sau đó căn cứ vào vừa lúa Nam Kỳ mà lấy Việt Nam, như Nguyễn Ánh ngày trước. Kế hoạch tham vọng thôi chứ Hoà Hảo chỉ là một lực lượng địa phương gồm chỉ mấy tỉnh; song ở địa phương đó thì họ mạnh. Tín đồ Hoà Hảo rất mê đạo; mê đạo là một sức mạnh của họ, sau này chắc là lãnh tụ của họ sẽ dắt họ đi đường sai lầm cũng như Cao Đài; nhưng trong thâm tâm họ có tư tưởng chống thực dân Pháp. Có người mình bảo: “Hoà Hảo tán thành Việt Minh”. Có người của Tạ Thu Thâu nói: “Hoà Hảo nói y như nhóm Tranh đấu”. Cả hai ý đều không đúng sự thực; Huỳnh Phú Sổ có tham vọng cá nhân rất cao, rất to. Châu Văn Giác lúc chưa ốm đau được tôi phái đi Long Xuyên nhiều lần. Riêng tôi hai lần tôi đến gặp Huỳnh ở đường Miche 3, sau 9/3/1945, tôi thấy như vậy, tôi tự cho là hiểu bản chất của phong trào Hoà Hảo. Thầy tu Hoà Hảo nuôi tham vọng đế vương, “Minh vương trị vì”, mưu tính tổ chức lực lượng vũ trang lớn, để đạt mục đích ấy chứ họ không phải Việt Minh, hay Trốt-kýt gì cả.

– Những tổ chức quân sự hay bán quân sự khác ở Sài Gòn thì khá nhiều mà mỗi tổ chức như vậy đều là không nhỏ, họ đều có vũ khí (do xin, mua, giật của Nhật, Pháp hoặc do Nhật trang bị huấn luyện). Hãy kể:

(a) Nhóm Quốc gia đảng của Nguyễn Hoà Hiệp. Nhóm này một mặt dựa vào “Tịnh độ cư sĩ” của Ngô Đình Đầu (người Tân Hiệp, Mỹ Tho), mặt khác dựa vào một số đồng bào Thượng ở miền Đông luôn luôn có cung nỏ. Nguyễn Hoà Hiệp trước kia là đảng viên Việt Nam Quốc dân đảng. Tôi có mấy lần lên chơi nhà Hiệp ở Lái Thiêu hồi những năm 1930; hồi 1943/1945 cũng có gặp. Tinh thần của Nguyễn Hoà Hiệp là tinh thần quân phiệt. Quân của họ đông cả ngàn mà súng ống xem chừng ít thôi.

(b) Nhóm “Huỳnh Long” của Lý Hoa Vinh. Nhóm này nhại theo đảng Hắc Long của Nhật mà tổ chức; nó có chân rết trong đơn vị Heiho (lính “Nhật lô-can”) người Việt do Nhật chiêu mộ, huấn luyện, trang bị, số lượng chừng một ngàn; Huỳnh Long, theo bạn bè của tôi trong đó báo cáo, có non già 400 súng kiểu Pháp, chớ không nhiều nhỏi gì; song ba, bốn trăm cây thoi đã là đáng kể. Điều chắc chắn là họ đã từng liên lạc mật thiết với sở Kim-pê-tai, họ có căn cứ ở một số đồn điền cao su trên Thủ Dầu Một, Gia Định.

(c) Nhóm “Quốc dân quân” và “Võ sĩ đoàn” của Vũ Tam Anh, Lương Văn Tương. Đám này có hơn vài ngàn người, có tham gia biểu tình 25 tháng 8, có ra thông báo trên báo Điện Tín, Sài Gòn. Tôi không biết họ có bao nhiêu súng đạn, chỉ biết rằng bấy lâu nay Nhật ủng hộ họ và trong hàng ngũ của họ có nhiều binh lính cũ của Pháp. Song “cựu binh sĩ” thì có hội riêng (ở 47 Galliéni 4) lập ra với tôn chỉ “chống thực dân trở lại”, và “Ủng hộ chính phủ Việt Nam độc lập”, khi cần thì dùng vũ khí đánh bại bất kỳ bọn ngoại xâm nào. Một người cầm đầu hội cựu quân nhân khá đông đúc này là Tô Văn Cửa. Cửa là người của ta, và Huỳnh Văn Nghệ, Huỳnh Thiện Nghệ, cả ba đều là người Biên Hoà, chưa phải đảng viên cộng sản, mà là bạn thân của tôi.

(d) Những nhóm nhỏ ít trăm người, mấy chục cây súng, đếm sao cho hết? Có cái nhóm “Sao xẹt”, tức “đệ tứ”, tức “Nhóm Tranh đấu”, hoặc “Nhóm Trí thức” là đáng chú ý lắm. Có hai lý do để chú ý đến họ. Lý do thứ nhất là họ đã làm chánh phó giám đốc công an của Nhật; Hồ Vĩnh Ký, Huỳnh Văn Phương, suốt mấy tháng cai trị của Nhật, họ là chủ của bót Catinat nổi tiếng. Họ tập hợp được lắm súng và giữ khá kín, khá kỹ... Tội tôi đã ăn cắp của họ được mấy chục cây súng ngắn với khá nhiều đạn. Lý do thứ hai là họ quen thân với Cao Đài, Hoà Hảo, Quốc gia độc lập, các tổ chức đó đều chịu rằng nhóm “Tranh đấu” có nhiều trí thức “cổ”. Họ mưu chước có thừa; họ sẵn thành kiến sâu sắc với “Đệ tam”, cho nên tuy tham gia biểu tình 25 tháng 8, họ có thể và chắc chắn đã lo quy tụ các tổ chức hay cá nhân nào chống chính quyền cách mạng mà họ đã bắt đầu nói xấu là “Chính quyền Kerensky”, nghĩa là chính quyền tư sản cần phải đánh đổ. “Tranh đấu” không hoặc chưa tổ chức lực lượng vũ trang riêng biệt, chỉ mới lo khôi phục tổ chức chính trị, nhưng đã tích lũy súng đạn khá

nhiều, hàng trăm cây. Trổ trêu là Huỳnh Văn Phương từ 1930, từ ở Pháp là bạn của tôi, anh ấy là chú của Huỳnh Tấn Phát, còn Hồ Vĩnh Ký là bạn của Thạch. Hồ Vĩnh Ký phụ trách công an của Nhật ở Nam Kỳ. Sau 25 tháng 8 năm 1945, chúng tôi phát hiện ra là ngay nhà bà Ký có chứa nhiều súng đạn.

(e) Bình Xuyên thì không thành một tổ chức gì. Có năm, ba Bình Xuyên trong cái tên chung đó. Tôi chơi với hầu hết các thủ lĩnh nhóm Bình Xuyên: Ba Dương (và em là Năm Hà), Tám Mạnh, Bảy Viễn, Mười Trí; mỗi nhóm có địa bàn, có hàng trăm người, có vũ khí khá nhiều, thậm chí có liên thanh và đại bác nhỏ nữa, không biết họ đánh cướp ở đâu. Chúng tôi có đường lối chính sách riêng đối với Bình Xuyên khác với đường lối chính sách đối với các tổ chức chính trị, quân sự vốn thân Nhật. Bình Xuyên không thân Nhật bao giờ, mà hồi 1940, thì nhiều nhóm có hợp tác bước đầu với Đảng Cộng sản. Có anh em chê tôi là “hủ Nho”, nhưng tôi vẫn cho rằng phải phân biệt bạn cũ, bạn mới, bạn xa, bạn nhất thời, bạn lâu dài. Chớ sao?

– Như vậy, ngoài những lực lượng vũ trang được Xứ uỷ tổ chức thì ở Sài Gòn, ở Nam Bộ còn nhiều lực lượng vũ trang khác xuất hiện nhất là từ sau 9 tháng 3 năm 1945. Số lượng tổng cộng của họ ước tính trên dưới bốn mươi ngàn, số vũ khí của họ là một điều bí mật. Có thể là không bao nhiêu nên họ không phô trương, cũng có thể là không phô trương để bọn tôi tưởng đâu là nhiều. Bọn tôi e sợ có lý, có lý để lo ngại. Vì lịch sử đấu tranh từ cổ chí kim, lịch sử cách mạng hiện đại đều dạy rằng các lãnh tụ đã phục vụ một đế quốc này thì dễ dàng phục vụ một đế quốc khác. Làm cách mạng, phải dám tin mà cũng phải biết ngờ. Tin thì chủ yếu là tin nhân dân, quần chúng; ngờ, chủ yếu là ngờ những tay có lịch sử tráo trở, sớm đầu tối đánh, ích kỷ hại nhân. Nếu bị ám ảnh bởi nghi ngờ, sẽ không còn chơi với ai được, hoá ra cô độc, bất lực. Tin lắm, không biết ngờ, thì không đoán trước được những khả năng tai hại, thì cũng như là tự tử. Tôi, các bạn của tôi, đảng của tôi không hề nghi ngờ lòng yêu nước của nhân dân ta là đa số thành viên của các tổ chức trên. Còn lãnh tụ phần nhiều của các tổ chức đó thì tôi đã trực tiếp: Trần Quang Vinh, Huỳnh Phú Sổ, Lê Kim Ty, Ngô Đình Đầu, Nguyễn Hoà Hiệp, Ba Dương, Tám Mạnh, Mười Trí, Bảy Viễn, v.v... Tôi cũng có bạn thân bí

mật làm việc với họ lâu nay nên tình ý của họ tôi không xa lạ lắm. Tôi tin rằng có ngày, không xa lắm, hoạt động của bọn Pháp sẽ ra sức chia rẽ họ với tôi. Nhưng vấn đề chính đối với tôi là làm sao cho những người lính, những người dân cầm súng, hay cầm gậy trong hàng ngũ của họ nhận thức được rằng họ là quân của chính phủ cách mạng, có nhiệm vụ bảo vệ độc lập tự do, chống đế quốc thực dân, chống tất cả các cá nhân hay tổ chức nào đối lập với chính phủ cách mạng. Các lãnh tụ có thể là bạn lâu hay lâu dài, có thể là bạn gần hay bạn xa, nhưng anh em binh lính, chiến sĩ chắc phải là bạn lâu dài, gần gũi với ta.

– Cho nên, tôi mới sớm có quyết định thành lập “Dân quân cách mạng” (Dân quân cách mạng chứ không phải là quân đội chính quy).

– Có người bảo: nên giải tán tất cả các tổ chức quân sự và nửa quân sự kia đi có hơn không, để đó mà mang theo chỉ càng thêm tội, thêm cực, thêm nguy, có ích gì? Tôi không nghĩ như vậy.

– Ra lệnh giải tán thì đơn giản nhất, mau chóng nhất. Nhưng liệu có giải tán được không? Lâu nay mình có tổ chức họ đâu, mình có nuôi ăn may mặc cho họ đâu? Nay họ muốn chạy lại mà mình xua họ ra thì gây ác cảm ngay, họ sẽ nói mình không phải là chính phủ của họ nữa. Họ sẽ dễ dàng nghe theo những lãnh tụ vốn không ưa thích ta. Họ cứ tồn tại như bấy lâu nay thì mình làm sao? Dem quân lại giải tán họ? Họ có phải tay không, tay trắng đâu mà dễ dàng giải tán họ? Sao không dùng lực lượng yêu nước của nhân dân mình đánh với thực dân, mà lại bắt đầu bằng sự xung đột giữa người Việt Nam với nhau để đế quốc nó lợi dụng cấp kỳ? Giải tán không phải là một cách hợp lý, hợp tình để giải quyết vấn đề. Hợp tác, hợp tác có điều kiện tối thiểu, mới đúng; điều kiện đó là tuân theo lệnh của chính phủ cách mạng và chống thực dân, chống bọn phá hoại cách mạng. Binh lính của các đảng phái đều tán thành (người ta sẽ thấy nhiều biểu hiện đẹp của sự tán thành đó).

Cho nên, tôi dùng “Dân quân cách mạng” làm hình thức hợp tác, thống nhất các lực lượng quân sự dưới một quyền chỉ huy thống nhất còn lỏng lẻo (và khi ấy không thể không lỏng lẻo được). Song, phải hiểu đây là “dân quân”, “dân quân cách mạng”, chưa phải là quân chính quy; cái tên

đó đúng hay không đúng là một vấn đề khác, nhưng việc không giải tán mà chịu hợp tác là cách giải quyết ổn nhất, đúng nhất khi ấy, để ta có thời giờ và điều kiện mà chỉnh đốn, mà gỡ rối, tránh sự bất bình, tránh sự xung đột, cố tạo sự đoàn kết hết sức cần thiết trong cái thế “thập bát phần vương” hay “Xuân thu chiến quốc” này.

Sao gọi là “sư” được không? Có lẽ nếu hồi đó tôi biết lấy chữ “binh đoàn” thì đúng hơn, song hồi đó không ai tìm ra được chữ ấy. Vả chăng, một lực lượng vũ trang hay bán vũ trang đông chín, mười ngàn, hay mười lăm, hai mươi ngàn thì gọi là “sư” không đáng hay sao? Nó hỗn tạp? Vâng! Nhưng nó đông đúc lắm. Có ở Sài Gòn lúc ấy mới biết. Chẳng những họ báo cáo như vậy, mà ở Norodom, ở Charner, họ xếp thành đội ngũ không phải thừa thớt lắm đâu! Bọn tôi (và chánh quyền ta) chưa cho họ kilôgam gạo nào, thước vải nào, chiếc cam nhông nào, họ đã có rồi; và họ tuyên bố ủng hộ chính phủ, ta đưa tay ra cho họ, chẳng hơn là xua đuổi họ hay sao? Vả lại bọn tôi, lúc ấy mới có mấy ngày, mấy tuần lễ, để tìm hiểu và để đặt ra kế hoạch chỉnh đốn quân lực cách mạng, thì Pháp đã đánh rồi; non ba tuần và trong lúc mọi việc mới bắt đầu thì làm được gì? Sao không thấy cho cái điều kiện thời gian quá ngắn ngủi đó? Bọn tôi đâu có chiếc đuă thần? Hỏi những ai cười tôi, nói xiên nói xỏ tôi: anh hãy đặt mình vào chỗ anh Giàu khi ấy, anh sẽ làm được gì hay hơn, tốt hơn nào? Dốt mấy về chính trị cũng biết rằng Đảng Cách mạng phải nắm lực lượng vũ trang thì lực lượng vũ trang mới vững, mới đứng về phía nhân dân, mới tác chiến được, không thì nó sẽ lung tung vô kỷ luật, cướp phá nhân dân, mới tác chiến được, không thì nó sẽ lung tung vô kỷ luật, cướp phá nhân dân nhiều mà chống giặc ít, hoặc tan rã mất, hoá thành lưu manh bất trị. Nhưng trong cái thế có hàng mấy vạn người ghép thành đơn vị của các phái, họ thành lập trước ta nữa, thì làm sao anh nắm được họ trong vài ba tuần? Vài ba tháng? Nếu mình tổ chức đơn vị vũ trang mà phức tạp như vậy thì mới đáng chê, đáng trách, đáng cười chớ? Họ sẵn có, họ chạy lại ta, ta đuổi họ sao? Ta giải tán họ sao? Mà làm sao giải tán êm ả được? Họ chống lại lệnh giải tán thì anh làm sao? Mà địch thì ở trước mặt anh, anh muốn thêm thù chớ không muốn thêm bạn sao? Phải tìm cách bắt tay nhau là thượng sách, rồi sẽ giải quyết lần các vấn đề.

Tôi xin kể lại một câu chuyện thật để nói lên rằng sự công nhận “Dân quân cách mạng” có ảnh hưởng tốt cho cách mạng, ít nhất là ở lúc đầu:

– Sau khởi nghĩa, Huỳnh Văn Nghệ lãnh của tôi một số tiền lớn đi Xiêm để mua súng đạn. Nghệ đi được vài hôm thì Pháp đánh Sài Gòn. Tôi xuống đóng tổng hành dinh ở Bình Điền. Một hôm, Nghệ trở lại báo cáo: bị ăn cướp Cao Miên lấy hết tiền rồi và xin chịu kỷ luật. Tôi nghĩ ngợi một lúc rồi nói: Kỷ luật thì sau sẽ tính, còn bây giờ thì chú hãy về Biên Hoà, vừa góp phần chỉnh đốn lực lượng quân sự ở đó, ở đó bây giờ có Vũ Tam Anh, Lương Văn Tương mà tôi chưa biết rõ, chưa dám tin cậy. Chú vừa lo xây dựng lại chiến khu Tân Uyên, mà ta đã làm hồi đầu năm, rồi bỏ dở. Nghệ lãnh lệnh ra đi có giấy biệt phái của tôi. Nghệ đi ngay lên Chợ Lớn, đầu chừng một giờ thì trở lại, báo cáo:

– Đây, cái áp phích mới dán, hồ còn ướt của Dương Văn Giáo tự xưng “Chủ tịch Chính phủ Dân quốc lâm thời”, nói rằng Chính phủ Việt Minh đã chạy trốn hết rồi, bây giờ nó lập chính phủ Dân quốc để thương lượng với Đồng minh!

(Theo yêu cầu của Nghệ) tôi liền ký lệnh bắt Dương Văn Giáo vì tội phản quốc; lệnh cho Nghệ có quyền khi cần thì trưng dụng lực lượng vũ trang địa phương. Nghệ trở lên Chợ Lớn với một lái xe và một chiến sĩ. Đến trường đua Phú Thọ, đường lên ngã tư Bảy Hiền, từ xa Nghệ thấy xe Dương Văn Giáo chạy trước! May quá! Chưa tìm mà đã gặp. Nghệ rượt theo. Lên Bà Chiểu, vào đường Cây Quế; vào một khuôn vườn có nhà rất lớn; cơ quan hang ổ của Giáo. Giáo thuộc đệ nhị sư đoàn (Cao Đài). Ngoài ngõ, một tiểu đội canh gác, súng ống đầy đủ. Nghệ liền lấy thêm quân ở Gò Vấp trở lại ngay nói với tiểu đội canh gác:

– Tôi là phái viên của Ủy viên trưởng quân sự Trần Văn Giàu, có giấy tờ đây, tôi tới đây để bắt một người phản quốc vừa mới chạy vào trong này; các đồng chí có phải là Dân quân cách mạng của chính phủ không?

– Phải!

– Vậy các đồng chí xem lệnh của đồng chí Ủy viên trưởng quân sự Trần Văn Giàu. Các đồng chí có cùng tôi vào bắt tên phản quốc kia không?

– Có chớ!

– Vậy chúng ta vào!

Nghệ vào sân gặp Giáo, thì Giáo liền nói:

– Nghệ! Sao mày dẫn xác đến đây nạp mạng cho tao? (Nghệ và Giáo có thâm thù từ Băng Cốc, ở đó Nghệ ám sát Giáo nhưng không thành).

Nghệ liền đáp: “Tao được lệnh của Chủ tịch Ủy ban kháng chiến Trần Văn Giàu đến đây bắt mày vì tội phản quốc”.

Rồi Nghệ hô lên: “Các đồng chí bắt tên này!”. Anh em dân quân cách mạng bắt Giáo, trói bỏ lên xe của Nghệ. “Chính phủ Dân quốc” của Dương Văn Giáo chỉ sống có một ngày! Nghệ với vài ba anh dân quân chạy xe thẳng về Gò Vấp, nộp Dương Văn Giáo cho Quốc gia tự vệ cuộc do Tạ Văn Hào chỉ huy. Hôm sau, tôi đi Biên Hoà để chính thức thành lập Ủy ban kháng chiến miền Đông, ghé Gò Vấp; đồng chí Tạ Văn Hào báo cáo đầu đuôi vụ Dương Văn Giáo “bị bắt tại trận đang phạm tội phản quốc”.

Đó không phải là một trường hợp lẻ tẻ: Dân quân cách mạng phần đông trung thành với lời thề ngày 2 tháng 9, ủng hộ chính phủ cách mạng, thi hành mệnh lệnh của chính phủ dân chủ cộng hoà.

Cách mạng thành công, tôi để phần lớn thì giờ lo việc xây dựng lực lượng vũ trang, gồm cả việc xây dựng sư đoàn 1 mà tôi trực tiếp chỉ huy và các đội dân quân của Công đoàn, của Thanh niên do nhóm Nguyễn Lưu, nhóm Huỳnh Văn Tiểng phụ trách. Lực lượng vũ trang bên Quốc gia tự vệ cuộc thì có anh Bảy Trấn lo, Trấn lấy người của Tổng Công đoàn mà tổ chức. Bên công an, cảnh sát thì có đại ca Hành và Marcel Tươi đứng đầu. Tất cả đều xây dựng lực lượng vũ trang đủ các loại: chính quy, dân quân, tự vệ chiến đấu; những đơn vị này, binh chủng này thì Đảng tổ chức nắm khá chắc, tinh thần chiến đấu khá cao, kỷ luật khá chặt chẽ. Khi ấy, liền sau ngày 25, nhân danh là uỷ viên phụ trách quân sự, tôi có ra bản hiệu triệu như sau, (hiện còn in trên báo Sài Gòn số ra ngày 28 tháng 8), bản ấy nay đọc lại, thấy biểu lộ khá rõ một số ý kiến

của tôi về vấn đề xây dựng lực lượng vũ trang bây giờ; không đến nỗi sai lắm:

“Quốc dân!

Toàn thể nước Việt Nam đang trở thành một nước Cộng hoà dân chủ.

Việt Minh đã nắm quyền trong hầu hết các nơi.

Chỉ huy của Chính phủ Trung ương Việt Nam.

Chúng ta muốn độc lập, tự do.

Chúng ta phải có sức mạnh để bênh vực độc lập và tự do ấy, để bảo vệ non sông gấm vóc bằng chí hy sinh vô tận của hàng chục triệu con dân đất Việt.

Thay mặt cho Uỷ ban hành chánh Nam Bộ để sáng lập và chỉ huy “Dân quân cách mạng”, chúng tôi tuyên bố:

1. Giải tán những đoàn thể quân sự và bán quân sự phát xít hay có ý giúp chế độ thuộc địa phục hồi.
2. Nhập tất cả các đoàn thể quân sự và bán quân sự có nhiệt tâm tranh đấu cho Việt Nam độc lập, dân chủ, vào hàng ngũ của “Dân quân cách mạng”.
3. Mở ở Sài Gòn, Mỹ Tho, Cần Thơ mỗi nơi một phòng chiêu binh.
4. Từ nay quân đội trưng cờ đỏ sao vàng.
5. Các tư nhân có binh khí tân thời hãy đem hiến cho chính phủ để chính phủ võ trang cho quân đội.
6. Các đảng cướp hãy tự giải tán, tự đem nộp súng đạn cho chính quyền cách mạng và hãy tự sửa mình.

Đồng bào!

Hãy ủng hộ dân quân cách mạng!

Cựu binh sĩ! Hãy nhập ngũ dưới cờ của Việt Minh. Đây là giờ phút chúng ta có Tổ quốc thương yêu để phụng sự, tận tâm; chúng ta xem tánh mạng nhẹ hơn lông, chúng ta đặt độc lập, tự do của quốc dân lên trên quyền lợi của cá nhân, đảng phái”.

Bản hiệu triệu này được phát ra rộng rãi, nhất là trong các tổ chức quân sự và bán quân sự, được thảo luận sôi nổi. Và từ hôm ấy, cờ của các đảng phái lần lượt được thay thế bằng cờ đỏ sao vàng ở tất cả những nơi đóng quân, đầu là của Cao Đài, Hoà Hảo. Một bước tiến. Việc đăng ký các tổ chức vũ trang và bán vũ trang bắt đầu có những khó khăn, vấp vấp đối với số đông; ai cũng tính giữ thế, giữ miếng, sao khỏi? Nhất là lúc đầu.

Chú thích của người biên tập

1 Lagrandière: sau đổi thành đường Gia Long, nay là Lý Tự Trọng.

2 11e RIC (11ème Régiment d'Infanterie Coloniale): Trung đoàn Bộ binh Thuộc địa số 11. Thành 11e RIC: trại lính sau gọi là "caserne Martin des Pollières, nằm ở giữa các đường Lê Duẩn, Mạc Đĩnh Chi, Nguyễn Thị Minh Khai.

3 Miche: nay là đường Phùng Khắc Khoan.

4 Galliéni: nay là Trần Hưng Đạo.

17-2-11

Phần V(3): TỔNG KHỞI NGHĨA THÀNH CÔNG: KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP BẮT ĐẦU

(tiếp theo)

12. Ngày 2 tháng 9:

Máu đồng bào bắt đầu chảy ở Sài Gòn

Ngay từ hôm 20 tháng 8, từ Paris, qua làn sóng vô tuyến điện De Gaulle nói với Pháp kiều ở Đông Dương rằng y đã gửi tuần dương hạm Richelieu sang Viễn Đông, tàu đó đang ở đảo Ceylan đợi lệnh nhổ neo đi Sài Gòn. De Gaulle nói: “Tôi khuyên các người hãy bình tĩnh đợi cơ hội thuận tiện”.

Rõ ràng Paris khuyến khích bọn thực dân Pháp ở Đông Dương chuẩn bị hưởng ứng hành động quân sự của Pháp trên xứ thuộc địa cũ này. Chắc De Gaulle cũng có ý đe dọa ta đó. Chúng chuẩn bị xâm lăng thực sự cả ở Nam, rồi Bắc, Trung.

Ngày 27 tháng 8, chiến hạm Greysac đổ quân lên đảo Cát Bà.

Ngày 31 tháng 8, Pháp nhảy dù xuống Phan Thiết, ta bắt và giết 7 tên nhảy dù.

Từ ngày 25 tháng 8 đến cuối tháng, chúng tôi ở Sài Gòn tuy chưa được trực tiếp với một phái viên chính phủ ta từ Hà Nội vô, chưa có mặt mã với chính phủ Trung ương nhưng chúng tôi đã được hướng dẫn bởi đài phát thanh Hà Nội. Vì vậy, theo chỉ thị chung, chúng tôi ráo riết chuẩn bị ngày lễ độc lập 2 tháng 9.

Tôi được biết khá sớm, sớm hơn 24, 25 (ngày khởi nghĩa Sài Gòn) rằng Thanh niên Tiền phong ở Tây Ninh bắt được ba thằng tây nhảy dù rồi

giao cho nhà chức trách địa phương, nhà chức trách địa phương giao cho Nhật, Nhật đưa cả ba đứa về Sài Gòn ngày 22 tháng 8 và cho ở tử tế trong một cái nhà nhỏ bên cạnh phủ Toàn quyền. (Sau này, mới hay rằng thằng cầm đầu toán lính nhảy dù đó là đại tá Cédile 1, rồi Calcutta (Ấn Độ) một lượt với Messmer 2. (Messmer nhảy dù xuống Bắc Bộ). Bọn Cédile đã tận mắt chứng kiến cuộc biểu tình khởi nghĩa sáng 25 tháng 8 ở Sài Gòn. Mấy hôm rày tôi liên tiếp được báo cáo rằng thanh niên ta đã bắt được bọn Pháp nhảy dù ở Tây Ninh, Thủ Dầu Một, Biên Hoà. Chắc có một số nào trốn thoát về Sài Gòn. Tiền quân của quân Anh, Ấn (trong đó chắc có Pháp) đã đáp xuống Tân Sơn Nhất, nghe đâu có cả mấy sĩ quan tình báo Mỹ tới nữa. Quân Anh nói với quân Nhật thả một số tù binh Pháp. Thực thà mà nói, tôi không đoán được trước là ngày 2 tháng 9 tại Pháp sẽ có âm mưu khiêu khích cách nào đây; điều chắc chắn nhất là Anh sẽ ủng hộ Pháp trở lại Đông Dương, vì, nếu Pháp mất Đông Dương, thì Anh sao khỏi mất Ấn Độ, Miến Điện, Ceylan. Tụi thực dân ủng hộ nhau là tất nhiên, Anh phải giúp Pháp chiếm nước ta một lần nữa. Ngoại giao, thương thuyết với những tên “Đồng minh” thực dân Anh này chắc hẳn không đi tới đâu, có chăng, theo dự kiến của Thạch, ta sẽ ra sức lợi dụng mâu thuẫn giữa Anh, Pháp một bên và Mỹ, Tàu một bên. Sau 25 tháng 8, Cédile (nói là đại diện cho De Gaulle) có đến tìm Thạch, tôi và mở một thứ nói chuyện “vào đề”. Báo Sài Gòn thuật: Chiều ngày 30 tháng 8, Chủ tịch lâm thời Ủy ban hành chánh Nam Bộ là ông Trần Văn Giàu có triệu tập một cuộc họp báo chí tại dinh hành chánh. Sau khi nói về tổ chức Dân quân cách mạng, ông Giàu cho biết: có đại biểu của De Gaulle nhảy dù xuống Sài Gòn, yêu cầu nói chuyện với Ủy ban hành chánh. Về việc này, ông Giàu tuyên bố: “Chúng tôi sẵn sàng tiếp chuyện nếu đại biểu của De Gaulle chịu sự thương thuyết trên cơ sở Pháp thừa nhận Việt Nam hoàn toàn độc lập. Nhưng, nếu đại biểu của De Gaulle đặt sự bàn bạc trên cơ sở khác (Pháp trở lại Đông Dương), thì chúng tôi xin nhường cho súng đạn trả lời”. Rồi không hiểu nghĩ sao, ông Chủ tịch kiêm Ủy trưởng quân sự Trần Văn Giàu tuyên bố một câu để chấm dứt cuộc họp: “Nếu một phần đất nào của Việt Nam bị mất thì chúng ta phải dùng máu của chúng ta mà đặt lại vấn đề Việt Nam trên tấm thảm xanh quốc tế”. (Trần Tấn Quốc, Sài Gòn Septembre 45).

Cũng vì bọn Anh-Pháp-Mỹ đã bắt đầu có mặt ở Sài Gòn cho nên cuộc biểu tình ngày 2 tháng 9 chẳng những là nhằm để cho đồng bào ta tuyên thệ ủng hộ chính phủ Hồ Chí Minh, tuyên thệ trung thành với độc lập dân tộc, chống mọi cuộc xâm lăng, mà còn nhằm để cho các nước đồng minh Anh, Mỹ, Tàu, Nga thấy rằng tất cả dân tộc Việt Nam cùng một lòng, ai đụng tới độc lập của chúng tôi thì sẽ vấp phải sức chống trả của 25 triệu đồng bào Việt Nam. Cho nên, một mặt cả thành phố treo cờ Đồng Minh chiến thắng, cờ đỏ sao vàng chính giữa, bốn cờ Anh, Mỹ, Tàu, Liên Xô hai bên, mặt khác khẩu hiệu nổi bật nhất viết bằng năm chữ là: “Độc lập hay là chết!”.

Trần Văn Giàu ứng khẩu trên lễ đài 2-9-1945

(khẩu hiệu ở dưới: Độc lập hay là chết!)

(Cũng có lúc người ta nói “Độc lập hay là chết” 3 là do cách mạng Cuba khởi xướng. Đúng là sau này Cuba đã nêu cao khẩu hiệu “Độc lập hay là chết” . Nhưng khẩu hiệu ấy thì nhân dân Việt Nam ở Sài Gòn Nam Bộ đã nêu ra từ ngày 2 tháng 9 năm 1945. Một khẩu hiệu rất tiêu biểu).

Nơi tập trung đồng bào kỳ này cũng lấy đại lộ Norodom 4 là chính (nay đổi tên là đại lộ Cộng Hoà), với đường Blansubé và tất cả các đại lộ Thủ Khoa Huân (Charner), Phan Bội Châu (Bonard). Số người biểu tình sẽ bằng hay đông hơn sáng 25 tháng 8 – nhưng lần này, biểu tình không có vũ trang của quần chúng, chỉ có vũ trang của quân đội, dân quân, tự vệ, công an cảnh sát. Ngày trước (tức mừng 1 tháng 9) tôi có mời họp báo bất thường để cho các báo rõ mục đích của ngày 2 tháng 9 và vài đặc điểm của ngày 2 tháng 9 ở Sài Gòn. Tôi lưu ý các báo đến chỗ cuộc biểu tình ngày 2 tháng 9 thì quần chúng không có vũ trang như ngày 25 tháng 8 vừa qua, nhưng bằng cờ nhiều hơn và các khẩu hiệu đều thống nhất, phải giữ trật tự không làm gì rối trật tự, để phòng khiêu khích của địch và tay sai; có khiêu khích thì ta sẽ đối phó theo sự chỉ huy chung đừng để rối loạn, lại lưu ý tới điều này nữa là lực lượng dân quân cách mạng được biểu diễn không phải là quân chính quy đâu mà mong có quân phục tử tế, vũ khí tân thời và đầy đủ; dân quân là dân quân, “y phục đủ thứ, vũ khí thô sơ là phần nhiều”, nhưng phải hiểu rằng sức mạnh của ta không

phải ở vũ khí và y phục “lực lượng vô sản của chúng ta chính là sự đoàn kết toàn dân và lòng hy sinh của các chiến sĩ cho Tổ quốc”. Nhà báo Trần Tấn Quốc còn ghi được những lời ấy và nhà báo này không quên nhắc lại mấy trang lịch sử cách mạng thế giới vẻ vang hết sức mà chiến sĩ có công nhất là những anh “quần đùi, áo rách”, Âu, Á, Phi châu đều có nhiều tỷ dụ như vậy.

Tuần hành ở Hà Nội dưới khẩu hiệu Độc lập hay là chết!

Mục đích chính của cuộc biểu tình ngày 2 tháng 9 là nghe Chủ tịch Hồ Chí Minh từ Hà Nội đọc Tuyên ngôn độc lập. Rồi toàn thể dân biểu tình ở Sài Gòn (cũng như ở các thị xã khác toàn Nam Bộ), sẽ cùng một lúc làm lễ tuyên thệ. Cho nên, nhờ có thời gian khá rộng, chúng tôi đã đặt vô tuyến truyền thanh khắp nơi, nhất là ở đại lộ Cộng Hoà và các đại lộ, yên trí chờ 2 giờ chiều thì bắt đầu.

Tập hợp đông vượt quá mức dự định. Cả thành phố rục rĩ cờ băng. Giờ khai mạc đến. Chào cờ. Quân nhạc cử Quốc tế ca và Thanh niên hành khúc. Nhà báo Trần Tấn Quốc trong sách Sài Gòn Septembre 1945 (sách in tại Sài Gòn năm 1947), còn ghi lại:

“Tại khoảng đại lộ Cộng Hoà, tại đường Blansubé, chung quanh Nhà thờ lớn, các đoàn thể dân chúng đứng có trật tự theo bốn sư đoàn dân quân cách mạng.

“Ta hãy thú thật và nói thẳng ra những gì rạo rức trong lòng ta lúc bấy giờ, trong giờ phút này. Ta có cảm động chẳng và có cảm tình gì trong khi ta thấy y phục của dân quân toàn là quần đùi, áo ngắn, người mang giày, người chân không, vũ khí thì từ liên thanh nhẹ đến súng hai lòng, từ trường kiếm đến dao găm, trong hàng ngũ ấy có những bạn phóng túng của ta ngày hôm qua, có những cậu thanh niên ở lối xóm, có những nhà buôn vừa già từ thị trường, có những “con ông cháu cha” của thời trước”.

Dân quân cách mạng Sài Gòn khi ấy đại khái là như vậy đó. Nhưng Trần Tấn Quốc không ghi lại hình ảnh hơn vài ngàn quân chính quy mà gần phân nửa mới tuyển từ Tổng Công đoàn và Thanh niên Tiền phong đi đầu có hàng ngũ chỉnh tề, súng ống khá đủ, quân phục kể cũng tử tế. Mới

năm ba ngày tổ chức làm sao mà tốt được? Và đâu có đưa ra biểu diễn hết đâu?

Đúng giờ, cụ Hồ đọc Tuyên ngôn độc lập, chờ mãi mà không nghe gì. Chờ hơi lâu sốt ruột, đầu đó quần chúng hét lên: “Nó phá rồi! Nó phá rồi!”. (Sau này mới biết rằng hôm ấy đài Hà Nội không phát sóng được). Anh em Xứ uỷ và Uỷ ban hành chánh có mặt trên lễ đài bảo tôi phải nói thay thì mới trấn an quần chúng được. Tôi vạch mấy đầu dòng và ứng khẩu nói (truyền thanh của thành phố hôm ấy rất tốt). Bài nói được các nhà báo tốc ký và đăng trên các báo Sài Gòn, Điện Tín, sáng hôm sau:

“Hỡi quốc dân!

Hỡi đồng bào tận tâm cứu nước!

Việt Nam từ một xứ thuộc địa đã trở thành một nước độc lập.

Việt Nam từ một đế chế đã trở thành một nước dân chủ cộng hoà.

Việt Nam đương tiến bước trên đường sống, sống danh dự với toàn cầu.

Hôm nay, tuân theo mạng lệnh của chánh phủ trung ương do đồng chí Hồ Chí Minh lãnh đạo, chúng ta làm lễ độc lập, mừng thắng lợi của cách mạng trên cả nước Việt Nam.

Hôm nay, một lần nữa, chúng ta biểu thị cho Đồng minh và cho thế giới, cho bè bạn và cho kẻ thù thấy ý chí của tất cả đồng bào kiên quyết bảo vệ tới cùng quyền độc lập và nền dân chủ của chúng ta.

Mừng thắng lợi, nhưng đồng bào chớ say sưa vì thắng lợi.

Biểu thị ý chí độc lập, nhưng đồng bào chớ lầm tưởng rằng bấy nhiêu lực lượng phô trương ở đây là đủ.

Còn phải phấn đấu nhiều hơn nữa.

Cần phải cần lao, trọng kỷ luật, kỷ luật nghiêm mật hơn nữa.

Bởi vì Việt Nam yêu quý của chúng ta đang gặp một tình cảnh nguy nan; không khéo lo, nước ta, dân ta, có thể bị trùng lại ách nô lệ.

Bên trong

Một số kẻ phản quốc đang tập hợp lại để làm hậu thuẫn cho quân địch. Chúng nó sẽ bị toà án nhân dân trừng trị thẳng tay. Phải trừng trị thẳng tay bọn mãi quốc cầu vinh, những bọn gây rối cho nước Việt Nam dân chủ cộng hoà, gây rối để tạo cho quân địch một cơ hội xâm lăng đất Việt Nam lần nữa.

Bên ngoài

Kẻ địch toan tính một cuộc âm mưu gác lại ách nô lệ trên cổ 25 triệu đồng bào ta. Họ nhảy dù ở Tây Ninh, Biên Hoà. Họ từ Lào đem quân sang. Họ đã bị bắt, bị đánh lùi. Nhưng họ chưa chịu đứng yên đâu. Chúng tôi đã nắm được bằng cứ chắc chắn là họ toan dùng võ lực, thành linh lật đổ chính phủ dân chủ cộng hoà để đặt lại một quan toàn quyền như thuở trước.

Đồng bào!

Ở đây có ai thừa nhận một quan toàn quyền cai trị xứ ta không?

– Không! Không!

Có ai chịu bó tay để cho chế độ thực dân ra mặt hay giấu mặt trở lại không?

– Không! Không!

Thì chúng ta hãy thể cương quyết đứng bên cạnh chính phủ chống mọi sự xâm lăng, dầu chết cũng cam lòng.

Hỡi các dân tộc trên thế giới đã chiến đấu cho nhân quyền và dân chủ, chống độc tài và phát xít! Dân tộc Việt Nam có quyền sống độc lập, tự do. Độc lập, tự do của chúng tôi không trái với độc lập tự do của bất cứ dân tộc nào khác. Anh, Nga, Mỹ đã chịu đổ máu. Nhờ sự đổ máu đó,

nước Pháp mới được giải phóng, thì có lý do gì, nhờ máu của các bạn mà nước Pháp lại tròng ách nô lệ lên nước Việt Nam đã tự giải phóng rồi bằng cuộc chiến đấu chống phát xít bên cạnh Đồng minh?

Từ cựu hoàng đế Bảo Đại đến hàng cùng dân, đồng bào chúng tôi đều chán cái ách nô lệ, đều quyết hy sinh cho độc lập tự do của đất nước Việt Nam.

Chúng tôi không bạo ngược, không khiêu khích. Chúng tôi ôn hoà. Chúng tôi bảo vệ sanh mạng, tài sản của người ngoại quốc. Chúng tôi sẵn sàng kết dây thân ái với bất cứ một nước nào trên hoàn vũ miễn nước ấy thừa nhận quyền sống tự do độc lập của dân tộc Việt Nam.

Hỡi người Pháp!

Các người chớ tưởng tượng rằng dân chúng xứ này trù mến chế độ thực dân.

Chúng tôi không chịu ách Nhật. Chúng tôi cực lực phản đối ách Pháp cho dầu ách ấy có sơn son phết vàng đi nữa.

Việt Nam dân chủ cộng hoà sẵn sàng ký kết với Cộng hoà Pháp những hiệp ước cộng tác về kinh tế, văn hoá, luôn bình bị nữa, nếu Pháp công khai thừa nhận quyền độc lập của nước chúng tôi.

Nhược bằng các người kể chúng tôi như tôi mọi, thì, liên hiệp với dân chúng Pháp, chúng tôi thể chết, không nhượng bộ trước bất cứ một sự hăm dọa hay khiêu khích nào.

Quốc dân! Hãy sẵn sàng chiến đấu!

Đồng bào! Hễ gặp dịp thì hiến thân cho nước!

Quét sạch những đồ phản quốc, quét sạch thực dân cầm quyền!

Anh em, chị em! Trong lúc phái bộ Đồng minh đến xứ ta, anh em, chị em ta chớ để mất thanh danh của một dân tộc đã từng sống vẻ vang.

Đứng lên!

Độc lập, tự do bắt đầu từ nay!

Tiến lên! Vì độc lập tự do!

Tiến tới mãi! Không một thành lũy nào ngăn cản nổi ý chí của muôn dân trên đường giải phóng”.

Bài nói ứng khẩu của tôi đầu được hoan nghênh tới đâu nữa làm sao mà thay cho bản Tuyên ngôn độc lập của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Kế tôi thì Phạm Ngọc Thạch, thay mặt chính phủ long trọng tuyên thệ trước quốc dân:

Cương quyết lãnh đạo đồng bào giữ gìn đất nước!

Vượt qua tất cả khó khăn, nguy hiểm xây đắp nền độc lập hoàn toàn cho Việt Nam.

Sau Thạch là Nguyễn Lưu, một người lãnh đạo Tổng Công đoàn Nam Bộ, đọc lời thề của nhân dân:

“Chúng tôi, toàn thể nhân dân Việt Nam xin kiên quyết một lòng ủng hộ chính phủ lâm thời của nước Việt Nam dân chủ cộng hoà, ủng hộ Chủ tịch Hồ Chí Minh. Nếu người Pháp đến xâm lược Việt Nam một lần nữa thì chúng tôi quyết:

- Không đi lính cho Pháp.
- Không làm việc cho Pháp.
- Không bán lương thực cho Pháp.
- Không dẫn đường cho Pháp.

Xin thề!”.

Một triệu người hô to: Xin thể! Xin thể! Nắm tay đưa lên. Dàn quân nhạc nổi lên trong tiếng reo hò vang dội của hàng chục vạn người như một tiếng sấm động kéo dài từ đầu chí cuối đại lộ Cộng hoà một biển người.

Cuộc biểu tình tuần hành bắt đầu thì, thành linh từ gara Jean Comte trước lễ đài, từ nhiều nhà tư nhân và cha cố Pháp xung quanh nhà thờ, súng nổ vang, bọn thực dân Pháp núp sau các cửa hé mở bắn xuống dân chúng biểu tình dưới phố. Sách của Trần Tấn Quốc còn ghi:

“Sau bài diễn văn của ông Trần Văn Giàu, cuộc diễn hành khởi sự. Từ đại lộ Cộng hoà, một tốp đổ xuống đường Ba Lê Công xã (tức Catinat), một tốp quẹo ra đường Yersin (tức Taberd 5) đi có trật tự dưới những biểu ngữ giăng ngang đường viết bằng các thứ chữ: Anh, Mỹ, Nga, Tàu và Việt:

- “Độc lập hay là chết!”.
- “L’Indépendance ou la mort!”.
- “Independence or death!”
- “Việt Nam dân chủ cộng hoà muôn năm!”.
- “Đả đảo thực dân Pháp!”.

Thành linh súng nổ, nổ trước nhà thờ Đức Bà, nổ trước hãng Jean Comte, và chập sau tiếng nổ đều trong vùng trung tâm thành phố.

Trời đương nắng bỗng sấm tối, mây đen vần vũ, mưa lấm tẩm rơi”.

Các đoàn biểu tình tiếp tục đi theo kế hoạch đã định sẵn còn tôi theo ở luôn tại lễ đài để chỉ huy cuộc đàn áp các ổ khiêu khích quân đội, tự vệ, công nhân và thanh niên đã xông lên từng nhà có súng nổ tịch thu súng đạn, bắt bọn bắn lén. Lệnh chung là “bắt mà không giết”. Tất nhiên là trong cơn xung đột lớn, có một số người chết, nhiều người bị thương. Nhiều cuộc xung đột ngoài đường và nhiều người Pháp bị bắt. Đến

chiều gần tối thì bọn khiêu khích đều bị đàn áp hết, đầu đuôi mất hơn vài ba giờ chiến đấu, kẻ khiêu khích ở trong nhà cố thủ, nên ta phải chịu tổn ít nhiều công sức, kể cả sinh mạng, đặc biệt của công nhân xung phong và thanh niên tự vệ. Bên phía ta 47 người chết và bị thương kể luôn đồng bào đi biểu tình; phía Pháp có một số người chết, ít hơn ta, bị thương, non già 1.000 người Pháp bị bắt nhốt ở một số trường học và bót cảnh sát 6.

Trong lúc tôi lo việc trấn áp bọn khiêu khích thì Phạm Ngọc Thạch đi gặp các người có trách nhiệm phía Nhật, Anh, gặp cả thiếu tá Dewey (Mỹ) ở nhà hàng Continental để trình bày nguyên nhân và diễn biến cuộc xung đột mà kẻ chịu trách nhiệm gây ra là bọn thực dân Pháp, chúng muốn có xô xát, đổ máu, và nếu có đổ máu của người Anh thì càng tốt, để chúng có cớ hô lên rằng “Việt Minh không giữ nổi trật tự, buộc quân Anh phải sớm can thiệp bằng cách cướp vũ khí của những người yêu nước Việt Nam ở thành phố Sài Gòn”.

Nội chiều tối ngày 2 tháng 9, Dương Bạch Mai, Nguyễn Văn Trấn, Huỳnh Văn Tiểng và một số đồng chí khác đi đến các nơi giam Pháp kiều, cho họ về nhà, về trại. Theo lời Tiểng kể lại với tôi đêm đó thì các ông Tây, bà đầm bị dân quân tự vệ bắt giam đều lo sợ quá chừng, họ khóc, họ lạy, họ cứ tưởng đâu là đã vào tay cái đám dân thuộc địa này thì sẽ bị trả thù, bị đánh đập, giết chết. Họ van xin thảm thiết và mừng quýnh quáng khi được tha về với lời chúc ngủ ngon giấc bằng tiếng Pháp. Còn Anh, Nhật thoả thuận (lỗ miệng) là từ nay không cho bọn Pháp ra đường mang vũ khí.

Bọn tôi không vội mừng. Dàn xếp này chỉ là tạm khi quân Anh, quân Pháp còn ít. Chắc hẳn sẽ còn khiêu khích nữa lớn hơn. Không thể có ổn định. Nhưng bọn tôi không hốt hoảng chút nào, mà bình tĩnh đối phó với một tình hình mỗi ngày thêm căng thẳng. Ngày 4 tháng 9, chúng tôi yêu cầu đồng bào Sài Gòn, nhất là người già và trẻ em, hãy về quê bớt đi càng sớm càng tốt. Trên trời Sài Gòn lúc này, mỗi ngày có máy bay của Anh rải truyền đơn, gây hoang mang trong một phần dân chúng.

Giữa lúc công việc bề bộn, khó khăn thêm, thì anh Hoàng Quốc Việt và anh Cao Hồng Lãnh, đại diện của Trung ương Đảng và của Tổng bộ Việt Minh vào tới Sài Gòn. Tôi mừng quá. Từ mấy năm nay, bọn tôi làm “mò”. Nay anh Ung Văn Khiêm (đi hội nghị Tân Trào) về tới với hai đồng chí Việt, Lãnh, thì còn có viện trợ chính trị nào quý hơn nữa? Tôi nghĩ như vậy. Tôi ghé tai hỏi nhỏ Khiêm, vậy chớ ông Hồ Chí Minh là ai, có phải là Nguyễn Ái Quốc không? Khiêm cười đáp: phải, đúng là Nguyễn Ái Quốc. Mừng hết lớn! Trong lúc đó thì anh Việt bực một chuyện cũng đáng bực thật: khi xe anh Việt qua Xuân Lộc thì anh em ở đó có gởi lên xe hai thùng Tây nhẩy dù mới bị ta bắt. Tới Sài Gòn, xe ghé Khám Lớn bỏ hai thùng Tây xuống. Việc làm như vậy, tiện thì có tiện thật mà lẽ thì trái lẽ. Anh Việt phiền cũng phải lắm chớ!

13. Thực dân Anh, Pháp ngày càng lấn lướt

(1) Anh thả lính Pháp lâu nay bị Nhật bắt giam ở Nam Kỳ

Từ Hà Nội, tin ngày 5 tháng 9, cho biết Chủ tịch Hồ Chí Minh vừa ra tuyên bố hiệu triệu:

“Nhân dân Việt Nam hoan nghênh quân đồng minh kéo vào Việt Nam để tước khí giới quân Nhật, nhưng kiên quyết phản đối quân Pháp kéo vào Việt Nam vì mục đích của họ chỉ là hãm dân tộc Việt Nam vào vòng nô lệ một lần nữa.

Hỡi đồng bào!

Hiện một số quân Pháp đã lọt vào nước ta.

Đồng bào hãy sẵn sàng đợi lệnh của chính phủ chiến đấu”.

Ở Sài Gòn thì quân Pháp mặc quân phục Anh, rất khó phân biệt Pháp hay Anh; mà có phân biệt được đi nữa, bọn tôi cũng không có cách nào ngăn cản. Quốc sách của Anh để quốc thực dân là ủng hộ Pháp thực dân đế quốc. Trong mắt chúng, Pháp có trở lại thống trị Việt Nam - Đông Dương thì Anh mới trở lại làm chủ Miến Điện và giữ Ấn Độ được.

Thực ra thì chính phủ Paris đang chuẩn bị quân, tàu cho đủ số, còn ở Sài Gòn thì sẵn có nhiều ngàn lính Pháp lâu nay bị quân Nhật bắt giam từ 9 tháng 3, bây giờ chỉ cần Anh bảo Nhật thả bọn này (và Anh đã bảo) thì Pháp liền có mười mấy ngàn quân Pháp bấy lâu nay như chó sói ở trong lồng, bây giờ lần lượt được sổ lồng thì chúng rất hùng hổ, đi nghênh ngang trên đường Công xã Paris (Catinat), khiêu khích, thoi đá vào người Việt Nam. Về ngoại giao, anh Thạch đến bọn Anh để phản đối việc thả lính Pháp ra làm lồng. Về phần riêng tôi, thì tôi nhờ Tiểng chọn non già 100 Thanh niên Tiền phong cao trên 1m65, nặng trên 60 ký lô, có võ ta, mặc thường phục, tay không, cũng đi dạo trong vùng trung tâm thành phố, đặc biệt là đường Công xã Paris, đường Thủ Khoa Huân, đường Phan Bội Châu (Boulevard Charner, Boulevard Bonard cũ) hễ khi nào gặp tụi Pháp đánh đá đồng bào mình thì nhảy vào bênh, cho tụi Tây một vài miếng hiểm. Rồi cảnh sát ta can thiệp giải hoà. (Nhân dân xem đấu võ cũng sướng mắt). Trung tâm Sài Gòn náo động luôn.

Tất nhiên chúng tôi phải đề phòng cái khả năng (mà không chỉ là khả năng) mấy ngàn quân Pháp được ra khỏi trại giam, ngày nào đó, chắc là gần đây thôi sẽ được vũ trang bằng các loại súng, và khi viện binh Pháp tới Sài Gòn thì chắc không phải chỉ có những cuộc đấu quyền trước Continental, Majestic nữa đâu.

(2) Anh đòi giải tán dân quân, đòi ta nộp vũ khí

Ngày 5 hay 6 tháng 9 (tôi không nhớ rõ), quân Anh ra lệnh cho quân Nhật yêu cầu ta phải:

- Giải tán dân quân.
- Nộp vũ khí của dân quân.
- Cấm biểu tình không xin phép trước với nhà đương cuộc Nhật.
- Cấm thường dân giữ và mang vũ khí (gồm cả dao, gậy).
- Cấm mọi thứ hoạt động phá rối trị an.

Như vậy, quân Anh (và quân Pháp) trước khi có đủ lực lượng để đàn áp ta, thì toàn sử dụng quân Nhật để làm việc ấy. Quân Nhật đã đầu hàng rồi thì theo thể thức đầu hàng, phải chịu sự sai khiến của kẻ chiến thắng (là Anh).

Bọn tôi tất nhiên là phải tìm cách đối phó; mà đối phó thì cũng không phải khó khăn gì lắm, vì thứ nhất quân Nhật bị động và thờ ơ với lệnh của Anh, thứ hai là bọn Anh, Pháp chỉ quanh quẩn trung tâm Sài Gòn, không dám đi đâu xa. Cho nên, tội nó nói giải tán dân quân, đăng báo, rải truyền đơn từ máy bay, nhưng mà dân quân thì cứ tồn tại và tăng cường thêm; trước đây dân quân không có doanh trại nào ở trung tâm Sài Gòn; bây giờ thì dân quân vẫn ở các khu dân cư đông, nhất là ngoại ô, ai dám động tới? Lệnh của Nhật quả có ít nhiều ảnh hưởng đến các giáo phái: một số đơn vị Cao Đài Trần Quang Vinh tan dần như nước đá để ngoài gió; vả lại, không còn được Nhật nuôi nữa thì họ sống sao được? Nhiều nhóm quay về Thánh thất Tây Ninh, còn một số (không nhỏ) đóng ở Bà Chiểu, Tân Bình. Số quân Hoà Hảo thì về Hậu Giang, không phải vì lệnh giải tán của Nhật mà thôi, mà vì Hoà Hảo đang mưu đồ giành chính quyền của ta ở chín tỉnh miền Tây và họ đã công khai yêu cầu đồng chí Nguyễn Văn Tây (Thanh Sơn) trao quyền cho họ (lẽ tất nhiên là Nguyễn Văn Tây phản đối mạnh mẽ), cố thực hiện mưu đồ đó, Hoà Hảo đưa hết người của họ về miền Tây. Tôi có nói với Tiêng một câu tiếng Pháp: “À quelque chose malheur est bon”, mình khỏi mang tiếng giải tán các đơn vị quân sự hay bán quân sự của giáo phái. Rồi cùng thì, ngoài đơn vị của “Thiên bồng đại nguyên soái” Lê Kim Ty và “quân sư” Dương Văn Giáo, chỉ còn quân của đám “Huỳnh Long”, họ xin phép lên đóng ở một số vườn cao su Thủ Dầu Một, còn quân của Vũ Tam Anh, Lương Văn Tương thì lên đóng quân ở vùng Biên Hoà, quân của Nguyễn Hoà Hiệp thì rải một vòng cung từ Lái Thiêu xuống Đức Hoà. Trong Sài Gòn những lực lượng vũ trang đều là do bọn tôi trực tiếp nắm: Cộng hoà vệ binh, Quốc gia tự vệ cuộc, Công đoàn xung phong, Thanh niên tự vệ, Cảnh sát; phần lớn lực lượng vũ trang được bố trí từ xa trung tâm thành phố nơi kẻ địch khó tới lui quan sát, khó tính tới việc tập kích hoặc tước vũ khí.

Như vậy, Nhật, Anh không “giải tán” được dân quân. Làm sao giải tán bằng mồm được? Còn như cái đòi hỏi “nộp vũ khí” thì đưa đến kết quả

là Nguyễn Văn Trấn với đại ca Nguyễn Thiện Hành gửi cho Nhật mấy chục cây súng mứt hư hỏng và mấy trăm viên đạn lép mà ta còn trong kho hay vừa lặn mò mấy tuần nay dưới sông Sài Gòn; một ít súng một lòng, hai lòng đã rỉ; nhiều nhất là gây tầm vong non. Bọn Nhật, bọn Anh thừa biết là người Việt Nam đời nào chịu nộp vũ khí? Vậy mà tội Trốt-kýt cứ đồn ầm lên rằng: phe Trần Văn Giàu khuất phục, nộp vũ khí cho Anh, Nhật mà không chịu võ trang cho quần chúng! Cái với họ là mắc mưu địch. Từ nay ta giữ vũ khí kín đáo hơn ở trong trung tâm thành phố, còn ở Gia Định - Chợ Lớn thì ngoài vòng quan sát của địch, ta muốn làm gì có ai ngăn trở được ta?

(3) Anh chiếm trụ sở của Ủy ban hành chánh Nam Bộ

Chiến thuật của Anh, Pháp là lấn dần. Theo con mắt của chúng thì hãy chiếm trụ sở của Ủy ban Hành chánh Nam Bộ (dinh Thống đốc cũ 7), xem như là không thừa nhận chính quyền cách mạng ở Nam Bộ, xem như là tượng trưng giành lại cho Pháp chủ quyền ở Nam Bộ, làm như vậy là tạm đủ cho chính quyền cách mạng mất thanh thế trước nhân dân, nhưng về phần chúng ta thì không vì lẽ mất một trụ sở mà chính quyền cách mạng lại không kêu gọi kháng chiến được.

Cho nên, ngày 10 tháng 8, trung tá Roe (người Ấn) trao cho Ủy ban hành chánh Nam Bộ một lá thư, đại ý nói Ủy ban của Quân đội Đồng minh đòi trưng dụng trụ sở của Ủy ban Hành chánh Nam Bộ và nói sự trưng dụng đó “không có ý nghĩa chính trị”, mà chỉ là việc tạo “phương tiện cho phái bộ chúng tôi làm việc”.

Ý nghĩa chính trị của hành động lấn lướt này quá rõ, nhưng cần gì phải tranh luận về cái ý nghĩa đó với thực dân Anh? Ta cần có thời gian để làm gấp rút một số việc phải làm để ứng phó với tình hình căng thẳng dữ.

Ủy ban dời qua dinh Đốc lý thành phố, nơi đó Ủy ban Hành chánh Nam Bộ đã được thành lập cách nay mới hai tuần thôi. Ủy ban thông báo cho đồng bào Sài Gòn và Nam Bộ rõ như là để xin sự ủng hộ của đồng bào đối với việc ngoại giao vô cùng tế nhị.

“... Ủy ban chúng tôi đã nhã nhặn đề nghị cho phái bộ Anh những dinh thự khác. Nhưng rất cuộc, không cưỡng được, chúng tôi phải dời đi, có bộ phận về dinh Đốc lý như bữa đầu, có bộ phận dời chỗ khác...”

Đứng trước cảnh ngộ khó khăn, và sẽ còn gặp nhiều khó khăn hơn nữa, chúng tôi kêu gọi quốc dân nên tỉnh trí, chớ nóng nảy mà hành động vô phương pháp. Đồng bào hãy xiết chặt hàng ngũ trong Việt Minh, xung quanh chánh phủ, đừng làm gì trái với mệnh lệnh của chánh phủ mình, hãy tin chắc rằng bao giờ chúng tôi cũng không quên quyền lợi tối cao của Tổ quốc là độc lập, tự do.

Một lần nữa, đồng bào hãy lặp lại lời thề của mình hôm 2 tháng 9: “Chúng tôi toàn thể dân Việt Nam xin cương quyết một lòng ủng hộ chánh phủ lâm thời của Nước Cộng hoà dân chủ Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh. Nếu người Pháp đến xâm lược lần nữa thì chúng tôi quyết: không đi lính cho Pháp, không làm việc cho Pháp, không đưa đường cho Pháp”.

Một lần nữa, chúng tôi, Ủy ban nhân dân lập lại lời thề: “Cương quyết lãnh đạo quốc dân, giữ gìn đất nước, thực hiện chương trình Việt Minh, hy sinh vượt tất cả các nguy hiểm, cương quyết chống mọi mưu mô xâm lược, dù chết cũng cam lòng”.

Nay quân đội Đồng minh đến, Ủy ban Đồng minh đến.

Chúng ta hãy tỏ ra cho Đồng minh thấy rằng chúng ta là một dân tộc có kỷ luật, ham hoà bình, yêu tự do, chuộng cần lao, nhưng luôn luôn có thể chết để bênh vực độc lập và tự do cho Tổ quốc.

Chào mừng phái bộ Đồng minh!

Ta cứ tiến trên đường giải phóng!”.

Không phải tôi viết “thông báo” này, nếu tôi viết thì cái giọng sẽ khác một chút.

(4) Bọn thực dân Pháp treo cờ ở sân phủ toàn quyền và tập hợp hát Marseillaise dưới cột cờ

Theo lệnh của Anh, quân Nhật giao phủ Toàn quyền 8 cho Pháp. Bọn Cédile cho rằng chiếm phủ Toàn quyền là tượng trưng cho việc làm chủ lại Nam Kỳ, làm chủ lại Đông Dương.

Sau khi đã nhờ Anh chiếm lại dinh Thống đốc Nam Kỳ thì sáng 13 tháng 9, bọn Pháp long trọng tập hợp nhau trong phủ Toàn quyền cũ (trước do Nhật quản lý), ốm tối hát Marseillaise và xắc xược kéo cờ tam sắc lên. Nhân dân đi đường dừng lại mỗi giây thêm đông, hò hét phản đối, đả đảo thực dân; hàng trăm rồi hàng ngàn thanh niên kéo tới; họ đã vo quần, cởi áo, nắm tay trên song rào sắt, chờ một tiếng hô là nhảy vô sân hạ cờ Pháp xuống. Trong lúc đó, có người báo cáo cho bọn tôi biết sự việc đang diễn ra ở đầu đại lộ Cộng hoà. Anh Thạch lập tức đi can thiệp với Anh, Nhật nói rằng bọn Pháp đang khiêu khích như vậy, nhân dân đang sôi nổi phản đối như vậy, chúng tôi đòi nhà đương cuộc Anh phải bắt Pháp phải hạ cờ ngay, bằng không, bằng chậm trễ, thì chính quyền nhân dân Việt Nam sẽ không chịu trách nhiệm về hậu quả của hành động khiêu khích.

Trong lúc Thạch đi thương thuyết thì chúng tôi phái mấy cán bộ ra tại chỗ để yêu cầu nhân dân, yêu cầu thanh niên bình tĩnh chờ kết quả của cuộc thương lượng của bác sĩ Phạm Ngọc Thạch, chờ lệnh của chúng tôi. Đồng thời, chúng tôi yêu cầu cấp tốc công đoàn và thanh niên hô hào đoàn viên của mình tới tham gia biểu tình thị uy đông hơn nữa, làm áp lực để buộc Pháp phải hạ cờ tam sắc.

Tội Anh sợ lại gây ra đổ máu như là ngày 2 tháng 9. Lúc này, Anh, Pháp chưa đủ chuẩn bị, vả lại hình như là bọn Pháp cứ làm liều mà không cho Anh hay trước. Cho nên Anh yêu cầu Pháp hạ cờ.

Lúc ấy tôi suy tính, nếu Pháp không chịu hạ cờ thì phải làm sao đây? Chịu để cho cờ Tây bay giữa Sài Gòn hay sao? Đồng ý hay làm ngơ cho thanh niên hàng ngàn người xông vào hạ cờ Tây, thì sao khỏi đổ máu tại sân cờ rồi ai ngăn nổi cuộc đổ máu trên toàn bộ trung tâm Sài Gòn mà lúc này mình chưa có chủ trương, chưa có thể kiểm soát tình hình nếu xung đột

lớn nổ ra? Cờ Tây treo lên mà mình bảo thanh niên bó tay thì mình còn nói cho ai nghe nữa? Khó lắm! Khó tính lắm! Tốt hơn hết là tiếp tục khua thêm hàng vạn đồng bào cấp tốc đến bao vây dinh Toàn quyền, hò hét phản đối để làm áp lực. Khi ấy, tôi cũng nghĩ rằng, nếu Pháp không nhượng bộ kéo cờ xuống thì, trong lúc Pháp chưa có đủ số quân để đánh ta, ta có thể chấp nhận một cuộc xung đột đổ máu hay không đổ máu mà Pháp chịu trách nhiệm hoàn toàn, không chối cãi vào đâu được, vả lại Pháp không được sự đồng ý của Anh. Ta hạ cờ Pháp xuống, chắc đổ máu ít nhiều nhưng lòng dân Sài Gòn sẽ ít nhiều thoả mãn và tinh thần chiến đấu của đồng bào sẽ lên cao. Nhưng, rốt cùng, khi ấy, Anh sợ trách nhiệm, yêu cầu Pháp hạ cờ. Khi ấy, đồng bào, số đông đã lên tới mấy vạn, từ từ giải tán, bình luận náo nhiệt về sự thắng lợi của mình. Báo Điện tín đăng bài tường thuật:

“... Thiên hạ bao quanh dinh Toàn quyền với tất cả hạm hực sôi nổi trong khi thấy lá cờ tam sắc thập thò nửa như muốn kéo lên, nửa như ngại ngừng không dám. Rốt cuộc, lá cờ đành phải lừng lờ chừng rừ xuống không khác một lá cờ tang...”

“Quần chúng tuy tức giận nhưng vẫn biết giữ kỷ luật, giữ trật tự để tránh cạm bẫy của bọn khiêu khích. Họ mím môi, nén giận chờ đợi cuộc thương thuyết ngoại giao của chánh phủ. Và, kết quả được đúng như mỗi người mong mỏi: cờ tam sắc bị triệt hạ hẳn chiều ngày 13.9.1945”.

(5) Đòi lấy lại quyền quản lý cảng tàu biển, sở Ba Son và kho thuốc đạn (Pyrotechnie)

Hồi khởi nghĩa, chúng ta đã chiếm phần lớn cảng Sài Gòn – phần cảng mà quân đội Nhật chiếm đóng, thì ta không đụng tới. Bây giờ, để chuẩn bị cho việc đổ bộ quân Pháp và cả cho việc bóc lột bằng thương mại, Pháp xin Anh ra lệnh cho Nhật lấy lại quyền quản lý thương cảng, giao cho Pháp.

Cũng hồi khởi nghĩa, các xưởng Ba Son đều do công nhân ta chiếm và quản lý. Nay Pháp nhờ Anh chiếm lại cho để sửa chữa tàu chiến ọp ẹp của chúng sắp tới Sài Gòn.

Kho thuốc đạn ở đầu cầu Thị Nghè rất quan trọng về mặt quân sự. Trong đó còn nhiều thuốc súng, cùng nhiều đạn đại bác. Pháp muốn qua tay Anh bảo Nhật giao lại cho nó.

Chúng ta ở trong cái thế không thể nào đòi nắm quyền làm chủ, các nơi đó là những cơ sở quân sự mà Anh nói là có quyền buộc quân Nhật phải để nó tiếp quản. Cố giữ thì phải nổ súng với Anh, Ấn và quân Nhật, điều ấy chúng ta chưa muốn, chúng ta còn muốn kéo dài khả năng thương thuyết hoà bình. Nhưng không thể để kẻ địch trở lại một cách thắng lợi toàn vẹn. Bọn tôi chỉ thị cho Tổng Công đoàn cấp tốc gỡ và chở đi những máy móc, vật liệu gì có thể gỡ ra và chở đi được, đem ra các nơi an toàn xa thành phố để sau này xây dựng các binh công xưởng; đem đi được những gì, bao nhiêu, thì tôi chưa được báo cáo. Anh Năm Ngô Văn Dĩnh (Ba Son), Lý Văn Sâm (thương cảng) gặp tôi nhiều lần để tính việc lâu dài; mà, thú thật, tuy tôi lo việc quân sự, nhưng tổ chức hậu cần phải thế nào, khi ấy tôi chưa có kế hoạch gì rõ ràng, cho nên cuộc phân tán máy móc và vật liệu khá lộn xộn. Dù sao thì mấy đồng chí bên Tổng Công đoàn đã bắt đầu nghĩ tới việc chuẩn bị một kế hoạch phá hoại rộng lớn, trong đó phá hoại nhà đèn Chợ Quán và kho đạn đầu cầu Thị Nghè; anh em cùng với tôi đã tính rằng ngày nào Pháp chiếm Sài Gòn, chính quyền cách mạng rời khỏi thành phố thì tất cả các cơ sở kinh tế của Pháp sẽ phải ra tro hết. Đó không phải là một ý thoáng qua.

(6) Thực dân Pháp âm thầm mà gấp rút tổ chức lại bộ máy cai trị thuộc địa Nam Kỳ

Tôi được báo cáo của Trương Văn Giàu từ trại “Cộng hoà vệ binh” Chí Hoà, nói có hai thằng cò Tây trước kia chỉ huy ở đó co mo lên yêu cầu gặp những người quân cũ; chúng bị cự tuyệt một cách không lấy gì làm “nhã nhặn”: “Chúng tôi bây giờ thuộc quân đội của nước Việt Nam dân chủ cộng hoà, một nước độc lập, chúng tôi không có quyền tiếp các ông và cũng không muốn tiếp các ông; các ông đừng tới đây nữa!”. Lúc này Trương Văn Giàu đã chuẩn bị để đưa số đông binh lính ra ngoài Phú Lâm, về Gò Công và Tân An, trước và sau sông Vàm Cỏ.

Như vậy là tụi Tây muốn tìm cách nắm lại lính khố xanh cũ.

Anh Nguyễn Văn Trấn, người trực tiếp phụ trách “Quốc gia tự vệ cuộc” cho biết là bọn Pháp đã đưa bác sĩ Nguyễn Văn Thịnh và bác sĩ Nguyễn Văn Tung vào ở trong 11e RIC 9 (cơ binh thứ 11) và có bọn đốc phủ, hội đồng lén lút ra vào nơi đó.

Chắc là bọn Pháp đang lo sắp xếp bộ máy cai trị của chúng ở Nam Kỳ. Vừa rồi quân Anh (và quân Nhật) vào Khám Lớn giải thoát cho tên đốc phủ khát máu Nguyễn Văn Tâm. Tâm có thời được gọi là “hùm xám Cai Lậy” đàn áp nhân dân ác liệt lắm. Một số anh em trong đó có tôi, ngay sau khi cách mạng thành công định đưa hắn đi châu Diêm Vương bằng cách lập ngay một phiên tòa đặc biệt ở Cai Lậy gồm những thẩm phán là những nạn nhân của hắn trước kia. Nhưng một số anh em khác “thăm nhuần pháp luật” như anh Phạm Văn Bạch (thay tôi làm chủ tịch và được anh Việt Ứng hộ) thì bảo rằng bây giờ ta đã nắm chính quyền rồi thì phải có tòa án tử tế, vả lại ta đã chỉ định luật gia Trần Công Tường làm chủ tọa rồi thì để anh ấy liệu định. Chần chờ mấy hôm thì Tâm vượt khỏi tay của chúng ta (quân Anh vào Khám Lớn đưa Tâm ra); các đồng chí phê bình dữ quá, và phê bình dữ là phải; Thịnh, Tung, Tâm nhập bọn với nhau. Nguy cơ bù nhìn thấy rõ.

Các anh em bên “Quốc gia tự vệ cuộc” rất cảnh giác, cho nên từ sau 25 tháng 8, đã gấp rút lấy cả ngàn nhân viên mới từ đảng viên, đoàn viên từ công nhân, nông dân trong tổ chức của ta đồng thời “quét” bọn mật thám gian ác cũ ra, mà Pháp đang ra sức tập hợp lại.

(7) Tội Pháp toan “bắt cóc” hay ám sát người phụ trách

Trước khi tội Anh chiếm trụ sở Ủy ban Hành chánh (dinh Thống đốc cũ) thì Huỳnh Văn Tiểng, tôi (và vài anh em ủy viên nữa) ngủ tại trụ sở, trên lầu, trong một cái “lồng” lưới sắt, cái lồng ấy ở giữa một phòng rất lớn. Như vậy, giường không cần mùng, nhưng nằm mà chưa ngủ thì có cảm giác nằm trong một cái quan tài bằng lưới sắt. Trong ngoài trụ sở có canh gác tử tế. Tôi cũng có khi trốn điện thoại vì quá mệt, về ngủ ở nhà in Nguyễn Phú Hữu, gần Chợ Mới. Nhưng từ khi Anh chiếm trụ sở Ủy ban thì anh Khâm người cầm đầu hội Cao Đài cứu quốc bấy giờ là chánh văn phòng ủy ban, đưa tôi về ở một cái villa trệt ở đường Chasseloup Laubat

10, nhà này cũng có canh gác tử tế. Tôi hay làm việc khuya. Tôi có ý bảo anh em bảo vệ giúp đẩy bàn giấy của tôi vào một góc, tôi ngồi xoay lưng vào tường, vào góc, để chỉ đối phó có một mặt nếu bị tiến công thành linh, khỏi phải giữ lưng, giữ hông. Trên bàn, bao giờ cũng có cây súng lục “bắn ghen” cán bạc mà Thạch đã trao cho tôi (nói rằng đó là súng tiếp thu của Thống chế Nhật Terauchi) lên đạn sẵn. Đêm thứ hai (hay thứ ba) về ở nhà này, tôi viết lách đến mười giờ hơn bỗng thấy một cánh cửa sổ từ từ mở, như có gió, mà trời thì yên tĩnh, lắc rắc mấy hạt mưa trên mái nhà, tôi lại thấy hai bàn tay trắng nhiều lông núa vào khuôn cửa sổ. Tôi chụp khẩu 6/35, nổ mấy phát và la lên: “Có gian!”. Tự vệ chạy tới thì hai thằng Tây vừa tốt qua vườn nhà bên cạnh. Cả đêm không ngủ, sáng hôm sau hỏi anh Khảm coi hai nhà bên là của ai thì hoá ra anh Khảm cũng không biết rõ, còn tôi thì cả tin vào tính cẩn thận của anh Khảm, thế mới chết!

Như vậy là tội Pháp hoặc toan bắt sống tôi, hoặc toan ám sát tôi (chúng sẽ còn tiếp tục cái âm mưu này).

Tôi liền cùng với Tiếng (và anh em trong ban tham mưu) đi vào ở trong Chợ Lớn, một đường nhỏ, đường Ngô Quyền, gần trường Đại học Y Dược ngày nay. Khu vực này chỉ có người Việt và người Tàu. Đi, về xa hơn, nhưng ăn, ở thì an toàn hơn.

14. Nội bộ nhân dân càng lúc càng có cơ chia rẽ

Sự chia rẽ này, hãy nói ngay, một mặt do mâu thuẫn xã hội vốn có, mặt khác do thực dân, tìm cách kích lên.

(1) Biểu tình của nhóm Trốt-kít tổ chức trước Chợ Mới đòi “vô trang quần chúng”

Từ cuối 1939 (khi chiến tranh bắt đầu) cho đến giữa năm 1945, Sài Gòn chẳng thấy Trốt-kít ở đâu hết. Như mấy con ếch mùa khô, họ rút sâu dưới những hang cua. Mưa xuống, ruộng có chút ít nước, thì mới nghe tiếng huệch huệch; bọn Trốt-kít mới xuất hiện hồi tháng 7, tháng 8, khi Pháp đã bị Nhật đảo chánh mấy tháng rồi, khi Nhật sắp đầu hàng và khi cách mạng Việt Nam sắp thành công. Ở Sài Gòn, người ta thấy từ khi

Nhật đảo chánh, mấy ông Trốt-kýt như Huỳnh Văn Phương, Hồ Vĩnh Ký vào làm chánh phó sở mật thám Nam Kỳ. Nói cho chí đáng, nắm sở mật thám, họ không bắt bọn tôi, cũng không cản trở gì hết tuy họ biết tội tôi hoạt động ngày càng mạnh. Họ biết anh Thạch làm việc với Đảng Cộng sản mà không nghe nói họ có kẻ vạch gì. Tiếng báo lại rằng, Phương nhăn nói “mấy anh làm gì thì làm, đừng lo sợ đảng này”. Nghe thì nghe vậy, tôi biết rằng Ký, Phương đã tích trữ một số vũ khí đáng kể từ khi có tin Nhật sắp đầu hàng và khi có tin ta sắp giành chính quyền. Sau ngày 25 tháng 8, một số vũ khí đó chuyển từ nhà Ký đi nơi khác, anh em tự vệ theo dõi sát, thì bà Sương vợ ông Ký, vốn là bạn thân của Thạch, đến Thạch, kêu là anh Giàu cho người canh nhà vợ chồng Ký không biết để làm gì. Thạch cự nự với tôi ngay trước mặt bà Sương. Tôi bèn giờ telephone kêu bên Trấn, hỏi:

– Các anh có canh nhà ông Ký, bà Sương không?

– Có!

– Vì lẽ gì?

– Họ đang di chuyển súng đạn mà súng đạn thì chỉ có chính phủ mới có quyền tàng trữ.

– Di chuyển súng đạn à? Nhiều không?

– Xem chừng cũng nhiều, hàng mấy trăm khẩu lớn nhỏ với số đạn khá lớn.

– Nè, có canh gác thì canh gác kín đáo, chớ ngồi thù lù trước cửa người ta như thế bà Ký đang phản đối đấy!

Bà Sương khóc rú lên. Anh Thạch cự nự với tôi càng dữ. Khi bà Sương về thì Thạch sang phòng tôi, trách: “Anh làm cho đàn bà khóc, hay lắm hả?”.

Tôi chỉ cười và nói: “Tội đệ tứ đang âm mưu gì đó, hãy dè chừng. Tôi không ưng để súng đạn trong tay họ đâu; họ không dùng để đánh Pháp

mà để đánh ta đó”.

Trần và Mai (Dương Bạch Mai) có đặt người trong các nhóm Trốt-kít, ấy là nghề nghiệp mới của hai anh, trách làm sao được, vả lại Trần và Mai hồi 1936-1939, đã biết Trốt-kít lắm rồi.

Hôm 25 tháng 8, và hôm 2 tháng 9 có mặt “nhóm Tranh đấu” với huy hiệu “trái đất - sao xẹt”. Họ tập hợp lực lượng mà vẫn chia làm hai ba nhóm, nhóm này không thừa nhận nhóm kia là đệ tứ. Nhưng họ lại thống nhất với nhau trong việc chống Đảng Cộng sản, chống Việt Minh.

Trốt-kít nhận định rằng:

- Cách mạng tháng Tám năm 1945 (trên toàn thể nước Việt Nam), là cách mạng tư sản giống như cách mạng tháng Hai năm 1917 ở nước Nga.

- Chính quyền được thành lập từ Cách mạng tháng Tám là chính quyền tiểu tư sản đại diện cho quyền lợi của tư sản, một thứ chính phủ Kerensky.

- Chính quyền kiểu Kerensky thì sẽ thoả hiệp với đế quốc tư bản; cho nên cần biến cuộc cách mạng tư sản thành cuộc cách mạng vô sản, như Lenin và Trotsky đã làm ở nước Nga từ tháng 2 đến tháng 10 năm 1917.

- Vậy phải đánh đổ chính quyền tư sản của bọn Trần Văn Giàu hiện nay để lập chính quyền công nhân do nhóm Đệ tứ lãnh đạo.

Họ lập luận như vậy. Thật đúng với lý thuyết “cách mạng thường trực”.

Họ ra sức “đào đất dưới chân” bọn tôi; họ tìm cách đâm vào hông tụi tôi.

Lúc này, sau vụ xung đột 2 tháng 9, nhất là sau vụ Tây treo cờ ở phủ Toàn quyền, Anh, Nhật đòi tước vũ khí của dân quân, v.v... thì ai cũng thấy quân Pháp sắp sửa trở lại, nhiều người tán thành thái độ hoà hoãn thương lượng (tranh thủ thời gian để chuẩn bị) của chính quyền (của anh Thạch và tôi), nhưng cũng có một số ít người cho rằng bọn tôi “mềm” quá, thoả hiệp quá, họ trách tại sao lại thả bọn Pháp bị bắt chiều 2 tháng 9, sao

không đem xử tội chúng vì đã bắn chết người Việt Nam, họ trách tại sao chịu “nộp vũ khí” v.v... Họ đòi thừa lúc Pháp còn chưa đông, đánh úp một trận, tiêu diệt hết thực dân. Có lần, không biết ai, chắc là bọn tay sai của Pháp chớ ai đâu lạ, dán áp phích hàng chục cái ở đường Paul Blanchy 11 từ Tân Định đến Tân Bình, cho biết: “xe tăng của Nga qua giúp cách mạng Việt Nam đã đến Miến Điện rồi!”. Rõ ràng là tội khiêu khích muốn cho đồng bào ta tin một cách hão huyền, rồi đánh Pháp, trị Anh ngoài đường, gây phản ứng mạnh của Đồng minh, phản ứng có lợi cho Pháp. Bọn tôi biết được, cho người đi gỡ các áp phích lơ lửng ấy thì, ở một vài nơi, quần chúng tưởng đâu anh em đi gỡ áp phích đó là Việt gian; suýt có đánh lộn.

Bọn đệ tứ Trốt-kýl lợi dụng tâm lý của dân “muốn đánh” để tuyên truyền cổ động rằng tội tôi sợ Tây, không dám đánh Tây, đang “thỏa hợp” với thực dân. Khẩu hiệu của chúng lúc này là: đòi chính quyền phải kiên quyết chống Pháp; và muốn chống Pháp có hiệu lực thì đòi chính quyền phải “võ trang quần chúng”. Tội đệ tứ biết chán rằng không có vũ khí (súng đạn) ở đâu để mà phát cho quần chúng; chính phủ cách mạng còn phải đi kiếm từng cây súng, từng viên đạn mà cũng không có bao nhiêu để võ trang cho quân lính cách mạng. Quần chúng chỉ có thể tự võ trang bằng vũ khí thô sơ. Nhưng vấn đề chính của Trốt-kýl là làm cách nào để hạ uy thế của chính quyền, cụ thể nhất là của ông Giàu. Cho nên, tội nó biểu tình om sòm trước cửa Chợ Mới. Vài trăm người thôi (mà tin được đưa lên báo). Bên anh Hành, anh TƯƠI (cảnh sát) hỏi tôi phải đối phó cách nào, họ xin phép trị bọn Trốt-kýl ngóc đầu; tôi không đồng ý, chỉ yêu cầu anh em mặc thường phục ra giải thích cho nhân dân: Chính phủ còn chưa có mấy súng đạn thì làm sao võ trang cho quần chúng bằng súng đạn được? Hãy coi chừng bọn khiêu khích làm rồi thêm cho chính quyền cách mạng mới thành lập, ngồi chưa nóng ghế... Tội đệ tứ Trốt-kýl bày ra vụ biểu tình này, bên anh TRẤN điểm danh được họ; họ khôn, nhưng làm sao khôn hơn tội tôi được? Họ không thương cờ và huy hiệu “sao xẹt” của họ, nhưng “thấy của biết người”, giấu thế nào được? Tội tôi đoán trước rằng tội đệ tứ Trốt-kýl sớm hay muộn sẽ tìm cách tập hợp lực lượng, làm “quân sự” thầy dùi cho các tổ chức chống Việt Minh, chống Đảng Cộng sản. Quả thật như vậy.

(2) “Minh thệ” – một âm mưu lật đổ chính quyền cách mạng

Tất cả những ai đã làm chính trị ở xứ này đều biết trước rằng các ông lãnh tụ “Mặt trận quốc gia thống nhất”, phần lớn (phần lớn chớ không phải tất cả) có kỳ thị với Đảng Cộng sản. Bởi vậy, cho dù Việt Minh chủ trương tập hợp toàn thể dân tộc (bao gồm cả tư sản dân tộc và thân hào yêu nước), các ông lãnh tụ quốc gia kia chỉ xin gia nhập Việt Minh vì áp lực của quần chúng phần nào, vì sự an toàn của chính họ chớ không phải chủ yếu vì quyết tâm xây dựng đoàn thể rộng lớn để đánh đổ thực dân, giành độc lập tự do, bảo vệ chính quyền cách mạng. Không quá mười ngày, sau khi khởi nghĩa thành công, thì họ đã âm mưu tập hợp lại chống chính quyền cách mạng. Nếu sau một vài tháng, năm ba tháng Việt Minh tỏ ra bất lực hay đầu hàng thực dân khi ấy bọn kia lập một cuộc “minh thệ” chống Việt Minh thì “còn có lý” – như lời Tiếng nói – đầu này, chính quyền cách mạng chưa có thì giờ để xếp đặt xong cái văn phòng, trong lúc đó thì Anh, Pháp đã bắt đầu tiến công chúng ta đều khắp, thì chúng đã đồng hùa lo đánh đổ chính quyền cách mạng rồi! Rõ ràng là họ có ác ý, nếu không phải trực tiếp thì cũng là gián tiếp làm lợi cho địch, làm lợi cho Pháp.

Có quan hệ gì giữa bọn họ với Pháp, Anh trong cái “minh thệ” mà mục đích chúng là đánh đổ chính quyền cách mạng?

Ai, những ai âm mưu đó?

Họ tưởng đâu chúng tôi không biết gì về hành tung của họ. Thật ra thì Trần, Tiếng và tôi nắm được gần hết âm mưu của họ. Bọn Trốt-ký-t đọc sách mà không hiểu sử, cứ nghĩ rằng cách mạng tháng Tám ở Việt Nam là cách mạng tháng Hai năm 1917 của nước Nga, một cuộc cách mạng tư sản đưa giai cấp tư sản và Đảng tiểu tư sản Men-sơ-vích, s.r lên cầm quyền; chúng mưu toan tiếp tục làm cách mạng tư sản bằng cách đánh đổ chính quyền Việt Nam dân chủ cộng hoà, đưa Trốt-ký-t lệ tứ lên cầm quyền. Nhưng lệ tứ ở Sài Gòn thì yếu quá, vì vậy, lệ tứ Trốt-ký-t liên kết với Đảng quốc gia độc lập thân Nhật, với Hoà Hảo (Hoà Hảo đang tính nổi dậy cướp chính quyền ở 9 tỉnh miền Tây Nam Bộ) và với một cánh của Cao Đài. Cuộc họp “minh thệ” của chúng họp ở một nhà ở xóm

Cây Quáo, chưa tới ga Xóm Thơm, ở cơ quan quân sự của Cao Đài Dương Văn Giáo. Ký bản “minh thệ” mà chúng tôi (tôi, Tiểng, Trấn) nắm được văn bản ngay trong đêm ký kết, có 13 người, trong đó phần lớn là Trốt-kýt: Huỳnh Văn Phương, Hồ Vĩnh Ký, Phan Văn Chánh, Phan Văn Hùm, bà Sương (vợ của Ký), Trần Văn Thạch, Huỳnh Phú Sổ, Lương Trọng Tường, Lương Văn Giáo, Phan Hiếu Kinh, và ba người nữa tôi không nhớ tên, hình như có Vũ Tam Anh nữa. “Minh thệ” đoàn kết thành một mặt trận, quyết tâm đánh đổ chính quyền hiện giờ. Đêm ấy, khi tôi mới bắt đầu đi ngủ tại dinh Hành chánh Nam Bộ, trời cũng khuya rồi, thì Huỳnh Văn Tiểng đánh thức tôi, đưa bản “minh thệ” cho tôi xem. Tiểng lấy làm tiếc tại sao có những anh Hùm, anh Chánh trong đám âm mưu lật đổ này; Tiểng chưa hiểu rõ bản chất Trốt-kýt. Còn tôi thì biết tụi ấy quá rồi. Chúng tôi có cách đối phó. Cách đối phó hay nhất chưa chắc là bắt họ. Bắt họ khi họ chưa chuyển qua hành động thì có thể dân Sài Gòn không lấy gì làm bằng lòng, nhưng người không hiểu rõ sẽ nói là Cộng sản đê tam nặng đầu óc bè phái, độc tài. Trong lúc Trấn giám sát sự hoạt động của nhóm này ở Sài Gòn thì Tiểng thi hành lệnh của tôi vào Chợ Quán, nhà của Ký, Sương thu gọn mấy trăm khẩu súng và đạn tích trữ bất hợp pháp từ lâu. Bà Sương tới khóc lóc với anh Thạch. Nhưng làm thế nào được? Ai đi trả lại súng đạn cho đám sắp làm loạn? Không đem bắn ngay đã là may rồi! Anh Hoàng Quốc Việt được tôi báo cáo về vụ “minh thệ” này, anh bán tín bán nghi, có lẽ anh ngờ tôi “bày vẽ”, “bịa đặt”; anh cứ mời mấy tay Trốt-kýt “sao xẹt” vào ban ngoại giao, mời Hùm, Sổ vào Ủy ban nhân dân Nam Bộ. Tôi phản đối không được. Lần này Thạch ủng hộ Việt trong cái việc làm trái nguyên tắc này. Ngay đêm hội nghị mở rộng đưa bọn này vào Ủy ban thì Hoà Hảo vũ trang nổi lên cố giành chính quyền ở các tỉnh miền Tây.

(3) Nổi loạn của Hoà Hảo

Từ 1942, khi tôi xuống U Minh Thượng (Rạch Giá) thì tôi đã nhờ Châu Văn Giác đi nhiều chuyến qua Long Xuyên nhằm điều tra tình hình hoạt động của Hoà Hảo. Đạo Hoà Hảo, cũng gọi “đạo khùng” là một hiện tượng xã hội kỳ kỳ mang tính chất địa phương ở miền Hậu Giang, bốn đạo rất đông, mê tín rất nặng, có một khuynh hướng chính trị cần được nghiên cứu. Có lẽ, trong số các đảng viên, anh Nhung, bí thư tỉnh uỷ Long

Xuyên, người chiến sĩ già hoạt động nhiều năm ở Long Xuyên, là người biết rõ Hoà Hảo hơn ai hết, nắm chắc thực chất của Hoà Hảo. Theo anh Nhung, Hoà Hảo thực ra chủ yếu không phải là một cộng đồng tu hành, mà thực tế là một tổ chức đảng phái theo hình thức tôn giáo nhằm mục đích chính trị. Theo đồng chí Nhung nói, có thể tóm tắt mục đích chính trị của Hoà Hảo là: “Minh vương trị vì” tức là đem lại cho nước Việt Nam độc lập một chính quyền quân chủ có tính chất thần quyền, mà ông vua khai sáng đó không ai khác hơn là Huỳnh Phú Sổ – “hiện thân của Phật Thầy”. Phật Thầy không phải huyền thoại mà là một nhân vật yêu nước của cuối thế kỷ XIX ở Nam Kỳ đã vận động chống Pháp theo một đường lối mà Pháp gọi là “chủ nghĩa dân tộc tôn giáo” (nationalisme religieux), chủ nghĩa dân tộc nhuộm máu Phật giáo này cũng đã từng xuất hiện ở Bắc Kỳ với Vương Quốc Chính, ở Nam Trung Kỳ với Võ Trứ, chứ không riêng gì ở lục tỉnh, duy ở Nam Kỳ thì nó kéo dài nhất, có số dân theo đông nhất, đặc biệt là ở vùng Thất Sơn. Chương trình kế hoạch của Huỳnh Phú Sổ gồm ba bước kế tiếp: thứ nhất lấy chín tỉnh miền Tây Nam Kỳ, thứ hai lấy Nam Kỳ, thứ ba lấy cả Việt Nam, gần như các bước “phục quốc” của Gia Long ngày nọ.

Nhóm Giải Phóng nói rằng “Hoà Hảo là Việt Minh”, thuộc Việt Minh “cũ”. Trong khi đó, không ai không biết rằng, hồi 1943, 1944, 1945, Huỳnh Phú Sổ được sở sen đầm Nhật bảo vệ. Hoà Hảo có gì là Việt Minh đâu? Chẳng qua họ tìm một chiếc thang để leo lên. Trên Sài Gòn, các anh Thâu, Phương, Ký đi gặp Hoà Hảo ở đường Miche cũng tưởng Hoà Hảo là khuynh hướng đệ tứ.

Nhật lật Pháp. Tổng bộ Việt Minh triệu tập Quốc dân đại hội (ở Tân Trào). Trong khi bọn tôi cử Ung Văn Khiêm và Hà Huy Giáp đi dự đại hội quốc dân thì bên “Giải Phóng” gọi một đoàn đại biểu ba người trong đó có một người tên là Nguyễn (hay Lê) Phú Xuân, đại diện cho Hoà Hảo. (Hoà Hảo chịu hết tổn phí cho đoàn này đi Bắc). Yêu cầu mà Phú Xuân mang ra Bắc là: Huỳnh Phú Sổ làm Phó Chủ tịch nước. Xuân lâu nay là người chấp bút làm ra kinh kệ, thi thơ, sấm truyền cho Hoà Hảo, nghĩa là mưu sĩ số một. Yêu sách Hoà Hảo tất nhiên là không dễ đạt (và Phú Xuân bị chính quyền ta bắt trong cuộc nổi loạn của Hoà Hảo sau ngày 2 tháng 9 ở Cần Thơ). Trước cuộc nổi loạn này, Hoà Hảo ở Long Xuyên

đòi Tỉnh uỷ Long Xuyên phải nhường chính quyền tỉnh cho Hoà Hảo; lẽ dĩ nhiên là đồng chí Nhung và Tỉnh uỷ bác bỏ yêu sách đó, chỉ nhận người của họ vào làm phó; ở Cần Thơ cũng vậy. Rồi họ tính to chuyện hơn nổi dậy cả Hậu Giang, bắt đầu ở “Tây đô” Cần Thơ. Hôm Hoà Hảo kéo quân vào đánh úp Cần Thơ, thì Bùi Văn Dự (một lãnh tụ của “Giải Phóng” như Trần Văn Vi), đích thân cầm giấy của Hoà Hảo đưa cho Thanh Sơn (Nguyễn Văn Tây), là uỷ viên Uỷ ban Hành chánh Nam Bộ, thanh tra chính trị miền Tây. đòi ta giao 9 tỉnh miền Tây Nam bộ cho Hoà Hảo. Dĩ nhiên là Thanh Sơn không thể chấp nhận, vả lại anh không có quyền chấp nhận một đòi hỏi lỗ bịch như vậy.

Đòi hỏi không được, Hoà Hảo dùng đến vũ lực.

Hôm hội nghị Việt Minh mở rộng ở trụ sở Uỷ ban Hành chánh Nam Bộ nhằm cải tổ Uỷ ban, anh Hoàng Quốc Việt có mời mấy đại biểu Hoà Hảo, và bản thân Huỳnh Phú Sổ đến dự. Trong lúc đang thảo luận ở Sài Gòn thì tin đồn Hoà Hảo kéo nhau hàng vạn vào Cần Thơ toan giành chính quyền bằng vũ lực; họ có đủ thứ vũ khí: kiếm, siêu, đao, có những người mang giáp, đội mũ lông trĩ y như hát tuồng! Họ đòi chính quyền cách mạng phải giao hết quyền bính lại cho Hoà Hảo; “lần này không thể không giao được”. Cần Thơ báo tin lên Sài Gòn xin chỉ thị và điện qua cho các tỉnh xung quanh xin tiếp ứng. Lực lượng vũ trang của ta ngăn quân Hoà Hảo phiến loạn lại ở cửa ngõ thị xã, đánh tan phiến loạn một cách dễ dàng. Bùi Văn Dự bị Thanh Sơn bắt, sau đó Dự được anh Hoàng Quốc Việt xin tha.

Trong hội nghị ở Sài Gòn đêm ấy, Ung Văn Khiêm và Huỳnh Phú Sổ cãi nhau dữ dội. Tôi nắm tê-lê-phôn liên lạc với Cần Thơ và các tỉnh, và tôi thông báo từng chập cho Khiêm. Khiêm đòi Thầy Hoà Hảo phải ra lệnh cho tin đồn giải tán đi, đừng xông vào thị xã Cần Thơ nữa. Thầy Hoà Hảo chưa bằng lòng với chức phó chủ tịch Uỷ ban Nam Bộ, tỏ ra thật ương ngạnh, thầy tin chắc rằng, trong lúc hội nghị ở Sài Gòn tiếp tục thì ở Hậu Giang, chủ yếu là Cần Thơ, hàng vạn tin đồn Hoà Hảo đã giành được chính quyền rồi! Cho nên, Thầy Hoà Hảo lạnh lùng trả lời Ung Văn Khiêm: “Các người cứ giao chính quyền ở 9 tỉnh Hậu Giang thì mọi việc sẽ yên ổn bằng không thì không biết tình hình sẽ đi đến đâu”. Anh Hoàng

Quốc Việt thì ra sức giảng hoà. Tôi không rời đây nói ở phòng bên cạnh chỗ họp, nghe kỹ báo cáo tình hình từ Hậu Giang. Tình hình mỗi lúc thêm nguy cấp, không dùng vũ lực cách mạng thì không đánh lui được phản cách mạng; anh em Cần Thơ và các lực lượng vũ trang từ Bạc Liêu đến, từ Vĩnh Long sang, đều nhận thấy như vậy. Tín đồ Hoà Hảo xông tới với gươm đao, súng lửa. Anh em ta đã nổ súng chỉ thiên, nhưng Thầy Hoà Hảo đã bảo với tín đồ: súng Việt Minh bắn sẽ không nổ, nổ sẽ không trúng, trúng sẽ không chết, chết sẽ sống lại do phép lạ của Thầy. Bây giờ súng của Việt Minh bắn nổ và đạn bay vèo vèo trên đầu những người đi cướp chính quyền; một số nhẩy xuống sông, số khác chịu tước khí giới, nơi nơi họ đều chạy tán loạn. Thanh Sơn (Tây) bắt nhiều người cầm đầu phiến loạn, trong đó có Nguyễn Phú Xuân và Bùi Văn Dự. Trên Sài Gòn, Huỳnh Phú Sổ bị bắt vì tội chủ trương bạo loạn chống chính quyền cách mạng nhưng được anh Hoàng Quốc Việt ra lệnh thả ngay! Thầy Hoà Hảo thấy mưu đồ lấy chín tỉnh Hậu Giang thất bại nên tẩu thoát, không quên truyền ra rằng Thầy đã “tàng hình”! Chương lý Trần Công Tường khám nhà Huỳnh Phú Sổ ở đường Miche, thấy ở trong rương nhiều tang vật không chứng tỏ rằng chủ nhân là kẻ thực sự tu hành mà là một gã đàn ông đa tình. Hàng chục người xem tang vật, trong đó có Huỳnh Văn Tiểng ôm bụng cười; vậy mà anh Việt nghĩ rằng tụi tôi “phao vu”! Điều đáng chú ý là, trong vụ này, Trần Quang Vinh (lãnh tụ Cao Đài Tây Ninh) lại kịch liệt lên án Huỳnh Phú Sổ và Hoà Hảo, Trần Quang Vinh công khai đăng báo thành phố lời lên án đó.

(4) Hoàng Quốc Việt chỉ thị giải tán Thanh niên Tiền phong

Anh Hoàng Quốc Việt đứng về phía của “Giải Phóng”. Anh Việt ở Bắc vào, đại diện cho Trung ương (và cho Tổng Bộ Việt Minh), cùng đi với đại diện của phái “Giải Phóng” đã dự Hội nghị Tân Trào (nhưng vì đi lạc nên không dự); cùng đi với Ung Văn Khiêm, mà Ung Văn Khiêm được xem là của phái “Tiền Phong” tức là phái Trần Văn Giàu. “Phái của Giàu”, phái “Tiền Phong” đã lãnh đạo khởi nghĩa tháng Tám thành công trên toàn bộ các tỉnh Nam Kỳ, không trừ một tỉnh nào, không trừ một quận nào. Nhưng mà Trung ương đã được phe Giải Phóng báo cáo là phe Tiền Phong không theo đường lối của Đảng, tổ chức Thanh niên Tiền phong chứ không tổ chức Thanh niên cứu quốc, tổ chức Tổng Công hội

chớ không tổ chức Công nhân cứu quốc, Thanh niên Tiền phong là tổ chức của Nhật, Thanh niên Phạm Ngọc Thạch cũng như là Thanh niên Phan Anh thôi, v.v. và v.v. (chưa kể những chuyện dựng đứng mà ta đã biết). Cho nên, trong lúc anh Việt nghe theo lời của Giải Phóng, đặt lòng tin vào Hoà Hảo mà phe Giải Phóng bênh là Việt Minh “cũ” thì anh lại quyết định giải tán Thanh niên Tiền phong (để rồi cá nhân người Thanh niên Tiền phong nào có tiêu chuẩn sẽ được đưa vào Thanh niên cứu quốc).

Quyết định của Việt gây ra một làn sóng căm phẫn, buồn bã chán nản nữa trong tổ chức Thanh niên Tiền phong toàn Nam Bộ; toàn Nam Bộ khi ấy có hơn một triệu đoàn viên Thanh niên Tiền phong. Cái anh buồn bã, căm phẫn nhất có lẽ là Phạm Ngọc Thạch. Còn tôi, thì lẽ cố nhiên là tôi không tán thành giải tán Thanh niên Tiền phong, tôi cho rằng cứ tổ chức và phát triển Thanh niên cứu quốc đi, còn Thanh niên Tiền phong thì cứ giữ lại đó làm như một Mặt trận thanh niên, ta có thể lấy Thanh niên cứu quốc làm đoàn và lãnh đạo Thanh niên Tiền phong, đến khi nào Thanh niên Tiền phong hết nhiệm vụ, hết tác dụng thì nó chết, chớ việc gì mà phải giải tán một đoàn thể quần chúng rất lớn do Đảng lập ra, một đoàn thể có vai trò quan trọng trước, trong và sau khởi nghĩa tháng Tám? Giải tán Thanh niên Tiền phong có hại, không có lợi. Anh Việt không nghe. Quyết định giải tán phải được thi hành ngay không chậm trễ.

Phải triệu tập một cuộc hội nghị đại biểu lớn của Thanh niên Tiền phong Sài Gòn và các tỉnh. Hơn 500 người dự họp ở phòng họp lớn dinh Đốc lý cũ, tầng dưới, ngoài cửa vô thì phía bên trái. Ai nấy mặt mày ủ rũ vì đã biết lý do mục đích cuộc hội nghị rồi.

Một đồng chí giải thích lý do vì sao Thanh niên Tiền phong phải giải tán. Giải tán rồi thì đoàn viên Thanh niên Tiền phong sẽ lần lượt vào Thanh niên cứu quốc như thế nào. Các đại biểu dĩ nhiên là không ai phản đối Thanh niên cứu quốc nhưng cũng không ai tán thành giải tán Thanh niên Tiền phong, hội nghị kẹt quá! Thủ lĩnh tối cao của Thanh niên Tiền phong là Phạm Ngọc Thạch tất nhiên là phải lãnh nhiệm vụ của anh Việt giao cho là chính thức tuyên bố chấm dứt tổ chức Thanh niên Tiền phong. Thạch lên diễn đàn. Ai nấy chờ coi anh nói cách nào hay ho, cho thoả

đáng, để sự giải tán được êm ái, xuôi chèo mát mái. Nào dè, Thạch nét mặt giận dữ tuyên bố: “Thanh niên Tiền phong là một tổ chức yêu nước, có công lớn trong cuộc cách mạng tháng Tám giành chính quyền ở tất cả 20 tỉnh, và trong cuộc đấu tranh mấy tuần nay để củng cố, bảo vệ chính quyền. Thanh niên Tiền phong đã tồn tại vinh quang, Thanh niên Tiền phong đang tồn tại anh hùng, Thanh niên Tiền phong cứ tồn tại, không ai giải tán nó được!”. Tức thì tiếng vỗ tay, tiếng hoan hô như sấm dậy.

Việt không có mặt ở buổi họp. Tất nhiên, Việt làm sao đoán nổi lời tuyên bố trái cựa của Thạch? Việt đâu có biết con người của Thạch?

Có mặt ở buổi họp tôi nghĩ: nguy rồi! Nếu như thế này thì mâu thuẫn nội bộ của ta lớn quá, không phải chỉ là mâu thuẫn giữa Hoàng Quốc Việt đại biểu Tổng bộ Việt Minh với Phạm Ngọc Thạch, thủ lĩnh một triệu Thanh niên Tiền phong Nam Bộ. Hậu quả sẽ ra sao trong cái tình hình đang căng và càng ngày càng căng này? Việt làm sao có thể tha thứ, chịu nhượng Thạch? Thật thà tôi không hiểu, hoàn toàn không hiểu vì lẽ gì Việt lại hấp tấp đến thế?

Thạch nói như vậy. Đại biểu hoan hô Thạch như vậy. Nhưng giải tán Thanh niên Tiền phong là điều đã được quyết định rồi. Người ta ra về bần thần đến cực độ. Anh em có người tự hỏi: chừng nào tới phiên Tổng Công đoàn? Tổng Công đoàn cũng do Xứ uỷ tổ chức, đã có lúc tồn tại và hoạt động dưới danh nghĩa “Thanh niên Tiền phong ban xí nghiệp” mới lấy lại tên Tổng Công đoàn mấy ngày trước khởi nghĩa mà cũng không mang tên là “Công nhân cứu quốc” thì sẽ bị giải tán không? Trong 80 ngàn đoàn viên Thanh niên Tiền phong ở Sài Gòn và khoảng 1 triệu Thanh niên Tiền phong Nam Bộ ai có tiêu chuẩn vào Thanh niên cứu quốc (ít hơn rất rất nhiều). Giữa lúc khó khăn lớn như thế này mà gây thêm lo âu, xáo trộn, anh Việt rõ ràng là kém chính trị, hẹp hòi quá 12, nhiều anh em nghĩ vậy, nói như vậy, họ không sai lắm đâu! Sau buổi họp tôi nói nhỏ với Thạch: Anh Việt và cậu “trái cựa” nhau, như vậy thì cậu và cả tôi chắc khó yên ổn ở đất Sài Gòn này.

(5) Việt đổi đồng chí Mười Thịnh, chủ tịch Hóc Môn xuống làm chủ tịch Thủ Thừa

Việc giải tán Thanh niên Tiền phong là việc lớn, còn việc sau đây kể ra là chuyện “nhỏ” trong số nhiều việc nhỏ, tựa tựa như cách “làm ăn” của Việt khi cầm quyền tối cao ở Nam Bộ. Hóc Môn có tiếng rất xứng đáng là “ổ cộng sản” từ hàng chục năm nay. Mới năm năm trước đó, trong cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ 1940, ở cả vùng Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định chỉ có quận lỵ Hóc Môn là bị quân khởi nghĩa tiến công chiếm lấy phần lớn trong mấy giờ liền trước khi rút lui. Ai nấy tưởng đâu phái Giải phóng của các anh Vi, Dự khi khởi nghĩa đã giành được chính quyền ít nhất là ở Hóc Môn, trong số cả trăm quận của Nam Kỳ. Sự thật là ngay cả ở Hóc Môn – “căn cứ” của Vi, Dự – cuộc khởi nghĩa cướp chính quyền ngày 25 tháng 8 lại do Thanh niên Tiền phong làm gọn và đưa thủ lĩnh của mình là Mười Thịnh lên làm chủ tịch quận. Mười Thịnh là một đảng viên cộng sản lâu năm thuộc hệ thống Xứ uỷ Nam Kỳ (gọi là “Xứ uỷ Tiền Phong”). Phái Giải Phóng không bằng lòng, đi vận động nhờ anh Việt đổi Mười Thịnh đi làm chủ tịch quận Thủ Thừa (Tân An), để lại chỗ cho một chủ tịch quận thuộc cánh Vi, Dự.

Kỳ cục thật! Chẳng lẽ anh Việt lại chẳng thấy rằng phía Vi, Dự hoàn toàn không có lấy được một tỉnh, một quận nào trên đất Nam Bộ hay sao? Ít lâu nữa, cái quyết định của anh Việt chuyển Giàu và Thạch ra Bắc, cũng là loại Mười Thịnh đi Thủ Thừa đó mà thôi!

Tiếp theo...

Chú thích của người biên tập

1 Jean Cédile(1908-1984): sĩ quan chỉ huy những đơn vị "khố xanh" ở các thuộc địa châu Phi, tham gia tổ chức Ủng hộ tướng De Gaulle ngay từ đầu. Nhảy dù xuống Tây Ninh với quân hàm thiếu tá. Sau Đông Dương, giải ngũ, tham gia bộ máy thực dân, rồi thực dân kiều mới ở Châu Phi.

2 Pierre Messmer(1916-2007): thuở trẻ học Trường đào tạo quan chức thuộc địa, xu hướng cực hữu. Tham gia kháng chiến, Ủng hộ De Gaulle ngay từ ngày đầu. Được cử vào những chức vụ ở thuộc địa trước khi nhảy dù xuống Tuyên Quang (tháng 8.1945), bị du kích bắt, vượt ngục về Hà Nội. Tham gia phái đoàn Pháp ở Hội nghị Đà Lạt. Những năm 50, làm

quan chức thuộc địa ở châu Phi, những năm 1960 làm bộ trưởng quốc phòng (ở cương vị, này, đã cách chức nhà toán học Laurent Schwartz khỏi chức vụ giáo sư Trường Bách Khoa vì ông ủng hộ kháng chiến Algérie). Thủ tướng Pháp từ 1972 đến 1974.

3 Khẩu hiệu “Độc lập hay là chết” (tiếng Anh Independence or Death) cũng là một khẩu hiệu phổ biến ở Hà Nội lúc đó, bên cạnh khẩu hiệu Vietnam To The Vietnamese (Nước Việt Nam của người Việt Nam), mà trẻ em lúc đó ít biết tiếng Anh đọc là ... Việt Nam to thế, Việt Nam mẹ sề. Có thể xem thêm bài viết của Dương Trung Quốc “Đại tướng Võ Nguyên Giáp với nghi thức ngoại giao đầu tiên”

4 Các tên đường nói trong đoạn này:

Norodom: sau này gọi là đại lộ Thống Nhất, nay là Lê Duẩn

Blansubé: Duy Tân, nay là Phạm Ngọc Thạch

Charner: nay là Nguyễn Huệ (tháng 8.1945, được đặt tên là Thủ Khoa Huân, đừng nhầm với đường Thủ Khoa Huân hiện nay tức là Aviateur Garros cũ)

Bonard: nay là đại lộ Lê Lợi (tháng 8.1945 mang tên Phan Bội Châu).

5 Taberd: sau đổi thành Trần Quý Cáp, nay là Võ Văn Tần.

6 Đọc thêm chứng từ của Colette Phạm Ngọc Thạch: “Ba Tôi” có đoạn nói về cuộc biểu tình ngày 2-9-1945 tại Sài Gòn (trong đó, bà Marie-Louise Phạm Ngọc Thạch bị đả thương nặng).

7 Dinh Thống đốc cũ: nay là Viện bảo tàng Thành phố Hồ Chí Minh (đường Lý Tự Trọng, góc đường Nam Kỳ khởi nghĩa). Từng làm dinh Khâm sai, dinh Thủ hiến, dinh Gia Long, dinh Quốc khách, Dinh tổng thống (1962-63).

8 Phủ toàn quyền: tức là Dinh Norodom, thời “Việt Nam cộng hòa” là Dinh “Độc Lập” (phủ tổng thống), nay là hội trường Thống Nhất.

9 11e RIC (11ème Régiment d'Infanterie Coloniale): Trung đoàn Bộ binh Thuộc địa số 11. Thành 11e RIC: trại lính sau gọi là "caserne Martin des Pollières, nằm ở giữa các đường Lê Duẩn, Mạc Đĩnh Chi, Nguyễn Thị Minh Khai.

10 Chasseloup-Laubat: sau thành đường Hồng Thập Tự, nay Nguyễn Thị Minh Khai.

11 Paul Blanchy: nay là đường Hai Bà Trưng.

12 Tóm lại một chữ là: ngu. Người biên tập liên tưởng tới một câu nói của bác sĩ Phạm Ngọc Thạch, bộ trưởng bộ y tế Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Đầu những năm 1960, trong lúc ĐCS rất mao-ít về mặt đối nội, một tối ở Hà Nội ông Thạch rủ Georges Boudarel (giáo sư Pháp, năm 1950, ra bưng tham gia kháng chiến, làm việc dưới sự lãnh đạo của ông Thạch, và đã bị tòa án quân sự Pháp kết án tử hình) đi ăn phở. Nói đến CỤ HỒ, ông Thạch than thở: "J'arrive pas à comprendre comment le Vieux arrive à supporter tous ces cons" (Tao không hiểu Ông Già làm thế nào mà chịu đựng nổi cái lũ ngu ấy).

21-2-11

Phần V(4): TỔNG KHỞI NGHĨA THÀNH CÔNG: KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP BẮT ĐẦU

(tiếp theo)

15. Pháp chiếm trung tâm Sài Gòn bằng vũ lực

(1) Được sự ủng hộ của thực dân Anh,

thực dân Pháp ráo riết chuẩn bị dùng vũ lực đánh chiếm Sài Gòn

Thiếu tá A. Peter Dewey

Vì Anh và Pháp là hai đế quốc có nhiều thuộc địa nhất thế giới nên cả hai sát cánh nhau, chống phong trào giải phóng dân tộc là lẽ dĩ nhiên. Đầu Anh là trong phe “Đồng minh”, không một ai có thể mơ hồ về điều đó. Pháp sở dĩ ngồi thương lượng với ta ở Sài Gòn chẳng qua vì chúng nó muốn chờ hoàn thành nốt công việc chuẩn bị xâm lược của nó ở Sài Gòn, và chờ đại binh của chúng nó từ Pháp sang Sài Gòn mà thôi; cũng không một ai có thể mơ hồ về điều này. Và trong mọi cuộc nói chuyện ở Sài Gòn giữa chúng tôi và đại biểu Pháp, thực dân Pháp luôn luôn bảo: Pháp trở lại Đông Dương đã, rồi sau sẽ nói chuyện về việc cho Đông Dương tự trị như De Gaulle đã hứa hẹn. Còn ta thì, trái lại, khẳng định rằng chỉ có thể thương lượng trên cơ sở nước Pháp công nhận quyền độc lập và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam. Hai bên có lập trường trái ngược nhau như vậy; thương lượng không thể đi đến đâu; không đi đến đâu mà cứ phải thương lượng; Pháp và ta đều hiểu nhau. Mỗi bên đều “tranh thủ thời gian” để làm việc chuẩn bị đánh. Anh Thạch muốn lợi dụng mâu thuẫn giữa Anh, Pháp và Mỹ về vấn đề thuộc địa. Ở Sài Gòn khi ấy, có một đại diện có uy thế của Mỹ là thiếu tá Dewey – em ruột của quan thống đốc bang New York của nước Mỹ – mà Dewey thì, một hôm tiếp chuyện với Thạch ở tại dinh Hành chánh Nam Bộ, nói Mỹ không tán thành để Pháp trở lại Đông Dương như trước, ông ta đề nghị với Thạch

là nên đi Mỹ ít hôm, để nói chuyện thẳng với chính phủ Mỹ. Thạch cũng ừ à, chờ bàn lại. Thạch hỏi ý tôi; tôi cho rằng thật có mâu thuẫn giữa Anh, Pháp một bên và Mỹ một bên về vấn đề Đông Dương, nhưng mâu thuẫn đó không cơ bản, không sâu sắc đâu, cho dù Tổng thống Roosevelt còn sống đi nữa; dù sao thì ta vẫn có thể tìm cách lợi dụng mâu thuẫn ấy xem ra sao, nhưng việc đó là thuộc thẩm quyền của Hà Nội, ở Nam Bộ ta chỉ có thể góp phần mà thôi. Dewey có hôm bảo là nếu Thạch muốn đi Mỹ thì y có cách bí mật, ví dụ như để Thạch trong cái valy ngoại giao lớn, đưa lên máy bay, ít hôm lại trở về bằng cách ấy. Xem chừng cuộc “đi sứ” ly kỳ lắm! Tôi bàn với Thạch rằng, nói chuyện với Mỹ là chuyện của chính phủ Trung ương. Thạch đi Mỹ chẳng giải quyết được gì đâu, ở lại Sài Gòn cần thiết hơn. Thạch và tôi chưa kịp ừ hử gì thì Dewey 1 bị mất tích, nghe đâu bị trúng đạn khi ông ta mạo hiểm lái xe đến ngã ba Chú Ía (đường Phú Nhuận đi Gò Vấp).

Bà Nancy Dewey, con gái thiếu tá P. Dewey, gặp ông Trần Văn Giàu năm 2005 tại Việt Nam.

Cuộc thương lượng với Pháp kéo dài nhì nhằng. Có lần, trưởng phòng thông tin của đại tá Cédile đến gặp Phạm Ngọc Thạch (có mặt tôi) y nói thẳng: “Có lẽ các ông quan niệm rằng độc lập phải giành bằng vũ lực, bằng máu để chứng tỏ là xứng đáng với độc lập, và để chứng tỏ rằng dân nước các ông biết giành quyền độc lập ấy; bởi vậy, có lẽ các ông quan niệm rằng dù chưa biết được thành bại ra sao cũng cứ phải chiến đấu đã; và có lẽ các ông quan niệm rằng những hành động anh hùng sẽ bảo đảm cho tương lai, sẽ làm cho dân chúng có ý thức về sức mạnh của mình, tự biết rằng mình đã trưởng thành; nếu quả như vậy thì không còn cần phải thương lượng giữa các ông và chúng tôi nữa”. Chừng như hấn dọa cắt đứt thương lượng, Pháp muốn thử tinh thần chúng tôi. Thạch trả lời ngắn gọn: “Chính là như vậy! Ông nói đúng, chỉ sai có một điều là không phải chúng tôi không biết trước thành bại, chúng tôi biết trước rằng chúng tôi sẽ thắng, nước chúng tôi sẽ giữ được độc lập.”

Quân Pháp tại Sài Gòn mỗi ngày thêm đông. Sẵn có mười mấy ngàn lính Pháp bị Nhật bắt làm tù binh, nay được thả ra, được trang bị, tập luyện lại và rất hiếu chiến. Quân Anh, Ấn cũng càng ngày càng đông thêm.

Một tuần sau vụ xung đột đổ máu ngày 2 tháng 9, thì trưởng phái đoàn kiểm soát quân sự “Đồng minh” Anh là Gracey đến Sài Gòn xuống Tân Sơn Nhất, với một lực lượng quân sự. Tiếp theo đó, Gracey ra “bố cáo”:

- Cấm người Việt Nam mang vũ khí; Việt Nam phải nộp vũ khí.
- Quân đội Đồng minh đã lãnh trách nhiệm gìn giữ trật tự.
- Từ nay lực lượng cảnh sát người Việt Nam là một lực lượng phụ thuộc của quân Anh.
- Cấm tất cả các báo Việt Nam.

Người 19 tháng 9, hợp báo, Cédile lên chân tuyên bố: “Việt Minh không đại diện cho nhân dân. Việt Minh bất lực trong việc giữ trật tự, ngăn cướp. Người Pháp thấy cần phải lập lại trật tự. Và chúng tôi sẽ lập một chính phủ theo tuyên bố 24 tháng 3”.

Thế là rõ. Người Pháp, người Anh đã ném lá bài xuống chiếu. Nói một cách trắng ra, họ sẽ dùng vũ lực lập lại chế độ thực dân. Nhà báo P. Devillers về sau có viết về tình hình lúc này như sau:

“Dưới ảnh hưởng của những người yêu cầu ông ta phải cương quyết, Cédile dễ dàng nghĩ đến dùng bạo lực. Cédile sợ điều xấu nhất có thể xảy ra, người Việt thì lúc này sôi nổi lắm, còn quân Pháp thì chưa lấy gì làm đông, thái độ của Nhật lại mơ hồ. Tình hình vật chất và tinh thần của phái đoàn Pháp rất tồi: không có văn phòng, không có dây nói, không kéo cờ Pháp lên được. Cédille có mặc cảm là đang theo đuôi người Anh. Hơn nữa người Việt bắt đầu phá hoại ở bến tàu biển, ở sân bay Tân Sơn Nhất, giao thông với bên ngoài có thể bị nghẽn. Ngày 17 Việt Minh rải truyền đơn kêu gọi chuẩn bị bãi thị, bãi công. Nổ ra nhiều cuộc xung đột giữa người Việt với người Pháp trên đường phố. Nhiều người Việt theo Pháp bị bắt. Tất cả các cuộc thương thuyết với nhà cầm quyền Việt Nam đều không đem lại kết quả gì, Ủy ban Nam Bộ mỗi lần đều trả lời bằng cách đề nghị lại là Pháp phải đưa trở về trại những quân lính Pháp trước khi trả họ về Pháp”.

Mấy lâu nay, có người đề nghị với tôi là trước sau gì cũng sẽ đánh nhau giữa ta và Pháp, vậy thì ta nên hạ thủ trước có lợi hơn. Tôi không đồng ý. Hạ thủ trước chỉ có lợi tạm thời, thắng không quyết định mà có hại về chính trị. Giữa Pháp và Anh, ta làm sao phân biệt? Vả lại, ngay hồi này lực lượng của ta đối với Pháp (và Anh) không phải là có ưu thế tuyệt đối. Còn Anh sử dụng quân Nhật tới mức nào, ai lường trước được hết? Không nên tính tới chuyện hạ thủ trước mà phải tính đến việc Pháp sẽ thành lòng đánh ta, nhờ sự đồng lõa của Anh, thì ta phản ứng tích cực và kịp thời như thế nào, ngăn chặn và đánh dẹp như thế nào?

Như vậy cả Anh lẫn Pháp vừa bùm miệng ta, vừa trói tay ta và sắp tiến công đánh ta.

Sau ngày 2 tháng 9, mỗi lúc Anh, Pháp càng tăng cường gấp rút sự chuẩn bị quân sự để đánh chiếm lại Sài Gòn. Nếu kể chỉ trên địa bàn “Sài Gòn” thôi thì số quân Pháp bị Nhật cầm tù từ 9 tháng 3, cũng đã nhiều lắm rồi, chỉ cần tổ chức lại, vũ trang lại, trong lúc quân Pháp tập trung ở Ấn Độ, Madagascar lực tụt sang. Đến ngày 22 tháng 9, quân số của Pháp ở Sài Gòn gồm có trung đoàn thuộc địa số 11 và trung đoàn thuộc địa số 5, cộng với từ 500 đến 1.000 Pháp kiều mới được động viên nhập ngũ. Riêng lính Gourka (người Ấn) của Anh non già 3.000; và Anh sử dụng 7 tiểu đoàn Nhật đông 5 nghìn quân.

Ngày 21 tháng 9, Gracey tuyên bố thiết quân luật; ai có “hành động phá hoại” thì bị tử hình.

Và hôm 22, chúng nó chiếm Khâm Lớn. Trong lúc đó thì Pháp thả tung tất cả mười mấy ngàn lính Pháp, tụi này ra tay cướp bóc: cướp tiệm vàng Kim Thịnh, cướp tiệm sơn Nguyễn Sơn Hà, cướp tiệm giày Phú Ký, phá trụ sở Tổng Công đoàn ở số 245 đường La Grandière 2

(2) Ta gấp rút hơn nữa chuẩn bị đối phó với tình thế căng sắp nổ

Hồi chưa làm khởi nghĩa thì ở hội nghị Chợ Đệm tất cả chúng tôi đã tính trước rằng quân đồng minh sẽ sớm vào Sài Gòn và miền Nam, chính thức là để giải giáp quân Nhật, thực tế là để chống phá cách mạng Việt Nam, lập lại chế độ thuộc địa của Pháp. Quân Anh vào thì trong đó có quân

Pháp. Chúng vào mà khởi nghĩa chưa thành công thì chúng sẽ ngăn khởi nghĩa; chúng vào mà cách mạng đã thành công rồi thì chúng quyết phá chính quyền cách mạng cho kỳ được. Đúng như vậy. Không thể khác. Sài Gòn, Nam Bộ đã khởi nghĩa thành công rồi thì quân Anh, Pháp mới vào tới. Vào tới thì chúng phá ngay. Chúng bắt đầu phá ngay từ buổi lễ 2 tháng 9. Ngay từ ngày 2 tháng 9, máu đã đổ trên đường phố Sài Gòn.

Sau ngày 2 tháng 9, nhất là sau khi Gracey đến Sài Gòn, thì chúng tôi càng tìm hết các cách để theo dõi hoạt động của Anh, Pháp, Nhật. Theo dõi kỹ thì hết sức khó, song những hành động của Anh, Pháp từ đó không thể nào không cho chúng tôi tin chắc rằng địch có kế hoạch sẽ “hạ thủ” sớm để chiếm lại Sài Gòn. Rất sớm thôi. Cho nên chúng tôi ở Xứ ủy và Ủy ban phải kịp thời có một loạt hành động đối phó. Nói “đối phó” là nói bị động rồi. Mà chủ động đánh trước thì, dù là đánh ngay sau 2 tháng 9, lúc địch chưa chuẩn bị tới đâu, chúng tôi cũng nghĩ rằng không nên; không nên và không được.

Chuẩn bị đối phó với tình thế căng, sắp nổ, chúng tôi đã làm gì?

Đã “không kèn không trống” đưa các đơn vị quân đội và một số đơn vị dân quân ra ngoài thành trước khi và nhất là từ khi Gracey tuyên bố thiết quân luật.

Ta đã ra sức tăng cường các đội xung phong công đoàn thanh niên và “Quốc gia tự vệ cuộc”. Riêng Công đoàn ta lập được hơn 360 tổ, đội; lớn thì gọi là đội, nhỏ thì gọi là tổ. Việc làm này có phần công khai, có phần bí mật; công khai thì một số đội xung phong công đoàn đến tuyên thệ tập thể trước bàn thờ Tổ quốc lập tại trụ sở Tổng Công đoàn đường La Grandière; còn các đội xung phong thanh niên thì tuyên thệ ở trụ sở Charner và nhiều nơi khác; thể hy sinh bảo vệ độc lập của nước nhà; bí mật là tổ chức thành lập Mặt trận nội thành gồm 16 tiểu khu, mỗi tiểu khu gồm một số gần mấy chục đội xung phong, cũng gọi là “ổ đề kháng”, con số này cứ tăng lên mãi.

Ta tăng cường chuẩn bị: cứu thương, thuốc men và dầu xăng, dầu lửa để đốt những nơi cần đốt, ta tập trung ở nhiều nơi những cửa, búa, xà beng

để làm công tác phá hoại những chỗ đã tính trước.

Một Ủy ban kháng chiến được thành lập. Tôi chỉ định Huỳnh Văn Tiểng, Nguyễn Lưu phụ trách riêng nội thành Sài Gòn.

Mặt trận nội thành trước hết làm nhiệm vụ chủ yếu là tổ chức bảo vệ cơ quan đoàn thể, chính quyền của ta; nó chỉ huy các tổ chức chiến đấu và các đội xung phong công đoàn và thanh niên. Mặt trận nội thành, có nhiệm vụ hoạt động ở trong thành phố. Còn ngay lúc đó, chúng tôi tổ chức ra 4 mặt trận bao quanh thành phố, cố không cho địch ra khỏi Sài Gòn. Các cầu Thị Nghè, cầu Bông, cầu Chữ Y, cầu Tân Thuận, đường bộ vào Chợ Lớn, ra Bà Quẹo, mỗi đoạn vòng cung đều có bố trí lực lượng của ta

Hơn 10 ngày nay, Tiểng và tôi đêm thì vào Chợ Lớn, cũng có nhiều ngày làm việc trong đó, để đề phòng địch ám sát, bắt cóc, hay tập kích của quân thù, nhưng cũng sắp xếp thế nào để không vắng mặt ở trụ sở.

(3) Một cái bẫy của thực dân

Xế ngày 22 tháng 9, độ chừng 14 giờ, Thạch qua phòng làm việc của tôi tại trụ sở Ủy ban, tự kéo ghế ngồi (ông này ít khi ngồi nói chuyện lắm), Thạch bảo: “Nè, anh Giàu à, phái đoàn Pháp cho hai người (có một đảng viên xã hội, đều là quen biết với Thạch và tôi) tới mời tụi mình ăn cơm tối với họ và cùng họ tiếp tục thương thuyết; họ nói tướng De Gaulle vừa gửi người đến Sài Gòn, có chỉ thị mới. “Diner de travail” – Thạch nói bằng tiếng Pháp – anh Giàu nghĩ thế nào?

– Tụi nó mời ai?

– Mời anh (Giàu) với tôi (Thạch).

– Sao không mời Bạch (chủ tịch mới của Ủy ban)?

– Ai biết đâu?

– Ăn ở đâu?

– Ở trụ sở phái đoàn Pháp.

– Theo Thạch thì chúng ta nên đi hay không nên đi?

– Nên đi, đi xem tụi nó có đề nghị gì mới, chớ không còn nói gì được thêm nữa với Cédile, vả lại Cédile cũng không có đủ tư cách thương lượng ngoại giao. Theo anh thì nên đi không?

– Tôi suy nghĩ đã.

Thạch bảo: hai thằng đem thư mời còn ở phòng bên chờ trả lời.

Tôi liền nói:

– Đi! Mình sẽ đi với Thạch. Giữa 4 và 5 giờ (16 và 17 giờ), anh trở qua đây để chúng ta cùng bàn kế hoạch đi thế nào, nói những gì. Bây giờ tôi lo tổ chức sự “bảo vệ” đã.

Anh Thạch ra thì tôi gọi Hiền vào; Hiền là đội trưởng đội bảo vệ, đội này gọi là “thân binh” hay là “cận vệ”, do Tiếng tổ chức. Tôi dặn Hiền: chiều nay Thạch và tôi đi ăn cơm tối với tụi Pháp tại trụ sở phái đoàn Pháp; anh thu xếp việc bảo vệ; qua báo cho anh Thạch biết là tôi nhờ Hiền làm việc ấy. Việc thu xếp không cần bí mật. Chừng một tiểu đội bảo vệ là vừa. Rồi tôi tiếp tục làm việc như không có việc gì xảy ra.

Quá 16 giờ một chút, Thạch lại sang phòng tôi nói:

– Làm gì mà phải lo việc bảo vệ cho mất công vậy? Thôi, anh bảo tụi Hiền đừng đi bảo vệ nữa. Tụi mình cứ đến như tôi đến mọi lần, làm rình rang, tụi nó sẽ cho mình nhát gan. Nào, ta bàn kế hoạch.

– Thạch ơi! Tôi cho rằng tụi mình không nên đi.

– Ủa sao vậy? Mình hẹn rồi kia mà! Bộ con nít sao mà lát nói có, lát nói không? Vậy anh bảo Hiền nó chuẩn bị bảo vệ làm gì?

– Tôi không đi; mà anh cũng không nên đi. Không đi mà cũng không báo trước là chúng ta sẽ không đến được. Tôi bảo Hiền chuẩn bị công khai

để cho tụi Tây nếu có gián điệp điều tra động tĩnh của ta (mà chắc hẳn là có) thì tụi nó tin chắc rằng tụi mình sẽ tới “phó hội”. Thạch ơi! Với những tin tức được biết về sự chuẩn bị tác chiến của Pháp, tôi đoán chắc rằng hôm nay tụi Tây bày tiệc cơm để gài bẫy bắt sống anh và tôi. Có khi chẳng có cơm nước gì cả, chúng ta vừa đến cửa salon thì tụi nó sẽ tuyên bố anh và tôi là tù binh của chúng. Anh thấy đó. Tình hình hai, ba ngày nay căng lắm, căng muốn nổ. Trong một vài hôm nữa thôi, chắc tụi Tây sẽ dùng vũ lực đánh úp chúng ta, chiếm Sài Gòn. Nếu tụi nó bắt được anh và tôi thì sẽ hết sức trở ngại cho cuộc kháng chiến của nhân dân ít ra là trong lúc đầu. Không nên để mắc bẫy địch. Để cho địch bắt sống, xấu hổ lắm. Mấy đêm nay tôi ngủ trong Chợ Lớn, anh biết chỗ nào rồi. Còn anh, Thạch, tối nay, và từ nay cũng không nên về Léon Combes nữa. Bây giờ tôi đi nói chuyện với Xứ Ủy, Thành Ủy về tình hình có thể xảy ra. Còn Hiền thì kệ nó, nó cứ làm như tụi mình 19 giờ lên xe, nó chờ mãi đến 20 giờ tối, sẽ có người báo lại quyết định không đi ăn cơm tối với phái đoàn Pháp, nghĩa là không đi nộp mạng cho bọn Tây. Nếu đêm nay không xảy ra biến động gì, thì anh cứ ở tại tôi gấp rút đi lục tỉnh mà anh sai hẹn, vả lại chúng mình có viết thư trả lời cho bọn Tây rằng chúng mình đồng ý với cái “diner de travail” của tụi nó đâu? Tôi thì có 100 lý do khác nhau để giải thích tại sao không về kịp để “hội yến hồng môn”.

Tôi thấy Thạch không bằng lòng mà cũng không cãi tôi được. Nhưng tình hình thế, ứng xử phải thế, chớ làm sao được? Giữ chữ tín với bạn là đúng, giữ lời hứa với bọn gài bẫy mình là dại. Tôi về Chợ Lớn theo đường vòng vèo và bố trí canh gác từ xa và gần.

(4) Pháp dùng vũ lực chiếm trung tâm Sài Gòn đêm 22 tháng 9

Đúng là tối hôm đó, Pháp xua quân đánh chiếm:

- Trụ sở Ủy ban nhân dân Nam Bộ.
- Trụ sở Quốc gia tự vệ cuộc
- Nhà đèn.
- Trụ sở Bưu Điện.

– Đài phát thanh.

– Máy bốt chính.

Và lính Pháp đi ba-trui 3 suốt đêm ở phần chính trung tâm Sài Gòn. Tiếng súng nổ, nổ càng lúc càng nhiều. Các tiểu đội bảo vệ cơ quan đều chống cự mãnh liệt với địch tới viên đạn cuối cùng, tự vệ khu phố cũng nổ súng bắn trả bọn ba-trui Pháp hung hăng. Cả Sài Gòn không ngủ.

Tôi được Tiếng báo tin chiến sự bắt đầu vào lúc 11 giờ hơn.

Và từ giờ đó, tôi viết lời kêu gọi kháng chiến và triệu tập gấp cuộc hội nghị liên tịch sáng sớm mai giữa Tổng bộ Việt Minh, Xứ ủy, Ủy ban nhân dân và Ủy ban kháng chiến.

(5) Hội nghị đường Cây Mai

Từ Sài Gòn vào Chợ Lớn, đi hết đường Frère Louis (nay là Nguyễn Trãi) thì tới đường Cây Mai (nay cũng là Nguyễn Trãi). Hai đường gối đầu nhau ở biên giới hai thành phố của địa phương Sài Gòn. Đường Frère Louis – Cây Mai là một con đường đã có từ hồi thời phong kiến, từ thế kỷ 18, đầu thế kỷ 19, đường này xuất từ cửa Tây thành Gia Định đi xuống Định Tường, Vĩnh Long: một đoạn của đường thiên lý, đoạn dọc theo một số chùa nổi tiếng, mà ngôi chùa cuối cùng và nổi tiếng nhất là chùa Cây Mai, nơi gặp gỡ của thi nhân Gia Định. Cái tên đường Cây Mai có lẽ bắt nguồn ở đó. Từ ngày Tây chiếm Sài Gòn, phá đại đồn Chí Hoà, thì “chùa Cây Mai” xây dựng trên một quả đồi cao; chùa bị Pháp phá đi và xây dựng lên một cái đồn lớn, kiên cố; chùa lần lần bị quên lửng, mà đồn “Cây Mai” lại nổi danh lần. Tiếng ngâm vịnh của nhà văn im bật trước tiếng “tò te” của kèn lính khố đỏ, khố xanh. Hội nghị liên tịch của chúng tôi mở tại một địa điểm nằm giữa đồn Cây Mai và biên giới Sài Gòn - Chợ Lớn; cách nhà ở của tôi chừng 50 thước. Nhà tôi lúc đó ở số 107 (đường Ngô Quyền hiện nay). Nơi họp hội nghị là số 629 đường Cây Mai (nay là Nguyễn Trãi). Tôi với Tiếng đi bộ từ nhà sang nơi họp, vừa đi vừa bàn cách in ấn, phát hành lời kêu gọi kháng chiến. Cuộc họp bắt đầu trước hừng sáng ngày 23 tháng 9. Mục đích cuộc họp là quyết định kháng chiến, kêu gọi nhân dân Sài Gòn và nhân dân Nam Bộ đứng lên

cầm vũ khí kháng chiến bảo vệ độc lập tự do. Tôi tính rằng hội nghị sẽ ngắn, gọn, toàn thể sẽ nhất trí dễ dàng. Dự hội nghị có: Hoàng Quốc Việt, Cao Hồng Lãnh (của Tổng bộ), Ung Văn Khiêm, Nguyễn Văn Nguyễn (của Xứ ủy); Phạm Ngọc Thạch, Ngô Tấn Nhơn (của Ủy ban nhân dân); Huỳnh Văn Tiểng, Trần Văn Giàu (của Ủy ban kháng chiến).

Tôi báo cáo tình hình: Quân Pháp với sự đồng ý và hỗ trợ của quân Anh đã chiếm trung tâm Sài Gòn (trụ sở Ủy ban, trụ sở Quốc gia tự vệ cuộc, các bót lớn, nhà dây thép...). Các đội bảo vệ cơ quan và tự vệ khu phố đã chống cự mãnh liệt, lực lượng vũ trang và nhân dân đang chờ lệnh và trong lúc chờ lệnh, vẫn nổ súng chặn địch. Như vậy là Pháp đã bắt đầu xâm lược nước ta một lần nữa. Tôi xin hội nghị quyết định bắt đầu kháng chiến. Tôi yêu cầu hội nghị thông qua lời kêu gọi kháng chiến đã được viết rồi và cần được anh em chỉnh lý, bổ sung. Tôi cũng đề nghị Xứ ủy và Ủy ban dời về một nơi an toàn, tôi đề nghị là ở Cần Đốt, gần thị xã Tân An, trên đường đi vào Đồng Tháp Mười, Mộc Hoá. Có thể bây giờ tạm dọn về thị xã Mỹ Tho, nhưng nếu đóng ở đó thì ta dễ bị địch đánh úp bằng đường sông, bằng tàu chiến như hồi gần 100 năm về trước. Còn về phần cơ quan chỉ đạo tác chiến thì tôi nói với Xứ ủy và Ủy ban kháng chiến là dời ngay xuống Chợ Đệm, bên kia cầu Bình Điền.

Tôi rất chú quan, chú quan y như hồi bắt đầu hội nghị Chợ Đệm giữa tháng 8 để quyết định khởi nghĩa. Tôi những tưởng đầu ý kiến đề nghị của tôi là chí lý, nên sẽ được toàn thể anh em chấp nhận ngay, chỉ sửa chữa chút đỉnh bản kêu gọi kháng chiến mà thôi. Chớ làm sao tôi đoán trước được rằng có người, trong tình hình này, không chịu kêu gọi nhân dân và binh sĩ đứng lên kháng chiến chống Pháp xâm lược, mà người ấy lại là Hoàng Quốc Việt? Trước đây, tôi nghe đồn Hà Bá Cang (Hoàng Quốc Việt) sáng suốt. Nhưng từ ngày 2 tháng 9 đến nay, chỉ trong vòng 20 ngày anh ấy đã làm tôi thất vọng về tính sáng suốt hư truyền đó; tôi ngạc nhiên, chưng hửng về một số quyết định kỳ cục của anh. Tôi vừa sôi nổi nhưng vừa bình tĩnh trình bày xong tình hình và dự án nghị quyết, thì anh Hoàng Quốc Việt – như cũng đã suy nghĩ từ đêm khi nghe súng nổ dồn ở trung tâm Sài Gòn – Hoàng Quốc Việt chậm rãi và lạnh lùng nói:

– Không được tự tiện ra lệnh kêu gọi kháng chiến, hãy chờ chỉ thị của Hồ Chủ tịch. Không được nóng vội, hãy chờ chỉ thị của Trung ương Đảng.

Tôi nghe câu ấy như bị không chỉ một gáo mà một thùng nước lạnh xối trên lưng. Nhưng tôi cố dần lòng ngồi im nghe Hoàng Quốc Việt giải thích ý kiến của anh. Ý kiến của anh Việt thực ra cũng rất đơn giản:

Kêu gọi kháng chiến, dù chỉ kêu gọi đồng bào Sài Gòn và Nam Bộ thôi, là một điều hệ trọng lắm. Vấn đề được đặt ra là bắt đầu kháng chiến hay tiếp tục hoà hoãn; là nói chuyện bằng súng đạn hay tiếp tục thương lượng ở hội nghị? Bây giờ, trong lúc chúng ta mới nắm chính quyền, tổ chức còn bề bộn, lực lượng còn ít ỏi, thế bị cô lập, thì ta nên hoà hoãn thương lượng, không nên đối đầu bằng súng đạn, bằng vũ khí. Nếu nay ta kêu gọi kháng chiến, máu sẽ đổ thêm nhiều, thì sẽ càng khó thương lượng, thương lượng không được nữa. Cũng có thể là chúng ta bị bắt buộc, phải hô hào kháng chiến lấy súng đạn chọi với súng đạn, nhưng phải chờ lệnh của Hồ Chủ tịch, của Trung ương Đảng mới được; ta không được tự mình kêu gọi kháng chiến. Nếu gặp trường hợp ở đây ta kêu gọi kháng chiến mà Hà Nội không đồng ý, không tán thành, thì ta sẽ tính sao đây? Cho nên phải chờ. Bây giờ chỉ nên kêu gọi tổng bãi công phản đối xâm lược mà thôi, phải để cửa mở cho sự thương lượng. Chúng ta hôm nay sẽ đánh điện báo cáo và thỉnh thị với Hồ Chủ tịch, với Trung ương Đảng. Chúng ta hôm nay cũng sẽ phát lời kêu gọi đồng bào sẵn sàng đợi lệnh của Chính phủ Trung ương và sẵn sàng chiến đấu để bảo vệ độc lập tự do. Hoàng Quốc Việt nói như vậy, nói như chỉ thị của người lãnh đạo có toàn quyền.

Có người, tôi không nhớ là ai, hình như là Ngô Tấn Nhơn trả lời ngay cho Việt rằng: “Tổng bãi công bây giờ không hại gì cho Pháp cả; vì Pháp chỉ có vài cơ quan và vài người Việt Nam làm mướn cho nó; tổng bãi công không ngăn chặn được sự xâm chiếm bằng võ lực. Nó đánh tới mà ta ngồi chờ lệnh Trung ương chưa biết hôm nào tới, thì nay ta mất Sài Gòn, mai ta mất Gia Định, một ta mất Chợ Lớn, địch nó có chờ đâu, nó thấy ta chờ nó càng tiến đánh mau hơn, mạnh hơn; đến khi ta bắt đầu đánh thì địch đã chiếm được lợi thế, ta càng khó khăn hơn biết mấy!”

Trần Văn Giàu và Huỳnh Văn Tiểng, nhân dịp kỷ niệm Cách mạng Tháng Tám (2007, ảnh Việt Dũng)

Phạm Ngọc Thạch nói: “Đánh thì cứ đánh, thương thuyết thì tiếp tục thương thuyết, cái này có “exclure” (Thạch nói nửa ta nửa Tây) - “bài trừ” cái kia đâu. Tôi nghe anh Giàu nói ngày xưa Nguyễn Trãi vừa đánh vừa nói, đánh càng thắng thì nói càng có kết quả. Tội nó đánh, mình không đánh lại, mà biểu tội nó ngồi nói chuyện thì sao được?”

Huỳnh Văn Tiểng cho rằng: “Ta chưa ra lời chính thức kêu gọi kháng chiến mà tự vệ, dân quân, thanh niên, công đoàn đã bắt đầu đánh trả quân địch rồi, theo chỉ thị đã truyền sẵn, khi tình thế quá căng. Cuộc kháng chiến tự động đó chắc chắn sẽ mở rộng thêm, kịch liệt thêm, cho dầu ta không ra lệnh kháng chiến; đến một lúc, không xa lắm đâu, nếu ta không kêu gọi kháng chiến thì ta sẽ không lãnh đạo được phong trào kháng chiến của quần chúng nữa, ta sẽ mất hết uy tín, quần chúng sẽ chán chê sự do dự của ta, ta còn lãnh đạo được ai nữa? Địch đánh ta thì ta đánh lại, tất nhiên phải như thế, chờ sao được? Sao lại chờ? Bao chờ đợi khác nào là bảo bó tay để cho địch tha hồ bắt giết, xâm chiếm?”

Nguyễn Văn Nguyễn nói: “Lấy gì mà đánh? kháng chiến bằng cái gì?” (Câu hỏi giống y như trong hội nghị Chợ Đệm).

Tôi đáp ngay: “Lấy các lực lượng đã làm khởi nghĩa tháng 8 thắng lợi để làm kháng chiến đến thành công. Lực lượng này, bây giờ đã to lớn hơn, có tổ chức hơn, có tinh thần hơn, có vũ trang hơn, được huy động lên thành phong trào yêu nước cao nhất, đều nhất trước nay và sẽ càng cao hơn, đều hơn nữa. Vả lại sức kháng Pháp của chúng ta không phải chỉ có Nam Bộ mà sẽ có cả nước Việt Nam – bọn Pháp đánh chiếm Sài Gòn là để chiếm lại Nam Bộ, mà đánh chiếm Nam Bộ là chiếm lại cả Việt Nam, như cách đây gần một thế kỷ, chắc không khác mấy, cho nên kháng chiến của ta sẽ được cả dân tộc hưởng ứng. Sức mạnh chiến thắng của ta là ở chỗ đó. Hơn nữa cuộc kháng chiến của chúng ta tất nhiên sẽ được các dân tộc thuộc địa của Pháp, Anh, Hà Lan, Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha v.v... hưởng ứng bằng cách này hay bằng cách khác, kể cả bằng cách khởi nghĩa. Như vậy, chúng ta sẽ không bị cô lập đâu. Còn nước Pháp

mới bị thua trận, mới khôi phục, làm sao có đủ hơi sức đánh bại cuộc kháng chiến chắc chắn là lâu dài và quyết liệt của dân tộc ta bắt đầu ở Sài Gòn, ở Nam Bộ. Còn nhân dân Pháp, nhân dân các nước tư bản, nhất là còn Liên Xô và các nước cách mạng thành công sẽ ủng hộ ta về ngoại giao quốc tế. Đó là trả lời cho anh Việt về cái gọi là “tình thế bị cô lập”. Con mắt biện chứng không những thấy cái hiện tại mà còn phải thấy sự chuyển biến tương lai của thời cuộc.”

Tôi liền trở lại cái ý kiến ban đầu của Phạm Ngọc Thạch về việc vừa đánh vừa nói chuyện, (sau này gọi là đánh và đàm); tôi là thầy giáo, nên tôi đưa ra tỷ dụ lịch sử dài dòng hơn, chí lý hơn, rành mạch hơn Thạch. Và tôi nói thêm rằng, nếu Chính phủ và Trung ương không tán thành kháng chiến (mà tôi chắc chắn rằng Chính phủ và Trung ương nhất định sẽ tán thành) thì, trong trường hợp đó, Chính phủ và Trung ương có đủ quyền, đủ lý để ra lệnh đình chỉ kháng chiến, bãi chức những người chủ trương đánh, rồi tiếp tục thương lượng hoà bình, có sao đâu? Còn như ta mà “chờ”, mà “đợi” thì sẽ bị kẻ địch tiến công, đánh chiếm càng nhanh, càng nhiều, tinh thần nhân dân sẽ suy yếu, rời rã, khi ấy ta sẽ lâm vào chỗ thương lượng trên thế yếu ai chịu trách nhiệm? Nếu không phải là chính chúng ta đây?

Anh Việt trở lại vấn đề báo cáo thỉnh thị, về quyền quyết định của Trung ương, của Hồ Chủ tịch trong việc lớn, rất lớn như kêu gọi kháng chiến. Phải chờ đợi. Không thể khác được. Thấy rõ là đại đa số anh em dự hội nghị tán thành ý kiến của tôi, nhưng Việt chính thức là đại biểu của Tổng bộ Việt Minh, của Đảng bộ và Trung ương Đảng. Làm sao cãi ý kiến, trái ý kiến anh ấy được.

Cho nên Phạm Ngọc Thạch đề ra một ý kiến “nửa chừng”: tổ chức biểu tình lớn chống xâm lược, ngay ở trung tâm Sài Gòn (Phạm Ngọc Thạch nói rằng anh sẽ tình nguyện dẫn đầu). Biểu tình tay không. Biểu tình đông như 28 tháng 8, như 2 tháng 9, Pháp sẽ bắn vào đoàn biểu tình. Phóng viên cả nước sẽ đưa tin lên báo chí, đài phát thanh khắp thế giới sẽ làm âm lên, gây dư luận quốc tế rộng lớn bắt buộc Pháp phải ngừng tiến công và phải ngồi đàm phán.

Có người, tôi quên là ai, in hình của Ung Văn Khiêm, nói chơi, rằng đề nghị của Thạch “có mùi vị bất bạo động” của Mahatma Gandhi. Anh em bỏ qua ý kiến của Thạch, một ảo tưởng. Thật ra trong tình hình lúc bấy giờ, dân Sài Gòn đang tản cư, ai ở đó mà biểu tình, đồng bào yêu nước đang chờ lệnh đánh giặc, giết giặc xâm lăng mà ta kêu gọi biểu tình tay không (như thời trước Godart Brévié 4) thì ai nghe mình? Mình huy động như hồi 25 tháng 8 và 2 tháng 9 sao nổi? Ảo tưởng đó chính Thạch cũng thấy ngay.

Cuộc thảo luận tới lúc bình bình như ở “giáp nước”. Tôi thuyết phục anh Việt không nổi, anh Việt thuyết phục tôi không nổi. Anh em vài người chẳng nói gì, có lẽ ngại khác ý với đại biểu của Tổng bộ. Tôi bèn đưa ra cái lập luận cuối cùng của tôi để phá bế tắc. Hội nghị đã kéo dài hơn một tiếng đồng hồ rồi, mà bấy giờ một tiếng là lâu quá! Tôi chậm rãi, nhấn từng câu một, từng tiếng một:

– Các anh! Địch đánh ta thì ta phải đánh lại, tất nhiên phải như vậy; ta không đánh lại thì địch càng đánh tới, ta càng mất đất, mất dân, nhứt là mất uy tín trong dân.

– Ta không ra lệnh đánh thì dân cũng đánh, đánh thiếu tổ chức, thiếu chỉ huy; dân đánh mà ta không chịu đánh thì ta làm sao lãnh đạo được dân nữa?

– Ta đánh, diệt nhiều địch, gây nhiều tổn thất về người, về của cho địch thì địch mới chịu thương lượng đàm hàng; ta quyết không để nó thương lượng trong thế thắng. Kháng chiến không loại trừ thương lượng, không rấp ngổ thương lượng, kháng chiến càng có hiệu quả thì ta mới có thể mạnh để thương lượng. Cổ kim đông tây, ở lịch sử ta cũng vậy, vừa đánh vừa nói chuyện là thường, muốn bao nhiêu tỷ dụ cũng có.

– Tất nhiên là ta phải báo cáo thỉnh thị. Đừng tưởng rằng, đừng cho rằng ý kiến của tôi là không cần báo cáo thỉnh thị. Không phải như vậy. Nhưng, ta không chờ có chỉ thị kháng chiến mới bắt đầu kháng chiến. Trong tình hình hiện giờ chắc chắn trăm phần trăm là Trung Ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh tán thành kháng chiến. Không thể khác. Nếu ta

chờ lệnh đánh mới đánh thì địch sẽ có lợi thế nhiều quá, ta sẽ mất thế nhiều quá. Không nên chờ. Phải đánh trả ngay.

Rồi tôi đưa ra cái ý kiến cuối cùng mà tôi đã nghiền ngẫm này giờ, sau khi tôi nghe Việt bảo phải đợi chỉ thị. Tôi nói, tay nắm chặt dần xuống bàn như sắp làm một việc gì có tính chất quyết định số phận của chính mình: “Tướng ở biên cương, cũng như tướng ở nội địa và ở kinh thành đều phải theo lệnh vua, nguyên tắc là như vậy. Song, tướng ở biên cương có khi không chờ lệnh vua, trong trường hợp nếu chờ lệnh vua thì địch lấy mất biên ải, tràn vào nội địa, cướp của, bắt người, chiếm đất. Tướng biên cương phải biết tự quyết định theo đường lối bảo vệ đất nước mình. Tướng biên cương cũng có thể làm khác, thậm chí làm khác lệnh vua trong trường hợp lệnh vua tới nơi thì tình hình đã khác hẳn, nếu theo lệnh cũ thì hại cho dân, cho nước, cho vua. Tướng biên cương phải biết quyền biến, hoặc tử thủ để làm chậm bước tiến của địch, hoặc rút lui để bảo toàn chủ lực, hoặc phản công để tiêu diệt địch, làm những việc mà trong lệnh vua không có. Vua sẽ xem xét sau, đúng thì khen, sai thì trị tội, thì chém đầu. Tôi bây giờ là tướng biên cương. Tôi thấy có trách nhiệm phải quyết định, phải quyền biến. Tôi không chấp nhận ý kiến “đợi lệnh” của đồng chí Hoàng Quốc Việt – một ý kiến tiêu cực. Tôi quyết định đánh! Đánh lại ngay. Tôi xin trình với hội nghị lời kêu gọi kháng chiến sau đây của Ủy ban kháng chiến để các đồng chí chính lý, chuẩn y.”

Tôi liền đọc lời kêu gọi kháng chiến, bất chấp sự phản đối của Việt (tựa như Phạm Ngọc Thạch đã bất chấp chỉ thị của Hoàng Quốc Việt giải tán Thanh niên Tiền phong 2 tuần trước đây). Đa số hội nghị tán thành bản kêu gọi.

Tôi đưa bản “kêu gọi” cho Tiếng đem đi in ngay ở Chợ Lớn với số lượng lớn để kịp phát hành và dán ngay buổi sáng. In như thế nào, cái để dán trên tường, cái để truyền tay, gửi các ô tô đi lục tỉnh. Tiếng đi ngay.

Việt lên án tôi là vô kỷ luật, vô chính phủ. Tôi không phải là người thiếu mồm, thiếu chữ để đáp lại Việt. Về tranh cãi, về lý luận, về đấu khẩu thì Hoàng Quốc Việt còn xa mới là đối thủ của Trần Văn Giàu. Nhưng

đấu khẩu làm gì? Hãy lo chiến đấu với địch. Khi quyết định kháng chiến ngay, đánh trả ngay, tôi đã thấy trước rằng “số phận” của tôi đã được quyết định, quyết định đó ở trong tay Việt.

(Về sau, có người nói rằng tôi đã rút súng, dăng súng trên bàn họp. Đâu có! Tôi đâu có võ phu đến thế, nhưng tách đĩa trên bàn có lúc cũng động địa một chút).

Cuối cùng, khi Tiểng đi rồi, tôi nói: “Tôi làm sai thì cụ HỒ Chí Minh và chánh phủ sẽ trị tôi, trị tới mức nghiêm khắc nào cũng được, tôi vui lòng chịu. Tôi làm đúng thì cụ HỒ Chí Minh, chính phủ và lịch sử sẽ biết cho tôi. Tôi nhận lãnh trách nhiệm”.

Trước cửa nhà họp, hàng chục cán bộ, nhân dân chí cốt tụ họp sớm giờ mỗi lúc thêm đông, chờ lệnh kháng chiến.

Hội nghị chấm dứt. Đi ra tôi còn ngoái lại nói một lần nữa: “Xứ Ủy và Ủy ban hãy về Cần Đốt (Tân An); đừng đi Mỹ Tho ghen; hãy nhớ rằng Pháp có chiến thuyền xuất kỳ bất ý vào Mỹ Tho bằng ngõ cửa Tiểu như hồi thế kỷ trước; mình sẽ chạy không kịp.” (Các anh không nghe lời tôi, không nghe lời thằng thuộc lịch sử).

Chưa đầy 10 giờ sáng ngày 23 thì hàng chục xe hơi, hàng trăm xe đạp, hàng ngàn đồng bào đua nhau phát lời kêu gọi kháng chiến khổ nhỏ, chữ nhỏ, dán lời kêu gọi kháng chiến chữ đậm, khổ lớn, kêu gọi của Ủy ban kháng chiến.

Anh Hoàng Quốc Việt một vài ngày sau đó, cũng có một bài tuyên cáo lấy danh nghĩa Ủy ban nhân dân. Ai nấy đều có thể so sánh hai bài. Nói thật, nhân dân không mấy ai để ý tới bài của Việt dù là phát hành dưới danh nghĩa Ủy ban nhân dân Nam Bộ. Ít ai để ý đến lời kêu gọi của Việt, mọi người đều hăm hở làm theo lời kêu gọi của Ủy ban kháng chiến Nam Bộ.

Trong cuộc hội nghị đường Cây Mai, anh Nguyễn Văn Nguyễn rất ít phát biểu ý kiến; ý của anh lơ lửng. Về sau, năm 1947 hay 1948, khi Nguyễn chết vì bệnh thương hàn ở Liên khu 5, trên con đường ra Trung Ương, người ta thấy trong cái sổ tay của Nguyễn cái ý kiến trễ tràng mà cần

thiết, hữu ích rằng ở hội nghị đường Cây Mai trong vấn đề đánh hay không đánh, “ý kiến của thằng Giàu là đúng, ý kiến của anh Việt là sai” (Tôi không được đọc, mà có nhiều người đã đọc, trong số đó có Thạch, Tiếng, họ kể lại cho tôi).

Nhưng, than ôi! Đã đương đầu với Việt trong một vấn đề lớn như thế (sau khi đã chống lại Việt ở nhiều vấn đề quan trọng khác như Thanh niên Tiền phong, Hoà Hảo, đưa trótkít vào Ủy ban Nam Bộ, v.v...) thì Việt và tôi làm sao còn có thể cộng tác được? Một người phải đi. Người phải đi khi ấy chỉ có thể là tôi (và Phạm Ngọc Thạch), vì Thạch cũng đã đương đầu với Việt trong vấn đề giải tán Thanh niên Tiền phong và cả vấn đề kêu gọi kháng chiến). Buồn đời là, khi tôi bị Việt “đưa” ra Bắc thì đã tới Bắc trước tôi, cái tin sai lầm, nguy hiểm, cái vu cáo trắng trợn là “Giàu bị đưa ra Bắc vì không chịu kháng chiến”⁵. Hay không! Người chủ trương kháng chiến bị tố cáo (ngầm) là không chịu kháng chiến. Còn người không chịu kháng chiến thì được tiếng thơm là chủ trương và lãnh đạo kháng chiến! Trời hỡi trời!

Bằng cớ đây, chối cãi sao được? Về sau người ta viết “sử” nói rằng trong hội nghị Cây Mai, anh Việt ban đầu không chịu đánh sau rồi thuận theo đa số cũng tán thành đánh. Đâu có! Đâu có!

16. Hai bản kêu gọi

Mùa thu rồi, ngày hăm ba... Thuốc súng kém, chân đi không mà lòng người giàu lòng vì nước.

Nóp với giáo mang ngang vai nhưng thân trai nào kém oai hùng.

(Tại Thanh Sơn, Nam Bộ kháng chiến)

(1) Lời kêu gọi của Ủy ban kháng chiến Nam Bộ

Đồng bào Nam Bộ!

Nhân dân thành phố Sài Gòn!

Anh em công nhân, nông dân, thanh niên, tự vệ, dân quân, binh sĩ!

Đêm qua, thực dân Pháp đánh chiếm trụ sở chính quyền ta ở trung tâm Sài Gòn.

Như vậy là Pháp bắt đầu xâm chiếm nước ta một lần nữa.

Ngày 2 tháng 9, đồng bào đã thề quyết hy sinh đến giọt máu cuối cùng để bảo vệ độc lập của Tổ quốc:

“Độc lập hay là chết!”

Hôm nay, Ủy ban kháng chiến kêu gọi:

Tất cả đồng bào, già, trẻ, trai, gái hãy cầm vũ khí xông lên đánh đuổi quân xâm lược.

Ai không có phận sự do Ủy ban kháng chiến giao phó thì hãy lập tức rời khỏi thành phố. Những người còn ở lại thì:

- Không làm việc, không đi lính cho Pháp.
- Không đưa đường, không báo tin cho Pháp.
- Không bán lương thực cho Pháp.
- Hãy tìm thực dân Pháp mà diệt.
- Hãy đốt sạch tất cả các sở, xe cộ, tàu bè, kho tàng, nhà máy của Pháp.

Sài Gòn bị Pháp chiếm, phải trở thành một Sài Gòn không điện, không nước, không chợ búa, không cửa hàng.

Hỡi đồng bào!

Từ giờ phút này, nhiệm vụ hàng đầu của chúng ta là tiêu diệt giặc Pháp và tiêu diệt tay sai của chúng.

Hỡi anh em binh sĩ, dân quân, tự vệ! Hãy nắm chắc vũ khí trong tay, xông lên đánh đuổi thực dân Pháp, cứu nước.

Cuộc kháng chiến bắt đầu!

Sáng ngày 23 tháng 9 năm 1945

Chủ tịch Ủy ban kháng chiến Nam Bộ

Ngay sau khi Pháp dùng vũ lực đánh chiếm trung tâm Sài Gòn, Ủy ban kháng chiến đã có truyền đơn giải khắp các khu bị người Pháp chiếm đóng, nhằm làm cho mỗi người Pháp hiểu rõ lập trường của người Việt Nam yêu nước. Truyền đơn kêu gọi binh lính, viên chức nhỏ, nhân dân lao động Pháp chớ nên giúp lũ thực dân xâm lược Việt Nam. Nguyên văn tờ truyền đơn kêu gọi này là:

A la population française de Saigon

Vous avez avoué: 80 ans de domination ont abouti à la faillite.

La guerre que nous menons est une guerre de libération semblable à celle menée par la Résistance Française contre l'Hitlerisme.

Comme vous, nous éliminons tous ceux qui essayent par la force de nous subjuguer.

Nous ne sommes point des sicaires professionnels. Vos chefs facistes nous obligent à nous défendre par tous les moyens.

“Tuer tous les Français” n'est point notre but.

“Exproprier tous les étrangers” n'est point notre programme.

Nous l'avons dit, et nous le répétons: que la France reconnaisse officiellement l'indépendance du Vietnam et le gouvernement de Hồ-Chí-Minh, d'un coup, la vie et les intérêts français seront sauvegardés.

Si au contraire, vos chefs persistent à vouloir dominer même une infime partie de notre Vietnam, nous riposterons jusqu'à l'anéantissement du dernier ennemi.

Français! Réfléchissez!

Vous avez appris aux événements de Syrie-Lyban. Ne tentez pas une nouvelle expérience qui ne vous profiterait point.

Un tract anonyme lancé des avions nous menace de représailles par les tanks et les bombes.

Nous nous en moquons!

Le bombardement de CỐ Am n' a pas empêché l'insurrection de Nghệ An.

Et les massacres de 1940 conduisent tout droit au 25 Août 1945.

Soldats, petits fonctionnaires et travailleurs français!

Ne luttez pas pour les planteurs et les actionnaires de la Banque de l'Indochine! Petits fils de la Grande Révolution, n'arrachez pas la liberté à un peuple qui l'a conquise aux prix d'immenses sacrifices.

Pour le Comité de Résistance

Dịch ra tiếng Việt:

Người Pháp Ở Sài Gòn hãy nghe đây!

Các người đã thú nhận: 80 năm thống trị dẫn tới phá sản hoàn toàn.

Cuộc kháng chiến chống Pháp giành độc lập của chúng tôi là cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc giống như cuộc kháng chiến của người Pháp chống quân xâm lược Hitler.

Giống như các người, chúng tôi có quyền và có nhiệm vụ bảo vệ, giải phóng Tổ quốc chúng tôi.

Giống như các người, chúng tôi tiêu diệt tất cả những ai dùng bạo lực tròng ách lên cổ chúng tôi.

Chúng tôi không phải là kẻ chuyên nghề giết người. Chính bọn lãnh tụ phát xít của các người bắt buộc chúng tôi phải tự vệ bằng mọi cách.

“Giết tất cả người Pháp” đâu phải là mục đích của chúng tôi!

“Giành lấy tài sản của tất cả người ngoại quốc”, đâu có trong chương trình của chúng tôi? Chúng tôi đã nói rồi, chúng tôi nói lại rằng: nước Pháp hãy chính thức công nhận độc lập của Việt Nam và chính phủ Hồ Chí Minh, thì, tức khắc, sinh mạng và lợi quyền của người Pháp sẽ được bảo đảm.

Ngược lại, nếu những người cầm đầu của các người cứ muốn thống trị nước tôi cho dù là thống trị một phần nhỏ xíu của Việt Nam, thì chúng tôi sẽ kháng chiến cho đến khi nào kẻ thù cuối cùng bị tiêu diệt.

Hỡi người Pháp! Hãy suy nghĩ!

Biến cố ở Syrie-Liban là một bài học cho Pháp. Pháp chớ nên thử nghiệm một lần nữa, không đem lại lợi ích gì đâu!

Một tờ truyền đơn nặc danh được máy bay rải xuống, đe dọa sẽ đàn áp chúng tôi bằng bom và xe tăng.

Chúng tôi cóc sợ!

Pháp ném bom Cổ Am, mà có ngăn được khởi nghĩa Nghệ An nổ ra đâu? Những vụ thảm sát năm 1940, dắt thẳng đến cuộc khởi nghĩa ngày 25.8.1945!

Hỡi anh em binh sĩ, viên chức nhỏ và lao động Pháp! Chớ nên chiến đấu cho lợi ích của bọn chủ đồn điền và bọn chủ nhà băng Đông Dương! Hỡi các bạn là cháu chắt của cuộc Đại Cách mạng (Pháp)! Các bạn chớ tước đi quyền tự do của một dân tộc đã hy sinh biết bao nhiêu là xương máu để giành lại được quyền tự do ấy!

Thay mặt cho Uỷ ban kháng chiến

(2) Tuyên cáo của Hoàng Quốc Việt dưới danh nghĩa Uỷ ban nhân dân Nam Bộ

Tuyên cáo của Uỷ ban nhân dân Nam Bộ

“Đồng bào Nam Bộ!

Vì coi quân đội Anh là đại biểu của Đồng minh tới đất nước chúng ta giải giáp quân đội Nhật để đem lại hoà bình cho dân chúng Đông Dương, nên chúng tôi, Uỷ ban nhân dân Nam Bộ luôn luôn giúp cho quân đội Anh làm nhiệm vụ được dễ dãi. Mặc dù có nhiều điều bất mãn, đã nhiều lần chúng tôi kêu gọi quốc dân nên nén lòng căm giận để chờ cuộc vận động ngoại giao với Đồng minh trên trường quốc tế. Nhưng do sự nhân nhượng và dung túng của quân đội Anh, bọn thực dân Pháp đã làm những điều quá đáng. Đêm 22 tháng 9, chúng nó cùng quân Anh đã chiếm Sở Bưu điện và Sở Cảnh sát của ta. Sáng hôm 23 tháng 9, quân Pháp công nhiên cùng quân Anh đến chiếm trụ sở của Uỷ ban nhân dân Nam Bộ và Quốc gia tự vệ Cuộc. Chúng đã gây nhiều cuộc đổ máu ở đường phố Sài Gòn. Rõ ràng là quân đội Anh đã cùng bọn Pháp công nhiên làm sai trách nhiệm của Đồng minh đã uỷ thác cho họ.

Không lẽ chịu nhục hoài, và vì danh dự của dân tộc, chúng ta phải coi trọng quyền lợi quốc gia, nên chúng tôi phải đánh điện ra cho Chính phủ Trung Ương xin phép kháng chiến. Chúng tôi đã:

- 1) Lập Uỷ ban Kháng chiến để lo việc quân sự;
- 2) Hạ lệnh tổng đình công và bất hợp tác với Pháp;
- 3) Truyền đi lục tỉnh thi hành kế hoạch phá hoại đường giao thông, tiếp tế để bao vây địch;
- 4) Kêu gọi đồng bào tố cáo bọn Việt gian nguy hiểm.

Hỡi đồng bào thân mến!

Mỗi lần quân Anh lăm lăm quấy, chúng tôi đã đi điện ngay cho thủ tướng Anh và các nước Đồng minh. Chúng ta chịu nhịn nhục đến nay là cùng rồi. Đồng minh đã hiểu những nguyên nhân sự hành động của ta đối với quân địch. Các đoàn thanh niên; các đoàn bảo an mau mau cương quyết phần đấu. Các giới đồng bào hãy thi hành triệt để kế hoạch phá hoại và chống quân địch.

Toàn dân hãy đoàn kết bảo vệ quốc gia”.

Ủy ban Nhân dân Nam Bộ

Bản tuyên cáo này được đăng trên báo Cứu Quốc (Hà Nội) ngày 29 tháng 9 năm 1945. Tôi không bị ra được; Lời kêu gọi của Ủy ban kháng chiến cũng được Thạch lược dịch đăng báo tiếng Pháp ở Hà Nội, được P.Devillers nhắc từng đoạn trong sách Lịch sử Việt Nam từ 1940-1952 6, được hàng chục vạn đồng bào đọc, nhớ thuộc lòng.

Vậy ai chủ trương đánh ngay? Ai chủ trương chờ lệnh?

Thì sao lại truyền rằng ông Giàu vì không chịu đánh nên “bị triệu ra Bắc”?

Vu cáo này tiếp vu cáo khác, đổ vào đầu tôi. Vu cáo:

1. Rằng Giàu bán Deschamps cho Pháp;
2. Rằng Pháp tổ chức cuộc “vượt ngục Tà Lài” cho Giàu và đồng bọn;
3. Rằng Thanh niên Tiền phong do bọn Giàu chủ trương là tổ chức của Nhật Bản.
4. Rằng bọn Giàu không chịu rước chính trị phạm Côn Lôn, sợ anh em họ về thì Giàu mất quyền;
5. Rằng Pháp đánh chiếm Sài Gòn thì Giàu không chịu phát động kháng chiến ngay.

Trong vòng mấy năm mà chịu bao nhiêu điều vu cáo tày trời như vậy, chịu đựng sao nổi? Sống sao nổi? Chết đi có sướng hơn không? Nhưng, nếu chết tức là chịu thua, cái láo sẽ trở thành cái thiệt.

Tiếp theo và hết...

Chú thích của người biên tập

1 Dewey: Albert Peter Dewey (1916-1945) thiếu tá tình báo, phụ trách phân đội 404 của OSS (Cơ quan tình báo chiến lược của Mỹ, được thành lập trong Thế chiến lần thứ nhì) được gửi tới Sài Gòn tháng 9.1945 để hỗ trợ quân nhân Mỹ bị Nhật Bản bắt làm tù binh, theo dõi việc giải giới quân Nhật ở phía nam vĩ tuyến 16 và theo dõi tình hình Nam Bộ. Peter Dewey tỏ ra rất nhạy bén, hiểu rõ sức mạnh của phong trào dân tộc qua những tiếp xúc với các ông Phạm Ngọc Thạch, Trần Văn Giàu, Phạm Văn Bạch. Sau 20 ngày ở Sài Gòn và hai ngày trước khi chết, Peter Dewey viết trong báo cáo gửi OSS: “Nam Bộ đang bùng cháy. Người Pháp và người Anh sẽ bị kết liễu nơi đây và chúng ta [người Mỹ] cũng sẽ phải rời khỏi Đông Nam Á” (Cochinchina is burning, the French and British are finished here, and we [the Americans] ought to clear out of Southeast Asia) (24.9.1945). Nhận định sáng suốt của viên sĩ quan 29 tuổi này đối lập với lập trường thực dân của tướng Gracey (chỉ huy phái bộ Anh) và đại tá Cédile (phái viên Pháp), và của cả chính quyền Mỹ (lúc đó, tổng thống Harry Truman đã chấp nhận để Pháp trở lại Đông Dương, tiếp tục chủ trương của Roosevelt trước khi chết). Cùng ngày 24.9.1945, Gracey quyết định Dewey là “*persona non grata*”, phải rời khỏi Việt Nam. Hai ngày sau, trên đường ra sân bay Tân Sơn Nhất, ông bị bắn chết. Một số người Mỹ nghi rằng đây là do Anh-Pháp mưu sát, nhưng có nhiều khả năng ông bị du kích bắn tại một nơi từng có đụng độ với quân Pháp, ông bị hiểu lầm là Pháp (Gracey cấm không cho Dewey và cộng sự treo cờ Mỹ trên xe). Dewey là quân nhân Mỹ đầu tiên bị chết và mất tích ở Việt Nam. Về hoạt động và cái chết của ông, có thể đọc tác phẩm (có trên mạng, xem đây) của Archimedes L. A. Patti: *Why Viet Nam? Prelude to American Albatros*, University of California Press, Berkeley & Los Angeles & London, 1980 và bài viết khá đầy đủ của Phan Văn Hoàng: *Bị kích Albert Peter Dewey trên mạng Giao Điểm*.

2 Các đường phố nói trong phần này:

La Grandière: sau thành Gia Long, nay là Lý Tự Trọng.

Charner: Nguyễn Huệ

Léon Combes: Sương Nguyệt Ánh

3 ba-trui: danh từ tiếng Pháp patrouille nghĩa là tuần tra.

4 Thời Godart Brévié: ám chỉ thời kỳ đấu tranh dân chủ hợp pháp 1936-1938 ở Sài Gòn. Jules Brévié (1880-1964): thống đốc Nam Kỳ (1938-1939), đã từng làm thống đốc Tây Phi thuộc Pháp, sau đó làm bộ trưởng thuộc địa dưới thời Pétain; sau khi nước Pháp được giải phóng, bị tước các ưu quyền và huân chương. Justin Godart (1871-1956): chính khách xã hội cấp tiến, có tư tưởng tiến bộ, bảo vệ quyền lợi người lao động, bảo vệ nhân quyền, chống đàn áp người Do Thái. Trong thời kì Mặt trận Bình dân, việc chuẩn bị phái đoàn thanh tra của Godart (rốt cuộc không bao giờ sang) trở thành cái cớ cho một cuộc vận động quần chúng lớn ở Đông Dương, đặc biệt ở Nam Kỳ với nhóm La Lutte (cộng sản và Trotsky). Năm 1946, J. Godart tham gia thành lập Hội “France-Vietnam” ủng hộ chính phủ Hồ Chí Minh.

5 Ở hai phần trước, người đọc đã thấy rõ sự thiếu năng, kém nhạy bén của nhân vật Hoàng Quốc Việt, mà sự trung kiên và cương quyết không cần bàn cãi. Việc tung lời đồn ác ý về Trần Văn Giàu như vậy, không biết do Hoàng Quốc Việt hay do “phe Giải Phóng” (hay do cả hai), nhưng rõ ràng nó biểu hiện bước đầu của một quá trình lưu manh hóa. Các nhà sử học sẽ phải nghiên cứu vai trò của ông Hoàng Quốc Việt với tư cách Trưởng ban Tổ chức Trung ương Đảng đầu thập niên 1950, trong các cuộc “chỉnh đảng” dưới ảnh hưởng của chủ nghĩa Mao, cũng như cuộc cải cách ruộng đất (bên cạnh Lê Văn Lương, Hồ Viết Thắng...). Đây quả là điển hình của công thức nổi tiếng nhiệt tình + ngu dốt = tai họa.

6 Philippe Devillers, Histoire du Viêt-Nam de 1940 à 1952, Editions du Seuil, Paris, 1952.

27-2-11

Phần V(5): TỔNG KHỞI NGHĨA THÀNH CÔNG: KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP BẮT ĐẦU

(tiếp theo và hết)

17. Chính phủ VNDCCH - Hồ Chủ tịch tán thành kháng chiến

Huấn lệnh của Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà
gửi cho nhân dân Nam Bộ

Bốn ngày sau 23 tháng 9, nhân dân Nam Bộ nhận được Huấn lệnh sau
đây của Chính phủ. Nguyên văn của Huấn lệnh là:

“Hỡi đồng bào Nam Bộ!

Lòng cương quyết dũng cảm của nhân dân Nam Bộ chống lại quân đội
xâm lăng của Pháp chẳng những đã làm cho đồng bào toàn quốc cảm
phục, mà lại đã chứng tỏ cho thế giới đều biết cái quyết tâm độc lập của
nhân dân Việt Nam.

Hiện nay, đồng bào Nam Bộ đang đi qua những bước khó khăn gay go.
Điều đó là một sự dĩ nhiên trên con đường tranh đấu cho sự nghiệp giải
phóng của dân tộc. Đồng bào phải kiên quyết, phải giữ vững sự tin ở
tương lai và lập tức thi hành triệt để những lời thề quả quyết trong ngày
độc lập.

Hỡi các đồng chí phụ trách! Các đồng chí phải căn cứ theo chính sách
tranh thủ hoàn toàn độc lập của chính phủ và điều kiện thực tế của Nam
Bộ mà định phương châm hành động cho đúng, làm sao cho giữ gìn được
thực lực chính trị và quân sự, đồng thời tỏ cho thế giới biết rằng dân
Việt Nam không chịu ách nô lệ của thực dân Pháp một lần nữa.

Trong giờ phút nghiêm trọng này, chính phủ kêu gọi đồng bào yêu quý Nam Bộ phải đoàn kết chặt chẽ muôn người như một, dũng cảm và thận trọng, kiên quyết và trầm tĩnh, nghe theo lời chính phủ để đưa cuộc giải phóng của chúng ta đến thắng lợi cuối cùng”.

Thế là Chính phủ tán thành chủ trương kháng chiến. Ai nấy đều vô cùng phấn khởi. Riêng tôi tự hào là đã dám quyết định trong lúc khó khăn nhất, và quyết định không sai ý cụ Hồ. Lạ đời là Hoàng Quốc Việt giấu mãi bức điện của Trung ương; không gởi cho tôi, nhưng tôi vẫn biết.

18. Câu chuyện mười năm kết thúc

(đoạn này viet-studies đã đăng rồi,

nay đăng lại để giữ sự liên tục)

Việc gì rồi cũng phải có kết thúc, duy kết thúc hay dở, đúng sai là vấn đề khác. Một ngày, tôi nhớ đâu là đầu năm 1988, tốt trời, tôi được Lê Đức Thọ[1] mời dự buổi chiêu đãi ở T.78[2] với một số đồng chí. Tôi lấy làm lạ: là bởi vì, ở Hà Nội từ 1954 đến 1976, anh Thọ chưa hề đến nhà riêng tôi, chưa hề gọi tôi lên văn phòng hay nhà riêng của anh. Còn tôi thì tôi quen cái tánh “mọi rợ” là chưa bao giờ tự mình đến thăm bất cứ ai có chức, có quyền lớn hơn tôi – trừ trường hợp duy nhất là cụ Tôn Đức Thắng mà tôi thỉnh thoảng lên thăm, trước hết là vì anh Hai Thắng cứ vài ba tháng thì xuống thăm hai vợ chồng tôi một lần.

Bữa chiêu đãi hôm đó của anh Thọ, có mặt bốn người được mời: chị Năm Bi[3], Tào Ty[4], Tô Ký[5], và tôi – Trần Văn Giàu.

Ăn uống, trò chuyện thân mật. Không có riêng bàn về vấn đề gì cả.

Lúc buổi tiệc tàn, anh em sắp chia tay, thì tôi xin nói một tâm sự, nói với Thọ, giữa Bi, Ty, Ký:

“Tôi cảm ơn anh Sáu mời cơm với các bạn đều là quen thân từ lâu. Tôi có việc tâm sự cần nói với anh Sáu, có các anh chị nghe, nghe tôi và nghe anh

Sáu sẽ nói sau. Các đồng chí cho phép tôi nói lối nói ở trong tù, tôi và Thọ cùng ở ban 1, khám 8; Côn Lôn những năm 1935/1936. Đồng ý chứ?

– Tao là Giàu, mày, ở khám 8, ban 1[6], là Khải, Phan Đình Khải[7]; hôm nay chúng ta nói chuyện thân mật như cách đây mấy mươi năm, khi còn ở ngoài Côn Lôn. (Tối đây, thì Thọ liền nói với các đồng chí khách kia: hồi ở khám, ở ban tại mình gọi nhau bằng mày tao như vậy đó, không khi nào có thưa anh, thưa chú; hồi ở Côn Lôn chính Giàu dạy tôi học chữ nghĩa Mác-Lênin, chớ trước đó mình có học gì bao nhiêu đâu!).

Tôi nói với Thọ: “Chúng ta là những người quá 70 tuổi, xấp xỉ 80 rồi, sắp đi theo cụ Hồ rồi. Mấy mươi năm nay, tao chịu những cái hàm oan mà mày, Khải, mày biết hết, biết rõ trắng đen. Chúng ta đều muốn đi theo cụ Hồ một cách thanh thản. Vậy lần này, Thọ về Hà Nội hãy có quyết định rõ, bằng văn bản của Ban Tổ chức Trung ương về tất cả những điều người ta vu cáo cho Giàu, được không?” Thọ hứa, hứa trước mặt chị Năm Bi, anh Tào Ty, chú Ba Tô Ký.

Chủ khách chia tay nhau trong vui vẻ, thân ái nữa.

Một tháng sau, Ủy viên thường vụ Thành Ủy là Bảy Dục[8] đến nhà tôi, đem cho tôi một bức thư, mở ra, thấy cái quyết nghị của Ban Tổ chức Trung ương mà tôi chờ đợi mấy chục năm nay. Người ký tên không phải là Lê Đức Thọ mà là Nguyễn Đức Tâm, đương chức bí thư phụ trách tổ chức như Thọ trước đây. Tôi đọc lên cho Dục nghe. Vả lại bức thư không niêm, chỉ chuyển tải quyết nghị. Chắc ở Trung ương có bản lưu: bốn việc tố cáo, vu cáo, quyết nghị này cho là không căn cứ; còn một vụ là Deschamps 1935 thì quyết nghị nói rằng tôi, Giàu, có chịu trách nhiệm.

Tôi tuyên bố ngay với Bảy Dục rằng tôi không bằng lòng và tôi sẽ cãi. Dục bảo với tôi rằng, như thế này thì tốt lắm rồi, cãi làm gì nữa. Tôi nói lại rằng tôi sẽ nhờ Thành Ủy gửi cho Ban Tổ chức một bức thư để tỏ rõ lại mọi việc. Tôi đã viết và gửi bức thư đó, trong ấy không có gì lạ hơn là hai bức thư trả lời cho tôi của đồng chí Nguyễn Văn Trân (Prigorny)[9] và đồng chí trưởng ban Lịch sử Đảng thành phố – đã chép lại bên trên và đã photocopy. (Xin xem Phụ lục dưới đây).

Một tháng sau nữa, tôi được giấy của Ban Tổ chức Trung ương cho đi Liên Xô nghỉ hè ở Sotchi (Hắc Hải).

Tôi gửi lại cho Ban Tổ chức cái giấy mời ấy với lời cảm ơn thành thật và lời cắt nghĩa vì sao tôi không đi nghỉ mát ở Hắc Hải, dù ý thì rất muốn (mấy chục năm nay tôi chưa được cho đi nghỉ mát ở Liên Xô lần nào). Tôi trình bày lý do là: Từ năm 1930, tôi để vợ trẻ^[10] của tôi ở nhà một mình, đi mãi, đi miệt, đi làm “cách mạng chuyên nghiệp”. Từ 1930 đó cho đến sau Genève, tôi chỉ được về nhà hai lần, một lần hơn tháng, một lần 9 ngày; hoạt động bí mật, ở tù, có vợ mà bỏ vợ ở nhà mãi; tôi kháng chiến ở Bắc, vợ kháng chiến ở Nam, hai đứa không ở gần nhau như vậy là gần một phần tư thế kỷ, hết tuổi trẻ. Nay, hoà bình lập lại, tôi không đi nghỉ hè đâu xa mà không có vợ tôi cùng đi. Vậy xin gửi lại giấy mời với lời cảm ơn thành thật chớ không phải là chút hờn mát nào, xin các đồng chí ở tổ chức biết cho.

Không tới một tuần sau, Ban Tổ chức Trung ương gửi vào giấy cho vợ tôi cùng đi nghỉ mát hơn một tháng ở Hắc Hải, viếng Moscou, Leningrad. Đó là vào năm 1988 thì phải, tôi nhớ không rõ. Kiểm lại, tôi thấy trong hơn ba, bốn mươi năm bị hàm oan, tôi không hề rời công tác, việc gì giao cho dầu nhỏ tôi cũng làm tròn, không giao việc gì thì tôi viết sách, viết báo, dạy học và tôi đã đạt những thành tựu tôi mong muốn, giữ vững tư cách đảng viên, giữ vững nhân cách Việt Nam.

19. Chiến trường Sài Gòn lúc tôi ra đi

Người trong cuộc kể lại có khi không được khách quan bằng nhà quan sát. Chúng ta hãy đọc lại quyển sách Sài Gòn Septembre 45 (xuất bản năm 1947 ở Sài Gòn) của nhà báo Trần Tấn Quốc, nhà cầm bút nổi tiếng của Điện Tín:

“Từ sáng ngày 23 tháng 9, Sài Gòn (nói cho đúng là: trung tâm Sài Gòn), đã chịu dưới quyền kiểm soát của quân đội Pháp và Đồng minh, nhưng về mặt quân sự, Sài Gòn hiện nằm trong vòng vây của dân quân. Theo lệnh của Ủy ban kháng chiến thì (dân quân) chặn những chặn đường không cho quân Pháp tiến ra ngoại ô, mà phải nhắm ngay Sài Gòn tập

kích. Như vậy, trong nửa tháng đầu (sự thật, còn lâu hơn nữa), Sài Gòn bị cô lập. Lúc bấy giờ tình cảnh của người Pháp ở Sài Gòn ra sao? Họ có bị ảnh hưởng của cuộc phong tỏa kinh tế và các cuộc tập kích của dân quân chăng?

“Muốn biết rõ chuyện trên đây, không gì hơn chúng ta nghe lời thuật của một nhà viết báo Pháp có mặt tại “Sài thành trong vòng vây” (nhà báo Pháp đó viết):

“Từ sáng ngày 23 đến trưa ngày ấy, Sài Gòn được yên tĩnh. Nhưng đến xế chiều, tình thế đã biến hẳn. Một bộ phận dân quân Việt Nam tiến theo đường Verdun[11] tràn xuống trung tâm Sài Gòn chiếm chợ Bến Thành, kéo thẳng đến đại lộ Bonard, xả súng bắn. Mặt khác, nhiều bộ đội vượt kinh Tàu Hủ (tức sông cầu Ông Lãnh, arroyo chinois) đổ bộ lên Sài Gòn tiến thẳng về đại lộ La Somme. Trong vài vùng khác, người ta cho hay có những trận đánh. Tiếng súng nổ khắp nơi. Đại tướng Gracey liền triệu tập một cuộc hội họp báo giới. Chúng tôi sống âm thầm, không một ngọn đèn. Trong cảnh tối om ấy, mỗi người đều tự hỏi những gì đã xảy ra và mỗi người đều đặt nhiều câu hỏi hối thúc. Đại tướng Gracey bình rĩnh giải bày rằng ông còn hy vọng một cuộc giải quyết hoà bình.

“Ở xa xa, nhiều đám cháy ngùn ngụt đỏ trời. Một cảnh tượng kinh hoàng bao trùm nhà hàng Continental. Rất đông đàn bà và trẻ con Pháp lánh nạn tại nhà hàng, mà nơi đây, không còn một miếng nước, không còn một tia sáng của đèn điện. Ở đây, thỉnh thoảng, lại được tin những người Pháp lẻ loi, vừa bị thiệt mạng. Những tin điện đầu cứ truyền ra, phần thì tiếng súng nổ không ngớt, làm rối loạn tinh thần. Còn Việt Minh hiện giờ họ chiếm đóng tất cả các khu vực ngoại ô. Mặc dù ý muốn của đại tướng Gracey là không gây lớn chuyện, nhưng sự dùng võ lực từ đây không tránh khỏi. Còn đại tá Cédile không ngớt yêu cầu quân tuần tiễu thật đông đi khắp nơi. Ở vùng Tân Định, nhiều tử thi người Pháp nằm sóng sượt. Đêm 25 tháng 9, cả thành phố vẫn không nước, không đèn và không lương thực. Những người Pháp chỉ còn có nước cuối cùng là đi đến các quán cóc dơ dáy của Hoa kiều, mà tại đây người ta còn tìm được vài cặp lạp xưởng và cơm lạt. Trong các quán cóc bẩn thỉu, ngồi bên những anh khu bến tàu, người ta thấy được nhiều vị cựu thượng quan Pháp không

còn khó tánh trước sự dơ dáy, ngồi trên chiếc ghế đẩu bằng gỗ, dùng đũa ăn cơm.

“Lúc này dân chúng Pháp không sao ngủ được. Họ xao xuyến và mệt mỏi. Đại tá Cédile viết một tờ bố cáo kêu gọi người Việt Nam bình tĩnh khuyên họ trở lại với công việc làm. Song, những chứng chỉ rõ ràng để đáp lại: tất cả người Việt Nam kéo nhau ra khỏi thành phố.

“Trong một thành phố tối om mà lúc bấy giờ không khí chiến tranh và cách mạng đương bao trùm, những gia đình phải khóc thêm cho người trong thân quyến vừa tử nạn. Tất cả đều phập phồng lo sợ ở ngày mai...”.

Sau khi trích bài tường thuật của một nhà báo Pháp, Trần Tấn Quốc viết tiếp:

“Xin nhắc lại, đoạn trên đây là lời thuật của một ký giả Pháp đã từng sống trong lúc Sài Gòn bị bao vây, trong Sài thành sau ngày 23 Septembre.

“Càng ngày Sài Gòn càng chìm sâu trong nguy ngập. Trong thành phố chết ấy, người ta khó tìm thấy một người Việt Nam. Súng vẫn nổ. Dân quân đã bắt đầu dùng chiến thuật du kích, lúc ẩn, lúc hiện, đột nhập thành linh để phá hoại chớp nhoáng và lập tức rút lui trong im lặng. Người ta có thể ví lối đánh này là một chiến thuật xuất quỷ nhập thần. Chẳng những thường dân Pháp phải kinh sợ ngày đêm bởi không thể đoán được Việt quân sẽ xuất hiện giờ nào và chỗ nào, mà cả đến quân đội Pháp, Anh, Ấn cũng không thể ngăn ngừa được. Trước tình thế ấy, quân đội chiếm đóng Sài Gòn chỉ dùng hai phương pháp: một là tự vệ và phản công khi bị tấn công, hai là mở cuộc tảo thanh trong (trung tâm) thành phố.

“Ngày 25 tháng 9, một cuộc tàn sát xảy ra tại xóm R. Héraut (khu cư dân Pháp ở Tân Định) mà đến bây giờ thỉnh thoảng một số người Pháp ở đây còn nhắc lại để tố cáo một cách nặng nề người Việt Nam. Cơn khủng khiếp chưa qua khỏi trong lòng người (thì) đến tối lại, không biết xuất phát từ nơi nào, Việt quân kéo ngay vào trung tâm thành phố, phóng hoả đốt chợ Bến Thành. Lửa bốc đỏ trời; dân chúng Pháp hoảng hốt bỏn bẻ đến nhà hàng Continental, đến bệnh viện Đồn Đất[12] tị nạn.

“Lúc bấy giờ, ban ngày của Sài Gòn thuộc về quyền kiểm soát của quân đội Pháp, Anh, Ấn; ban đêm của Sài Gòn hoàn toàn về tay Việt quân...

“Sài Gòn vẫn còn nằm trong tình trạng kinh khủng. Du kích quân luôn luôn đột nhập tấn công các đồn lính trong châu thành. Không ngày nào không có đám cháy. Đêm đêm súng càng nổ vang, lửa bốc đỏ trời...

“Cuối tháng 9, tình hình chưa có gì thay đổi. Về mặt quân sự, vòng vây Sài Gòn thêm thắt chặt. Ở đây các đường nối liền Sài Gòn và vùng ngoại ô đều có trận đánh dữ dội. Đánh ở cầu Bông, đánh ở cầu Kiệu, đánh ở Khánh Hội. Đánh khắp nơi. Người ta đồn sắp có lệnh tấn công. Rồi người ta đồn sắp thương thuyết...

“... Hôm nay 10 tháng 10, truyền đơn và bố cáo rải khắp vùng ngoại ô với hai khẩu hiệu:

- Chừng nào Sài Gòn hoá ra tro tàn, quân Pháp mới chiếm được Sài Gòn.

- Chừng nào Nam Bộ biến thành sa mạc, dân Pháp mới chiếm được Nam Bộ.

“Xế ngày 10 tháng 10, một trận kịch chiến xảy ra cách trung tâm Sài Gòn 3km về phía Tây Bắc, một đoàn lính Gourkas bị dân quân tập kích, nhiều sĩ quan, binh sĩ Anh, Ấn bị thiệt mạng. Chiều lại, nhiều bộ đội dân quân ở Xóm Chiếu tràn qua Sài Gòn, hiệp với du kích cầm tử quân trong thành phố đột kích bót cảnh sát quận Nhì ở đường Boresse. Tối đến, súng nổ đều, dữ dội nhất là ở phía bắc Sài Gòn; dân quân thừa đêm tràn qua cầu Bông, cầu Kiệu đột nhập Sài Gòn công kích các nơi đồn trú của quân Pháp ở vùng Đakao. Sáng ngày sau, súng vẫn nổ...”.

Tình hình kháng chiến lúc đầu là như vậy, nói cho đúng, sự thật là mười, ngòi bút tả chỉ được năm, ba thôi. Ngay cả tôi ở Tổng hành dinh Bình Điền cũng không biết hết các trận đánh và các cuộc phá hoại (anh em chiến đấu nhiều mà báo cáo ít, cái tốt của người chiến binh cách mạng, thì nhà báo với tai mắt mình biết làm sao hết được).

Ở các mặt trận nào có nổ súng đều có tôi đến. Có mấy lần gọi là đi “lược trận”, nhưng sự thật là tôi muốn có mặt ở nơi này nơi nọ trong khói lửa, chủ yếu là để cho quân dân thấy tận mặt rằng Ủy ban kháng chiến không phải ngày đêm ngồi ở phòng giấy của Bộ Tư lệnh. Một cách làm cho chiến sĩ và nhân dân thêm tin tưởng, thêm kiên quyết chiến đấu. Tôi có mặt ở cầu Thị Nghè, cầu Kiệu. Tôi đến thăm các mặt trận đông, mặt trận tây của thành phố. Tôi đi lập mặt trận nam, hội họp ở nhà việc làng Đa Phước với các lãnh tụ các nhóm Bình Xuyên, Ba Dương, Tám Mạnh, Bảy Viễn, Mười Trí và chính uỷ của anh em đó là Bảy Trân - Prigorni. Kể một chuyện tiếp xúc với một nhóm Bình Xuyên cho vui: Hôm đó tôi đi tổ chức Ủy ban kháng chiến miền Đông (ở Biên Hoà) về đến Bà Quẹo, gặp Mười Trí và toán quân của anh ấy. Họ mời tôi vào trụ sở để báo cáo. Không biết tại sao mà, khi tôi ngồi nghe báo cáo, một tay dự họp lăm le một quả lựu đạn này giờ, để quả lựu đạn sảy tay lăn trên bàn; mọi người đều lập tức “lặn” dưới bàn. Tôi cũng hết hồn muốn lặn theo, nhưng linh tính bảo tôi trông chừng Mười Trí; tôi thấy Mười Trí bình tĩnh ngồi yên, cho nên tôi cũng ngồi yên. Lựu đạn lép! Các anh giang hồ dùng để thử coi người ta có yếu bóng vía không? May quá. Tôi ngồi yên như Mười Trí. Từ hôm đó, Mười Trí càng gần tôi. Lần sau, tôi trở lại Bà Quẹo để đi lên Xuân Lộc đón các chi đội từ Bắc vào tới, do Vũ Đức, Quang Trung, Nam Long chỉ huy, vào trợ chiến cho đồng bào Sài Gòn Nam Bộ. Gặp lại tôi, Mười Trí mỉm cười, “xin lỗi” về cái vụ “lơ đễnh” hôm trước.

Quân Pháp bị bao vây ngặt nghèo trong Sài Gòn. Mà đại quân Pháp do tướng Leclerc cầm đầu thì chưa tới. Nên Gracey, Cédile yêu cầu ngừng chiến để thương thuyết. Ta biết chán chúng nó “dục hoãn cầu mưu”, chờ Leclerc và đại binh Pháp tới. Nhưng, về phần chúng ta, chúng ta cũng cần có thời giờ để củng cố, chuẩn bị thêm. Đình chiến ít hôm, đại binh Pháp bắt đầu tới Sài Gòn. Thì cuộc chiến lại tiếp diễn. Bọn Pháp ở Sài Gòn xem Leclerc như cứu tinh. Quân Pháp có Anh, Ấn và Nhật tiếp sức bắt đầu phá vòng vây. Chiến sự lại rộ lên một lần nữa. Súng nổ và lửa cháy càng nhiều hơn.

Chính lúc này là lúc tôi và Thạch được lệnh của Việt chuyển cho là Chính phủ Trung ương “mời” chúng tôi ra Hà Nội ngay. Tôi giao quyền

cho đồng chí Tôn Đức Thắng, Thạch để nhiệm vụ đối ngoại cho Việt. Tôi đâu phải là con “gà rớt”[13]. Tôi lại vừa đi rước mấy chi đội của Vũ Đức, Quang Trung, Nam Long từ Bắc cấp tốc vào chi viện. Vậy mà tôi phải rời chỗ chiến đấu nóng bỏng để ra Bắc! Hôm tôi từ già anh em ở Tổng hành dinh (Bình Điền, Chợ Đệm) phần lớn các đồng chí đều ngạc nhiên, vài anh rưng nước mắt. Bảy Trân nói khẽ: “Mày biết tích Nhạc Phi về triều không?”. Tôi đáp: “Sao lại không? Nhưng chắc chắn không đến nỗi nào đâu!”.

Thạch và tôi lên xe, qua trường đua Phú Thọ, lên ngã tư Bảy Hiền, đến Gò Vấp, vẫn nghe tiếng súng nổ đều. Lên tới cầu Biên Hoà, dừng xe ngó về thành phố, vẫn thấy Sài Gòn cháy đỏ rực từ mấy tuần rày. Kẻ địch hãy còn bị bao vây quân sự và kinh tế trong Sài Gòn, hẳn không phải vì bọn tôi có tài năng đặc biệt gì mà vì toàn dân kháng chiến, vì đại quân Pháp chưa tới đủ. Chúng đang tới. Nam Bộ sắp bị tiến công lớn, sẽ gặp khó khăn nhiều, mà mình thì lại phải rời chiến trường. Buồn thay!

Trần Văn Giàu và Phạm Ngọc Thạch phải rời Sài Gòn. Đứng trên cầu Biên Hoà, ba tuần sau nổ súng, đêm nay vẫn còn thấy Sài Gòn rực cháy lửa đấu tranh kháng chiến. Gần một tháng rồi quân xâm lược bị bao vây trong “một Sài Gòn không điện nước, không chợ búa”.

Ra đi khỏi Sài Gòn trong lúc Sài Gòn và Nam Bộ đang chiến đấu và chắc chắn là sẽ còn tranh đấu lâu dài, lòng mình không thể không bồi bồi những ý nghĩ phức tạp. Một mặt thì tin chắc rằng đảng bộ được củng cố bởi đồng bào anh em ở Côn Lôn về, sẽ đủ sức đảm đương việc lãnh đạo kháng chiến, vắng mình chắc không phải là lỗ trống không lấp được, những mặt khác thì mình có vẻ như “bỏ hàng ngũ”; tôi sẽ bằng lòng hơn nếu Hoàng Quốc Việt “hạ tầng công tác” tôi, chuyển tôi về một vùng nhỏ bé xa xôi nào ở Nam Bộ hay là đưa cho tôi một trách nhiệm mới hoàn toàn, ví dụ lên Cao Miên để giúp gây phong trào kháng chiến ở đất Chùa Tháp, làm một “appui logistique”[14] cho Nam Bộ. Đầu này, đi ra Bắc thì “đi dễ khó về” lắm, mà không về Nam trong chiến tranh thì làm sao cho đồng bào, đồng chí hiểu được mình? Có thể ngừng xe ở Dầu Dây, để một mình Thạch đi ra Bắc, mình ở lại Nam Bộ, trở lại vùng Tà Lài, tự mình gây dựng cơ sở, tập hợp lực lượng, không phải để “cát cứ nhất

phương” mà để tạo ra một thứ chiến khu làm chủ đường số 1, số 20, mà chẳng sớm thì chiều, Pháp và Anh sẽ đánh chiếm để ra Trung Bộ và lên Tây Nguyên. Lượng sức, có thể làm được việc ấy. Nhưng làm như vậy là mắc phải kỷ luật Đảng và Nhà nước. Khó nghĩ quá! Thôi, đi ra Bắc rồi xin trở về Nam, nếu không được sẽ xin đi Miên, cái appui logistique này cần quá, ai chớ Võ Nguyên Giáp thì sẽ hiểu tôi ngay. Giáp chắc sẽ đồng ý, và tôi là người tháo vát, chắc sẽ còn đất dụng võ, đất chùa Tháp đang cần có phong trào, cần có người, chắc tôi không “thất nghiệp” đâu[15]. Và tôi vẫn còn có thể trả lời cho câu hỏi tất phải có của đồng bào Sài Gòn và Nam Bộ: “Anh đi đâu, làm gì, mấy năm rồi?” mà không bị xấu hổ.

Vậy thì cứ tiếp tục, “an tâm” đi ra Bắc với Phạm Ngọc Thạch.

Việc chiến đấu, như thế, tạm có phương hướng. Nhưng tâm trí vẫn bời bời vì một vấn đề khác lâu nay như bị quên lửng: vấn đề gia đình.

Chắc nay mai thôi, khi Pháp có đủ viện binh, thì chúng nó sẽ đi lên Biên Hoà và đi xuống Tân An - Mỹ Tho. Chiến tranh sẽ sớm lan ra tới vùng của gia đình tôi. Thì mẹ già và cô vợ của tôi sẽ lâm vào cảnh nào? Ví mình còn ở gần đó thì có thể giúp gia đình bằng cách này hay cách khác. Nhưng mà, chiến tranh đã nổ ra gần cả tháng rồi, tôi có dịp hai lần đi ô tô ngang nhà, nhà cách lộ chỉ một cây số thôi, mà tôi không ghé nhà được lần nào, vậy thì, dù không đi ra Bắc, tôi cũng có ích gì mấy cho gia đình đâu? Tôi ước mong biết mấy được gặp lại mẹ tôi một lần nữa. Khi cách mạng tháng Tám thành công, tôi chỉ được rước vợ tôi lên Sài Gòn sau 25 tháng 8, lần đó mẹ tôi không cùng đi, phải ở nhà giữ nhà, hẹn lần khác, mà lần khác đó không có, chỉ có vợ tôi lên Sài Gòn vài tuần rồi thì kháng chiến bắt đầu, tôi lại phải cho người đưa vợ tôi về làng tăng sáng ngày 23. Chừng nào chúng tôi sẽ được ở chung với nhau nữa? Nhớ hồi tháng 4 năm 1941, tôi mãn tù, vợ tôi lên trước cửa Khám Lớn đón tôi về nhà, hai đứa tôi ở chung nhau chỉ được có 9 ngày thì tôi lại bị bắt nữa, đày lên Tà Lài; rồi tôi vượt ngục, xa nhà mãi cho tới cách mạng tháng Tám. Nay lại xa nhà nữa, biết đến chừng nào sum họp mong đợi? Mà chiến tranh còn kéo dài tới bao lâu? Ai biết? Bốn phận làm trai, làm dân, tôi làm được; giới dõ tùy đồng bào và lịch sử phán cho, không có gì phải suy tư cho lắm, ít nhất là cho tới nay. Còn bốn phận làm con, làm chồng thì tôi hoàn

toàn không làm được gì. “Được cái này thì mất cái kia”, có nhất thiết phải như vậy không? Lịch sử cận đại đã chứng minh rằng, trong nhiều, rất nhiều trường hợp, nhất thiết phải như vậy! Việc nước trước việc nhà.

Mà tôi chắc rằng, kháng chiến dù gian lao mấy cũng sẽ thắng lợi, mất mát mấy rồi cũng còn.

Thân mẫu và thân phụ tác giả

(Mẹ tôi, tuổi quá 80, đã qua đời khi tôi còn ở chiến trường Biển Hồ. Vợ tôi vào bưng biền, làm nhân viên hậu cần cho quân đội, đến 1954 được tập kết ra Bắc).

PHỤ LỤC

Thư của Trần Văn Giàu

gửi cho Ban Tổ chức Thành Ủy

và Ban Tổ chức Trung Ương.

Kính gửi: Ban Tổ chức Thành Ủy

Đồng kính gửi: Ban Tổ chức Trung Ương

Ngày 13 tháng 5 năm 1988, đồng chí Bảy Dự trao cho tôi, tại 70 Phạm Ngọc Thạch, bản “Kết luận một số vấn đề tồn tại về lịch sử đồng chí Trần Văn Giàu” (số 182 – CV/TW) do đồng chí Nguyễn Đức Tâm ký.

Thế là “chung thẩm” rồi! Song tôi thấy cần nói vài lời:

1) Rất buồn là việc đã xảy ra từ 1945 đến 1988 mới có kết luận. Kết luận mà không có tranh biện giữa bên tiên cáo và bên bị cáo. Dù sao, vẫn có kết luận và tôi xin thành thật cảm ơn các đồng chí đã quan tâm đến việc của tôi trong lúc trăm công ngàn việc bối rối, đã kết luận căn cứ vào một phần lớn sự thật khách quan, và đã giải quyết phần lớn các vấn đề làm cho tôi đỡ tủi phận.

2) Về vụ vượt ngục Tà Lài. Bản kết luận viết: “Chưa có chứng cứ gì là Pháp tổ chức cho đồng chí Giàu vượt ngục”. Đáng lẽ phải nói: “Không có chứng cứ gì...”; việc đã xảy ra từ 1941, đợi tới bao giờ mới có bằng chứng mà nay hãy còn nói là chưa? Không phải một mình tôi vượt ngục, có cả Tô Ký, Năm Đông[16] v.v.... họ còn sống, có Tào Ty biết rõ mọi việc. Đáng lẽ phải hỏi tội vu cáo của kẻ nào cố ý bịa chuyện hại người ngay trong lúc làm khởi nghĩa tháng Tám, có hậu quả ghê gớm hơn 40 năm trường. Hỏi tội cho biết vậy thôi, chớ cũng sống chết cả rồi, còn hơn thua làm chi.

3) Về vụ Deschamps[17]: “việc khai nhận (của đồng chí Giàu) gây tổn thất cho phong trào cách mạng Nam Bộ và gây tổn thất cho đường giao liên quốc tế”. Đúng là tôi không được anh hùng như Trần Phú: Trần Phú không hở môi. Tôi có hở môi, nhận một số việc đã rồi, nghĩa là có trách nhiệm trong sự tổn thất. Song, Nguyễn Văn Trân (Prigorny) còn sống, làm chứng rằng người khai ra Deschamps không phải là tôi, không một ai bị bắt vì tôi khai, cả chỗ ở tôi, ở Phú Lạc (xóm của Trân – tôi ở hai kỳ, rất lâu) không ai thấy Giàu dắt Tây về bắt người tra khảo. Nay tôi về đó, bà con vẫn còn quý mến như xưa. Mà người khai Deschamps cũng không phải là người phát giác. Kẻ phát giác là thợ Sáo, chồng giả của chị Mười Tốt, chánh hiệu mật thám, mà một đồng chí trong Xứ Ủy đưa vào Thành Ủy phụ trách liên lạc quốc tế! Tay này không bị bắt trong cuộc lại còn đi thăm anh em, rồi sau đó đã có lần toan đánh lừa chị Bảy Huệ[18] nữa, may chị Huệ sanh nghi nên thoát khỏi. Ta bị địch vào cấp ủy. Mà ta cứ đổ cho nhau, đáng tiếc thay! (chánh thành thợ Sáo đó đón tôi ở Hồng Kông về, gởi ở nhà một sớp-phơ, hai ngày sau, tôi bị bắt, cả sớp-phơ kia và Sáo an toàn). Tôi làm việc liên lạc quốc tế từ 1933 đến cuối 1934, với Ba Nhân (thành ủy viên thời Minh Khai). Nhân[19] nay còn sống, gần 80 tuổi. An toàn tuyệt đối. Tôi đã giao việc cho anh khác từ tháng 12/1934.

4) Điểm 5 của Kết luận nói tôi làm sai đường lối Trung ương. Sai với đường lối, thì sai thật. Nhưng mà tôi có biết đường lối của Trung ương là thế nào đâu? Trung ương có gởi ai vào trực tiếp với tôi đâu?

Dưới đây là sao ảnh một trang bản thảo đánh máy:

Chú thích của người biên tập

[1] Lúc này, hơn một năm sau Đại hội VI của Đảng cộng sản Việt Nam, ông Lê Đức Thọ không còn ở trong Bộ chính trị Trung ương nữa. Trong những ngày trước Đại hội, ông đã lèo lái mọi cách để ông Trường Chinh không ở lại tiếp tục làm tổng bí thư, tạo thêm đà cho cuộc đổi mới (ông Phạm Văn Đồng bị lung lạc, đã dùng nước mắt để thuyết phục ông Trường Chinh, nhân danh sự “đoàn kết nội bộ”). Ba người rút ra làm cố vấn Ban chấp hành Trung ương khóa VI. Với thế lực của bộ máy tổ chức, an ninh, đối ngoại, quân đội, Lê Đức Thọ tiếp tục nắm giữ nhiều quyền hạn, cho đến ngày ông mất (tháng 10.1990).

[2] Khu trụ sở các ban trung ương của ĐCSVN ở thành phố Hồ Chí Minh (phường 7, quận 3) tiếp giáp các đường Trần Quốc Thảo và Lý Chính Thắng. T.78 là tên gọi của Cục quản trị, phụ trách các cơ ngơi của ĐCSVN. Nhà ở “phía nam” của các Ủy viên Bộ chính trị nằm ở đây

[3] Tức là bà Hồ Thị Bi (Hồ Thị Hoa). Thành lập và chỉ huy “Chi đội 12” (tiền thân của Trung đoàn 312) đã lập nên những chiến công hiển hách từ cuối năm 1945 ở vùng Hóc Môn. Lúc này bà mới tập đọc, tập viết, ký tên BI trông như ba con số 131, nên quân đội Pháp ở vùng này gọi bà là “Madame 131”. Có thể đọc thêm Nguyên Hùng: Nam Bộ - Những nhân vật một thời vang bóng.

[4] Nhà cách mạng lão thành, hoạt động cách mạng từ những năm 1930 ở Bạc Liêu. Làm nghề họa đồ, nên còn có tên là “Họa đồ Lý”. Có thể đọc tiểu truyện của ông trong Tuyển Tập Nguyên Hùng: Tà Lài tự nghĩa (Hồi thứ nhất: Vì Việc Nghĩa Tào Ty Thọ Nạn Tới Gia Định Gặp Bạn Công Trung).

[5] Thiếu tướng Tô Ký sinh năm 1922 (Wikipédia viết 1919), tại làng Bình Lý, Hóc Môn (nay là xã anh hùng Bình Mỹ, huyện Củ Chi). Ông tham gia cách mạng từ năm 12 tuổi, năm 17 tuổi bị bắt giải đi cang Tà Lài (1940). Đầu năm 1942, ông cùng 7 đồng chí vượt ngục và bị bắt giải lên Bà Rá cho tới ngày Nhật đảo chính Pháp tháng 3. 1945. Ông là một trong những người lập Giải phóng quân liên quận Hóc Môn - Bà Điểm - Đức

Hòa, sau là Chi đội 12. Năm 1954, ông tập kết ra Bắc, được thăng thiếu tướng, Chính ủy quân khu. Ông mất mừng 2 Tết năm Kỷ Mão (1999). Theo Nguyên Hùng: Nam Bộ - Những nhân vật một thời vang bóng (“TIỂU TƯỚNG” TÔ KÝ CHINH PHỤC “NGƯỜI MA VƯƠNG”)

[6] Banh (từ tiếng Pháp bagne): trại giam. Ở Côn Đảo, có nhiều banh, mỗi banh gồm nhiều khám. Thời Pháp, có 4 banh: banh 1 (trại Phú Hải), banh 2 (trại Phú Sơn), banh 3 (trại Phú Thọ), banh 3 phụ (trại Phú Trường), Chuồng Cọp, Chuồng Bò. Thời Mỹ, thêm trại 5 (Phú Phong), trại 6 (Phú An), trại 7 (Phú Bình, còn gọi là Chuồng Cọp Mĩ, phân biệt với Chuồng Cọp Pháp), trại 8 (Phú Hưng). Tổng cộng 127 phòng giam, 42 xà lim, 504 phòng biệt lập Chuồng Cọp. Các tên “Phú...” được đặt ra dưới thời Nguyễn Văn Thiệu sau Hiệp định Paris, khi quần đảo Côn Sơn được gọi tên là Phú Hải.

[7] Phan Đình Khải là tên thật của ông Lê Đức Thọ. Cả hai đều sinh năm 1911: Trần Văn Giàu ngày 6 tháng 9, Lê Đức Thọ ngày 14 tháng 10.

[8] Bảy Dục: bí danh của Nguyễn Võ Danh, từng giữ chức phó chủ tịch Ủy ban Nhân dân TP HCM, phó bí thư Thành ủy Đảng bộ TP HCM của ĐCSVN.

[9] Túc Bảy Trân (đừng nhầm với Nguyễn Văn Trấn “ông già Chợ Đệm”), sinh năm 1908, sang Pháp (Marseille) năm 15 tuổi. 19 tuổi, sang Liên Xô học trường Stalin (1927-1930), cùng khóa Nguyễn Thế Rục, Ngô Đức Trì, Bùi Công Trừng, Trần Phú, Bùi Lâm, Nguyễn Khánh Toàn, Lê Hồng Phong, Hà Huy Tập, Trần Ngọc Danh, Dương Bạch Mai, Trần Đình Long, Bùi Ái. Bí mật về nước năm 1930. Một trong những đảng viên cộng sản hiếm hoi đã tranh thủ được cảm tình và sự ủng hộ của đạo Cao Đài và hàng ngũ Bình Xuyên. Cũng đã từng làm liên lạc giữa bí thư xứ ủy Trần Văn Giàu với những trí thức yêu nước như Phạm Ngọc Thạch, Huỳnh Tấn Phát, Phạm Thiều... Xem thêm: Nguyễn Văn Trân, người cảm hóa giang hồ Bình Xuyên trong Nguyên Hùng (sách đã dẫn).

[10] Bà Đỗ Thị Đạo. Khi Trần Văn Giàu bị trục xuất từ Pháp về (19 tuổi, năm 1930), cha mẹ ông buộc phải cưới vợ “cho tròn chữ hiếu”. Cuốn hồi

ký này, ông đề “tặng vợ tôi, bà Đỗ Thị Đạo, người vợ trung thành, người đàn bà theo đúng truyền thống Việt Nam và truyền thống gia đình”.

[11] Đối chiếu tên đường phố Sài Gòn nói tới trong phần này:

Bonard: nay là đại lộ Lê Lợi

Boresse: nay là đường Bác sĩ Yersin. Những năm 1920-30, khu này được gọi là khu Bốt Đền (từ chữ Pháp bordel – nhà chứa, nhà thổ), vì khu này có nhiều nhà chứa.

La Somme: nay là đại lộ Hàm Nghi

Verdun: trở thành đường Lê Văn Duyệt, nay là đường Cách mạng Tháng Tám.

[12] Bệnh viện Đồn Đất: nay là Bệnh viện Nhi đồng 2. Bệnh viện này do người Pháp xây từ năm 1867, lần lượt mang tên Bệnh viện Hải quân, Bệnh viện Quân đội, Bệnh viện Grall. Sau ngày thống nhất (tháng 7.1976) Pháp chuyển giao cơ sở y tế này cho chính phủ Việt Nam, trở thành bệnh viện dành cho cán bộ cao cấp và trung cấp. Năm 1978, bệnh viện dành cho cán bộ chuyển về Bệnh viện Thống Nhất (Vĩ Dân cũ), cơ sở Đồn Đất trở thành Bệnh viện Nhi đồng 2.

[13] Gà rút: từ lóng của giới chơi gà, chỉ con gà đã bị thua một lần, sau đó, hể gặp lại đối thủ là bỏ chạy.

[14] Appui logistique: chỗ dựa hậu cần

[15] Ông Trần Văn Giàu đã được cử sang Campuchia và Thái Lan tổ chức hậu cần cho kháng chiến Nam Bộ, và cũng đã vận động được nhiều thanh niên Việt kiều ở Thái Lan về nước chiến đấu. Đầu năm 1947, ông được điều về Việt Bắc làm Tổng giám đốc Nha thông tin.

[16] Năm Đông: tức Dương Quang Đông, tức Dương Văn Phúc (1902-2003). Ông Năm Đông là nhà cách mạng lão thành đã tham gia Thanh niên Cách mạng đồng chí hội của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc và sớm hoạt động

trong Công hội Đỏ của cụ Tôn Đức Thắng. Ủy viên thường vụ Xứ ủy Nam Kỳ. Trong thời kháng Pháp, ông là Phó phòng Hàng hải Nam Bộ, phụ trách văn phòng thường trực của ta ở thủ đô Xiêm quốc, Bangkok. Ông đóng vai doanh thương có cửa hàng xuất nhập cảng lớn tại thủ đô Bangkok, mua sắm tàu biển chở súng đạn, hóa chất, máy móc về nước đánh Tây. Trong cuộc sống đầy gian nguy giữa hàng ngũ mật vụ Pháp bố trí dày đặc ở Xiêm, dưới cái tên Xiêm là Nai Chran ông vẫn bình tĩnh làm tròn sứ mạng của mình cho tới ngày bị phe đảo chính bắt. Xem tiểu sử đầy đủ trong cuốn Dương Quang Đông xuyên Tây của Nguyên Hùng (sách đã dẫn). Những năm cuối đời, tuy tuổi cao, ông vẫn lên tiếng chống tiêu cực và sự lưu manh hóa hàng ngũ đảng (như tố cáo sự gian trá của tướng Lê Đức Anh).

[17] Deschamps là đảng viên Đảng cộng sản Pháp, làm thuyền trưởng. Trong cương vị này, ông làm giao liên giữa hai đảng, và cung cấp sách báo tài liệu cho ĐCSVN. Deschamps bị bắt năm 1935 cùng với Trần Văn Giàu. Các nhân chứng ông Giàu kể trong thư này, và nhiều người khác đều cho biết ai là người tố giác và khai báo về Deschamps và Trần Văn Giàu (xem Nguyên Hùng, sách đã dẫn).

[18] Bảy Huệ tức Ngô Thị Huệ hoạt động cách mạng từ những năm 1930, hai lần tù. Bà kết hôn với ông (Mười Cúc) Nguyễn Văn Linh (tổng bí thư tương lai) năm 1948. Hai người gặp nhau lần đầu trước đó ba năm, khi Bảy Huệ thay mặt tỉnh ủy Sóc Trăng ra đón đoàn tù trở về từ Côn Đảo.

[19] Ba Nhâm tức Trương Văn Nhâm hay Trương Quang Nhâm. Từng làm bí thư tỉnh ủy Trà Vinh. Một trong tám người vượt ngục Tà Lài (đợt 2) năm 1942, cùng với Trần Văn Giàu, Dương Văn Phúc (tức Dương Quang Đông), Châu Văn Giác, Trần Văn Kiệt (Kiệt), Nguyễn Công Trung, Nguyễn Hoàng Sính (Đức), Tô Ký.

Tiểu sử

Giáo sư Trần Văn Giàu

Sinh: ngày 6 tháng 9, 1911

Châu Thành, Long An

Mất 16 tháng 12, 2010 (99 tuổi)[1]

Thành phố Hồ Chí Minh

Tên khác bút danh: Hồ Nam, Tâm Vu, Gió Nồm, M. N., Xuyên Vân Nhận

Giáo sư Trần Văn Giàu (1911–2010)[2] là nhà hoạt động cách mạng, nhà khoa học, nhà nghiên cứu lịch sử, triết học và là nhà giáo Việt Nam. Mục lục

Thời thanh niên sôi nổi

Ông sinh ngày 11 tháng 9 năm 1911, quê quán tại xã An Lục Long, huyện Châu Thành, tỉnh Tân An (nay là tỉnh Long An), sinh trưởng trong một gia đình điền chủ giàu có. Trong gia đình, ông có tên là Mười Ký[3], tuy nhiên nhiều người biết ông với tên Sáu Giàu.

Do điều kiện gia đình, năm 1926, ông lên Sài Gòn, theo học tại trường Chasseloup Laubat. Năm 1928, sau khi tốt nghiệp Tú tài, ông được gia đình cho sang Pháp du học tại Đại học Toulouse với lời hứa “mang về hai bằng tiến sĩ”. [3]

Tháng 3 năm 1929, ông xin gia nhập, trở thành Đảng viên Đảng Cộng sản Pháp và tham gia tích cực các phong trào công nhân và phong trào đấu tranh của du học sinh và công nhân người Việt ở thành phố Toulouse. Tháng 5 năm 1930, ông được công nhân và du học sinh Việt Nam ở Toulouse cử làm đại biểu lên Paris tham gia biểu tình trước dinh tổng thống Pháp đòi hủy án tử hình đối với các thủ lĩnh cuộc Khởi nghĩa Yên

Bái. Do việc này, ông bị cảnh sát bắt giam tại nhà tù Loa Roquillis, sau đó ông bị Chính phủ Pháp trục xuất về nước. [4]

Trở thành nhà cách mạng chuyên nghiệp

Trở về nước, cha ông chỉ nói: “Tận trung cũng là tận hiếu”[3]. Ông trở lại Sài Gòn, dạy học tại Trường tư thực Huỳnh Công Phát, đồng thời tham gia hoạt động cách mạng ở Sài Gòn – Chợ Lớn[4]. Trong thời gian này, ông được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương, được tổ chức phân công cùng Hải Triều phụ trách Ban Học sinh và Ban Phản đế của Xứ ủy Nam Kỳ.

Sau cao trào Xô Viết Nghệ Tĩnh, giữa năm 1931, ông được tổ chức đưa sang Liên Xô học tại Trường Đại học Đông Phương Matxcơva. Năm 1933, ông bảo vệ thành công đề tài tốt nghiệp “Vấn đề ruộng đất ở Đông Dương”, sau đó rời Matxcơva về nước.

Trở về Sài Gòn, ông tham gia tổ chức lại Xứ ủy Nam Kỳ, tham gia xuất bản tờ báo Cờ đỏ và bộ sách Cộng sản Tùng thư. Nổi tiếng với tài diễn thuyết cùng kiến thức sâu rộng cũng như kinh nghiệm hoạt động ở Pháp, Liên Xô, ông nhiều lần tham gia các buổi diễn thuyết trước hàng ngàn người ở Sài Gòn để đánh thức lòng yêu nước. Uy tín của ông ngày càng tăng trong quần chúng và cả trong giới nhân sĩ trí thức Nam Kỳ.

Với những hoạt động chống chính quyền thực dân công khai của mình, ông được chính quyền thực dân lưu tâm từ khi ông du học tại Pháp. Vì vậy, ngày 25 tháng 6 năm 1935, ông bị tòa án Pháp tại Sài Gòn kết án 5 năm tù và 10 năm quản thúc vì tội hoạt động lật đổ chính quyền. Khi bị giam ở Khám Lớn Sài Gòn với số tù 6826 mpp, ông được các tù nhân cử làm Tổng đại diện, nhiều lần đấu tranh với Chúa ngục đòi cải thiện chế độ sinh hoạt của tù nhân. Vì vậy, để cách ly, ngày 26 tháng 6 năm 1937, ông cùng một số đồng chí bị đưa vào biệt giam tại Bâtiment S cho đến khi mãn hạn tù.[5]

Ngày 23 tháng 4 năm 1940, ông mãn hạn tù, được tha, nhưng bị bắt lại sau mấy ngày và bị đưa đi an trí ở trại Tà Lài. Cùng chung chuyển áp giải với ông còn có Tào Ty, nhà báo Nguyễn Công Trung và một người lính áp

tải là Trương Văn Giàu. Tại Tà Lài, ông một lần nữa được cử làm Tổng đại diện.

Cuối năm 1941, ông tham gia chỉ đạo một số anh em tù chính trị tổ chức vượt ngục Tà Lài. Bản thân ông tham gia chuyến vượt ngục đợt 2 vào đầu tháng 3 năm 1942, gồm 8 người, cùng với các ông Châu Văn Giác, Trần Văn Kiệt, Dương Văn Phúc, Trương Quang Nhâm, Nguyễn Công Trung, Nguyễn Văn Đức và Tô Ký. Cuộc đào thoát thành công, sau đó phân tán thành nhiều hướng. Trần Văn Giàu sau nhiều lần di chuyển, tìm cách bắt lại liên lạc và trở lại hoạt động tại Sài Gòn.[6]

Lãnh đạo chớp thời cơ

Từ ngày 13 đến 15 tháng 10 năm 1943, một số đại biểu các tổ chức Cộng sản các tỉnh, thành Nam Kỳ họp hội nghị ở Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho quyết định tái lập Xứ ủy Nam Kỳ. Trần Văn Giàu vì không đến tham dự được, hội nghị bầu ông Dương Văn Phúc làm bí thư, tuy nhiên ông Phúc tuyên bố chỉ tạm nhận chức và sẽ trao lại chức vụ này cho ông Giàu. Hội nghị đồng ý.[7]

Trên cương vị Bí thư Xứ ủy Nam Kỳ, trong hoàn cảnh không liên lạc được với Trung ương ngoài Bắc, không hay biết việc Nguyễn Ái Quốc đã về nước, triệu tập Hội nghị Trung ương lần thứ 8 và thành lập Việt Minh, ông “Không đành chịu ngồi chờ, bắt buộc dĩ bọn tôi phải tự vạch ra một đường lối cách mạng” cho Nam Kỳ[8]. Trong một thời gian ngắn, ông cùng các đồng chí tích cực hoạt động xây dựng cơ sở, nhằm có thể tập hợp lực lượng lớn chớp thời cơ đã được nhận định gần kề. Ông chủ trương: "Ta phải mạnh hơn tất cả các chánh đảng và giáo phái thân Nhật cộng lại thì mới mong đem chính quyền về tay nhân dân được"[9]. Trên cơ sở đó, Xứ ủy đã:

Nhanh chóng khôi phục hệ thống tổ chức Đảng các cấp, đặc biệt, với các cơ sở tại Sài Gòn-Chợ Lớn. Đích thân ông phụ trách Ban cán sự thành phố Sài Gòn-Chợ Lớn.

Phục hồi tổ chức công đoàn, thành lập Tổng công đoàn Nam Kỳ (tháng 4 năm 1944), trong nửa năm, phát triển nhanh chóng 40 công đoàn cơ sở với

5.000 đoàn viên.

Tập hợp nhiều trí thức, sinh viên, nhà công thương vào một số tổ chức như Tân dân chủ đoàn, Hội truyền bá quốc ngữ, nhóm báo Thanh Niên...

Xuất bản báo Tiền Phong và các sách bỏ túi như “Việt Nam trên đường độc lập”, “Rạng đông của dân tộc”..., mở các lớp huấn luyện chính trị do chính ông trực tiếp là giảng viên. [10]

Ông nhận định: “Cách mạng là sự nghiệp của nhân dân; riêng lực lượng của Đảng không làm nổi cách mạng; phải có sự tham gia, sự nổi dậy của hàng triệu đồng bào”[9]. Đặc biệt, với việc hậu thuẫn thành lập và nắm chắc tổ chức Thanh niên Tiền phong thông qua một số đảng viên bí mật như Phạm Ngọc Thạch, Nguyễn Văn Thủ, Huỳnh Văn Tiểng,... Xứ ủy Nam Kỳ đã tạo được một bình phong cho các đảng viên Cộng sản hoạt động, nhanh chóng tập hợp được một lực lượng lớn, vượt qua các tổ chức chính trị khác thời bấy giờ, kể cả một nhóm những đồng chí Cộng sản của mình trong Xứ ủy Giải phóng.”

"Trần Văn Giàu chỉ thị cho đảng viên cộng sản gia nhập Thanh niên Tiền phong ở mọi cấp, dùng Thanh niên Tiền phong làm vỏ bọc hợp pháp để khôi phục những mối liên lạc bí mật và làm phương tiện móc nối với các nhóm chống thực dân khác... Những đảng viên cộng sản tham gia TNTP đã lợi dụng địa vị hợp pháp của họ để tiến hành những công việc bí mật của Đảng như lập lại các mối quan hệ với chi bộ địa phương, kết nạp những đoàn viên TNTP đáng tin cậy nhất vào những “đội xung phong” hay thành lập các đơn vị Cứu quốc của Việt Minh”. ”

—David Marr[11]

“

“Vào giữa hè 1945, phong trào Thanh niên Tiền phong kết nạp một số lớn đoàn viên trong vùng Sài Gòn và lan tỏa đến các làng xã... Nó được dùng như một phương tiện để phát triển hệ thống của Đảng cộng sản Đông Dương. Những người cộng sản nắm giữ những vị trí có chức trách ở mọi cấp trong phong trào và nhờ vậy có thể di chuyển và liên lạc một cách

không giới hạn... Rõ ràng rằng chiến lược Thanh niên Tiền phong đã giúp những người cộng sản có vai trò lãnh đạo phong trào giải phóng dân tộc". "

—Stein Tønnesson[12]

“

"Xứ ủy Nam Bộ đã nắm quyền kiểm soát một tổ chức thanh niên được thành lập dưới sự bảo trợ của Nhật gọi là Thanh niên Tiền phong... Thanh niên Tiền phong đóng vai trò vỏ bọc cho những nỗ lực của Đảng vận động thanh niên yêu nước phục vụ sự nghiệp cách mạng trong tương lai... Phong trào này lan rộng trong giai đoạn mùa xuân và mùa hè 1945 tại các trường học, nhà máy và làng xã. Đến tháng 8, Thanh niên Tiền phong đã có số hội viên trên một triệu, ở hầu hết các tỉnh Nam Bộ". "

—William J. Duiker[13]

Ba lần hội nghị tại Chợ Đệm

Sau khi Nhật tuyên bố đầu hàng Đồng minh, nhận thấy thời cơ đã đến, Thường vụ Xứ ủy thành lập Ủy ban khởi nghĩa đêm 15 tháng 8 năm 1945 và triệu tập hội nghị Xứ ủy Nam Kỳ mở rộng bàn về khởi nghĩa, với dự định sẽ khởi nghĩa vào ngày hôm sau, nhân cơ hội Lễ tuyên thệ của Thanh niên Tiền phong tại Sài Gòn. Hội nghị họp tại Chợ Đệm tối 16, tuy nhiên, với kinh nghiệm Khởi nghĩa Nam Kỳ, một số đại biểu tranh luận gay gắt về thời điểm[14]. Hội nghị đồng ý tiếp tục chuẩn bị chu đáo, chờ tin từ Hà Nội, dời ngày khởi nghĩa đến ngày 18.[15]

Ngày 17, lễ ra mắt của 50.000 đoàn viên Thanh niên Tiền phong được tổ chức tại Sài Gòn, một hình thức biểu dương các lực lượng do Xứ ủy kiểm soát. Tuy vậy, các thành viên Xứ ủy đồng ý hoãn lại thời điểm khởi nghĩa. Thay vào đó, ngày 19, các lãnh đạo Mặt trận Việt Minh được Xứ ủy tổ chức "ra công khai", đã đưa ông lên vị thế nhạc trưởng cuộc khởi nghĩa giành chính quyền chỉ vài ngày sau đó.[16]

Sau khi nhận được tin Hà Nội khởi nghĩa thắng lợi, ngay sáng ngày 20 tháng 8, hội nghị Chợ Đệm lần thứ hai tiếp tục bàn việc khởi nghĩa, dự định sẽ khởi nghĩa ngay chiều hôm đó. Tuy nhiên, vẫn có đại biểu vẫn có ý e ngại việc quân Nhật vẫn còn một lực lượng có thể trấn áp tại Sài Gòn[17]. Ông Giàu đề nghị chọn Tân An làm thí điểm khởi nghĩa và cử đại biểu trở về tỉnh phát động khởi nghĩa.

Khởi nghĩa ở Tân An thành công tối ngày 22 tháng 8. Hội nghị Chợ Đệm lần thứ ba tối ngày 23 tháng 8 đã lập tức chỉ định lập Ủy ban Hành chánh lâm thời cho toàn Nam Bộ, gọi tắt là Lâm ủy Nam Bộ, với Trần Văn Giàu làm Chủ tịch. Chiều 24 tháng 8, lực lượng Thanh niên Tiền phong vũ trang dưới quyền lãnh đạo của Xứ ủy Nam Kỳ ở Tân An, Biên Hòa, Thủ Dầu Một, Tây Ninh khởi nghĩa giành chính quyền và sau đó đồn về Sài Gòn. Ngày 25 tháng 8, đến lượt Sài Gòn nổ ra cuộc biểu tình lớn và hầu hết các cơ sở quản trị lọt vào quyền kiểm soát của Lâm ủy Nam Bộ.

Nhạc trưởng Nam Bộ

Tại Lễ đài Độc lập ngày 2 tháng 9 năm 1945, Lâm ủy Nam Bộ đã tổ chức buổi tiếp sóng Đài Tiếng nói Việt Nam và phát thanh lời Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn độc lập qua hệ thống loa phóng thanh nhưng do kỹ thuật, việc tiếp sóng không thành. Bác sĩ Phạm Ngọc Thạch, Thủ lĩnh Thanh niên Tiền phong, Bộ trưởng Y tế trong Chính phủ Cách mạng lâm thời Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đọc tuyên thệ của Chính phủ. Nhà báo Nguyễn Văn Nguyễn thay mặt Xứ ủy Nam Kỳ và Kỳ bộ Việt Minh kêu gọi ủng hộ Việt Minh. Và Trần Văn Giàu thay mặt cho Lâm ủy Nam Bộ ứng khẩu bài diễn văn chào mừng ngày lễ Độc lập. Khi đó, ông mới vừa 34 tuổi.

Trước đó, song song với Xứ ủy Nam Kỳ được thành lập lại từ tháng 10 năm 1943 do ông làm Bí thư, còn có một tổ chức của Đảng Cộng sản Đông Dương khác hoạt động độc lập. Để phân biệt, các nhà nghiên cứu lịch sử thường gọi là Xứ ủy Giải phóng, vì cơ quan ngôn luận của tổ chức này là báo Giải phóng, hoặc Việt Minh cũ, còn Xứ ủy do ông Giàu

làm bí thư thường gọi là Xứ ủy Tiền phong, vì cơ quan ngôn luận của nó là báo Tiền phong, còn gọi là Việt Minh mới.

Sau khi Xứ ủy Nam Kỳ cũ bị chính quyền thực dân bắt bớ làm vô hiệu hóa từ giữa cuối năm 1941, một số đảng viên Cộng sản gồm Trần Văn Vi, Lê Hữu Kiều, Lê Minh Định, Trần Văn Trà, Chế (thợ giày), Bùi Văn Dự,... trong nhóm xuất bản bí mật tờ báo Giải phóng, hoạt động độc lập và vẫn mang danh nghĩa Kỳ bộ. Nhóm dự định tổ chức lại Xứ ủy Nam Kỳ với thị trụ sở tại Sài Gòn, tuy nhiên do hoàn cảnh các thành viên chủ chốt bị truy bắt, phải liên tục di chuyển nên thường bị mất liên lạc, không triệu tập được.

Sau khi thành lập Xứ ủy Nam Kỳ mới, ông Giàu đã mời bà Nguyễn Thị Thập, một thành viên của nhóm Giải phóng, cùng tham gia Xứ ủy. Tuy nhiên, do sự khác nhau về cách thức tổ chức nên việc thống nhất lãnh đạo không thành. Nhóm Giải phóng vẫn tiếp tục hoạt động độc lập và xây dựng cơ sở riêng. Tháng 11 năm 1944, hầu hết thành viên của nhóm Giải phóng đều bị chính quyền thực dân bắt giam, nhà in cũng bị phá vỡ. Sau khi Nhật đảo chính Pháp tại Đông Dương, nhiều thành viên lợi dụng cơ hội thoát khỏi nhà giam. Ngày 20 tháng 3 năm 1945, nhóm Giải phóng họp tại Xoài Hột (Mỹ Tho) và lập Xứ ủy Nam Kỳ lâm thời và bầu Dân Tôn Tử (tức Trần Văn Vi) làm bí thư. Tháng 5 năm 1945, Xứ ủy lâm thời họp tại Bà Điểm (Hóc Môn) lập ra Xứ ủy chính thức, gọi là Ban cán sự Nam Kỳ, do Lê Hữu Kiều làm bí thư. [18]

Nền độc lập chỉ chưa tròn 1 tháng, và lực lượng dưới quyền kiểm soát của Lâm ủy tuy đông nhưng không có nhiều kinh nghiệm quản lý. Tình trạng vô chính phủ xảy ra ở nhiều nơi. Các tổ chức chính trị khác cũng độc lập phát triển thế lực riêng. Việc có cùng lúc 2 tổ chức Xứ ủy ở Nam Bộ dẫn đến việc giảm đi khả năng và uy tín của Đảng Cộng sản tại Nam Bộ, thậm chí đã có những mâu thuẫn và xung đột giữa 2 tổ chức này. Trong khi đó, từ ngày 12 tháng 9 năm 1945, quân Pháp liên tục đổ vào Sài Gòn, thường xuyên khiêu khích hoặc đặt ra các điều kiện bất bình đẳng, một mặt kích động xung đột giữa các tổ chức, tìm cơ can thiệp vũ trang. Trước tình hình đó, chính quyền Lâm ủy non trẻ yếu ớt chỉ còn cách trì hoãn để chuẩn bị kháng chiến.

Đêm 22 tháng 9, quân Pháp nổ súng chiếm trụ sở Lâm Ủy Nam Bộ, Quốc gia Tự vệ cuộc và một số cơ sở chính quyền Lâm Ủy khác. Một mặt, do chuẩn bị từ trước, các lãnh đạo của Lâm Ủy lập tức thoát khỏi sự truy bắt và chỉ đạo các đội vũ trang phản công. Ngày 23 tháng 9 năm 1945, trong hội nghị tại nhà số 629 đường Cây Mai (nay là đường Nguyễn Trãi), ông được cử làm chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Nam Bộ, phát lời kêu gọi Nam Bộ kháng chiến.“

"Đồng bào Nam Bộ,

Nhân dân thành phố Sài Gòn,

Anh em công nhân, thanh niên, tự vệ, dân quân, binh sĩ!

Đêm qua thực dân Pháp đánh chiếm trụ sở chính quyền ta ở trung tâm Sài Gòn. Như vậy là Pháp bắt đầu xâm chiếm nước ta một lần nữa.

Ngày 2 tháng 9, đồng bào đã thể quyết hy sinh đến giọt máu cuối cùng để bảo vệ độc lập của Tổ quốc.

Độc lập hay là chết!

Hôm nay

Ủy ban kháng chiến kêu gọi

Tất cả đồng bào, già, trẻ, trai, gái hãy cầm vũ khí xông lên đánh đuổi quân xâm lược.

Ai không có phận sự do Ủy ban kháng chiến giao phó, thì hãy lập tức ra khỏi thành phố. Những người còn ở lại thì:

- Không làm việc, không đi lính cho Pháp.

- Không đưa đường, không báo tin, không bán lương thực cho Pháp.

Hãy tìm thực dân Pháp mà diệt.

Hãy đốt sạch, phá sạch các cơ sở, xe cộ, tàu bè, kho tàng, nhà máy của Pháp.

Sài Gòn bị Pháp chiếm phải trở thành một Sài Gòn không điện, không nước, không chợ búa, không cửa tiệm.

Hỡi đồng bào!

Từ giờ phút này, nhiệm vụ hàng đầu của chúng ta là tiêu diệt giặc Pháp, tiêu diệt tay sai của chúng.

Hỡi anh em binh sĩ, dân quân, tự vệ! Hãy nắm chặt vũ khí trong tay xông lên đánh đuổi thực dân Pháp, cứu nước.

Cuộc kháng chiến bắt đầu!

Sáng ngày 23 tháng 9 năm 1945

CHỦ TỊCH ỦY BAN KHÁNG CHIẾN NAM BỘ" ”

—Trần Văn Giàu[19].

Cùng với các đồng chí của mình, ông đã làm hết sức mình, ra các biện pháp để tập trung lực lượng liên hiệp chống Pháp, cứng rắn trấn áp các nhóm chính trị vũ trang có xu hướng ly khai Lâm Ủy. Chính từ những chỉ thị này, ông thường bị những người đối lập xem là tàn bạo, lạnh lùng và vô cảm.

Sự nghiệp giáo dục

Giữa tháng 10, Trung ương ra quyết định thành lập Xứ ủy mới, thành lập trên cơ sở thống nhất giữa hai nhóm Cộng sản Tiền Phong và Giải Phóng, lấy tên gọi Xứ ủy Nam Bộ, do Tôn Đức Thắng làm Bí thư. Các tổ chức Tiền phong và đơn vị vũ trang đều được sát nhập vào Việt Minh, dùng danh xưng thống nhất trên toàn quốc. Sự phân biệt Việt Minh cũ và Việt Minh mới bấy giờ mới chấm dứt hoàn toàn.

Trung Ương cũng điều động ông và bác sĩ Phạm Ngọc Thạch ra Hà Nội. Ông đề đạt nguyện vọng: cho phép ông trở lại chiến trường Nam bộ, nếu không được thì cho ông sang Campuchia và Thái Lan lập một căn cứ hậu cần cho Nam Bộ. Nguyện vọng thứ hai của ông được chấp thuận. Từ nước ngoài, ông vừa vận động nhiều thanh niên Việt kiều về Nam bộ chiến đấu, vừa mua sắm vũ khí tiếp tế cho quân dân Nam Bộ.

Đầu năm 1947, ông được điều trở về Việt Bắc để đảm nhận chức vụ Tổng giám đốc Nha Thông tin. Năm 1951, ông tham gia Bộ Giáo dục, xây dựng ngành dự bị đại học và sư phạm cao cấp.

Tháng 11 năm 1954, Đại học Sư phạm Văn khoa và Đại học Sư phạm Khoa học được thành lập, ông trở thành Bí thư Đảng ủy đầu tiên của Đảng bộ trường, kiêm giảng dạy các môn khoa học Chính trị, Triết học, Lịch sử thế giới và Lịch sử Việt Nam (được coi là người sáng lập những ngành khoa học này của nền Khoa học Sư phạm Việt Nam hiện đại).

Năm học 1955 - 1956, ông được Nhà nước phong học hàm Giáo sư đợt đầu tiên. Giữa năm 1956, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội được thành lập, ông được cử giữ chức vụ Bí thư Đảng ủy Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội nhưng vẫn tham gia đào tạo ở Đại học Sư phạm Hà Nội.

Những năm 1962 - 75, ông công tác tại Viện Sử học thuộc Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam (nay là Viện Khoa học Xã hội Việt Nam).

Từ năm 1975 đến nay, ông tiếp tục nghiên cứu trong lĩnh vực khoa học xã hội.

GS Trần Văn Giàu đã bán ngôi nhà của mình lấy 1.000 lượng vàng gửi ngân hàng để làm Quỹ Trần Văn Giàu. Từ lãi suất của 1.000 lượng vàng này, hàng năm Giải thưởng Trần Văn Giàu được trao cho các công trình nghiên cứu ở trên hai lĩnh vực: Lịch sử và Lịch sử tư tưởng liên quan đến cực Nam Trung bộ (tỉnh Bình Thuận) và Nam bộ Việt Nam. [20]

Ông qua đời lúc 17 giờ 20 phút ngày 16 tháng 12 năm 2010 tại bệnh viện Thống Nhất, Thành phố Hồ Chí Minh.

Gia đình và học trò

Trần Văn Giàu một đời hoạt động cách mạng, không con cái. Tuy vậy, trong sự nghiệp giáo dục của mình, ông đã được xem là thầy của nhiều nhân vật nổi tiếng:

Hoàng Như Mai

Đặng Huy Vận

Danh hiệu và Giải thưởng

Huy hiệu 80 năm tuổi Đảng.

Huân chương HỒ Chí Minh và nhiều huân chương cao quý khác.

Nhà giáo Nhân dân (1992).

Anh hùng Lao động thời kì đổi mới (2003).

Toàn bộ công trình về Lịch sử Việt Nam gồm 5 bộ, 18 tập (1956-1957) của Giáo sư Trần Văn Giàu được Nhà nước trao Giải thưởng HỒ Chí Minh, đợt 1, năm 1996.

Tác phẩm

Triết học phổ thông

Biện chứng pháp.

Vũ trụ quan.

Duy vật lịch sử.

Sự phát triển của tư tưởng Việt Nam thế kỷ 19 đến Cách mạng tháng Tám.

Giá trị truyền thống của dân tộc Việt Nam.

Sự khủng hoảng của chế độ nhà Nguyễn trước 1858.

Lịch sử chống xâm lăng.

Giai cấp công nhân Việt Nam.

Lịch sử cận đại Việt Nam.

Miền Nam giữ vững thành đồng

Địa chí văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh